Glamour
a World Problem



Glamour
a World Problem



PUBLISHER'S STATEMENT – TUYÊN BỐ CỦA NHÀ XUẤT BẢN

[x] In *Discipleship in the New Age, Volumes I and II*, certain personal instructions given by the Tibetan to a group of disciples were made public. These instructions together with certain esoteric teaching were first published by Alice A. Bailey, with the consent of the disciples involved, in 1944.

[x] Trong *Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, Tập I và II*, một số huấn thị riêng do Chân sư Tây Tạng trao cho một nhóm đệ tử đã được công bố. Năm 1944, Alice A. Bailey đã xuất bản lần đầu những huấn thị này cùng một số giáo huấn nội môn, với sự đồng ý của các đệ tử có liên quan.

Unpublished manuscripts containing additional instructions and esoteric teachings as completed by Mrs. Bailey are now available. This text was written from time to time over a period of nine years from 1935 to 1944.

Các bản thảo chưa xuất bản chứa những huấn thị bổ sung và giáo huấn nội môn do Bà Bailey hoàn tất nay đã có sẵn. Văn bản này được viết từng đợt trong khoảng thời gian chín năm, từ 1935 đến 1944.

In various places in the text of *Glamour: A World Problem* references are made to the same discipleship group.

Ở nhiều chỗ trong văn bản *Ảo Cảm Một Vấn Đề Thế Giới* có những đề cập đến chính nhóm đệ tử ấy.

In the present volume certain forms of group work in meditation are included because of their informative value and because they illustrate the practical value of the teaching given. The reader, however, should recognise that meditations suitable for special group purposes are not in general as effective when used as an individual exercise.

Trong tập sách này, một số hình thức làm việc nhóm trong tham thiền được đưa vào vì giá trị thông tin của chúng và vì chúng minh họa giá trị thực tiễn của giáo huấn được truyền dạy. Tuy nhiên, người đọc cần nhận ra rằng các bài thiền thích hợp cho những mục đích đặc thù của nhóm nhìn chung không đạt hiệu quả tương đương khi dùng làm bài thực hành cá nhân.

The potency of an integrated group composed of disciples who have a common vision and an established group purpose is very great, and can be a real service to mankind. The newer Aquarian techniques include such group endeavours. The published writings by the Tibetan and Alice A. Bailey provide information for wise and useful experimentation in group work which is undertaken as a spiritual world

Sức mạnh của một nhóm tích hợp gồm các đệ tử có chung tầm nhìn và một mục đích nhóm đã xác lập là rất lớn, và có thể thực sự phụng sự nhân loại. Những kỹ thuật mới hơn của Bảo Bình bao gồm các nỗ lực nhóm như vậy. Các tác phẩm đã xuất bản của Chân sư Tây Tạng và Alice A. Bailey cung cấp thông tin để tiến hành những thử nghiệm sáng suốt và hữu ích trong công việc nhóm, được thực hiện như một sự phụng sự thế giới về mặt tinh thần, chứ không phải như một

service and not as a means of spiritual unfoldment of the individual aspirant.

phương tiện khai mở tinh thần cho cá nhân người chí nguyện.

Such group action, voluntarily entered into, when not dominated by autocratic leadership control, and if undertaken with due humility and caution, is greatly to be desired at the present time. Such action should be recognized as being pioneering experimental ventures.

Hiện nay, hoạt động nhóm như vậy rất đáng khuyến khích nếu được tham gia một cách tự nguyện, không chịu sự chi phối của quyền kiểm soát từ một ban lãnh đạo chuyên quyền, và được thực hiện với sự khiêm nhường và thận trọng thích đáng. Cần nhìn nhận những hoạt động như vậy là các thử nghiệm mang tính tiên phong.

[xi] Groups of this sort have already appeared in various parts of the world and may well contribute to the success of the work of the New Group of World Servers. Information about this worldwide group of *servers is given in A Treatise on White Magic and in A Treatise on the Seven Rays, Vol. II.*

[xi] Những nhóm thuộc loại này đã xuất hiện ở nhiều nơi trên thế giới và rất có thể góp phần vào thành công trong công việc của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Thông tin về nhóm *người phụng sự trên toàn thế giới này có trong Luận về Chánh Thuật và Luận về Bảy Cung, Tập II.*

FOSTER BAILEY, JULY 1950

FOSTER BAILEY, THÁNG BẢY 1950

[Webinar 61] – [Webinar 61]

CERTAIN PRELIMINARY CLARIFICATIONS – MỘT SỐ ĐIỀU LÀM RÕ SƠ BỘ

[1] All groups involved in esoteric work have their own dharma or duty and all have their peculiar objective. In order that you may clearly vision what you, as aspirants to discipleship have to do, and so intelligently cooperate, I will concisely state the purpose:

[1] Mọi nhóm tham gia công việc nội môn đều có phận sự hay bổn phận riêng, và đều có mục tiêu đặc thù. Để các bạn có thể hình dung rõ những gì mình phải làm với tư cách là những người chí nguyện hướng tới địa vị đệ tử, và nhờ đó hợp tác một cách sáng suốt, Tôi sẽ trình bày ngắn gọn mục đích:

Dharma means duty, or obligation, and it is your definite and specific obligation to develop the intuition. The means or methods whereby this development is to be brought about, can be by the study of symbols.

Phận sự hàm nghĩa bổn phận hay nghĩa vụ, và nghĩa vụ rõ ràng, cụ thể của các bạn là phát triển trực giác. Phương tiện hay phương pháp để thực hiện sự phát triển này có thể là việc nghiên cứu các biểu tượng.

I would ask you to note that generalities concerning the intuition, and attempts to define it are very common, but that a real appreciation of it is rare.

Tôi muốn các bạn lưu ý rằng những nhận định khái quát về trực giác và những nỗ lực định nghĩa nó rất phổ biến, nhưng sự nhận thức đúng đắn về nó thì hiếm có.

We are told by physicians and scientists that thousands of cells in the human brain are still dormant and, consequently, that the average human being uses only a small part of his equipment. The area of the brain which is found around the pineal gland is that connected with the intuition, and it is these cells which must be roused into activity before there can be any real intuitive perception which, when aroused, will manifest soul control, spiritual illumination, true psychological understanding of one's fellowmen, and a development of the true esoteric sense, which is the objective before you at this time.

Các bác sĩ và nhà khoa học cho chúng ta biết rằng hàng nghìn tế bào trong bộ não con người vẫn còn ngủ yên, và do đó, người bình thường chỉ sử dụng một phần nhỏ bộ máy của mình. Vùng não quanh tuyến tùng là vùng liên quan đến trực giác, và chính những tế bào này phải được khơi dậy để hoạt động trước khi có thể có bất kỳ sự nhận thức trực giác thực sự nào. Khi được khơi dậy, sự nhận thức ấy sẽ biểu lộ sự kiểm soát của linh hồn, sự soi sáng tinh thần, sự thấu hiểu tâm lý chân thực đối với đồng loại, và sự phát triển của giác quan nội môn đích thực—mục tiêu đặt ra cho các bạn vào lúc này.

I would like to divide what I have to say into three parts, and I plead for a close study of my words:

Tôi muốn chia những điều mình sẽ nói thành ba phần, và tha thiết đề nghị các bạn nghiên cứu kỹ lời Tôi:

I. I seek to define for you the intuition.

I. Tôi tìm cách định nghĩa trực giác cho các bạn.

II. I shall deal with its mode of development through the study of symbology. [2]

II. Tôi sẽ bàn đến phương thức phát triển trực giác qua việc nghiên cứu biểu tượng học. [2]

III. I shall close by giving some specific instructions as to a useful mode of procedure.

III. Tôi sẽ kết thúc bằng một số chỉ dẫn cụ thể về một cách tiến hành hữu ích.

Should you, therefore, find these articles hard to understand and your reaction slow, you must bear in mind that this indicates your need for this study and corroborates what I am telling you. If you will seriously consider with me what the intuition is *not*, I think my words will find in you an inner response.

Do đó, nếu các bạn thấy những bài viết này khó hiểu và phản ứng của mình chậm chạp, các bạn phải nhớ rằng điều này cho thấy mình cần nghiên cứu chúng và xác chứng những gì Tôi đang nói với các bạn. Nếu các bạn cùng Tôi nghiêm túc xem xét những gì *không phải* là trực giác, Tôi nghĩ lời Tôi sẽ khơi dậy một sự đáp ứng bên trong các bạn.

I. DEFINITION OF THE INTUITION – I. ĐỊNH NGHĨA TRỰC GIÁC

The intuition is not a welling forth of love to people and, therefore, an understanding of them. Much that is called the intuition is recognition of similarities and the possession of a clear analytical mind. Intelligent people who have lived in the world for some time and who have experienced much and who have contacted many other people can usually sum up with facility the problems and dispositions of others, provided they are interested. This they must not, however, confound with the intuition.

Trực giác không phải là tình thương trào dâng hướng tới mọi người và nhờ đó thấu hiểu họ. Phần lớn những gì được gọi là trực giác thực ra là sự nhận ra những điểm tương đồng và khả năng phân tích rõ ràng của thể trí. Những người thông minh đã sống trên đời một thời gian, trải nghiệm nhiều và tiếp xúc với nhiều người khác, thường có thể dễ dàng khái quát các vấn đề và khuynh hướng của người khác, miễn là họ quan tâm. Tuy nhiên, họ không được nhầm lẫn điều này với trực giác.

The intuition has no relation to psychism, either higher or lower; the seeing of a vision, the hearing of the Voice of the Silence, a pleased reaction to teaching of any kind does not infer the functioning of the intuition. It is not only the seeing of symbols, for that is a special sort of perception and the capacity

Trực giác không liên quan đến khả năng thông linh, dù cao hay thấp; việc thấy một linh ảnh, nghe Tiếng Nói của Im Lặng, hay có phản ứng thích thú với bất kỳ giáo huấn nào đều không hàm ý rằng trực giác đang hoạt động. Trực giác cũng không chỉ là việc thấy các biểu tượng, vì đó là một loại nhận

to tune in on the Universal Mind upon that layer of Its activity which produces the pattern-forms on which all etheric bodies are based. It is not intelligent psychology, and a loving desire to help. That emanates from the interplay of a personality, governed by a strong soul orientation, and the group-conscious soul.

thức đặc biệt và là khả năng hòa điệu với Vũ Trụ Trí ở tầng hoạt động tạo ra các hình tướng mô hình làm nền tảng cho mọi thể dĩ thái. Trực giác không phải là sự am hiểu tâm lý sáng suốt, cùng một mong muốn đầy tình thương nhằm giúp đỡ. Điều đó phát sinh từ sự tương tác giữa một phàm ngã chịu sự chi phối của định hướng mạnh mẽ về linh hồn và linh hồn có tâm thức nhóm.

Intuition is the synthetic understanding which is the prerogative of the soul and it only becomes possible when the soul, on its own level, is reaching in two directions: towards [3] the Monad, and towards the integrated and, perhaps (even if only temporarily) coordinated and at-oned personality. It is the first indication of a deeply subjective unification which will find its consummation at the third initiation.

Trực giác là sự thấu hiểu tổng hợp vốn là đặc quyền của linh hồn, và chỉ có thể có khi linh hồn, trên cấp độ riêng của mình, vươn ra theo hai hướng: hướng tới [3] chân thần, và hướng tới phàm ngã tích hợp, có lẽ đã phối hợp và hợp nhất, dù chỉ tạm thời. Đó là dấu hiệu đầu tiên của một sự hợp nhất sâu sắc bên trong, sẽ đạt đến sự viên mãn ở lần điểm đạo thứ ba.

Intuition is a comprehensive grip of the principle of universality, and when it is functioning there is, momentarily at least, a complete loss of the sense of separateness. At its highest point, it is known as that Universal Love which has no relation to sentiment or to the affectional reaction but is, predominantly, in the nature of an identification with all beings. Then is true compassion known; then does criticism become impossible; then, only, is the divine germ seen as latent in all forms.

Trực giác là sự nắm bắt toàn diện nguyên khí phổ quát, và khi trực giác hoạt động, ít nhất trong khoảnh khắc, cảm giác chia rẽ hoàn toàn biến mất. Ở đỉnh cao nhất, trực giác được biết đến như Tình Thương Phổ Quát không liên quan đến tình cảm hay phản ứng trìu mến, mà chủ yếu mang bản chất của sự đồng hoá với mọi sinh linh. Khi ấy, lòng từ bi chân thực được nhận biết; khi ấy, sự phê phán trở nên bất khả; chỉ khi ấy, mầm thiêng liêng mới được thấy là tiềm ẩn trong mọi hình tướng.

Intuition is light itself, and when it is functioning, the world is seen as light and the light bodies of all forms become gradually apparent. This brings with it the ability to contact the light centre in all forms, and thus again an essential relationship is established and the sense of superiority and separateness recedes into the background.

Trực giác chính là ánh sáng, và khi trực giác hoạt động, thế giới được nhìn thấy như ánh sáng, còn các thể ánh sáng của mọi hình tướng dần trở nên rõ rệt. Điều này mang lại khả năng tiếp xúc với trung tâm ánh sáng trong mọi hình tướng; nhờ đó, một lần nữa, mối liên hệ cốt yếu được xác lập, còn cảm giác vượt trội và chia rẽ lùi vào hậu cảnh.

Intuition, therefore, brings with its appearance three qualities:

Do đó, khi xuất hiện, trực giác mang theo ba phẩm tính:

Illumination. By illumination I do not mean the light in the head. That is incidental and phenomenal, and many truly intuitive people are entirely unaware of this light. The light to which I refer is that which irradiates the Way. It is "the light of the intellect," which really means that which illumines the mind and which can reflect itself in that mental apparatus which is held "steady in the light." This is the "Light of the World," a Reality which is eternally existent, but which can be discovered only when the individual interior light is recognised as such. This is the "Light of the Ages," which shineth ever more until the Day be with us. The intuition is therefore the recognition in [4] oneself, not theoretically but as a fact in one's experience, of one's complete identification with the Universal Mind, of one's constituting a part of the great World Life, and of one's participation in the eternal persisting Existence.

Soi sáng. Khi nói đến sự soi sáng, Tôi không muốn nói đến ánh sáng trong đầu. Đó là điều phụ và thuộc về hiện tượng, và nhiều người thực sự có trực giác hoàn toàn không biết đến ánh sáng này. Ánh sáng Tôi đề cập là ánh sáng chiếu rọi Đường Đạo. Đó là "ánh sáng của trí năng", thực sự hàm nghĩa ánh sáng soi sáng thể trí và có thể phản chiếu trong bộ máy trí tuệ được giữ "vững vàng trong ánh sáng". Đó là "Ánh Sáng của Thế Giới", một Thực Tại hiện hữu vĩnh cửu, nhưng chỉ có thể được khám phá khi ánh sáng nội tâm của cá nhân được nhận biết đúng là ánh sáng ấy. Đó là "Ánh Sáng của Muôn Thời Đại", ngày càng tỏa sáng cho đến khi Ngày đến với chúng ta. Vì vậy, trực giác là sự nhận biết trong [4] chính mình—không phải trên lý thuyết mà như một sự thật trong trải nghiệm—rằng mình hoàn toàn đồng hoá với Vũ Trụ Trí, mình là một phần của Sự Sống Thế Giới vĩ đại, và mình tham dự vào Sự Hiện Hữu vĩnh cửu, trường tồn.

Understanding. This must be appreciated in its literal sense as that which "stands under" the totality of forms. It connotes the power of recession or the capacity to withdraw from one's agelong identification with form life. I would like to point out that this withdrawal is comparatively easy for those who have much of the first ray quality in them. The problem is to withdraw in the esoteric sense, but to avoid at the same time the sense of separateness, of isolation and of superiority. It is easy for first ray people to resist the tendency to identify themselves with others. To have true understanding involves an increased ability to love all beings and yet, at the same time, to preserve

Thấu hiểu. Cần nhận thức điều này theo nghĩa đen là cái "đứng bên dưới" toàn thể các hình tướng. Nó hàm ý quyền năng lui lại hay khả năng rút khỏi sự đồng hoá với đời sống hình tướng đã kéo dài qua bao thời đại. Tôi muốn chỉ ra rằng việc rút lui này tương đối dễ dàng đối với những người có nhiều phẩm tính cung một. Vấn đề là rút lui theo nghĩa nội môn, nhưng đồng thời tránh cảm giác chia rẽ, cô lập và vượt trội. Người cung một dễ cưỡng lại khuynh hướng đồng hoá mình với người khác. Sự thấu hiểu chân thực đòi hỏi khả năng yêu thương mọi sinh linh ngày càng lớn, nhưng đồng thời vẫn giữ được sự tách rời của phàm ngã. Sự tách rời này rất dễ bắt nguồn từ việc không có khả năng yêu

personality detachment. This detachment can be so easily founded on an inability to love, in a selfish concern for one's own comfort—physical, mental or spiritual, and above all, emotional. First ray people dread emotion and despise it, but sometimes they have to swing into an emotional condition before they can use emotional sensitivity in the right manner.

thương, từ mối quan tâm ích kỷ đến sự thoải mái của bản thân—về mặt hồng trần, trí tuệ hay tinh thần, và trên hết là cảm xúc. Người cung một sợ hãi và xem thường cảm xúc, nhưng đôi khi họ phải chuyển sang một trạng thái cảm xúc trước khi có thể sử dụng sự nhạy cảm về cảm xúc một cách đúng đắn.

Understanding involves contact with life as an integrated personality, plus egoic reaction to the group purposes and plans. It connotes personality-soul unification, wide experience, and a rapid activity of the indwelling Christ principle. Intuitional understanding is always spontaneous. Where the reasoning *to* an understanding enters, it is not the activity of the intuition.

Sự thấu hiểu bao hàm việc tiếp xúc với sự sống với tư cách một phàm ngã tích hợp, cộng thêm phản ứng chân ngã đối với các mục đích và Thiên Cơ của nhóm. Nó hàm ý sự hợp nhất phàm ngã–linh hồn, kinh nghiệm rộng lớn, và hoạt động nhanh nhạy của nguyên khí Christ nội tại. Sự thấu hiểu bằng trực giác luôn tự phát. Khi có sự suy luận *để đi đến* một sự thấu hiểu, đó không phải là hoạt động của trực giác.

[Webinar 63] – [Webinar 63]

Love. As earlier said, this is not affectionate sentiment, or the possession of a loving disposition; these two later aspects are incidental and sequential. When the intuition is developed, both affection and the possession of a spirit [5] of loving outgo will, necessarily, in their pure form, be demonstrated, but that which produces these is something much more deep and comprehensive. It is that synthetic, inclusive grasp of the life and needs of all beings (I have chosen these two words with intent!) which it is the high prerogative of a divine Son of God to operate. It negates all that builds barriers, makes criticism, and produces separation. It sees no distinction, even when it appreciates *need*, and it produces in one who loves as a soul immediate identification with that which is loved.

Tình thương. Như đã nói trước đó, đây không phải là tình cảm trìu mến hay việc có một khuynh hướng yêu thương; hai phương diện sau này là phụ và xuất hiện tiếp theo. Khi trực giác phát triển, cả tình cảm trìu mến lẫn việc có một tinh thần [5] lan tỏa tình thương tất yếu sẽ biểu lộ dưới hình thức thuần khiết của chúng, nhưng điều tạo ra chúng là một điều sâu xa và toàn diện hơn nhiều. Đó là sự nắm bắt mang tính tổng hợp, bao gồm, về sự sống và nhu cầu của mọi sinh linh (Tôi đã có chủ ý khi chọn hai từ này!), mà việc vận dụng là đặc quyền cao cả của một Con của Thượng đế thiêng liêng. Nó phủ định mọi điều dựng nên rào cản, gây ra sự phê phán và tạo nên chia rẽ. Nó không thấy sự phân biệt nào, ngay cả khi nhận thức được *nhu cầu*, và nơi người yêu thương với tư cách linh hồn, nó tạo ra sự đồng hoá tức thì với đối tượng được yêu thương.

These three words sum up the three qualities or aspects of the intuition and can be covered by the word, universality, or the sense of universal Oneness.

Ba từ này tóm lược ba phẩm tính hay phương diện của trực giác, và có thể được bao quát bằng từ tính phổ quát, hay cảm thức về sự Nhất Thể phổ quát.

[Webinar 64] – [Webinar 64]

Is that not something which all aspirants aim to achieve? And is it not something that each of you, as individuals, needs in a peculiar sense? Where it is present, there is an immediate decentralisation of the dramatic "I," of that capacity always to relate all happenings, all phenomena, all group work to oneself as the centre.

Chẳng phải đó là điều mà mọi người chí nguyện đều nhắm tới sao? Và chẳng phải đó là điều mà mỗi người trong các bạn, với tư cách cá nhân, đều cần theo một ý nghĩa đặc biệt nào đó sao? Nơi nào có điều ấy, nơi đó có ngay sự phi tập trung vào bản thân của cái "Tôi" đầy kịch tính, của khả năng luôn quy mọi sự việc, mọi hiện tượng, mọi công việc nhóm về bản thân mình như trung tâm.

I cannot enlarge further upon the subject of Intuition. It is too vast a matter, and too abstruse. All I can do is to put before you its three aspects and then to urge upon you the need to submit to that training and to apply to yourselves that discipline which will work out in your life as love, light and understanding. When the theory is grasped and the right adjustments are made and when the needed work is done, the personality then becomes magnetic, whilst the brain cells around the pineal gland, which have hitherto been dormant, become awakened and vibrant. The nucleus of every cell in the body is a point of light, and when the light of the intuition is sensed, it is this cell-light which will immediately respond. The continuance of the inflow of the light of the intuition will draw forth, [6] esoterically speaking, into the light of day every cell which is so constituted that it will respond.

Tôi không thể trình bày thêm về chủ đề Trực Giác. Đây là một vấn đề quá rộng lớn và quá thâm sâu. Tất cả những gì Tôi có thể làm là trình bày trước các bạn ba phương diện của nó, rồi nhấn mạnh với các bạn sự cần thiết phải chấp nhận sự huấn luyện ấy và tự áp dụng kỷ luật ấy, để nó biểu lộ trong cuộc sống của các bạn thành tình thương, ánh sáng và sự thấu hiểu. Khi lý thuyết đã được nắm vững, những điều chỉnh đúng đắn đã được thực hiện và công việc cần thiết đã hoàn thành, phàm ngã trở nên có từ tính, trong khi các tế bào não quanh tuyến tùng, vốn ngủ yên cho đến lúc ấy, thức tỉnh và rung động mạnh mẽ. Nhân của mỗi tế bào trong cơ thể là một điểm ánh sáng, và khi ánh sáng trực giác được cảm nhận, chính ánh sáng tế bào này sẽ đáp ứng ngay lập tức. Theo cách nói huyền bí, dòng ánh sáng trực giác tiếp tục tuôn vào sẽ đưa ra [6] ánh sáng ban ngày mọi tế bào có cấu tạo cho phép chúng đáp ứng.

II. THE MODE OF AWAKENING THE INTUITION – II. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH THỨC TRỰC GIÁC

There are many ways in which the intuition can be drawn into activity, and one of the most useful and potent is the study and interpretation of symbols.

Có nhiều cách đưa trực giác vào hoạt động, và một trong những cách hữu ích, mạnh mẽ nhất là nghiên cứu và diễn giải các biểu tượng.

Symbols are the outer and visible forms of the inner spiritual realities, and when facility in discovering the reality behind any specific form has been gained, that very fact will indicate the awakening of the intuition.

Các biểu tượng là những hình tướng bên ngoài và hữu hình của các thực tại tinh thần bên trong, và khi đã đạt được sự thành thạo trong việc khám phá thực tại đằng sau bất kỳ hình tướng cụ thể nào, chính điều đó sẽ cho thấy trực giác đang thức tỉnh.

First ray people belong to what is called the "Destroyer Ray" and the power of the first aspect, which is the power to bring to an end, flows through them. They will have a tendency to destroy, as they build, through a wrong direction of energy, through over-emphasis of energy in some particular direction, or through misuse of energy in work with themselves or others. Many first ray people have the tendency to pride themselves on this and hide behind a plea that, being upon the first ray, a destructive tendency is unavoidable. Such is not the case. Builders, such as second ray people always are, have to learn to destroy, when prompted by group love and acting under the Will or first ray aspect. Destroyers have to learn to build, acting ever under the impulse of group love and utilising the power of attachment in a detached manner. Both groups, builders and destroyers, must ever work from the standpoint of reality, from the inner nucleus of truth and must "take their stand at the centre."

Người cung một thuộc về cái được gọi là "Cung Hủy Diệt", và quyền năng của phương diện thứ nhất, tức quyền năng đưa đến sự kết thúc, tuôn chảy qua họ. Họ sẽ có khuynh hướng phá hủy ngay trong khi xây dựng, do hướng năng lượng sai lệch, do nhấn mạnh quá mức năng lượng theo một hướng cụ thể nào đó, hoặc do sử dụng sai năng lượng khi làm việc với bản thân hay người khác. Nhiều người cung một có khuynh hướng tự hào về điều này và vin vào lý lẽ rằng, vì thuộc cung một, khuynh hướng phá hủy là không thể tránh khỏi. Sự thật không phải như vậy. Những đấng kiến tạo, như người cung hai luôn là, phải học cách phá hủy khi tình thương nhóm thúc đẩy và khi hành động dưới Ý Chí hay phương diện cung một. Những người phá hủy phải học cách xây dựng, luôn hành động dưới sự thúc đẩy của tình thương nhóm và vận dụng sức mạnh gắn kết theo một cách tách rời. Cả hai nhóm, những đấng kiến tạo và những người phá hủy, đều phải luôn làm việc từ quan điểm của thực tại, từ hạt nhân chân lý bên trong, và phải "đứng vững tại trung tâm".

The study of symbols tends to bring this about and when carried out with faithfulness and diligence, will produce three effects:

Việc nghiên cứu các biểu tượng có khuynh hướng mang lại điều này, và khi được thực hiện một cách kiên trì, chuyên cần, sẽ tạo ra ba hiệu quả:

1. It trains in the power to penetrate behind the form and to arrive at the subjective reality. [7]

1. Nó rèn luyện khả năng xuyên qua hình tướng để đạt tới thực tại bên trong. [7]

2. It tends to bring about a close integration between soul-mind-brain, and when that is brought about, the inflow of the intuition and, consequently, of illumination and truth becomes more rapidly possible.

2. Nó có khuynh hướng tạo ra sự tích hợp chặt chẽ giữa linh hồn–thể trí–bộ não, và khi điều đó thành tựu, dòng trực giác tuôn vào, cùng với sự soi sáng và chân lý theo sau, có thể diễn ra nhanh chóng hơn.

3. It will put a strain upon certain unawakened areas in the brain and arouse into activity the brain cells there found, and this is the first stage in the experience of the aspirant. With the majority of true aspirants, the centre between the eyebrows is awakened, whilst the centre at the top of the head is vibrating very gently, but is not in full functioning activity. This higher centre must be awakened more fully before aspirants can measure up to their full opportunity.

3. Nó sẽ tạo sức ép lên một số vùng chưa thức tỉnh trong bộ não và khơi dậy hoạt động của các tế bào não tại đó; đây là giai đoạn đầu tiên trong trải nghiệm của người chí nguyện. Với đa số người chí nguyện chân thực, trung tâm giữa hai chân mày đã thức tỉnh, trong khi trung tâm trên đỉnh đầu đang rung động rất nhẹ, nhưng chưa hoạt động đầy đủ. Trung tâm cao hơn này phải được đánh thức đầy đủ hơn trước khi người chí nguyện có thể tận dụng trọn vẹn cơ hội của mình.

[Webinar 66] – [Webinar 66]

In the study of symbols, I would urge upon you the necessity always to put before yourselves the goal of arriving at the underlying concept of any symbol studied. This concept will ever be synthetic. It will not be detailed and in sections. You may have to arrive at this concept through a study of detail and through arriving at the significance of various sections or parts of the symbol under consideration. When, however, your analysis is completed, you must not rest satisfied until you have summed up the meaning of the symbol in

Trong việc nghiên cứu các biểu tượng, Tôi muốn nhấn mạnh với các bạn sự cần thiết phải luôn đặt trước mình mục tiêu đạt tới khái niệm nền tảng của bất kỳ biểu tượng nào đang được nghiên cứu. Khái niệm này luôn mang tính tổng hợp. Nó không đi vào chi tiết hay chia thành từng phần. Các bạn có thể phải đạt tới khái niệm này qua việc nghiên cứu chi tiết và tìm ra thâm nghĩa của các phần hay bộ phận khác nhau trong biểu tượng đang xem xét. Tuy nhiên, khi đã hoàn tất việc phân tích, các bạn không được thỏa mãn cho đến khi đã tóm lược ý nghĩa của

some synthetic idea, concept, meaning or name.

biểu tượng thành một ý tưởng, khái niệm, ý nghĩa hay tên gọi mang tính tổng hợp.

Symbols have to be studied in three ways:

Các biểu tượng phải được nghiên cứu theo ba cách:

a. *Exoterically.* This involves study of its form as a whole, of its lines, and therefore of its numerical significance, and also study of its sectional forms—by which I mean its arrangements, for instance, of cubes, triangles and of stars and their mutual inter-relation.

a. *Theo phương diện ngoại môn.* Điều này bao gồm việc nghiên cứu toàn bộ hình tướng của biểu tượng, các đường nét của nó và do đó, thâm nghĩa số học của nó, cũng như nghiên cứu các hình tướng thành phần—qua đó Tôi muốn nói đến cách sắp xếp, chẳng hạn, các khối lập phương, tam giác, ngôi sao và mối tương quan giữa chúng.

b. *Conceptually.* This involves arriving at its underlying idea, which may be expressed in its name; at its [8] meaning as that emerges in the consciousness through meditation; and at its significance as a whole or in part. You should, when doing this, bear in mind that the idea connotes the higher or abstract intent; that the meaning is that intent expressed in terms of the concrete mind; and that its significance has in it more of an emotional quality and might be expressed as the type of desire it arouses in you.

b. *Theo phương diện khái niệm.* Điều này bao gồm việc đạt tới ý tưởng nền tảng của biểu tượng, có thể biểu đạt trong tên gọi của nó; tới [8] ý nghĩa của nó khi ý nghĩa ấy xuất hiện trong tâm thức qua tham thiền; và tới thâm nghĩa của nó xét như một toàn thể hay từng phần. Khi làm điều này, các bạn cần nhớ rằng ý tưởng hàm ý ý định cao hơn hay trừu tượng; ý nghĩa là ý định ấy được biểu đạt bằng trí cụ thể; còn thâm nghĩa mang nhiều phẩm tính cảm xúc hơn và có thể được biểu đạt như loại dục vọng mà nó khơi dậy trong các bạn.

c. *Esoterically*. This would cover the effect of the force or energy upon you and of the quality of the vibration it may arouse in you perhaps in some centre, perhaps in your astral body, or perhaps only in your mind.

c. *Một cách huyền bí*. Điều này bao quát tác động của mãnh lực hay năng lượng lên các bạn, và tác động của phẩm tính rung động mà nó có thể khơi dậy trong các bạn, có lẽ ở một trung tâm nào đó, có lẽ trong thể cảm dục, hoặc có lẽ chỉ trong thể trí.

This study, rightly undertaken, would lead to the unfoldment of the intuition, with its consequent manifestation on the physical plane as illumination, understanding and love.

Việc nghiên cứu này, nếu được thực hiện đúng đắn, sẽ dẫn đến sự khai mở trực giác, cùng sự biểu lộ tiếp theo của nó trên cõi hồng trần thành sự soi sáng, sự thấu hiểu và tình thương.

In the first instance, the objective of the study of symbolism is to enable the student to sense its quality and to contact that vibrant something which lies behind that aggregate of line, colour and form of which the symbol is composed.

Trước hết, mục tiêu của việc nghiên cứu biểu tượng học là giúp đạo sinh cảm nhận phẩm tính của biểu tượng và tiếp xúc với điều gì đó đang rung động đằng sau tập hợp các đường nét, màu sắc và hình tướng cấu thành biểu tượng.

To some types of people this study is relatively easy; to the majority it is not easy at all, thereby indicating a lack that must be supplied by the use of those faculties at the present dormant. It is always distasteful to arouse the latent faculties and requires an effort and a determination not to be swayed by personality reactions. To many it is not easily apparent how the penetration into the meaning of a symbol can provide a means whereby the dormant buddhic or intuitional faculty can be brought into functioning activity. It is a delicate art, this art of symbol reading, of "spiritual reading," as our ancient master, Patanjali, [9] calls it. This power to interpret symbols ever precedes true revelation. The comprehension of a truth for which a line or a series of lines composing a symbolic form may stand is not all that has to be done. A good memory may remind you that a series of lines forming a triangle or a series of triangles signifies the Trinity, or any series of triplicates within the macrocosmic or microcosmic manifestation. But that activity and accuracy of the memory will do naught to awaken the dormant brain cells or call into play the intuition. It must be remembered (and here becomes evident the value of a certain amount of technical or academic occultism) that the plane whereon the intuition manifests and where the intuitional state of consciousness is active is that of the buddhic or intuitional plane. This plane is the higher correspondence of the astral or emotional plane, the plane of sensitive awareness through a felt identification with the object

Đối với một số loại người, việc nghiên cứu này tương đối dễ; đối với đa số, nó hoàn toàn không dễ, qua đó cho thấy một sự thiếu hụt cần được bù đắp bằng việc sử dụng những năng lực hiện còn ngủ yên. Việc khơi dậy các năng lực tiềm ẩn luôn gây cảm giác khó chịu, và đòi hỏi nỗ lực cùng quyết tâm không để các phản ứng của phàm ngã chi phối. Với nhiều người, không dễ thấy rõ việc thâm nhập ý nghĩa của một biểu tượng có thể cung cấp phương tiện để đưa năng lực Bồ đề hay trực giác còn ngủ yên vào hoạt động như thế nào. Đây là một nghệ thuật tinh tế—nghệ thuật đọc biểu tượng, hay "đọc tinh thần", như Chân sư thời cổ của chúng ta, Patanjali, [9] gọi nó. Quyền năng diễn giải các biểu tượng này luôn đi trước sự mặc khải chân thực. Việc hiểu một chân lý mà một đường nét hay một chuỗi đường nét cấu thành hình tướng biểu tượng có thể đại diện không phải là tất cả những gì cần làm. Trí nhớ tốt có thể nhắc các bạn rằng một chuỗi đường nét tạo thành một tam giác hay một chuỗi tam giác biểu thị Ba Ngôi, hoặc bất kỳ chuỗi bộ ba nào trong sự biểu hiện của đại thiên địa hay tiểu thiên địa. Nhưng hoạt động và sự chính xác ấy của trí nhớ không giúp đánh thức các tế bào não đang ngủ yên hay đưa trực giác vào hoạt động. Cần nhớ rằng (và ở đây giá trị của một lượng kiến thức huyền bí học mang tính kỹ thuật hay học thuật nhất định trở nên rõ ràng) cõi mà trực giác biểu lộ và trạng thái tâm thức trực giác hoạt động là cõi Bồ đề hay cõi trực giác. Cõi này là tương ứng cao hơn của cõi cảm dục hay cõi cảm xúc, cõi của sự nhận biết nhạy cảm thông qua sự đồng hoá được cảm

of attention or attraction. It becomes evident therefore that if the intuitional faculty is to be brought into activity through the study of symbols, the student must feel with, or be in some way identified with, the qualitative nature of the symbol, with the nature of that reality which the symbolic form veils. It is this aspect of symbolic reading that you are asked to study.

nhận với đối tượng chú ý hay thu hút. Vì vậy, rõ ràng là nếu muốn đưa năng lực trực giác vào hoạt động qua việc nghiên cứu các biểu tượng, đạo sinh phải đồng cảm với, hay bằng cách nào đó đồng hoá với, bản chất phẩm tính của biểu tượng, với bản chất của thực tại mà hình tướng biểu tượng che phủ. Chính phương diện này của việc đọc biểu tượng là điều các bạn được yêu cầu nghiên cứu.

[Webinar 67] – [Webinar 67]

Students should ascertain, therefore, after due study of the form aspect, what the symbol is doing to them, what feeling it evokes, what aspirations it arouses, and what dreams, illusions, and reactions are consciously registered. This stage is an intermediate one between the exoteric reading of a symbol and the conceptual understanding. There is later another intermediate stage between conceptual understanding and esoteric comprehension and application. This latter stage is called "synthetic recognition." Having studied the form and become aware of its emotional significance, you pass to the stage of grasping the basic idea [10] of the symbol, and from thence to a synthetic comprehension of its purpose. This leads to true esotericism which is the practical application of its living synthetic power to the springs of individual life and action.

Do đó, sau khi nghiên cứu thích đáng phương diện hình tướng, đạo sinh cần xác định biểu tượng đang tác động thế nào lên mình, nó gợi lên cảm xúc gì, khơi dậy những khát vọng nào, và những giấc mơ, ảo tưởng cùng phản ứng nào được ghi nhận một cách có ý thức. Giai đoạn này là giai đoạn trung gian giữa việc đọc biểu tượng theo ngoại môn và sự thấu hiểu về khái niệm. Về sau, còn có một giai đoạn trung gian khác giữa sự thấu hiểu về khái niệm và sự lĩnh hội, ứng dụng theo nội môn. Giai đoạn sau này được gọi là "nhận biết tổng hợp". Sau khi đã nghiên cứu hình tướng và nhận biết thâm nghĩa cảm xúc của nó, các bạn chuyển sang giai đoạn nắm bắt ý tưởng cơ bản [10] của biểu tượng, rồi từ đó đạt tới sự lĩnh hội tổng hợp về mục đích của nó. Điều này dẫn đến huyền bí học chân thực, tức việc ứng dụng thực tiễn quyền năng tổng hợp sống động của biểu tượng vào các nguồn mạch của sự sống và hành động cá nhân.

I would ask you to render not only an intelligent interpretation of the symbol, but also a recognition of the more subtle reaction of your sensitive feeling nature to the symbol as a whole. Study a total of four symbols a year. First, approach the symbol from its form aspect and seek to familiarise yourself with its outer aspect, with the sum

Tôi muốn các bạn không chỉ đưa ra một cách diễn giải sáng suốt về biểu tượng, mà còn nhận biết phản ứng tinh tế hơn của bản chất cảm xúc nhạy cảm của mình đối với biểu tượng xét như một toàn thể. Mỗi năm hãy nghiên cứu tổng cộng bốn biểu tượng. Trước hết, hãy tiếp cận biểu tượng từ phương diện hình tướng và tìm cách làm quen với

total of lines, triangles, squares, circles, crosses and other forms of which it is composed, and as you do this endeavour to comprehend it from the standpoint of the intellect, using your memory and what knowledge you have, to understand it exoterically.

phương diện bên ngoài của nó, với toàn bộ các đường nét, tam giác, hình vuông, hình tròn, thập giá và những hình tướng khác cấu thành nó. Trong khi làm điều này, hãy cố gắng lĩnh hội biểu tượng từ quan điểm của trí năng, sử dụng trí nhớ và kiến thức mình có để thấu hiểu nó theo ngoại môn.

Then as soon as the symbol is truly familiar to you and can be recalled to mind with little effort, endeavour to sense its quality, to contact its vibration and to note its emotional effect upon you. This may vary from day to day or it may always be the same. Be simply honest in your noting this astral reaction to the symbol and see where such reactions lead you, remembering always that they are not intuitional but are reactions to the feeling or astral body.

Sau đó, ngay khi biểu tượng đã thực sự trở nên quen thuộc và các bạn có thể nhớ lại nó mà không cần nhiều nỗ lực, hãy cố gắng cảm nhận phẩm tính của nó, tiếp xúc với rung động của nó và ghi nhận tác động cảm xúc của nó lên mình. Tác động này có thể thay đổi từng ngày hoặc luôn như nhau. Chỉ cần trung thực khi ghi nhận phản ứng cảm dục này đối với biểu tượng, và xem những phản ứng ấy dẫn các bạn đến đâu, đồng thời luôn nhớ rằng chúng không thuộc về trực giác, mà là những phản ứng đối với thể cảm xúc hay thể cảm dục.

Finally, take note of what you have found to be, for you, the basic quality of the symbol and then (as in meditation work) lift the whole subject into the mental realm by bringing the focussed attentive mind to bear upon it. This will lead you into the realm of concepts.

Cuối cùng, hãy ghi nhận điều mà các bạn đã thấy là phẩm tính cơ bản của biểu tượng đối với mình, rồi (như trong công việc tham thiền) nâng toàn bộ chủ đề vào lĩnh vực trí tuệ bằng cách hướng thể trí đang tập trung chú ý vào đó. Điều này sẽ dẫn các bạn vào lĩnh vực các khái niệm.

We have consequently the following stages in the analysis of a symbol:

Do đó, chúng ta có những giai đoạn sau trong việc phân tích một biểu tượng:

1. Its exoteric consideration: line, form and colour.

1. Xem xét biểu tượng theo ngoại môn: đường nét, hình tướng và màu sắc.

2. A comprehension in the astral or emotional body of [11] its quality, the reaction of a sensitive response to the impact of its qualitative nature.

2. Lĩnh hội trong thể cảm dục hay thể cảm xúc [11] phẩm tính của biểu tượng, tức phản ứng đáp ứng nhạy cảm trước tác động của bản chất phẩm tính ấy.

3. A conceptual consideration of its underlying idea, of what it is intended to

3. Xem xét trên bình diện khái niệm ý tưởng nền tảng của biểu tượng, điều nó có ý định

teach, of the intellectual meaning it is intended to convey.

giảng dạy, và ý nghĩa trí tuệ mà nó có ý định truyền đạt.

4. The stage of the synthetic grasp of the purpose of a symbol, of its place in an ordered manifesting plan, of its true unified intent.

4. Giai đoạn nắm bắt tổng hợp mục đích của một biểu tượng, vị trí của nó trong một Thiên Cơ đang biểu hiện có trật tự, và ý định hợp nhất chân thực của nó.

5. Identification with the quality and purpose of the symbol as it is illuminated by the mind "held steady in the light." This final stage brings into activity the brain as well as the mind.

5. Đồng hoá với phẩm tính và mục đích của biểu tượng khi thể trí "được giữ vững vàng trong ánh sáng" soi sáng nó. Giai đoạn cuối cùng này đưa cả bộ não lẫn thể trí vào hoạt động.

[Webinar 68] – [Webinar 68]

The study of symbols viewed as a whole, involves three stages:

Xét như một toàn thể, việc nghiên cứu các biểu tượng bao gồm ba giai đoạn:

First, the investigation of a symbol, and the consequent progress of the analyst from one progressive stage of awareness to another, to a gradual inclusion of the entire field covered by the symbol.

Thứ nhất, khảo sát một biểu tượng, và qua đó người phân tích tiến từ một giai đoạn nhận biết này sang một giai đoạn nhận biết cao hơn, dần bao gồm toàn bộ lĩnh vực mà biểu tượng bao quát.

Secondly, an intuitive perception of the symbols to be seen everywhere in the divine manifestation.

Thứ hai, nhận thức bằng trực giác các biểu tượng có thể được thấy ở khắp nơi trong sự biểu hiện thiêng liêng.

Third, the use of symbols on the physical plane, and their right adaptation to a seen and recognised purpose, leading to the subsequent magnetisation of the symbol with the needed quality through which the idea can make its presence felt, in order that the intuited qualified idea may find proper form on the physical plane.

Thứ ba, sử dụng các biểu tượng trên cõi hồng trần và thích ứng chúng một cách đúng đắn với một mục đích đã thấy và nhận biết, từ đó dẫn đến việc từ hóa biểu tượng bằng phẩm tính cần thiết, qua đó ý tưởng có thể khiến người ta cảm nhận được sự hiện diện của nó, để ý tưởng mang phẩm tính đã được trực giác nhận biết có thể tìm được hình tướng thích hợp trên cõi hồng trần.

Deal, therefore, with the symbols in a wide generalisation, exoteric, conceptual and esoteric, but add to that an analysis of your

Do đó, hãy đề cập đến các biểu tượng bằng một cách khái quát rộng, theo ngoại môn, khái niệm và nội môn, nhưng bổ sung vào đó việc phân tích sự nhạy cảm và đáp ứng

sensitivity and response to the quality of the symbol.

của các bạn đối với phẩm tính của biểu tượng.

Let me recapitulate for a moment. First of all it is valuable to remember that the study of the symbol *exoterically* [12] involves the use of the brain and the memory. You endeavour to study line and form, number and general external aspects, knowing that each line has significance, all numbers have their interpretation and all forms are symbols of an inner quality and life.

Hãy để Tôi tóm lược lại trong chốc lát. Trước hết, cần nhớ rằng việc nghiên cứu biểu tượng *theo nghĩa ngoại môn* [12] đòi hỏi sử dụng bộ não và trí nhớ. Các bạn cố gắng nghiên cứu đường nét và hình tướng, con số và những phương diện bên ngoài nói chung, biết rằng mỗi đường nét đều có thâm nghĩa, mọi con số đều có cách diễn giải riêng, và mọi hình tướng đều là biểu tượng của một phẩm tính và sự sống bên trong.

The study of symbols *conceptually* carries you inward from the brain to the mind, into the realm of ideas. It sweeps into focussed activity the mental apparatus. You then become aware of the concept or idea which the sign or symbol embodies. You comprehend its meaning and for what it stands. You grasp the purpose for which the form has been brought into manifestation. Your study of number and of line has given you a rich background of knowledge upon the objective plane—a richness in this case dependent upon your own personal reading, mental equipment and knowledge. Your capacity to read a "meaning" into a symbol will be dependent also upon the richness of the meaning you ascribe to the events of your daily life, and your ability to really meditate.

Việc nghiên cứu biểu tượng *trên bình diện khái niệm* đưa các bạn từ bộ não đi sâu vào thể trí, vào lĩnh vực ý tưởng. Nó đưa bộ máy trí tuệ vào hoạt động tập trung. Khi ấy, các bạn nhận biết khái niệm hoặc ý tưởng mà dấu hiệu hay biểu tượng thể hiện. Các bạn lĩnh hội ý nghĩa của nó và điều mà nó đại diện. Các bạn nắm bắt mục đích khiến hình tướng ấy được đưa vào biểu hiện. Việc nghiên cứu con số và đường nét đã mang lại cho các bạn một nền tảng tri thức phong phú trên cõi khách quan—sự phong phú trong trường hợp này phụ thuộc vào những gì chính các bạn đã đọc, năng lực trí tuệ và kiến thức của các bạn. Khả năng tìm ra một "ý nghĩa" trong biểu tượng cũng sẽ phụ thuộc vào sự phong phú của ý nghĩa mà các bạn gán cho những sự kiện trong đời sống hằng ngày, và khả năng thực sự tham thiền của các bạn.

I would like to make clear to you that there is no set interpretation of any symbol, and that for each human being that symbol—whatever it may be—will convey unique meaning. A lack of interest in symbols presupposes usually a lack of interest in the due interpretation of life forms and their meaning. Also, too much *academic* interest in symbols may presuppose a tortuous and

Tôi muốn làm rõ với các bạn rằng không có cách diễn giải cố định nào cho bất kỳ biểu tượng nào, và với mỗi con người, biểu tượng ấy—dù là gì—đều sẽ truyền đạt một ý nghĩa riêng biệt. Việc thiếu quan tâm đến các biểu tượng thường hàm ý thiếu quan tâm đến việc diễn giải đúng các hình tướng của sự sống và ý nghĩa của chúng. Cũng vậy, việc quan tâm quá nhiều đến các biểu tượng theo

intricate mind which loves design and line and form and numerical relationships, but which misses entirely the significance of meaning. The balancing in the mind of form and concept, of expression and quality, of sign and meaning is vital to the growth of the disciple and the aspirant.

lối *học thuật* có thể hàm ý một thể trí quanh co và phức tạp, ưa thích kiểu dáng, đường nét, hình tướng và các mối quan hệ số học, nhưng lại hoàn toàn bỏ lỡ thâm nghĩa của ý nghĩa. Việc giữ cân bằng trong thể trí giữa hình tướng và khái niệm, giữa sự biểu đạt và phẩm tính, giữa dấu hiệu và ý nghĩa là thiết yếu đối với sự phát triển của đệ tử và người chí nguyện.

The great need for most students is to arrive at *meaning* and to work with ideas and concepts. This activity will necessitate the use of the mind to understand, to grasp [13] and to interpret. It requires the development of that mental sensitivity which will enable its possessor to respond to the vibrations of what we call the Universal Mind, the Mind of God, the Instigator of the Plan. It presupposes a certain ability to interpret and the power to express the idea underlying the symbol so that others may share it with you. *This thought of service and of growth in usefulness must be steadily borne in mind.*

Nhu cầu lớn của hầu hết các đạo sinh là đạt tới *ý nghĩa* và làm việc với các ý tưởng cùng khái niệm. Hoạt động này sẽ đòi hỏi sử dụng thể trí để thấu hiểu, nắm bắt [13] và diễn giải. Nó đòi hỏi phát triển sự nhạy cảm trí tuệ giúp người có sự nhạy cảm ấy đáp ứng với những rung động của điều mà chúng ta gọi là Vũ Trụ Trí, Trí của Thượng đế, Đấng Khởi Xướng Thiên Cơ. Nó hàm ý một khả năng diễn giải nhất định và năng lực biểu đạt ý tưởng nằm sau biểu tượng để những người khác có thể cùng chia sẻ ý tưởng ấy với các bạn. *Phải luôn ghi nhớ tư tưởng này về phụng sự và về việc ngày càng trở nên hữu ích.*

Can you not see how this power to study, to interpret and to penetrate to *meaning* will further your growth spiritually? Can you believe that through the use of this method you may learn to work more intelligently with the Plan and become a better helper of your fellowman?

Chẳng lẽ các bạn không thấy năng lực nghiên cứu, diễn giải và thâm nhập vào *ý nghĩa* này sẽ thúc đẩy sự phát triển tinh thần của mình như thế nào sao? Các bạn có thể tin rằng qua việc sử dụng phương pháp này, mình có thể học cách làm việc với Thiên Cơ một cách sáng suốt hơn và trở thành người trợ giúp đồng loại tốt hơn không?

What is there in this objective world that is not the inadequate symbol of a divine idea? What have we in our outer manifestation but the visible sign (at some stage of the evolving purpose) of the plan of the creating Deity? What are you yourself but the outer expression of a divine idea? We must learn to see symbols all around us and then to

Trong thế giới khách quan này, có điều gì không phải là biểu tượng chưa đầy đủ của một ý tưởng thiêng liêng? Trong sự biểu hiện bên ngoài của chúng ta, chúng ta có gì ngoài dấu hiệu hữu hình—ở một giai đoạn nào đó của mục đích đang tiến hóa—của Thiên Cơ do Thượng đế sáng tạo đề ra? Chính các bạn là gì nếu không phải là sự biểu đạt bên ngoài của một ý tưởng thiêng liêng?

penetrate behind the symbol to the idea which it should express.

Chúng ta phải học cách nhìn thấy các biểu tượng ở khắp quanh mình, rồi thâm nhập vào phía sau biểu tượng để đến với ý tưởng mà nó phải biểu đạt.

There is however a technique of study which may be of service to you as you attempt to arrive at an idea and thus study conceptually the many symbols by which we are surrounded. It is largely the technique for which meditation should have prepared you. The difference between this technique and meditation work is mainly one of polarisation and goal. In the study of symbols conceptually, the consciousness is polarised in the mental body, and no attempt is definitely made to contact or involve the soul or ego. Herein lies the distinction between this second stage of symbol interpretation and ordinary meditation. You have exhausted the method of familiarising yourself with the form aspect of the symbol, and you know well its outer [14] contour and externalisation. You know too that a peculiar series of lines (such as, for instance, the three lines forming a triangle) represent such and such an idea or truth or teaching. This is recorded in your brain, drawing on the resources of your memory. The registering of old information and knowledge anent the figures in a symbol serves to pull your consciousness up on to the mental plane and to focus it there in the world of ideas or of concepts. The concepts exist already upon the concrete levels of the mental plane. They are your mental and racial heritage and are ancient mental forms which you can now employ in order to arrive at meaning and significance.

Tuy nhiên, có một kỹ thuật nghiên cứu có thể hữu ích cho các bạn khi cố gắng đạt tới một ý tưởng, và nhờ đó nghiên cứu trên bình diện khái niệm nhiều biểu tượng đang bao quanh chúng ta. Phần lớn, đó là kỹ thuật mà việc tham thiền lẽ ra đã chuẩn bị cho các bạn. Sự khác biệt giữa kỹ thuật này và công việc tham thiền chủ yếu nằm ở sự phân cực và mục tiêu. Khi nghiên cứu biểu tượng trên bình diện khái niệm, tâm thức phân cực trong thể trí, và không có nỗ lực rõ rệt nào nhằm tiếp xúc với hay đưa linh hồn hoặc chân ngã vào tiến trình ấy. Chính ở đây có sự khác biệt giữa giai đoạn thứ hai này của việc diễn giải biểu tượng và việc tham thiền thông thường. Các bạn đã khai thác hết phương pháp làm quen với phương diện hình tướng của biểu tượng, và biết rõ đường nét bên ngoài [14] cùng sự ngoại hiện của nó. Các bạn cũng biết rằng một tập hợp đường nét đặc thù—chẳng hạn như ba đường tạo thành một tam giác—đại diện cho một ý tưởng, chân lý hay giáo huấn nhất định. Điều này được ghi lại trong bộ não của các bạn, dựa vào nguồn lực của trí nhớ. Việc ghi nhận những thông tin và kiến thức đã có về các hình dạng trong một biểu tượng giúp đưa tâm thức của các bạn lên cõi trí và tập trung nó tại đó, trong thế giới ý tưởng hoặc khái niệm. Các khái niệm đã tồn tại trên những cấp độ cụ thể của cõi trí. Chúng là di sản trí tuệ của các bạn và của nhân loại, là những hình tướng trí tuệ cổ xưa mà giờ đây các bạn có thể sử dụng để đạt tới ý nghĩa và thâm nghĩa.

It is an ancient statement of fact, which Plutarch expresses for us in the familiar words, that “An idea is a Being incorporeal,

Đó là một lời khẳng định cổ xưa về sự thật, mà Plutarch diễn đạt cho chúng ta bằng những lời quen thuộc: “Một ý tưởng là một

which has no subsistence of itself, but gives figure and form unto shapeless matter and becomes the cause of the manifestation." The figure and form you have registered with your brain and memorised, and likewise its activity in time and space, along with its innate capacity to build the form and express through that form a concept or idea. As you work inwards, you are also becoming aware of the nature of the motivating idea through the study of its form and its demonstrated activity, and you are discovering the field of ideas of analogous nature in which the idea embodied in the symbol finds itself. This field of ideas, inter-related and mutually explanatory, is now open to you and you will increasingly find yourself in a position to move in this world of concepts with freedom. To work and live in the world of ideas now becomes your objective and main effort. You train yourself in the recognition of ideas and concepts as they lie behind every form; you begin to think clearly about them and to see the direction in which they lead you and where, within the Eternal Plan, they fit.

Sinh Mệnh không có thân thể, không có sự tồn tại riêng, nhưng đem lại hình dạng và hình tướng cho vật chất chưa có hình dạng, và trở thành nguyên nhân của sự biểu hiện." Các bạn đã ghi nhận hình dạng và hình tướng bằng bộ não rồi ghi nhớ chúng, cũng như hoạt động của nó trong thời gian và không gian, cùng năng lực vốn có của nó trong việc xây dựng hình tướng và biểu đạt một khái niệm hoặc ý tưởng qua hình tướng ấy. Khi đi sâu vào bên trong, các bạn cũng dần nhận biết bản chất của ý tưởng thúc đẩy qua việc nghiên cứu hình tướng và hoạt động đã biểu lộ của nó, đồng thời khám phá lĩnh vực gồm những ý tưởng có bản chất tương đồng mà ý tưởng thể hiện trong biểu tượng thuộc về. Lĩnh vực ý tưởng này, với các ý tưởng liên hệ và giải thích lẫn nhau, giờ đây mở ra trước các bạn, và các bạn sẽ ngày càng thấy mình có thể tự do đi lại trong thế giới khái niệm này. Làm việc và sống trong thế giới ý tưởng giờ đây trở thành mục tiêu và nỗ lực chính của các bạn. Các bạn rèn luyện việc nhận biết những ý tưởng và khái niệm nằm sau mọi hình tướng; các bạn bắt đầu suy nghĩ rõ ràng về chúng, thấy hướng mà chúng dẫn mình tới và vị trí thích hợp của chúng trong Thiên Cơ Vĩnh Cửu.

[Webinar 69] – [Webinar 69]

[15] If aspirants will do three things:

[15] Nếu những người chí nguyện thực hiện ba điều:

a. Develop the power to visualise,

a. Phát triển năng lực hình dung,

b. Train the mind to intuit reality,

b. Rèn luyện thể trí để trực nhận thực tại,

c. Rightly interpret that which is seen,

c. Diễn giải đúng những gì thấy được,

they can provide a demonstrating laboratory for the trained Observers of the world.

thì họ có thể cung cấp một phòng thí nghiệm thực chứng cho Các Nhà Quan Sát Lão Luyện của thế giới.

One of the things which the developed intuition can do is to break the glamour and illusion which invade the life. One of the things that a group of aspirants, whose intuitional interplay is established, can accomplish, is to aid in the work of smashing world glamour. Such work can be done when you have awakened the intuition, and when your inter-related understanding is firm and true. The Hierarchy will be able to use the world aspirants as an instrument for the breaking of group glamour wherever it may be found. I refer to this possibility in order to incite you all to more rapid and steady growth and effort.

Một trong những điều mà trực giác đã phát triển có thể làm là phá vỡ ảo cảm và ảo tưởng xâm nhập vào đời sống. Một trong những điều mà một nhóm người chí nguyện, đã thiết lập được sự tương tác trực giác, có thể thực hiện là trợ giúp công việc phá tan ảo cảm thế giới. Công việc ấy có thể thực hiện khi các bạn đã đánh thức trực giác, và khi sự thấu hiểu lẫn nhau của các bạn vững chắc và chân thực. Thánh đoàn sẽ có thể sử dụng những người chí nguyện trên thế giới như một công cụ để phá vỡ ảo cảm nhóm ở bất cứ nơi nào nó xuất hiện. Tôi đề cập đến khả năng này nhằm thôi thúc tất cả các bạn phát triển và nỗ lực nhanh hơn, bền bỉ hơn.

You have been told that one of the needs lying before all aspirants is to arrive at that intuitional knowledge and that intelligent understanding of glamour, both individual and planetary, which will enable them most definitely to work at its dispelling. That understanding will necessarily be only relative, but in the course of the next few years, your knowledge of the subject and of the methods whereby glamour can be dissipated can be materially increased. This *must* happen if you work at the problem consciously in your own lives, and attempt to grasp the underlying theory also.

Các bạn đã được cho biết rằng một trong những nhu cầu đặt ra trước mọi người chí nguyện là đạt tới tri thức trực giác và sự thấu hiểu sáng suốt về ảo cảm, cả ở cá nhân lẫn hành tinh, để họ có thể thực sự làm việc nhằm xua tan nó. Sự thấu hiểu ấy tất nhiên chỉ mang tính tương đối, nhưng trong vài năm tới, kiến thức của các bạn về chủ đề này và về những phương pháp có thể làm tiêu tan ảo cảm có thể tăng lên đáng kể. Điều này *phải* xảy ra nếu các bạn có ý thức giải quyết vấn đề trong chính đời sống của mình, đồng thời cố gắng nắm bắt lý thuyết nền tảng.

Very little has been written or taught hitherto anent the subject of glamour, and it may mean much of value if we undertake the consideration of this subject, of its causes, and its effects, and also deal with the technique whereby it [16] can be dissipated and dispelled. It is obvious that I cannot deal with the subject adequately in one instruction, and we will take the next two or three years, therefore, to discuss and study this important matter growing out of the need of the present time and the increased

Cho đến nay, rất ít điều đã được viết hoặc giảng dạy về chủ đề ảo cảm, và có thể thu được nhiều giá trị nếu chúng ta xem xét chủ đề này, các nguyên nhân và tác động của nó, đồng thời bàn đến kỹ thuật giúp [16] làm tiêu tan và xua tan nó. Hiển nhiên, Tôi không thể bàn đầy đủ về chủ đề này trong một bài huấn thị; do đó, chúng ta sẽ dành hai hoặc ba năm tới để thảo luận và nghiên cứu vấn đề quan trọng này, vốn nảy sinh từ nhu cầu của thời đại hiện nay và sự nhạy cảm ngày càng tăng của nhân loại đối với

sensitivity of humanity to subtler impressions. It has not been possible for me to do this up till now, as the group was incomplete and the inner cohesion needed strengthening. Now I can do so, as the group members are functioning together with a much increased inner relationship, and a "spirit of love" has been shed abroad among you through the group reaction to each other's need in the recent period of glamour.

những ấn tượng tinh tế hơn. Cho đến nay, Tôi chưa thể làm điều này vì nhóm chưa đầy đủ và sự cố kết bên trong cần được củng cố. Giờ đây, Tôi có thể làm như vậy, vì các thành viên đang hoạt động cùng nhau với mối quan hệ bên trong tăng lên nhiều, và một "tinh thần bác ái" đã lan tỏa giữa các bạn qua sự đáp ứng của nhóm đối với nhu cầu của nhau trong giai đoạn ảo cảm vừa qua.

It is my intention, therefore, to change your work somewhat, retaining the symbolic phrases as an exercise for your intuitional insight, but dropping the consideration of the more formal and visual symbols. You have not gained from these symbolic forms what has been hoped, for the concrete mind of the majority of the group members simply increased the form aspect, and the remainder needed not this method of instruction and development. We shall change the focus of attention to a deep study of glamour. Herein will lie your service, for as you think truly and use your illumined intelligence (if you can achieve this, my brothers) you can help in time to do two things:

Do đó, Tôi dự định thay đổi công việc của các bạn đôi chút, giữ lại những cụm từ mang tính biểu tượng như một bài tập cho khả năng thấu thị bằng trực giác của các bạn, nhưng bỏ việc xem xét các biểu tượng mang tính hình thức và trực quan hơn. Các bạn chưa thu được từ những hình tướng biểu tượng này điều đã được kỳ vọng, vì trí cụ thể của phần lớn các thành viên trong nhóm chỉ làm tăng thêm phương diện hình tướng, còn những người còn lại thì không cần phương pháp huấn thị và phát triển này. Chúng ta sẽ chuyển trọng tâm chú ý sang việc nghiên cứu sâu về ảo cảm. Chính ở đây sẽ có sự phụng sự của các bạn, vì khi suy nghĩ chân thực và sử dụng trí tuệ đã được soi sáng của mình—nếu các bạn có thể đạt được điều này, Các huynh đệ của Tôi—thì theo thời gian, các bạn có thể giúp thực hiện hai điều:

1. Clarify the group mind on this subject. I refer not here to your particular group, but to the world consciousness.

1. Làm sáng tỏ trí tuệ nhóm về chủ đề này. Ở đây, Tôi không nói đến riêng nhóm của các bạn, mà nói đến tâm thức thế giới.

2. Help shatter the great illusion which has held, and still holds, the sons of men in thrall.

2. Giúp phá tan ảo tưởng lớn lao đã và vẫn đang giam giữ những người con của nhân loại trong vòng nô lệ.

I ask, therefore, for your service along these lines, and I request also that you give increased attention at the time of your full moon contact with myself. This group should [17] have a special aptitude for work

Do đó, Tôi yêu cầu các bạn phụng sự theo những hướng này, và cũng yêu cầu các bạn chú tâm hơn vào thời điểm tiếp xúc với Tôi vào kỳ trăng tròn. Nhóm này cần [17] có năng lực đặc biệt để làm việc theo hướng xua

along the line of dispelling glamour at the period of the full moon. Contact is made on the different planes according to the focus of the subtle bodies of the personnel of the group, and this group makes its contact with me on the higher levels of the astral plane. Hence the clarity of their reactions and the wealth of their detailed records. Also, herein will lie eventually their service, for they can later (but not for some long time yet) utilise the days of contact and the "moment of entrance" (as it is sometimes called) for definite work in dispelling some of the world illusion. First must come, however, aptitude in dispelling it in the personal life of each one of you.

tan ảo cảm trong kỳ trăng tròn. Sự tiếp xúc diễn ra trên các cõi khác nhau tùy theo trọng tâm của các thể vi tế của những thành viên trong nhóm, và nhóm này tiếp xúc với Tôi trên những cấp độ cao của cõi cảm dục. Vì thế, những đáp ứng của họ rõ ràng và những bản ghi chép chi tiết của họ phong phú. Cũng chính ở đây, cuối cùng sẽ có sự phụng sự của họ, vì về sau—nhưng còn khá lâu nữa—họ có thể sử dụng những ngày tiếp xúc và "thời khắc bước vào", như đôi khi người ta gọi, để thực hiện công việc cụ thể nhằm xua tan một phần ảo tưởng thế giới. Tuy nhiên, trước hết, mỗi người trong các bạn phải có khả năng xua tan nó trong đời sống cá nhân.

Another group makes its contact with me on mental levels and therein will lie their field of service. Still other groups are only as yet in an embryonic stage. Their personnel is incomplete and the group integration only in process of being set up.

Một nhóm khác tiếp xúc với Tôi trên những cấp độ trí tuệ, và đó sẽ là lĩnh vực phụng sự của họ. Những nhóm khác nữa hiện vẫn chỉ ở giai đoạn phôi thai. Thành phần của họ chưa đầy đủ và sự tích hợp nhóm mới đang trong tiến trình thiết lập.

I will, therefore, ask you to intensify your effort each month at the full moon period, and seek to strengthen your tie with myself and with your fellow group members. One word of warning only will I give. Success along this line will bring both its rewards and also its difficulties. You will have to watch with care for the undue stimulation of your astral or emotional nature, with consequent and subsequent glamour. You will have to exercise the deepest watchfulness in the endeavour to work thus on the astral plane, holding simultaneously the attitude of the Observer on the high plane of the soul. No constructive work and no service of vital importance can be rendered in this difficult sphere of activity unless there is this detached and liberated attitude. You are to work in one of the most difficult spheres of activity—perhaps the

Do đó, Tôi sẽ yêu cầu các bạn tăng cường nỗ lực mỗi tháng vào kỳ trăng tròn, và tìm cách củng cố mối liên kết với Tôi cùng các thành viên đồng nhóm. Tôi chỉ đưa ra một lời cảnh báo. Thành công theo hướng này sẽ mang lại cả phần thưởng lẫn khó khăn. Các bạn sẽ phải cẩn thận đề phòng sự kích thích quá mức bản chất cảm dục hay cảm xúc của mình, cùng ảo cảm phát sinh và kéo theo sau đó. Các bạn sẽ phải hết sức tỉnh giác khi cố gắng làm việc theo cách này trên cõi cảm dục, đồng thời giữ thái độ của Người Quan Sát trên cõi cao của linh hồn. Không thể thực hiện công việc xây dựng hay sự phụng sự có tầm quan trọng thiết yếu nào trong lĩnh vực hoạt động khó khăn này nếu không có thái độ tách rời và giải thoát ấy. Các bạn sẽ làm việc trong một trong những lĩnh vực hoạt động khó khăn nhất—có lẽ là lĩnh vực khó khăn nhất mà một đệ tử có thể được kêu gọi

most difficult to which a disciple can be called—and hence the advisability of working there [18] in group formation. I cannot emphasise too strongly that you are to work as a group and not as individuals.

tham gia—và vì thế nên làm việc tại đó [18] theo đội hình nhóm. Tôi không thể nhấn mạnh đủ rằng các bạn phải làm việc như một nhóm chứ không phải như những cá nhân.

[Webinar 70] – [Webinar 70]

Three great events are immanent in the world consciousness today:

Ba sự kiện lớn hiện đang tiềm tàng trong tâm thức thế giới:

1. The growth and understanding of telepathic work.

1. Sự phát triển và thấu hiểu công việc viễn cảm.

2. A comprehension and scientific investigation of illusion and world glamour.

2. Sự lĩnh hội và khảo sát khoa học về ảo tưởng và ảo cảm thế giới.

3. An increase in the right methods of healing.

3. Sự gia tăng các phương pháp trị liệu đúng đắn.

If this is so, you can see how groups of disciples can constitute a contribution to the emerging revelation and how useful our consecrated service can be. I say "our" advisedly, brother of old, as I am working definitely towards these three ends as a part of my ordained (self-ordained) service. I ask for your cooperation and assistance. *The steady impact of right thought on the human consciousness by trained groups of thinkers* is the method that can be most successfully applied at this time, and here these groups can help profoundly.

Nếu đúng như vậy, các bạn có thể thấy các nhóm đệ tử có thể đóng góp như thế nào vào sự mặc khải đang xuất hiện, và sự phụng sự được thánh hiến của chúng ta có thể hữu ích đến mức nào. Tôi dùng từ "chúng ta" một cách có chủ ý, Huynh Đệ của Ngày Xưa, vì Tôi đang thực sự hướng công việc đến ba mục tiêu này như một phần sự phụng sự đã được quy định của Tôi—do chính Tôi tự quy định. Tôi yêu cầu sự hợp tác và trợ giúp của các bạn. *Sự tác động bền bỉ của tư tưởng đúng đắn lên tâm thức nhân loại qua các nhóm người tư tưởng đã được rèn luyện* là phương pháp có thể áp dụng thành công nhất vào lúc này, và ở đây những nhóm này có thể trợ giúp sâu sắc.

One of the things which will emerge most definitely during the next three or four decades is the work that groups can do on levels other than the physical. Group service and united effort towards group welfare has for two centuries been seen on Earth in all

Một trong những điều sẽ xuất hiện hết sức rõ rệt trong ba hoặc bốn thập niên tới là công việc mà các nhóm có thể thực hiện trên những cấp độ khác ngoài cấp độ hồng trần. Trong hai thế kỷ qua, trên Trái Đất, sự phụng sự nhóm và nỗ lực hợp nhất vì lợi ích

fields of human endeavour—political, philanthropic and educational. Group service on the astral plane has been started also since 1875, but united effort to dispel the world glamour is only now in process of organising and this group can be a part of the corporate effort towards this end, and swell the number of those so engaged. Train yourselves, therefore, and learn how to work. Telepathic sensitivity is necessarily the objective of all groups of disciples, but it is the main objective of that group which we might call the Telepathic Communicators; [19] here they can render potent service. Groups of sensitives of this order can constitute a working, mediating body, and transmit the new knowledge and teaching for the race; they can mould public opinion and change the current of men's thoughts. All small groups of people, naturally and inevitably, arrive at a telepathic relation between themselves, and between the personnel of similar groups, and this is to be desired and fostered and should rightly and steadily increase. But, as your telepathic sensitivity is increased, see to it that you are not deflected from your main group objective, which is to study and understand the significance of glamour and the laws for its dissipation. Record and note all telepathic activity and phenomena and learn to work this way, but regard it as a secondary issue for you at this time.

nhóm đã xuất hiện trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người—chính trị, từ thiện và giáo dục. Sự phụng sự nhóm trên cõi cảm dục cũng đã bắt đầu từ năm 1875, nhưng nỗ lực hợp nhất nhằm xua tan ảo cảm thế giới chỉ mới đang được tổ chức, và nhóm này có thể tham gia nỗ lực chung hướng đến mục tiêu ấy, đồng thời gia tăng số người tham gia. Do đó, hãy rèn luyện bản thân và học cách làm việc. Sự nhạy cảm viễn cảm tất nhiên là mục tiêu của mọi nhóm đệ tử, nhưng đó là mục tiêu chính của nhóm mà chúng ta có thể gọi là Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm; [19] ở đây, họ có thể phụng sự đầy sức mạnh. Những nhóm người nhạy cảm thuộc loại này có thể tạo thành một tập thể hoạt động làm trung gian, truyền đạt tri thức và giáo huấn mới cho nhân loại; họ có thể định hình dư luận và thay đổi dòng tư tưởng của con người. Mọi nhóm nhỏ, một cách tự nhiên và không thể tránh khỏi, đều đạt tới mối quan hệ viễn cảm giữa các thành viên với nhau và với thành viên của những nhóm tương tự; đây là điều nên mong muốn và nuôi dưỡng, và cần phát triển đúng đắn, bền bỉ. Nhưng khi sự nhạy cảm viễn cảm của các bạn tăng lên, hãy bảo đảm rằng mình không bị lệch khỏi mục tiêu chính của nhóm, là nghiên cứu và thấu hiểu thâm nghĩa của ảo cảm cùng các định luật làm tiêu tan nó. Hãy ghi chép và ghi nhận mọi hoạt động cùng hiện tượng viễn cảm, và học cách làm việc theo cách này, nhưng vào lúc này, hãy xem đó là vấn đề thứ yếu đối với các bạn.

One of the outstanding characteristics of the work done at the time of the full moon will be the mass of phenomena noted. This is to be expected as this service calls you to work on the astral plane. But it will provide you with a field for the wise use of the faculty of discrimination. It is too early as yet for you to work at the problem of separating the real from the unreal; your task at first will be *recording*. Keep detailed records. Preserve the

Một trong những đặc điểm nổi bật của công việc thực hiện vào kỳ trăng tròn sẽ là số lượng lớn các hiện tượng được ghi nhận. Đây là điều có thể dự kiến, vì sự phụng sự này kêu gọi các bạn làm việc trên cõi cảm dục. Nhưng nó sẽ đem lại cho các bạn một lĩnh vực để sử dụng sáng suốt năng lực phân biện. Hiện vẫn còn quá sớm để các bạn giải quyết vấn đề phân biệt cái thực với cái không thực; nhiệm vụ ban đầu của các bạn sẽ là *ghi*

scientific attitude of detachment and of recognition and write down all that is sensed, seen or contacted. These records will serve as the basis of analysis if all goes well, and from that analysis we may gather much of value.

chép. Hãy giữ những bản ghi chép chi tiết. Hãy duy trì thái độ khoa học với sự tách rời và ghi nhận, rồi viết lại tất cả những gì cảm nhận, nhìn thấy hoặc tiếp xúc được. Nếu mọi việc diễn ra tốt đẹp, những bản ghi chép này sẽ là cơ sở để phân tích, và từ sự phân tích ấy, chúng ta có thể thu được nhiều điều có giá trị.

[Webinar 71] – [Webinar 71]

What I have to say to you as regards the subject of Glamour falls into certain broad generalisations such as:

Những điều Tôi muốn nói với các bạn về chủ đề Ảo cảm thuộc một số phạm trù khái quát rộng như sau:

I. The Nature of Glamour.

I. Bản chất của Ảo cảm.

II. The Causes of Glamour.

II. Các nguyên nhân của Ảo cảm.

III. The Dissipation of Glamour.

III. Việc làm tiêu tan Ảo cảm.

[20] As we proceed we shall divide our subject up into greater detail, but in this instruction I only seek to get certain broad outlines into your minds so that the theme may fall into right places in your thoughts.

[20] Khi tiến hành, chúng ta sẽ phân chia chủ đề thành những phần chi tiết hơn, nhưng trong bài huấn thị này, Tôi chỉ muốn đưa vào thể trí các bạn một số nét phác thảo tổng quát để chủ đề có thể được đặt đúng vị trí trong tư tưởng của các bạn.

There are four phrases which have for long been bandied about among so-called occultists and esotericists. They are: *glamour, illusion, maya* and the expression, *the dweller on the threshold*. They all stand for the same general concept or some differentiation of that concept. Speaking generally, the interpretations have been as follows, and they are only partial interpretations, and are almost in the nature of distortions of the real truth, owing to the limitations of the human consciousness.

Có bốn cụm từ từ lâu đã được nhắc đi nhắc lại giữa những người được gọi là nhà huyền bí học và nhà bí truyền học. Đó là: *ảo cảm, ảo tưởng, ảo lực* và cụm từ *Kẻ Chận Ngõ*. Tất cả đều đại diện cho cùng một khái niệm chung hoặc một sự biến phân nào đó của khái niệm ấy. Nói chung, các cách diễn giải như sau, và chúng chỉ là những cách diễn giải phiến diện, gần như mang tính bóp méo chân lý thực sự do những giới hạn của tâm thức con người.

Glamour has oft been regarded as a curious attempt of what are called the "black forces" to deceive and hoodwink well-meaning aspirants. Many fine people are almost flattered when they are "up against" some aspect of glamour, feeling that their demonstration of discipline has been so good that the black forces are interested sufficiently to attempt to hinder their fine work by submerging them in clouds of glamour. Nothing could be further from the truth. That idea is itself part of the glamour of the present time, and has its roots in human pride and satisfaction.

Ảo cảm thường được xem là một nỗ lực kỳ lạ của những gì được gọi là "các mãnh lực hắc ám" nhằm lừa dối và che mắt những người chí nguyện có thiện ý. Nhiều người tốt gần như cảm thấy được đề cao khi họ "đối đầu" với một phương diện nào đó của ảo cảm, cho rằng mình đã biểu lộ kỷ luật tốt đến mức các mãnh lực hắc ám đủ quan tâm để cố gắng cản trở công việc tốt đẹp của họ bằng cách nhấn chìm họ trong những đám mây ảo cảm. Không điều gì có thể xa sự thật hơn thế. Chính ý tưởng ấy là một phần của ảo cảm thời nay, và bắt nguồn từ lòng kiêu hãnh cùng sự tự mãn của con người.

Maya is oft regarded as being of the same nature as the concept promulgated by the Christian Scientist that there is no such thing as matter. We are asked to regard the entire world phenomena as maya and to believe that its existence is simply an error of mortal mind, and a form of auto-suggestion or self-hypnotism. Through this induced belief we force ourselves into a state of mind which recognises that the tangible and the objective are only figments of man's imaginative mind. This, in its turn, is likewise a travesty of reality.

Ảo lực thường được xem là có cùng bản chất với khái niệm do tín đồ Khoa học Cơ Đốc truyền bá rằng không có thứ gì gọi là vật chất. Chúng ta được yêu cầu xem toàn bộ thế giới hiện tượng là ảo lực và tin rằng sự tồn tại của nó chỉ là một sai lầm của thể trí phàm tục, và là một dạng tự ám thị hoặc tự thôi miên. Qua niềm tin được khơi tạo này, chúng ta ép mình vào một trạng thái trí tuệ thừa nhận rằng những gì hữu hình và khách quan chỉ là sản phẩm hư cấu của trí tưởng tượng con người. Đến lượt nó, điều này cũng là một sự xuyên tạc thực tại.

[21] *Illusion* is regarded rather the same way, only (as we define it) we lay the emphasis upon the finiteness of man's mind. The world of phenomena is not denied, but we regard the mind as misinterpreting it and as refusing to see it as it is in reality. We consider this misinterpretation as constituting the Great Illusion.

[21] *Ảo tưởng* cũng được nhìn nhận gần như vậy, chỉ khác là—như chúng ta định nghĩa—chúng ta nhấn mạnh tính hữu hạn của thể trí con người. Thế giới hiện tượng không bị phủ nhận, nhưng chúng ta cho rằng thể trí diễn giải sai nó và từ chối nhìn thấy nó đúng như thực tại. Chúng ta xem sự diễn giải sai này là điều tạo nên Ảo Tưởng Vĩ Đại.

The Dweller on the Threshold is usually regarded as presenting the final test of man's courage, and as being in the nature of a gigantic thoughtform or factor which has to

Kẻ Chận Ngõ thường được xem là đặt ra thử thách cuối cùng đối với lòng can đảm của con người, và mang bản chất của một hình tư tưởng khổng lồ hoặc một yếu tố phải được

be dissipated, prior to taking initiation. Just what this thoughtform is, few people know, but their definition includes the idea of a huge elemental form which bars the way to the sacred portal, or the idea of a fabricated form, constructed sometimes by the disciple's Master to test his sincerity. Some regard it as the sum total of a man's faults, his evil nature, which hinders his being recognised as fit to tread the Path of Holiness. None of these definitions, however, give a true idea of the reality.

làm tiêu tan trước khi thọ nhận điểm đạo. Ít người biết chính xác hình tư tưởng này là gì, nhưng định nghĩa của họ bao gồm ý tưởng về một hình tướng hành khí khổng lồ chặn đường đến cánh cổng thiêng liêng, hoặc ý tưởng về một hình tướng được tạo dựng, đôi khi do Chân sư của người đệ tử xây dựng để thử thách lòng chân thành của y. Một số người xem nó là tổng thể những khuyết điểm của một người, là bản chất xấu ác của y, ngăn cản việc công nhận y đủ tư cách bước trên Con Đường Thánh Thiện. Tuy nhiên, không định nghĩa nào trong số này đưa ra một ý tưởng chân thực về thực tại.

I would point out here that (generally speaking) these four expressions are four aspects of a universal condition that is the result of the activity—in time and space—of the human mind. The activity of MINDS! Ponder on this phrase for it gives you a clue to the truth.

Ở đây, Tôi muốn chỉ ra rằng, nói chung, bốn cách diễn đạt này là bốn phương diện của một tình trạng phổ quát, vốn là kết quả của hoạt động—trong thời gian và không gian—của thể trí con người. Hoạt động của CÁC THỂ TRÍ! Hãy suy ngẫm về cụm từ này, vì nó cho các bạn một manh mối dẫn đến chân lý.

The Problem of Illusion lies in the fact that it is a soul activity, and the result of the mind aspect of all the souls in manifestation. It is the soul which is submerged in the illusion and the soul that fails to see with clarity until such time as it has learnt to pour the light of the soul through into the mind and the brain.

Vấn đề Ảo tưởng nằm ở chỗ nó là một hoạt động của linh hồn, và là kết quả của phương diện trí tuệ của mọi linh hồn đang biểu hiện. Chính linh hồn chìm trong ảo tưởng, và chính linh hồn không nhìn thấy rõ ràng cho đến khi nó học được cách tuôn ánh sáng linh hồn vào thể trí và bộ não.

The Problem of Glamour is found when the mental illusion is intensified by desire. What the Theosophist calls "kama-manas" produces glamour. It is illusion on the astral plane.

Vấn đề Ảo cảm xuất hiện khi dục vọng làm tăng cường ảo tưởng trí tuệ. Điều mà người theo Thông Thiên Học gọi là "trí-cảm" tạo ra ảo cảm. Đó là ảo tưởng trên cõi cảm dục.

[22] *The Problem of Maya* is really the same as the above, plus the intense activity produced when both glamour and illusion are realised on etheric levels. It is that vital unthinking emotional MESS (yes, brother of old, that is the word I seek to use) in which

[22] *Vấn đề Ảo lực* thực ra cũng giống như trên, cộng thêm hoạt động mãnh liệt phát sinh khi cả ảo cảm lẫn ảo tưởng được hiện thực hóa trên những cấp độ dĩ thái. Đó là Mớ Cảm xúc hỗn độn, sống động, không suy nghĩ ấy—đúng vậy, Huynh Đệ của Ngày Xưa,

the majority of human beings seem always to live.

đó là từ Tôi muốn dùng—mà phần lớn con người dường như luôn sống trong đó.

The Dweller on the Threshold is illusion-glamour-maya, as realised by the physical brain and recognised as that which must be overcome. It is the bewildering thoughtform with which the disciple is confronted, when he seeks to pierce through the accumulated glamour of the ages and find his true home in the place of light.

Kẻ Chận Ngõ là ảo tưởng–ảo cảm–ảo lực mà bộ não hồng trần nhận biết và nhận ra là điều phải vượt qua. Đó là hình tư tưởng gây hoang mang mà người đệ tử phải đối diện khi y tìm cách xuyên qua ảo cảm tích tụ qua các thời đại và tìm thấy mái nhà đích thực của mình nơi ánh sáng.

The above are necessarily only generalisations, and the result also of the activity of the analytical mind, but they serve to embody a part of the problem in words and to convey to your minds a definite thoughtform of what we shall later discuss in detail.

Những điều trên tất nhiên chỉ là những khái quát, và cũng là kết quả của hoạt động của trí tuệ phân tích, nhưng chúng giúp diễn đạt một phần vấn đề bằng lời và truyền vào thể trí các bạn một hình tư tưởng rõ ràng về những gì chúng ta sẽ thảo luận chi tiết sau này.

[Webinar 72] – [Webinar 72]

As to the causes of this world condition, what can I say, brother of mine, which will convey meaning to your minds? The cause lies far back in the consciousness of the "imperfect Gods." Does that sentence really mean aught to you? But little, I fear. We must descend into the realm of greater practicality and only deal with the matter as far as it concerns humanity. Planetary illusion will later be briefly dealt with, but the immediate problem before man and the significant contribution of the disciple is the dissipation of much of the glamour in which mankind is immersed and which, during the coming Aquarian Age, will largely disappear in connection with the astral life of the race. The point I would here make is to call attention to the fact that it is in meditation and in the technique of mind control that the thinkers of the world will begin to rid the world of illusion. Hence the increasing interest in meditation as the weight of the

Về các nguyên nhân của tình trạng thế giới này, hỡi huynh đệ của tôi, Tôi có thể nói điều gì để truyền đạt ý nghĩa đến thể trí các bạn? Nguyên nhân nằm rất xa trong quá khứ, trong tâm thức của "các Thượng đế bất toàn". Câu ấy thực sự có ý nghĩa gì với các bạn không? Tôi e là rất ít. Chúng ta phải đi xuống lĩnh vực thực tiễn hơn và chỉ bàn đến vấn đề trong chừng mực nó liên quan đến nhân loại. Sau này, chúng ta sẽ bàn sơ lược về ảo tưởng hành tinh, nhưng vấn đề trước mắt của con người và sự đóng góp có thâm nghĩa của người đệ tử là làm tiêu tan phần lớn ảo cảm mà nhân loại đang chìm trong đó, và trong Kỷ Nguyên Bảo Bình sắp tới, ảo cảm này phần lớn sẽ biến mất khỏi đời sống cảm dục của nhân loại. Điều Tôi muốn nhấn mạnh ở đây là cần chú ý đến sự thật rằng chính trong tham thiền và trong kỹ thuật kiểm soát thể trí, những người tư tưởng của thế giới sẽ bắt đầu giải thoát thế giới khỏi ảo tưởng. Vì thế, sự quan tâm đến tham thiền

world glamour is increasingly [23] realised, and hence the vital necessity for right understanding of the way of mind control.

ngày càng tăng khi gánh nặng của ảo cảm thế giới ngày càng [23] được nhận ra, và vì thế, việc thấu hiểu đúng cách kiểm soát thể trí là một nhu cầu thiết yếu.

Another point which should be noted is that in the crystallisation of this material age comes the great opportunity to strike a deadly blow on the planetary Dweller on the Threshold. The reaction at this time, through the stress of circumstances, is bringing about a more spiritual understanding and a reorganisation of human values, and this is part of the process whereby a vital part of the world glamour may be dissipated—if only all men of goodwill within the world aura adhere to their appointed task.

Một điểm khác cần lưu ý là trong sự kết tinh của thời đại vật chất này xuất hiện cơ hội lớn để giáng một đòn chí mạng vào Kẻ Chận Ngõ của hành tinh. Dưới sức ép của hoàn cảnh, sự đáp ứng vào lúc này đang đem lại một sự thấu hiểu tinh thần sâu sắc hơn và sự tái tổ chức các giá trị của con người; đây là một phần của tiến trình có thể làm tiêu tan một phần quan trọng của ảo cảm thế giới—miễn là mọi người thiện chí trong hào quang thế giới đều kiên trì với nhiệm vụ đã được giao.

When the Buddha was on Earth and achieved illumination, He “let in” a flood of light upon the world problem through His enunciation of the Four Noble Truths. His body of disciples and His nine hundred arhats formulated those four great truths into a structure of dogma and doctrine that —by the power of collective thought—has greatly helped in the attack upon the world illusion. Today the Christ is carrying forward the same great task and in the spiritual significance of His imminent Coming (and in the language of symbolism) He and His nine thousand arhats will strike a second blow at the world glamour. It is for this that we prepare. Only the intuition can dispel illusion and hence the need of training intuitives. Hence the service you can render to this general cause by offering yourselves for this training. If you can overcome glamour in your own lives and if you can, therefore, comprehend the nature of illusion you will help in

Khi Đức Phật còn ở trên Trái Đất và đạt được sự soi sáng, Ngài đã “đưa vào” một luồng ánh sáng tràn ngập soi rọi vấn đề thế giới qua việc tuyên thuyết Tứ Diệu Đế. Đoàn đệ tử và chín trăm vị La Hán của Ngài đã kết cấu bốn chân lý lớn lao ấy thành một hệ thống tín điều và giáo lý, mà nhờ sức mạnh của tư tưởng tập thể, đã trợ giúp rất nhiều trong việc tấn công ảo tưởng thế giới. Ngày nay, Đức Christ đang tiếp tục cùng nhiệm vụ lớn lao ấy, và trong thâm nghĩa tinh thần của sự Đến sắp xảy ra của Ngài—cũng như theo ngôn ngữ biểu tượng—Ngài cùng chín nghìn vị La Hán của Ngài sẽ giáng một đòn thứ hai vào ảo cảm thế giới. Chính vì điều này mà chúng ta chuẩn bị. Chỉ trực giác mới có thể xua tan ảo tưởng, và vì thế cần đào tạo những người có trực giác. Do đó, các bạn có thể phụng sự sự nghiệp chung này bằng cách tự nguyện tham gia sự đào tạo ấy. Nếu các bạn có thể vượt qua ảo cảm trong chính đời sống của mình, và nhờ đó có thể lĩnh hội bản chất của ảo tưởng, thì các bạn sẽ trợ giúp trong

a. The destruction of the dweller on the threshold,

a. Việc hủy diệt Kẻ Chận Ngõ,

b. The devitalising of the general maya,

b. Việc làm suy giảm sinh lực của ảo lực nói chung,

c. The dissipation of glamour,

c. Việc làm tiêu tan ảo cảm,

d. The dispelling of illusion.

d. Việc xua tan ảo tưởng.

[24] This you have to do in your own lives and in the group relation. Then your more general contribution will help in the wider human issues. The acuteness of the intellect, and the illumination of the mind, plus love and intention will accomplish much. To this service, I reiterate my call.

[24] Các bạn phải thực hiện điều này trong chính đời sống của mình và trong mối quan hệ nhóm. Khi ấy, sự đóng góp tổng quát hơn của các bạn sẽ trợ giúp giải quyết những vấn đề rộng lớn hơn của nhân loại. Sự sắc bén của trí năng và sự soi sáng của thể trí, cùng với bác ái và ý định, sẽ thành tựu nhiều điều. Tôi nhắc lại lời kêu gọi các bạn đến với sự phụng sự này.

[Webinar 73] – [Webinar 73]

During the next few months I would suggest that you do three things:

Trong vài tháng tới, Tôi đề nghị các bạn thực hiện ba điều:

1. Define in your own words and as the result of meditation, your understanding of the four expressions with which I have been dealing. I ask for a real analysis and not just four sentences of definition. Before I enlarge upon this subject I would like you to organise your minds on the matter, using definitions as a guide to your thought, yet stating the problem as you see it, and seeking to see the differences existing between these four aspects of the world glamour.

1. Bằng lời của chính mình và như một kết quả của tham thiền, hãy xác định sự thấu hiểu của các bạn về bốn cách diễn đạt mà Tôi đã bàn đến. Tôi yêu cầu một sự phân tích thực sự, chứ không chỉ bốn câu định nghĩa. Trước khi trình bày sâu hơn về chủ đề này, Tôi muốn các bạn sắp xếp tư tưởng của mình về vấn đề, dùng các định nghĩa làm chỉ dẫn cho tư duy, nhưng vẫn trình bày vấn đề theo cách các bạn nhìn nhận, và tìm cách thấy rõ những khác biệt giữa bốn phương diện này của ảo cảm thế giới.

2. Say each day, with care and thought, a very familiar prayer, The Lord's Prayer. It has many meanings and the trite and usual Christian significance is not for you. Ponder

2. Mỗi ngày, hãy đọc một lời cầu nguyện rất quen thuộc, Kinh Lạy Cha, một cách cẩn trọng và suy xét. Lời kinh này có nhiều ý nghĩa, và ý nghĩa quen thuộc, sáo mòn trong

on this most ancient formula of truth and interpret it entirely in terms of a formula for the dissipation of illusion. Write an exegesis on it from this angle, taking it phrase by phrase and regarding it as giving us seven keys to the secret of the elimination of glamour. The formula (which is not essentially a prayer) can be divided as follows:

Kitô giáo không dành cho các bạn. Hãy suy ngẫm về công thức chân lý cổ xưa nhất này và diễn giải nó hoàn toàn như một công thức làm tiêu tan ảo tưởng. Hãy viết một bài chú giải từ góc độ này, xem xét từng câu và coi nó như lời trao cho chúng ta bảy chìa khóa dẫn đến bí mật loại trừ ảo cảm. Công thức này (về bản chất không phải là một lời cầu nguyện) có thể chia như sau:

a. Invocation to the solar Lord.

a. Lời khẩn cầu nhật tinh quân.

b. Seven sentences, embodying seven keys for the dissipation of illusion.

b. Bảy câu, thể hiện bảy chìa khóa để làm tiêu tan ảo tưởng.

c. A final affirmation of divinity.

c. Lời khẳng định thiên tính ở phần kết.

Use your intuition and apply these all to the subject of glamour and see at what knowledge you will arrive. [25] Then write it down in the form of an interpretation or article and we may arrive at much value.

Hãy dùng trực giác, áp dụng tất cả những điều này vào chủ đề ảo cảm và xem các bạn sẽ đạt đến tri thức nào. [25] Sau đó, hãy viết lại dưới hình thức một bài diễn giải hoặc bài viết, và chúng ta có thể thu được nhiều điều giá trị.

3. Keep a copy of your full moon record and, at the close of six months, subject it to a careful analysis and see what is the sum total of gain. Divide your analysis into the following heads and express your understanding of the phenomena:

3. Hãy giữ một bản sao các ghi chép của các bạn vào kỳ trăng tròn, rồi khi hết sáu tháng, hãy phân tích cẩn thận và xem tổng cộng đã thu được những gì. Chia phần phân tích theo các đề mục sau và trình bày sự thấu hiểu của các bạn về những hiện tượng ấy:

a. As to any real contact.

a. Về mọi sự tiếp xúc thực sự.

b. As to any colour contact or phenomena.

b. Về mọi sự tiếp xúc hoặc hiện tượng màu sắc.

c. As to any other phenomena sensed, or seen or heard.

c. Về mọi hiện tượng khác đã cảm nhận, nhìn thấy hoặc nghe thấy.

That we may all go forward into greater light and understanding, and that the light may

Mong tất cả chúng ta tiến vào ánh sáng và sự thấu hiểu lớn lao hơn, và mong ánh sáng soi chiếu *Con Đường thẳng đứng* của người đệ tử:

shine upon *the vertical Way* of the disciple is my prayer and aspiration for you.

đó là lời cầu nguyện và khát vọng của Tôi dành cho các bạn.

SECTION ONE: THE NATURE OF GLAMOUR – PHẦN MỘT: BẢN CHẤT CỦA ẢO CẢM

[26] In the preceding pages we dealt with certain definitions of the words (frequently used interchangeably) dealing with illusion and glamour. We found that:

1. *Illusion* is primarily of a mental quality and was characteristic of the attitude of mind of those people who are more intellectual than emotional. They have outgrown glamour as usually understood. It is the misunderstanding of ideas and thoughtforms of which they are guilty, and of misinterpretations.

2. *Glamour* is astral in character, and is far more potent at this time than illusion, owing to the enormous majority of people who function astrally always.

3. *Maya* is vital in character and is a quality of force. It is essentially the energy of the human being as it swings into activity through the subjective influence of the mental illusion or astral glamour or of both in combination.

4. *The Dweller on the Threshold*, always present, swings however into activity only on the Path of Discipleship, when the aspirant becomes occultly aware of himself, of the conditions induced within him as a result of his interior illusion, his astral glamour and the maya surrounding his entire life. Being now an integrated personality (and no one is a disciple, my brother, unless he is mental as well as emotional, which is a point the [27] devotee oft forgets) these three conditions (with the

[26] Trong những trang trước, chúng ta đã bàn đến một số định nghĩa của các từ liên quan đến ảo tưởng và ảo cảm, vốn thường được dùng thay thế cho nhau. Chúng ta thấy rằng:

1. *Ảo tưởng* chủ yếu mang phẩm tính trí tuệ và là đặc trưng trong thái độ trí tuệ của những người thiên về trí tuệ hơn là cảm xúc. Họ đã vượt qua ảo cảm theo cách hiểu thông thường. Sai lầm của họ nằm ở việc hiểu sai các ý tưởng và hình tư tưởng, cũng như diễn giải sai.

2. *Ảo cảm* mang tính chất cảm dục và, vào lúc này, mạnh hơn ảo tưởng rất nhiều, vì đại đa số con người luôn hoạt động trên bình diện cảm dục.

3. *Ảo lực* mang tính chất sinh lực và là một phẩm tính của mãnh lực. Về bản chất, đó là năng lượng của con người khi chuyển sang hoạt động dưới ảnh hưởng chủ quan của ảo tưởng trí tuệ, ảo cảm cảm dục hoặc cả hai kết hợp.

4. *Kẻ Chận Ngõ* luôn hiện diện, nhưng chỉ chuyển sang hoạt động trên Con Đường Đệ Tử, khi người chí nguyện nhận biết chính mình theo nghĩa huyền bí, nhận biết những tình trạng nảy sinh bên trong y do ảo tưởng nội tâm, ảo cảm cảm dục và ảo lực bao quanh toàn bộ đời sống của y. Giờ đây, khi y là một phàm ngã tích hợp (và, huynh đệ của tôi, không ai là đệ tử nếu không phát triển cả trí tuệ lẫn cảm xúc, một điểm mà [27] người sùng tín thường quên), y nhìn thấy ba tình trạng này như một toàn thể, dù tác động của

preponderance of the effect in one or other of the bodies) are seen as a whole, and to this whole the term the "Dweller on the Threshold" is applied. It is in reality a vitalised thoughtform—embodying mental force, astral force and vital energy.

chúng trội hơn ở thể này hay thể khác trong các thể của phàm ngã; và thuật ngữ "Kẻ Chận Ngõ" được dùng để chỉ toàn thể ấy. Thực ra, đó là một hình tư tưởng được tiếp sinh lực—thể hiện mãnh lực trí tuệ, mãnh lực cảm dục và năng lượng sinh lực.

The problem, therefore, before all of you in this group is to learn first of all:

Vì vậy, vấn đề đặt ra trước tất cả các bạn trong nhóm này là trước hết phải học:

1. To distinguish between these three inner illusory aspects.

1. Phân biệt ba phương diện hư ảo bên trong này.

2. To discover what conditions in the environment or in the individual constitution induce these situations of difficulty.

2. Khám phá những điều kiện nào trong môi trường hoặc trong cấu tạo cá nhân gây ra các tình trạng khó khăn này.

3. To find out what methods are effective in inducing a cessation of the bewildering deceiving conditions.

3. Tìm ra những phương pháp hữu hiệu để chấm dứt các tình trạng gây hoang mang và lừa dối ấy.

It must be remembered also that these distorting conditions, found in all of you, are the medium whereby you are tuned in on the world glamour and illusion. The emphasis has been laid in esoteric teaching on the training and liberation of the individual aspirant. This is, of course, necessary, for the mass is made up of the individuals, and in the steady release from the control of these inner delusions will come the eventual clarification of humanity.

Cũng cần nhớ rằng những tình trạng gây méo lệch này, vốn có ở tất cả các bạn, là trung gian qua đó các bạn hòa nhịp với ảo cảm và ảo tưởng thế giới. Giáo huấn nội môn đã nhấn mạnh việc huấn luyện và giải thoát từng người chí nguyện. Dĩ nhiên, điều này là cần thiết, vì quần chúng gồm những cá nhân, và việc từng bước thoát khỏi sự kiểm soát của những mê lầm nội tâm này cuối cùng sẽ đem lại sự sáng tỏ cho nhân loại.

[Webinar 74] – [Webinar 74]

Therefore each of you in this group must of necessity work separately and apart with himself, and learn to induce those conditions of clarity and truth which will overcome the ancient rhythms and deep-seated habits and thus steadily purify the aura. But this has now to be done *as a group*,

Vì vậy, mỗi người trong nhóm này nhất thiết phải làm việc riêng với chính mình và học cách tạo nên những điều kiện sáng tỏ và chân thật để vượt qua các nhịp điệu lâu đời cùng những thói quen ăn sâu, nhờ đó từng bước thanh lọc hào quang. Nhưng giờ đây, điều này phải được thực hiện *với tư cách một*

and this group constitutes one of the first of the exoteric groups with which it is intended to work in the new age. Through the activity of such groups, the world glamour will be dissipated, [28] but first of all the aspirant must learn to deal with individual and group glamour. It is necessary to remember the following three things. I am going to be brief and technical in teaching this group, for my time is short and you have an adequate technical knowledge with which to understand that whereof I speak.

nhóm, và nhóm này là một trong những nhóm ngoại môn đầu tiên được dự định làm đối tượng cộng tác trong kỷ nguyên mới. Qua hoạt động của những nhóm như vậy, ảo cảm thế giới sẽ tiêu tan, [28] nhưng trước hết, người chí nguyện phải học cách xử lý ảo cảm cá nhân và ảo cảm nhóm. Cần nhớ ba điều sau đây. Tôi sẽ giảng dạy nhóm này một cách ngắn gọn và chuyên môn, vì thời gian của Tôi ít, và các bạn có đủ kiến thức chuyên môn để thấu hiểu những điều Tôi nói.

First, the united auras of the group members ever determine the group condition, the group activity, usefulness, problem and glamour. Hence emerges individual group responsibility and individual usefulness. Each of you either hinders or aids the group, according to his auric condition, which is either in a state of glamour or illusion or is kept relatively free from these conditions.

Thứ nhất, hào quang kết hợp của các thành viên luôn quyết định tình trạng, hoạt động, tính hữu ích, vấn đề và ảo cảm của nhóm. Từ đó phát sinh trách nhiệm của từng cá nhân đối với nhóm và tính hữu ích của từng người. Mỗi người trong các bạn đều cản trở hoặc hỗ trợ nhóm tùy theo tình trạng hào quang của mình: hào quang ấy hoặc ở trong trạng thái ảo cảm hay ảo tưởng, hoặc được giữ tương đối tự do khỏi những tình trạng này.

Second, that the first job that each of you has to do is to determine his own peculiar problem. In giving you your individual instructions, I will take up with you in this instruction where the particular tendency in this direction of each of you lies, and whether it is glamour, illusion or maya to which you habitually succumb. I will deal with directness, for I have tested your sincerity and believe in your willingness to be told the truth. Once you have each determined the specific nature of your peculiar problem, you can then work with deliberation towards its solution—with deliberation, brother of old, and with no speed, but with due care and caution and with right understanding.

Thứ hai, công việc đầu tiên mỗi người trong các bạn phải làm là xác định vấn đề đặc thù của mình. Khi đưa ra những huấn thị riêng, Tôi sẽ cùng từng người xem xét khuynh hướng đặc thù của họ trong phương diện này nằm ở đâu, và họ thường khuất phục trước ảo cảm, ảo tưởng hay ảo lực. Tôi sẽ nói thẳng, vì Tôi đã kiểm chứng sự chân thành của các bạn và tin rằng các bạn sẵn lòng nghe sự thật. Khi mỗi người đã xác định được bản chất cụ thể của vấn đề đặc thù của mình, các bạn có thể thận trọng làm việc để giải quyết nó—một cách thận trọng, Huynh Đệ của Ngày Xưa, không vội vàng, mà với sự cẩn trọng, dè dặt thích đáng và sự thấu hiểu đúng đắn.

Thirdly, you must remember that as I look at the individual in any of these groups, I can at the same time gauge the quality of the group itself as a whole. The amount of inner light that can shine through and make its presence felt in your auras can be seen by me and indicate to me the strength and the efficiency and also the potency of your individual group influence, for the positive auras subordinate the negative auras. What is required is a combination of positive auras, deliberately subordinated to group work. [29] As you deal with illusion and as you free your minds from its effects, and as you dissipate the astral glamour in which you are all more or less immersed, you will enter into a greater freedom of living and usefulness. As the maya of distorted energy currents ceases to swing you into lines of undesirable activity, the light that is in you will shine forth with greater clarity. Incidentally the Dweller on the Threshold will slowly and surely disintegrate and leave your way, to the door of Initiation, free and unimpeded.

Thứ ba, các bạn phải nhớ rằng khi nhìn vào một cá nhân trong bất kỳ nhóm nào trong số này, Tôi đồng thời có thể đánh giá phẩm tính của toàn thể nhóm ấy. Tôi có thể nhìn thấy lượng ánh sáng bên trong có thể chiếu xuyên qua và khiến người ta cảm nhận được sự hiện diện của nó trong hào quang các bạn; điều đó cho Tôi biết sức mạnh, hiệu quả và sức tác động của ảnh hưởng mà từng người đem lại cho nhóm, vì những hào quang dương tính đặt những hào quang âm tính dưới ảnh hưởng của mình. Điều cần có là sự kết hợp của các hào quang dương tính, chủ động đặt dưới sự chi phối của công việc nhóm. [29] Khi các bạn xử lý ảo tưởng và giải phóng thể trí khỏi những tác động của nó, cũng như làm tiêu tan ảo cảm cảm dục mà tất cả các bạn ít nhiều đều đắm chìm trong đó, các bạn sẽ đạt được tự do lớn hơn trong đời sống và trở nên hữu ích hơn. Khi ảo lực của những dòng năng lượng méo lệch không còn đẩy các bạn vào những đường hướng hoạt động không mong muốn, ánh sáng bên trong các bạn sẽ tỏa ra rõ ràng hơn. Đồng thời, Kẻ Chận Ngõ sẽ từ từ nhưng chắc chắn tan rã, để con đường của các bạn đến cửa Điểm Đạo được thông thoáng, không còn chướng ngại.

[Webinar 75] – [Webinar 75]

Strongly *mental* types are subject to illusion. This illusion is in reality a condition wherein the aspirant is being definitely controlled by:

Những kiểu người thiên mạnh về *trí tuệ* chịu ảnh hưởng của ảo tưởng. Thực ra, ảo tưởng này là một tình trạng trong đó người chí nguyện chịu sự kiểm soát rõ rệt của:

1. A thoughtform of such potency that it does two things:

1. Một hình tư tưởng mạnh đến mức thực hiện hai việc:

a. Controls the life activity or output.

a. Kiểm soát hoạt động hoặc những gì biểu hiện ra trong đời sống.

b. Tunes the aspirant in on the mass thoughtforms, which are of a similar nature, and which are built by others under the dominance of a similar illusion.

b. Khiến người chí nguyện hòa nhịp với những hình tư tưởng của quần chúng có bản chất tương tự, do những người khác xây dựng dưới sự chi phối của một ảo tưởng tương tự.

This, in its worst aspect, produces mental insanity or *idée fixe,* but in its least dangerous and normal result produces the fanatic. The fanatic is usually—even if he realises it not—a bewildered man, who has a potent idea of some kind or another, but who finds it quite impossible to integrate it into the world picture; to make those needed, and often divinely directed, compromises which profoundly help humanity; to find the time or place for the realities which are within his natural grasp.

Ở phương diện tệ hại nhất, điều này gây ra chứng loạn trí hoặc *ý tưởng cố định,* còn trong kết quả thông thường và ít nguy hiểm nhất, nó tạo nên người cuồng tín. Người cuồng tín thường là—dù y không nhận ra—một người hoang mang, có một ý tưởng mạnh mẽ nào đó nhưng hoàn toàn không thể tích hợp nó vào bức tranh thế giới; không thể thực hiện những sự dung hòa cần thiết, thường do sự hướng dẫn thiêng liêng, vốn giúp ích sâu sắc cho nhân loại; không thể tìm ra thời gian hoặc vị trí dành cho những thực tại vốn nằm trong khả năng nắm bắt tự nhiên của y.

2. When a man is highly developed, the mental illusion is built around a definite intuition and this intuition is concretised by the mind until its appearance is so real that the man believes he sees so clearly that which should be done or given to the world that he spends his time endeavouring [30] in a fanatical manner to make others see it too. Thus his life slips away on the wings of illusion and his incarnation is a relatively profitless one. In a few rare cases, this combination of intuition and mental activity produces the genius in some field or another; but then there is no illusion, but clear thinking, coupled with a trained equipment in that particular field or enterprise.

2. Khi một người phát triển cao, ảo tưởng trí tuệ được xây dựng quanh một trực giác rõ rệt, và thể trí cụ thể hóa trực giác ấy đến mức biểu hiện của nó trở nên chân thực đến nỗi y tin rằng mình nhìn thấy hết sức rõ ràng điều cần làm hoặc cần trao cho thế giới, nên y dành thời gian cố gắng [30] một cách cuồng tín để khiến những người khác cũng nhìn thấy điều ấy. Như vậy, đời sống của y trôi qua trên đôi cánh của ảo tưởng, và kiếp nhập thể của y tương đối ít mang lại lợi ích. Trong một vài trường hợp hiếm hoi, sự kết hợp giữa trực giác và hoạt động trí tuệ này tạo nên thiên tài trong một lĩnh vực nào đó; nhưng khi ấy không có ảo tưởng, mà là tư duy sáng rõ kết hợp với một bộ máy đã được rèn luyện trong lĩnh vực hoặc công việc cụ thể đó.

3. The weaker and more average mental types of people succumb to the general field of illusion and of mass illusion. The mental plane manifests a different sort of distortion

3. Những kiểu người có trí tuệ yếu hơn và ở mức trung bình hơn khuất phục trước trường ảo tưởng nói chung và ảo tưởng quần chúng. Cõi trí biểu hiện một loại méo lệch

to that of the astral plane or the etheric. The faculty of discrimination which is being developed has produced sharper lines of demarcation, and instead of the dense fogs and mists of the astral plane or the swirling tides and currents of energy of the etheric plane, we have on the mental plane masses of sharply indicated thoughtforms of a particular quality and note and tone, around which are grouped lesser thoughtforms, created by those who respond to these forms, and to their note, quality and tone. Similarities are then seen to exist which constitute channels or avenues for the magnetic drawing power of the more potent thoughtforms. Ancient theologies in modern garb, fixed presentations of half truth, the wild thinking of various world groups, and many similar emanating sources have—down the ages—produced the world of illusion and those mental states which have held humanity prisoner to wrong concepts and thoughts. So many are these thought producing illusions that the effect in the world today has been to cause a general division of the human race into varying schools of thought (philosophy, science, religion, sociology, etc., etc.), into many parties and groups, all of them coloured by an analogous idea, into groups of idealists fighting each other on behalf of their pet concepts, and into tens [31] of thousands of participants in group mental activity. These are today producing the world literature, through which the world platforms are coloured; by their means the world leaders are inspired; and they are responsible at this time for the mass of experiments in the field of government, of education, and of religion which are producing so much of the world unrest, and consequently so much of the world illusion.

khác với cõi cảm dục hoặc cõi dĩ thái. Năng lực phân biện đang phát triển đã tạo nên những đường phân định sắc nét hơn; thay vì những lớp sương mù dày đặc của cõi cảm dục hoặc những đợt triều và dòng năng lượng cuộn xoáy của cõi dĩ thái, trên cõi trí chúng ta có những khối hình tư tưởng hiện rõ nét, mang một phẩm tính, âm điệu và sắc thái riêng; quanh chúng tập hợp những hình tư tưởng nhỏ hơn, do những người đáp ứng với các hình tướng ấy cùng âm điệu, phẩm tính và sắc thái của chúng tạo ra. Khi ấy, người ta nhận thấy những điểm tương đồng tạo nên các kênh hoặc đường dẫn cho sức hút từ tính của những hình tư tưởng mạnh hơn. Những hệ thống thần học cổ xưa trong lớp áo hiện đại, những cách trình bày cố định về chân lý không trọn vẹn, lối tư duy thiếu kiềm chế của các nhóm khác nhau trên thế giới và nhiều nguồn phát xạ tương tự đã —qua các thời đại—tạo nên thế giới ảo tưởng cùng những trạng thái trí tuệ giam cầm nhân loại trong các quan niệm và tư tưởng sai lầm. Những ảo tưởng sản sinh tư tưởng này nhiều đến mức tác động của chúng trong thế giới ngày nay là gây ra sự phân chia chung của nhân loại thành các trường phái tư tưởng khác nhau (triết học, khoa học, tôn giáo, xã hội học, v.v., v.v.), thành nhiều đảng phái và nhóm, tất cả đều nhuốm màu một ý tưởng tương đồng, thành những nhóm người theo lý tưởng tranh đấu với nhau để bảo vệ các quan niệm tâm đắc của mình, và thành hàng chục [31] nghìn người tham gia hoạt động trí tuệ nhóm. Ngày nay, những người này đang tạo nên nền văn chương thế giới, qua đó các cương lĩnh trên thế giới mang sắc thái riêng; thông qua họ, các nhà lãnh đạo thế giới nhận được cảm hứng; và vào lúc này, họ chịu trách nhiệm về vô số thử nghiệm trong lĩnh vực chính quyền, giáo dục và tôn giáo, vốn đang gây ra rất nhiều bất ổn trên thế giới, và do đó cũng gây ra rất nhiều ảo tưởng thế giới.

What is needed therefore at this time, are thinkers who are training themselves in that mental attitude and one-pointedness which is divorced from the danger of a negative receptivity and is responsive, at the same time, to the higher intuitional inspiration. *It is mediating interpreters of ideas that are needed and not mediums.*

Vì vậy, lúc này cần những nhà tư tưởng đang tự rèn luyện thái độ trí tuệ và sự nhất tâm, tách khỏi nguy cơ tiếp nhận thụ động, đồng thời đáp ứng với cảm hứng trực giác cao hơn. *Điều cần có là những người diễn giải ý tưởng giữ vai trò trung gian, chứ không phải các đồng tử.*

[Webinar 76] – [Webinar 76]

The *emotional* types respond with facility to world glamour and to their own individual inherited and self-induced glamour. The bulk of the people are purely emotional with occasional flashes of real mental understanding—very occasional, my brother, and usually entirely absent. Glamour has been likened to a mist or fog in which the aspirant wanders and which distorts all that he sees and contacts, preventing him from ever seeing life truly or clearly or the conditions surrounding him as they essentially are. When he is a somewhat advanced aspirant, he is aware of the glamour and occasionally sees in a flash in what direction truth for him may lie. But then again the glamour settles down upon him and he is rendered powerless to release himself or to do anything constructive. His problem becomes further complicated by his consequent distress and his deep disgust with himself. He walks ever in a fog and sees naught as it truly exists. He is deceived by the appearance and forgets that which the appearance veils. The emanatory astral reactions which each human [32] being initiates ever surround him and through this mist and fog he looks out upon a distorted world. These reactions and the surrounding aura which they constitute blend and merge with the world glamour and fog and form part of the miasmas and

Những kiểu người thiên về *cảm xúc* dễ dàng đáp ứng với ảo cảm thế giới và với ảo cảm cá nhân của mình, cả phần được thừa hưởng lẫn phần tự gây ra. Phần đông con người thuần túy thiên về cảm xúc, chỉ thỉnh thoảng mới lóe lên sự thấu hiểu trí tuệ thực sự—rất hiếm hoi, huynh đệ của tôi, và thường hoàn toàn không có. Ảo cảm được ví như màn sương hay lớp sương mù mà người chí nguyện lang thang trong đó; nó làm méo lệch mọi điều y nhìn thấy và tiếp xúc, ngăn y nhìn đời sống một cách chân thực, rõ ràng, hoặc nhìn những điều kiện chung quanh đúng như bản chất của chúng. Khi người chí nguyện đã tiến bộ phần nào, y nhận biết ảo cảm và đôi lúc thoáng thấy chân lý dành cho mình có thể nằm ở hướng nào. Nhưng rồi ảo cảm lại phủ xuống y, khiến y bất lực, không thể tự giải thoát hoặc làm bất cứ điều gì có tính xây dựng. Nỗi khổ tâm phát sinh từ đó cùng sự chán ghét sâu sắc đối với chính mình khiến vấn đề của y thêm phức tạp. Y luôn đi trong sương mù và không nhìn thấy điều gì đúng như nó thực sự tồn tại. Y bị vẻ ngoài đánh lừa và quên điều mà vẻ ngoài che khuất. Những phản ứng cảm dục phát xạ mà mỗi con [32] người khởi phát luôn bao quanh y, và qua màn sương mù ấy, y nhìn ra một thế giới méo lệch. Những phản ứng này cùng hào quang bao quanh do chúng tạo thành hòa lẫn và hợp nhất với ảo cảm và sương mù thế giới, trở thành một phần của những chướng khí và phát xạ không lành

unhealthy emanations for which the masses of men, for millions of years, are responsible.

I would point out to you that, in Lemurian days, glamour and illusion were relatively unknown from the human standpoint. There were no mental reactions and but little emotional response to environment. Men were largely instinctual animals. Glamour began to be found in Atlantean days, and since that time has steadily precipitated, until today when the Hierarchy looks at humanity it appears to be walking in a deep and constantly changing density of currents which hide and distort, and which swirl around the sons of men and prevent their seeing the LIGHT as it is. This is all the more obvious when it is remembered that the other kingdoms of nature are relatively free from glamour and illusion. In our race, the Aryan, the world illusion is gathering weight and slowly emerging into recognition in the human consciousness and this is a real point gained, for that which is recognised can then be intelligently handled, if the will to do so exists. Today illusion is so potent, that few people whose minds are in any way developed but are controlled by these vast illusory thoughtforms, which have their roots and draw their life from the lower personality life and desire nature of the masses of men. It is interesting to remember also in connection with our Aryan race that these thoughtforms draw their vitality also from *the realm of ideas,* but of ideas wrongly intuited and grasped and forced to serve the selfish purposes of men. Their forms have been brought into activity by the steadily growing creative power of mankind, and have been subordinated to the wishes of men, through the [33] use of language with its power to limit and distort. The illusion is also precipitated more potently than would otherwise be the case by the effort of many

mạnh mà quần chúng nhân loại đã tạo ra suốt hàng triệu năm.

Tôi muốn chỉ ra cho các bạn rằng, vào thời Lemuria, xét từ quan điểm con người, ảo cảm và ảo tưởng tương đối chưa được biết đến. Không có những phản ứng trí tuệ và chỉ có rất ít đáp ứng cảm xúc với môi trường. Phần lớn con người là những động vật sống theo bản năng. Ảo cảm bắt đầu xuất hiện vào thời Atlantis và từ đó liên tục ngưng tụ, cho đến ngày nay, khi Thánh đoàn nhìn nhân loại, nhân loại dường như đang bước đi trong một lớp dòng chảy dày đặc và không ngừng biến đổi, che khuất và làm méo lệch, cuộn xoáy quanh những người con của nhân loại và ngăn họ nhìn thấy ÁNH SÁNG đúng như nó vốn có. Điều này càng rõ ràng hơn khi nhớ rằng các giới khác trong thiên nhiên tương đối tự do khỏi ảo cảm và ảo tưởng. Trong giống dân của chúng ta, giống dân Arya, ảo tưởng thế giới đang ngày càng nặng nề và dần dần được nhận biết trong tâm thức con người; đây là một thành quả thực sự, vì điều đã được nhận biết thì có thể được xử lý một cách thông minh, nếu có ý chí làm như vậy. Ngày nay, ảo tưởng mạnh đến mức rất ít người có thể trí đã phát triển ở bất kỳ mức độ nào lại không chịu sự kiểm soát của những hình tư tưởng hư ảo khổng lồ này; chúng bắt rễ và rút sự sống từ đời sống phàm ngã thấp kém cùng bản chất dục vọng của quần chúng nhân loại. Liên quan đến giống dân Arya của chúng ta, cũng đáng lưu ý rằng những hình tư tưởng này còn rút sinh lực từ *cõi ý tưởng,* nhưng đó là những ý tưởng được trực giác nhận biết và nắm bắt một cách sai lạc, rồi bị ép phục vụ các mục đích ích kỷ của con người. Quyền năng sáng tạo không ngừng tăng trưởng của nhân loại đã đưa các hình tướng ấy vào hoạt động và đặt chúng dưới sự chi phối của những mong muốn của con người, qua [33] việc sử dụng ngôn ngữ với khả năng giới hạn và làm méo lệch của nó. Nỗ lực của nhiều người theo lý

devoted idealistic men to impose these distorted thoughtforms upon the mental bodies of the masses. This constitutes one of the major problems with which the Hierarchy today has to concern itself; it is also one of the first factors which a Master has to consider in connection with any aspirant and disciple.

tưởng đầy tận tụy nhằm áp đặt những hình tư tưởng méo lệch này lên thể trí của quần chúng cũng khiến ảo tưởng ngưng tụ mạnh hơn mức vốn có. Đây là một trong những vấn đề lớn mà Thánh đoàn ngày nay phải quan tâm; đó cũng là một trong những yếu tố đầu tiên mà một Chân sư phải cân nhắc đối với bất kỳ người chí nguyện hay đệ tử nào.

Glamour, as we have seen, is of more ancient standing and of earlier emergence than is illusion. It has little in it of the mental quality and is the major factor controlling the majority. The objective of all training given on the Path of Discipleship and up to the third initiation is to induce that clear thinking which will render the disciple free from illusion and give to him that emotional stability and poise which gives no room for the entrance of any of the world glamour. This freedom becomes possible when there is in the aspirant no personal glamour, and no deliberately self-induced response to the determining factors which have produced glamour down the ages. With these factors we will later deal.

Như chúng ta đã thấy, ảo cảm có nguồn gốc lâu đời hơn và xuất hiện sớm hơn ảo tưởng. Nó chứa rất ít phẩm tính trí tuệ và là yếu tố chủ yếu kiểm soát phần đông con người. Mục tiêu của mọi sự huấn luyện trên Con Đường Đệ Tử và cho đến lần điểm đạo thứ ba là tạo nên tư duy sáng rõ giúp người đệ tử thoát khỏi ảo tưởng, đồng thời đem lại cho y sự ổn định và quân bình cảm xúc, không để bất kỳ ảo cảm thế giới nào xâm nhập. Sự tự do này trở nên khả thi khi người chí nguyện không còn ảo cảm cá nhân và không còn cố ý tự tạo ra sự đáp ứng với những yếu tố quyết định đã gây ra ảo cảm qua các thời đại. Chúng ta sẽ bàn đến những yếu tố này sau.

Maya is the result of both glamour and illusion. It connotes, when present, an integrated personality and therefore the capacity to tune in on mental illusion and astral glamour. Where this condition is found, the problem of the disciple is one of the greatest in the world. What constitutes the prime difficulty of any disciple is the fact that the battleground of his life involves every aspect of his nature. The whole man is involved. Technically, the word MAYA should only be used in two cases:

Ảo lực là kết quả của cả ảo cảm lẫn ảo tưởng. Khi hiện diện, nó hàm ý một phàm ngã tích hợp và do đó có khả năng hòa nhịp với ảo tưởng trí tuệ và ảo cảm cảm dục. Khi có tình trạng này, vấn đề của người đệ tử thuộc vào hàng lớn nhất trên thế giới. Khó khăn hàng đầu của bất kỳ đệ tử nào là chiến trường đời sống của y bao gồm mọi phương diện trong bản chất của y. Toàn bộ con người đều tham dự. Theo nghĩa chuyên môn, từ ẢO LỰC chỉ nên dùng trong hai trường hợp:

1. In reference to the united glamour-illusion to which a man who is an integrated personality responds. [34]

1. Khi nói đến ảo cảm–ảo tưởng kết hợp mà một người có phàm ngã tích hợp đáp ứng. [34]

2. In speaking of the limitations of the planetary Logos of our planet.

2. Khi nói đến những giới hạn của Hành Tinh Thượng đế của hành tinh chúng ta.

In the above remarks I have given you much food for thought—not only as regards your own personal problems (for all of you are subject to these conditions), but I have also indicated to you what is the nature of glamour. The word is used in all esoteric books and teaching to cover the conditions which are differentiated under the words maya, illusion and glamour itself. Later I will give you some teaching upon the causes of glamour and the methods of its dissipation. But I have given you here enough for the present, for it is my desire that you ponder upon these ideas during the next few months and learn somewhat of the significance of these words which you so lightly use. Watch yourselves and your daily life with discrimination, so that you learn to distinguish between glamour, illusion and maya. See whether you can discover the form which your individual Dweller upon the Threshold is likely to assume as you come into conflict with it; and if you do the same for your group brothers and the immediate world need, you will lose no time in the work of your astral clarification and mental release.

Trong những nhận xét trên, Tôi đã trao cho các bạn nhiều điều đáng suy ngẫm—không chỉ về các vấn đề cá nhân của chính các bạn (vì tất cả các bạn đều chịu ảnh hưởng của những tình trạng này), mà Tôi cũng đã chỉ cho các bạn bản chất của ảo cảm là gì. Từ này được dùng trong mọi sách và giáo huấn nội môn để bao quát những tình trạng được phân biệt bằng các từ ảo lực, ảo tưởng và chính ảo cảm. Sau này, Tôi sẽ đưa ra một số giáo huấn về những nguyên nhân của ảo cảm và các phương pháp làm tiêu tan nó. Nhưng hiện tại, những điều Tôi đã trao ở đây là đủ, vì Tôi mong các bạn suy ngẫm về những ý tưởng này trong vài tháng tới và học được phần nào thâm nghĩa của những từ mà các bạn dùng quá dễ dãi. Hãy quan sát chính mình và đời sống hằng ngày với sự phân biện, để học cách phân biệt ảo cảm, ảo tưởng và ảo lực. Hãy xem các bạn có thể khám phá hình tướng mà Kẻ Chận Ngõ riêng của mình có khả năng mang lấy khi các bạn đối đầu với nó hay không; và nếu các bạn cũng làm như vậy cho các huynh đệ trong nhóm cùng nhu cầu trước mắt của thế giới, các bạn sẽ không mất thời gian trong công việc làm sáng tỏ đời sống cảm dục và giải phóng trí tuệ.

I would ask you to study these instructions with peculiar care, for I am taking the time and trouble these busy days to meet your need and to bring as much light as I can, without infringing your free will, to meet your need and clear your course to service.

Tôi muốn các bạn nghiên cứu những huấn thị này đặc biệt cẩn trọng, vì trong những ngày bận rộn này, Tôi đang dành thời gian và công sức để đáp ứng nhu cầu của các bạn và đem đến nhiều ánh sáng nhất có thể mà không xâm phạm ý chí tự do của các bạn, nhằm đáp ứng nhu cầu ấy và khai thông con đường phụng sự của các bạn.

I would suggest also that you find out all that you can anent the much misunderstood subject of the *aura*: search out what is said in

Tôi cũng đề nghị các bạn tìm hiểu mọi điều có thể về chủ đề thường bị hiểu sai là *hào quang*: hãy tìm những gì đã được nói đến

my books and in the writings extant in any good occult library. I seek no copying out of paragraphs but a formulation of your knowledge so that you [35] can answer clearly questions which might be asked. The following three questions are basic:

trong các sách của Tôi và trong những tác phẩm hiện có tại bất kỳ thư viện huyền bí học tốt nào. Tôi không muốn các bạn chép lại các đoạn văn, mà muốn các bạn hệ thống hóa tri thức của mình để [35] có thể trả lời rõ ràng những câu hỏi có thể được đặt ra. Ba câu hỏi sau đây là căn bản:

1. What is the aura and how does it come into existence?

1. Hào quang là gì và hình thành như thế nào?

2. How can the aura be made the medium of light, and the light which should shine through it be intensified?

2. Làm thế nào để hào quang trở thành trung gian của ánh sáng, và làm thế nào để tăng cường ánh sáng cần chiếu xuyên qua nó?

3. Have you noticed what is the effect which your own individual aura is making upon your environment and how can you improve that effect?

3. Các bạn đã nhận thấy hào quang cá nhân của mình đang tác động như thế nào lên môi trường chung quanh, và làm thế nào để cải thiện tác động ấy?

This will enable you to make practical application of that which I seek to teach you. Forget not that as you look out upon the world and your immediate environment, that you look out through your aura and have, therefore, to deal with glamour and illusion.

Điều này sẽ giúp các bạn áp dụng vào thực tiễn những gì Tôi muốn dạy. Đừng quên rằng khi nhìn ra thế giới và môi trường ngay chung quanh, các bạn nhìn qua hào quang của mình, và vì vậy phải xử lý ảo cảm và ảo tưởng.

There are three further questions which you might put to yourself, facing the issue in the light of your soul:

Có thêm ba câu hỏi mà các bạn có thể tự đặt ra, khi đối diện với vấn đề trong ánh sáng của linh hồn mình:

1. Do I suffer primarily from glamour or from illusion?

1. Tôi chủ yếu chịu ảnh hưởng của ảo cảm hay ảo tưởng?

2. Do I know which quality or characteristic in my nature facilitates my tuning in on the world glamour or the world illusion?

2. Tôi có biết phẩm tính hoặc đặc tính nào trong bản chất của mình khiến tôi dễ hòa nhịp với ảo cảm thế giới hay ảo tưởng thế giới không?

3. Have I reached the point where I can recognise my peculiar Dweller on the

Threshold, and can I state what form it takes?

3. Tôi đã đạt đến mức có thể nhận biết Kẻ Chận Ngõ đặc thù của mình chưa, và tôi có thể nói rõ nó mang hình tướng nào không?

That you may indeed as individuals and also as a group learn the meaning of true self-knowledge and so learn to stand in spiritual being, increasingly free from glamour and illusion, is the prayer of your friend and brother who has fought his way through to a greater measure of light...

Mong các bạn thực sự học được ý nghĩa của sự tự hiểu biết chân chính, cả với tư cách cá nhân lẫn với tư cách một nhóm, và nhờ đó học cách an trụ trong sự hiện tồn tinh thần, ngày càng tự do khỏi ảo cảm và ảo tưởng: đó là lời cầu nguyện của người bạn và huynh đệ của các bạn, người đã chiến đấu để tiến đến một mức độ ánh sáng lớn hơn...

[36] During the past six months, four members of this group of students have been fighting glamour in their own individual lives, and for the most part successfully. I make reference to this because in an experimental group such as this, it is well to anticipate such a situation; such wrestling will naturally occur, because only that which is experimentally known becomes a true content of the equipment of the disciple. Earlier I referred to the fact that part of the plan of the Hierarchy embraces the starting of small groups such as this one which would have the definite objective of providing the active means whereby the world glamour—today so potent and deep—can be dissipated.

[36] Trong sáu tháng qua, bốn thành viên của nhóm đạo sinh này đã chiến đấu với ảo cảm trong đời sống riêng của mình và phần lớn đều thành công. Tôi nhắc đến điều này vì trong một nhóm thử nghiệm như thế này, nên dự liệu một tình trạng như vậy; cuộc vật lộn ấy sẽ tự nhiên diễn ra, vì chỉ những gì được biết qua thực nghiệm mới thực sự trở thành một phần trong bộ máy của người đệ tử. Trước đây, Tôi đã đề cập đến việc một phần Thiên Cơ của Thánh đoàn bao gồm việc khởi lập những nhóm nhỏ như nhóm này, với mục tiêu rõ rệt là cung cấp phương tiện hoạt động để làm tiêu tan ảo cảm thế giới—ngày nay hết sức mạnh mẽ và sâu đậm.

The time has not yet come for dealing with the world illusion on a large scale, for the race is not adequately mental nor has the illusion (which is, as I have stated, pre-eminently the result of the misinterpretation of ideas) reached its height. But the hour has struck for the first steps to be taken in the dissipation of glamour, and the hold of glamour upon the race should be appreciably lessened in the future. Hence the practical training now being given in this group in their own lives; hence also the intended teaching later to be

Chưa đến lúc xử lý ảo tưởng thế giới trên quy mô lớn, vì nhân loại chưa phát triển trí tuệ đầy đủ, và ảo tưởng (như Tôi đã nói, chủ yếu là kết quả của việc diễn giải sai các ý tưởng) cũng chưa đạt đến đỉnh điểm. Nhưng giờ đã điểm để thực hiện những bước đầu tiên trong việc làm tiêu tan ảo cảm, và trong tương lai, sức khống chế của ảo cảm đối với nhân loại cần giảm đi đáng kể. Vì vậy, nhóm này hiện đang được huấn luyện thực tiễn ngay trong đời sống của từng người; và cũng vì vậy, sau này nhóm sẽ nhận được giáo huấn dự định—nếu họ đáp ứng được cơ hội

given to the group—if they measure up to the opportunity—which will enable them to aid in the concerted and planned attack upon the world glamour. Wrestle therefore with your personal problems along these lines, my brothers, for in this way you will gain facility in discernment, in clear precise action, and in strengthened understanding.

—giúp họ tham gia cuộc tấn công phối hợp và có kế hoạch nhằm vào ảo cảm thế giới. Vì vậy, các huynh đệ của Tôi, hãy vật lộn với những vấn đề cá nhân theo các đường hướng này, vì bằng cách ấy, các bạn sẽ trở nên thành thạo hơn trong phân biện tinh thần, trong hành động sáng rõ, chính xác và trong sự thấu hiểu được củng cố.

In the process of dissipating glamour, the way of the greatest potency is to realise the necessity to act purely as a channel for the energy of the soul. If the disciple can make right alignment and consequent contact with his soul, the results show as *increased light*. This light pours down and irradiates not only the mind, but the brain consciousness [37] as well. He sees the situation more clearly: he realises the facts of the case as against his "vain imaginings"; and so the "light shines upon his way." He is not yet able to see truly in the larger sweeps of consciousness; the group glamour and, of course, the world glamour remain to him as yet a binding and bewildering mystery, but his own immediate way begins to clear, and he stands relatively free from the fog of his ancient and distorting emotional miasmas. Alignment, contact with his soul, and then steadfastness, are the keynotes to success.

Trong tiến trình làm tiêu tan ảo cảm, cách thức mạnh mẽ nhất là nhận ra sự cần thiết phải hành động thuần túy như một kênh dẫn năng lượng linh hồn. Nếu người đệ tử có thể chỉnh hợp đúng đắn và nhờ đó tiếp xúc với linh hồn mình, kết quả sẽ biểu hiện thành *ánh sáng gia tăng*. Ánh sáng này tuôn xuống và chiếu sáng không chỉ thể trí mà cả tâm thức bộ não [37] nữa. Y nhìn tình hình rõ ràng hơn: y nhận biết những sự thật của vấn đề, đối lập với các "tưởng tượng hão huyền" của mình; và như vậy, "ánh sáng soi chiếu con đường của y". Y chưa thể nhìn chân thực trong những phạm vi tâm thức rộng lớn hơn; ảo cảm nhóm và, dĩ nhiên, ảo cảm thế giới vẫn còn là một điều bí ẩn trói buộc và gây hoang mang đối với y, nhưng con đường ngay trước mắt y bắt đầu sáng tỏ, và y tương đối tự do khỏi lớp sương mù của những chướng khí cảm xúc lâu đời gây méo lệch. Chỉnh hợp, tiếp xúc với linh hồn, rồi kiên định là những chủ âm dẫn đến thành công.

It will therefore be apparent to you that small groups such as this, if established in different countries and cities and if successful in their personal activities, could play a most useful part. Such groups would have two aspects to their endeavour. They would have to wrestle with group glamour which creeps inevitably into group life through the instrumentality of the group members. Their united personal glamours provide the open door through which group

Vì vậy, các bạn sẽ thấy rõ rằng những nhóm nhỏ như thế này, nếu được thành lập tại các quốc gia và thành phố khác nhau và thành công trong những hoạt động cá nhân, có thể đóng một vai trò hết sức hữu ích. Nỗ lực của những nhóm ấy sẽ có hai phương diện. Họ sẽ phải vật lộn với ảo cảm nhóm vốn không tránh khỏi len vào đời sống nhóm qua các thành viên. Những ảo cảm cá nhân kết hợp của họ tạo nên cánh cửa mở để ảo cảm nhóm có thể xâm nhập. Có thể thấy một ví dụ ngay

glamour can enter. An instance of this can be seen in this group, when glamour entered in through the medium of L.T.S-K., and swept I.B.S. into its vortex of force. It was overcome, fortunately, leaving you all the richer and more united on account of the strong stand in love taken by the other group members. May I remind L.T.S-K. and I.B.S. of their deep indebtedness to the love of their brothers. The group love protected them. I.B.S. has gone a long way in freeing herself from certain aspects of glamour. L.T.S-K. is also freer than he was, but still has much to do. It is always difficult for the third ray person to cultivate the intuition. The *apparently* profound wisdom of the manipulative and devious science of the intelligence inherent in matter prevents oft the entrance of the true wisdom of the illumined mind. Six months ago I felt that it was probably impossible for L.T.S-K. to free himself [38] from the glamour in which he habitually walked. Today a little more light shines upon his way and he may, if he frees himself still further from his self-generated thoughtforms, make the needed grade.

trong nhóm này, khi ảo cảm xâm nhập qua L.T.S-K. và cuốn I.B.S. vào xoáy mãnh lực của nó. May thay, ảo cảm ấy đã được khắc phục, khiến tất cả các bạn phong phú hơn và đoàn kết hơn nhờ lập trường vững vàng trong tình thương của những thành viên khác. Tôi xin nhắc L.T.S-K. và I.B.S. về món nợ sâu sắc đối với tình thương của các huynh đệ mình. Tình thương của nhóm đã bảo vệ họ. I.B.S. đã tiến một đoạn đường dài trong việc giải thoát mình khỏi một số phương diện của ảo cảm. L.T.S-K. cũng tự do hơn trước, nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm. Việc vun bồi trực giác luôn khó khăn đối với người cung ba. Minh triết *có vẻ* sâu sắc của khoa học trí thông minh vốn có trong vật chất, với tính thao túng và quanh co, thường ngăn minh triết chân chính của thể trí được soi sáng đi vào. Sáu tháng trước, Tôi cảm thấy có lẽ L.T.S-K. không thể tự giải thoát [38] khỏi ảo cảm mà y thường xuyên sống trong đó. Ngày nay, thêm một chút ánh sáng đang soi chiếu con đường của y, và nếu tự giải thoát hơn nữa khỏi những hình tư tưởng do mình tạo ra, y có thể đạt mức cần thiết.

When group glamour has been somewhat dissipated and the group can walk in the "lighted Way" with freedom, then will come the time when the group can be trained in *group alignment, group contact* and *group steadfastness.* It can then begin the definite and scientific task of attacking the world glamour. It is of interest in this particular group to be reminded that this is part of the activity now being undertaken by certain people in the New Group of World Servers. Through the emphasis in the world of certain basic ideas such as goodwill and mutual inter-dependence, much is being done to dissipate the glamour in which the people of the world are walking. It is not the function of every server to form part of the massed attack upon the world glamour

Khi ảo cảm nhóm đã phần nào tiêu tan và nhóm có thể tự do bước đi trên "Con Đường được Soi Sáng", thì sẽ đến lúc nhóm có thể được huấn luyện về *sự chỉnh hợp nhóm, sự tiếp xúc nhóm* và *sự kiên định của nhóm.* Khi ấy, nhóm có thể bắt đầu nhiệm vụ cụ thể và khoa học là tấn công ảo cảm thế giới. Đối với nhóm cụ thể này, điều đáng quan tâm là được nhắc nhớ rằng đây là một phần hoạt động mà một số người trong Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian hiện đang thực hiện. Thông qua việc nhấn mạnh trên thế giới một số ý tưởng căn bản như thiện chí và sự phụ thuộc lẫn nhau, nhiều việc đang được thực hiện để làm tiêu tan ảo cảm mà người dân trên thế giới đang bước đi trong đó. Không phải mọi người phụng sự đều có chức năng tham gia cuộc tấn công tập trung vào ảo cảm

which is now getting under way. Everyone has to deal with glamour in his own personal life, but functions and activities differ. Yours is the work of the trained observers, and that training takes much time. At present, many of you do not recognise glamour when it meets you, and envelops you. It is only by its effects that you eventually know it for what it is. The time must come when your processes of observation are so keen that you will recognise it in its true nature before it immerses and engulfs you and produces those conditions which enable you to say later: "Why did I allow myself to be glamoured? Why was I so deluded?"

thế giới hiện đang bắt đầu. Mỗi người đều phải xử lý ảo cảm trong đời sống cá nhân của mình, nhưng các chức năng và hoạt động khác nhau. Công việc của các bạn là công việc của Các Nhà Quan Sát Lão Luyện, và việc huấn luyện ấy đòi hỏi nhiều thời gian. Hiện nay, nhiều người trong các bạn không nhận ra ảo cảm khi nó đến và bao phủ các bạn. Chỉ qua những tác động của nó, cuối cùng các bạn mới biết nó thực sự là gì. Phải đến lúc khả năng quan sát của các bạn sắc bén đến mức các bạn nhận ra bản chất đích thực của nó trước khi nó nhấn chìm, nuốt chửng các bạn và tạo ra những tình trạng khiến về sau các bạn phải nói: "Tại sao tôi lại để mình rơi vào ảo cảm? Tại sao tôi lại bị mê lầm đến thế?"

At this point I desire to do two things: I seek to outline a little more carefully this discussion or short treatise on glamour, so that our ideas may be clearly formulated and you will have a textbook for future reference which [39] will serve to guide your group and analogous groups in the way of right activity. Secondly, I wish to recapitulate somewhat those things which I have already stated so as to enrich your understanding of the various phases of the world glamour. This world glamour, the analytical mind has to differentiate into distinctive phases, calling them Illusion, Glamour, Maya and that synthetic thoughtform, found on the Path of Discipleship, which is called by some schools of esotericism the Dweller on the Threshold.

Đến đây, Tôi muốn làm hai việc: Tôi tìm cách phác thảo kỹ lưỡng hơn đôi chút cuộc thảo luận hay khảo luận ngắn này về ảo cảm, để các ý tưởng của chúng ta có thể được trình bày rõ ràng và các bạn có một giáo trình để tham khảo về sau, [39] giúp hướng dẫn nhóm của các bạn cùng những nhóm tương tự theo hướng hoạt động đúng đắn. Thứ hai, Tôi muốn tóm lược phần nào những điều Tôi đã trình bày, nhằm làm phong phú sự thấu hiểu của các bạn về những khía cạnh khác nhau của ảo cảm thế giới. Thể trí phân tích phải phân biệt ảo cảm thế giới này thành những khía cạnh riêng biệt, gọi chúng là Ảo tưởng, Ảo cảm, Ảo lực và hình tư tưởng tổng hợp xuất hiện trên Con Đường Đệ Tử, mà một số trường phái huyền bí học gọi là Kẻ Chận Ngõ.

As you will see from this, my brothers, we have set ourselves a large theme, which must be very carefully handled. My task is a difficult one, because I write for those who are still held by the varying aspects of glamour, and usually by the secondary glamour and maya. Illusion does not yet

Các huynh đệ của Tôi, như các bạn sẽ thấy từ những điều này, chúng ta đã đặt ra cho mình một chủ đề lớn, cần được xử lý hết sức cẩn trọng. Nhiệm vụ của Tôi là một nhiệm vụ khó khăn, vì Tôi viết cho những người vẫn còn chịu sự ràng buộc của các phương diện khác nhau của ảo cảm, và thường là của ảo

fully play its part and the Dweller is seldom adequately realised. I would here remind you of a stupendous occult fact and will ask you to endeavour to understand that whereof I speak. The Dweller on the Threshold does not emerge out of the fog of illusion and of glamour until the disciple is nearing the Gates of Life. Only when he can catch dim glimpses of the Portal of Initiation and an occasional flash of light from the Angel of the Presence Who stands waiting beside that door, can he come to grips with the principle of *duality*, which is embodied for him in the Dweller and the Angel. Do you comprehend that whereof I speak? As yet, my words embody for you symbolically a future condition and event. The day will surely come, however, when you will stand in full awareness between these symbols of the pairs of opposites, with the Angel on the right and the Dweller on the left. May strength then be given to you to drive straight forward between these two opponents, who have for long ages waged warfare in the field of your life, and so may you [40] enter into that Presence where the two are seen as one, and naught is known but life and deity.

cảm thứ yếu cùng ảo lực. Ảo tưởng chưa phát huy đầy đủ vai trò của nó, còn Kẻ Chận Ngõ hiếm khi được nhận biết một cách đầy đủ. Ở đây, Tôi muốn nhắc các bạn về một sự thật huyền bí vô cùng lớn lao và đề nghị các bạn cố gắng thấu hiểu điều Tôi đang nói. Kẻ Chận Ngõ không hiện ra khỏi màn sương ảo tưởng và ảo cảm cho đến khi đệ tử tiến gần đến các Cổng Sự Sống. Chỉ khi y có thể thoáng thấy lờ mờ Cổng Điểm Đạo và đôi lúc thấy một tia sáng lóe lên từ Thiên Thần của Hiện Diện, Đấng đứng chờ bên cánh cửa ấy, y mới có thể trực diện với nguyên khí *nhị nguyên*, mà đối với y, Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần là hiện thân. Các bạn có lĩnh hội điều Tôi đang nói không? Hiện giờ, đối với các bạn, những lời của Tôi mới chỉ biểu đạt bằng biểu tượng một tình trạng và sự kiện trong tương lai. Tuy nhiên, chắc chắn sẽ đến ngày các bạn đứng với sự nhận biết trọn vẹn giữa những biểu tượng này của các cặp đối cực, với Thiên Thần bên phải và Kẻ Chận Ngõ bên trái. Cầu mong khi ấy các bạn được ban sức mạnh để tiến thẳng về phía trước giữa hai đối thủ này, những kẻ từ bao thời đại đã giao chiến trên chiến trường đời sống của các bạn, và nhờ đó các bạn có thể [40] bước vào Hiện Diện ấy, nơi hai được thấy là một, và không còn biết gì ngoài sự sống và Thượng đế.

In summarising some of the information I have given to you concerning the four aspects of glamour, I would offer the following tabulation for your careful consideration.

Để tóm lược một số thông tin Tôi đã cung cấp cho các bạn về bốn phương diện của ảo cảm, Tôi xin đưa ra bảng sau đây để các bạn cân nhắc kỹ lưỡng.

Note:

Lưu ý:

1. A dawning sense of *maya* arose in Lemurian days, but there was no real glamour and illusion.

1. Một cảm nhận sơ khởi về *ảo lực* đã xuất hiện vào thời Lemuria, nhưng chưa có ảo cảm và ảo tưởng thực sự.

2. *Glamour* arose in early Atlantean times.

2. *Ảo cảm* xuất hiện vào đầu thời Atlantis.

3. *Illusion* arose among advanced human beings in later Atlantean days and will be a controlling factor in our Aryan race.

3. *Ảo tưởng* xuất hiện ở những con người tiến bộ vào cuối thời Atlantis và sẽ là một yếu tố chi phối trong giống dân Arya của chúng ta.

4. *The Dweller on the Threshold* arrives at full potency at the end of this race, the Aryan, and in the lives of all initiates prior to taking the third initiation.

4. *Kẻ Chận Ngõ* đạt đến toàn bộ sức mạnh vào cuối giống dân này, giống dân Arya, và trong đời sống của mọi điểm đạo đồ trước khi trải qua lần điểm đạo thứ ba.

5. The subhuman kingdoms in nature are free from glamour and illusion, but are immersed in the world maya.

5. Các giới dưới nhân loại trong tự nhiên không chịu ảo cảm và ảo tưởng, nhưng chìm trong ảo lực thế giới.

6. The Buddha and His 900 arhats struck the first blow at the world glamour when He promulgated His Four Noble Truths. The Christ struck the second blow with His teaching of the nature of individual responsibility and of brotherhood. The next blow will be struck by the New Group of World Servers, acting under the direction of Christ and His disciples, symbolically described as "Christ and His 9000 initiates."

6. Đức Phật và 900 vị A la hán của Ngài đã giáng đòn đầu tiên vào ảo cảm thế giới khi Ngài công bố Tứ Diệu Đế. Đức Christ giáng đòn thứ hai bằng giáo huấn của Ngài về bản chất của trách nhiệm cá nhân và tình huynh đệ. Đòn tiếp theo sẽ do Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian giáng xuống, hoạt động dưới sự chỉ đạo của Đức Christ và các đệ tử của Ngài, được mô tả bằng biểu tượng là "Đức Christ và 9000 điểm đạo đồ của Ngài".

7. The Four Keynotes to the solution of the problem of glamour are:

7. Bốn Chủ Âm để giải quyết vấn đề ảo cảm là:

Intuition... Illumination... Inspiration... The Angel of the Presence.

Trực giác... Soi sáng... Cảm hứng... Thiên Thần của Hiện Diện.

[41] THE ASPECTS OF GLAMOUR

[41] CÁC PHƯƠNG DIỆN CỦA ẢO CẢM

Name	*Tên gọi*
Plane	*Cõi*
Opposite	*Đối cực*
Objective	*Mục tiêu*

Battleground	*Chiến trường*
Technique	*Kỹ thuật*
Illusion	Ảo tưởng
Mental	Trí tuệ
Intuition Spritual Perception	Trực giác Tri giác tinh thần
Dispelling	Xua tan
Path of Initiation World of Ideas	Con Đường Điểm Đạo Thế giới Ý tưởng
Contemplation by soul	Sự chiêm ngưỡng của linh hồn
Glamour	Ảo cảm
Astral	Cảm dục
Illumination Lucidity Vision	Soi sáng Sự sáng suốt Tầm nhìn
Dissipation	Làm tiêu tan
Path of Discipleship	Con Đường Đệ Tử
Meditation Holding mind steady in the light	Tham thiền Giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng
Maya	Ảo lực
Etheric	Dĩ thái
Inspiration	Cảm hứng
Devitalisation	Rút sinh lực
Path of Probation Purification	Con Đường Dự Bị Thanh lọc

Occultism. Force manipulation	Huyền bí học. Điều khiển mãnh lực
Dweller on the Threshold	Kẻ Chận Ngõ
Physical Brain Consciousness	Tâm thức của bộ não hồng trần
Angel of the Presence	Thiên Thần của Hiện Diện
Discrimination	Phân biện
Integrated personality	Phàm ngã tích hợp
At-one-ment End of duality	Sự hợp nhất Chấm dứt nhị nguyên

[42] I would call your attention to the fact that the whole problem concerns itself with the use or misuse of force or energy, and that much will clear up in your minds if you will realise three things:

[42] Tôi muốn các bạn chú ý đến sự thật rằng toàn bộ vấn đề liên quan đến việc sử dụng đúng hoặc sai mãnh lực hay năng lượng, và nhiều điều sẽ sáng tỏ trong thể trí của các bạn nếu các bạn nhận ra ba điều:

1. That average man, in everyday life, and the aspirant upon the Path of Probation or Purification, works with the forces of life on the three planes of human endeavour, plus the principle of life itself.

1. Người bình thường trong đời sống hằng ngày, và người chí nguyện trên Con Đường Dự Bị hay Thanh Lọc, làm việc với các mãnh lực của sự sống trên ba cõi hoạt động của con người, cùng với chính nguyên khí sự sống.

2. That the disciple begins to discriminate between the forces and energy. Upon the Path of Discipleship he begins to work with soul-energy. This eventually dominates the forces.

2. Đệ tử bắt đầu phân biện giữa các mãnh lực và năng lượng. Trên Con Đường Đệ Tử, y bắt đầu làm việc với năng lượng linh hồn. Cuối cùng, năng lượng này chi phối các mãnh lực.

3. That the initiate works, upon the Path of Initiation, with energy and learns to distinguish between the energy of life, the energies of the soul, and the forces of the phenomenal world.

3. Trên Con Đường Điểm Đạo, điểm đạo đồ làm việc với năng lượng và học cách phân biệt giữa năng lượng của sự sống, các năng lượng của linh hồn và các mãnh lực của thế giới hiện tượng.

Another point also should be emphasised here and that is that the nature of these forces and energies, and their use and

Ở đây cũng cần nhấn mạnh một điểm khác: bản chất của các mãnh lực và năng lượng này, cùng việc sử dụng và kiểm soát chúng,

control have always to be realised and worked out in full consciousness upon the physical plane. Theory must become fact, and the battles which take place on the subtler levels of the astral and mental planes must be realised in the brain consciousness. It is there that the application is made. As these realisations and inner activities become practical parts of the disciple's life and their consequences become clear to his perception in waking consciousness, they form in time part of his *quality equipment*. He is in reality integrating and synthesising experience in the three worlds and becoming a Master through conscious mastering. He grasps the fact that all that appears and all that happens is due to the circulation and constant mutation of force. He discovers then how these forces interplay in his own experiences [43] and nature, and grasps then the fundamental fact that only those forces which he himself can use and master in his own life as an individual can be employed by him in group activity and be used in the dispelling of the world glamour. It might be expressed in illustration thus:

luôn phải được nhận biết và thực hiện với tâm thức trọn vẹn trên cõi hồng trần. Lý thuyết phải trở thành sự thật, và những trận chiến diễn ra trên các cấp độ vi tế hơn của cõi cảm dục và cõi trí phải được nhận biết trong tâm thức bộ não. Chính tại đó việc ứng dụng diễn ra. Khi những nhận biết và hoạt động bên trong này trở thành những phần thực tiễn trong đời sống của đệ tử, và y thấy rõ những hệ quả của chúng trong tâm thức tỉnh thức, theo thời gian chúng trở thành một phần *hành trang phẩm tính* của y. Thực ra, y đang tích hợp và tổng hợp kinh nghiệm trong ba cõi giới và trở thành một Chân sư thông qua sự làm chủ có ý thức. Y nắm bắt sự thật rằng mọi điều xuất hiện và mọi việc xảy ra đều do sự lưu chuyển và biến đổi không ngừng của mãnh lực. Khi ấy, y khám phá cách các mãnh lực này tương tác trong những trải nghiệm [43] và bản chất của chính mình, rồi nắm bắt sự thật căn bản rằng chỉ những mãnh lực mà chính y có thể sử dụng và làm chủ trong đời sống cá nhân mới có thể được y vận dụng trong hoạt động nhóm và dùng để xua tan ảo cảm thế giới. Có thể minh họa điều này như sau:

1. Through alignment and subsequent contact, the intuition is evoked, awakened and used. This is the great dispelling agency, and pours down from the plane of the intuition (the plane of buddhi) through the soul and the brain to the heart of the disciple.

1. Thông qua sự chỉnh hợp và sự tiếp xúc tiếp theo, trực giác được gợi lên, đánh thức và sử dụng. Đây là tác nhân xua tan vĩ đại, tuôn xuống từ cõi trực giác (cõi Bồ đề), qua linh hồn và bộ não đến trái tim của đệ tử.

2. Through alignment and subsequent contact, the energy of the soul is evoked, awakened and used. This is the great dissipating agency, and pours down from soul levels (the higher levels of the mental plane) through the mind to the brain of the disciple carrying illumination to the astral plane.

2. Thông qua sự chỉnh hợp và sự tiếp xúc tiếp theo, năng lượng linh hồn được gợi lên, đánh thức và sử dụng. Đây là tác nhân làm tiêu tan vĩ đại, tuôn xuống từ các cấp độ linh hồn (những cấp độ cao hơn của cõi trí), qua thể trí đến bộ não của đệ tử, mang sự soi sáng đến cõi cảm dục.

3. These two types of spiritual energy work differently upon the forces of the personality, and their purpose and activity have to be realised in the brain consciousness of the disciple as he works upon the physical plane.

3. Hai loại năng lượng tinh thần này tác động khác nhau lên các mãnh lực của phàm ngã, và đệ tử phải nhận biết mục đích cùng hoạt động của chúng trong tâm thức bộ não khi y làm việc trên cõi hồng trần.

4. Then and only then can the light of the intuition and the light of the soul return to the astral plane through the conscious effort and the dynamic intelligent will of the serving disciple.

4. Khi ấy và chỉ khi ấy, ánh sáng trực giác và ánh sáng linh hồn mới có thể trở lại cõi cảm dục thông qua nỗ lực có ý thức và ý chí năng động, thông minh của đệ tử đang phụng sự.

Ponder on these points for they outline your way and your service....

Hãy suy ngẫm những điểm này, vì chúng phác thảo con đường và việc phụng sự của các bạn....

I have organised somewhat our ideas and outlined the plan under which we would approach this theme. I gave you certain basic concepts and a skeleton outline of the subject as a whole. (See the Table of Contents.) Today we will begin with our real discussion. As you know, it is not [44] my intention to write a long and ponderous thesis on this subject. The books which will be compiled from the instructions offered to these groups of disciples, will not be heavy treatises as are those on *Cosmic Fire* and *White Magic*. They will constitute a series of relatively short volumes, and must therefore be packed with information, and not discursive in style.

Tôi đã phần nào sắp xếp các ý tưởng của chúng ta và phác thảo kế hoạch để chúng ta tiếp cận chủ đề này. Tôi đã đưa ra cho các bạn một số khái niệm căn bản và một dàn ý sơ lược về toàn bộ chủ đề. (Xem Mục lục.) Hôm nay, chúng ta sẽ bắt đầu cuộc thảo luận thực sự. Như các bạn biết, [44] Tôi không có ý định viết một luận thuyết dài dòng và nặng nề về chủ đề này. Những cuốn sách được biên soạn từ các huấn thị dành cho các nhóm đệ tử này sẽ không phải là những khảo luận nặng nề như các khảo luận về *Lửa Vũ Trụ* và *Chánh Thuật*. Chúng sẽ tạo thành một bộ gồm những tập tương đối ngắn, vì vậy phải chứa đựng thông tin cô đọng, chứ không có lối trình bày lan man.

Above everything else, my brothers, these instructions must be of a definitely practical value and must leave the student with the realisation that he understands better the subtle world of thought currents and of forces in which he dwells; and that he knows better the means he must employ and the technique he must follow if he is to clear his path from darkness and confusion and

Các huynh đệ của Tôi, trên hết, những huấn thị này phải có giá trị thực tiễn rõ rệt và phải giúp đạo sinh nhận ra rằng y thấu hiểu hơn thế giới vi tế của các dòng tư tưởng và mãnh lực mà y đang sống trong đó; và rằng y biết rõ hơn những phương tiện phải sử dụng cùng kỹ thuật phải tuân theo nếu muốn dọn sạch bóng tối và sự rối ren khỏi con đường của mình để tiếp tục tiến đến ánh sáng và sự

follow on to light and harmony. Our study must be comparative also, and the reader must bear in mind that he will not be able to distinguish the truth or isolate that aspect of the teaching which is for him of paramount importance unless he *applies* that which is helpful, and ascertains clearly whether he is the victim of illusion or of glamour. In the last analysis, he must know where he stands before he can take his next needed step forward. The disciple is the victim and, let us hope, the dissipator of both glamour and illusion, and hence the complexity of his problem and the subtlety of his difficulties. He must bear in mind also (for his strengthening and cheer) that every bit of glamour dissipated and every illusion recognised and overcome "clears the way" for those who follow after, and makes easier the path of his fellow disciples. This is par excellence, the Great Service, and it is to this aspect of it that I call your attention. Hence my attempts in these instructions to clarify this issue.

hài hòa. Việc nghiên cứu của chúng ta cũng phải mang tính so sánh, và người đọc phải ghi nhớ rằng y sẽ không thể phân biệt chân lý hay tách riêng phương diện giáo huấn có tầm quan trọng cao nhất đối với mình, trừ khi y *áp dụng* những gì hữu ích và xác định rõ mình là nạn nhân của ảo tưởng hay ảo cảm. Xét đến cùng, y phải biết mình đang ở đâu trước khi có thể tiến bước tiếp theo cần thiết. Đệ tử là nạn nhân và, chúng ta hãy hy vọng, cũng là người làm tiêu tan cả ảo cảm lẫn ảo tưởng; vì thế, vấn đề của y phức tạp và những khó khăn của y vi tế. Y cũng phải ghi nhớ (để thêm sức mạnh và niềm vui) rằng mỗi phần ảo cảm được làm tiêu tan và mỗi ảo tưởng được nhận ra và vượt qua đều "dọn đường" cho những người theo sau, và làm cho con đường của các đệ tử đồng môn dễ đi hơn. Đây chính là việc Phụng Sự Vĩ Đại theo nghĩa cao nhất, và Tôi muốn các bạn chú ý đến phương diện này của nó. Vì vậy, trong những huấn thị này, Tôi cố gắng làm sáng tỏ vấn đề ấy.

One of the problems which confronts the aspirant is the problem of duly recognising glamour when it arises, and of being aware of the glamours which beset his path and the [45] illusions which build a wall between him and the light. It is much that you have recognised that glamour and illusion exist. The majority of people are unaware of their presence. Many good people today see this not; they deify their glamours and regard their illusions as their prized and hard won possessions.

Một trong những vấn đề mà người chí nguyện phải đối diện là nhận ra đúng mức ảo cảm khi nó xuất hiện, và nhận biết những ảo cảm vây bủa con đường của mình cùng những [45] ảo tưởng dựng nên bức tường giữa y và ánh sáng. Việc các bạn đã nhận ra rằng ảo cảm và ảo tưởng tồn tại là một bước tiến đáng kể. Phần lớn mọi người không nhận biết sự hiện diện của chúng. Ngày nay, nhiều người tốt không thấy điều này; họ thần thánh hóa những ảo cảm của mình và xem những ảo tưởng của mình là các tài sản quý giá mà họ khó nhọc mới giành được.

The very recognition, in its turn however, carries with it its own problems, so unable is the average disciple to free himself from the glamour-making faculties developed in the past, and so hard does he find it to preserve a

Tuy nhiên, đến lượt nó, chính sự nhận biết ấy lại mang theo những vấn đề riêng, vì đệ tử bình thường rất khó tự giải thoát khỏi các khả năng tạo ảo cảm đã phát triển trong quá khứ, và rất khó giữ được sự cân đối đúng

due proportion and a proper sense of values in regard to the truths of the mental plane. A hard won truth and a principle of reality can be grasped, and then around it the disciple can build the easily formed illusions of the mind which is just beginning to find itself. The glamours of an emotional nature can emerge and gather about the ideal, for that is as yet unclarified and is prone to attract to itself that which—emotionally and sensitively—it believes itself to be and have.

mức cùng ý thức đúng đắn về các giá trị đối với những chân lý của cõi trí. Y có thể nắm bắt một chân lý khó nhọc mới đạt được và một nguyên khí của thực tại, rồi quanh đó xây dựng những ảo tưởng dễ hình thành của thể trí vừa mới bắt đầu khám phá chính mình. Những ảo cảm có bản chất cảm xúc có thể xuất hiện và tụ quanh lý tưởng, vì lý tưởng ấy vẫn chưa sáng tỏ và có xu hướng thu hút về mình những gì mà—về mặt cảm xúc và cảm nhận—nó tin rằng mình là và có.

Let us illustrate my point from two angles, both of which are entirely in the realm of discipleship, or encountered upon the Path of Probation. We will call them the "illusion of power" and the "glamour of authority." This form of words will show you that one is to be encountered upon the astral plane and the other upon the mental.

Chúng ta hãy minh họa ý của Tôi từ hai góc độ, cả hai đều hoàn toàn thuộc phạm vi địa vị đệ tử hoặc được gặp trên Con Đường Dự Bị. Chúng ta sẽ gọi chúng là "ảo tưởng về quyền năng" và "ảo cảm về uy quyền". Cách dùng từ này sẽ cho các bạn thấy rằng một điều được gặp trên cõi cảm dục và điều kia trên cõi trí.

The Glamour of Authority is a mass glamour in most cases. It has its roots in mass psychology and is one of the indications that humanity is at the nursery stage as yet, wherein men are safeguarded from themselves by the imposition of some rule, some set of laws, some authoritative dictum, emanating from state control, from the rule of an oligarchy, or from the dictatorship of some individual. It reduces mankind, as far as one can judge, to set forms and standardises men's activities, regimenting their lives [46] and work. It is imposed and ordered through catering to the fear complex, rampant in humanity at this time; and this fear is one of the most fruitful sources of glamour which we have. We might perhaps and with reason regard it as the seed of all glamour upon our planet. Fear has been the incentive to those conditions which have brought about the glamour of the astral plane, though not the illusions of the mental levels of consciousness.

Ảo cảm về Uy quyền trong phần lớn trường hợp là một ảo cảm quần chúng. Nó bắt nguồn từ tâm lý quần chúng và là một trong những dấu hiệu cho thấy nhân loại vẫn còn ở giai đoạn ấu thơ, khi con người được bảo vệ khỏi chính mình bằng việc áp đặt một quy luật, một bộ luật hay một tuyên ngôn có uy quyền nào đó, xuất phát từ sự kiểm soát của nhà nước, từ sự cai trị của một tập đoàn thiểu số hay từ chế độ độc tài của một cá nhân. Theo những gì có thể nhận định, nó đưa nhân loại vào những khuôn mẫu cố định và chuẩn hóa các hoạt động của con người, đặt đời sống [46] và công việc của họ vào khuôn phép cứng nhắc. Nó được áp đặt và thiết lập bằng cách chiều theo phức cảm sợ hãi đang lan tràn trong nhân loại hiện nay; và nỗi sợ này là một trong những nguồn sinh ra nhiều ảo cảm nhất mà chúng ta có. Có lẽ chúng ta có lý do để xem nó là hạt giống của mọi ảo cảm trên hành tinh chúng ta. Sợ hãi đã thúc đẩy những tình trạng tạo ra ảo cảm của cõi cảm dục, dù không tạo ra

những ảo tưởng của các cấp độ tâm thức trí tuệ.

When the glamour of authority transfers itself into the spiritual consciousness of man, we have such a state of affairs as the period of the Inquisition in its worst forms, of Church authority, with the emphasis upon organisation, government and penalties, or the unquestioned rule of some teacher. In its highest forms we have the recognition of the right of the solar Angel, of the soul or ego, to rule. Between these two extremes, which express the infancy of the race and the freedom which comes when mankind achieves its majority and the freedom of the soul, lie all the many types and kinds of intermediate reactions. In illustration of our point, and thus emphasising the glamour aspect as it affects the disciple and the problem which he faces, what do we find? The disciple has freed himself somewhat from the imposed control of an orthodox teaching and from the rule of a teacher. He stands (as far as he can tell) free from such control. Knowing however his essential weakness and the lure of the personality, he is on guard against himself, and against the ancient rules of control and learns steadily to stand on his own feet, to come to his own decisions, to distinguish truth for himself. He learns to choose his way. But, like all persons who have not taken some of the higher initiations, he can (in due time) become enamoured of his freedom, and automatically then swing into the glamour of *his* ideal of freedom,—an ideal which he has created. He becomes the prisoner of freedom. He rejects all rule except [47] that which he calls the "rule of his own soul," forgetting that his contact with his soul is still intermittent. He demands the right to stand alone. He revels in his new found freedom. He forgets that, having given up the authority of a teaching

Khi ảo cảm về uy quyền chuyển vào tâm thức tinh thần của con người, chúng ta có những tình trạng như thời kỳ Tòa án Dị giáo trong các hình thức tồi tệ nhất của nó, uy quyền của Giáo hội với sự nhấn mạnh vào tổ chức, cai quản và hình phạt, hoặc sự cai trị không bị chất vấn của một huấn sư nào đó. Trong những hình thức cao nhất, chúng ta có sự thừa nhận quyền cai quản của Thái dương Thiên Thần, của linh hồn hay chân ngã. Giữa hai thái cực này, vốn biểu đạt thời thơ ấu của nhân loại và sự tự do có được khi nhân loại đạt đến tuổi trưởng thành cùng sự tự do của linh hồn, là vô số loại phản ứng trung gian. Để minh họa luận điểm của chúng ta, qua đó nhấn mạnh phương diện ảo cảm trong tác động của nó lên đệ tử và vấn đề y phải đối diện, chúng ta thấy gì? Đệ tử đã phần nào tự giải thoát khỏi sự kiểm soát áp đặt của một giáo huấn chính thống và khỏi sự cai quản của một huấn sư. Y đứng đó (trong chừng mực y có thể nhận định), tự do khỏi sự kiểm soát ấy. Tuy nhiên, biết sự yếu đuối căn bản của mình và sức quyến rũ của phàm ngã, y cảnh giác với chính mình và với những quy luật kiểm soát xưa cũ, đồng thời không ngừng học cách tự đứng vững, tự quyết định và tự phân biệt chân lý. Y học cách lựa chọn con đường của mình. Nhưng, như mọi người chưa trải qua một số cuộc điểm đạo cao hơn, y có thể (vào lúc thích hợp) trở nên mê đắm sự tự do của mình, rồi tự động chuyển sang ảo cảm về lý tưởng tự do của *chính mình*,—một lý tưởng do y tạo ra. Y trở thành tù nhân của tự do. Y khước từ mọi sự cai quản ngoại trừ [47] điều y gọi là "sự cai quản của linh hồn mình", quên rằng sự tiếp xúc của y với linh hồn vẫn còn gián đoạn. Y đòi quyền đứng một mình. Y say sưa với sự tự do vừa tìm thấy. Y quên rằng, sau khi từ bỏ uy quyền của một giáo huấn và một huấn sư, y phải học cách chấp nhận uy

and of a teacher, he has to learn to accept the authority of the soul and of the group of souls with which he is affiliated through his karma, his ray type, his choice, and the inevitability of the effects of the at-one-ment. Having relinquished the guidance of another person upon the Path, and having his eyes partially opened, he now seeks to tread that Path to the goal, forgetting however that he treads the Path *in unison with others*, and that there are certain "Rules of the Road" which he must master, and which he must master in unison with others. He has exchanged the individual law for the group law, but does not yet know that group law as it should be known. He marches on as best he can alone, glorying in the freedom from authority which he has succeeded in achieving. He promises himself that he will brook no authority or guidance.

quyền của linh hồn và của nhóm linh hồn mà y liên kết thông qua nghiệp quả, loại cung, sự lựa chọn của mình và tính tất yếu của những tác động do sự hợp nhất mang lại. Sau khi từ bỏ sự hướng dẫn của một người khác trên Đường Đạo, và với đôi mắt đã phần nào mở ra, giờ đây y tìm cách bước trên Đường Đạo ấy đến mục tiêu, nhưng lại quên rằng y bước trên Đường Đạo *trong sự đồng hành với những người khác*, và rằng có một số "Quy Luật của Đường Đạo" mà y phải nắm vững, và phải nắm vững cùng với những người khác. Y đã đổi định luật cá nhân lấy định luật nhóm, nhưng chưa biết định luật nhóm ấy đúng như cần phải biết. Y tiếp tục tiến bước một mình hết sức có thể, tự hào về sự tự do khỏi uy quyền mà y đã đạt được. Y tự hứa sẽ không dung chịu bất kỳ uy quyền hay sự hướng dẫn nào.

Those of us who are considering him and looking on at him from the clearer heights of attainment see him gradually becoming obscured by wisps of fog and by a glamour which is gradually growing up around him as he becomes a "prisoner of the fog of freedom" and revels in what he deems the fact of his independence. When his sight has cleared, and when his mental aspect is more developed and unfolded, he will know that the Law of the Group must, and will, impose itself upon him, and that the rule of the lower nature has only to be exchanged for the rule of the soul. This is group rule and works under the law of the group. He has struggled out of the mass of seekers of the Road on to the Road itself. He is, therefore, ahead of the masses but he is not alone, even if he thinks that he is. He will discover many others who are travelling the same way with [48] him, and their numbers will steadily increase as he progresses. The rule of interplay, of travel, and of group recognition and work and service will impose

Những người trong chúng ta đang xem xét và quan sát y từ những tầm cao sáng tỏ hơn của sự thành tựu thấy y dần bị che khuất bởi những làn sương và một ảo cảm đang lớn dần quanh y, khi y trở thành "tù nhân của màn sương tự do" và say sưa với điều y cho là sự độc lập thực sự của mình. Khi tầm nhìn của y trở nên sáng rõ và phương diện trí tuệ phát triển, khai mở hơn, y sẽ biết rằng Định luật của Nhóm phải, và sẽ, chi phối y, và rằng chỉ cần thay sự cai quản của bản chất thấp bằng sự cai quản của linh hồn. Đây là sự cai quản của nhóm và vận hành theo định luật của nhóm. Y đã nỗ lực thoát khỏi đám đông những người tìm kiếm Đường Đạo để bước lên chính Đường Đạo. Vì vậy, y đi trước quần chúng, nhưng không đơn độc, dù y nghĩ mình như thế. Y sẽ khám phá nhiều người khác đang đi cùng con đường với [48] mình, và số lượng của họ sẽ không ngừng tăng khi y tiến bước. Những quy luật về sự tương tác, hành trình, sự nhận biết nhóm, công việc và phụng sự nhóm sẽ chi phối y cho đến khi y nhận ra mình là một thành viên của Đoàn

themselves upon him until he finds that he is a member of the New Group of World Servers, working under the conditions which are the rules governing their activities. As he learns to travel with them upon the Road, their governing incentives and the techniques of their chosen service will penetrate his consciousness, and automatically and naturally he will begin to obey the higher rhythm and give his assent to the laws which control group life and group consciousness. Finally, he will find himself entering into the silent places where the Masters of the Wisdom dwell, and will work in group rhythm with Them, obeying thus the laws of the spiritual realm, which are the subjective laws of God.

Người Mới Phụng Sự Thế Gian, làm việc trong những điều kiện vốn là các quy luật chi phối hoạt động của họ. Khi y học cách cùng họ đi trên Đường Đạo, những động lực chi phối họ và các kỹ thuật phụng sự mà họ đã lựa chọn sẽ thấm vào tâm thức y; một cách tự động và tự nhiên, y sẽ bắt đầu tuân theo nhịp điệu cao hơn và chấp thuận những định luật kiểm soát đời sống nhóm cùng tâm thức nhóm. Cuối cùng, y sẽ thấy mình bước vào những nơi tĩnh lặng mà các Chân sư Minh Triết cư ngụ, và sẽ làm việc trong nhịp điệu nhóm với Các Ngài, qua đó tuân theo những định luật của lĩnh vực tinh thần, vốn là những định luật chủ quan của Thượng đế.

Time and again, along the Road, he will revolt from control and will fall back into the glamour of his supposed freedom. There *is* freedom from the control of the personality. There *is* freedom from the control of personalities. But there is never any freedom from the Law of Service, and from the constant interplay between man and man, and soul and soul. To stand really free is to stand in the clear unimpeded light of the soul, which is basically and intrinsically group consciousness.

Hết lần này đến lần khác trên Đường Đạo, y sẽ nổi loạn chống lại sự kiểm soát và lại rơi vào ảo cảm về sự tự do mà y tưởng mình có. *Có* sự tự do khỏi sự kiểm soát của phàm ngã. *Có* sự tự do khỏi sự kiểm soát của các phàm ngã. Nhưng không bao giờ có sự tự do khỏi Định luật Phụng sự và khỏi sự tương tác không ngừng giữa người với người, linh hồn với linh hồn. Thực sự đứng trong tự do là đứng trong ánh sáng trong trẻo, không bị cản trở của linh hồn, mà về căn bản và thực chất là tâm thức nhóm.

Therefore, when one of you is beset by uncertainty and unrest, desiring and demanding to walk free and that no authority be imposed upon you, see that you are not submitting to the glamour of a desire to be freed from your group impacts, and make sure that you are not seeking—as a sensitive soul—a way of escape. I am using this phrase in the modern psychological sense. Be sure to ask yourself the question: Is your comfort and your peace of mind of such definite importance to yourself and to others that it warrants your sacrificing the

Vì vậy, khi một người trong các bạn bị sự bất định và bất an vây bủa, mong muốn và đòi hỏi được tự do bước đi mà không có uy quyền nào áp đặt lên mình, hãy xem xét để chắc rằng mình không đang khuất phục trước ảo cảm của ham muốn thoát khỏi những tác động của nhóm, và hãy bảo đảm rằng mình không đang tìm kiếm—với tư cách một linh hồn nhạy cảm—một lối trốn thoát. Tôi dùng cụm từ này theo nghĩa tâm lý học hiện đại. Hãy nhớ tự hỏi: Sự thoải mái và an ổn trong thể trí của mình có thực sự quan trọng đối với bản thân và những người

group integrity in order to have it? [49] Does your own interior satisfaction provide an adequate excuse for delaying the planned group purpose? For delay it, it certainly will. Whatever you decide will constitute, in its turn, an authoritative decision with all the consequent reactions upon the group....

khác đến mức biện minh cho việc hy sinh tính toàn vẹn của nhóm để có được chúng không? [49] Sự thỏa mãn nội tâm của riêng mình có đủ để biện minh cho việc trì hoãn mục đích đã hoạch định của nhóm không? Bởi chắc chắn nó sẽ gây trì hoãn. Bất cứ quyết định nào của các bạn, đến lượt nó, cũng sẽ trở thành một quyết định mang tính uy quyền, với mọi phản ứng hệ quả đối với nhóm....

What is this occult obedience, my brothers, about which we hear so much? Not what many occult groups make it out to be. It is not the control of an external organisation, dedicated to so-called occult work. It is not the imposed conditions of any teacher of any rank. It is not the exchange of the prison of one set of ideas for those of another set with perhaps a larger range or import. A prison is a prison, whether it is a tiny cell or an isolated island of vast extent, from which escape is impossible.

Các huynh đệ của Tôi, sự tuân phục huyền bí mà chúng ta nghe nói rất nhiều là gì? Không phải điều mà nhiều nhóm huyền bí mô tả. Nó không phải là sự kiểm soát của một tổ chức bên ngoài chuyên thực hiện cái gọi là công việc huyền bí. Nó không phải là những điều kiện áp đặt của bất kỳ huấn sư nào, ở bất kỳ cấp bậc nào. Nó không phải là việc đổi nhà tù của một hệ ý tưởng lấy nhà tù của một hệ ý tưởng khác, có lẽ với phạm vi hay tầm quan trọng lớn hơn. Nhà tù vẫn là nhà tù, dù là một phòng giam nhỏ hay một hòn đảo biệt lập rộng lớn mà không thể trốn thoát.

The authority to which we, the teachers on the inner side, respond is twofold in nature, and to it you are just beginning (as units in a group) to respond. To what do you respond?

Uy quyền mà chúng ta, những huấn sư ở phía bên trong, đáp ứng có bản chất nhị phân, và các bạn chỉ mới bắt đầu đáp ứng uy quyền ấy (với tư cách các đơn vị trong một nhóm). Các bạn đáp ứng điều gì?

1. To the slowly emerging realisation of the "light beyond," using that phrase as a symbol. This light is different *in its appeal* to the individual. Yet it is ONE LIGHT. But its recognition reveals new laws, new responsibilities, new duties and obligations, and new relations to others. These constitute an authoritative control. None can escape this authority, but can disobey it in time and space and for a temporary period.

1. Sự nhận biết đang dần xuất hiện về "ánh sáng bên kia", dùng cụm từ này như một biểu tượng. Ánh sáng ấy khác nhau *về sức thu hút* đối với từng cá nhân. Tuy nhiên, đó là MỘT ÁNH SÁNG DUY NHẤT. Nhưng việc nhận biết nó mặc khải những định luật mới, trách nhiệm mới, bổn phận và nghĩa vụ mới, cùng những mối quan hệ mới với người khác. Những điều này tạo thành một sự kiểm soát mang uy quyền. Không ai có thể thoát khỏi uy quyền này, nhưng có thể

không tuân theo nó trong thời gian và không gian, trong một khoảng thời gian tạm thời.

2. To the authority of the *Rules of the Road* which are imposed upon one as one passes from the Path of Probation on to the Path of Discipleship. Yet it is ONE ROAD. Upon this "narrow, razor-edged path," one learns to walk with discipline and discretion and [50] with the desirelessness which one experiences in unison with one's fellow disciples.

2. Uy quyền của *Các Quy Luật của Đường Đạo* áp dụng cho mỗi người khi chuyển từ Con Đường Dự Bị sang Con Đường Đệ Tử. Tuy nhiên, đó là MỘT ĐƯỜNG ĐẠO DUY NHẤT. Trên "con đường hẹp, sắc như lưỡi dao" này, người ta học cách bước đi với kỷ luật và sự thận trọng, [50] cùng trạng thái không còn dục vọng mà mình trải nghiệm trong sự hòa hợp với các đệ tử đồng môn.

What, briefly and succinctly, are these rules of the Road? Let me give you six of the simplest rules, begging you to remember that they are not authoritatively imposed by an arbitrary Board of Directors, such as a group teacher or teachers (of whom I might, of course, be one) but are the outcome of the conditions to be found upon the Path itself. They carry the warrant of a man's own soul and are the result of the experience of millions of travellers upon that Path.

Nói ngắn gọn và súc tích, những quy luật này của Đường Đạo là gì? Tôi xin đưa ra cho các bạn sáu quy luật đơn giản nhất, và tha thiết đề nghị các bạn nhớ rằng chúng không phải do một Ban Lãnh Đạo tùy tiện nào áp đặt bằng uy quyền, chẳng hạn một huấn sư hay các huấn sư của nhóm (dĩ nhiên, Tôi có thể là một trong số đó), mà là kết quả của những điều kiện hiện hữu trên chính Đường Đạo. Chúng mang sự xác nhận của chính linh hồn mỗi người và là kết quả từ kinh nghiệm của hàng triệu người đã đi trên Đường Đạo ấy.

I will give you these six rules (even as I gave them to another aspirant *Discipleship in the New Age, Vol. I, pp. 583-584.*) in ancient and symbolic form, translating them as well as I can from the ancient records, stored in the Hall of Wisdom, and available to all earnest disciples,—such as you.

Tôi sẽ đưa ra cho các bạn sáu quy luật này (cũng như Tôi đã đưa ra cho một người chí nguyện khác *Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, Tập I, tr. 583-584.*) dưới hình thức cổ xưa và mang tính biểu tượng, dịch chúng hết khả năng của Tôi từ những ghi chép cổ xưa, lưu giữ trong Phòng Minh triết và dành cho mọi đệ tử thành tâm,—như các bạn.

The Six Rules of the Path

Sáu Quy Luật của Đường Đạo

(Rules of the Road)

(Các Quy Luật của Đường Đạo)

I. The Road is trodden in the full light of day, thrown upon the Path by Those Who know

I. Hành giả bước trên Đường Đạo trong ánh sáng trọn vẹn của ban ngày, do Những Vị hiểu biết và dẫn dắt chiếu rọi lên Đường Đạo.

and lead. Naught can then be hidden, and at each turn, a man must face himself.

Khi ấy không gì có thể che giấu, và ở mỗi khúc quanh, con người phải đối diện với chính mình.

II. Upon the Road the hidden stands revealed. Each sees and knows the villainy of each. (I can find no other word, my brother, to translate the ancient word which designates the unrevealed stupidity, the vileness and crass ignorance, and the self-interest which are distinguishing characteristics of the average aspirant.) And yet there is, with that great revelation, no turning back, no spurning of [51] each other, and no shakiness upon the Road. The Road goes forward into day.

II. Trên Đường Đạo, những gì ẩn giấu đều hiển lộ. Mỗi người đều thấy và biết sự xấu xa của người khác. (Huynh đệ của tôi, Tôi không tìm được từ nào khác để dịch từ cổ chỉ sự ngu muội chưa bộc lộ, sự đê tiện và vô minh thô thiển, cùng lòng tư lợi vốn là những đặc điểm nổi bật của người chí nguyện thông thường.) Thế nhưng, cùng với sự mặc khải lớn lao ấy, không có sự quay lui, không có sự khinh miệt [51] lẫn nhau, và không có sự chao đảo trên Đường Đạo. Đường Đạo tiến về phía ánh sáng ban ngày.

III. Upon that Road one wanders not alone. There is no rush, no hurry. And yet there is no time to lose. Each Pilgrim, knowing this, presses his footsteps forward, and finds himself surrounded by his fellowmen. Some move ahead; he follows after. Some move behind; he sets the pace. He travels *not* alone.

III. Trên Đường Đạo hành giả không đi lang thang một mình. Không có gì hấp tấp, hay vội vàng. Thế nhưng cũng không có thời gian bỏ phí. Hiểu được điều này, mỗi khách hành hương dấn bước tiến lên, và thấy quanh mình có các bạn đồng hành. Một số tiến phía trước; y theo sau. Một số đi sau; y dẫn lối. Y *không* tiến bước một mình.

IV. Three things the Pilgrim must avoid. The wearing of a hood, the veil which hides his face from others; the carrying of a water pot which only holds enough for his own wants; the shouldering of a staff without a crook to hold.

IV. Khách hành hương phải tránh ba điều. Đội mũ trùm đầu, tấm màn che khuôn mặt y khỏi người khác; mang một bình nước chỉ chứa đủ cho nhu cầu riêng của y; vác trên vai một cây gậy không có đầu cong để nắm.

V. Each Pilgrim on the Road must carry with him what he needs: a pot of fire, to warm his fellowmen; a lamp, to cast its rays upon his heart and show his fellowmen the nature of his hidden life; a purse of gold, which he scatters not upon the Road but shares with others; a sealed vase, wherein he carries all his aspiration to cast before the feet of Him Who waits to greet him at the gate—a sealed vase.

V. Mỗi Khách hành hương trên Đường đạo phải mang theo những gì y cần: một bầu lửa, để sưởi ấm các bạn đồng hành; một ngọn đèn với những tia sáng hắt lên trái tim của y và cho các bạn đồng hành thấy bản tính sự sống ẩn tàng nơi mình; một túi vàng, y không vung vãi trên Đường, mà để chia sẻ cho người khác; một chiếc bình niêm kín, trong đó y mang theo toàn cả tâm nguyện của mình để đặt dưới chân Đấng đang chờ

chào đón y ở cửa Đạo—một chiếc bình niêm kín.

VI. The Pilgrim, as he walks upon the Road, must have the open ear, the giving hand, the silent tongue, the chastened heart, the golden voice, the rapid foot, and the open eye which sees the light. He knows he travels not alone.

VI. Khi dấn bước trên Đường, Khách hành hương phải có tai nghe tỏ rõ, bàn tay giúp đỡ, chiếc lưỡi im lặng, tâm hồn tự chủ, tiếng nói vàng, chân nhanh nhẹn, mắt rộng mở đón nhận ánh sáng. Y biết mình không độc hành.

The Illusion of Power is perhaps one of the first and most serious tests which comes to an aspirant. It is also one of the best examples of this "great mistake," and I [52] therefore bring it to your attention as being one against which I beg you most carefully to guard yourself. It is rare indeed for any disciple to escape the effects of this error of illusion for it is, curiously, based upon right success and right motive. Hence the specious nature of the problem. It might be expressed thus:

Ảo tưởng về Quyền năng có lẽ là một trong những thử thách đầu tiên và nghiêm trọng nhất đến với người chí nguyện. Đây cũng là một trong những ví dụ rõ nhất về "sai lầm lớn lao" này, và vì vậy, Tôi [52] lưu ý các bạn về nó như một điều mà Tôi khẩn thiết đề nghị các bạn hết sức cẩn thận đề phòng. Quả thực, hiếm có đệ tử nào thoát khỏi những tác động của sai lầm do ảo tưởng này, vì điều kỳ lạ là nó dựa trên thành công đúng đắn và động cơ đúng đắn. Vì thế, vấn đề này có vẻ ngoài dễ gây lầm lẫn. Có thể diễn đạt như sau:

An aspirant succeeds in contacting his soul or ego through right effort. Through meditation, good intention, and correct technique, plus the desire to serve and to love, he achieves alignment. He becomes then aware of the results of his successful work. His mind is illumined. A sense of power flows through his vehicles. He is, temporarily at least, made aware of the Plan. The need of the world and the capacity of the soul to meet that need flood his consciousness. His dedication, consecration and right purpose enhance the directed inflow of spiritual energy. He knows. He loves. He seeks to serve, and does all three more or less successfully. The result of all this is that he becomes more engrossed with the sense of power, and with the part he is to play in aiding humanity, than he is with the realisation of a due and proper sense of

Một người chí nguyện thành công trong việc tiếp xúc với linh hồn hay chân ngã của mình nhờ nỗ lực đúng đắn. Qua tham thiền, ý định tốt đẹp và kỹ thuật đúng đắn, cùng với mong muốn phụng sự và yêu thương, y đạt được sự chỉnh hợp. Khi ấy, y nhận biết những kết quả của công việc thành công của mình. Thể trí của y được soi sáng. Một cảm nhận về quyền năng tuôn chảy qua các hiện thể của y. Ít nhất trong một thời gian, y nhận biết Thiên Cơ. Nhu cầu của thế giới và khả năng của linh hồn đáp ứng nhu cầu ấy tràn ngập tâm thức y. Sự tận hiến, thánh hiến và mục đích đúng đắn của y tăng cường dòng năng lượng tinh thần đang tuôn vào theo định hướng. Y biết. Y yêu thương. Y tìm cách phụng sự, và thực hiện cả ba điều ấy ít nhiều thành công. Kết quả của tất cả những điều này là y mải mê với cảm nhận về quyền năng và với vai trò mình sẽ đảm nhận trong việc

proportion and of spiritual values. He over-estimates his experience and himself. Instead of redoubling his efforts and thus establishing a closer contact with the kingdom of souls and loving all beings more deeply, he begins to call attention to himself, to the mission he is to develop, and to the confidence that the Master and even the planetary Logos apparently have in him. He talks about himself; he gestures and attracts notice, demanding recognition. As he does so, his alignment is steadily impaired; his contact lessens and he joins the ranks of the many who have succumbed to the illusion of sensed power. This form of illusion is becoming increasingly prevalent among disciples and those who have taken the first two initiations. There are today many people in the world who have taken the first [53] initiation in a previous life. At some period in the present life cycle, recurring and recapitulating as it does the events of an earlier development, they again reach a point in their realisation which they earlier reached. The significance of their attainment pours in upon them, and the sense of their responsibility and their knowledge. Again they over-estimate themselves, regarding their missions and themselves as unique among the sons of men, and their esoteric and subjective demand for recognition enters in and spoils what might otherwise have been a fruitful service. Any emphasis upon the personality can distort most easily the pure light of the soul as it seeks to pour through the lower self. Any effort to call attention to the mission or task which the personality has undertaken detracts from that mission and handicaps the man in his task; it leads to the deferring of its fulfilment until such time when the disciple can be naught but a channel through which love can pour, and light can shine. This pouring through and

trợ giúp nhân loại hơn là với việc nhận thức một ý thức về tỉ lệ cân xứng, thích đáng và về các giá trị tinh thần. Y đánh giá quá cao kinh nghiệm của mình và chính mình. Thay vì tăng gấp đôi nỗ lực để thiết lập sự tiếp xúc mật thiết hơn với giới linh hồn và yêu thương mọi sinh linh sâu sắc hơn, y bắt đầu thu hút sự chú ý vào bản thân, vào sứ mệnh y sẽ triển khai, và vào sự tin tưởng mà dường như Chân sư, thậm chí cả Hành Tinh Thượng đế, dành cho y. Y nói về bản thân; y phô diễn và thu hút sự chú ý, đòi hỏi sự công nhận. Khi làm như vậy, sự chỉnh hợp của y ngày càng suy giảm; sự tiếp xúc của y yếu đi, và y gia nhập hàng ngũ đông đảo những người đã khuất phục trước ảo tưởng về quyền năng mà mình cảm nhận. Dạng ảo tưởng này ngày càng phổ biến trong số các đệ tử và những người đã trải qua hai lần điểm đạo đầu tiên. Ngày nay, trên thế giới có nhiều người đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất [53] trong một kiếp trước. Vào một thời điểm nào đó trong chu kỳ sống hiện tại, vốn lặp lại và tái diễn những sự kiện của một giai đoạn phát triển trước đây, họ lại đạt đến một mức độ nhận thức mà trước kia họ đã đạt được. Thâm nghĩa của thành tựu ấy tràn ngập họ, cùng với cảm nhận về trách nhiệm và tri thức của mình. Một lần nữa, họ đánh giá quá cao bản thân, xem sứ mệnh của mình và chính mình là độc nhất giữa những người con của nhân loại; rồi sự đòi hỏi công nhận mang tính nội môn và chủ quan của họ xen vào, làm hỏng điều lẽ ra có thể là một sự phụng sự đầy kết quả. Bất kỳ sự nhấn mạnh nào vào phàm nhân cũng có thể dễ dàng làm méo mó ánh sáng thuần khiết của linh hồn khi ánh sáng ấy tìm cách tuôn qua phàm ngã. Bất kỳ nỗ lực nào nhằm thu hút sự chú ý vào sứ mệnh hay nhiệm vụ mà phàm nhân đã đảm nhận đều làm suy giảm sứ mệnh ấy và cản trở con người trong nhiệm vụ của mình; điều đó khiến việc hoàn thành nhiệm vụ phải trì hoãn cho đến khi người đệ tử chỉ còn là một kênh dẫn để tình

shining forth has to be a spontaneous happening, and contain no self-reference.

thương có thể tuôn chảy và ánh sáng có thể tỏa chiếu. Sự tuôn chảy xuyên qua và tỏa chiếu này phải diễn ra tự nhiên, không có bất kỳ sự quy chiếu nào về bản thân.

These two illustrations of glamour and of illusion will show you not only the subtlety of the problem, but also the urgent need for its recognition. There are today so many manifesting these two qualities of the lower nature.

Hai ví dụ minh họa về ảo cảm và ảo tưởng này sẽ cho các bạn thấy không chỉ tính tinh vi của vấn đề mà còn cả nhu cầu cấp thiết phải nhận ra nó. Ngày nay có rất nhiều người biểu lộ hai phẩm tính này của bản chất thấp.

1. Glamour on the Mental Plane... Illusion – 1. Ảo cảm trên Cõi Trí... Ảo tưởng

In this section of our discussion we shall give less time to the consideration of illusion than we shall to that of glamour, or of maya. Illusion is not met squarely, faced and overcome until a man has:

Trong phần thảo luận này, chúng ta sẽ dành ít thời gian để xem xét ảo tưởng hơn là ảo cảm hay ảo lực. Con người chỉ có thể trực diện gặp gỡ, đối mặt và vượt qua ảo tưởng khi đã:

a. Shifted the focus of his consciousness on to the mental plane.

a. Chuyển trọng tâm tâm thức của mình lên cõi trí.

b. Worked definitely at the task of intelligent service. [54]

b. Dứt khoát thực hiện nhiệm vụ phụng sự một cách thông minh. [54]

c. Made his soul alignment consciously and easily, and firmly established his technique of contact.

c. Thực hiện sự chỉnh hợp với linh hồn một cách có ý thức và dễ dàng, đồng thời thiết lập vững chắc kỹ thuật tiếp xúc của mình.

d. Taken the first initiation.

d. Trải qua lần điểm đạo thứ nhất.

The word *illusion* is frequently lightly used to signify lack of knowledge, unsettled opinions, glamour, misunderstandings, psychic bewilderment, the dominance of the lower psychic powers, and many other forms of the world illusion. But the time has come when the word must be used with a developed discriminating sense, and when the disciple must know clearly and comprehend the nature of that phenomenal miasma in which humanity moves. For the

Từ *ảo tưởng* thường được dùng một cách hời hợt để chỉ sự thiếu hiểu biết, những quan điểm chưa ổn định, ảo cảm, những sự hiểu lầm, tình trạng hoang mang thông linh, sự chi phối của các quyền năng thông linh thấp và nhiều dạng khác của ảo tưởng thế gian. Nhưng đã đến lúc phải sử dụng từ này với năng lực phân biện đã phát triển, và người đệ tử phải biết rõ cũng như thấu hiểu bản chất của màn khí độc thuộc thế giới hiện tượng mà nhân loại đang sống trong đó. Để

purposes of clarity and in order to distinguish more definitely and effectively between the forms of illusion in which the soul moves, and from which it must liberate itself, it will be necessary for us to separate the Great Illusion (in its various aspects) into its component parts in time and space, and this I attempted partially to do when I defined for you the words Maya, Glamour, Illusion, and the Dweller on the Threshold. I want you to keep very clearly in your mind these distinctions, and to study with care the tabulation earlier given you.

làm sáng tỏ và phân biệt rõ ràng, hiệu quả hơn giữa các dạng ảo tưởng mà linh hồn đang sống trong đó và phải tự giải thoát khỏi chúng, chúng ta cần tách Đại Ảo Tưởng (trong những phương diện khác nhau của nó) thành các bộ phận cấu thành trong thời gian và không gian; Tôi đã phần nào cố gắng làm điều này khi định nghĩa cho các bạn những từ Ảo lực, Ảo cảm, Ảo tưởng và Kẻ Chận Ngõ. Tôi muốn các bạn ghi nhớ thật rõ những sự phân biệt này và nghiên cứu cẩn thận bảng đã cung cấp trước đó.

Illusion, for our purposes, can be understood to signify the reaction of the undisciplined mind to the newly contacted world of ideas. This contact opens up from the moment a man has aligned himself and brought the lower nature into touch with the higher. Ideas come to us from the plane of the intuition. The soul illumines the plane of the mind and the plane of the intuition so that they stand revealed to each other and their mutual relationship becomes then apparent. The mind of the man (which is slowly becoming the centre of his consciousness and the major reality in his existence) becomes aware of this new and undiscovered world of ideas and he seizes upon some idea or group [55] of ideas and endeavours to make them his own. At first, with the majority of people and especially with the average mystical type, the appreciation of ideas is vague and nebulous, and frequently is arrived at from a second-hand angle. The illumination, coming through the medium of the feebly established soul contact, seems to the unaccustomed neophyte to be of a supreme wonder and of vital moment. The ideas contacted appear to him of great marvel, and superbly unusual, and vitally needed by humanity.

Trong phạm vi chúng ta đang xét, có thể hiểu ảo tưởng là phản ứng của thể trí chưa được rèn luyện đối với thế giới ý tưởng vừa tiếp xúc. Sự tiếp xúc này bắt đầu mở ra ngay từ lúc con người chỉnh hợp và đưa bản chất thấp tiếp xúc với bản chất cao. Những ý tưởng đến với chúng ta từ cõi trực giác. Linh hồn soi sáng cõi trí và cõi trực giác để hai cõi hiển lộ với nhau, và khi ấy mối quan hệ qua lại giữa chúng trở nên rõ ràng. Thể trí của con người (đang dần trở thành trung tâm tâm thức và thực tại chủ yếu trong sự hiện tồn của y) nhận biết thế giới ý tưởng mới mẻ và chưa được khám phá này; y nắm lấy một ý tưởng hoặc một nhóm [55] ý tưởng và cố gắng biến chúng thành của mình. Ban đầu, với đa số người, đặc biệt là người thuộc loại hình thần bí thông thường, sự nhận thức về ý tưởng còn mơ hồ, không rõ nét, và thường có được qua một góc nhìn gián tiếp. Đối với người sơ cơ chưa quen thuộc, sự soi sáng đến qua sự tiếp xúc với linh hồn còn yếu ớt dường như là một điều kỳ diệu tột bậc và có tầm quan trọng thiết yếu. Những ý tưởng mà y tiếp xúc có vẻ vô cùng kỳ diệu, hết sức khác thường và cực kỳ cần thiết cho nhân loại.

But the mind is still self-centred, the contact feeble and the alignment uncertain. The ideas are therefore only dimly sensed. But the *uniqueness* of the experience in the realised content of the mind of the disciple leads him deep into the realm of illusion. The idea, or ideas, which he has contacted are, if he could realise, only a fragment of a far greater Whole. That which he brings to their interpretation is inadequate. The idea which has emerged in his consciousness, through the partial awakening of his intuition, will be distorted in its descent to his brain consciousness in several ways. That which he brings to the materialising of the idea and to its transformation into a practical working scheme is as yet wholly unsuitable. The equipment does not suffice for accuracy. The ways in which this distortion and this stepping down of the idea take place might be outlined for you as follows:—*The passage of an idea from the plane of the intuition to the brain.*

Nhưng thể trí vẫn tập trung vào bản thân, sự tiếp xúc còn yếu ớt và sự chỉnh hợp chưa vững chắc. Vì vậy, y chỉ cảm nhận các ý tưởng một cách lờ mờ. Tuy nhiên, *tính độc nhất* của trải nghiệm, trong những gì thể trí người đệ tử nhận biết, dẫn y đi sâu vào lĩnh vực ảo tưởng. Nếu có thể nhận ra, y sẽ thấy ý tưởng hay những ý tưởng mình đã tiếp xúc chỉ là một mảnh của một Toàn Thể lớn lao hơn nhiều. Những gì y đem vào việc diễn giải chúng còn thiếu sót. Ý tưởng xuất hiện trong tâm thức y qua sự thức tỉnh một phần của trực giác sẽ bị méo mó theo nhiều cách khi đi xuống tâm thức bộ não. Những gì y đem vào việc hiện hình ý tưởng và chuyển đổi nó thành một kế hoạch thực hiện thiết thực vẫn hoàn toàn chưa thích hợp. Bộ máy của y chưa đủ để bảo đảm sự chính xác. Có thể phác thảo cho các bạn những cách mà sự biến dạng và hạ giảm ý tưởng này diễn ra như sau:—*Tiến trình một ý tưởng đi từ cõi trực giác đến bộ não.*

I. The idea is seen by the mind, "held steady in the light of the soul."

I. Thể trí, "được giữ vững trong ánh sáng của linh hồn", nhìn thấy ý tưởng.

II. It descends to the higher levels of the mental plane and there clothes itself with the substance of those levels. It remains still an abstraction, from the angle of the lower mind. This point should be carefully noted by the would-be intuitive. [56]

II. Ý tưởng đi xuống các cấp độ cao của cõi trí và tại đó khoác lấy chất liệu của những cấp độ ấy. Từ góc nhìn của Hạ trí, nó vẫn còn là một điều trừu tượng. Người mong muốn phát triển trực giác cần lưu ý kỹ điểm này. [56]

III. The soul throws its light upward and outward, and the idea, nebulous and faint, emerges into the consciousness of the man. It stands revealed, much as an object stands revealed when the bright beam of a powerful searchlight is thrown upon it. The mind, endeavouring to remain in constant steady conscious contact with the soul, seeing into the higher world through the medium of the

III. Linh hồn chiếu ánh sáng của mình lên trên và ra ngoài, và ý tưởng, còn mơ hồ và mờ nhạt, xuất hiện trong tâm thức con người. Nó hiển lộ, giống như một vật hiển lộ khi luồng sáng chói của một đèn pha mạnh chiếu vào nó. Thể trí, trong khi cố gắng duy trì sự tiếp xúc có ý thức, liên tục và vững vàng với linh hồn, nhìn vào thế giới cao hơn

"soul's wide-opened eye," registers the idea with increasing clarity.

qua "con mắt mở rộng của linh hồn", ghi nhận ý tưởng ngày càng rõ nét.

IV. The idea, revealed, becomes then an ideal to the attentive mind and eventually something to be desired and materialised. The thoughtform-making faculty of the mind then comes into play; the "mind-stuff" becomes actuated by the energy of the idea, vitalised by the recognition of the soul, and the idea then takes its first real step towards embodiment. An ideal is only an embodied idea.

IV. Khi đã hiển lộ, ý tưởng trở thành một lý tưởng đối với thể trí đang chú tâm, và cuối cùng trở thành điều được mong muốn và tìm cách hiện hình. Khi ấy, khả năng tạo hình tư tưởng của thể trí bắt đầu hoạt động; năng lượng của ý tưởng tác động lên "chất liệu trí tuệ", sự nhận biết của linh hồn tiếp sinh lực cho chất liệu ấy, và ý tưởng thực sự bước bước đầu tiên hướng đến sự hiện thân. Một lý tưởng chỉ là một ý tưởng đã hiện thân.

These are the first steps towards materialisation. Embodiment becomes possible. Thus illusion is produced.

Đó là những bước đầu tiên hướng đến sự hiện hình. Sự hiện thân trở nên khả thi. Như vậy, ảo tưởng nảy sinh.

V. Distortion now sets in. This is brought about by various causes. These might be enumerated as follows:

V. Giờ đây sự biến dạng bắt đầu xuất hiện. Nhiều nguyên nhân khác nhau gây ra điều này. Có thể liệt kê chúng như sau:

1. The ray type of the ego colours the man's interpretation of the idea. It colours the emerging thoughtform. Symbolically speaking, the pure light is changed into coloured light. The idea is then "clothed with colour, and thereby the first veil descends."

1. Loại cung của chân ngã nhuốm màu cách con người diễn giải ý tưởng. Nó nhuốm màu hình tư tưởng đang xuất hiện. Nói theo nghĩa biểu tượng, ánh sáng thuần khiết biến thành ánh sáng có màu. Khi ấy, ý tưởng "khoác lấy màu sắc, và do đó tấm màn đầu tiên buông xuống".

2. The point in evolution which the man has reached has also its effect, plus the quality of the [57] integration existing between the three aspects of the personality, and the alignment established between soul-mind-brain. This, being necessarily imperfect, produces indefiniteness of outline and consequently of the final form. Therefore we have:

2. Điểm tiến hoá mà con người đã đạt đến cũng có tác động, cùng với phẩm tính của [57] sự tích hợp giữa ba phương diện của phàm ngã và sự chỉnh hợp đã thiết lập giữa linh hồn–thể trí–bộ não. Vì tất yếu còn chưa hoàn hảo, điều này khiến đường nét thiếu xác định, và do đó hình tướng cuối cùng cũng thiếu xác định. Vì vậy, chúng ta có:

a. Imperfect integration of the personality.

a. Sự tích hợp chưa hoàn hảo của phàm ngã.

b. Indefiniteness of the proposed thoughtform.

b. Tính thiếu xác định của hình tư tưởng dự kiến.

c. The wrong material consequently attracted for the building of the thoughtform.

c. Do đó, vật liệu không thích hợp bị thu hút vào việc xây dựng hình tư tưởng.

d. A shifting focus of attention, owing to the dimness of the seen ideal.

d. Trọng tâm chú ý thay đổi do lý tưởng được nhìn thấy còn mờ nhạt.

e. The rapport of the mind, with the sensed idea, is not stable.

e. Mối liên hệ hòa hợp giữa thể trí và ý tưởng được cảm nhận không ổn định.

3. The quality of the development of the mental body of the disciple produces the next "veiling" of the idea, as it is called. The idea has become changed through the ray colouring of the soul, and now a still more distorting change is brought about by the ray type of the mental body itself, which may be, and usually is, different to that of the soul ray.

3. Phẩm tính của sự phát triển thể trí nơi người đệ tử tạo ra lần "che phủ" tiếp theo đối với ý tưởng, như người ta gọi. Ý tưởng đã biến đổi qua sắc thái cung của linh hồn, và giờ đây chính loại cung của thể trí gây ra một biến đổi làm méo mó hơn nữa; loại cung này có thể, và thường là, khác với cung linh hồn.

These are the second steps towards materialisation. The form of the embodiment is qualified. Thus illusion is produced.

Đó là những bước thứ hai hướng đến sự hiện hình. Hình tướng hiện thân mang những phẩm tính nhất định. Như vậy, ảo tưởng nảy sinh.

[Webinar 89] – [Webinar 89]

VI. This illusion demonstrates in seven ways usually:

VI. Ảo tưởng này thường biểu lộ theo bảy cách:

1. *Through wrong perception of an idea.* The disciple cannot distinguish between an idea and an ideal, between an idea and a thoughtform, or between an intuitive and a mental concept. This is one of the ways of producing illusion found most commonly among aspirants. The mental atmosphere in which we all dwell is one of illusion. It [58] is also an atmosphere or area of conscious

1. *Qua sự nhận thức sai lầm về một ý tưởng.* Người đệ tử không thể phân biệt giữa ý tưởng và lý tưởng, giữa ý tưởng và hình tư tưởng, hoặc giữa khái niệm trực giác và khái niệm trí tuệ. Đây là một trong những cách tạo ra ảo tưởng thường gặp nhất nơi người chí nguyện. Bầu không khí trí tuệ mà tất cả chúng ta đang sống trong đó là một bầu không khí ảo tưởng. Nó [58] cũng là một bầu

contact wherein thoughtforms of all kinds are to be found. Some of them are placed there by the Hierarchy for man's finding; some of them are men's thoughtforms, built around ideas; some of them are very ancient ideals and have been discarded, but still persist as thoughtforms; some of them are entirely new, and therefore are not yet potent, but most attractive. All of them have been created by man at some stage or another of his individual and racial development. Many of them are the shells of long exploded concepts; still others are embryonic; some of them are static and stable; many are in process of descent from intuitional levels; a few are still illumined by the clear light of the soul and are ready for embodiment. A large number of other thoughtforms are in process of disintegration. Some of these forms or embodied ideas are of a destructive nature, owing to the type of matter of which they are formed. Others are constructive. All of them are coloured by some ray energy. A large number of these forms are necessarily built through the activity of the world of personality; others are in process of construction through the agency of the soul, as well as through the joint activity of both these manifestations. Right perception is therefore essential for each mind, functioning correctly. Aspirants must learn to distinguish between:

không khí hay khu vực tiếp xúc có ý thức, nơi có thể tìm thấy đủ loại hình tư tưởng. Một số do Thánh đoàn đặt ở đó để con người tìm thấy; một số là những hình tư tưởng của con người, được xây dựng quanh các ý tưởng; một số là những lý tưởng rất cổ xưa, đã bị loại bỏ nhưng vẫn tồn tại dưới dạng hình tư tưởng; một số hoàn toàn mới, vì vậy chưa có sức mạnh nhưng rất hấp dẫn. Tất cả đều do con người tạo ra ở một giai đoạn nào đó trong sự phát triển cá nhân và sự phát triển của nhân loại. Nhiều hình tư tưởng là những lớp vỏ của các khái niệm đã bị bác bỏ từ lâu; những hình tư tưởng khác còn ở dạng phôi thai; một số tĩnh tại và ổn định; nhiều hình tư tưởng đang đi xuống từ các cấp độ trực giác; một số ít vẫn được ánh sáng trong trẻo của linh hồn soi sáng và sẵn sàng hiện thân. Rất nhiều hình tư tưởng khác đang trong tiến trình tan rã. Một số hình tướng hay ý tưởng đã hiện thân này có bản chất phá hoại do loại vật chất cấu thành chúng. Những hình tướng khác mang tính xây dựng. Tất cả đều mang sắc thái của một năng lượng cung nào đó. Tất yếu, rất nhiều hình tướng này hình thành qua hoạt động của thế giới phàm ngã; những hình tướng khác đang được xây dựng nhờ tác động của linh hồn, cũng như nhờ hoạt động kết hợp của cả hai biểu hiện ấy. Vì vậy, sự nhận thức đúng đắn là điều thiết yếu đối với mỗi thể trí hoạt động đúng cách. Người chí nguyện phải học cách phân biệt giữa:

a. An idea and an ideal.

a. Ý tưởng và lý tưởng.

b. Between that which is embodied, that which is in process of being embodied, and that which is awaiting disintegration. [59]

b. Những gì đã hiện thân, những gì đang trong tiến trình hiện thân và những gì đang chờ tan rã. [59]

c. Between that which is constructive and that which is destructive.

c. Những gì mang tính xây dựng và những gì mang tính phá hoại.

d. Between the old and the new forms and ideas.

d. Những hình tướng và ý tưởng cũ với những hình tướng và ý tưởng mới.

e. Between the ray ideas and forms as they colour the higher presentations.

e. Các ý tưởng và hình tướng của những cung, khi chúng nhuốm màu các biểu hiện cao hơn.

f. Between ideas and thoughtforms, and between those which are purposely created by the Hierarchy and those which are created by humanity.

f. Ý tưởng và hình tư tưởng, cũng như giữa những gì Thánh đoàn chủ ý tạo ra và những gì nhân loại tạo ra.

g. Between racial thoughtforms and group ideas.

g. Các hình tư tưởng của nhân loại và các ý tưởng nhóm.

I could list many more differentiations, but the above will suffice to show the need for right perceptions, and to indicate the roots of the prevalence of the world illusion, brought about by wrong perception.

Tôi có thể liệt kê nhiều sự biến phân nữa, nhưng những điều trên đủ để cho thấy nhu cầu về sự nhận thức đúng đắn và chỉ ra căn nguyên của tình trạng ảo tưởng thế gian lan tràn do sự nhận thức sai lầm gây ra.

The *cause* is an untrained, unillumined mind.

Nguyên nhân là một thể trí chưa được rèn luyện, chưa được soi sáng.

The *cure* is training in the technique of Raja Yoga.

Phương thuốc là sự rèn luyện theo kỹ thuật Du già Vương giả.

This results in the ability to hold the mind steady in the light, to perceive correctly, to achieve a right outlook, and to attain a right mental attitude. It was these right attitudes with which the Buddha was dealing when He outlined the Noble Eightfold Path. It involves the reaching of a right mental altitude. Yes, I said altitude, my brothers, and not attitude.

Điều này mang lại khả năng giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng, nhận thức đúng đắn, đạt được cách nhìn đúng đắn và một thái độ trí tuệ đúng đắn. Chính những thái độ đúng đắn này là điều Đức Phật đề cập khi Ngài trình bày Bát Chánh Đạo. Điều đó bao hàm việc đạt đến một tầm cao trí tuệ đúng đắn. Đúng vậy, các huynh đệ của Tôi, Tôi nói tầm cao chứ không phải thái độ.

[Webinar 90] – [Webinar 90]

2. *Through wrong interpretation.* The idea, a vital entity or a germ of living potency, is seen through the medium of a partial view,

2. *Qua sự diễn giải sai lầm.* Ý tưởng, một thực thể sinh động hay một mầm quyền năng sống, được nhìn qua một góc nhìn phiến

distorted through the inadequacy of the mental equipment, and frequently stepped down into futility. The [60] mechanism for right understanding is lacking, and though the man may be giving his highest and his best, and though he may be able in some measure to hold his mind steady in the light, yet what he is offering to the idea is but a poor thing at the best. This leads to illusion through misinterpretation.

diện, bị méo mó do bộ máy trí tuệ chưa đầy đủ, và thường bị hạ giảm đến mức vô dụng. [60] Bộ máy để thấu hiểu đúng đắn còn thiếu; dù con người có thể đang dâng hiến những gì cao nhất và tốt nhất của mình, và dù y có thể giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng ở một mức độ nào đó, thì ngay cả trong trường hợp tốt nhất, những gì y đem đến cho ý tưởng vẫn chỉ là một điều nghèo nàn. Điều này dẫn đến ảo tưởng do diễn giải sai.

The *cause* is an over-estimation of one's mental powers. The sin, par excellence, of the mental type is pride, and that colours all activities in the early stages.

Nguyên nhân là sự đánh giá quá cao các năng lực trí tuệ của bản thân. Lỗi lầm nổi bật nhất của người thuộc loại hình trí tuệ là lòng kiêu hãnh, và điều đó nhuốm màu mọi hoạt động trong những giai đoạn đầu.

The *cure* is the development of a cautious spirit.

Phương thuốc là phát triển một tinh thần thận trọng.

[Webinar 91] – [Webinar 91]

3. *Through wrong appropriation of ideas.* Misappropriation of an idea is based upon the drama-making faculty and tendency of the personality to the self-assertion of the little self. These lead a man to appropriate an idea as his own, to credit himself with its formulation, and to give therefore undue importance to it, because he regards it as his. He proceeds to build *his* life around *his* idea, and to make *his* aims and *his* objectives of major importance, expecting others to recognise his proprietorship of the idea. He forgets that no one idea belongs to anyone but, coming as ideas do, from the plane of the intuition, they are a universal gift and possession, and the property of no one mind. His life, as a personality also, becomes subordinated to his idea of an idea, and his ideal of an idea. The idea becomes the dramatic agent of his self-imposed life purpose, driving him from one extreme to

3. *Qua sự chiếm hữu sai lầm các ý tưởng.* Sự chiếm hữu sai lầm một ý tưởng dựa trên khả năng tạo kịch tính và khuynh hướng của phàm ngã muốn khẳng định cái tôi nhỏ bé. Những điều này khiến con người chiếm lấy một ý tưởng làm của riêng, tự nhận công lao hình thành nó và do đó gán cho nó tầm quan trọng quá mức, vì y xem nó là của mình. Y bắt đầu xây dựng cuộc đời *của mình* quanh ý tưởng *của mình*, và đặt những mục đích *của mình* cùng những mục tiêu *của mình* lên vị trí quan trọng hàng đầu, mong người khác công nhận quyền sở hữu của y đối với ý tưởng ấy. Y quên rằng không một ý tưởng nào thuộc về riêng ai; vì đến từ cõi trực giác, các ý tưởng là món quà và tài sản chung của tất cả, không phải tài sản của bất kỳ thể trí riêng lẻ nào. Cuộc đời y, xét như một phàm ngã, cũng trở nên lệ thuộc vào quan niệm của y về một ý tưởng và lý tưởng của y về một ý tưởng. Ý tưởng trở thành tác nhân tạo kịch tính cho mục đích sống mà y tự áp đặt,

another. This leads to illusion through misappropriation. [61]

đẩy y từ cực đoan này sang cực đoan khác. Điều này dẫn đến ảo tưởng do chiếm hữu sai lầm. [61]

The *cause* is over-estimation of personality and undue impress of personality reactions upon the sensed idea and upon all who attempt to contact the same idea.

Nguyên nhân là sự đánh giá quá cao phàm ngã và dấu ấn quá mức của các phản ứng phàm ngã lên ý tưởng được cảm nhận, cũng như lên tất cả những ai cố gắng tiếp xúc với cùng ý tưởng ấy.

The *cure* is a steady attempt to decentralise the life from the personality, and to centre it in the soul.

Phương thuốc là nỗ lực bền bỉ nhằm phi tập trung đời sống khỏi phàm ngã và đặt trọng tâm của nó nơi linh hồn.

One point I would like to make clear at this point. Ideas very seldom come into the world consciousness and into the human mind direct from the intuitional levels. The stage of human development today does not yet permit this. They can come from the intuitional levels only when there is a very highly developed soul contact, a potent mind control, a trained intelligence, a purified emotional body, and a good glandular equipment, as the result of the above requirements. Ponder upon this thought.

Ở đây, Tôi muốn làm rõ một điểm. Rất hiếm khi các ý tưởng đi thẳng từ những cấp độ trực giác vào tâm thức thế giới và thể trí con người. Giai đoạn phát triển hiện nay của nhân loại chưa cho phép điều này. Chúng chỉ có thể đến từ các cấp độ trực giác khi có sự tiếp xúc với linh hồn đã phát triển rất cao, khả năng kiểm soát thể trí mạnh mẽ, trí thông minh đã được rèn luyện, thể cảm xúc đã được thanh lọc, cùng một hệ tuyến tốt là kết quả của những yêu cầu nói trên. Hãy suy ngẫm về tư tưởng này.

Most ideas, when of a very high order, are stepped down into the consciousness of a disciple by his Master and are imparted to him through mental telepathy, and as a result of his sensitivity to the "psychic gift waves," as the Tibetan teaching calls them. Ideas are also sensed in the interplay between disciples. Frequently, when disciples meet together and thus stimulate each others' minds and centralise each others' focussed attention, they can unitedly make a contact with the world of ideas which would otherwise be impossible, and bring through the newer concepts into being. Again, certain great ideas are to be found existing as currents of energy upon

Hầu hết các ý tưởng, khi thuộc một trật tự rất cao, đều được Chân sư của người đệ tử hạ giảm vào tâm thức y và truyền cho y qua viễn cảm trí tuệ, nhờ sự nhạy cảm của y đối với "các làn sóng ân tứ thông linh", như giáo huấn của Chân sư Tây Tạng gọi. Các ý tưởng cũng được cảm nhận trong sự tương tác giữa các đệ tử. Khi các đệ tử gặp nhau và qua đó kích thích thể trí của nhau, đồng thời quy tụ sự chú ý đã tập trung của nhau, họ thường có thể cùng nhau tiếp xúc với thế giới ý tưởng—điều mà nếu không như vậy thì không thể thực hiện—và đưa những khái niệm mới hơn vào hiện tồn. Ngoài ra, có thể tìm thấy một số ý tưởng lớn tồn tại như những dòng năng lượng trên cõi trí; tại đó,

the mental plane, and can there be contacted and forced into embodiment through the trained attention of disciples. These currents of mental energy, coloured by a basic idea, are placed there by the Hierarchy. When thus contacted and discovered, the neophyte is apt to regard his achievement in a personal way [62] and attribute the idea to his own wisdom and power. You will note therefore the great need for right understanding of that which is contacted as well as for right interpretation.

sự chú tâm đã được rèn luyện của các đệ tử có thể tiếp xúc với chúng và thúc đẩy chúng hiện thân. Thánh đoàn đặt những dòng năng lượng trí tuệ mang sắc thái của một ý tưởng căn bản này ở đó. Khi tiếp xúc và khám phá chúng theo cách ấy, người sơ cơ dễ nhìn thành tựu của mình theo góc độ cá nhân [62] và quy ý tưởng ấy cho minh triết cùng quyền năng của riêng mình. Vì vậy, các bạn sẽ nhận thấy nhu cầu rất lớn về sự thấu hiểu đúng đắn những gì được tiếp xúc, cũng như về sự diễn giải đúng đắn.

[Webinar 92] – [Webinar 92]

4. *Through wrong direction of ideas.* This is due to the fact that, as yet, the disciple does not see the picture as it is. His horizon is limited, his vision myopic. A fraction or a fragment of some basic idea impinges upon his consciousness and he interprets it as belonging to a range of activities with which it may have absolutely no relation at all. He therefore starts to work with the idea, distributing it in directions where it is entirely useless; he begins to clothe it in form from an utterly wrong angle, embodying it in such a way that its usefulness is negated. Thus, from the very first moment of contact, the disciple has been suffering from illusion and as long as this is persisted in, the general illusion is strengthened. This is one of the most ordinary forms of illusion, and is one of the first ways in which the mental pride of the disciple can be broken. It is illusion through an initial misapplication, leading to a wrong use or wrong direction of the idea.

4. *Qua sự định hướng sai lầm các ý tưởng.* Điều này là do người đệ tử vẫn chưa nhìn thấy bức tranh đúng như thực trạng của nó. Chân trời của y hạn hẹp, tầm nhìn của y thiển cận. Một phần hay một mảnh của một ý tưởng căn bản nào đó tác động vào tâm thức y, và y diễn giải nó như thuộc về một phạm vi hoạt động mà nó có thể hoàn toàn không liên quan. Vì vậy, y bắt đầu làm việc với ý tưởng ấy, truyền nó theo những hướng mà ở đó nó hoàn toàn vô dụng; y bắt đầu khoác cho nó hình tướng từ một góc độ hoàn toàn sai lầm, cho nó hiện thân theo một cách làm mất đi tính hữu ích của nó. Như vậy, ngay từ khoảnh khắc tiếp xúc đầu tiên, người đệ tử đã chịu ảnh hưởng của ảo tưởng; chừng nào y còn tiếp tục như thế, ảo tưởng chung còn được củng cố. Đây là một trong những dạng ảo tưởng thông thường nhất, và là một trong những cách đầu tiên để phá vỡ lòng kiêu hãnh trí tuệ của người đệ tử. Đó là ảo tưởng do áp dụng sai ngay từ đầu, dẫn đến việc sử dụng sai hay định hướng sai ý tưởng.

Its *cause* is a small and non-inclusive mind.

Nguyên nhân của nó là một thể trí hạn hẹp và thiếu tính bao gồm.

Phương thuốc của nó là rèn luyện thể trí để có tính bao gồm, được trang bị phong phú và

Its *cure* is the training of the mind to be inclusive, well-stocked and well developed from the angle of modern intelligence.

phát triển tốt xét theo trí thông minh hiện đại.

5. *Through wrong integration of an idea.* Every disciple has a life plan, and some chosen field of service. If he has not such a field, he is not a disciple. It may be the home or the school or a [63] larger field, but it is a definite place wherein he expresses that which is in him. In his meditation life and through his contact with his fellow disciples, he touches some idea of importance, perhaps, to the world. Immediately he seizes upon it and seeks to integrate it into his life purpose and life plan. It may have for him no definite use, and is not an idea with which he should be working. The over-activity of his mind is probably responsible for his so seizing upon this idea. All ideas sensed and contacted need not necessarily be ideas with which every disciple should work. This the disciple does not always realise. He therefore seizes upon the idea and attempts to integrate it into his plans, and tries to work with energies for which he is not temperamentally suited. He imposes an energy current upon his mental body with which he cannot cope and disaster follows. Many good disciples demonstrate this over-fertile, over-active mind, and arrive at no good constructive objectives, or life activity. They seize upon every idea that comes their way, and use no discrimination of any kind. This is illusion, through acquisitiveness.

5. *Qua sự tích hợp sai lầm một ý tưởng.* Mỗi đệ tử đều có một kế hoạch cuộc đời và một lĩnh vực phụng sự đã chọn. Nếu không có một lĩnh vực như vậy, y không phải là đệ tử. Đó có thể là gia đình, trường học hay một [63] lĩnh vực rộng lớn hơn, nhưng đó là một nơi xác định để y biểu lộ những gì có trong mình. Trong đời sống tham thiền và qua sự tiếp xúc với các đệ tử đồng môn, y tiếp xúc với một ý tưởng có tầm quan trọng, có lẽ đối với thế giới. Lập tức, y nắm lấy nó và tìm cách tích hợp nó vào mục đích sống và kế hoạch cuộc đời mình. Đối với y, nó có thể không có công dụng xác định nào, và không phải là một ý tưởng mà y nên làm việc cùng. Có lẽ sự hoạt động quá mức của thể trí là nguyên nhân khiến y nắm lấy ý tưởng ấy như vậy. Không nhất thiết mọi ý tưởng được cảm nhận và tiếp xúc đều là những ý tưởng mà mỗi đệ tử nên làm việc cùng. Người đệ tử không phải lúc nào cũng nhận ra điều này. Vì vậy, y nắm lấy ý tưởng, cố gắng tích hợp nó vào các kế hoạch của mình và tìm cách làm việc với những năng lượng không phù hợp với khí chất của y. Y áp đặt lên thể trí mình một dòng năng lượng mà y không thể xử lý, và tai họa xảy ra. Nhiều đệ tử tốt biểu lộ một thể trí sản sinh quá nhiều ý tưởng và hoạt động quá mức như vậy, nhưng không đạt được những mục tiêu xây dựng tốt đẹp hay hoạt động hữu ích trong cuộc sống. Họ nắm lấy mọi ý tưởng đến với mình mà không có bất kỳ sự phân biện nào. Đây là ảo tưởng do lòng ham thu nhận.

Its *cause* is selfish grasping for the little self, even if this is unrealised and the disciple is glamoured by the idea of his own selfless interests.

Nguyên nhân của nó là sự chiếm giữ ích kỷ vì cái tôi nhỏ bé, ngay cả khi người đệ tử không nhận ra điều này và bị ý tưởng về những mối quan tâm vị tha của mình mê hoặc bằng ảo cảm.

Its *cure* is a humble spirit.

Phương thuốc của nó là một tinh thần khiêm nhường.

[Webinar 93] – [Webinar 93]

6. *Through wrong embodiment of ideas*. This refers primarily to the difficulties encountered by those developed souls who do touch the world of the intuition, who do intuit the great spiritual ideas, [64] and whose responsibility it is to embody them in some form, automatically and spontaneously, through a trained and rhythmic activity of the soul and mind, working always in the closest collaboration. The idea is contacted, but is wrongly clothed in mental matter and therefore wrongly started on its way to materialisation. It finds itself, for instance, integrated into a group thoughtform of a colouring, keynote and substance which is entirely unsuited to its right expression. This happens far more often than you might think. It concerns the higher interpretations of the Hindu aphorism: Better one's own dharma than the dharma of another.

6. *Do thể hiện ý tưởng sai lạc*. Điều này chủ yếu đề cập đến những khó khăn mà các linh hồn đã phát triển gặp phải—những linh hồn thực sự tiếp xúc với thế giới trực giác, thực sự trực nhận những ý tưởng tinh thần vĩ đại, [64] và có trách nhiệm thể hiện chúng trong một hình tướng nào đó, một cách tự động và tự phát, thông qua hoạt động có nhịp điệu và đã được rèn luyện của linh hồn và thể trí, luôn phối hợp hết sức chặt chẽ. Ý tưởng được tiếp xúc, nhưng lại khoác lấy vật chất trí tuệ không đúng cách, và vì vậy khởi đầu sai lạc trên con đường đi đến hiện hình. Chẳng hạn, nó được tích hợp vào một hình tư tưởng nhóm có sắc thái, chủ âm và chất liệu hoàn toàn không phù hợp để biểu đạt nó đúng đắn. Điều này xảy ra thường xuyên hơn nhiều so với các bạn có thể nghĩ. Nó liên quan đến những cách diễn giải cao hơn của châm ngôn Ấn giáo: Thà làm bổn phận của mình còn hơn làm bổn phận của người khác.

This is illusion through wrong discrimination where substance is concerned.

Đây là ảo tưởng do phân biện sai lạc về chất liệu.

Its *cause* is lack of esoteric training in creative activity.

Nguyên nhân của nó là thiếu sự huấn luyện huyền bí trong hoạt động sáng tạo.

Its *cure* is the application of fifth ray methods, which are the methods of the mental plane.

Phương cách chữa trị là áp dụng các phương pháp cung năm, vốn là những phương pháp của cõi trí.

This form of error seldom applies to the average aspirant and concerns an illusion which is the testing applied to many initiates of fairly high degree. The ordinary disciple, such as you and others in this

Dạng sai lầm này hiếm khi xảy ra với người chí nguyện thông thường, và liên quan đến một ảo tưởng dùng để thử thách nhiều điểm đạo đồ có cấp độ khá cao. Người đệ tử thông thường, như các bạn và những người khác

group, seldom touch a pure idea, and hence seldom need to embody it.

trong nhóm này, hiếm khi tiếp xúc với một ý tưởng thuần khiết, và do đó hiếm khi cần thể hiện nó trong hình tướng.

7. *Through wrong application of ideas.* How often does this form of illusion descend upon a disciple! He contacts an idea intuitively and also intelligently (note the distinction here expressed) and misapplies it. This is perhaps an aspect of the synthetic illusion or the illusion of the whole of [65] the mental plane, as modern man contacts it. Illusion varies from age to age, according to what the Hierarchy is attempting to do, or according to the general trend of men's thoughts. The disciple can therefore be swept into a wrong activity and a wrong application of ideas because the general illusion (growing out of the six types of illusion to which I have referred above) is over-dominant in his mind.

7. *Do áp dụng ý tưởng sai lạc.*Dạng ảo tưởng này thường xuyên phủ xuống một đệ tử biết bao! Y tiếp xúc với một ý tưởng bằng trực giác và cả bằng trí tuệ (hãy lưu ý sự phân biệt được nêu ở đây), rồi áp dụng nó sai lạc. Đây có lẽ là một phương diện của ảo tưởng tổng hợp, hay ảo tưởng của toàn bộ [65] cõi trí như con người hiện đại tiếp xúc với nó. Ảo tưởng thay đổi theo từng thời đại, tùy theo điều Thánh đoàn đang cố gắng thực hiện, hoặc theo xu hướng chung trong tư tưởng con người. Vì vậy, đệ tử có thể bị cuốn vào một hoạt động sai lạc và một cách áp dụng ý tưởng sai lạc, vì ảo tưởng chung (phát sinh từ sáu loại ảo tưởng mà Tôi đã đề cập ở trên) chi phối quá mạnh thể trí của y.

I could continue enlarging on the ways whereby illusion traps the unwary disciple but this will suffice to awaken in you that constructive analysis which leads from knowledge to wisdom. We have noted that the seven major ways of illusion are as follows:

Tôi có thể tiếp tục trình bày thêm về những cách mà ảo tưởng giăng bẫy người đệ tử thiếu cảnh giác, nhưng chừng này cũng đủ để khơi dậy trong các bạn sự phân tích mang tính xây dựng, dẫn từ tri thức đến minh triết. Chúng ta đã ghi nhận rằng bảy con đường chủ yếu của ảo tưởng là:

1. The way of wrong perception.

1. Con đường tri giác sai lạc.

2. The way of wrong interpretation.

2. Con đường diễn giải sai lạc.

3. The way of wrong appropriation.

3. Con đường chiếm hữu sai lạc.

4. The way of wrong direction.

4. Con đường định hướng sai lạc.

5. The way of wrong integration.

5. Con đường tích hợp sai lạc.

6. The way of wrong embodiment.

6. Con đường thể hiện sai lạc trong hình tướng.

7. The way of wrong application.

These are the third steps towards expression. The form of the expression is also qualified. Thus the seven ways of illusion are produced.

7. Con đường áp dụng sai lạc.

Đây là những bước thứ ba hướng đến sự biểu đạt. Hình tướng biểu đạt cũng mang phẩm tính. Như vậy, bảy con đường của ảo tưởng hình thành.

[Webinar 94] – [Webinar 94]

I have here outlined for you the causes and the various types of illusion to which the disciple is prone. In its pure form, this illusion has to be met and some day surmounted; it has to be isolated and dispelled by the initiate. It was the final successful effort to do this that led Jesus upon the Cross to cry out in words of apparent distress. He then finally dissipated the illusion of the personal, objective [66] Deity. At that moment, He entered fully into the consciousness that He was Himself God, and naught else; that the theory of unity outlined by Him in the Gospel of St. John, chapter XVII, was indeed and in truth a fact in His Own consciousness, established unalterably. Yet, nevertheless, in this infinite and supreme realisation, there entered for a moment a sense of loss and of negation, forcing from His dying Personality that tremendous utterance which has bewildered, and at the same time comforted, so many. This signified the surmounting of the final synthetic illusion. When that has been dispelled, illusion, as it can be understood in the human family, disappears. The man stands free. The illusion of the mental plane can no longer deceive him. His mind is a pure instrument for the reflection of light and of truth. The glamours of the astral plane have no further hold over him, and the astral body itself fades out.

Ở đây, Tôi đã phác họa cho các bạn những nguyên nhân và các loại ảo tưởng khác nhau mà đệ tử dễ mắc phải. Trong hình thức thuần khiết của nó, đệ tử phải đối diện với ảo tưởng này và một ngày nào đó vượt qua nó; điểm đạo đồ phải cô lập và xua tan nó. Chính nỗ lực cuối cùng thành công trong việc này đã khiến Đức Jesus trên Thập Giá thốt lên những lời dường như đầy đau khổ. Khi ấy, cuối cùng Ngài đã làm tiêu tan ảo tưởng về một [66] Thượng đế mang tính cá nhân, khách thể. Vào khoảnh khắc đó, Ngài hoàn toàn bước vào tâm thức rằng chính Ngài là Thượng đế, không gì khác; rằng lý thuyết về sự hợp nhất mà Ngài đã phác họa trong Phúc Âm Thánh Gioan, chương XVII, quả thực là một sự thật trong chính tâm thức Ngài, được xác lập không thể thay đổi. Tuy vậy, trong sự chứng nghiệm vô hạn và tối thượng này, một cảm giác mất mát và phủ định đã thoáng xuất hiện, buộc Phàm ngã đang hấp hối của Ngài thốt ra lời nói đầy sức mạnh ấy, lời đã khiến biết bao người hoang mang, đồng thời cũng an ủi họ. Điều này biểu thị sự vượt qua ảo tưởng tổng hợp cuối cùng. Khi ảo tưởng ấy đã được xua tan, ảo tưởng, theo cách hiểu trong gia đình nhân loại, biến mất. Con người đứng trong tự do. Ảo tưởng của cõi trí không còn có thể lừa dối y. Thể trí của y là một công cụ thuần khiết để phản chiếu ánh sáng và chân lý. Những ảo cảm của cõi cảm dục không còn chi phối y, và chính thể cảm dục cũng dần tan biến.

You will remember that I hinted to you in *A Treatise on White Magic* that the astral body itself was an illusion. It is the definition of the illusory mind upon the mental plane of that which we call the sum total of the desires of the man in incarnation. When illusion and glamour have both been overcome, the astral body fades out in the human consciousness. There is no desire left for the separated self. Kama-manas disappears, and man is then regarded as consisting essentially of soul-mind-brain, within the body nature. This is a great mystery, and its significance can only be understood when a man has controlled his personality and eliminated all aspects of glamour and of illusion. This is accomplished by accomplishing. This mastery is achieved by mastering. This elimination of desire is brought about by conscious eliminating. Get therefore to work, my brothers, and clarification of the problem must inevitably ensue.

Các bạn sẽ nhớ rằng trong *Luận về Chánh Thuật*, Tôi đã gợi ý với các bạn rằng chính thể cảm dục là một ảo tưởng. Nó là sự định nghĩa mà thể trí bị ảo tưởng chi phối trên cõi trí đưa ra về điều chúng ta gọi là tổng thể những dục vọng của con người đang lâm phàm. Khi cả ảo tưởng lẫn ảo cảm đều đã được vượt qua, thể cảm dục dần tan biến trong tâm thức con người. Không còn dục vọng nào dành cho cái ngã riêng biệt. Dục vọng–trí tuệ biến mất, và khi ấy con người được xem là về cơ bản gồm linh hồn–thể trí–bộ não, trong bản chất thân thể. Đây là một huyền nhiệm lớn, và chỉ khi một người đã kiểm soát phàm ngã của mình, loại bỏ mọi phương diện của ảo cảm và ảo tưởng, y mới có thể thấu hiểu thâm nghĩa của nó. Điều này được hoàn thành bằng việc thực sự hoàn thành. Sự làm chủ này đạt được bằng việc thực sự làm chủ. Việc loại bỏ dục vọng này diễn ra nhờ sự loại bỏ có ý thức. Vì vậy, hỡi các huynh đệ của Tôi, hãy bắt tay vào việc, rồi vấn đề tất yếu sẽ sáng tỏ.

[67] That which is the opposite pole of illusion is, as you well know, the intuition. The intuition is that recognition of reality which becomes possible as glamour and illusion disappear. An intuitive reaction to truth will take place when—along a particular line of approach to truth—the disciple has succeeded in quieting the thoughtform-making propensities of the mind, so that light can flow directly, and without any deviation, from the higher spiritual worlds. The intuition can begin to make its presence felt when glamour no longer grips the lower man, and a man's low or high desires, interpreted emotionally or self- centredly, can no longer come between his brain consciousness and the soul. Fleeting moments of this high freedom come to all true aspirants at times, during their life struggle. They have then an

[67] Như các bạn biết rõ, cực đối lập với ảo tưởng là trực giác. Trực giác là sự nhận biết thực tại trở nên khả hữu khi ảo cảm và ảo tưởng biến mất. Một đáp ứng trực giác với chân lý sẽ diễn ra khi—trên một con đường cụ thể tiếp cận chân lý—đệ tử đã thành công trong việc làm lắng dịu các khuynh hướng tạo hình tư tưởng của thể trí, để ánh sáng có thể tuôn chảy trực tiếp, không chút lệch hướng, từ các cõi tinh thần cao hơn. Trực giác có thể bắt đầu biểu lộ sự hiện diện của nó khi ảo cảm không còn khống chế phàm nhân, và những dục vọng thấp hay cao của một người, được diễn giải theo cảm xúc hoặc theo cách tập trung vào bản thân, không còn có thể xen vào giữa tâm thức bộ não của y và linh hồn. Trong cuộc đấu tranh của đời mình, mọi người chí nguyện chân chính đôi khi đều có những khoảnh khắc thoáng qua của sự tự do cao cả này. Khi ấy, họ có một tia

intuitive flash of understanding. The outline of the future and the nature of truth sweeps momentarily through their consciousness, and life is never again exactly the same thing. They have had their guarantee that all struggle is warranted and will evoke its adequate reward.

chớp trực giác của sự thấu hiểu. Đường nét của tương lai và bản chất của chân lý thoáng lướt qua tâm thức họ, và đời sống không bao giờ còn hoàn toàn như trước nữa. Họ đã có sự bảo đảm rằng mọi cuộc đấu tranh đều có lý do chính đáng và sẽ gợi lên phần thưởng tương xứng.

[Webinar 95] – [Webinar 95]

As pointed out in the tabulation (See page 41), that which dispels illusion and substitutes for it a true spiritual and infallible perception is contemplation,—a contemplation necessarily carried on by the soul. Perhaps some grasp of the sequence of development can be arrived at, if you realise that the entire meditation process (in its three major divisions) can be divided as follows:

Như đã chỉ ra trong bảng liệt kê (Xem trang 41), điều xua tan ảo tưởng và thay thế nó bằng một tri giác tinh thần chân thực, không sai lầm, là sự chiêm ngưỡng—một sự chiêm ngưỡng nhất thiết do linh hồn thực hiện. Có lẽ các bạn có thể phần nào nắm bắt trình tự phát triển nếu nhận ra rằng toàn bộ tiến trình tham thiền (trong ba phần chính của nó) có thể được phân chia như sau:

1. The Aspirant	1. Người Chí Nguyện
Probationary Path	Con Đường Dự Bị
Concentration	Định trí
Maya.	Ảo lực.
2. The Disciple	2. Đệ Tử
Path of Discipleship	Con Đường Đệ Tử
Meditation	Tham thiền
Glamour.	Ảo cảm.
3. The Initiate	3. Điểm Đạo Đồ
Path of Initiation	Con Đường Điểm Đạo

Contemplation

Illusion.

The above tabulation will suffice to show the connection between the meditation process as outlined and taught in the Arcane School, and the problem which all of you have to face.

[68] The technique of the dispelling of illusion, as used by the initiate, is that of contemplation. But of what use is it for me to discuss this with you, if you are not initiate? Would it profit you at all, or would it only satisfy your curiosity, if I outlined for you the peculiar processes, employed by a soul in contemplation for penetrating and (through an act of the trained will and through some first ray formulas) for dispelling it? Naught that I can imagine.

I shall therefore conclude my remarks on this point concerning illusion from the angle of your evolutionary status. Glamour is your problem, as it is the problem of the world, at this time. Some of you, whose mental bodies are in process of organising, may suffer somewhat from illusion, but your major problem—as a group and as individuals—is one of glamour. Your field of living experience is on the higher levels of the astral plane. Your task is to overcome glamour, each in your individual lives, and, as a group, later to approach the arduous task of aiding in the dispelling of the world glamour. This you may later be able to do, if you submit to training and, as individuals, understand and master your personal glamours. Just as soon as you have begun to do this, I can begin to use you, *as a group*. But before you can work as a group, and before

Chiêm ngưỡng

Ảo tưởng.

Bảng liệt kê trên đủ để cho thấy mối liên hệ giữa tiến trình tham thiền như được phác họa và giảng dạy tại Trường Arcane, với vấn đề mà tất cả các bạn phải đối diện.

[68] Kỹ thuật mà điểm đạo đồ sử dụng để xua tan ảo tưởng là chiêm ngưỡng. Nhưng việc Tôi thảo luận điều này với các bạn có ích gì nếu các bạn chưa phải là điểm đạo đồ? Liệu các bạn có được lợi ích nào không, hay chỉ thỏa mãn trí tò mò, nếu Tôi phác họa cho các bạn những tiến trình đặc thù mà một linh hồn đang chiêm ngưỡng sử dụng để xuyên thấu và (thông qua một hành động của ý chí đã được rèn luyện và một số công thức cung một) xua tan ảo tưởng? Tôi không thể nghĩ ra lợi ích nào.

Vì vậy, Tôi sẽ kết thúc những nhận xét về điểm này liên quan đến ảo tưởng, xét từ trình độ tiến hoá của các bạn. Hiện nay, ảo cảm là vấn đề của các bạn, cũng như là vấn đề của thế giới. Một số bạn, với thể trí đang trong tiến trình tổ chức, có thể phần nào chịu ảnh hưởng của ảo tưởng, nhưng vấn đề chủ yếu của các bạn—với tư cách một nhóm và từng cá nhân—là ảo cảm. Phạm vi trải nghiệm sống của các bạn nằm trên những cấp độ cao hơn của cõi cảm dục. Nhiệm vụ của các bạn là vượt qua ảo cảm, mỗi người trong đời sống riêng của mình, và về sau, với tư cách một nhóm, tiến đến nhiệm vụ gian nan là hỗ trợ xua tan ảo cảm thế giới. Sau này, các bạn có thể làm được điều đó nếu chấp nhận sự huấn luyện và, với tư cách từng cá nhân, thấu hiểu và làm chủ những ảo cảm riêng của mình. Ngay khi các bạn bắt đầu làm điều này, Tôi có thể bắt đầu sử dụng

you can assist in the dissipation of the world glamour, you have to understand better and master more definitely the glamours and illusions of your personality. The time has now come for me to help you deal more drastically with this problem of glamour, with the view to your destined group service and not with a view of your personal release....

các bạn, *với tư cách một nhóm*. Nhưng trước khi các bạn có thể hoạt động như một nhóm, và trước khi có thể hỗ trợ làm tiêu tan ảo cảm thế giới, các bạn phải thấu hiểu rõ hơn và làm chủ vững chắc hơn những ảo cảm và ảo tưởng của phàm ngã mình. Giờ đã đến lúc Tôi giúp các bạn xử lý quyết liệt hơn vấn đề ảo cảm này, nhằm hướng đến công việc phụng sự nhóm đã định cho các bạn, chứ không nhằm sự giải thoát cá nhân của các bạn....

I ask you to set to work, therefore, with fresh courage and determination and with fresh understanding, and to carry on for another year. Will you bend your effort to the task? For task it is. [69]

Vì vậy, Tôi yêu cầu các bạn bắt tay vào việc với lòng can đảm, quyết tâm và sự thấu hiểu mới, rồi tiếp tục thêm một năm nữa. Các bạn có dốc sức vào nhiệm vụ này không? Bởi đây quả là một nhiệm vụ. [69]

2. Glamour on the Astral Plane... Glamour – 2. Ảo cảm trên Cõi Cảm Dục... Ảo cảm

I have dealt with the problem of illusion or glamour on the mental plane. I dealt with it succinctly and briefly, pointing out that it is not primarily the major problem of this group of aspirants but that they—along with the world aspirant, humanity—are primarily occupied with glamour. Those aspirants who stand in the forefront of humanity and whose task it is to confront the world glamour and forge a way through it, have the task of releasing soul energy and mind potency. Among these pioneering souls you should take your stand, realising the magnitude of the opportunity and the imminence of the hour of release.

Tôi đã bàn đến vấn đề ảo tưởng hay ảo cảm trên cõi trí. Tôi đã trình bày súc tích và ngắn gọn, chỉ ra rằng về cơ bản, đó không phải là vấn đề chủ yếu của nhóm người chí nguyện này, mà họ—cùng với người chí nguyện thế giới là nhân loại—chủ yếu đang phải đối phó với ảo cảm. Những người chí nguyện đứng ở hàng đầu của nhân loại, có nhiệm vụ đối diện với ảo cảm thế giới và mở một con đường xuyên qua nó, phải giải phóng năng lượng linh hồn và sức mạnh của thể trí. Các bạn nên đứng trong hàng ngũ những linh hồn tiên phong này, nhận ra tầm vóc lớn lao của cơ hội và thời khắc giải thoát đang đến gần.

You stand on the verge of accepted discipleship. This means that you will shortly have to add to your battle with glamour that of the battle with illusion. Are you strong enough for this? Forget not, that a disciple who is dealing with the aspiration of his nature and who is also wrestling with the problems that result from mental

Các bạn đang đứng trước ngưỡng cửa của địa vị đệ tử được chấp nhận. Điều này có nghĩa là chẳng bao lâu nữa, bên cạnh cuộc chiến với ảo cảm, các bạn sẽ phải thêm vào cuộc chiến với ảo tưởng. Các bạn có đủ mạnh mẽ cho điều này không? Đừng quên rằng một đệ tử đang xử lý khát vọng trong bản chất mình, đồng thời vật lộn với những vấn đề

polarisation and awareness, and with the energies which become active through soul contact, is rapidly becoming an integrated personality. His task is not therefore easy and calls for the focussed activity of his best self. By that phrase, I mean the soul and the aspirational personality.

phát sinh từ sự phân cực trí tuệ và nhận biết, cũng như với các năng lượng trở nên hoạt động nhờ tiếp xúc linh hồn, đang nhanh chóng trở thành một phàm ngã tích hợp. Vì vậy, nhiệm vụ của y không dễ dàng, và đòi hỏi hoạt động tập trung của phần tốt đẹp nhất trong y. Với cụm từ ấy, Tôi muốn nói đến linh hồn và phàm ngã đầy khát vọng.

Already you are battling somewhat with the illusion of ideas with which I dealt in my last instruction. You are thus beginning to develop that discrimination which will lead to right choice of life themes. In this instruction I seek to cast some light upon the glamour which confronts the disciple as an individual and also consider the aspect of glamour with which he must deal as a world server in training.

Các bạn đã phần nào đấu tranh với ảo tưởng về ý tưởng mà Tôi đã bàn đến trong huấn thị trước. Như vậy, các bạn đang bắt đầu phát triển sự phân biện sẽ dẫn đến việc lựa chọn đúng đắn những chủ đề của đời sống. Trong huấn thị này, Tôi tìm cách soi sáng phần nào ảo cảm mà đệ tử đối diện với tư cách một cá nhân, đồng thời xem xét phương diện ảo cảm mà y phải xử lý với tư cách một Người Phụng Sự Thế Gian đang được huấn luyện.

Speaking symbolically, I would say that the planetary astral body (viewing it from soul levels) is lost in the [70] depths of a surrounding fog. When at night you look out at some clear sky, you see the stars and suns and planets shining with a clear cold brilliancy and with a twinkling blazing light which penetrates for many millions of miles (or light years as they are called) until the human eye registers them and records the existence of these shining stars. Looking, however, at the astral body of the planet, could you but do so, you would see no such clear shining but simply a murky ball of seeming steam and mist and fog. This fog is of a density and thickness which would indicate not only impenetrability but also those conditions which are unfavourable to life. Yet we pass and come and go, we the Teachers on the inner side; and in that fog—seeing all things misshapen and distorted—labour the sons of men. Some are so habituated to the fog and the density that they remain oblivious of its existence,

Theo nghĩa biểu tượng, Tôi muốn nói rằng thể cảm dục hành tinh (khi nhìn từ các cấp độ linh hồn) chìm sâu trong [70] màn sương mù bao quanh. Khi nhìn lên một bầu trời quang đãng vào ban đêm, các bạn thấy những ngôi sao, những mặt trời và các hành tinh tỏa sáng với vẻ rực rỡ trong trẻo, lạnh, cùng ánh sáng lấp lánh chói lọi xuyên qua hàng triệu dặm (hay những năm ánh sáng, như cách người ta gọi), cho đến khi mắt người ghi nhận chúng và ghi lại sự hiện hữu của những ngôi sao rực sáng ấy. Tuy nhiên, nếu có thể nhìn vào thể cảm dục của hành tinh, các bạn sẽ không thấy vẻ sáng trong như thế, mà chỉ thấy một khối cầu tối mờ, dường như gồm hơi nước, sương và sương mù. Màn sương mù này đậm đặc và dày đến mức không chỉ cho thấy tính không thể xuyên thấu, mà còn cho thấy những điều kiện bất lợi cho sự sống. Tuy vậy, chúng ta, những huấn sư ở phía bên trong, vẫn đi qua, đến rồi đi; và trong màn sương ấy—nhìn mọi vật đều méo mó và biến dạng—những người con của nhân loại đang lao động. Một số

regarding it as right and good and the unchangeable place of their daily life. Others have caught faint glimpses of a clearer world wherein more perfect forms and shapes can be seen and where the fog hides not a dimly sensed reality—though what that reality may be they know not. Still others, such as yourselves, see before you an open path leading to the clear light of day. You know not yet, however, that as you tread the path you must, on the Path itself, work actively and intelligently with the surrounding glamour, following a trail blazed by those who have liberated themselves from the environing mists and passed on into a world of clear horizons. So much of the time spent by disciples on the Path is a process of almost cyclic immersion in glamour and fog, alternating with hours of clarity and vision.

người đã quá quen với sương mù và sự đậm đặc ấy đến mức không nhận biết sự hiện hữu của nó, xem đó là nơi chốn đúng đắn, tốt đẹp và không thể thay đổi của đời sống hằng ngày. Những người khác đã thoáng thấy một thế giới trong sáng hơn, nơi có thể nhìn thấy những hình tướng và hình dạng hoàn hảo hơn, và nơi sương mù không che khuất một thực tại được cảm nhận lờ mờ—dù họ không biết thực tại ấy có thể là gì. Lại có những người khác, như chính các bạn, nhìn thấy trước mình một con đường rộng mở dẫn đến ánh sáng trong trẻo của ban ngày. Tuy nhiên, các bạn chưa biết rằng khi bước trên con đường ấy, ngay trên chính Đường Đạo, các bạn phải xử lý ảo cảm bao quanh một cách tích cực và sáng suốt, theo dấu con đường mà những người đã tự giải thoát khỏi sương mù quanh mình và tiến vào một thế giới có chân trời quang đãng đã mở ra. Phần lớn thời gian đệ tử trải qua trên Đường Đạo là một tiến trình gần như có chu kỳ: chìm trong ảo cảm và sương mù, xen kẽ với những giờ phút sáng tỏ và có tầm nhìn.

There are four things which you who seek to work with glamour need to grasp; four basic recognitions which, [71] when understood, will serve to clear and lighten, and therefore straighten your way:

Có bốn điều mà các bạn, những người tìm cách xử lý ảo cảm, cần nắm bắt; bốn nhận biết căn bản mà, [71] khi được thấu hiểu, sẽ giúp làm con đường của các bạn sáng tỏ và nhẹ nhàng hơn, do đó cũng thẳng hơn:

1. Each human being stands in an environing world of glamour which is the result of:

1. Mỗi con người đều đứng trong một thế giới ảo cảm bao quanh, là kết quả của:

a. His own past, with its wrong thinking, selfish desires, and misinterpretation of the purposes of life. There is, or has been, no comprehension of the intended life purpose as visioned by the soul and there cannot be until there is some definite organisation of the mental body.

a. Quá khứ của chính y, với tư duy sai lạc, những dục vọng ích kỷ và sự diễn giải sai lạc về các mục đích của đời sống. Y không có, hoặc chưa từng có, sự thấu hiểu về mục đích đời sống đã định như linh hồn hình dung, và cũng không thể có sự thấu hiểu ấy cho đến khi thể trí được tổ chức một cách rõ rệt.

b. His family "desire life," both past and present. This becomes increasingly potent as evolution proceeds and the desire life of the family unit becomes comes marked and emphasised, constituting then inherited and demonstrated psychological tendencies and characteristics.

b. "Đời sống dục vọng" của gia đình y, cả quá khứ lẫn hiện tại. Điều này ngày càng mạnh mẽ khi tiến hoá tiếp diễn và đời sống dục vọng của đơn vị gia đình trở nên rõ nét, nổi bật, rồi hình thành những khuynh hướng và đặc điểm tâm lý được thừa hưởng và biểu lộ.

c. National glamour, which is the sum total of the desire life, plus the illusions, of any nation. These we term national characteristics and they are so persistent and marked that they are usually recognised as embodying national psychological traits. These are, of course, based on ray tendencies, past history, and world inter-relations but constitute in themselves a glamorous condition out of which every nation must work as it marches on towards the realisation of (and identification with) reality.

c. Ảo cảm quốc gia, là tổng thể đời sống dục vọng cộng với những ảo tưởng của bất kỳ quốc gia nào. Chúng ta gọi chúng là những đặc điểm quốc gia; chúng dai dẳng và rõ nét đến mức thường được nhận biết là hiện thân của những nét tâm lý quốc gia. Dĩ nhiên, chúng dựa trên các khuynh hướng cung, lịch sử đã qua và những mối quan hệ tương hỗ trên thế giới, nhưng bản thân chúng tạo thành một trạng thái ảo cảm mà mỗi quốc gia phải tìm cách thoát ra khi tiến đến sự chứng nghiệm thực tại (và đồng hoá với thực tại).

d. An extension of the above idea into what we call racial glamour, using the word race to mean the human race. This constitutes a very ancient glamour or almost a series of glamours, of entrenched desires, potent aspirations of some kind and definitely human-made forms which—fluidic, enveloping and pulsating with dynamic life—seek to [72] hold the consciousness of humanity upon the astral plane. Such a glamorous concept is that of money and its materialistic value. This glamorous desire is like a dense widely distributed fog, cutting off the vision of truth, and distorting a very large number of human values.

d. Sự mở rộng ý tưởng trên thành điều chúng ta gọi là ảo cảm nhân loại, dùng từ nhân loại để chỉ toàn thể loài người. Điều này tạo thành một ảo cảm rất cổ xưa, hay gần như một chuỗi những ảo cảm, những dục vọng đã ăn sâu, những khát vọng mạnh mẽ thuộc một loại nào đó, và những hình tướng rõ ràng do con người tạo ra; những hình tướng ấy—linh động, bao bọc và rung động theo sức sống mãnh liệt—tìm cách [72] giữ tâm thức nhân loại trên cõi cảm dục. Một quan niệm mang tính ảo cảm như vậy là quan niệm về tiền bạc và giá trị vật chất của nó. Dục vọng mang tính ảo cảm này giống như một màn sương mù đậm đặc lan rộng, che khuất tầm nhìn về chân lý và làm méo mó rất nhiều giá trị của con người.

2. This fog, this glamour which envelops humanity at this time must be realised as a definite substantial thing, and must be dealt with as such. The disciple or aspirant who is

2. Phải nhận ra rằng màn sương mù này, ảo cảm đang bao phủ nhân loại hiện nay, là một sự vật có chất liệu rõ rệt, và phải xử lý nó như vậy. Người đệ tử hay người chí nguyện

seeking to dispel glamour, either in his own life or as a service rendered to the world, must recognise that he is working with substance, with the breaking up of the forms which it has assumed, and with the dissipation of a material all-enveloping substance—material in the same sense as thoughtforms are substantial things but (and here is a point of importance) of a less substantial nature than the forms of glamour found upon the astral plane. We are quite willing to remember that "thoughts are things" and that they have a form life and a purpose of their own. But they have a more unique and separative existence, and more clearly defined and more definite outlines. The forms of glamour on the astral plane are even more substantial but are less clearly defined. Thoughtforms are dynamic, penetrating, clear cut and outlined. Glamours are smothering, vague, and enveloping. In them, a person is immersed as in the ocean or in a "sea of fog." With thoughtforms, he is confronted or faced, but not immersed. It might almost be said that the astral body of a person comes into being as a part of the general world glamour; it is difficult for him to differentiate between his own astral body and the glamours which affect and sway and submerge him. His problem upon the mental plane is more clearly defined, even if it is equally difficult. [73]

đang tìm cách xua tan ảo cảm, dù trong đời sống riêng hay như một công việc phụng sự thế giới, phải nhận biết rằng mình đang làm việc với chất liệu, với việc phá vỡ những hình tướng mà chất liệu ấy đã mang lấy, và với việc làm tiêu tan một chất liệu vật chất bao trùm tất cả—mang tính vật chất theo cùng nghĩa rằng các hình tư tưởng là những sự vật có chất liệu, nhưng (và đây là một điểm quan trọng) có bản chất ít mang tính chất liệu hơn những hình tướng ảo cảm trên cõi cảm dục. Chúng ta rất sẵn lòng ghi nhớ rằng "tư tưởng là sự vật", và rằng chúng có một đời sống hình tướng cùng mục đích riêng. Nhưng chúng có sự hiện hữu riêng biệt và tách biệt hơn, với những đường nét được xác định rõ ràng và dứt khoát hơn. Những hình tướng ảo cảm trên cõi cảm dục còn mang tính chất liệu nhiều hơn, nhưng lại có đường nét kém rõ ràng hơn. Các hình tư tưởng năng động, xuyên thấu, sắc nét và có đường nét rõ rệt. Những ảo cảm gây ngột ngạt, mơ hồ và bao bọc. Trong chúng, một người chìm ngập như trong đại dương hay trong một "biển sương mù". Với các hình tư tưởng, y đối diện hay đương đầu, chứ không chìm ngập. Gần như có thể nói rằng thể cảm dục của một người hình thành như một phần của ảo cảm thế giới nói chung; y khó phân biệt giữa thể cảm dục của chính mình và những ảo cảm đang tác động, chi phối và nhấn chìm y. Vấn đề của y trên cõi trí được xác định rõ ràng hơn, dù cũng khó khăn không kém. [73]

3. Astral glamour is a form of energy and an energy of great potency, owing to three factors:

3. Ảo cảm cảm dục là một dạng năng lượng, và là một năng lượng có sức mạnh lớn, do ba yếu tố:

a. It is of such an ancient rhythm, being inherent in astral substance itself, that it is most difficult for a human being to become aware of it or to understand it; it is the result of the age-long activity of human desire.

a. Nó có một nhịp điệu quá cổ xưa, vốn nằm trong chính chất liệu cảm dục, đến mức một người rất khó nhận biết hay thấu hiểu nó; nó là kết quả của hoạt động dục vọng của con người qua bao thời đại.

b. It is a corporate part of a man's own energy nature, and therefore constitutes for him the line of least resistance; it is part of a great world process and therefore a part of the individual life process also, and is, in itself, not wrong but an aspect of reality. This realisation necessarily complicates man's thought about it.

b. Nó là một phần hợp thành bản chất năng lượng của chính con người, và vì vậy tạo nên con đường ít trở ngại nhất đối với y; nó là một phần của tiến trình thế giới rộng lớn, do đó cũng là một phần của tiến trình đời sống cá nhân, và bản thân nó không sai, mà là một phương diện của thực tại. Nhận biết này tất nhiên làm cho suy nghĩ của con người về nó trở nên phức tạp.

c. It is likewise definitely Atlantean in nature, being brought to a very high point of development in that race. It can therefore only be finally dissipated by the Aryan race using the right technique. The individual who is learning to dissipate glamour has to do two things:

c. Nó cũng rõ ràng mang bản chất Atlantis, vì đã đạt đến một trình độ phát triển rất cao trong giống dân ấy. Vì vậy, chỉ nhân loại Arya, sử dụng kỹ thuật đúng đắn, mới có thể cuối cùng làm tiêu tan nó. Cá nhân đang học cách làm tiêu tan ảo cảm phải làm hai điều:

1. Stand in spiritual being.

1. An trụ trong bản thể tinh thần.

2. Keep the mind steady in the light.

2. Giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng.

From this it will be apparent that the energy of the astral plane as it expresses itself in the sentient desire life of the race, produces the major glamours of humanity, and can only be dissipated, dispersed and dispelled by the bringing in of the higher energy of the mind, motivated by the soul.

Từ đó, sẽ thấy rõ rằng năng lượng của cõi cảm dục, khi biểu đạt trong đời sống dục vọng có cảm thụ của nhân loại, tạo ra những ảo cảm chủ yếu của nhân loại, và chỉ có thể được làm tiêu tan, phân tán và xua tan bằng cách đưa vào năng lượng cao hơn của thể trí, do linh hồn thúc đẩy.

4. The glamours which hold humanity in thrall are:

4. Những ảo cảm đang nô dịch nhân loại là:

a. The glamour of materiality.

a. Ảo cảm của tính vật chất.

b. The glamour of sentiment.

b. Ảo cảm của tình cảm.

c. The glamour of devotion.

c. Ảo cảm Sùng tín.

d. The glamour of the pairs of opposites.

d. Ảo cảm của các cặp đối cực.

e. The glamours of the Path.

[74] Let me now elucidate these glamours for you a little more in detail.

e. Những ảo cảm của Đường Đạo.

[74] Giờ đây, hãy để Tôi làm sáng tỏ những ảo cảm này cho các bạn một cách chi tiết hơn đôi chút.

The glamour of materiality is the cause of all the present world distress, for what we call the economic problem is simply the result of this particular glamour. Down the ages, this glamour has held the race increasingly interested, until today the entire world has been swept into the rhythm of money interest. A rhythm emanating from soul levels has always existed, being established by Those Who have freed Themselves from the control of material requirements, from the thraldom of money and the love of possessions. Today that higher rhythm is commensurate with the lower rhythmic glamour, and hence the whole world is thinking in terms of the way out from this present material impasse. Those souls who stand in the light to be found upon the mountain top of liberation and those who are advancing upward out of the fogs of materiality are now sufficient in numbers to do some definite work in connection with the dissipation of this glamour. The influence of their thoughts and words and lives can and will bring about a readjustment of values, and a new standard of living for the race, based upon clear vision, a correct sense of proportion and a realisation of the true nature of the relationship existing between soul and form, between spirit and matter. That which will meet a need that is vital and real ever exists within the divine plan. That which is unnecessary to the right expression of divinity and to a full and rich life can be gained and can be possessed, but only through the loss of the more real and the negation of the essential.

Ảo cảm của tính vật chất là nguyên nhân của mọi nỗi khốn khổ trên thế giới hiện nay, vì điều chúng ta gọi là vấn đề kinh tế chỉ đơn giản là kết quả của ảo cảm đặc thù này. Qua bao thời đại, ảo cảm này ngày càng khiến nhân loại chú tâm vào nó, cho đến ngày nay, toàn thế giới đã bị cuốn vào nhịp điệu của sự quan tâm đến tiền bạc. Một nhịp điệu phát ra từ các cấp độ linh hồn vẫn luôn tồn tại, do những Đấng đã tự giải thoát khỏi sự kiểm soát của các nhu cầu vật chất, khỏi sự nô dịch của tiền bạc và lòng yêu thích sở hữu xác lập. Ngày nay, nhịp điệu cao hơn ấy đã tương xứng với ảo cảm mang nhịp điệu thấp hơn, và do đó toàn thế giới đang suy nghĩ về con đường thoát khỏi bế tắc vật chất hiện tại. Những linh hồn đứng trong ánh sáng trên đỉnh núi giải thoát, cùng những linh hồn đang tiến lên ra khỏi sương mù của tính vật chất, giờ đã đủ đông để thực hiện một công việc rõ rệt liên quan đến việc làm tiêu tan ảo cảm này. Ảnh hưởng từ tư tưởng, lời nói và đời sống của họ có thể và sẽ đem lại sự điều chỉnh lại các giá trị, cùng một chuẩn mực sống mới cho nhân loại, dựa trên tầm nhìn sáng rõ, một Ý thức về tỉ lệ đúng đắn và sự nhận biết bản chất chân thực của mối quan hệ hiện hữu giữa linh hồn và hình tướng, giữa tinh thần và vật chất. Điều đáp ứng một nhu cầu thiết yếu và thực sự luôn hiện hữu trong Thiên Cơ. Những gì không cần thiết cho sự biểu đạt đúng đắn của thiên tính và cho một đời sống đầy đủ, phong phú vẫn có thể đạt được và sở hữu, nhưng chỉ bằng cái giá đánh mất những gì chân thực hơn và phủ nhận những gì thiết yếu.

Students, however, need to remember that that which is necessary varies according to the stage of evolution which [75] has been reached by an individual. For some people, for instance, the possession of that which is

Tuy nhiên, các đạo sinh cần nhớ rằng những gì cần thiết thay đổi tùy theo giai đoạn tiến hoá mà [75] một cá nhân đã đạt đến. Chẳng hạn, đối với một số người, việc sở hữu những thứ vật chất có thể là một trải nghiệm tinh

material may be as great a spiritual experience and as potent a teacher in life expression as the more elevated and less material requirements of the mystic or hermit. We are rated as regards action and point of view by our place upon the ladder of evolution. We are rated really by our point of view and not by our demand upon life. The spiritually minded man and the man who has set his feet upon the Path of Probation and who fails to attempt the expression of that which he believes, will be judged as caustically and pay as high a price as does the pure materialist—the man whose desires centre around substantial effects. Bear this in mind and sit not in the seat of the judge or the scornful.

thần lớn lao và một huấn sư mạnh mẽ trong sự biểu đạt đời sống, không kém những nhu cầu cao hơn và ít mang tính vật chất hơn của nhà thần bí hay người ẩn tu. Hành động và quan điểm của chúng ta được đánh giá theo vị trí của chúng ta trên thang tiến hoá. Thực ra, chúng ta được đánh giá theo quan điểm của mình, chứ không theo những đòi hỏi của mình đối với đời sống. Người có khuynh hướng tinh thần, người đã đặt chân lên Con Đường Dự Bị mà không cố gắng biểu đạt điều mình tin tưởng, sẽ bị phán xét nghiêm khắc và phải trả giá đắt không kém người thuần duy vật—người có dục vọng tập trung vào những kết quả vật chất. Hãy ghi nhớ điều này và đừng ngồi vào chỗ của người phán xét hay kẻ khinh miệt.

Today the glamour of materiality is lessening perceptibly. The peoples of the world are entering the wilderness experience, and will find in the wilderness how little is required for full living, true experience and real happiness. The gluttonous desire for possessions is not regarded as so reputable a desire as formerly, and a desire for riches is not producing the clutching hands as earlier in racial history. Things and possessions are slipping out of the hands which have hitherto tightly held them, and only when men stand with empty hands and a realised new standard of values do they again acquire the right to own and to possess. When desire is absent and the man seeks nothing for the separated self, the responsibility of material wealth can again be handed back to man, but his point of view will then be free from that particular glamour, and the fogs of astral desire will be lessened. Illusion in many forms may still hold sway but the glamour of materiality will be gone. It is the first destined to disappear. Students would do well to remember that all forms of possessions and all material objects, whether it is money, or a

Ngày nay, ảo cảm của tính vật chất đang giảm đi rõ rệt. Các dân tộc trên thế giới đang bước vào trải nghiệm nơi hoang mạc, và ở đó sẽ nhận ra rằng cần rất ít để sống trọn vẹn, có trải nghiệm chân thực và hạnh phúc thực sự. Dục vọng tham lam muốn sở hữu không còn được xem là đáng trọng như trước, và lòng ham muốn giàu có không còn khiến những bàn tay nắm chặt như trong các thời kỳ trước của lịch sử nhân loại. Đồ vật và tài sản đang tuột khỏi những bàn tay từ trước đến nay vẫn nắm giữ chúng thật chặt; chỉ khi con người đứng với đôi tay trống không và nhận biết một chuẩn mực giá trị mới, họ mới lại có được quyền sở hữu và nắm giữ. Khi không còn dục vọng và con người không tìm kiếm gì cho cái ngã riêng biệt, trách nhiệm đối với của cải vật chất có thể lại được trao cho con người, nhưng khi ấy quan điểm của y sẽ thoát khỏi ảo cảm đặc thù này, và sương mù của dục vọng cảm dục sẽ giảm bớt. Ảo tưởng dưới nhiều hình thức vẫn có thể chi phối, nhưng ảo cảm của tính vật chất sẽ không còn. Nó là ảo cảm được định sẽ biến mất đầu tiên. Các đạo sinh nên nhớ rằng mọi hình thức sở hữu và mọi vật thể vật chất, dù là tiền bạc, một ngôi nhà, một bức tranh hay

house, a picture or an automobile, [76] have an intrinsic life of their own, an emanation of their own, and an activity which is essentially that of their own inherent atomic structures (for an atom is a unit of active energy). This produces counterparts in the world of etheric and astral life, though not in the mental world. These subtler forms and distinctive emanations swell the potency of the world desire; they contribute to the world glamour and form part of a great and powerful miasmic world, which is on the involutionary arc but in which humanity, upon the upward arc, is nevertheless immersed. Therefore the Guides of the Race have felt the necessity of standing by whilst the forces set up by man himself proceed to strip him and thus release him to walk in the wilderness. There, in what is called straightened circumstances, he can readjust his life and change his way of living, thus discovering that freedom from material things carries with it its own beauty and reward, its own joy and glory. Thus he is liberated to live the life of the mind.

một chiếc ô tô, [76] đều có đời sống nội tại riêng, sự phát xạ riêng và một hoạt động mà về cơ bản là hoạt động của các cấu trúc nguyên tử vốn có trong chúng (vì một nguyên tử là một đơn vị năng lượng hoạt động). Điều này tạo ra các đối phần trong thế giới đời sống dĩ thái và cảm dục, dù không có trong thế giới trí tuệ. Những hình tướng tinh tế hơn và những phát xạ đặc trưng này làm gia tăng sức mạnh của dục vọng thế giới; chúng góp phần vào ảo cảm thế giới và tạo thành một phần của một thế giới khí độc rộng lớn, mạnh mẽ, nằm trên cung giáng hạ tiến hoá, nhưng nhân loại, trên cung đi lên, vẫn chìm ngập trong đó. Vì vậy, các Đấng Hướng Dẫn Nhân Loại đã thấy cần phải đứng ngoài trong khi những mãnh lực do chính con người tạo ra tiếp tục tước bỏ mọi thứ của y, qua đó giải thoát y để bước đi trong hoang mạc. Ở đó, trong những gì được gọi là hoàn cảnh túng thiếu, y có thể điều chỉnh lại đời sống và thay đổi cách sống, từ đó khám phá rằng sự tự do khỏi những thứ vật chất mang theo vẻ đẹp và phần thưởng riêng, sự hoan hỉ và vinh quang riêng. Như vậy, y được giải thoát để sống đời sống trí tuệ.

The glamour of sentiment holds the good people of the world in thrall, and in a dense fog of emotional reactions. The race has reached a point wherein the men of good intention, of some real understanding and owning a measure of freedom from the love of gold (symbolic way of speaking of the glamour of materiality) are turning their desire to their duty, their responsibilities, their effects upon others, and to their sentimental understanding of the nature of love. Love, for many people, for the majority indeed, is not really love but a mixture of the desire to love and the desire to be loved, plus a willingness to do anything to show and evoke this sentiment, and consequently to be more comfortable in one's own interior

Ảo cảm của tình cảm nô dịch những người tốt trên thế giới, giữ họ trong một màn sương mù đậm đặc của những phản ứng cảm xúc. Nhân loại đã đạt đến một điểm mà những người có thiện ý, có phần nào sự thấu hiểu chân thực và phần nào tự do khỏi lòng yêu vàng bạc (một cách nói biểu tượng về ảo cảm của tính vật chất), đang hướng dục vọng của mình vào bổn phận, trách nhiệm, những tác động của mình lên người khác và cách thấu hiểu nặng về tình cảm của mình đối với bản chất của tình thương. Đối với nhiều người, thật ra là đa số, tình thương không thực sự là tình thương, mà là sự pha trộn giữa mong muốn yêu thương và mong muốn được yêu thương, cộng với sự sẵn lòng làm bất cứ điều gì để biểu lộ và gợi lên tình cảm này, rồi nhờ

life. The selfishness of the people who are desirous of being unselfish is great. So many contributing sentiments gather around the sentiment or desire to show those amiable and pleasant characteristics which will evoke a corresponding reciprocation towards the would-be lover [77] or server who is still completely surrounded by the glamour of sentiment.

đó thấy dễ chịu hơn trong đời sống nội tâm của chính mình. Sự ích kỷ của những người mong muốn trở nên không ích kỷ thật lớn lao. Biết bao tình cảm góp phần quy tụ quanh tình cảm hay mong muốn biểu lộ những đặc điểm dễ mến và dễ chịu, nhằm gợi lên sự đáp lại tương ứng đối với người muốn trở thành người yêu thương [77] hay người phụng sự, nhưng vẫn còn hoàn toàn bị ảo cảm của tình cảm bao quanh.

It is this pseudo-love, based primarily on a theory of love and service, which characterises so many human relationships such as those existing, for instance, between husband and wife, parents and their children. Glamoured by their sentiment for them and knowing little of the love of the soul which is free itself and leaves others free also, they wander in a dense fog, often dragging with them the ones they desire to serve in order to draw forth a responsive affection. Study the word "affection," my brother, and see its true meaning. Affection is not love. It is that desire which we express through an exertion of the astral body and this activity affects our contacts; it is not the spontaneous desirelessness of the soul which asks nothing for the separated self. This glamour of sentiment imprisons and bewilders all the nice people in the world, imposing upon them obligations which do not exist, and producing a glamour which must eventually be dissipated by the pouring in of true and selfless love.

Chính thứ tình thương giả tạo này, chủ yếu dựa trên một lý thuyết về tình thương và phụng sự, là đặc trưng của rất nhiều mối quan hệ giữa người với người, chẳng hạn như giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái. Bị tình cảm dành cho những người ấy làm cho chìm trong ảo cảm, và biết rất ít về tình thương của linh hồn vốn tự do và cũng để người khác được tự do, họ lang thang trong một màn sương dày đặc, thường kéo theo những người mà họ muốn phụng sự nhằm khơi dậy tình cảm quyến luyến đáp lại. Huynh đệ của tôi, hãy nghiên cứu từ "quyến luyến" và nhận ra ý nghĩa thực sự của nó. Quyến luyến không phải là tình thương. Đó là dục vọng mà chúng ta biểu lộ bằng cách vận dụng thể cảm dục, và hoạt động này tác động đến những người chúng ta tiếp xúc; đó không phải là trạng thái tự nhiên không có dục vọng của linh hồn, vốn không đòi hỏi điều gì cho bản ngã biệt lập. Ảo cảm tình cảm này giam hãm và làm hoang mang tất cả những người tử tế trên thế giới, đặt lên họ những nghĩa vụ không hề tồn tại, và tạo ra một ảo cảm mà cuối cùng dòng tình thương chân thực và vô vị kỷ tuôn vào phải làm tiêu tan.

I am but touching with brevity upon these glamours for each of you can elaborate them for yourselves, and in so doing will discover where you stand in the world of fog and glamour. Thus, with knowledge, you can

Tôi chỉ đề cập ngắn gọn đến những ảo cảm này, vì mỗi người trong các bạn đều có thể tự triển khai chúng, và khi làm như vậy, các bạn sẽ khám phá mình đang đứng ở đâu trong thế giới sương mù và ảo cảm. Nhờ đó,

begin to free yourselves from the glamour of the world.

The glamour of devotion causes many probationary disciples to wander circuitously around in the world of desire. This is primarily a glamour which affects sixth ray persons and is particularly potent at this time owing to the age-long activity of the sixth Ray of Devotion during the rapidly passing Piscean Age. It is today one of the potent glamours of the really devoted aspirant. They are devoted to a cause, to a teacher, to a creed, to a person, to a duty, or to a responsibility. Ponder on this. This harmless desire along some line of idealism which confronts them becomes definitely [78] harmful both to themselves and to others, because through this glamour of devotion they swing into the rhythm of the world glamour which is essentially the fog of desire. Potent desire along any line, when it obliterates the wider vision and shuts a man within a tiny circle of his own desire to satisfy his sentiment of devotion, is just as hampering as any of the other glamours, and is even more dangerous because of the beautiful colouring which the resultant fog takes on. A man gets lost in a rapturous mist of his own making, which emanates from his astral body and which is composed of the sentimentalising of his own nature about his own desire and devotion to the object of his attracted attention.

With all true aspirants, owing to the increased potency of their vibrations, this devotional sentiment can be particularly difficult and bring about a lengthy imprisonment. One illustration of this is the sentiment of devotion poured out in a glamorous ecstasy by probationary disciples

với sự hiểu biết, các bạn có thể bắt đầu tự giải thoát khỏi ảo cảm của thế giới.

Ảo cảm Sùng tín khiến nhiều đệ tử dự bị lang thang vòng vèo trong thế giới dục vọng. Đây chủ yếu là một ảo cảm tác động đến những người thuộc cung sáu, và hiện nay nó đặc biệt mạnh do hoạt động kéo dài suốt nhiều thời đại của cung sáu Sùng tín trong Thời đại Song Ngư đang nhanh chóng qua đi. Ngày nay, đây là một trong những ảo cảm mạnh mẽ của người chí nguyện thực sự sùng tín. Họ tận hiến cho một sự nghiệp, một huấn sư, một tín điều, một người, một bổn phận, hoặc một trách nhiệm. Hãy suy ngẫm về điều này. Dục vọng vô tổn hại này, hướng theo một đường lối lý tưởng nào đó đang hiện ra trước họ, lại trở nên rõ ràng [78] có hại cho cả bản thân họ lẫn người khác, vì qua Ảo cảm Sùng tín này, họ bị cuốn vào nhịp điệu của ảo cảm thế giới, vốn về bản chất là màn sương dục vọng. Dục vọng mạnh mẽ theo bất kỳ đường hướng nào, khi nó che lấp tầm nhìn rộng lớn hơn và giam một người trong vòng tròn nhỏ hẹp của chính dục vọng muốn thỏa mãn tình cảm sùng tín của mình, cũng gây cản trở như mọi ảo cảm khác, và thậm chí còn nguy hiểm hơn vì sắc màu đẹp đẽ mà màn sương phát sinh từ đó khoác lên. Một người lạc lối trong màn sương ngây ngất do chính mình tạo ra, phát xuất từ thể cảm dục của y và hình thành từ việc y phủ đầy tình cảm lên bản chất của mình, xoay quanh dục vọng và lòng sùng tín của chính y đối với đối tượng thu hút sự chú ý của y.

Với mọi người chí nguyện chân chính, do rung động của họ ngày càng mạnh, tình cảm sùng tín này có thể đặc biệt khó khắc phục và dẫn đến sự giam hãm kéo dài. Một minh họa cho điều này là tình cảm sùng tín mà các đệ tử dự bị tuôn đổ lên các Chân sư Minh Triết trong trạng thái ngây ngất đầy ảo cảm.

upon the Masters of the Wisdom. Around the names of the Members of the Hierarchy and around Their work, and the work of the initiates and the disciplined disciples (mark that phrase) a rich glamour is created which prevents Them ever reaching the disciple or his reaching Them. It is not possible to penetrate the dense glamour of devotion, vibrating with dynamic ecstatic life, which emanates from the concentrated energy of the disciple, working still through the solar plexus centre.

Quanh danh hiệu của các Thành viên Thánh đoàn và quanh công việc của Các Ngài, cùng công việc của các điểm đạo đồ và các đệ tử đã được rèn luyện kỷ luật (hãy lưu ý cụm từ đó), một lớp ảo cảm dày đặc hình thành, ngăn Các Ngài đến với người đệ tử hoặc ngăn y đến với Các Ngài. Không thể xuyên qua lớp Ảo cảm Sùng tín dày đặc, rung động với sức sống ngây ngất mãnh liệt, phát xuất từ năng lượng tập trung của người đệ tử vẫn còn hoạt động qua trung tâm tùng thái dương.

For this glamour there are some age-old rules: Contact the greater Self through the medium of the higher Self and thus lose sight of the little self, its reactions, its desires, and intentions. Or: The pure love of the soul which is not personalised in any way and which seeks no recognition can then pour into the world of glamour which surrounds the [79] devotee, and the mists of his devotion (upon which he prides himself) will melt away.

Đối với ảo cảm này, có một số quy luật từ xa xưa: Hãy tiếp xúc với Bản Ngã vĩ đại qua trung gian của chân ngã, và nhờ đó không còn chú tâm đến bản ngã nhỏ bé, những phản ứng, dục vọng và ý định của nó. Hoặc: Khi ấy, tình thương thuần khiết của linh hồn, không bị cá nhân hóa dưới bất kỳ hình thức nào và không tìm kiếm sự công nhận, có thể tuôn vào thế giới ảo cảm bao quanh [79] người sùng tín, và những màn sương của lòng sùng tín nơi y (điều mà y lấy làm tự hào) sẽ tan biến.

Upon the Probationary Path there comes the swing, consciously registered, between the pairs of opposites until the middle way is sighted and emerges. This activity produces *the glamour of the pairs of opposites*, which is of a dense and foggy nature, sometimes coloured with joy and bliss and sometimes coloured with gloom and depression as the disciple swings back and forth between the dualities. This condition persists just as long as the emphasis is laid upon *feeling*—which feeling will run the gamut between a potent joyfulness as the man seeks to identify himself with the object of his devotion or aspiration, or fails to do so and therefore succumbs to the blackest despair and sense of failure. All this is, however, astral in nature and sensuous in quality and is not of

Trên Con Đường Dự Bị, sự dao động giữa các cặp đối cực xuất hiện và được ghi nhận một cách có ý thức, cho đến khi trung đạo được nhìn thấy và hiện ra. Hoạt động này tạo ra *ảo cảm của các cặp đối cực*, vốn có bản chất dày đặc và mờ mịt, đôi khi nhuốm màu hoan hỉ và chí phúc, đôi khi nhuốm màu u ám và trầm uất khi người đệ tử dao động qua lại giữa các mặt nhị nguyên. Tình trạng này còn kéo dài chừng nào người ta vẫn đặt trọng tâm vào *cảm xúc*—thứ cảm xúc trải suốt một dải từ niềm hoan hỉ mạnh mẽ khi một người tìm cách đồng hóa với đối tượng sùng tín hoặc khát vọng của mình, cho đến nỗi tuyệt vọng tăm tối nhất và cảm giác thất bại khi y không làm được điều đó và vì thế suy sụp. Tuy nhiên, tất cả những điều này đều mang bản chất cảm dục, có phẩm tính thuộc cảm

the soul at all. Aspirants remain for many years and sometimes for many lives imprisoned by this glamour. Release from the world of feeling and the polarising of the disciple in the world of the illumined mind will dissipate this glamour which is part of the great heresy of separateness. The moment a man differentiates his life into triplicities (as he inevitably must as he deals with the pairs of opposites and identifies himself with one of them) he succumbs to the glamour of separation. Perhaps this point of view may aid or perhaps it will remain a mystery, for the secret of world glamour lies hid in the thought that this triple differentiation veils the secret of creation. God Himself produced the pairs of opposites—spirit and matter—and also produced the middle way which is that of the consciousness aspect or the soul aspect. Ponder deeply on this thought.

giác, và hoàn toàn không thuộc về linh hồn. Người chí nguyện bị ảo cảm này giam hãm trong nhiều năm, đôi khi trong nhiều kiếp sống. Việc giải thoát khỏi thế giới cảm xúc và sự phân cực của người đệ tử trong thế giới của thể trí được soi sáng sẽ làm tiêu tan ảo cảm này, vốn là một phần của Đại Tà thuyết về tính chia rẽ. Ngay khi một người phân chia đời sống của mình thành các bộ ba (như y tất yếu phải làm khi đề cập đến các cặp đối cực và đồng hóa với một trong hai cực), y sa vào ảo cảm chia rẽ. Có lẽ quan điểm này có thể giúp ích, hoặc có lẽ nó vẫn sẽ là một điều bí ẩn, vì bí mật của ảo cảm thế giới ẩn trong tư tưởng rằng sự biến phân tam phân này che phủ bí mật của sự sáng tạo. Chính Thượng đế đã tạo ra cặp đối cực—tinh thần và vật chất—và cũng tạo ra trung đạo, tức con đường của phương diện tâm thức hay phương diện linh hồn. Hãy suy ngẫm sâu sắc về tư tưởng này.

The triplicity of the pairs of opposites and of the narrow way of balance between them, the noble middle path, is the reflection on the astral plane of the activity of spirit, soul [80] and body; of life, consciousness and form, the three aspects of divinity—all of them equally divine.

Bộ ba gồm cặp đối cực và con đường cân bằng hẹp giữa chúng, trung đạo cao quý, là sự phản chiếu trên cõi cảm dục của hoạt động của tinh thần, linh hồn [80] và thân thể; của sự sống, tâm thức và hình tướng, ba phương diện của thiên tính—tất cả đều thiêng liêng như nhau.

As the aspirant learns to free himself from the glamours upon which we have touched, he discovers another world of fog and mist through which the Path seems to run and through which he must penetrate and thus free himself from *the glamours of the Path*. What are these glamours, my brothers? Study the three temptations of Jesus, if you would know clearly what they are. Study the effect that the affirmation schools which emphasise divinity (materially employed) have upon the thought of the world; study the failures of disciples through pride, the world saviour complex, the service complex,

Khi người chí nguyện học cách tự giải thoát khỏi những ảo cảm mà chúng ta đã đề cập, y khám phá một thế giới sương mù khác mà Đường Đạo dường như đi xuyên qua; y phải xuyên qua thế giới ấy và nhờ đó tự giải thoát khỏi *những ảo cảm của Đường Đạo*. Các huynh đệ của Tôi, những ảo cảm này là gì? Hãy nghiên cứu ba cám dỗ của Đức Jesus nếu các bạn muốn biết rõ chúng là gì. Hãy nghiên cứu ảnh hưởng mà các trường phái khẳng định nhấn mạnh thiên tính (được vận dụng vào mục đích vật chất) gây ra đối với tư tưởng của thế giới; hãy nghiên cứu những thất bại của đệ tử do kiêu hãnh, phức cảm

and all the various distortions of reality which a man encounters upon the Path, which hinder his progress and which spoils the service to others which he should be rendering. Emphasise in your own minds the spontaneity of the life of the soul and spoil it not with the glamour of high aspiration selfishly interpreted, self-centredness, self-immolation, self-aggressiveness, self-assertiveness in spiritual work—such are some of the glamours of the Path.

cứu tinh thế giới, phức cảm phụng sự, và mọi sự xuyên tạc thực tại khác nhau mà một người gặp trên Đường Đạo, vốn cản trở sự tiến bộ của y và làm hỏng việc phụng sự người khác mà y lẽ ra phải thực hiện. Hãy nhấn mạnh trong thể trí của các bạn tính tự nhiên của đời sống linh hồn, và đừng làm hỏng nó bằng ảo cảm của khát vọng cao cả được diễn giải theo lối ích kỷ, sự tập trung vào bản thân, sự tự hiến sinh, sự hung hăng của bản thân, sự tự khẳng định trong công việc tinh thần—đó là một số ảo cảm của Đường Đạo.

Next, we will consider glamour on the etheric plane and the theme of the Dweller upon the Threshold, and thus complete the brief outline of our problem which the first part of this teaching was intended to convey.

Tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét ảo cảm trên cõi dĩ thái và chủ đề Kẻ Chận Ngõ, qua đó hoàn tất phần phác thảo ngắn gọn về vấn đề của chúng ta mà phần đầu của giáo huấn này nhằm truyền đạt.

Before taking up this subject in some detail, I would like to add something to our previous consideration of the problem of glamour. In your last instruction, I elaborated somewhat upon the subject of the various types of glamour and left with you the concept of their great importance in your individual lives. The battlefield (for the man who is nearing accepted discipleship or who is upon the path of discipleship, in the academic sense) is primarily that of [81] glamour. That is the major problem and its solution is imminent and urgent for all disciples and senior aspirants. It will be apparent, therefore, to you why the emphasis has been put, during the Aryan age, upon the necessity for the study of Raja Yoga, and the cultivation of submission to its discipline. Only through Raja Yoga can a man stand steady in the light, and only through illumination and the achievement of clear vision can the fogs and miasmas of glamour be finally dissipated. Only as the disciple learns to hold his mind “steady in

Trước khi xem xét chủ đề này một cách tương đối chi tiết, Tôi muốn bổ sung đôi điều vào phần xem xét trước đây của chúng ta về vấn đề ảo cảm. Trong huấn thị trước dành cho các bạn, Tôi đã triển khai phần nào chủ đề về các loại ảo cảm khác nhau và để lại cho các bạn quan niệm về tầm quan trọng lớn lao của chúng trong đời sống cá nhân. Chiến trường (đối với người đang tiến gần đến địa vị đệ tử được chấp nhận hoặc đang ở trên Con Đường Đệ Tử, theo nghĩa học thuật) chủ yếu là chiến trường [81] ảo cảm. Đó là vấn đề chính, và việc giải quyết nó đã cận kề và cấp bách đối với mọi đệ tử và người chí nguyện tiến xa. Vì vậy, các bạn sẽ thấy rõ tại sao trong thời đại Arya người ta đã nhấn mạnh sự cần thiết phải nghiên cứu Du Già Vương Giả và vun bồi sự tuân phục kỷ luật của pháp môn này. Chỉ qua Du Già Vương Giả, một người mới có thể đứng vững trong ánh sáng, và chỉ qua sự soi sáng cùng việc đạt được tầm nhìn rõ ràng, những màn sương và chướng khí của ảo cảm mới có thể cuối cùng tiêu tan. Chỉ khi người đệ tử học cách giữ thể

the light," and as the rays of pure light stream forth from the soul, can the glamour be discovered, discerned, recognised for what it essentially is and thus be made to disappear, as the mists of earth dissolve in the rays of the rising sun. Therefore I would counsel you to pay more adequate attention to your meditation, cultivating ever the ability to reflect and to assume the attitude of reflection—held steady throughout the day.

trí của mình "vững vàng trong ánh sáng", và khi những tia sáng thuần khiết tuôn ra từ linh hồn, ảo cảm mới có thể được khám phá, phân biện, nhận biết đúng bản chất của nó và nhờ đó biến mất, như những màn sương trên mặt đất tan trong những tia nắng của mặt trời đang lên. Vì vậy, Tôi khuyên các bạn hãy chú tâm đầy đủ hơn đến việc tham thiền, luôn vun bồi khả năng suy ngẫm và duy trì thái độ suy ngẫm—giữ vững thái độ ấy suốt ngày.

You would find it of real value to ponder deeply upon the purposes for which the intuition must be cultivated and the illumined mind developed, asking yourselves if those purposes are identical in objective and synchronous in time. You would then discover that their objectives differ, and the effects of their pronounced unfoldment upon the personality life are likewise different. Glamour is not dispelled through the means of the intuition nor is illusion overcome by the use of the illumined mind.

Các bạn sẽ thấy việc suy ngẫm sâu sắc về những mục đích mà vì đó trực giác phải được vun bồi và thể trí được soi sáng phải được phát triển thực sự có giá trị, đồng thời tự hỏi liệu những mục đích ấy có cùng mục tiêu và đồng thời về thời gian hay không. Khi ấy, các bạn sẽ khám phá rằng mục tiêu của chúng khác nhau, và những ảnh hưởng mà sự khai mở rõ rệt của chúng gây ra đối với đời sống phàm ngã cũng khác nhau. Ảo cảm không bị xua tan nhờ trực giác, và ảo tưởng cũng không được khắc phục bằng việc sử dụng thể trí được soi sáng.

The intuition is a higher power than is the mind, and is a faculty latent in the Spiritual Triad; it is the power of pure reason, an expression of the buddhic principle, and lies beyond the world of the ego and of form. Only when a man is an initiate can the exercise of the true intuition become normally possible. By that I mean that the intuition will then be as easily operative as is the mind principle in the case of an actively intelligent person. The intuition, however, will [82] make its presence felt much earlier in extremity or on urgent demand.

Trực giác là một quyền năng cao hơn thể trí, và là một năng lực tiềm tàng trong Tam Nguyên Tinh Thần; đó là quyền năng của lý trí thuần khiết, một biểu hiện của nguyên khí Bồ đề, và nằm ngoài thế giới của chân ngã và hình tướng. Chỉ khi một người là điểm đạo đồ, việc vận dụng trực giác chân thực mới có thể trở thành khả năng bình thường. Qua đó, Tôi muốn nói rằng khi ấy trực giác sẽ hoạt động dễ dàng như nguyên khí trí tuệ nơi một người có trí thông minh hoạt động tích cực. Tuy nhiên, trực giác sẽ [82] biểu lộ sự hiện diện của nó sớm hơn nhiều trong hoàn cảnh cùng cực hoặc khi có nhu cầu cấp bách.

It is *illumination* that the majority of aspirants, such as are found in this group,

Chính *sự soi sáng* là điều mà đa số người chí nguyện, như những người trong nhóm này,

must seek; and they must cultivate the power to use the mind as a reflector of soul light, turning it upon the levels of glamour, and therefore dissipating it. The difficulty, my brothers, is to do so when in the midst of the agonies and deceptions of glamour. It requires a quiet withdrawing in mind and thought and desire from the world in which the personality habitually works, and the centering of the consciousness in the world of the soul, there silently and patiently to await developments, knowing that the light will shine forth, and illumination eventually take place.

phải tìm kiếm; và họ phải vun bồi quyền năng sử dụng thể trí như một tấm gương phản chiếu ánh sáng linh hồn, hướng ánh sáng ấy vào các cấp độ ảo cảm, và nhờ đó làm tiêu tan ảo cảm. Các huynh đệ của Tôi, khó khăn là làm được điều này khi đang ở giữa những nỗi đau đớn và sự lừa dối của ảo cảm. Điều đó đòi hỏi phải lặng lẽ rút thể trí, tư tưởng và dục vọng ra khỏi thế giới nơi phàm ngã thường hoạt động, và tập trung tâm thức vào thế giới linh hồn, ở đó âm thầm và kiên nhẫn chờ đợi những diễn biến, biết rằng ánh sáng sẽ tỏa chiếu và sự soi sáng cuối cùng sẽ diễn ra.

A deep distrust of one's reactions to life and circumstance, when such reactions awaken and call forth *criticism, separativeness* or *pride,* is of value. The qualities enumerated above are definitely breeders of glamour. They are occultly "the glamorous characteristics." Ponder on this. If a man can free himself from these three characteristics, he is well on the way to the relinquishing and the dissipation of all glamour. I am choosing my words with care in an effort to arrest your attention.

Một thái độ hoài nghi sâu sắc đối với những phản ứng của mình trước cuộc sống và hoàn cảnh, khi những phản ứng ấy khơi dậy và làm nảy sinh *sự chỉ trích, tính chia rẽ* hoặc *lòng kiêu hãnh,* là điều có giá trị. Những phẩm tính vừa liệt kê chắc chắn là nguồn sinh ra ảo cảm. Theo nghĩa huyền bí, chúng là "những đặc tính gây ảo cảm". Hãy suy ngẫm về điều này. Nếu một người có thể tự giải thoát khỏi ba đặc tính ấy, y đã tiến khá xa trên con đường buông bỏ và làm tiêu tan mọi ảo cảm. Tôi đang lựa chọn từ ngữ cẩn thận nhằm thu hút sự chú ý của các bạn.

Illusion is dispelled, rejected, and thrust away through the conscious use of the intuition. The initiate insulates himself from the world of illusion and of illusory forms and from the attractive urges of a personality nature and thereby—through the medium of isolation—comes into touch with the reality in all forms, hidden hitherto by the veil of illusion. This is one of the paradoxes of the Path. Insulation and isolation of the right kind lead to the right relationships and the correct contacts with the real. They produce eventual identification with reality, through insulation of oneself against the unreal. It is

Ảo tưởng bị xua tan, loại bỏ và đẩy lùi qua việc sử dụng trực giác một cách có ý thức. Điểm đạo đồ tự cách ly khỏi thế giới ảo tưởng và những hình tướng hư ảo, cũng như khỏi những thôi thúc đầy hấp lực của bản chất phàm ngã, và nhờ đó—qua sự biệt lập—tiếp xúc với thực tại trong mọi hình tướng, vốn cho đến lúc ấy vẫn bị bức màn ảo tưởng che giấu. Đây là một trong những nghịch lý của Đường Đạo. Sự cách ly và biệt lập đúng đắn dẫn đến những mối quan hệ đúng đắn và những tiếp xúc đúng đắn với cái thực. Chúng cuối cùng tạo ra sự đồng hóa với thực tại, thông qua việc tự cách ly khỏi cái không thực. Chính ý tưởng này nằm [83] sau giáo

this idea which lies [83] behind the teaching given in the last book in the Yoga Sutras of Patanjali. These have often been misinterpreted and their meaning twisted into a plea for the wrong kind of isolation by those with separative tendencies and for selfish ends.

huấn trong quyển cuối của Kinh Du Già của Patanjali. Những giáo huấn này thường bị những người có khuynh hướng chia rẽ diễn giải sai, và ý nghĩa của chúng bị bóp méo thành lời biện hộ cho kiểu biệt lập sai lầm và cho những mục đích ích kỷ.

It is the soul itself which dispels illusion, through the use of the faculty of the intuition. It is the illumined mind which dissipates glamour.

Chính linh hồn xua tan ảo tưởng bằng việc sử dụng năng lực trực giác. Chính thể trí được soi sáng làm tiêu tan ảo cảm.

I would like here to point out that many well-meaning aspirants fail at this point, due to two errors.

Ở đây, Tôi muốn chỉ ra rằng nhiều người chí nguyện có thiện ý thất bại tại điểm này do hai sai lầm.

1. They omit to discriminate between illusion and glamour.

1. Họ không phân biện giữa ảo tưởng và ảo cảm.

2. They endeavour to dispel glamour through what they believe to be right method,—by calling in the soul, whereas they really need to use the mind correctly.

2. Họ cố gắng xua tan ảo cảm bằng điều mà họ cho là phương pháp đúng,—bằng cách triệu thỉnh linh hồn, trong khi điều họ thực sự cần là sử dụng thể trí đúng cách.

When one is in the midst of fogs and glamours, however, it is much easier to sit down and hypnotise oneself into the belief that one is "calling in the soul" than it is to subject one's astral and emotional nature to the effect of hard straight thinking, using the mind as the instrument whereby glamour can be dispelled. Strange as it may seem, the "calling in of the soul" to deal directly with glamour may (and frequently does) lead to an intensification of the difficulty. The mind is the means whereby light can be brought to bear on all conditions of glamour, and students would do well to bear this thought constantly in their consciousness. The process is one of linking up the mind with the soul and then focussing oneself consciously and with precision in the mind nature or in the

Tuy nhiên, khi đang ở giữa những màn sương và ảo cảm, ngồi xuống và tự thôi miên để tin rằng mình đang "triệu thỉnh linh hồn" dễ hơn nhiều so với việc đặt bản chất cảm dục và cảm xúc của mình dưới tác động của tư duy nghiêm túc, thẳng thắn, sử dụng thể trí làm công cụ để xua tan ảo cảm. Dù có vẻ kỳ lạ, việc "triệu thỉnh linh hồn" để trực tiếp xử lý ảo cảm có thể (và thường thực sự) làm khó khăn gia tăng. Thể trí là phương tiện để đưa ánh sáng tác động lên mọi tình trạng ảo cảm, và các đạo sinh nên luôn giữ tư tưởng này trong tâm thức. Tiến trình ấy là nối kết thể trí với linh hồn, rồi tập trung bản thân một cách có ý thức và chính xác vào bản chất trí tuệ hay vào thể trí, chứ không phải vào bản chất linh hồn hay hình tướng chân ngã. Sau đó, qua phân tích, phân biện và tư tưởng đúng đắn, người ta tiến hành xử lý vấn đề ảo

mental body, and not in the soul nature or the egoic form. Then, through analysis, discrimination and right thought one proceeds to deal with the problem of glamour. The trouble is that disciples often do not recognise [84] the condition as one of glamour and it is difficult to give a clear and infallible rule whereby that recognition can come. It might be stated, however, that glamour can always be found where there exists:

cảm. Khó khăn là các đệ tử thường không nhận biết [84] tình trạng ấy là một tình trạng ảo cảm, và khó đưa ra một quy luật rõ ràng, không thể sai lầm, để đạt được sự nhận biết đó. Tuy nhiên, có thể nói rằng luôn có thể tìm thấy ảo cảm ở nơi hiện hữu:

1. Criticism, when careful analysis would show that no criticism is really warranted.

1. Sự chỉ trích, khi việc phân tích cẩn thận sẽ cho thấy thực sự không có lý do chính đáng nào để chỉ trích.

2. Criticism, where there is no personal responsibility involved. By that I mean, where it is not the place or the duty of the man to criticise.

2. Sự chỉ trích, khi không có trách nhiệm cá nhân nào liên quan. Qua đó, Tôi muốn nói đến những trường hợp mà việc chỉ trích không thuộc vị trí hay bổn phận của người ấy.

3. Pride in achievement or satisfaction that one is a disciple.

3. Lòng kiêu hãnh về thành tựu hoặc sự tự mãn vì mình là một đệ tử.

4. Any sense of superiority or separative tendency.

4. Bất kỳ cảm giác hơn người hay khuynh hướng chia rẽ nào.

Many other clues to a right recognition of glamour might be given, but if all of you would pay close attention to the above four suggestions, you would release your lives most perceptibly from the influence of glamour and be of greater service consequently to your fellowmen. I have endeavoured to give you here some practical assistance in this difficult battle between the pairs of opposites, which is the major cause of glamour.

Có thể đưa ra nhiều dấu hiệu khác để nhận biết đúng ảo cảm, nhưng nếu tất cả các bạn chú tâm kỹ đến bốn gợi ý trên, các bạn sẽ giải thoát đời sống mình khỏi ảnh hưởng của ảo cảm một cách rất rõ rệt, và nhờ đó phụng sự đồng loại nhiều hơn. Ở đây, Tôi đã cố gắng mang đến cho các bạn một sự trợ giúp thiết thực trong cuộc chiến khó khăn giữa các cặp đối cực, vốn là nguyên nhân chính của ảo cảm.

3. Glamour Upon Etheric Levels... Maya – 3. Ảo cảm trên các cấp độ dĩ thái... Ảo lực

We come now to a consideration of the ways and means whereby *maya* can be ended and the disciple stand free from *the influence of physical plane force*. In the above statement the whole story of maya can be found. It might be added also (perhaps not wholly correctly but nevertheless with sufficient truth to warrant the statement) that maya, as a recognised effect, is only experienced when one is upon the Path, beginning with the Path of Probation or Purification. One is always in the midst of forces. But maya (as a problem) [85] only becomes so when recognised, and this recognition is not possible in the early stages of evolution. Upon the Path, one begins to watch for and to discover the effects of force; one finds oneself consciously the victim of force currents; one is swept into activity of some kind by uncontrolled forces, and the world of force becomes a consciously sensed reality to the struggling aspirant. It is for this reason that I have stated that maya is predominantly a difficulty of the etheric body, for in relation to maya we are dealing with the forces pouring through the seven centres of the body (in all or in some), producing reactions and effects that are desirable or disastrous.

Giờ đây, chúng ta xem xét những cách thức và phương tiện để *ảo lực* có thể chấm dứt và người đệ tử được tự do khỏi *ảnh hưởng của mãnh lực cõi hồng trần*. Trong phát biểu trên có thể tìm thấy toàn bộ câu chuyện về ảo lực. Cũng có thể bổ sung rằng (có lẽ không hoàn toàn chính xác, nhưng vẫn đủ đúng để đưa ra phát biểu này) ảo lực, xét như một tác động đã được nhận biết, chỉ được trải nghiệm khi một người ở trên Đường Đạo, bắt đầu từ Con Đường Dự Bị hay Thanh Luyện. Người ta luôn ở giữa các mãnh lực. Nhưng ảo lực (xét như một vấn đề) [85] chỉ trở thành vấn đề khi được nhận biết, và sự nhận biết này không thể có ở những giai đoạn đầu của tiến hóa. Trên Đường Đạo, người ta bắt đầu quan sát và khám phá những tác động của mãnh lực; người ta ý thức rằng mình là nạn nhân của những dòng mãnh lực; những mãnh lực không được kiểm soát cuốn người ta vào một loại hoạt động nào đó, và thế giới mãnh lực trở thành một thực tại mà người chí nguyện đang phấn đấu cảm nhận một cách có ý thức. Vì lý do này, Tôi đã nói rằng ảo lực chủ yếu là một khó khăn của thể dĩ thái, vì khi đề cập đến ảo lực, chúng ta đang xử lý những mãnh lực tuôn qua bảy trung tâm của thể này (qua tất cả hoặc qua một số trung tâm), tạo ra những phản ứng và tác động đáng mong muốn hoặc tai hại.

It is naturally necessary to realise that all manifestation on all levels is an expression of force, but the forces to which I refer here under the term maya are those uncontrolled energies, those undirected impulses which emanate from the world of prana and from the latent force of matter itself. These sweep a man into wrong activity and surround him with a whirlpool of effects and of conditions in which he is entirely helpless. He is the victim of mass force, hidden in the animal

Dĩ nhiên, cần nhận ra rằng mọi sự biểu hiện trên mọi cấp độ đều là biểu hiện của mãnh lực, nhưng những mãnh lực mà Tôi nói đến ở đây bằng thuật ngữ ảo lực là những năng lượng không được kiểm soát, những xung lực không được định hướng phát xuất từ thế giới prana và từ mãnh lực tiềm tàng của chính vật chất. Chúng cuốn một người vào hoạt động sai lầm và bao quanh y bằng một xoáy lốc những tác động và hoàn cảnh mà trong đó y hoàn toàn bất lực. Y là nạn nhân

nature or in the world and the environing circumstances in which he finds himself. When to the power of maya is added the condition of glamour and also the illusions of the advanced disciple, it will be seen how necessary it is that there should be quiet differentiation between the three types of deception. It should he remembered that when we use the term "deception," we mean deception from the angle of the soul. The aspirant has to learn to stand free from illusion, glamour, and maya, and to do this he must understand the means to freedom which are: Intuition, Illumination and Inspiration.

của mãnh lực tập thể, ẩn trong bản chất động vật hoặc trong thế giới và những hoàn cảnh bao quanh y. Khi tình trạng ảo cảm cùng những ảo tưởng của người đệ tử tiến xa được cộng thêm vào quyền năng của ảo lực, người ta sẽ thấy việc bình tĩnh phân biệt ba loại lừa dối này cần thiết đến mức nào. Cần nhớ rằng khi dùng thuật ngữ "lừa dối", chúng ta muốn nói đến sự lừa dối từ góc nhìn của linh hồn. Người chí nguyện phải học cách đứng tự do khỏi ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực; để làm được điều này, y phải thấu hiểu những phương tiện dẫn đến tự do, đó là: Trực giác, Soi sáng và Cảm hứng.

The problem of maya is complicated by the fact that upon the physical plane (as upon the astral plane, though this is as yet little realised) you have the battle of a pair of [86] opposites. These are of a different nature in some respects to those found upon the astral plane. On the physical plane (and by that I mean upon the etheric levels of the physical plane whereon the deceptive power of maya is experienced) there is the meeting of the forces of the subjective world of the personality and the ancient energies of matter itself, brought over as latent seeds from an earlier solar system.

Vấn đề ảo lực trở nên phức tạp bởi trên cõi hồng trần (cũng như trên cõi cảm dục, dù điều này hiện vẫn ít được nhận biết), có cuộc chiến của một cặp [86] đối cực. Về một vài phương diện, chúng có bản chất khác với những đối cực trên cõi cảm dục. Trên cõi hồng trần (và qua đó Tôi muốn nói đến các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần, nơi người ta trải nghiệm quyền năng lừa dối của ảo lực), có sự gặp gỡ giữa các mãnh lực của thế giới chủ quan thuộc phàm ngã và những năng lượng cổ xưa của chính vật chất, được mang sang dưới dạng những hạt giống tiềm tàng từ một hệ mặt trời trước đây.

It might perhaps become clearer to your perception if I worded the truth about maya as follows:

Có lẽ các bạn sẽ nhận thức rõ hơn nếu Tôi diễn đạt chân lý về ảo lực như sau:

The latent impulses of the personality life, when divorced from and not under soul control, are blended with the pranic fluids within the periphery of the personality sphere of influence, and then become potent directed streams of force, seeking emergence into physical manifestation through the medium of the seven centres in the physical body. These forces or impulses, plus the

Những xung lực tiềm tàng của đời sống phàm ngã, khi tách rời khỏi linh hồn và không chịu sự kiểm soát của linh hồn, hòa trộn với các lưu chất prana trong phạm vi khối cầu ảnh hưởng của phàm ngã, rồi trở thành những dòng mãnh lực mạnh mẽ có định hướng, tìm cách xuất hiện trong sự biểu hiện hồng trần qua trung gian của bảy trung tâm trong thể xác. Những mãnh lực

prana available, constitute the etheric body of the undeveloped and frequently of the average man. It will be apparent, therefore, how much the undeveloped man is the victim of mass energy of a low kind, for his etheric body is responsive to, and draws its energy from a type of general environing prana, until such time as there is a definite direction and a higher control—either through oriented aspiration and mental discipline, or later as the result of soul conditioning, to use the psychological phrase.

hay xung lực này, cộng với prana sẵn có, cấu thành thể dĩ thái của người chưa phát triển và thường cả của người bình thường. Vì vậy, sẽ thấy rõ người chưa phát triển là nạn nhân đến mức nào của năng lượng tập thể thuộc loại thấp, vì thể dĩ thái của y đáp ứng và rút năng lượng từ một loại prana chung trong môi trường xung quanh, cho đến khi có một sự định hướng rõ rệt và một sự kiểm soát cao hơn—hoặc qua khát vọng có định hướng và kỷ luật trí tuệ, hoặc về sau như kết quả của ảnh hưởng định hình từ linh hồn, nếu dùng cách diễn đạt của tâm lý học.

This etheric energy, focussed in an individual etheric body, passes through two stages prior to the period of discipleship:

Năng lượng dĩ thái này, tập trung trong một thể dĩ thái cá nhân, trải qua hai giai đoạn trước thời kỳ địa vị đệ tử:

1. The stage wherein it assimilates the second force to which I referred—the force, latent in the dense physical form, the energy of the atomic substance, thus producing a definite fusing and blending. This causes the animal nature to conform entirely to the inner impulses, [87] emanating from the world of prana, where the entirely undeveloped man is concerned, or from the lower astral where the more developed or average man is concerned.

1. Giai đoạn trong đó nó đồng hóa mãnh lực thứ hai mà Tôi đã đề cập—mãnh lực tiềm tàng trong hình tướng hồng trần đậm đặc, năng lượng của chất liệu nguyên tử, nhờ đó tạo ra sự dung hợp và hòa trộn rõ rệt. Điều này khiến bản chất động vật hoàn toàn tuân theo những xung lực bên trong, [87] phát xuất từ thế giới prana đối với người hoàn toàn chưa phát triển, hoặc từ các cấp độ cảm dục thấp đối với người phát triển hơn hay người bình thường.

2. The moment, however, that an inner orientation towards the world of higher values takes place, then the etheric or vital force is brought into conflict with the lowest aspect of man, the dense physical body, and the battle of the lower pairs of opposites takes place.

2. Tuy nhiên, ngay khi có sự định hướng bên trong về phía thế giới của những giá trị cao hơn, mãnh lực dĩ thái hay sinh lực liền xung đột với phương diện thấp nhất của con người, tức thể xác đậm đặc, và cuộc chiến của các cặp đối cực thấp diễn ra.

It is interesting to note that it is during this stage that the emphasis is laid upon physical disciplines, upon such controlling factors as total abstinence, celibacy, and vegetarianism, and upon physical hygiene and physical exercises. Through these, the

Điều đáng chú ý là chính trong giai đoạn này, người ta nhấn mạnh các kỷ luật hồng trần, những yếu tố kiểm soát như kiêng rượu hoàn toàn, sống độc thân và ăn chay, cùng vệ sinh hồng trần và các bài tập hồng trần. Qua những điều này, có thể hóa giải sự kiểm soát

control of the life of matter, the lowest expression of the third aspect of divinity can be offset, and the man set free for the true battle of the pairs of opposites. This second battle is the true *kurukshetra* and is fought out in the astral nature, between the pairs of opposites which are distinctive of our solar system, just as the physical pairs of opposites are distinctive of the past solar system. From one interesting angle the battle of the opposites upon the lower spiral, in which the physical body in its two aspects is concerned, can be seen taking place in the animal kingdom. In this process, human beings act as the agents of discipline, and the domesticated animals, which are forced to conform to human control, are wrestling (even if unconsciously from our point of view) with the problem of this lower pair of opposites. Their battle is fought out through the medium of the dense physical body and the etheric forces, and in this way a higher aspiration is brought into expression. This produces in them the experience which we call "individualisation," wherein the seed of personality is sown. On the human battlefield, the kurukshetra, the higher aspect of the [88] soul begins to dominate, producing the process of divine-human integration which we call "initiation." Ponder upon this.

của sự sống vật chất, biểu hiện thấp nhất của phương diện thứ ba của thiên tính, và giải phóng con người để bước vào cuộc chiến chân thực của các cặp đối cực. Cuộc chiến thứ hai này là *chiến trường* chân thực và diễn ra trong bản chất cảm dục, giữa những cặp đối cực đặc trưng cho hệ mặt trời của chúng ta, cũng như các cặp đối cực hồng trần đặc trưng cho hệ mặt trời trước đây. Từ một góc nhìn thú vị, có thể thấy cuộc chiến của các đối cực trên vòng xoắn thấp hơn, liên quan đến thể xác trong hai phương diện của nó, đang diễn ra trong giới động vật. Trong tiến trình này, con người đóng vai trò tác nhân rèn luyện kỷ luật, và các động vật thuần hóa, bị buộc phải tuân theo sự kiểm soát của con người, đang vật lộn (dù theo quan điểm của chúng ta, chúng không có ý thức về điều đó) với vấn đề của cặp đối cực thấp này. Cuộc chiến của chúng diễn ra qua trung gian của thể xác đậm đặc và các mãnh lực dĩ thái, và bằng cách này, một khát vọng cao hơn được biểu lộ. Điều này tạo ra nơi chúng trải nghiệm mà chúng ta gọi là "biệt ngã hóa", trong đó hạt giống phàm ngã được gieo. Trên chiến trường của con người, chiến trường nội tâm, phương diện cao hơn của [88] linh hồn bắt đầu chi phối, tạo ra tiến trình tích hợp giữa thiêng liêng và con người mà chúng ta gọi là "điểm đạo". Hãy suy ngẫm về điều này.

When an aspirant reaches that point in his evolution wherein the control of the physical nature is an urgent necessity, he recapitulates in his own life this earlier battle with the lowest pairs of opposites, and begins then to discipline his dense physical nature.

Khi một người chí nguyện đạt đến điểm trong quá trình tiến hóa của mình mà việc kiểm soát bản chất hồng trần trở thành một nhu cầu cấp bách, y tái diễn trong chính đời sống mình cuộc chiến trước đây với các cặp đối cực thấp nhất, và khi ấy bắt đầu rèn luyện kỷ luật cho bản chất hồng trần đậm đặc của mình.

Making a broad and sweeping generalisation, it might be said that for the human family en masse this dense physical-

Nếu khái quát một cách rộng rãi và bao quát, có thể nói rằng đối với gia đình nhân loại nói chung, cuộc xung đột giữa hồng trần đậm

etheric conflict was fought out in the World War, which was the imposition of a tremendous test and discipline. Remember that our tests and disciplines are self-imposed and grow out of our limitations and our opportunities. The result of this test was the passing on to the Path of Probation of a very large number of human beings, owing to the purging and purification to which they had been subjected. This purificatory process in some measure prepared them for the prolonged conflict upon the astral plane which lies ahead of all aspirants prior to achieving initiation. It is the "Arjuna experience." This is an interesting point upon which to ponder and explains much of mystery and of difficulty in the *sequence* of human unfoldment. The individual aspirant is apt to think only in terms of himself and of his individual tests and trials. He must learn to think of the mass occurrences and their preparatory effect where humanity is concerned. The World War was a climaxing point in the process of "devitalising" the world maya. Much force was released and exhausted and much energy expended. Much was consequently clarified.

đặc và dĩ thái này đã diễn ra trong Chiến tranh Thế giới, vốn đặt nhân loại trước một thử thách và sự rèn luyện kỷ luật vô cùng lớn lao. Hãy nhớ rằng những thử thách và kỷ luật của chúng ta là do chúng ta tự đặt ra, và nảy sinh từ những giới hạn cùng những cơ hội của chúng ta. Kết quả của thử thách này là một số lượng rất lớn con người bước vào Con Đường Dự Bị, nhờ sự tẩy sạch và thanh luyện mà họ đã trải qua. Tiến trình thanh luyện này phần nào chuẩn bị cho họ bước vào cuộc xung đột kéo dài trên cõi cảm dục, đang chờ đợi mọi người chí nguyện trước khi đạt được điểm đạo. Đó là "trải nghiệm Arjuna". Đây là một điểm thú vị để suy ngẫm, và giải thích nhiều điều bí ẩn cùng khó khăn trong *trình tự* khai mở của con người. Người chí nguyện riêng lẻ thường chỉ nghĩ đến bản thân cùng những thử thách và gian nan cá nhân của mình. Y phải học cách nghĩ đến những biến cố tập thể và tác động chuẩn bị của chúng đối với nhân loại. Chiến tranh Thế giới là một điểm cao trào trong tiến trình "rút sinh lực" khỏi ảo lực thế giới. Nhiều mãnh lực đã được giải phóng và tiêu hao, nhiều năng lượng đã được sử dụng. Vì vậy, nhiều điều đã trở nên rõ ràng.

Many people are occupied today in their individual lives with exactly the same process and conflict. On a tiny scale that which was worked out in the World War is worked out in their lives. They are busy with the problem of maya [89] and hence today we find an increasing emphasis upon the physical cultures, disciplines, and physical training, such as is imposed in the world of sport, in athletic exercises and military training. In spite of all the wrong motives and the terrible and evil effects (speaking again with a wide generalisation), the training of the body and the organised physical direction of the youth of the world today in all countries, particularly the military countries in Europe, is preparing

Ngày nay, nhiều người đang trải qua đúng tiến trình và cuộc xung đột ấy trong đời sống cá nhân. Trên một quy mô nhỏ bé, điều đã diễn ra trong Chiến tranh Thế giới đang diễn ra trong đời sống họ. Họ đang bận xử lý vấn đề ảo lực [89], và vì thế, ngày nay chúng ta thấy người ta ngày càng nhấn mạnh việc rèn luyện hồng trần, các kỷ luật và việc huấn luyện hồng trần, như những gì áp dụng trong thế giới thể thao, trong các bài tập điền kinh và huấn luyện quân sự. Bất chấp mọi động cơ sai lầm cùng những tác động khủng khiếp và xấu xa (một lần nữa, đây là một sự khái quát rộng), việc rèn luyện thân thể và định hướng hoạt động hồng trần có tổ chức cho thanh niên thế giới ngày nay ở mọi quốc gia, đặc biệt là các quốc gia quân phiệt ở

the way for millions to pass upon the Path of Purification. Is this a hard truth, my brothers? Humanity is under right direction, e'en if (during a brief interlude) they misunderstand the process and apply wrong motives to right activities.

châu Âu, đang chuẩn bị con đường để hàng triệu người bước vào Con Đường Thanh Luyện. Các huynh đệ của Tôi, đây có phải là một chân lý khó chấp nhận không? Nhân loại đang được dẫn dắt đúng đắn, ngay cả khi (trong một khoảng thời gian ngắn) họ hiểu sai tiến trình và gán những động cơ sai lầm cho những hoạt động đúng đắn.

All these points we shall later take up in greater detail when we come to our third section and begin to study the modes of ending glamour, illusion and maya. At present I am only occupied with giving you a general picture and a slight elaboration of the tabulation to be found on page 41. Study it with care and memorise it if possible, for in its right understanding lies for you much of real usefulness.

Sau này, chúng ta sẽ xem xét tất cả những điểm này chi tiết hơn khi đến phần thứ ba và bắt đầu nghiên cứu những phương thức chấm dứt ảo cảm, ảo tưởng và ảo lực. Hiện tại, Tôi chỉ tập trung cung cấp cho các bạn một bức tranh tổng quát và triển khai đôi chút bảng trình bày ở trang 41. Hãy nghiên cứu bảng ấy cẩn thận và ghi nhớ nếu có thể, vì chính trong việc thấu hiểu đúng bảng ấy có nhiều điều thực sự hữu ích cho các bạn.

I would like to point out in connection with the problem of maya that one of the first steps to its right handling is physical coordination; hence the emphasis laid upon this today in the training of children; hence also our use of a similar process under the term "alignment" when dealing with the work of meditation and the effort to induce increased soul control. Students would do well to bear this in mind and to ponder upon the following phrases:

Liên quan đến vấn đề ảo lực, Tôi muốn chỉ ra rằng một trong những bước đầu tiên để xử lý nó đúng đắn là sự phối hợp hồng trần; vì thế, ngày nay người ta nhấn mạnh điều này trong việc huấn luyện trẻ em; cũng vì thế, chúng ta sử dụng một tiến trình tương tự dưới thuật ngữ "chỉnh hợp" khi đề cập đến công việc tham thiền và nỗ lực gia tăng sự kiểm soát của linh hồn. Các đạo sinh nên ghi nhớ điều này và suy ngẫm về những cụm từ sau:

1. Physical co-ordination.

1. Sự phối hợp hồng trần.

2. Astral orientation.

2. Sự định hướng cảm dục.

3. Mental direction.

3. Sự chỉ đạo trí tuệ.

4. Personality alignment.

4. Sự chỉnh hợp phàm ngã.

These are all attempts to express the process of "right activity [90] upon the Path of Return." This return is the objective of the

Tất cả những điều này đều là những nỗ lực diễn đạt tiến trình "hoạt động đúng đắn [90] trên Con Đường Trở Về". Sự trở về này là mục

human family and the culminating goal of the four kingdoms in nature. We could enlarge the concept by expressing the truth in the following manner:

tiêu của gia đình nhân loại và là đích đến tối hậu của bốn giới trong tự nhiên. Chúng ta có thể mở rộng khái niệm ấy bằng cách diễn đạt chân lý theo cách sau:

Process

Tiến trình

Correspondence

Sự tương ứng

Obstacle

Chướng ngại

1.

1.

Physical coordination

Sự phối hợp hồng trần

Mineral kingdom

Giới kim thạch

Maya.

Ảo lực.

2.

2.

Astral orientation

Sự định hướng cảm dục

Vegetable kingdom

Giới thực vật

Glamour.

Ảo cảm.

3.

3.

Mental direction

Sự định hướng trí tuệ

Animal kingdom

Giới động vật

Illusion.

Ảo tưởng.

4.

4.

Personality alignment

Sự chỉnh hợp phàm ngã

Human kingdom

Giới nhân loại

The Dweller on the Threshold.

Kẻ Chận Ngõ.

These processes have, therefore, their equivalents in all the kingdoms and lead up to:

Do đó, những tiến trình này có các tiến trình tương ứng trong mọi giới và dẫn đến:

1. The unfoldment of the divine consciousness. This starts in the mineral kingdom.

1. Sự khai mở tâm thức thiêng liêng. Điều này bắt đầu trong giới kim thạch.

2. The expression of the soul. This is typified in the vegetable kingdom with its uses and beauty.

2. Sự biểu lộ của linh hồn. Giới thực vật, với tính hữu dụng và vẻ đẹp của nó, là biểu tượng cho điều này.

3. The manifestation of the Christ. This is the recognised goal of the animal kingdom which works towards individualisation.

3. Sự biểu hiện của Đức Christ. Đây là mục tiêu đã được nhìn nhận của giới động vật, vốn đang hướng tới sự biệt ngã hóa.

4. The revelation of the glory of God. This is the objective before humanity.

4. Sự mặc khải vinh quang của Thượng đế. Đây là mục tiêu đặt ra trước nhân loại.

4. Glamour upon the Higher Mental Planes... The Dweller on the Threshold. – 4. Ảo cảm trên các Cõi Thượng Trí... Kẻ Chận Ngõ.

We will now touch very briefly upon the problem of the *Dweller on the Threshold.* This Dweller is oft regarded as a disaster, as a horror to be avoided, and as a final and culminating evil. I would remind you nevertheless that the Dweller is the "one who stands before the Gate of God," who dwells in the shadow of the portal of initiation, and who faces the Angel of the Presence open-eyed, as the ancient scripture calls it. The Dweller can be defined as the sum total of the forces of the lower nature as expressed in [91] the personality, prior to illumination, to inspiration and to initiation. The personality, at this stage, is exceedingly potent, and the Dweller

Giờ đây, chúng ta sẽ đề cập rất ngắn gọn đến vấn đề *Kẻ Chận Ngõ.* Kẻ Chận Ngõ này thường được xem là một tai họa, một nỗi kinh hoàng cần tránh, và một điều ác cuối cùng, tột đỉnh. Tuy nhiên, Tôi muốn nhắc các bạn rằng Kẻ Chận Ngõ là "kẻ đứng trước Cổng của Thượng đế", kẻ trú trong bóng tối của cổng điểm đạo và mở to mắt đối diện với Thiên Thần của Hiện Diện, như kinh điển cổ gọi như vậy. Có thể định nghĩa Kẻ Chận Ngõ là tổng thể các mãnh lực của bản chất thấp biểu lộ trong [91] phàm ngã, trước sự soi sáng, cảm hứng và điểm đạo. Ở giai đoạn này, phàm ngã có sức mạnh vô cùng lớn, và Kẻ Chận Ngõ là hiện thân của mọi mãnh lực thông linh và trí tuệ đã khai mở trong con

embodies all the psychic and mental forces which down the ages have been unfolded in a man and nurtured with care; it can be looked upon as the potency of the threefold material form, prior to its consecration and dedication to the life of the soul and to the service of the Hierarchy, of God and humanity.

người qua bao thời đại và được nuôi dưỡng cẩn thận; có thể xem nó là sức mạnh của hình tướng vật chất tam phân, trước khi hình tướng ấy được thánh hiến và dâng hiến cho đời sống linh hồn cùng việc phụng sự Thánh đoàn, Thượng đế và nhân loại.

The Dweller on the Threshold is all that a man is, apart from the higher spiritual self; it is the third aspect of divinity as expressed in the human mechanism, and this third aspect must eventually be subordinated to the second aspect, the soul.

Kẻ Chận Ngõ là toàn bộ những gì cấu thành một con người, ngoại trừ bản ngã tinh thần cao siêu; nó là phương diện thứ ba của thiên tính biểu lộ trong bộ máy con người, và cuối cùng phương diện thứ ba này phải phục tùng phương diện thứ hai, tức linh hồn.

The two great contrasting Forces, the ANGEL and the DWELLER, are brought together—face to face—and the final conflict takes place. Again you will note that it is a meeting and a battle between another and higher pair of opposites. The aspirant has, therefore, three pairs of opposites with which to deal as he progresses towards light and liberation.

Hai Mãnh Lực tương phản lớn lao, THIÊN THẦN và KẺ CHẬN NGÕ, được đưa đến với nhau—mặt đối mặt—và cuộc xung đột cuối cùng diễn ra. Một lần nữa, các bạn sẽ nhận thấy đây là cuộc gặp gỡ và trận chiến giữa một cặp đối cực khác, cao hơn. Do đó, khi tiến tới ánh sáng và sự giải thoát, người chí nguyện phải xử lý ba cặp đối cực.

The Pairs of Opposites

Các Cặp Đối Cực

1. On the Physical Plane... The dense and the etheric. Fought out upon the Path of Purification.

1. Trên Cõi Hồng Trần... Phần đậm đặc và phần dĩ thái. Cuộc chiến diễn ra đến cùng trên Con Đường Thanh Luyện.

2. On the Astral Plane... The well-known dualities. Fought upon the Path of Discipleship.

2. Trên Cõi Cảm Dục... Những nhị nguyên quen thuộc. Cuộc chiến diễn ra trên Con Đường Đệ Tử.

3. On the Mental Plane... The Angel and the Dweller. Fought upon the Path of Initiation.

3. Trên Cõi Trí... Thiên Thần và Kẻ Chận Ngõ. Cuộc chiến diễn ra trên Con Đường Điểm Đạo.

I have, I should judge, given you enough to ponder upon; I would close it, however, by pointing out to you the very practical nature

Theo nhận định của Tôi, Tôi đã trao cho các bạn đủ điều để suy ngẫm; tuy nhiên, Tôi muốn kết thúc bằng cách chỉ ra cho các bạn

of that which I have communicated and would urge you to find out in your own practical experience [92] the nature of the battle you have each to fight. To aid you in this, I am going to help you in one very definite way.

bản chất hết sức thực tiễn của những điều Tôi đã truyền đạt, và thúc giục các bạn tự tìm hiểu qua kinh nghiệm thực tế của mình [92] bản chất của trận chiến mà mỗi người phải chiến đấu. Để hỗ trợ các bạn trong việc này, Tôi sẽ giúp các bạn theo một cách rất cụ thể.

It will be of service to you if I indicate to you —each of you—the rays which govern your threefold personality. You will then be in a position to handle yourselves with greater wisdom, to trace more easily the causes of difficulty and to study more intelligently the effect you may have upon each other and upon those you contact in daily life. I will elaborate in detail the training which should be given to each of the three bodies, taking one of the vehicles at a time and explaining the problem facing each of you in relation to that particular vehicle, and assigning a meditation which will enable you (with greater facility) to handle the personality from that specific angle.

Sẽ hữu ích cho các bạn nếu Tôi chỉ rõ cho từng người những cung cai quản phàm ngã tam phân của các bạn. Khi đó, các bạn sẽ có thể điều khiển bản thân với minh triết lớn hơn, dễ dàng truy tìm nguyên nhân của những khó khăn hơn, và nghiên cứu sáng suốt hơn về ảnh hưởng mà các bạn có thể tạo ra đối với nhau và với những người các bạn tiếp xúc trong đời sống hằng ngày. Tôi sẽ trình bày chi tiết việc rèn luyện cần dành cho từng thể trong ba thể của phàm ngã, lần lượt xem xét từng hiện thể, giải thích vấn đề mà mỗi người phải đối diện liên quan đến hiện thể cụ thể ấy, và giao một bài thiền giúp các bạn điều khiển phàm ngã từ góc độ riêng đó một cách dễ dàng hơn.

You will note from the above that it is, therefore, my intention to give you a much more careful and intensive training. Will you profit by it? In the interim and in order that you can apprehend the truth of what I shall later tell you, will you study yourselves with care during the next six months and see if what I later suggest is not true? Use the information given in *A Treatise on the Seven Rays* as your guide in this self-analysis; I would remind you that the rays govern the three bodies in the following order:

Từ những điều trên, các bạn sẽ nhận thấy rằng Tôi có ý định dành cho các bạn một sự huấn luyện kỹ lưỡng và chuyên sâu hơn nhiều. Các bạn có tận dụng được điều đó không? Trong thời gian chờ đợi, để có thể lĩnh hội chân lý trong những điều Tôi sẽ nói với các bạn sau này, liệu các bạn có chịu nghiên cứu bản thân cẩn thận trong sáu tháng tới và xem những điều Tôi gợi ý sau này có đúng hay không? Hãy dùng thông tin trong *Luận về Bảy Cung* làm kim chỉ nam cho việc tự phân tích này; Tôi muốn nhắc các bạn rằng các cung cai quản ba thể của phàm ngã theo thứ tự sau:

1.

Rays governing the mental body

1.

Các cung cai quản thể trí

Rays 1.4.5.

Các cung 1.4.5.

2.

2.

Rays governing the astral body

Các cung cai quản thể cảm dục

Rays 2.6.

Các cung 2.6.

3.

3.

Rays governing the physical body

Các cung cai quản thể xác

Rays 3.7.

Các cung 3.7.

Thus you will note that all the rays play their part in the mechanism of man, making all circumstances the vehicles of opportunity and all conditions the medium of development. This statement as to the governing rays is a statement of an infallible rule, except in the case of accepted disciples.

Như vậy, các bạn sẽ nhận thấy rằng mọi cung đều đóng vai trò của mình trong bộ máy con người, biến mọi hoàn cảnh thành hiện thể của cơ hội và mọi điều kiện thành phương tiện phát triển. Phát biểu này về các cung cai quản là một quy luật không bao giờ sai, ngoại trừ trường hợp các đệ tử được chấp nhận.

As you read and study, you would find it of value to reflect upon and then to answer the following questions: [93]

Trong khi đọc và nghiên cứu, các bạn sẽ thấy hữu ích nếu suy ngẫm rồi trả lời những câu hỏi sau: [93]

1. What is the relation of the *intuition* to the problem of illusion?

1. *Trực giác* có mối quan hệ thế nào với vấn đề ảo tưởng?

2. In what manner can *illumination* dispel glamour, and how can it be brought about?

2. *Sự soi sáng* có thể xua tan ảo cảm bằng cách nào, và làm thế nào để tạo ra sự soi sáng ấy?

3. Define maya and give your understanding of *inspiration* as a factor in dispelling it.

3. Hãy định nghĩa ảo lực và trình bày sự thấu hiểu của các bạn về *cảm hứng* như một yếu tố giúp xua tan ảo lực.

I have purposely not elucidated this technique as I sought to draw out your own ideas. I would urge you to follow the group

Tôi đã cố ý không làm sáng tỏ kỹ thuật này, vì Tôi muốn khơi gợi những ý tưởng của chính các bạn. Tôi muốn thúc giục các bạn

meditation with care. It is of deep importance to the group in the interest of integration and real spiritual cooperation. The Full Moon work will likewise increase in importance. Later will come facility in recognising and recording the nature of the glamour to be dissipated and aptitude in seeing the process of light distribution.

thực hành bài thiền nhóm một cách cẩn thận. Điều này có tầm quan trọng sâu sắc đối với nhóm, nhằm thúc đẩy sự tích hợp và hợp tác tinh thần đích thực. Công việc vào kỳ Trăng Tròn cũng sẽ ngày càng quan trọng. Sau này, các bạn sẽ dễ dàng nhận ra và ghi lại bản chất của ảo cảm cần làm tiêu tan, đồng thời thành thạo trong việc thấy được tiến trình phân phối ánh sáng.

SECTION TWO: THE CAUSES OF GLAMOUR – PHẦN HAI: CÁC NGUYÊN NHÂN CỦA ẢO CẢM

1. The Racial and Individual Growth of Glamour – 1. Sự Phát Triển của Ảo Cảm trong Nhân Loại và Cá Nhân

[94] We shall now employ the word "glamour" to cover all the aspects of those deceptions, illusions, misunderstandings and misinterpretations which confront the aspirant at every step of his way until he achieves unity. I would have you note that word "unity," for it holds the secret of disillusionment, as this process of release from glamour has been occultly called. It will be apparent to you (if you have studied these instructions with care) that the cause of glamour is primarily based upon the sense of duality. If such a duality did not exist, there would be no glamour, and this perception of the dual nature of all manifestation lies at the very root of the trouble or troubles with which humanity is —in time and space—faced. This perception passes through various stages and constitutes the great problem of the conscious entity. This condition is a difficulty in the realm of consciousness itself and is not really inherent in the substance or matter. The dweller in the body perceives wrongly: he interprets incorrectly that which is perceived; he proceeds to identify himself with that which is not himself; he shifts his consciousness into a realm of phenomena which engulfs him, deludes him and imprisons him until such time as he becomes restless and unhappy under the sense that something is wrong. Then he comes finally to the recognition that he is not what he seems to be and that the phenomenal world of appearances is not identical with reality [95] as he had hitherto supposed it to be. From that moment on he comes to the sense of duality, to the

[94] Giờ đây, chúng ta sẽ dùng từ "ảo cảm" để bao quát mọi phương diện của những sự lừa dối, ảo tưởng, hiểu lầm và diễn giải sai mà người chí nguyện gặp phải ở mỗi bước trên đường, cho đến khi y đạt được sự hợp nhất. Tôi muốn các bạn lưu ý từ "hợp nhất", vì nó chứa đựng bí mật của sự thoát khỏi mê lầm —tên gọi huyền bí của tiến trình giải thoát khỏi ảo cảm này. Nếu đã nghiên cứu cẩn thận những huấn thị này, các bạn sẽ thấy rõ rằng nguyên nhân của ảo cảm chủ yếu dựa trên cảm thức về nhị nguyên. Nếu nhị nguyên ấy không tồn tại, sẽ không có ảo cảm; và chính sự nhận thức về bản chất kép của mọi biểu hiện này nằm ở tận gốc rễ của khó khăn hay những khó khăn mà nhân loại phải đối diện trong thời gian và không gian. Sự nhận thức này trải qua nhiều giai đoạn và tạo thành vấn đề lớn của thực thể hữu thức. Tình trạng này là một khó khăn trong chính lĩnh vực tâm thức, chứ thực ra không vốn có trong chất liệu hay vật chất. Kẻ cư ngụ trong thân thể nhận thức sai: y diễn giải không đúng những gì mình nhận thức; y tiến tới đồng hoá với những gì không phải là chính mình; y chuyển tâm thức vào một lĩnh vực hiện tượng nhấn chìm, mê hoặc và giam hãm y, cho đến khi y trở nên bất an và khổ sở vì cảm thấy có điều gì đó không ổn. Cuối cùng, y nhận ra rằng mình không phải là những gì mình có vẻ là, và thế giới hiện tượng của những vẻ ngoài không đồng nhất với thực tại [95] như y vẫn giả định cho đến lúc ấy. Từ thời điểm đó, y bắt đầu có cảm thức về nhị nguyên, nhận ra "cái khác", và nhận thức rằng cảm thức nhị nguyên của mình cần chấm dứt, rằng cần thực hiện một tiến trình thống nhất và nỗ lực đạt tới sự

recognition of "otherness" and to the perception that his sense of dualism should be ended and that a process of unification and an attempt to achieve at-one-ment should be undertaken. From that moment, the troubles of the evolving man begin to be observed by him and consciously encountered, and he faces a long period of "extrication from glamour and the entering into that world wherein only unity is known." The stages from then on might be enumerated as follows:

hợp nhất. Từ thời điểm đó, con người đang tiến hoá bắt đầu quan sát những khó khăn của mình và đối diện với chúng một cách có ý thức; y bước vào một thời kỳ dài "thoát khỏi ảo cảm và tiến vào thế giới nơi chỉ có sự hợp nhất". Các giai đoạn từ đó trở đi có thể được liệt kê như sau:

First: The stage wherein the material world is recognised and valued. Temporarily it is made the goal of all activity and the man, refusing to recognise the difference existing between him and the material and natural world, seeks to identify himself with it and to find satisfaction in purely physical pleasures and pursuits. This stage divides itself into two parts:

Thứ nhất: Giai đoạn trong đó thế giới vật chất được nhận biết và coi trọng. Tạm thời, thế giới ấy trở thành mục tiêu của mọi hoạt động; con người, không chịu nhìn nhận sự khác biệt giữa mình với thế giới vật chất và tự nhiên, tìm cách đồng hoá với thế giới ấy và tìm sự thỏa mãn trong những lạc thú và những theo đuổi thuần túy hồng trần. Giai đoạn này chia thành hai phần:

a. That wherein satisfaction is sought in the almost automatic response to the physical instincts, to sex, food and warmth. These loom large in man's consciousness. The animal nature in man is made the centre of the attempt to produce some sense of unity. Because the inner and subtle man is as yet "weak in impact" (as it is esoterically called), a physical unification temporarily takes place which serves to deepen the glamour and to delay progress into freedom.

a. Giai đoạn tìm kiếm sự thỏa mãn trong việc đáp ứng gần như tự động với các bản năng hồng trần, với tình dục, thức ăn và hơi ấm. Những điều này chiếm vị trí nổi bật trong tâm thức con người. Bản chất động vật trong con người trở thành trung tâm của nỗ lực tạo ra một cảm thức hợp nhất nào đó. Vì con người vi tế bên trong vẫn còn "yếu về sức tác động" (theo cách gọi huyền bí), nên tạm thời diễn ra một sự hợp nhất hồng trần, làm ảo cảm thêm sâu đậm và trì hoãn bước tiến tới tự do.

b. The stage wherein satisfaction and sense of oneness is sought in the realm of material possessions, and in the establishing of a centre of beauty and comfort in life on the physical plane. Therein the man can be at home and oblivious of a growing sense of dualism which, day by day, gets steadily stronger. This stage only takes place [96]

b. Giai đoạn tìm kiếm sự thỏa mãn và cảm thức nhất thể trong lĩnh vực sở hữu vật chất, cũng như trong việc thiết lập một trung tâm của vẻ đẹp và sự tiện nghi trong đời sống trên cõi hồng trần. Ở đó, con người có thể cảm thấy yên ổn như ở nhà và không để ý đến cảm thức nhị nguyên đang lớn dần, ngày một mạnh hơn. Giai đoạn này chỉ diễn

ages later when the aspirant is about to re-orient himself to truth and to take the first steps towards the Probationary Path. It is a correspondence towards the end of the Path of Evolution to the stage above mentioned, but the man experiencing it is a very different person to the one who now seeks synthesis in the materialisation of beauty upon the outer plane. The subtle man is now becoming dominant.

ra [96] nhiều thời đại về sau, khi người chí nguyện sắp tái định hướng bản thân về chân lý và bước những bước đầu tiên hướng tới Con Đường Dự Bị. Gần cuối Con Đường Tiến Hoá, giai đoạn này tương ứng với giai đoạn đã nêu ở trên, nhưng con người trải nghiệm giai đoạn ấy rất khác với người hiện đang tìm kiếm sự tổng hợp trong việc hiện hình cái đẹp trên cõi bên ngoài. Giờ đây, con người vi tế đang trở nên chi phối.

Secondly: The stage wherein the man first of all becomes aware of the duality which can be expressed by the words "the man and the forces." He becomes alive to the fact that he and all humanity are the victims of forces and energies over which they have no control and which drive men hither and thither. He becomes aware also of forces and energies within himself over which he likewise has no control and which force him to act in various ways, making him frequently the victim of his own revolts, his own acts and selfishly directed energies. Here the man discovers (unconsciously at first and later consciously), the initial duality—the physical body and the vital or etheric body. One is the mechanism of contact upon the physical plane, the other is the mechanism of contact with the inner forces, energies and worlds of being. This vital body controls and galvanises the physical body into an almost automatic activity. I referred to this duality in an earlier instruction. This stage is one of great difficulty for the man, as an individual, and for humanity as a whole. Men are still so ignorant of the "reality which shines under the envelope which envelops it"—as the *Old Commentary* calls it—that true perception is difficult and at first well-nigh impossible. Blindly and ignorantly men have to cope with this first pair of opposites. It is this that we see happening in the world at this time. The masses are awakening to the realisation

Thứ hai: Giai đoạn trong đó, trước hết, con người nhận biết nhị nguyên có thể diễn đạt bằng những từ "con người và các mãnh lực". Y ý thức rõ rằng mình và toàn thể nhân loại là nạn nhân của các mãnh lực và năng lượng mà họ không kiểm soát được, và chúng thúc đẩy con người đi hết hướng này đến hướng khác. Y cũng nhận biết những mãnh lực và năng lượng bên trong mình mà y cũng không kiểm soát được, chúng buộc y hành động theo nhiều cách khác nhau, thường khiến y trở thành nạn nhân của chính những cuộc nổi loạn, hành động và năng lượng hướng theo sự ích kỷ của mình. Ở đây, con người khám phá (ban đầu một cách vô thức, về sau một cách có ý thức) nhị nguyên đầu tiên—thể xác và thể sinh lực hay thể dĩ thái. Một thể là bộ máy tiếp xúc trên cõi hồng trần, thể kia là bộ máy tiếp xúc với các mãnh lực, năng lượng và những thế giới hiện tồn bên trong. Thể sinh lực này kiểm soát và thúc đẩy thể xác vào hoạt động gần như tự động. Tôi đã đề cập đến nhị nguyên này trong một huấn thị trước. Đây là một giai đoạn vô cùng khó khăn đối với con người xét như một cá nhân, và đối với toàn thể nhân loại. Con người vẫn còn quá thiếu hiểu biết về "thực tại tỏa sáng bên dưới lớp vỏ bao bọc nó"—theo cách gọi của *Cổ Luận*—đến nỗi nhận thức chân thực là điều khó khăn và thoạt đầu gần như bất khả. Trong mù quáng và thiếu hiểu biết, con người phải đối phó với cặp đối cực đầu tiên này. Đó chính là điều chúng ta thấy đang diễn ra trên

that they are the victims and [97] the exponents of forces over which they have no control and of which they have no understanding. They would like to assume control over them and are determined so to do whenever possible. This constitutes the major problem today in the economic field and in the field of daily living and of government.

thế giới hiện nay. Quần chúng đang thức tỉnh để nhận ra rằng họ là nạn nhân và [97] là những người biểu lộ các mãnh lực mà họ không kiểm soát được và cũng không thấu hiểu. Họ muốn nắm quyền kiểm soát các mãnh lực ấy và quyết tâm làm như vậy bất cứ khi nào có thể. Điều này tạo thành vấn đề chủ yếu ngày nay trong lĩnh vực kinh tế, đời sống hằng ngày và việc quản trị.

World tension today consists in the fact that physical force and etheric energy are at grips. Forget not what I earlier told you that etheric force is closely related to the Monad or the highest spiritual aspect. It is life itself on the verge of externalisation. Hence the emphasis today upon the spirit of humanity, upon the spirit of a nation, and the spirit of a group. This is all the result of the battle going on between this pair of opposites in the field of human affairs and in the field of individual average human living. It is, however, this conflict—fought out to the point of synthesis and of at-one-ment—which produces the re-orientation of the race and of the individual to the truer values and to the world of reality. It is this conflict—successfully waged—which lands the man, as an individual, and the mass, as a whole, upon the Path of Purification. When there is unification of these energies upon the physical plane, you then have one-pointed activity and a determination to travel in a specific direction. There follows the resolution (note this word and its usage) of the duality into a unity.

Sự căng thẳng trên thế giới ngày nay nằm ở chỗ mãnh lực hồng trần và năng lượng dĩ thái đang giao tranh. Đừng quên điều Tôi đã nói với các bạn trước đây: mãnh lực dĩ thái có quan hệ mật thiết với chân thần, hay phương diện tinh thần cao nhất. Đó là chính sự sống đang ở ngưỡng ngoại hiện. Vì thế, ngày nay người ta nhấn mạnh tinh thần của nhân loại, tinh thần của một quốc gia và tinh thần của một nhóm. Tất cả những điều này là kết quả của cuộc chiến đang diễn ra giữa cặp đối cực ấy trong lĩnh vực các sự việc của nhân loại và trong lĩnh vực đời sống của cá nhân con người bình thường. Tuy nhiên, chính cuộc xung đột này—diễn ra đến khi đạt tới sự tổng hợp và hợp nhất—tạo nên sự tái định hướng của nhân loại và cá nhân về những giá trị chân thực hơn và về thế giới thực tại. Chính cuộc xung đột này, khi được tiến hành thành công, đưa con người xét như một cá nhân, và quần chúng xét như một toàn thể, đến Con Đường Thanh Luyện. Khi những năng lượng này hợp nhất trên cõi hồng trần, sẽ có hoạt động nhất tâm và quyết tâm tiến theo một hướng cụ thể. Tiếp đó là sự hóa giải (hãy lưu ý từ này và cách dùng của nó) nhị nguyên thành một sự hợp nhất.

This resolution works out in the early stages (where the average type of aspirant is concerned) into a temporary astral unity and then there emerges the one-pointed devotee. He is found in all fields—of religion,

Trong những giai đoạn đầu, đối với người chí nguyện thuộc loại bình thường, sự hóa giải này dẫn đến một sự hợp nhất cảm dục tạm thời, rồi người sùng tín nhất tâm xuất hiện. Có thể thấy y trong mọi lĩnh vực—tôn giáo,

of science, of politics or in any other department of life. His etheric unity, producing re-orientation—with its results of a clear vision, a grasp of truth, and a picture of the immediate way to go—serves temporarily to glamour the man with a sense of achievement, of surety, of power and of destiny. He goes [98] ahead blindly, furiously and ruthlessly until suddenly he is brought sharply up against changing conditions and recognises another and far more difficult situation. The pairs of opposites upon the astral plane confront him, and he becomes Arjuna upon the field of battle. All his sense of at-one-ment, of direction, of sure and oft-times smug satisfaction disappears and he is lost in the fogs and glamours of the astral plane. This is the plight of many well-meaning disciples at this time and upon it I must for a moment dwell because this group, when it can work as a group, has for its intended task the dissolution of some of the world glamour. Some day (and let us hope that it will take place before long) this group and other such groups should work, as a group and under direction of their Master, in piercing the world glamour and letting in some light and illumination so that men may walk from henceforth more truly on the *Way* in safety.

khoa học, chính trị hoặc bất cứ lĩnh vực nào khác của đời sống. Sự hợp nhất dĩ thái của y tạo ra sự tái định hướng, với những kết quả là một tầm nhìn rõ ràng, sự nắm bắt chân lý và hình dung về con đường cần đi ngay trước mắt; điều này tạm thời khiến y bị ảo cảm mê hoặc bởi cảm thức về thành tựu, sự chắc chắn, quyền năng và vận mệnh. Y tiến [98] tới một cách mù quáng, cuồng nhiệt và không khoan nhượng, cho đến khi đột nhiên phải đối diện gay gắt với những điều kiện thay đổi và nhận ra một tình thế khác, khó khăn hơn nhiều. Các cặp đối cực trên cõi cảm dục hiện ra trước y, và y trở thành Arjuna trên chiến trường. Mọi cảm thức hợp nhất, định hướng, thỏa mãn chắc chắn và thường tự mãn của y đều biến mất; y lạc trong sương mù và ảo cảm của cõi cảm dục. Đây là tình cảnh của nhiều đệ tử có thiện chí hiện nay, và Tôi phải dừng lại ở đó đôi chút, vì nhóm này, khi có thể hoạt động như một nhóm, có nhiệm vụ dự kiến là làm tan biến một phần ảo cảm thế giới. Một ngày nào đó (và chúng ta hãy hy vọng điều ấy sẽ xảy ra không lâu nữa), nhóm này và những nhóm tương tự khác cần hoạt động như một nhóm, dưới sự chỉ đạo của Chân sư của họ, để xuyên thủng ảo cảm thế giới, đưa vào một phần ánh sáng và sự soi sáng, để từ đó con người có thể bước đi chân thực hơn trên *Đường Đạo* một cách an toàn.

I have, therefore, chosen for participation in this work several aspirants whose tendency is to succumb to glamour, though two of them are less prone to it than are the others. Their relative freedom from it was one of the reasons why I chose them. These two are D.L.R. and D.P.R. Let these two keep their lives free from any tendency to glamour if they are rightly to serve their brothers as desired by me. I will give indication of their tendency in that direction in their personal instructions. The other group members are quickly prone to glamour, but this is a grief

Do đó, Tôi đã chọn tham gia công việc này một số người chí nguyện có khuynh hướng khuất phục trước ảo cảm, dù hai người trong số họ ít dễ mắc phải hơn những người khác. Việc họ tương đối thoát khỏi ảo cảm là một trong những lý do Tôi chọn họ. Hai người này là D.L.R. và D.P.R. Hai người ấy hãy giữ đời sống của mình không vướng vào bất cứ khuynh hướng ảo cảm nào, nếu muốn phụng sự đúng đắn các huynh đệ của mình như Tôi mong muốn. Tôi sẽ chỉ ra khuynh hướng của họ theo chiều hướng ấy trong những huấn thị riêng dành cho họ. Những

to them. It can, however, be as quickly turned into an asset. How can the world glamour be dissipated except by those who recognise it for what it is and who have wrestled with it in their daily lives? How can there be success in removing world glamour through illumination, unless this illumination is brought about by those who have learned to cast the searchlight of the soul into the dark places and the glamour which surrounds [99] them, as individuals, and then see it disappear? Be not discouraged by this "glamorous weakness" but regard your effort to understand the problem and your ability to arrive at the solution in your own lives as part of the contribution which you can make to this most stupendous of world problems. Solve your glamour by dwelling in the light and holding the mind steady in that light, and by learning to throw this light into the fogs of glamour on the astral plane. Do not attempt to solve it, as some aspirants so frequently do, by saying, "Now I understand," whereas all that they do (and many of you do the same) is to react to a self-evident occult platitude.

thành viên khác của nhóm dễ nhanh chóng mắc ảo cảm, nhưng điều này khiến họ đau buồn. Tuy nhiên, nó cũng có thể nhanh chóng trở thành một lợi thế. Ai có thể làm tiêu tan ảo cảm thế giới, nếu không phải là những người nhận ra đúng bản chất của nó và đã vật lộn với nó trong đời sống hằng ngày? Làm sao có thể thành công trong việc loại bỏ ảo cảm thế giới bằng sự soi sáng, nếu sự soi sáng ấy không do những người đã học cách rọi đèn pha của linh hồn vào những nơi tối tăm và vào ảo cảm bao quanh [99] chính họ với tư cách cá nhân, rồi thấy nó biến mất? Đừng nản lòng vì "sự yếu đuối trước ảo cảm" này, mà hãy xem nỗ lực thấu hiểu vấn đề và khả năng tìm ra giải pháp trong đời sống của chính các bạn là một phần đóng góp mà các bạn có thể dành cho vấn đề thế giới hết sức to lớn này. Hãy hóa giải ảo cảm của mình bằng cách sống trong ánh sáng, giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng ấy, và học cách rọi ánh sáng này vào sương mù ảo cảm trên cõi cảm dục. Đừng cố hóa giải nó, như một số người chí nguyện rất thường làm, bằng cách nói: "Giờ tôi đã thấu hiểu", trong khi tất cả những gì họ làm (và nhiều người trong các bạn cũng làm như vậy) chỉ là phản ứng với một lời sáo mòn huyền bí hiển nhiên.

Third: This stage of glamour is oft called the Arjuna Experience. Today the world Arjuna is facing the pairs of opposites, just as does the individual disciple, ready—when these pairs have been resolved into a unity—to tread the Path of Discipleship.

Thứ ba: Giai đoạn ảo cảm này thường được gọi là Trải nghiệm Arjuna. Ngày nay, Arjuna của thế giới đang đối diện với các cặp đối cực, cũng như người đệ tử cá nhân, sẵn sàng —khi những cặp này đã được hóa giải thành một sự hợp nhất—bước trên Con Đường Đệ Tử.

It might be pointed out that:

Có thể chỉ ra rằng:

1. The masses in all lands are wrestling with the first pair of opposites, that upon the physical plane. When "resolution" has taken place, these masses will step on to the Path of Purification. This is rapidly taking place.

1. Quần chúng ở mọi quốc gia đang vật lộn với cặp đối cực đầu tiên, cặp đối cực trên cõi hồng trần. Khi "sự hóa giải" đã diễn ra, những quần chúng này sẽ bước vào Con Đường Thanh Luyện. Điều này đang diễn ra

It might be added that this is a long and slow process because the consciousness is—in this stage—not the intelligent awareness of the thinking man but the blind consciousness of the physical man, plus the forces of nature themselves.

nhanh chóng. Có thể nói thêm rằng đây là một tiến trình dài và chậm, vì ở giai đoạn này, tâm thức không phải là sự nhận biết sáng suốt của con người biết suy tư, mà là tâm thức mù quáng của con người hồng trần, cộng với chính những mãnh lực của tự nhiên.

2. The average educated citizen in all lands is facing today the Arjuna experience and the pairs of opposites upon the astral plane. Hence the intense feeling abroad in the world; hence also the search for illumination, through education, through religion, and through the many agencies of mental instruction, with the consequent [100] growth of knowledge, wisdom and right relationships. These people fall normally into two classes:

2. Ngày nay, người dân có học vấn ở mức trung bình trong mọi quốc gia đang đối diện với trải nghiệm Arjuna và các cặp đối cực trên cõi cảm dục. Vì thế, cảm xúc mãnh liệt lan khắp thế giới; cũng vì thế mà có sự tìm kiếm sự soi sáng thông qua giáo dục, tôn giáo và nhiều cơ quan giảng dạy về trí tuệ, kéo theo [100] sự phát triển của tri thức, minh triết và những mối quan hệ đúng đắn. Những người này thường thuộc hai nhóm:

a. Those who are aware of the necessity for decision and discrimination in thinking and in choice, but who are not yet truly aware of the implications or of the indications. They are called the "bewilderment phase of Arjuna's plight," and to racial, national and individual glamour, they have added a spiritual glamour which intensifies the fog.

a. Những người nhận biết sự cần thiết phải quyết định và phân biện trong tư duy cũng như trong lựa chọn, nhưng chưa thực sự nhận biết những hàm ý hay những dấu hiệu. Họ thuộc "giai đoạn hoang mang trong tình cảnh của Arjuna", và ngoài ảo cảm của nhân loại, quốc gia và cá nhân, họ còn thêm vào một ảo cảm tinh thần khiến màn sương dày đặc hơn.

b. Those who have emerged out of this condition and are becoming aware of their problem. They see the pairs of opposites and are entering upon the "recognition stage of Arjuna's release." They see the Form of God and the indwelling Reality within that Form and are arriving at the decision to let the Warrior carry on the fight. They will then (when right decision and choice have been made) "stand up and fight," and will find themselves no longer on the Path of Purification but upon the Path of Discipleship.

b. Những người đã thoát khỏi tình trạng này và đang nhận biết vấn đề của mình. Họ thấy các cặp đối cực và đang bước vào "giai đoạn nhận biết trong sự giải thoát của Arjuna". Họ thấy Hình Tướng của Thượng đế và Thực Tại ngự bên trong Hình Tướng ấy, và đang đi đến quyết định để Chiến Sĩ tiếp tục chiến đấu. Khi đó, sau khi đã quyết định và lựa chọn đúng đắn, họ sẽ "đứng lên và chiến đấu", và thấy mình không còn ở trên Con Đường Thanh Luyện mà đã ở trên Con Đường Đệ Tử.

With this stage you are all familiar, and aspirants such as are found in this group of students need no instruction from me as to the treading of the path out of glamour into light. The rules are well known: the glamours to which you are susceptible are equally familiar; the glamours to which humanity is prone are well recognised by you. It remains but for you to follow the ancient way of Raja Yoga and bring in the mind as a dispelling agency and thus learn to stand in the "light" between the pairs of opposites, and through that "light" achieve freedom by treading the noble middle way. Sometimes, my brothers, I feel that you know so much theoretically but have worked out relatively [101] so little. I ask myself whether I do not shoulder an unreasonable responsibility by giving you any more instructions. But I remind myself that I write for others as well as for you and that my time is short for this particular service.

Tất cả các bạn đều quen thuộc với giai đoạn này, và những người chí nguyện như các đạo sinh trong nhóm này không cần Tôi chỉ dẫn cách bước trên con đường ra khỏi ảo cảm để vào ánh sáng. Các quy luật đã quá quen thuộc; những ảo cảm mà các bạn dễ mắc phải cũng quen thuộc không kém; các bạn cũng nhận biết rõ những ảo cảm mà nhân loại dễ mắc phải. Các bạn chỉ còn cần đi theo con đường cổ xưa của pháp tu vương giả, đưa thể trí vào làm tác nhân xua tan, và nhờ đó học cách đứng trong "ánh sáng" giữa các cặp đối cực, rồi thông qua "ánh sáng" ấy đạt được tự do bằng cách bước trên con đường trung đạo cao quý. Đôi khi, các huynh đệ của Tôi, Tôi cảm thấy các bạn biết rất nhiều về lý thuyết nhưng đã thực hiện tương đối [101] quá ít. Tôi tự hỏi liệu mình có đang gánh một trách nhiệm quá mức hợp lý khi trao thêm cho các bạn bất cứ huấn thị nào hay không. Nhưng Tôi tự nhắc mình rằng Tôi viết cho những người khác cũng như cho các bạn, và thời gian của Tôi dành cho việc phụng sự cụ thể này không còn nhiều.

The resolution of these dualities takes place when the soul, the true spiritual man, no longer identifies itself with either of the opposites, but stands free upon this middle way; the disciple then sees the "lighted *Way* ahead," along which he learns to go without being drawn into the glamorous worlds which stretch on either hand. He travels straight towards his goal.

Sự hóa giải những nhị nguyên này diễn ra khi linh hồn, con người tinh thần đích thực, không còn đồng hoá với bất cứ đối cực nào, mà đứng tự do trên con đường trung đạo này; khi ấy, người đệ tử thấy "*Đường Đạo* được soi sáng phía trước", và học cách đi trên đó mà không bị lôi cuốn vào những thế giới ảo cảm trải dài ở hai bên. Y tiến thẳng tới mục tiêu của mình.

3. The stage wherein the intelligent thinking man, whether disciple or well-meaning aspirant, or an initiate of the first and second degrees, has to learn to distinguish between the truth and the truths, between knowledge and wisdom, between reality and illusion. When this stage has been passed through it leads to the third initiation, wherein the personality (which is prone to

3. Giai đoạn trong đó con người suy tư sáng suốt, dù là đệ tử, người chí nguyện có thiện chí hay điểm đạo đồ bậc một và bậc hai, phải học cách phân biệt giữa chân lý và những chân lý, giữa tri thức và minh triết, giữa thực tại và ảo tưởng. Khi đã trải qua giai đoạn này, y tiến tới lần điểm đạo thứ ba, trong đó phàm ngã (vốn dễ mắc ảo lực, ảo cảm và ảo tưởng) trở nên tự do. Phàm ngã lại trải

maya, glamour and illusion) stands free. It again experiences a sense of at-one-ment. This is due to the development of the sense of the intuition which puts into the disciple's hand an infallible instrument whereby to discriminate and to discern. His perception is becoming accurate and he stands relatively free from deception and wrong identifications and interpretations.

nghiệm một cảm thức hợp nhất. Điều này là nhờ sự phát triển cảm thức trực giác, đặt vào tay người đệ tử một công cụ không bao giờ sai để phân biện và phân biện tinh thần. Nhận thức của y đang trở nên chính xác, và y tương đối thoát khỏi sự lừa dối, những đồng hoá và diễn giải sai lầm.

You will have noted how the career of the man has, therefore, proceeded from a crisis of duality to one of a relative unity, only to have that sense of unification disturbed by a renewed recognition of a higher and deeper duality. This duality temporarily produces another cleavage in a man's life, and thus re-initiates a torturing process of bridging or of "occultly healing" [102] this break in the continuity of the spiritual consciousness. I would here remind you that this sense of peace or perception of cleavage is in itself an illusion and of the nature of glamour, and is based upon the illusory sense of identification with that which is *not* the self, or soul. The entire problem can be solved if the shift of the consciousness is away from identification with the lower forms of experience into that of identification with the real and true man.

Do đó, các bạn hẳn đã nhận thấy cuộc đời con người tiến từ một cuộc khủng hoảng nhị nguyên đến một trạng thái hợp nhất tương đối, chỉ để cảm thức thống nhất ấy lại bị xáo trộn khi y nhận ra một nhị nguyên mới, cao hơn và sâu hơn. Nhị nguyên này tạm thời tạo ra một sự chia rẽ khác trong đời sống con người, và như vậy lại khởi đầu một tiến trình đầy đau đớn để bắc cầu hoặc "chữa lành một cách huyền bí" [102] sự đứt đoạn này trong tính liên tục của tâm thức tinh thần. Ở đây, Tôi muốn nhắc các bạn rằng chính cảm thức bình an hay nhận thức về sự chia rẽ này là một ảo tưởng và mang bản chất ảo cảm, dựa trên cảm thức đồng hoá đầy ảo tưởng với những gì *không phải* là bản ngã, hay linh hồn. Toàn bộ vấn đề có thể được giải quyết nếu tâm thức chuyển từ sự đồng hoá với những hình tướng trải nghiệm thấp sang sự đồng hoá với con người chân thực, đích thực.

4. Stage by stage, the man has progressed from one state of illusion or glamour to another, from one point of discriminative opportunity to another until he has developed in himself three major capacities:

4. Từng giai đoạn một, con người đã tiến từ trạng thái ảo tưởng hay ảo cảm này sang trạng thái khác, từ cơ hội phân biện này sang cơ hội khác, cho đến khi phát triển trong mình ba năng lực chủ yếu:

1. The capacity to handle force.

1. Năng lực điều khiển mãnh lực.

2. The capacity to tread the middle way between the pairs of opposites.

2. Năng lực bước trên con đường trung đạo giữa các cặp đối cực.

3. The capacity to use the intuition.

3. Năng lực sử dụng trực giác.

These capacities he developed by resolving the pairs of opposites on the physical, astral and lower mental planes. Now he faces his climaxing resolution, equipped with these powers. He becomes aware of those two great and apparently opposing entities (with both of whom he finds himself consciously identified)—the Angel of the Presence and the Dweller on the Threshold. Behind the Angel he dimly senses, not another duality, but a great Identity, a living Unity, which—for lack of a better word—we call the PRESENCE.

Y phát triển những năng lực này bằng cách hóa giải các cặp đối cực trên cõi hồng trần, cõi cảm dục và cõi hạ trí. Giờ đây, được trang bị những quyền năng ấy, y đối diện với sự hóa giải tột đỉnh của mình. Y nhận biết hai thực thể lớn lao và dường như đối lập (mà y thấy mình đồng hoá một cách có ý thức với cả hai)—Thiên Thần của Hiện Diện và Kẻ Chận Ngõ. Đằng sau Thiên Thần, y cảm nhận lờ mờ không phải một nhị nguyên khác, mà là một Bản Sắc vĩ đại, một Sự Hợp Nhất sống động, mà chúng ta gọi là HIỆN DIỆN vì thiếu một từ thích hợp hơn.

He then discovers that the way out in this case is not the method of handling force or of leaving behind both pairs of opposites, or of right recognition through the intuition, but that this Dweller and this Angel must be brought together; the lower entity must be "blotted out" in the "light," or "forced to disappear within the [103] radiance." This is the task of the higher of the two entities, with which the disciple or the initiate, consciously and deliberately, identifies himself. With this process we will later deal. This is the problem which faces the initiate before he takes the final three initiations.

Khi đó, y khám phá rằng lối thoát trong trường hợp này không phải là phương pháp điều khiển mãnh lực, hay bỏ lại phía sau cả hai cặp đối cực, hay nhận biết đúng đắn thông qua trực giác, mà là phải đưa Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần này đến với nhau; thực thể thấp phải được "xóa sạch" trong "ánh sáng", hoặc "buộc phải biến mất trong [103] hào quang". Đây là nhiệm vụ của thực thể cao hơn trong hai thực thể, thực thể mà người đệ tử hay điểm đạo đồ đồng hoá với một cách có ý thức và có chủ đích. Chúng ta sẽ đề cập đến tiến trình này sau. Đây là vấn đề mà điểm đạo đồ phải đối diện trước khi trải qua ba cuộc điểm đạo cuối cùng.

You must bear in mind that none of these three stages are, in reality, divided off from each other by clear lines of demarcation, nor do they follow each other in a clear sequence. They proceed with much overlapping and often with a partial simultaneity. It is only when the disciple faces certain initiations that he awakens to the fact of these distinctions. Therefore, it might be stated that:

Các bạn phải ghi nhớ rằng, trong thực tế, không giai đoạn nào trong ba giai đoạn này tách biệt với những giai đoạn khác bằng các ranh giới rõ ràng, cũng như chúng không nối tiếp nhau theo một trình tự rành mạch. Chúng diễn tiến với nhiều phần chồng lấn, và thường có những phần diễn ra đồng thời. Chỉ khi người đệ tử đối diện với một số cuộc điểm đạo nhất định, y mới thức tỉnh trước những sự phân biệt này. Do đó, có thể nói rằng:

1. In the first initiation the disciple demonstrates that he has resolved the

1. Trong lần điểm đạo thứ nhất, người đệ tử chứng tỏ rằng y đã hóa giải các nhị nguyên

dualities of the physical plane and can rightly impose etheric energy (the higher of the two) upon physical energy.

của cõi hồng trần và có thể áp đặt đúng đắn năng lượng dĩ thái (năng lượng cao hơn trong hai năng lượng) lên năng lượng hồng trần.

2. In the second initiation, the initiate demonstrates that he can choose between the pairs of opposites and proceed with decision upon the "middle way."

2. Trong lần điểm đạo thứ hai, điểm đạo đồ chứng tỏ rằng y có thể lựa chọn giữa các cặp đối cực và tiến bước một cách dứt khoát trên "con đường trung đạo".

3. In the third initiation, the initiate can employ the intuition for the right perception of truth, and in that initiation he catches the first real glimpse of the Dweller on the Threshold and the Angel of the Presence.

3. Trong lần điểm đạo thứ ba, điểm đạo đồ có thể sử dụng trực giác để nhận thức đúng đắn chân lý, và trong cuộc điểm đạo ấy, y lần đầu tiên thực sự thoáng thấy Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần của Hiện Diện.

4. In the fourth initiation, the initiate demonstrates his ability to produce complete at-one-ment between the higher and lower aspect of the soul in manifestation and sees the Dweller on the Threshold merge into the Angel of the Presence.

4. Trong lần điểm đạo thứ tư, điểm đạo đồ chứng tỏ khả năng tạo nên sự hợp nhất trọn vẹn giữa phương diện cao và phương diện thấp của linh hồn đang biểu hiện, và thấy Kẻ Chận Ngõ hòa nhập vào Thiên Thần của Hiện Diện.

5. In the fifth initiation—and here words fail to express the truth—he sees the Dweller on the Threshold, [104] the Angel, and the Presence merged into a divine synthesis.

5. Trong lần điểm đạo thứ năm—và ở đây, ngôn từ không thể diễn đạt chân lý—y thấy Kẻ Chận Ngõ, [104] Thiên Thần và Hiện Diện hòa nhập thành một tổng hợp thiêng liêng.

The question arises as to what produces this glamour and illusion. The subject is so vast (embracing as it does the whole field of planetary history) that I can do little more than indicate some of the causes. Few of them have, as yet, been susceptible of correction except in the case of individuals. This means that when individuals reach the point in evolution where they can identify themselves with their higher aspect, the soul, and can then bring in soul energy to offset, subdue and dominate the lower forces of the personality, then correction becomes possible and inevitably takes place. When, therefore, the time comes when a

Câu hỏi đặt ra là điều gì tạo nên ảo cảm và ảo tưởng này. Chủ đề này rộng lớn đến mức (vì bao trùm toàn bộ lĩnh vực lịch sử hành tinh) Tôi khó có thể làm gì hơn ngoài việc chỉ ra một số nguyên nhân. Cho đến nay, chỉ một vài nguyên nhân trong số đó có thể được khắc phục, và cũng chỉ trong trường hợp của từng cá nhân. Điều này có nghĩa là khi các cá nhân đạt đến điểm tiến hoá mà ở đó họ có thể đồng hoá với phương diện cao của mình, tức linh hồn, rồi đưa năng lượng linh hồn vào để hóa giải, chế ngự và làm chủ các mãnh lực thấp của phàm ngã, thì việc khắc phục trở nên khả thi và tất yếu diễn ra. Vì vậy, khi đến lúc rất đông người nhận biết

very large number of persons become aware of the condition of world glamour (through discovering it and dealing with it in their own lives), then we shall have a group approach to the problem. Then we shall have a definite attack upon the world glamour, and when this does take place—speaking esoterically—"an opening will be made which will admit the light of the solar orb. The fogs will slowly disappear, subdued by the solar radiance, and the pilgrims will then find the enlightened WAY which leads from the heart of the fog, straight to the door of light."

tình trạng ảo cảm thế giới (qua việc khám phá và xử lý nó trong chính cuộc sống của mình), chúng ta sẽ có một cách tiếp cận theo nhóm đối với vấn đề này. Khi ấy, chúng ta sẽ có một cuộc tiến công rõ rệt vào ảo cảm thế giới, và khi điều này thực sự diễn ra—nói một cách huyền bí—"một khoảng mở sẽ được tạo ra, cho phép ánh sáng của khối cầu mặt trời đi vào. Những màn sương mù sẽ từ từ tan biến dưới ánh rạng ngời của mặt trời, và khi ấy những người hành hương sẽ tìm thấy CON ĐƯỜNG được soi sáng, dẫn thẳng từ giữa màn sương mù đến cánh cửa ánh sáng."

It is with the intention of discovering how far the aspirants and disciples of the world have gone in their understanding and in their handling of this problem that such an experiment as that being carried on in these groups has been undertaken and permitted.

Chính nhằm khám phá xem những người chí nguyện và đệ tử trên thế giới đã tiến xa đến đâu trong việc thấu hiểu và xử lý vấn đề này mà một cuộc thử nghiệm như cuộc thử nghiệm đang diễn ra trong các nhóm này đã được tiến hành và cho phép.

2. The Causes Producing World Glamour. – 2. Các Nguyên Nhân Tạo Nên Ảo Cảm Thế Giới.

The causes producing world glamour can be divided into three groups: [105]

Các nguyên nhân tạo nên ảo cảm thế giới có thể chia thành ba nhóm: [105]

A. Planetary causes.

A. Các nguyên nhân hành tinh.

B. Causes initiated by humanity itself.

B. Các nguyên nhân do chính nhân loại khởi phát.

C. Causes induced by any individual person which are, nevertheless, founded and based in the two above groups of conditioning factors.

C. Các nguyên nhân do từng cá nhân gây ra, nhưng vẫn có nền tảng và cơ sở trong hai nhóm yếu tố tác động nêu trên.

A. Planetary Causes. These causes are two in number and beyond your finite comprehension. I only state them and ask you to accept them as reasonable speculations and possibly accurate hypotheses:

1. Causes inherent in substance itself. The atoms of which all forms are made have been inherited from an earlier universe or solar system and are, therefore, tinged with or coloured by the results of that great creative manifestation. The effects produced in that expression of divine existence constitute predisposing factors or initiating causes in this solar system and planetary life. These conditioning and inherited factors cannot be evaded. They determine the nature of the life urge, the trend of the evolutionary unfoldment, and the innate tendencies which all forms possess, such as the capacity to grow and to unfold, to orient the type and to express in time and space the archetype or pattern, and to outline and determine the structure of the kingdoms into which science divides the natural world. These are but a few of the innate, inherent characteristics of substance itself, inherited and conditioning our present manifestation of divine life.

2. The life or manifestation of the planetary Logos, the "One in Whom we live and move and have our being," is determined by His Own Nature. To us, that great Life embodies perfection and the qualities which distinguish Him are those to which we direct our highest [106] aspiration. But, from the angle of Those Lives Who are ahead of Him upon the cosmic path (I speak symbolically and in terms of human experience) He is among the "imperfect Gods." These imperfections, hindering

A. Các Nguyên Nhân Hành Tinh. Có hai nguyên nhân như vậy, và chúng vượt ngoài khả năng thấu hiểu hữu hạn của các bạn. Tôi chỉ nêu chúng ra và đề nghị các bạn chấp nhận chúng như những suy đoán hợp lý và những giả thuyết có thể chính xác:

1. Các nguyên nhân vốn có trong chính chất liệu. Những nguyên tử cấu thành mọi hình tướng là di sản từ một vũ trụ hoặc hệ mặt trời trước đó, nên mang dấu ấn hoặc sắc thái của những kết quả từ cuộc biểu hiện sáng tạo vĩ đại ấy. Những hiệu quả phát sinh trong sự biểu lộ hiện tồn thiêng liêng đó tạo thành các yếu tố gây khuynh hướng hoặc các nguyên nhân khởi phát trong hệ mặt trời và sự sống hành tinh này. Không thể tránh được những yếu tố tác động và di truyền ấy. Chúng quyết định bản chất của sự thôi thúc sống, chiều hướng khai mở tiến hoá và những khuynh hướng bẩm sinh mà mọi hình tướng đều có, như khả năng tăng trưởng và khai mở, định hướng loại hình và biểu lộ nguyên mẫu hay mô hình trong thời gian và không gian, cũng như phác định và xác lập cấu trúc của các giới mà khoa học dùng để phân chia thế giới tự nhiên. Đây chỉ là một vài đặc tính bẩm sinh, vốn có của chính chất liệu, được kế thừa và tác động lên sự biểu hiện hiện nay của sự sống thiêng liêng nơi chúng ta.

2. Sự sống hay sự biểu hiện của Hành Tinh Thượng đế, "Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện tồn", do chính Bản Chất của Ngài quyết định. Đối với chúng ta, Sự Sống Vĩ Đại ấy là hiện thân của sự hoàn thiện, và những phẩm tính đặc trưng của Ngài là những phẩm tính mà chúng ta hướng đến bằng [106] khát vọng cao nhất. Nhưng từ góc nhìn của Những Sự Sống đi trước Ngài trên con đường vũ trụ (Tôi nói theo nghĩa biểu tượng và bằng những cách diễn đạt thuộc kinh nghiệm con người), Ngài

unfoldment or the perfect expression of divine energy when brought into conjunction with the inherited qualities and biases of the substances through which He must express His life, His purposes and intentions, produce the "seeds of death and of decay" which characterise our planetary evolution in all the four kingdoms in nature. They create the obstacles, obstructions and hindrances against which the soul in all created forms must struggle, gaining strength and understanding thereby and eventual liberation.

ở trong số "các Thượng đế bất toàn". Những sự bất toàn này cản trở sự khai mở hoặc sự biểu lộ hoàn hảo của năng lượng thiêng liêng; khi kết hợp với những phẩm tính và thiên hướng được kế thừa của các chất liệu mà qua đó Ngài phải biểu lộ sự sống, mục đích và ý định của mình, chúng tạo ra những "hạt giống của sự chết và sự suy tàn", vốn đặc trưng cho sự tiến hoá hành tinh của chúng ta trong cả bốn giới trong thiên nhiên. Chúng tạo ra những chướng ngại, ngăn trở và cản trở mà linh hồn trong mọi hình tướng được tạo thành phải đấu tranh vượt qua, nhờ đó đạt được sức mạnh, sự thấu hiểu và cuối cùng là sự giải thoát.

These are the two major planetary causes. They cannot finally deter the soul from emancipation but they can and do hinder and delay. It is useless for men to speculate upon these hypotheses with their present inadequate equipment and type of brain. Nothing would be achieved and you would be none the wiser.

Đây là hai nguyên nhân hành tinh chủ yếu. Rốt cuộc, chúng không thể ngăn linh hồn đạt đến giải thoát, nhưng chúng có thể và thực sự gây cản trở, trì hoãn. Với bộ máy và loại bộ não còn bất cập hiện nay, con người suy đoán về những giả thuyết này cũng vô ích. Sẽ chẳng đạt được gì, và các bạn cũng không sáng suốt hơn chút nào.

B. Causes initiated by humanity itself. Slowly, step by step, humanity has created and intensified that glamorous condition of consciousness which we call the astral plane. All glamour is produced by the bringing together of one or more streams of energy which produce a temporary whirlpool of energies and, from the angle of man—the onlooker and participator—produce a condition of darkness, a state of bewilderment which makes clear choice and right discrimination difficult and, in the early stages, impossible. It creates an aura which is today of such a general nature and so all-enveloping that everybody is, figuratively speaking, immersed in it. This aura, in the infancy [107] of the race, only surrounded the more advanced people. To understand what I mean by this statement, I

B. Các nguyên nhân do chính nhân loại khởi phát. Chậm rãi, từng bước một, nhân loại đã tạo ra và làm tăng cường tình trạng tâm thức đầy ảo cảm mà chúng ta gọi là cõi cảm dục. Mọi ảo cảm đều phát sinh từ việc tập hợp một hay nhiều dòng năng lượng, tạo nên một xoáy năng lượng tạm thời và, từ góc nhìn của con người—vừa là người quan sát vừa là người tham dự—tạo nên một tình trạng tối tăm, một trạng thái hoang mang khiến việc lựa chọn sáng suốt và phân biện đúng đắn trở nên khó khăn, và trong những giai đoạn đầu thì không thể thực hiện. Nó tạo ra một hào quang mà ngày nay phổ biến và bao trùm đến mức, nói theo nghĩa bóng, ai cũng đắm chìm trong đó. Vào thời thơ ấu [107] của nhân loại, hào quang này chỉ bao quanh những người tiến hóa hơn. Để các bạn thấu hiểu điều Tôi muốn nói qua nhận định

would call your attention to the fact that very unintelligent people, those who are among the lowest human types, and those who are little more than active animals, governed primarily by the instincts, are apt to deal very simply and with complete directness with the facts of existence with which they are faced and which to them are of paramount or sole importance—the facts of hunger, of birth and death, of self-protection and perpetuation. There is little true glamour in their reaction to life and living, and their simplicity, like that of a child, saves and protects them from many of the subtler ills. Their emotions are not subtle, and their minds are unawakened. But, as humanity evolved and the higher levels of the racial consciousness became more subtle and the mind factor slowly became more active, then glamour and illusion developed very rapidly.

này, Tôi xin lưu ý các bạn rằng những người có trí tuệ rất kém phát triển, những người thuộc các loại hình nhân loại thấp nhất, và những người chỉ hơn các động vật hoạt động đôi chút, chủ yếu do bản năng chi phối, thường xử lý rất đơn giản và hoàn toàn trực tiếp những sự kiện của đời sống mà họ đối diện và xem là quan trọng nhất hoặc duy nhất—những sự kiện về đói khát, sinh và tử, tự bảo vệ và duy trì sự tồn tại. Có rất ít ảo cảm thực sự trong phản ứng của họ đối với sự sống và việc sống, và sự đơn giản của họ, giống như sự đơn giản của một đứa trẻ, cứu họ và bảo vệ họ khỏi nhiều tai hại tinh vi hơn. Cảm xúc của họ chưa tinh tế, và thể trí của họ chưa thức tỉnh. Nhưng khi nhân loại tiến hoá, các cấp độ cao hơn của tâm thức nhân loại trở nên tinh tế hơn, và yếu tố trí tuệ dần hoạt động tích cực hơn, thì ảo cảm và ảo tưởng phát triển rất nhanh chóng.

The first indications of glamour arose when the disciples and the aspirants of the Lemurian world (whose problem was the right comprehension, correct functioning and control of the physical body) began to differentiate between themselves, as self-conscious beings, and physical and vital forces. That immediately set up a tremendous activity in the throat centre which is the higher aspect of the sacral centre (the sex centre) and thus led to the initial glamour and to the first definite recognition and consideration of the sex impulse, of sex attraction, and—for the initiate of that period—of the necessary sex transmutation. This went hand in hand with the earliest Yoga, or the cult of the physical body with the objective of its control by the soul, and the consequent merging of the conscious and the subconscious.

Những dấu hiệu đầu tiên của ảo cảm xuất hiện khi các đệ tử và người chí nguyện trong thế giới Lemuria (mà vấn đề của họ là thấu hiểu đúng đắn, vận hành chính xác và kiểm soát thể xác) bắt đầu phân biệt giữa bản thân mình, với tư cách những sinh linh có ngã thức, và các mãnh lực hồng trần cùng sinh lực. Điều đó lập tức khơi lên một hoạt động mãnh liệt trong trung tâm cổ họng, vốn là phương diện cao hơn của trung tâm xương cùng (trung tâm tính dục), và vì thế dẫn đến ảo cảm ban đầu cùng sự nhận biết và xem xét rõ rệt đầu tiên về xung động tính dục, sức hấp dẫn tính dục và—đối với điểm đạo đồ thời kỳ ấy—sự chuyển hoá tính dục cần thiết. Điều này đi đôi với pháp tu sơ khai nhất, hay việc chuyên tu thể xác nhằm đặt thể xác dưới sự kiểm soát của linh hồn, và sự hòa nhập tiếp theo giữa tâm thức hữu thức và tiềm thức.

Around the aspirants of that time could then be seen gathering the first clouds and fogs of glamour, though illusion [108] was nowhere present. The first recognition of the plane of the emotions, of the astral plane, was evoked in the consciousness of the groups under preparation for the first initiation which was the highest initiation possible at that time. The reason for this slowly emerging astral consciousness in the physically polarised aspirant of that time, was due to the fact that one of the secrets of initiation consists in the right understanding and use of the consciousness which is aware and capable of functioning upon a plane higher than that on which humanity as a whole is, at any given time, living. Hence, in Lemurian times, the physically centred man who was on the verge of admission to the Path was aware of:

Khi ấy, có thể thấy những đám mây và màn sương mù đầu tiên của ảo cảm tụ lại quanh những người chí nguyện thời đó, dù ảo tưởng [108] chưa xuất hiện ở đâu cả. Sự nhận biết đầu tiên về cõi cảm xúc, tức cõi cảm dục, được khơi dậy trong tâm thức của các nhóm đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ nhất, vốn là lần điểm đạo cao nhất có thể đạt được vào thời ấy. Lý do khiến tâm thức cảm dục này từ từ xuất hiện nơi người chí nguyện phân cực hồng trần thời đó là vì một trong những bí mật của điểm đạo nằm ở việc thấu hiểu và sử dụng đúng đắn tâm thức có khả năng nhận biết và hoạt động trên một cõi cao hơn cõi mà toàn thể nhân loại đang sống vào bất kỳ thời điểm nào. Do đó, vào thời Lemuria, người tập trung nơi phương diện hồng trần và sắp được nhận vào Đường Đạo đã nhận biết:

1. The physical duality wherein his consciousness was accustomed to function normally and of the conflict between the physical body per se and the vital etheric body.

1. Nhị nguyên hồng trần, trong đó tâm thức của y đã quen hoạt động bình thường, và sự xung đột giữa chính thể xác với thể dĩ thái mang sinh lực.

2. A dimly sensed higher consciousness which was distinguished by quality and sentiency. This was all that he could at that time contact upon the most familiar plane today, the astral plane.

2. Một tâm thức cao hơn được cảm nhận lờ mờ, có đặc trưng là phẩm tính và khả năng cảm thụ. Đó là tất cả những gì y có thể tiếp xúc vào thời ấy trên cõi quen thuộc nhất ngày nay, tức cõi cảm dục.

3. A growing sense of self-identity which was the awakening soul or self, the Master who was to lead him out of the purely physical consciousness into the next divine stage, the astral consciousness. Forget not, through familiarity and fatigue of conflict, the divinity of each developing step.

3. Một ý thức ngày càng rõ về bản sắc của mình, vốn là linh hồn hay bản ngã đang thức tỉnh, là Chân sư sẽ dẫn y ra khỏi tâm thức thuần túy hồng trần để bước vào giai đoạn thiêng liêng tiếp theo, tức tâm thức cảm dục. Đừng vì đã quá quen thuộc và mệt mỏi do xung đột mà quên đi thiên tính của mỗi bước phát triển.

Thus it will be apparent to you, if the above is a true statement of fact, that glamour arose from the recognition of these factors in consciousness and was the result of man's reactions to the complexities of his own constitution and to the energy of his own soul.

Như vậy, nếu những điều nêu trên phản ánh đúng sự thật, các bạn sẽ thấy rõ rằng ảo cảm phát sinh từ sự nhận biết những yếu tố này trong tâm thức, và là kết quả của những phản ứng của con người đối với sự phức tạp trong cấu tạo của chính mình và đối với năng lượng của chính linh hồn mình.

[109] As time went on, the entire human family became aware of the new emerging dualism existing between the physical constitution and the astral plane, plus the activity of the centre within himself, which at this stage made its appearance as conscience and innate—and at that time unreasoning—realisation of an urge to higher living or a tendency to lower activity. This nebulous conscience developed eventually into what we call the Voice of Conscience. When that took place, the intricacy and the difficulty of life was greatly increased and glamour was definitely established on Earth. It was that which enfolded and over-emphasised the lower at the expense of the higher, and served to distract the attention of the aspirant away from reality. May I again re-emphasise that, at this early stage, glamour was only evoked by and recognised by the highly evolved people of that period?

[109] Theo thời gian, toàn thể gia đình nhân loại nhận biết tính nhị nguyên mới xuất hiện giữa cấu tạo hồng trần và cõi cảm dục, cùng với hoạt động của trung tâm bên trong mỗi người; ở giai đoạn này, trung tâm ấy biểu lộ thành lương tâm và sự nhận biết bẩm sinh—vào thời đó chưa dựa trên lý trí—về một thôi thúc hướng đến đời sống cao hơn hoặc một khuynh hướng hướng đến hoạt động thấp hơn. Lương tâm còn mơ hồ này cuối cùng phát triển thành điều chúng ta gọi là Tiếng Nói của Lương Tâm. Khi điều đó diễn ra, tính phức tạp và khó khăn của cuộc sống tăng lên rất nhiều, và ảo cảm đã xác lập rõ rệt trên Trái Đất. Chính nó bao phủ và nhấn mạnh quá mức cái thấp, làm lu mờ cái cao, đồng thời khiến sự chú ý của người chí nguyện rời xa thực tại. Xin cho phép Tôi nhấn mạnh lại rằng, ở giai đoạn sơ khai này, chỉ những người tiến hóa cao của thời kỳ ấy mới khơi dậy và nhận biết ảo cảm.

Then the Lemurian race slowly passed away and the Atlantean race came into existence. During the millions of years this race flourished on Earth there were vast numbers of people with the Lemurian consciousness flourishing at the same time, just as today in this modern Aryan race, there are many, many millions of people who express the Atlantean consciousness and are polarised in their astral bodies, the victims of emotion and of consequent glamour.

Sau đó, nhân loại Lemuria dần biến mất và nhân loại Atlantis xuất hiện. Trong hàng triệu năm nhân loại này phát triển mạnh trên Trái Đất, đồng thời vẫn có rất đông người mang tâm thức Lemuria phát triển mạnh, cũng như ngày nay, trong nhân loại Arya hiện đại này, có rất nhiều triệu người biểu lộ tâm thức Atlantis và phân cực trong thể cảm dục của mình, là nạn nhân của cảm xúc và ảo cảm phát sinh từ đó.

In the Atlantean race, the physical duality was then solved, and the physical body and the etheric body constituted a unity, and in the healthy person still do so. The sense of duality shifted then into a growing recognition of the conflict in the realm of quality and into the field of what we today call the "pairs of opposites"—good and evil, pain and pleasure, right and wrong, sense and nonsense, and the multiplicity of opposites by which the aspirant is today faced.

Trong nhân loại Atlantis, nhị nguyên hồng trần lúc ấy đã được giải quyết, và thể xác cùng thể dĩ thái tạo thành một thể thống nhất; ở người khỏe mạnh, chúng vẫn như vậy. Khi ấy, ý thức về nhị nguyên chuyển thành sự nhận biết ngày càng rõ về xung đột trong lĩnh vực phẩm tính và trong lĩnh vực mà ngày nay chúng ta gọi là "các cặp đối lập"—thiện và ác, đau đớn và khoái lạc, đúng và sai, có nghĩa và vô nghĩa, cùng vô số mặt đối lập mà người chí nguyện ngày nay phải đối diện.

[110] Each of these racial histories sees the establishing of a temporary sense of unity in the early stages, when the previous cleavage had been healed and the initial duality had been resolved into a unity. Then there comes a growing recognition of a fresh realm of choice, based upon the emergence of the higher values, and finally a period of conflict in the consciousness of the individual and of humanity as a whole, as the attempt is made to resolve this higher duality with which the man or the race is confronted.

[110] Trong lịch sử của mỗi giai đoạn nhân loại này, một ý thức thống nhất tạm thời được xác lập ở những giai đoạn đầu, khi sự chia rẽ trước đó đã được hàn gắn và nhị nguyên ban đầu đã được giải quyết thành một thể thống nhất. Sau đó, sự nhận biết về một lĩnh vực lựa chọn mới dần tăng lên, dựa trên sự xuất hiện của những giá trị cao hơn, và cuối cùng là một thời kỳ xung đột trong tâm thức của cá nhân cũng như toàn thể nhân loại, khi họ cố gắng giải quyết nhị nguyên cao hơn này mà con người hay nhân loại đang đối diện.

This resolution is brought about when a higher aspect of the consciousness is dimly visioned and men become aware of themselves as mental beings. There is then a growing demand for that mind nature to be developed and brought into play in the effort to solve the problem in this category of opposites upon the astral plane.

Sự giải quyết này diễn ra khi con người thoáng nhận thấy một phương diện cao hơn của tâm thức và nhận biết mình là những sinh linh trí tuệ. Khi ấy, nhu cầu phát triển và vận dụng bản chất trí tuệ đó ngày càng tăng, nhằm giải quyết vấn đề trong nhóm các mặt đối lập này trên cõi cảm dục.

At the same time the sense of self-identity or the consciousness that "I am," is steadily growing, and the initiate of the day faces the effort to release himself from the thraldom of the senses upon the astral plane, from the dense glamour into which his sensory perception has thrown him, and to establish his freedom by a complete control of the

Đồng thời, ý thức về bản sắc của mình, hay tâm thức rằng "Tôi hiện tồn", không ngừng tăng trưởng, và điểm đạo đồ thời ấy phải nỗ lực giải thoát mình khỏi sự nô dịch của các giác quan trên cõi cảm dục, khỏi ảo cảm dày đặc mà sự tri giác của các giác quan đã đẩy y vào, và xác lập tự do bằng việc kiểm soát hoàn toàn thể cảm dục. Cuối cùng, y làm

astral body. This he eventually does by developing the power to pass between the pairs of opposites, unaffected by either, and thus leave them behind. He accomplishes this by using the mind as a distributor of the light which reveals the "middle way" and which dissipates the glamour with its brilliance and radiance.

được điều này bằng cách phát triển quyền năng đi giữa các cặp đối lập mà không chịu ảnh hưởng của bên nào, nhờ đó bỏ chúng lại phía sau. Y thực hiện điều này bằng cách sử dụng thể trí như một phương tiện phân phối ánh sáng, thứ ánh sáng làm hiển lộ "con đường trung đạo" và làm tiêu tan ảo cảm bằng sự chói sáng và rạng ngời của nó.

This glamour has steadily deepened and intensified as more and more people have succeeded in resolving the initial physical cleavage and have become centred in the astral consciousness. Today such is the magnitude of this glamour and such the success of the evolutionary process, that humanity, as a whole, is wandering in the fogs and miasmas of the world of sentient consciousness. When I [111] use the word "sentient" I do not refer to the sensory apparatus of the physical nervous system, but to the sentient awareness of the Self which is today so immersed in glamour that the mass of men are entirely identified with the world of feeling, of quality, of sentient interplay, and of emotional reactions, with their likes and dislikes, and their dominant self-pity. Self-pity is one of the major glamours of the advanced and sensitive man. It is the advanced people who contribute the most to the world glamour. The major glamour is the reaction of the aspirant to the truth, to reality when he first becomes aware of that which lies beyond the astral plane. He interprets all that he there senses and sees in terms of glamour, of emotional understanding, of a sentient fanaticism. He forgets that truth lies beyond the world of feeling altogether, unaffected by it, and can only be sensed in its purity when feeling is transcended and transmuted. The second major glamour is self-pity.

Ảo cảm này không ngừng sâu đậm và mạnh thêm khi ngày càng có nhiều người thành công trong việc giải quyết sự chia rẽ hồng trần ban đầu và tập trung trong tâm thức cảm dục. Ngày nay, ảo cảm này lớn đến mức, và tiến trình tiến hoá thành công đến mức, toàn thể nhân loại đang lang thang trong những màn sương mù và chướng khí của thế giới tâm thức cảm thụ. Khi Tôi [111] dùng từ "cảm thụ", Tôi không nói đến bộ máy cảm giác của hệ thần kinh thể xác, mà nói đến sự nhận biết có cảm thụ của Chân Ngã, hiện đang chìm đắm trong ảo cảm đến mức đại đa số con người hoàn toàn đồng hoá với thế giới cảm xúc, phẩm tính, sự tương tác cảm thụ và những phản ứng cảm xúc, với những điều họ thích và không thích, cùng sự tự thương thân chi phối họ. Tự thương thân là một trong những ảo cảm chủ yếu của người tiến hóa và nhạy cảm. Chính những người tiến hóa đóng góp nhiều nhất vào ảo cảm thế giới. Ảo cảm chủ yếu là phản ứng của người chí nguyện đối với chân lý, với thực tại, khi y lần đầu nhận biết những gì nằm ngoài cõi cảm dục. Y diễn giải tất cả những gì mình cảm nhận và thấy ở đó theo ảo cảm, theo sự thấu hiểu bằng cảm xúc, theo một sự cuồng tín mang tính cảm thụ. Y quên rằng chân lý hoàn toàn nằm ngoài thế giới cảm xúc, không chịu ảnh hưởng của nó, và chỉ có thể được cảm nhận trong sự thuần khiết khi cảm xúc đã được vượt qua và chuyển hoá. Ảo cảm chủ yếu thứ hai là sự tự thương thân.

The world today is divided into three groups, all of whom are subject to certain phases of glamour:

Thế giới ngày nay chia thành ba nhóm, tất cả đều chịu ảnh hưởng của một số dạng ảo cảm:

1. Those who are Atlantean in their consciousness and are, therefore, completely glamoured by:

1. Những người mang tâm thức Atlantis và do đó hoàn toàn bị những điều sau chi phối bằng ảo cảm:

a. That which is material and to be desired.

a. Những gì thuộc vật chất và đáng ham muốn.

b. That which they *feel* in all relationships.

b. Những gì họ *cảm thấy* trong mọi mối quan hệ.

c. That which they believe to be ideal, to be true or just, based on their reactions to the thinkers of the day, but which they themselves do not mentally understand.

c. Những gì họ tin là lý tưởng, chân thực hoặc công bằng, dựa trên phản ứng của họ đối với các nhà tư tưởng đương thời, nhưng bản thân họ không thấu hiểu bằng trí tuệ.

d. That which they demand of beauty, and of emotional comfort.

d. Những gì họ đòi hỏi về cái đẹp và sự an ủi về cảm xúc.

e. That which brings to them spiritual comfort in the realm of religion and religious desire. Note the phrasing.[112]

e. Những gì đem lại cho họ sự an ủi tinh thần trong lĩnh vực tôn giáo và dục vọng tôn giáo. Hãy lưu ý cách diễn đạt này.[112]

2. Those who are more definitely Aryan in their consciousness. This means that the mind factor is awakening and thus constituting a difficulty and that the illusions of the mental plane are now added to the glamours of the astral plane. These illusions are theoretical and intellectual in nature.

2. Những người mang tâm thức Arya rõ rệt hơn. Điều này có nghĩa là yếu tố trí tuệ đang thức tỉnh và vì thế tạo nên một khó khăn, và giờ đây những ảo tưởng của cõi trí lại thêm vào những ảo cảm của cõi cảm dục. Những ảo tưởng này có bản chất lý thuyết và trí thức.

3. A group of people who are emerging out of those subject to glamour and illusion, and who are alive to the Voice of the Silence and to the demands of the soul.

3. Một nhóm người đang thoát ra khỏi hàng ngũ những người chịu ảnh hưởng của ảo cảm và ảo tưởng, và nhạy bén với Tiếng Nói của Im Lặng cùng những đòi hỏi của linh hồn.

The complexity of the modern psychological problem lies in the fact that our race and period sees the synthesis of all the glamours and the emergence of the illusions of the mental plane. Today we have aspirants at all stages of unfoldment, and find the masses recapitulating the different steps upon the evolutionary way, with the lowest layer of the human race definitely Lemurian in their consciousness, even though few in numbers relatively speaking.

Sự phức tạp của vấn đề tâm lý học hiện đại nằm ở chỗ, trong nhân loại và thời kỳ của chúng ta, mọi ảo cảm đang tổng hợp lại và những ảo tưởng của cõi trí đang xuất hiện. Ngày nay, chúng ta có những người chí nguyện ở mọi giai đoạn khai mở, và thấy quần chúng tái diễn các bước khác nhau trên con đường tiến hoá, trong đó tầng lớp thấp nhất của nhân loại mang tâm thức Lemuria rõ rệt, dù xét tương đối thì số lượng không nhiều.

Illusion is rapidly growing as the mental power of the race develops, for illusion is the succumbing to the powerful thoughtforms which the thinkers of the time and of the immediately preceding age have formulated, and which at the time of their creation constituted the hope of the race. They embodied then the new and emerging ideas by means of which the race was intended to progress. These forms, when old and crystallised, become a menace and a hindrance to the expanding life. The realisation of the problems of illusion lies centuries ahead when the race will have left glamour behind, when there will be few Atlantean minded people on the planet, and when there will be no people at all with the Lemurian consciousness. However, as evolution proceeds, things are greatly speeded up, and the time when humanity will be predominantly distinguished by the Aryan consciousness, is not as far ahead as might be [113] generally supposed.

Ảo tưởng đang tăng trưởng nhanh chóng khi năng lực trí tuệ của nhân loại phát triển, vì ảo tưởng là sự khuất phục trước những Hình tư tưởng mạnh mẽ mà các nhà tư tưởng đương thời và thời đại ngay trước đó đã tạo lập, và vào lúc ra đời, chúng là niềm hy vọng của nhân loại. Khi ấy, chúng thể hiện những ý tưởng mới đang xuất hiện, nhằm giúp nhân loại tiến bộ. Khi trở nên cũ kỹ và kết tinh, những hình tướng này trở thành mối đe dọa và sự cản trở đối với sự sống đang mở rộng. Việc nhận biết những vấn đề của ảo tưởng còn ở phía trước nhiều thế kỷ, khi nhân loại đã bỏ ảo cảm lại phía sau, khi trên hành tinh chỉ còn ít người có lối tư duy Atlantis, và khi không còn ai mang tâm thức Lemuria. Tuy nhiên, khi tiến hoá tiếp diễn, mọi việc được đẩy nhanh rất nhiều, và thời điểm mà tâm thức Arya trở thành đặc trưng chủ yếu của nhân loại không còn xa như người ta [113] thường nghĩ.

Race

Nhân loại

Duality

Nhị nguyên

Problem

Vấn đề

Method	*Phương pháp*
Goal	*Mục tiêu*
Lemurian	Lemuria
Physical Force versus Vital Energy	Mãnh lực hồng trần đối lập với Năng lượng sinh lực
Maya	Ảo lực
Astral control Hatha Yoga: Aspirants Laya Yoga: Disciples	Sự kiểm soát cảm dục Pháp tu thân thể: Người chí nguyện Pháp tu dung giải: Đệ tử
1st Initiation *Inspiration*	Lần điểm đạo thứ nhất *Cảm hứng*
Atlantean	Atlantis
The Pairs of Opposites Qualities Sentiency	Các Cặp Đối Lập Phẩm tính Khả năng cảm thụ
Glamour	Ảo cảm
Mental control Bahkti Yoga: Aspirants Raja Yoga: Disciples	Sự kiểm soát trí tuệ Pháp tu sùng tín: Người chí nguyện Pháp tu vương giả: Đệ tử
2nd Initiation *Illumination*	Lần điểm đạo thứ hai *Soi sáng*
Aryan	Arya
Dweller on the Threshold Angel of the Presence	Kẻ Chận Ngõ Thiên Thần của Hiện Diện
Illusion	Ảo tưởng
Soul control Raja Yoga: Aspirants Agni Yoga: Disciples	Sự kiểm soát của linh hồn Pháp tu vương giả: Người chí nguyện Pháp tu Lửa: Đệ tử
3rd Initiation *Intuition*	Lần điểm đạo thứ ba *Trực giác*

I speak not in terms of the Aryan race as it is generally understood today or in its Nordic implications.

Tôi không nói về nhân loại Arya theo cách hiểu phổ biến ngày nay, hay theo những hàm ý liên quan đến người Bắc Âu.

C. Causes initiated by the individual. If you have studied all the above with the needed care, it will be apparent to you that the individual man enters upon incarnation already handicapped by existent glamour of a very ancient origin and utterly beyond his power to control at this stage. It is of great potency. I use the word "handicapped" advisedly for lack of a better term. I would like, however, to point out that the true significance of the situation exists in the fact that these conditions offer the opportunity to the man of evoking the understanding and point of view of the soul, for they provide the means whereby experience is gained. This experience will lead eventually to the soul assuming control of the mechanism, the personality, and thus giving to that soul a definite field of service. The vehicles through which the soul is seeking experience and expression are normally and naturally subject to world glamours, and to the glamours of humanity as well as illusion. When the soul, in the early stages of experience, falls into the snare of maya, of glamour and eventually of illusion, the reason is that the soul is identifying itself with those forms and therefore with the surrounding glamour, and thus failing to achieve identification with itself. As evolution proceeds, the nature of the problem becomes apparent to the soul in incarnation and a process is then instituted whereby the soul frees itself from the results of wrong identification. Every soul in incarnation which succeeds in releasing its consciousness from the world of illusion and of glamour is definitely serving the race, and helping to free humanity from this ancient and potent thraldom.

C. Các nguyên nhân do cá nhân khởi phát. Nếu các bạn đã nghiên cứu cẩn thận đúng mức tất cả những điều trên, các bạn sẽ thấy rõ rằng khi bước vào nhập thể, mỗi cá nhân đã bị cản trở bởi ảo cảm sẵn có từ nguồn gốc rất xa xưa, hoàn toàn nằm ngoài khả năng kiểm soát của y ở giai đoạn này. Nó có sức mạnh rất lớn. Tôi có chủ ý khi dùng từ "bị cản trở", vì chưa có thuật ngữ nào thích hợp hơn. Tuy nhiên, Tôi muốn chỉ ra rằng thâm nghĩa thực sự của tình thế này nằm ở chỗ những điều kiện ấy đem lại cho con người cơ hội khơi dậy sự thấu hiểu và quan điểm của linh hồn, vì chúng cung cấp phương tiện để thu nhận kinh nghiệm. Kinh nghiệm này cuối cùng sẽ dẫn đến việc linh hồn nắm quyền kiểm soát bộ máy, tức phàm ngã, và nhờ đó đem lại cho linh hồn ấy một lĩnh vực phụng sự rõ rệt. Các hiện thể mà qua đó linh hồn tìm kiếm kinh nghiệm và sự biểu lộ thường chịu ảnh hưởng một cách tự nhiên của những ảo cảm thế giới, những ảo cảm của nhân loại cũng như ảo tưởng. Khi linh hồn, trong những giai đoạn trải nghiệm ban đầu, rơi vào cạm bẫy của ảo lực, ảo cảm và cuối cùng là ảo tưởng, nguyên nhân là linh hồn đang đồng hoá với những hình tướng ấy, và do đó với ảo cảm xung quanh, nên không đạt được sự đồng hoá với chính mình. Khi tiến hoá tiếp diễn, bản chất của vấn đề trở nên rõ ràng đối với linh hồn đang nhập thể, và khi ấy một tiến trình bắt đầu, qua đó linh hồn tự giải thoát khỏi những hậu quả của sự đồng hoá sai lầm. Mỗi linh hồn đang nhập thể thành công trong việc giải thoát tâm thức của mình khỏi thế giới ảo tưởng và ảo cảm đều đang thực sự phụng sự nhân loại, và giúp giải thoát nhân loại khỏi sự nô dịch cổ xưa và mạnh mẽ này.

[115] But it must be borne in mind that when a man is nearing the stage of consciousness when both the astral body

[115] Nhưng cần nhớ rằng khi một người tiến gần đến giai đoạn tâm thức mà cả thể cảm dục lẫn thể trí đều hoạt động và vận

and the mental body are active and functioning, he himself becomes a manufacturer of glamour. He struggles with forces within himself and within the world in which he lives, and the increasing potency of the inflowing soul energy (which comes in conflict with personality forces) gradually produces around him a field of glamour and an environment of illusion that brings this third category of glamour into full play.

hành, thì chính y trở thành người tạo ra ảo cảm. Y đấu tranh với các mãnh lực bên trong mình và trong thế giới nơi mình sống, và sức mạnh ngày càng tăng của năng lượng linh hồn tuôn vào (xung đột với các mãnh lực phàm ngã) dần tạo ra quanh y một trường ảo cảm và một môi trường ảo tưởng, khiến loại ảo cảm thứ ba này phát huy đầy đủ tác động.

These glamours are dependent upon the expression of the different forces which constitute a man's lower nature, of which he is becoming increasingly aware, and which pass through the stages of emergence into recognition, potency in expression, and violence in conflict until the struggling soul sits down—as did Arjuna—in the midst between the two opposing forces (personality force and soul energy) and asks himself:

Những ảo cảm này tùy thuộc vào sự biểu lộ của các mãnh lực khác nhau cấu thành bản chất thấp của con người, mà y ngày càng nhận biết rõ hơn; chúng trải qua các giai đoạn từ xuất hiện và được nhận biết, đến biểu lộ mạnh mẽ, rồi xung đột dữ dội, cho đến khi linh hồn đang đấu tranh ngồi xuống —như Arjuna đã làm—ở giữa hai mãnh lực đối nghịch (mãnh lực phàm ngã và năng lượng linh hồn), và tự hỏi:

1. Which is right, this or that?

1. Bên nào đúng, bên này hay bên kia?

2. How can I distinguish where my duty or my responsibility lies?

2. Làm sao tôi có thể phân biệt bổn phận hay trách nhiệm của mình nằm ở đâu?

3. How can I find my way out of this bewildering situation?

3. Làm sao tôi có thể tìm được lối thoát khỏi tình thế gây hoang mang này?

4. How can I bring in the control of the Warrior so that the two groups of forces which I love may be resolved into a unity?

4. Làm sao tôi có thể đưa sự kiểm soát của Chiến Binh vào, để hai nhóm mãnh lực mà tôi yêu thương có thể hợp thành một thể thống nhất?

5. How can I find my way out of this impasse?

5. Làm sao tôi có thể tìm được lối thoát khỏi tình thế bế tắc này?

6. Why must I hurt that which I love and through which I have expressed myself for ages?

6. Vì sao tôi phải làm tổn thương những gì tôi yêu thương và đã dùng để biểu lộ bản thân suốt bao thời đại?

7. How can I become aware of that mental illumination which will reveal the "middle way" between the pairs of opposites?

7. Làm sao tôi có thể nhận biết sự soi sáng trí tuệ sẽ làm hiển lộ "con đường trung đạo" giữa các cặp đối lập?

8. How can I see God? or else the Form of God?

8. Làm sao tôi có thể thấy Thượng đế? Hoặc ít ra là Hình Tướng của Thượng đế?

[116] Many such questions arise in the mind of the aspirant. They indicate dilemma, bewilderment, a realisation of surrounding glamour, a stage of illusion and a condition of impotency. Against the disciple are fighting all the forces of his own nature, and also those of humanity as a whole and of the planetary state. He feels helpless, inert, feeble and hopeless. He cannot even see the way out. Only one clear fact remains and that is the fact of the Soul, of the immortal Identity, the Warrior behind the scenes, the Charioteer, Krishna, the Christ within.

[116] Nhiều câu hỏi như vậy nảy sinh trong thể trí của người chí nguyện. Chúng cho thấy một tình thế khó xử, sự hoang mang, sự nhận biết về ảo cảm xung quanh, một giai đoạn ảo tưởng và một tình trạng bất lực. Mọi mãnh lực thuộc bản chất của chính đệ tử, cũng như các mãnh lực của toàn thể nhân loại và của trạng thái hành tinh, đều đang chống lại y. Y cảm thấy bất lực, trì trệ, yếu đuối và tuyệt vọng. Y thậm chí không thấy lối thoát. Chỉ còn lại một sự thật rõ ràng duy nhất, đó là sự thật về Linh Hồn, về Bản Sắc bất tử, về Chiến Binh phía sau hậu trường, Người Đánh Xe, Krishna, Đức Christ bên trong.

The Bhagavad Gita can be read entirely from the standpoint of the disciple's combat with glamour and students would be well-advised so to study it.

Chí Tôn Ca có thể được đọc hoàn toàn từ góc nhìn về cuộc chiến của đệ tử với ảo cảm, và các đạo sinh nên nghiên cứu tác phẩm theo cách ấy.

The individual glamours of which the disciple becomes aware are consequently of five types of force. These, when brought into activity simultaneously, produce those glamours which are strictly initiated and produced by the man himself. They are:

Do đó, những ảo cảm cá nhân mà đệ tử nhận biết thuộc năm loại mãnh lực. Khi đồng thời được đưa vào hoạt động, chúng tạo ra những ảo cảm hoàn toàn do chính con người khởi phát và tạo nên. Đó là:

1. The forces of his dense physical nature and of the vital body which latter, functioning through the dense physical

1. Các mãnh lực của bản chất hồng trần đậm đặc và của thể sinh lực nơi y; thể sinh lực này hoạt động qua bản chất hồng trần đậm

nature, produce a condition of maya or of uncontrolled energy.

đặc, tạo nên một tình trạng ảo lực hay năng lượng không được kiểm soát.

2. The forces of the astral nature, based upon desire and upon sentiency. These, at this stage, fall into two groups which we call the pairs of opposites. Their potency is accentuating at this period of individual history, for the disciple is polarised in the majority of cases in his astral body and is, therefore, subject to the glamours produced by the interplay of the opposites, plus the condition of maya, referred to above.

2. Các mãnh lực của bản chất cảm dục, dựa trên dục vọng và khả năng cảm thụ. Ở giai đoạn này, chúng chia thành hai nhóm mà chúng ta gọi là các cặp đối lập. Sức mạnh của chúng gia tăng trong thời kỳ này của lịch sử cá nhân, vì trong đa số trường hợp, đệ tử phân cực trong thể cảm dục của mình, và do đó chịu ảnh hưởng của những ảo cảm do sự tương tác giữa các mặt đối lập tạo ra, cộng thêm tình trạng ảo lực đã nói ở trên.

3. The forces of the lower mental nature, of the chitta or mind-stuff of which the mental body is composed. This [117] is coloured by past activity, as is the substance composing all the vehicles. This adds to maya and glamour, the state of illusion.

3. Các mãnh lực của bản chất hạ trí, của tâm chất hay chất trí cấu thành thể trí. Chất liệu này [117] mang sắc thái của hoạt động quá khứ, cũng như chất liệu cấu thành mọi hiện thể. Điều này thêm trạng thái ảo tưởng vào ảo lực và ảo cảm.

4. The personality ray then emerges and intensifies all these three aspects of force expression, producing eventually their synthetic work. Then we have the emerging of what has been called “the threefold glamorous condition,” into one major glamour.

4. Sau đó, cung phàm ngã xuất hiện và tăng cường cả ba phương diện biểu lộ mãnh lực này, cuối cùng tạo nên hoạt động tổng hợp của chúng. Khi ấy, điều được gọi là “tình trạng ảo cảm tam phân” xuất hiện, hợp thành một ảo cảm chủ yếu.

5. The soul ray or energy is all this time steadily increasing its rhythmic potency, and seeking to impose its purpose and will upon the personality. It is the united relation and the interplay between these two which —when a point of balance has been achieved —sweeps the man on to the Probationary Path, on to the Path of Discipleship, and right up to the gate of initiation. There, standing before the Gate, he recognises the final duality which awaits resolution. The Dweller on the Threshold and the Angel of the PRESENCE.

5. Trong suốt thời gian này, cung linh hồn hay năng lượng linh hồn không ngừng gia tăng sức mạnh nhịp điệu của mình, đồng thời tìm cách áp đặt mục đích và ý chí của mình lên phàm ngã. Chính mối quan hệ hợp nhất và sự tương tác giữa hai bên—khi đã đạt đến điểm cân bằng—thúc đẩy con người tiến vào Con Đường Dự Bị, rồi Con Đường Đệ Tử, và thẳng đến tận cổng điểm đạo. Tại đó, đứng trước Cổng, y nhận ra nhị nguyên cuối cùng đang chờ được giải quyết: Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần của Hiện Diện.

The nature of these glamours differs with different people, for the ray quality determines the type of glamour or illusion to which a man will easily succumb, and that kind of glamour which he will the most easily create. Disciples have to learn to differentiate between:

Bản chất của những ảo cảm này khác nhau ở mỗi người, vì phẩm tính cung quyết định loại ảo cảm hay ảo tưởng mà một người dễ khuất phục, cũng như loại ảo cảm mà y dễ tạo ra nhất. Các đệ tử phải học cách phân biệt giữa:

1. The glamours or glamour already existent in his environment, to which he will easily be attracted, or which he will easily attract, for they constitute the line of least resistance.

1. Những ảo cảm hay ảo cảm đã tồn tại trong môi trường của y, mà y dễ bị thu hút vào hoặc dễ thu hút về phía mình, vì chúng tạo thành con đường ít trở ngại nhất.

2. The glamour that he creates as he tackles life through the medium of a particular equipment, which is coloured by the experiences of past incarnations, and by the ray quality under which he has come into being.

2. Ảo cảm mà y tạo ra khi ứng phó với cuộc sống thông qua một hệ thống trang bị cụ thể, mang sắc thái của những kinh nghiệm từ các kiếp trước và của phẩm tính cung mà dưới ảnh hưởng của nó, y đã ra đời.

[118] This subject is so intricate that it will serve no useful purpose for me to go into detailed particulars. I can indicate the major glamours (and under this term I include the various maya and illusions) to which the ray types predispose the man. If you then apply these to the three vehicles of manifestation as well as to the personality and the soul, you will note how complicated is the problem. Yet remember this, my brother:

[118] Chủ đề này phức tạp đến mức việc Tôi đi sâu vào từng chi tiết sẽ không mang lại ích lợi nào. Tôi có thể chỉ ra những ảo cảm chính (và trong thuật ngữ này, Tôi bao gồm các dạng ảo lực và ảo tưởng khác nhau) mà các kiểu cung khiến con người dễ mắc phải. Nếu sau đó các bạn áp dụng chúng vào ba hiện thể biểu hiện, cũng như vào phàm ngã và linh hồn, các bạn sẽ nhận thấy vấn đề phức tạp đến mức nào. Tuy vậy, hãy nhớ điều này, huynh đệ của tôi:

The issue is certain and determined for, in this solar system, the triumph of the soul and its final dominance and control is a foregone conclusion, no matter how great the glamour or how fierce the strife. Thus, the ascertaining (by the aspirant) of his ray influence is one of the first steps towards understanding the nature of his problem and the method of release. The psychology of the future will direct attention to the

Kết quả là chắc chắn và đã được định đoạt, vì trong hệ mặt trời này, sự chiến thắng của linh hồn cùng quyền chi phối và kiểm soát cuối cùng của nó là điều tất yếu, bất kể ảo cảm lớn đến đâu hay cuộc đấu tranh khốc liệt đến mức nào. Vì vậy, việc người chí nguyện xác định ảnh hưởng cung của mình là một trong những bước đầu tiên để thấu hiểu bản chất vấn đề của mình và phương pháp giải thoát. Tâm lý học trong tương lai

discovery of the two rays which govern the soul and personality. Having done this through a study of the physical type, emotional reactions and mental tendencies, attention will then be directed to the discovery of the rays governing the specialised vehicles. When these five rays (egoic, personality, physical, astral and mental) have been approximately ascertained, then the following factors will need consideration:

sẽ hướng sự chú ý đến việc khám phá hai cung cai quản linh hồn và phàm ngã. Sau khi thực hiện điều này qua việc nghiên cứu kiểu thể xác, các phản ứng cảm xúc và những khuynh hướng trí tuệ, sự chú ý sẽ hướng đến việc khám phá các cung cai quản những hiện thể chuyên biệt. Khi đã xác định tương đối được năm cung này (cung chân ngã, cung phàm ngã, cung thể xác, cung thể cảm dục và cung thể trí), cần xem xét những yếu tố sau:

1. The nature, quality and stability of the glandular system.

1. Bản chất, phẩm tính và sự ổn định của hệ tuyến.

2. The point attained in evolution. This will be done by a careful consideration of the centres and the glands and their relation to each other.

2. Điểm đã đạt được trong tiến hoá. Việc xác định này sẽ dựa trên sự xem xét cẩn thận các trung tâm, các tuyến và mối quan hệ giữa chúng.

3. The recognition of the points of cleavage or the splits in the personality which exist. These can be:

3. Việc nhận ra những điểm phân cách hay những sự chia tách hiện có trong phàm ngã. Chúng có thể nằm:

a. Between the etheric and the physical bodies, leading to a lack of vitality, physical weakness, obsession and many forms of difficulty. [119]

a. Giữa thể dĩ thái và thể xác, dẫn đến thiếu sinh lực, suy yếu thể xác, ám nhập và nhiều dạng khó khăn. [119]

b. In the sentient astral body, leading to a vast number of problems and psychological difficulties based upon undue sensitivity, reaction to glamour in the environment, innate tendencies to glamour in the equipment or resulting from sensitivity to the glamours of other people.

b. Trong thể cảm dục có khả năng cảm nhận, dẫn đến vô số vấn đề và khó khăn tâm lý do quá nhạy cảm, do phản ứng với ảo cảm trong môi trường, do những khuynh hướng bẩm sinh dễ mắc ảo cảm trong hệ thống trang bị, hoặc do nhạy cảm với những ảo cảm của người khác.

c. In the mental body, imposing mental illusions of many kinds, such as control by self-created thoughtforms, sensitivity to existing world, national, or environing thoughtforms of any school of thought, *idée fixe,* the sense of the dramatic or of

c. Trong thể trí, gây ra nhiều loại ảo tưởng trí tuệ, chẳng hạn như chịu sự kiểm soát của những hình tư tưởng do chính mình tạo ra, nhạy cảm với những hình tư tưởng hiện có trên thế giới, trong quốc gia hoặc trong môi trường xung quanh thuộc bất kỳ trường

importance, or a fanatical adherence to groups of ideas, inherited from the past, or mental reactions of a purely personal nature.

phái tư tưởng nào, *ý tưởng ám ảnh,* cảm thức về tính kịch tính hay tầm quan trọng, hoặc sự bám giữ cuồng tín vào những nhóm ý tưởng thừa hưởng từ quá khứ, hay những phản ứng trí tuệ mang bản chất thuần túy cá nhân.

d. Between any of these groups of forces which we call bodies:

d. Giữa bất kỳ nhóm mãnh lực nào trong số những nhóm mà chúng ta gọi là các thể của phàm ngã:

Between the etheric and astral bodies.

Giữa thể dĩ thái và thể cảm dục.

Between the astral and the mental bodies.

Giữa thể cảm dục và thể trí.

There is, for instance, a definite correspondence between the condition of negativity to physical plane living which is the result of a lack of integration between the physical and the etheric bodies, and that lack of interest and that failure to handle physical plane living which the thinker on abstract and scientific levels so frequently evidences. Both groups fail to make a definite and decisive manifestation upon the physical plane, both groups fail to deal with the problems of physical plane living in a clear and satisfactory manner, both are non-positive physically, but the causes producing these relatively similar conditions are totally different—though alike in their effects.

Chẳng hạn, có một sự tương ứng rõ rệt giữa trạng thái thụ động đối với đời sống trên cõi hồng trần do thiếu sự tích hợp giữa thể xác và thể dĩ thái, với sự thiếu quan tâm và bất lực trong việc xử lý đời sống trên cõi hồng trần mà người tư duy ở các cấp độ trừu tượng và khoa học thường biểu lộ. Cả hai nhóm đều không thể biểu hiện rõ rệt và dứt khoát trên cõi hồng trần; cả hai nhóm đều không thể xử lý những vấn đề của đời sống trên cõi hồng trần một cách rõ ràng và thỏa đáng; cả hai đều thiếu tính chủ động về mặt hồng trần. Nhưng những nguyên nhân tạo ra các trạng thái tương đối giống nhau này lại hoàn toàn khác biệt—dù có những tác động tương tự.

4. The comprehension of the Path of Life for an individual, through a study of his astrological indications. It is necessary in this connection to regard the sun sign [120] into which a man is born, as indicative of his personality trends, and as embodying the characteristics which he has inherited from the past, but to regard the rising sign as holding within it the indications of the way that a man's soul would have him go.

4. Việc thấu hiểu Con Đường Sự Sống của một cá nhân qua việc nghiên cứu những chỉ dấu chiêm tinh của y. Trong mối liên hệ này, cần xem dấu hiệu Mặt Trời [120] mà một người sinh ra dưới đó là chỉ dấu về những khuynh hướng phàm ngã của y và là sự thể hiện những đặc điểm mà y thừa hưởng từ quá khứ; nhưng cần xem dấu hiệu mọc là nơi chứa đựng những chỉ dấu về con đường mà linh hồn muốn y đi theo.

Many other factors will warrant careful attention. The problem of the individual is complicated by certain inherited tendencies of a family, national and racial nature. These powerfully affect the physical body in both its aspects, producing glamours of many kinds. It is also affected by certain inherited ideas which are the embodied thoughtforms of family, national and racial approaches to truth. These produce powerful illusions to which the individual man easily succumbs. There are also the inflowing forces of the sign into which the sun may be passing, such as the conditions found in the world today, due to the fact that our sun is passing into a new sign of the zodiac. Therefore powerful and new energies are playing upon humanity, producing effects in all the three bodies. They are evoking glamours in the emotional nature and illusions in the mental nature. Those easily subject to glamour become at this time conscious of an emphasised duality. The subject, as you will therefore see, is vast, and this science of the psychological influences and the results of their impact upon the human mechanism is, as yet, in its infancy. I have, however, indicated enough to arouse interest and to start investigation in this new field of psychological activity.

Nhiều yếu tố khác cũng cần được chú ý cẩn thận. Vấn đề của cá nhân trở nên phức tạp do một số khuynh hướng thừa hưởng mang bản chất gia đình, quốc gia và nhân loại. Những khuynh hướng này tác động mạnh mẽ lên thể xác ở cả hai phương diện của nó, tạo ra nhiều loại ảo cảm. Vấn đề ấy còn chịu ảnh hưởng của một số ý tưởng thừa hưởng, vốn là những hình tư tưởng đã thành hình, thể hiện các cách tiếp cận chân lý của gia đình, quốc gia và nhân loại. Chúng tạo ra những ảo tưởng mạnh mẽ mà cá nhân dễ khuất phục. Còn có những mãnh lực tuôn vào từ dấu hiệu mà Mặt Trời có thể đang đi vào, chẳng hạn như những điều kiện hiện có trên thế giới ngày nay do Mặt Trời của chúng ta đang đi vào một dấu hiệu hoàng đạo mới. Vì vậy, những năng lượng mới và mạnh mẽ đang tác động lên nhân loại, tạo ra những ảnh hưởng trong cả ba thể của phàm ngã. Chúng khơi dậy những ảo cảm trong bản chất cảm xúc và những ảo tưởng trong bản chất trí tuệ. Lúc này, những người dễ chịu ảnh hưởng của ảo cảm trở nên có ý thức về một nhị nguyên nổi bật hơn. Do đó, như các bạn sẽ thấy, chủ đề này rất rộng lớn, và khoa học về những ảnh hưởng tâm lý cùng các kết quả do chúng tác động lên bộ máy con người hiện vẫn còn trong giai đoạn sơ khai. Tuy nhiên, Tôi đã chỉ ra đủ để khơi dậy sự quan tâm và khởi đầu việc nghiên cứu trong lĩnh vực hoạt động tâm lý mới này.

To return to the consideration of the many glamours which are produced by and related to certain ray types:

Trở lại việc xem xét nhiều ảo cảm do một số kiểu cung tạo ra và có liên quan đến các kiểu cung ấy:

RAY I

CUNG I

The glamour of physical strength.

Ảo cảm của sức mạnh thể chất.

The glamour of personal magnetism. [121]

Ảo cảm của từ tính cá nhân. [121]

The glamour of self-centredness and personal potency.	Ảo cảm của việc tập trung vào bản thân và sức mạnh cá nhân.
The glamour of "the one at the centre."	Ảo cảm của "người ở trung tâm."
The glamour of selfish personal ambition.	Ảo cảm của tham vọng cá nhân ích kỷ.
The glamour of rulership, of dictatorship and of wide control.	Ảo cảm của sự cai trị, của sự độc tài hoặc của sự kiểm soát rộng rãi.
The glamour of the Messiah complex in the field of politics.	Ảo cảm của phức cảm Đấng Cứu Thế trong lĩnh vực chính trị.
The glamour of selfish destiny, of the divine right of kings personally exacted.	Ảo cảm của vận mệnh ích kỷ, của việc đích thân đòi hỏi quyền thiêng liêng của các vị vua.
The glamour of destruction.	Ảo cảm của sự hủy diệt.
The glamour of isolation, of aloneness, of aloofness.	Ảo cảm của sự cô lập, của sự đơn độc, của sự xa cách.
The glamour of the superimposed will—upon others and upon groups.	Ảo cảm của ý chí áp đặt—lên người khác và lên các nhóm.
RAY II	***CUNG II***
The glamour of the love of being loved.	Ảo cảm của sự yêu thích được yêu.
The glamour of popularity.	Ảo cảm của sự nổi tiếng.
The glamour of personal wisdom.	Ảo cảm của minh triết cá nhân.
The glamour of selfish responsibility.	Ảo cảm của trách nhiệm ích kỷ.
The glamour of too complete an understanding, which negates right action.	Ảo cảm của sự thấu hiểu quá toàn diện, khiến hành động đúng đắn bị phủ định.

The glamour of self-pity, a basic glamour of this ray.

Ảo cảm của sự tự thương hại, một ảo cảm căn bản của cung này.

The glamour of the Messiah complex, in the world of religion and world need.

Ảo cảm của phức cảm Đấng Cứu Thế trong thế giới tôn giáo và nhu cầu của thế giới.

The glamour of fear, based on undue sensitivity.

Ảo cảm của sự sợ hãi, dựa trên tính nhạy cảm quá mức.

The glamour of self-sacrifice.

Ảo cảm của sự tự hy sinh.

The glamour of selfish unselfishness.

Ảo cảm của lòng vị tha ích kỷ.

The glamour of self-satisfaction.

Ảo cảm của sự tự mãn.

The glamour of selfish service.

Ảo cảm của sự phụng sự ích kỷ.

RAY III

CUNG III

The glamour of being busy.

Ảo cảm của sự bận rộn.

The glamour of cooperation with the Plan in an individual [122] and not a group way.

Ảo cảm của việc hợp tác với Thiên Cơ theo cách cá nhân [122] chứ không theo cách nhóm.

The glamour of active scheming.

Ảo cảm của sự tính toán tích cực.

The glamour of creative work—without true motive.

Ảo cảm của công việc sáng tạo—không có động cơ chân chính.

The glamour of good intentions, which are basically selfish.

Ảo cảm của những ý định tốt đẹp nhưng về căn bản là ích kỷ.

The glamour of "the spider at the centre."

Ảo cảm của "con nhện ở trung tâm."

The glamour of "God in the machine."

Ảo cảm của "Thượng đế trong cỗ máy."

The glamour of devious and continuous manipulation.

Ảo cảm của sự thao túng quanh co và liên tục.

The glamour of self-importance, from the standpoint of knowing, of efficiency.	Ảo cảm của việc tự cho mình là quan trọng, xét từ góc độ hiểu biết và hiệu quả.
RAY IV	***CUNG IV***
The glamour of harmony, aiming at personal comfort and satisfaction.	Ảo cảm của sự hài hòa nhằm đem lại sự thoải mái và thỏa mãn cá nhân.
The glamour of war.	Ảo cảm của chiến tranh.
The glamour of conflict, with the objective of imposing righteousness and peace.	Ảo cảm của xung đột, với mục tiêu áp đặt lẽ phải và hòa bình.
The glamour of vague artistic perception.	Ảo cảm của sự cảm nhận nghệ thuật mơ hồ.
The glamour of psychic perception instead of intuition.	Ảo cảm của sự cảm nhận thông linh thay vì trực giác.
The glamour of musical perception.	Ảo cảm của sự cảm nhận âm nhạc.
The glamour of the pairs of opposites, in the higher sense.	Ảo cảm của các cặp đối cực, theo nghĩa cao hơn.
RAY V	***CUNG V***
The glamour of materiality, or over-emphasis of form.	Ảo cảm của tính vật chất, hay sự nhấn mạnh quá mức vào hình tướng.
The glamour of the intellect.	Ảo cảm của trí năng.
The glamour of knowledge and of definition.	Ảo cảm của tri thức và của sự định nghĩa.
The glamour of assurance, based on a narrow point of view.	Ảo cảm của sự quả quyết, dựa trên một quan điểm hẹp hòi.
The glamour of the form which hides reality.	Ảo cảm của hình tướng che giấu thực tại.
The glamour of organisation.	Ảo cảm của sự tổ chức.

The glamour of the outer, which hides the inner. [123]	Ảo cảm của cái bên ngoài che giấu cái bên trong. [123]
RAY VI	***CUNG VI***
The glamour of devotion.	Ảo cảm Sùng tín.
The glamour of adherence to forms and persons.	Ảo cảm của sự bám giữ vào các hình tướng và con người.
The glamour of idealism.	Ảo cảm của chủ nghĩa lý tưởng.
The glamour of loyalties, of creeds.	Ảo cảm của những lòng trung thành, của các tín điều.
The glamour of emotional response.	Ảo cảm của sự đáp ứng cảm xúc.
The glamour of sentimentality.	Ảo cảm của tính đa cảm.
The glamour of interference.	Ảo cảm của sự can thiệp.
The glamour of the lower pairs of opposites.	Ảo cảm của các cặp đối cực thấp.
The glamour of World Saviours and Teachers.	Ảo cảm của các Đấng Cứu Thế và các Huấn sư Thế Gian.
The glamour of the narrow vision.	Ảo cảm của tầm nhìn hạn hẹp.
The glamour of fanaticism.	Ảo cảm của sự cuồng tín.
RAY VII	***CUNG VII***
The glamour of magical work.	Ảo cảm của công việc huyền thuật.
The glamour of the relation of the opposites.	Ảo cảm của mối quan hệ giữa các đối cực.
The glamour of the subterranean powers.	Ảo cảm của những quyền năng dưới lòng đất.

The glamour of that which brings together.

Ảo cảm của những gì kết hợp lại với nhau.

The glamour of the physical body.

Ảo cảm của thể xác.

The glamour of the mysterious and the secret.

Ảo cảm của những điều huyền bí và bí mật.

The glamour of sex magic.

Ảo cảm của huyền thuật tính dục.

The glamour of the emerging manifested forces.

Ảo cảm của những mãnh lực biểu hiện đang xuất hiện.

I have here enumerated many glamours. But their names are legion, and I have by no means covered the possibilities or the field of glamour.

Ở đây, Tôi đã liệt kê nhiều ảo cảm. Nhưng tên gọi của chúng nhiều vô kể, và Tôi hoàn toàn chưa bao quát hết những khả năng hay lĩnh vực của ảo cảm.

One of the groups with which I have worked had certain characteristics and difficulties, and it might be of value if I mentioned it here.

Một trong những nhóm mà Tôi từng làm việc cùng có một số đặc điểm và khó khăn, và có lẽ việc Tôi đề cập đến nhóm ấy ở đây sẽ có giá trị.

This group had a curious history in relation to other groups, because its personnel changed several times. Each time, the person who left the group had been in it from karmic right and old relation to myself or to the group members, [124] and had, therefore, earned the opportunity to participate in this activity. Each time they failed, and each time for personality reasons. They lacked *group* realisation and were definitely occupied with themselves. They lacked the new and wider vision. So they eliminated themselves from this initial new age activity. I am explaining this, for it is valuable to disciples to grasp the fact that karmic relation cannot be ignored and that group opportunity must be offered, even though it delay functioning in group service.

Nhóm này có một lịch sử khác thường so với những nhóm khác, vì thành phần của nhóm đã thay đổi nhiều lần. Mỗi lần như vậy, người rời nhóm trước đó đã có mặt trong nhóm nhờ quyền do nghiệp quả đem lại và mối quan hệ từ xưa với Tôi hoặc với các thành viên trong nhóm, [124] và do đó đã xứng đáng có cơ hội tham gia hoạt động này. Mỗi lần họ đều thất bại, và lần nào cũng vì những lý do thuộc phàm ngã. Họ thiếu sự nhận biết về *nhóm* và rõ ràng chỉ bận tâm đến bản thân. Họ thiếu tầm nhìn mới và rộng lớn hơn. Vì vậy, họ tự loại mình khỏi hoạt động mở đầu này của kỷ nguyên mới. Tôi giải thích điều này vì các đệ tử sẽ được lợi khi nắm bắt sự thật rằng không thể phớt lờ mối quan hệ nghiệp quả, và phải trao cơ hội tham gia nhóm, ngay cả khi điều đó làm chậm việc thực hiện công việc phụng sự nhóm.

Several of the group members were still struggling with glamour and it needed a longer time for them to adjust themselves to recognition of it when encountered. The major task of this group was to dissipate some of the universal glamour by a united indicated meditation. Certain of the group members also were facing or had major adjustments in their lives, and it took a little time for the needed subjective rhythm to become established. But they all worked with understanding, perseverance and enthusiasm, and it was not long before the group work was started.

Một số thành viên của nhóm vẫn đang đấu tranh với ảo cảm, và họ cần nhiều thời gian hơn để tự điều chỉnh, nhằm nhận ra nó khi gặp phải. Nhiệm vụ chính của nhóm này là làm tiêu tan một phần ảo cảm phổ quát bằng một bài tham thiền hợp nhất đã được chỉ dẫn. Một số thành viên trong nhóm cũng đang đối diện hoặc đã trải qua những điều chỉnh lớn trong cuộc sống, và cần một ít thời gian để thiết lập nhịp điệu chủ quan cần thiết. Nhưng tất cả họ đều làm việc với sự thấu hiểu, lòng kiên trì và nhiệt tình, và chẳng bao lâu công việc nhóm đã bắt đầu.

You would find it of value to consider the following questions:

Các bạn sẽ thấy việc xem xét những câu hỏi sau đây là có giá trị:

1. What is the method whereby ideas are developed from the moment of impressing the mind of some intuitive?

1. Các ý tưởng phát triển theo phương pháp nào kể từ lúc chúng tạo ấn tượng lên thể trí của một người có trực giác?

Broadly speaking, they pass through the following stages, as you have oft been told:

Nói chung, chúng trải qua những giai đoạn sau, như các bạn đã thường được cho biết:

a. The idea... based on intuitive perception.

a. Ý tưởng... dựa trên sự cảm nhận trực giác.

b. The ideal... based on mental formulation and distribution.

b. Lý tưởng... dựa trên sự định hình và phân phối bằng trí tuệ.

c. The idol... based on the concretising tendency of physical manifestation.

c. Ngẫu tượng... dựa trên khuynh hướng cụ thể hóa của sự biểu hiện hồng trần.

2. What glamours do you feel are particularly dominant in the world today, and why? [125]

2. Các bạn cảm thấy những ảo cảm nào đặc biệt chi phối thế giới ngày nay, và tại sao? [125]

3. I have spoken often of the work which this group and certain other groups are intending to do in dissipating world glamour. Have you any ideas as to how this

3. Tôi đã thường nói về công việc mà nhóm này cùng một số nhóm khác dự định thực hiện để làm tiêu tan ảo cảm thế giới. Các bạn có ý tưởng nào về cách thực hiện công việc

should be done, or what will be demanded of you?

này, hoặc về những gì sẽ đòi hỏi ở các bạn không?

3. The Contrast between Higher and Lower Glamours – 3. Sự Tương Phản giữa Những Ảo Cảm Cao và Thấp

In the preceding part of this section we considered (briefly and all too cursorily) some of the causes of the dense glamour which surrounds humanity. That this glamour is very ancient, powerfully organised, and is the dominant characteristic of the astral plane emerged clearly, as did the fact of the three major predisposing subsidiary causes:

Trong phần trước của mục này, chúng ta đã xem xét (một cách ngắn gọn và quá sơ lược) một số nguyên nhân của ảo cảm đậm đặc bao quanh nhân loại. Đã hiện rõ rằng ảo cảm này có từ rất xa xưa, được tổ chức mạnh mẽ và là đặc điểm chi phối của cõi cảm dục; đồng thời cũng hiện rõ ba nguyên nhân phụ trợ chính khiến con người dễ mắc ảo cảm:

1. The glamours induced by the planetary life and inherent in substance itself.

1. Những ảo cảm do sự sống hành tinh gây ra và vốn có trong chính chất liệu.

2. Those glamours which are initiated by humanity, as a whole, and intensified throughout an aeonial past.

2. Những ảo cảm do toàn thể nhân loại khởi xướng và tăng cường qua một quá khứ kéo dài nhiều thời đại.

3. Glamour engendered by the individual himself, either in the past, through participation in world glamour, or started this life.

3. Ảo cảm do chính cá nhân tạo ra, hoặc trong quá khứ qua việc tham dự vào ảo cảm thế giới, hoặc khởi đầu trong kiếp sống này.

To all of these, every human being is prone and for many lives proves himself the helpless victim of that which he later discovers to be erroneous, false and deceiving. He learns then that he need not fall supinely under the domination of the past—astral, emotional and glamorous—but that he is adequately equipped to handle it, did he but know it, and that there are methods and techniques whereby he can emerge the conqueror of illusion, the dissipator of glamour and the master of maya. This is the initial revelation, and it is when he has realised the implication of this and has [126] set out to dominate the

Mọi người đều dễ mắc tất cả những ảo cảm này, và trong nhiều kiếp sống, mỗi người tỏ ra là nạn nhân bất lực của điều mà về sau y khám phá là sai lầm, giả dối và lừa gạt. Khi ấy, y học được rằng mình không cần thụ động chịu sự chi phối của quá khứ—thuộc cảm dục, cảm xúc và ảo cảm—mà y có đủ trang bị để xử lý nó, giá như y biết điều này; và rằng có những phương pháp cùng kỹ thuật giúp y trở thành người chiến thắng ảo tưởng, người làm tiêu tan ảo cảm và người làm chủ ảo lực. Đây là sự mặc khải ban đầu, và chính khi y nhận ra hàm ý của điều này và đã [126] bắt đầu chế ngự trạng thái không mong muốn ấy, thì về sau y mới nhận biết

undesirable condition that he arrives later at a recognition of an essential duality. This is, for the time being, in no case an illusion. He discovers the relationship between himself as a personality, the true Dweller on the Threshold, and the Angel of the PRESENCE—guarding the door of initiation. This marks a critical moment in the life of the disciple for it indicates the moment wherein he can begin to tread the Path of Initiation, if he so desires and possesses the required fortitude.

một nhị nguyên căn bản. Trong giai đoạn này, nó hoàn toàn không phải là một ảo tưởng. Y khám phá mối quan hệ giữa chính mình với tư cách phàm ngã, Kẻ Chận Ngõ thực sự, và Thiên Thần của Hiện Diện—đang canh giữ cửa điểm đạo. Điều này đánh dấu một thời điểm then chốt trong cuộc đời người đệ tử, vì nó chỉ ra thời điểm y có thể bắt đầu bước trên Con Đường Điểm Đạo, nếu y mong muốn và có được sự kiên cường cần thiết.

In the last analysis, the partial subjugation of glamour and escape from the complete thraldom of illusion are indications to the watching Hierarchy that a man is ready for the processes of initiation. Until he is no longer completely deceived and until he is somewhat free mentally, it is not possible for him to face the waiting Angel and pass through the door. One thing I would here point out to you: after passing through the door of initiation, the disciple returns each time again to take up anew his tasks in the three worlds of activity; he there re-enacts the former processes—briefly and with understanding—after which he proceeds to master the essentials of the next initiatory lesson. I am here putting a great deal of information in a very condensed form, but that is all that is possible at this time.

Xét đến cùng, việc phần nào chế ngự được ảo cảm và thoát khỏi sự nô dịch hoàn toàn của ảo tưởng là những dấu hiệu cho Thánh đoàn đang quan sát thấy rằng một người đã sẵn sàng cho các tiến trình điểm đạo. Chừng nào y còn hoàn toàn bị lừa gạt và chưa có được phần nào tự do về trí tuệ, y vẫn chưa thể đối diện với Thiên Thần đang chờ đợi và bước qua cửa. Ở đây, Tôi muốn chỉ ra với các bạn một điều: mỗi lần sau khi bước qua cửa điểm đạo, người đệ tử lại trở về để tiếp tục những nhiệm vụ của mình trong ba cõi giới hoạt động; tại đó, y tái diễn những tiến trình trước đây—một cách ngắn gọn và với sự thấu hiểu—rồi tiến đến làm chủ những điều cốt yếu của bài học điểm đạo kế tiếp. Ở đây, Tôi đang trình bày rất nhiều thông tin dưới một hình thức hết sức cô đọng, nhưng đó là tất cả những gì có thể làm vào lúc này.

For a long time, the sense of dualism pervades the disciple's being and makes his life appear to be a ceaseless conflict between the pairs of opposites. The battle of the contraries is taking place consciously in the disciple's life. He alternates between the experiences of the past and a recollection of the experience of initiation through which he has passed, with the emphasis, first of all, in the earlier experiences; later, in the final great experience which is so deeply colouring his inner life. He has prolonged

Trong một thời gian dài, cảm thức nhị nguyên thấm khắp con người của đệ tử và khiến cuộc sống của y dường như là một cuộc xung đột không ngừng giữa các cặp đối cực. Cuộc chiến giữa các đối cực đang diễn ra một cách có ý thức trong cuộc sống của người đệ tử. Y luân phiên giữa những kinh nghiệm của quá khứ và sự hồi tưởng về kinh nghiệm điểm đạo mà y đã trải qua, ban đầu nhấn mạnh những kinh nghiệm trước kia; về sau nhấn mạnh kinh nghiệm lớn lao cuối cùng đang nhuộm sắc sâu đậm cho đời sống

moments wherein he is the baffled disciple, struggling with glamour, and brief moments wherein he is the triumphant initiate. He [127] discovers in himself the sources of glamour and illusion and the lure of maya until the moment arrives when again he stands before the portal and faces the major dualities in his own particular little cosmos—the Dweller and the Angel. At first he fears the Angel and dreads the light which streams from that Angel's countenance, because it throws into vivid reality the nature of the Dweller who is himself. He senses, as never before, the formidable task ahead of him and the true significance of the undertaking to which he has pledged himself. Little by little, two things emerge with startling clarity in his mind:

bên trong của y. Y có những lúc kéo dài trong vai trò người đệ tử bối rối, đấu tranh với ảo cảm, và những lúc ngắn ngủi trong vai trò điểm đạo đồ chiến thắng. Y [127] khám phá trong chính mình những nguồn gốc của ảo cảm và ảo tưởng cùng sức quyến rũ của ảo lực, cho đến khi lại đến thời điểm y đứng trước cổng và đối diện với những nhị nguyên chính trong tiểu vũ trụ riêng của mình—Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần. Ban đầu, y sợ Thiên Thần và khiếp sợ ánh sáng tuôn ra từ gương mặt Thiên Thần ấy, vì ánh sáng này làm hiện rõ sống động bản chất của Kẻ Chận Ngõ, vốn chính là y. Hơn bao giờ hết, y cảm nhận được nhiệm vụ vô cùng khó khăn phía trước cùng thâm nghĩa đích thực của công việc mà y đã cam kết thực hiện. Dần dần, hai điều hiện ra trong thể trí y với một sự rõ ràng đáng kinh ngạc:

1. The significance of his own nature, with its essential dualism.

1. Thâm nghĩa của bản chất y, với nhị nguyên căn bản của nó.

2. The recognition of the relationship between the pairs of opposites with which he, as a disciple, has to work.

2. Sự nhận biết mối quan hệ giữa các cặp đối cực mà y, với tư cách đệ tử, phải làm việc cùng.

Once he grasps the relation of the lower major duality (that of the personality and the soul) he is then prepared to pass on to the higher reality, that of the integrated Self (personality and soul) and its relation to the PRESENCE. In this statement, you have expressed in a few concise words the result of the first three initiations and the two final. Ponder on this.

Một khi nắm bắt được mối quan hệ của nhị nguyên chính thấp hơn (nhị nguyên giữa phàm ngã và linh hồn), y đã sẵn sàng tiến đến thực tại cao hơn, tức Bản Ngã tích hợp (phàm ngã và linh hồn) cùng mối quan hệ của nó với HIỆN DIỆN. Trong lời phát biểu này, các bạn có được kết quả của ba cuộc điểm đạo đầu tiên và hai cuộc cuối cùng, diễn đạt bằng vài từ súc tích. Hãy suy ngẫm về điều này.

It will be of real value, I believe, if I relate for your benefit the various contrasting characteristics of the intelligent man and the disciple, using the word "disciple" to cover all stages of development from that of accepted disciple to that of the Master. There

Tôi tin rằng sẽ thực sự có giá trị nếu Tôi trình bày cho các bạn những đặc điểm tương phản khác nhau giữa người thông minh và người đệ tử, dùng từ "đệ tử" để bao hàm mọi giai đoạn phát triển, từ đệ tử được chấp nhận đến Chân sư. Không có gì ngoài hệ thống thứ

is naught but the Hierarchy, which is a term denoting a steady progress from a lower state of being and of consciousness to a higher. This is in every case the state of consciousness of some Being, limited and confined and controlled by substance. You will note that [128] I say "substance" and not "form" for it is in reality *substance* which controls spirit for a long, a very long, cycle of expression; it is not matter that controls, for the reason that gross matter is always controlled by the forces which are esoterically regarded as etheric in nature and, therefore, as substance, not form. Remember this at all times for it holds the clue to the true understanding of the lower nature.

bậc, một thuật ngữ biểu thị sự tiến triển đều đặn từ một trạng thái hiện tồn và tâm thức thấp hơn đến một trạng thái cao hơn. Trong mọi trường hợp, đây là trạng thái tâm thức của một Sinh Mệnh nào đó, chịu sự giới hạn, giam hãm và kiểm soát của chất liệu. Các bạn sẽ nhận thấy rằng [128] Tôi nói "chất liệu" chứ không phải "hình tướng", vì thật ra chính *chất liệu* chi phối tinh thần trong một chu kỳ biểu hiện dài, rất dài; không phải vật chất chi phối, vì vật chất thô luôn chịu sự kiểm soát của những mãnh lực mà theo quan điểm huyền bí, bản chất là dĩ thái và do đó là chất liệu, chứ không phải hình tướng. Hãy luôn ghi nhớ điều này, vì nó chứa đựng manh mối để thực sự thấu hiểu bản chất thấp.

[Webinar 135] – [Webinar 135]

We will study, therefore, the basic essential contrasts which the disciple must intuitively grasp and with which he must familiarise himself. We will divide what we have to say into four parts, dealing briefly, but I trust helpfully, with each:

Vì vậy, chúng ta sẽ nghiên cứu những tương phản căn bản, cốt yếu mà người đệ tử phải nắm bắt bằng trực giác và phải làm quen. Chúng ta sẽ chia những điều cần nói thành bốn phần, bàn ngắn gọn về từng phần, nhưng Tôi tin rằng sẽ hữu ích:

a.	The contrast between Illusion and its opposite	Intuition.
b.	The contrast between Glamour and its opposite	Illumination.
c.	The contrast between Maya and its opposite	Inspiration.
d.	The contrast between the Dweller on the Threshold and its opposite	The Angel of the PRESENCE.

This, you will realise, is a large subject and deals with the major problem of the disciple. I would refer you at this point to what I have already said anent these four aspects of glamour, and would ask you to refer with

Các bạn sẽ nhận ra rằng đây là một chủ đề rộng lớn, liên quan đến vấn đề chính của người đệ tử. Tại điểm này, Tôi muốn hướng các bạn trở lại những điều Tôi đã nói về bốn phương diện này của ảo cảm, và yêu cầu các

care to the various charts and tabulations which have been given to you from time to time.

bạn tham khảo cẩn thận những sơ đồ cùng các bảng đã được cung cấp cho các bạn qua từng thời điểm.

a. The Contrast between Illusion and Intuition.

a. Sự Tương Phản giữa Ảo Tưởng và Trực Giác.

I have chosen this as the first contrast with which to deal as it should (even though it probably may not) constitute the major glamour of the members of this group. Unfortunately the emotional glamour dominates still and, for the majority of you, the second contrast, that between glamour and illumination, may prove the most useful and the most constructive.

Tôi đã chọn đây là sự tương phản đầu tiên để bàn đến, vì nó hẳn phải là ảo cảm chủ yếu của các thành viên trong nhóm này (dù có lẽ thực tế không phải vậy). Đáng tiếc là ảo cảm thuộc cảm xúc vẫn chiếm ưu thế, và đối với đa số các bạn, sự tương phản thứ hai, giữa ảo cảm và soi sáng, có thể tỏ ra hữu ích nhất và có tính xây dựng nhất.

Illusion is the power of some mental thoughtform, of some ideal, and some concept—sensed, grasped and interpreted [129] in mental form—to dominate the mental processes of the individual or of the race and consequently to produce the limitation of the individual or group expression. Such ideas and concepts can be of three kinds, as I realise you should know:

Ảo tưởng là quyền lực của một hình tư tưởng trí tuệ nào đó, một lý tưởng nào đó và một khái niệm nào đó—được cảm nhận, nắm bắt và diễn giải [129] dưới hình tướng trí tuệ—chi phối các tiến trình trí tuệ của cá nhân hoặc nhân loại, và do đó hạn chế sự biểu hiện của cá nhân hoặc nhóm. Những ý tưởng và khái niệm như vậy có thể thuộc ba loại, như Tôi nhận thấy các bạn hẳn đã biết:

1. They can be *inherited* ideas, as in the case of those who find it so difficult to adjust themselves to the new vision of world life and of social order, as expressed in the newer ideologies. They are powerfully conditioned by their cast, their tradition and their background.

1. Chúng có thể là những ý tưởng *được kế thừa*, như trường hợp những người thấy rất khó điều chỉnh mình theo tầm nhìn mới về đời sống thế giới và trật tự xã hội, thể hiện trong các hệ tư tưởng mới hơn. Họ chịu ảnh hưởng sâu sắc của đẳng cấp, truyền thống và hoàn cảnh xuất thân của mình.

2. They can be *the more modern ideas* which are, in the last analysis, the reaction of modern thought to world conditions and situations, and to these many other aspirants are very prone and most naturally so, especially if living in the vortex of force which we call modern Europe. Such modern ideas are construed today into major currents and dominating ideologies, and to

2. Chúng có thể là *những ý tưởng hiện đại hơn*, xét cho cùng là phản ứng của tư tưởng hiện đại trước các điều kiện và tình hình thế giới; nhiều người chí nguyện khác rất dễ ngả theo những ý tưởng này, và điều đó hoàn toàn tự nhiên, nhất là khi họ sống trong xoáy mãnh lực mà chúng ta gọi là châu Âu hiện đại. Ngày nay, những ý tưởng hiện đại ấy được diễn giải thành các trào lưu lớn và

these every intelligent person must inevitably react, though they forget that that reaction is based on tradition, or upon national or international predisposition.

những hệ tư tưởng chi phối; mọi người thông minh tất yếu đều phải phản ứng trước chúng, dù họ quên rằng phản ứng ấy dựa trên truyền thống hoặc trên khuynh hướng sẵn có của quốc gia hay quốc tế.

3. They can be *the newer dimly sensed ideas* which have in them the power to condition the future and lead the modern generation out of darkness into light. None of you as yet really sense these new ideas, though in moments of high meditation and spiritual achievement, you may vaguely and briefly react to them. That reaction may be real just in so far that it conditions, with definiteness, your service to your fellowmen. You can react correctly and can do so increasingly if you preserve your soul's integrity and are not overcome by the battle and the fever of your surroundings within your chosen field of service.

3. Chúng có thể là *những ý tưởng mới hơn, được cảm nhận lờ mờ*, mang trong mình quyền năng định hình tương lai và dẫn thế hệ hiện đại ra khỏi bóng tối, bước vào ánh sáng. Chưa ai trong các bạn thực sự cảm nhận được những ý tưởng mới này, dù trong những thời khắc tham thiền cao sâu và thành tựu tinh thần, các bạn có thể phản ứng với chúng một cách mơ hồ và thoáng qua. Phản ứng ấy chỉ có thể là chân thực trong chừng mực nó định hình một cách rõ rệt việc các bạn phụng sự đồng loại. Các bạn có thể phản ứng đúng đắn và ngày càng làm được như vậy nếu giữ gìn tính toàn vẹn của linh hồn mình, không để cuộc đấu tranh và sự sôi sục của môi trường xung quanh trong lĩnh vực phụng sự đã chọn lấn át mình.

[130] A mental illusion might perhaps be described as an idea, embodied in an ideal form, which permits no room or scope for any other form of ideal. It precludes an ability, therefore, to contact ideas. The man is tied to the world of ideals and of idealism. He cannot move away from it. This mental illusion ties and limits and imprisons the man. A good idea may consequently become an illusion with great facility and prove a disastrous conditioning factor in the life of the man who registers it.

[130] Có lẽ có thể mô tả một ảo tưởng trí tuệ là một ý tưởng hiện thân trong một hình tướng lý tưởng, không dành chỗ hay phạm vi cho bất kỳ hình tướng lý tưởng nào khác. Vì vậy, nó ngăn cản khả năng tiếp xúc với các ý tưởng. Con người bị ràng buộc vào thế giới của những lý tưởng và chủ nghĩa lý tưởng. Y không thể rời khỏi thế giới ấy. Ảo tưởng trí tuệ này trói buộc, giới hạn và giam hãm con người. Do đó, một ý tưởng tốt có thể rất dễ trở thành ảo tưởng và tỏ ra là một yếu tố tác động tai hại trong đời sống của người ghi nhận nó.

[Webinar 136] – [Webinar 136]

You might well ask here if the Hierarchy itself is not conditioned by an idea and, therefore, is itself a victim of general and widespread illusion. Apart from the fact that

Đến đây, các bạn hoàn toàn có thể hỏi liệu chính Thánh đoàn có chịu tác động của một ý tưởng và do đó cũng là nạn nhân của một ảo tưởng phổ biến, lan rộng hay không.

the Directors of the Hierarchy and the Custodians of the Plan are never permitted to become such until they are free from the incentive of illusion, I would remind you that all ideas stream into the planetary consciousness along the channel of the seven rays. Thus, the Hierarchy is wide open, in any case, to the seven major groups of ideas which are the IDEA of God for any specific point in time, expressed in seven major ways—all of them equally right and serving the sevenfold need of humanity. Each of these seven formulations of God's Idea has its specific contribution to make; each of them is a true idea which has its part to play in human or planetary service; and each of them is so interrelated with the other six expressions of the same divine Idea, working out as ideals upon the mental plane, that there can be no narrowing down to one idea with its ramifications as happens among men. There is, at least, sensitivity to seven groups of ideas and their resultant ideals and—if it were no more than that—the Hierarchy is so far fluid and pliable. But it is far more than just this, for, to the members of the Hierarchy, the idea and its effects are not only interpreted in terms of human thoughtforms and human idealism, but they are also to be contacted and studied in their relation to the [131] Mind of God Himself and to the planetary kingdoms. These ideas come from and they emanate from the buddhic plane, which is seldom open to the consciousness of the average disciple and certainly is not open to the contact of the average idealist. I would here remind you that few idealists are personally in touch with the idea which has given birth to the idealism. They are only in touch with the human interpretation of the idea, as formulated by some disciple or intuitive—a very different thing.

Ngoài sự thật rằng những Vị Chỉ Đạo Thánh đoàn và những Vị Gìn Giữ Thiên Cơ không bao giờ được phép đảm nhiệm những vai trò ấy cho đến khi thoát khỏi động lực của ảo tưởng, Tôi muốn nhắc các bạn rằng mọi ý tưởng đều tuôn vào tâm thức hành tinh theo kênh của bảy cung. Vì vậy, trong bất kỳ trường hợp nào, Thánh đoàn cũng hoàn toàn rộng mở trước bảy nhóm ý tưởng chính, vốn là Ý TƯỞNG của Thượng đế ở bất kỳ thời điểm cụ thể nào, được biểu hiện theo bảy cách chính—tất cả đều đúng đắn như nhau và đáp ứng nhu cầu thất phân của nhân loại. Mỗi cách trình bày trong bảy cách trình bày Ý Tưởng của Thượng đế đều có phần đóng góp riêng; mỗi cách đều là một ý tưởng chân thực, có vai trò trong việc phụng sự nhân loại hoặc hành tinh; và mỗi cách đều liên hệ mật thiết với sáu biểu hiện còn lại của cùng Ý Tưởng thiêng liêng ấy, đang triển khai thành những lý tưởng trên cõi trí, đến mức không thể có sự thu hẹp vào một ý tưởng cùng các nhánh phát triển của nó như thường xảy ra nơi con người. Ít nhất, có sự nhạy cảm với bảy nhóm ý tưởng và những lý tưởng phát sinh từ chúng; và—dù chỉ có thế thôi—Thánh đoàn cũng đã linh động và linh hoạt đến mức ấy. Nhưng điều này còn vượt xa hơn thế, vì đối với các thành viên của Thánh đoàn, ý tưởng và những tác động của nó không chỉ được diễn giải theo các hình tư tưởng và chủ nghĩa lý tưởng của con người, mà còn phải được tiếp xúc và nghiên cứu trong mối quan hệ với [131] Trí của chính Thượng đế và với các giới hành tinh. Những ý tưởng này đến từ và phát xạ từ cõi Bồ đề, vốn hiếm khi mở ra cho tâm thức của người đệ tử trung bình, và chắc chắn không mở ra cho sự tiếp xúc của người theo lý tưởng trung bình. Ở đây, Tôi muốn nhắc các bạn rằng rất ít người theo lý tưởng trực tiếp tiếp xúc với ý tưởng đã làm nảy sinh chủ nghĩa lý tưởng ấy. Họ chỉ tiếp xúc với cách con người diễn giải ý tưởng, do một đệ tử hoặc một

người có trực giác nào đó trình bày—một điều rất khác.

[Webinar 137] – [Webinar 137]

An illusion can, therefore, be defined as the consequence of an idea (translated into ideal) being regarded as the entire presentation, as the complete story or solution and as being separated from and visioned independently of all other ideas—both religious in nature or apparently completely unrelated to religion. In this statement lies the story of separation and of man's inability to relate the various implications of a divine idea with each other. When visioned and grasped in a narrow and separative manner, there is necessarily a distortion of the truth, and the disciple or aspirant inevitably pledges himself to a partial aspect of reality or of the Plan and not to the truth as far as it can be revealed or to the Plan as the Members of the Hierarchy know it. This illusion evokes in the disciple or idealist an emotional reaction which immediately feeds desire and consequently shifts off the mental plane on to the astral; a desire is thus evoked for a partial and inadequate ideal and thus the idea cannot arrive at full expression, because its exponent sees only this partial ideal as the whole truth and cannot, therefore, grasp its social and planetary and its cosmic implications.

Do đó, có thể định nghĩa ảo tưởng là hệ quả của việc xem một ý tưởng (đã chuyển thành lý tưởng) như toàn bộ sự trình bày, như toàn bộ câu chuyện hoặc giải pháp, và như một điều tách biệt, được nhìn nhận độc lập với mọi ý tưởng khác—dù mang bản chất tôn giáo hay có vẻ hoàn toàn không liên quan đến tôn giáo. Chính trong phát biểu này có câu chuyện về sự chia rẽ và việc con người không thể liên hệ các hàm ý khác nhau của một ý tưởng thiêng liêng với nhau. Khi nhìn nhận và nắm bắt một cách hẹp hòi, chia rẽ, tất yếu sẽ có sự bóp méo chân lý, và người đệ tử hoặc người chí nguyện không tránh khỏi việc cam kết với một phương diện phiến diện của thực tại hoặc của Thiên Cơ, chứ không phải với chân lý trong chừng mực chân lý có thể hiển lộ, hay với Thiên Cơ như các Thành Viên của Thánh đoàn biết đến. Ảo tưởng này khơi dậy trong người đệ tử hoặc người theo lý tưởng một phản ứng cảm xúc, lập tức nuôi dưỡng dục vọng và do đó chuyển từ cõi trí sang cõi cảm dục; như vậy, dục vọng đối với một lý tưởng phiến diện và không đầy đủ được khơi dậy, và ý tưởng không thể đạt tới sự biểu hiện trọn vẹn, vì người truyền bá nó chỉ thấy lý tưởng phiến diện này là toàn bộ chân lý, nên không thể nắm bắt những hàm ý xã hội, hành tinh và vũ trụ của nó.

Where there is a real grasp of the whole idea (a rare thing indeed) there can be no illusion. The idea is so much bigger than the idealist that humility saves him from narrowness. Where there is illusion (which is usual and commonplace) [132] and a vague interpretive reaction to an idea, we find emerging fanatics, vague idealists, sadistic

Ở đâu có sự nắm bắt thực sự toàn bộ ý tưởng (quả thật là một điều hiếm có), ở đó không thể có ảo tưởng. Ý tưởng lớn lao hơn người theo lý tưởng rất nhiều, nên sự khiêm nhường cứu y khỏi tính hẹp hòi. Ở đâu có ảo tưởng (vốn là điều thường thấy và phổ biến) [132] và một phản ứng diễn giải mơ hồ trước một ý tưởng, chúng ta thấy xuất hiện những

enforcers of the idea as grasped, one-pointed and narrow men and women, seeking to express *their* interpretation of God's idea, and limited, cramped visionaries. Such illusionary picturing of reality and such visionary showing forth of the idea has been both the pride and the curse of the world. It is one of the factors which has brought our modern world to its sorry pass, and it is from this misuse of the divine faculty of touching the idea and transforming it into the ideal that the world is today suffering—probably inevitably. The imposition of these humanly and mentally interpreted ideas in the form of limited ideologies has had a sorry effect upon men. They need to learn to penetrate to the true idea which lies behind their ideal and to interpret it with accuracy in the light of their soul, besides employing those methods which have the warrant and the sanction of LOVE. It is, for instance, no illusion that the idea which finds expression in the statement that "all men are equal" is a fact which needs emphasis. This has been seized upon by the democratically inclined. It is indeed a statement of fact, but when no allowance is made for the equally important ideas of evolution, of racial attributes, and of national and religious characteristics, then the basic idea receives only limited application. Hence the enforced ideological systems of our modern times and of the present day, and the rapid growth of ideological illusions, which are nevertheless based on a true idea—each and all without any exception. It is again no illusion that the development of the Christ consciousness is the goal of the human family, but when it is interpreted in terms of authoritative religion and by those in whom the Christ consciousness is as yet undeveloped, it becomes simply a nice concept and often a sadistic incentive and thus enters immediately into the realm of illusion. [133]

kẻ cuồng tín, những người theo lý tưởng mơ hồ, những kẻ áp đặt ý tưởng theo cách mình nắm bắt với tính tàn bạo, những người nam và nữ nhất tâm nhưng hẹp hòi, tìm cách biểu hiện cách *họ* diễn giải ý tưởng của Thượng đế, và những người có tầm nhìn nhưng bị giới hạn, bó hẹp. Việc hình dung thực tại đầy ảo tưởng như thế và việc trình bày ý tưởng theo tầm nhìn như thế vừa là niềm kiêu hãnh vừa là tai họa của thế giới. Đó là một trong những yếu tố đã đưa thế giới hiện đại của chúng ta đến tình cảnh đáng buồn này; và chính vì sự lạm dụng năng lực thiêng liêng tiếp xúc với ý tưởng rồi chuyển đổi nó thành lý tưởng mà thế giới ngày nay đang đau khổ—có lẽ không thể tránh khỏi. Việc áp đặt những ý tưởng do con người diễn giải bằng trí tuệ này dưới hình thức các hệ tư tưởng giới hạn đã gây tác động đáng buồn lên con người. Họ cần học cách thâm nhập vào ý tưởng chân thực nằm sau lý tưởng của mình và diễn giải nó chính xác trong ánh sáng của linh hồn, đồng thời sử dụng những phương pháp có sự bảo đảm và chuẩn thuận của TÌNH THƯƠNG. Chẳng hạn, không phải là ảo tưởng khi cho rằng ý tưởng thể hiện trong phát biểu "mọi người đều bình đẳng" là một sự thật cần được nhấn mạnh. Những người có khuynh hướng dân chủ đã nắm lấy ý tưởng này. Quả thật, đó là một phát biểu về sự thật, nhưng khi không xét đến những ý tưởng cũng quan trọng không kém về tiến hoá, về các thuộc tính của nhân loại, và về những đặc điểm quốc gia và tôn giáo, thì ý tưởng căn bản ấy chỉ được áp dụng một cách giới hạn. Từ đó xuất hiện những hệ thống tư tưởng bị áp đặt trong thời hiện đại và hiện nay, cùng sự gia tăng nhanh chóng của các ảo tưởng về hệ tư tưởng, dù mỗi ảo tưởng ấy, không có bất kỳ ngoại lệ nào, đều dựa trên một ý tưởng chân thực. Cũng không phải là ảo tưởng khi cho rằng sự phát triển tâm thức Đức Christ là mục tiêu của gia đình nhân loại; nhưng khi điều này được diễn giải theo tôn giáo mang tính áp đặt quyền uy, và do

những người mà tâm thức Đức Christ chưa phát triển diễn giải, nó chỉ trở thành một khái niệm đẹp đẽ, và thường là một động lực tàn bạo, do đó lập tức đi vào lĩnh vực ảo tưởng. [133]

[Webinar 138] – [Webinar 138]

I cite these two illustrations, out of many possible ones, so that you may realise how illusions come, how they develop and how they must eventually disappear; thus you can achieve some standard of comparison whereby to grasp the relative value of the true and the false, of the immediately temporal and the basic eternality of the real.

Tôi nêu hai minh họa này trong số nhiều minh họa có thể có, để các bạn nhận ra ảo tưởng xuất hiện như thế nào, phát triển ra sao và cuối cùng phải biến mất thế nào; nhờ đó, các bạn có thể đạt được một chuẩn mực so sánh để nắm bắt giá trị tương đối của cái thật và cái giả, của cái nhất thời trước mắt và tính vĩnh cửu căn bản của cái thực.

It will, therefore, be apparent to you that the lower or concrete levels of the mental plane will have acquired or accumulated—down the ages—a vast number of ideas, which have been formulated as ideals, clothed in mental matter, nourished by the vitality of those who have recognised as much of the truth of the idea as they are capable of expressing and who have given to these ideals the emphasis of their thoughtform-making faculty and their directed attention, which necessarily implies the energising of the limited formulated ideal because—as you know—energy follows thought.

Vì vậy, các bạn sẽ thấy rõ rằng các cấp độ thấp hay cụ thể của cõi trí đã thu nhận hoặc tích lũy—qua nhiều thời đại—một số lượng ý tưởng khổng lồ. Những ý tưởng này đã được trình bày thành các lý tưởng, khoác lấy vật chất trí tuệ, được nuôi dưỡng bằng sinh lực của những người đã nhận biết phần chân lý của ý tưởng trong chừng mực họ có khả năng biểu hiện, và đã nhấn mạnh các lý tưởng này bằng năng lực tạo hình tư tưởng cùng sự chú ý có định hướng của mình. Điều đó tất yếu hàm ý việc tiếp năng lượng cho lý tưởng giới hạn đã được định hình, vì—như các bạn biết—năng lượng đi theo tư tưởng.

These forms of thought become objectives towards which the subjective reality, man, reaches and with which he identifies himself for long periods of time; into them, he projects himself, thus vitalising them and giving them life and persistence. They become part of him; they condition his reactions and activities; they feed his desire nature and consequently assume undue importance, creating a barrier (of varying density, according to the extent of the identification) between the man in

Những hình tư tưởng này trở thành các mục tiêu mà thực tại chủ quan, tức con người, vươn tới và đồng hoá với trong những thời gian dài; y phóng chiếu mình vào chúng, nhờ đó tiếp sinh lực, ban cho chúng sự sống và sức tồn tại bền bỉ. Chúng trở thành một phần của y; chúng định hình các phản ứng và hoạt động của y; chúng nuôi dưỡng bản chất dục vọng của y và do đó trở nên quan trọng quá mức, tạo ra một rào chắn (có độ đậm đặc khác nhau, tùy theo mức độ đồng

incarnation and the reality which is his true Being.

There is no need for me here to itemise any of these prevailing thoughtforms and aspects of intellectual and mental illusion. I would not have you think for a moment that the embodied idea, which we call an ideal, is in itself an illusion. It only becomes so when it is regarded as an end in itself instead of being what it essentially is, a means to an end. An ideal, rightly grasped and used, provides a temporary [134] aid towards the attainment of immediate and imminent reality which it is the goal of the man or the race, at any particular time, to reach. The idea before the race today is the re-establishing (upon a higher turn of the spiral) of that spiritual relationship which characterised the race in its child state, in its primitive condition. Then, under the wise guidance and the paternalistic attitude of the Hierarchy and the initiate-priests of the time, men knew themselves to be one family —a family of brothers—and achieved this through a feeling and a developed sensuous perception. Today, under the name of *Brotherhood*, the same idea is seeking *mental* form and the establishment of a renewed spiritual relationship (the idea) through training in right human relations (the ideal). This is the immediate goal of humanity.

hoá) giữa con người đang lâm phàm và thực tại vốn là Bản Thể chân thực của y.

Ở đây, Tôi không cần liệt kê bất kỳ hình tư tưởng thịnh hành nào hay phương diện nào của ảo tưởng thuộc trí năng và trí tuệ. Tôi không muốn các bạn dù chỉ trong chốc lát nghĩ rằng ý tưởng đã hiện thân, mà chúng ta gọi là lý tưởng, chính nó là một ảo tưởng. Nó chỉ trở thành ảo tưởng khi được xem là mục đích tự nó, thay vì là điều mà nó vốn có trong bản chất: một phương tiện để đạt mục đích. Một lý tưởng, khi được nắm bắt và sử dụng đúng đắn, đem lại sự trợ giúp tạm thời [134] để đạt tới thực tại trước mắt và sắp hiện hữu, mà con người hoặc nhân loại hướng tới như mục tiêu ở bất kỳ thời điểm cụ thể nào. Ý tưởng đặt trước nhân loại ngày nay là tái lập (trên một vòng xoắn ốc cao hơn) mối quan hệ tinh thần từng là đặc trưng của nhân loại trong thời thơ ấu, trong tình trạng nguyên sơ. Khi ấy, dưới sự hướng dẫn minh triết và thái độ dìu dắt như người cha của Thánh đoàn cùng các tư tế–điểm đạo đồ đương thời, con người biết mình thuộc về một gia đình—một gia đình gồm các huynh đệ—và đạt được điều này qua cảm nhận cùng tri giác giác quan đã phát triển. Ngày nay, dưới tên gọi *Tình Huynh Đệ*, chính ý tưởng ấy đang tìm kiếm hình tướng *trí tuệ* và sự thiết lập một mối quan hệ tinh thần được đổi mới (ý tưởng) thông qua việc huấn luyện các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người (lý tưởng). Đây là mục tiêu trước mắt của nhân loại.

[Webinar 139] – [Webinar 139]

This result will be inevitably brought about by means of the cycle of necessity through which we are now passing and the dimly sensed idea will—as a result of dire necessity —impose its rhythm upon the race and thus force the realisation of true Being upon all

Kết quả này tất yếu sẽ xuất hiện nhờ chu kỳ tất yếu mà chúng ta hiện đang trải qua; và ý tưởng được cảm nhận lờ mờ ấy—do nhu cầu cấp bách—sẽ áp đặt nhịp điệu của nó lên nhân loại, qua đó buộc mọi người nhận biết Bản Thể chân thực. Nếu nghiên cứu kỹ nền

men. If a close study is made of the basic foundation of all the ideologies without excepting any, it will be discovered that this idea of integral relationships (often distorted in presentation and hidden through wrong methods), of spiritual objectives and of definite positive brotherly activity lies behind every outer form. I have used the current situation as an illustration of *the idea* taking form as *the ideal* and, alas, brother of mine, oft becoming *the idol* and the fanatical misunderstood and over-emphasised goal of the masses, under the guidance of some pronounced idealist. An ideal is a *temporary* expression of a basic idea; it is not intended to be permanent but simply to serve a need and to indicate a way out of the past into a more adequate future. All the present ideals, expressing themselves through the current ideologies, will serve their [135] purpose and eventually pass away, as all else has passed in the history of the race and will give place, eventually, to *a recognised spiritual relationship, a subjective fellowship, as a defined and expressed brotherhood*. These will produce, when sufficiently developed and understood, a form of control and guidance and a species of government which it is not possible for even advanced thinkers at this time to grasp.

tảng căn bản của tất cả các hệ tư tưởng, không trừ một hệ nào, người ta sẽ phát hiện rằng đằng sau mọi hình tướng bên ngoài đều có ý tưởng này về các mối quan hệ toàn vẹn (thường bị bóp méo trong cách trình bày và bị che khuất qua những phương pháp sai lầm), về các mục tiêu tinh thần và về hoạt động huynh đệ rõ ràng, tích cực. Tôi đã dùng tình hình hiện nay để minh họa cho *ý tưởng* đang thành hình như *lý tưởng* và, than ôi, huynh đệ của Tôi, thường trở thành *thần tượng* và mục tiêu cuồng tín, bị hiểu sai và nhấn mạnh quá mức của quần chúng, dưới sự hướng dẫn của một người theo lý tưởng nổi bật nào đó. Một lý tưởng là sự biểu hiện *tạm thời* của một ý tưởng căn bản; nó không nhằm tồn tại vĩnh viễn, mà chỉ nhằm đáp ứng một nhu cầu và chỉ ra con đường thoát khỏi quá khứ để bước vào một tương lai thích hợp hơn. Mọi lý tưởng hiện nay, đang biểu hiện qua các hệ tư tưởng đương thời, sẽ hoàn thành [135] mục đích của chúng và cuối cùng sẽ qua đi, như mọi điều khác đã qua đi trong lịch sử nhân loại; cuối cùng, chúng sẽ nhường chỗ cho *một mối quan hệ tinh thần được nhận biết, một tình thân hữu chủ quan, dưới hình thức một tình huynh đệ được xác định và biểu hiện*. Khi phát triển đầy đủ và được thấu hiểu, những điều này sẽ tạo ra một hình thức kiểm soát và hướng dẫn, cùng một kiểu quản trị mà ngay cả các nhà tư tưởng tiến bộ hiện nay cũng không thể nắm bắt.

When ideals and mental concepts and formulated thoughtforms dominate the mind of an individual, a race or humanity in general, to the exclusion of all perspective or vision and to the shutting out of the real, then they constitute an illusion for as long as they control the mind and method of life. They prevent the free play of the intuition, with its real power to reveal the immediate future; they frequently exclude in their expression the basic principle of the solar

Khi các lý tưởng, các khái niệm trí tuệ và những hình tư tưởng đã được định hình chi phối thể trí của một cá nhân, một dân tộc hoặc nhân loại nói chung, loại trừ mọi góc nhìn hay tầm nhìn và ngăn cái thực ở bên ngoài, thì chúng tạo thành một ảo tưởng chừng nào còn kiểm soát thể trí và cách sống. Chúng ngăn cản sự vận hành tự do của trực giác, với quyền năng thực sự mặc khải tương lai trước mắt; trong sự biểu hiện của mình, chúng thường loại trừ nguyên khí căn

system, Love, through the imposed control of some secondary and temporary principle; they can thus constitute a "forbidding dark cloud of rain" which serves to hide from view the "raincloud of knowable things" (to which Patanjali refers in his final book)—that cloud of wisdom which hovers over the lower mental plane and which can be tapped and used by students and aspirants through the free play of the intuition.

bản của hệ mặt trời, Tình thương, bằng sự kiểm soát áp đặt của một nguyên khí thứ yếu và tạm thời nào đó; do vậy, chúng có thể tạo thành một "đám mây mưa đen tối đáng sợ", che khuất "đám mây mưa của những điều khả tri" (mà Patanjali đề cập trong quyển cuối cùng của mình)—đám mây minh triết lơ lửng trên cõi hạ trí, mà các đạo sinh và người chí nguyện có thể khai thác, sử dụng nhờ sự vận hành tự do của trực giác.

[Webinar 140] – [Webinar 140]

Let us now consider the *intuition,* which is the opposite of illusion, remembering that illusion imprisons a man upon the mental plane and surrounds him entirely with man-made thoughtforms, barring out escape into the higher realms of awareness or into that loving service which must be given in the lower worlds of conscious, manifested effort.

Giờ đây, chúng ta hãy xét *trực giác,* vốn đối lập với ảo tưởng, và nhớ rằng ảo tưởng giam hãm con người trên cõi trí, bao quanh y hoàn toàn bằng những hình tư tưởng do con người tạo ra, ngăn y thoát lên những lĩnh vực nhận biết cao hơn hoặc bước vào việc phụng sự đầy tình thương phải được thực hiện trong các cõi thấp của nỗ lực hữu thức đã biểu hiện.

The major point I would seek to make here is that the intuition is the source or the bestower of revelation. Through the intuition, progressive understanding of the ways of God in the world and on behalf of humanity are [136] revealed; through the intuition, the transcendence and the immanence of God is sequentially grasped and man can enter into that pure knowledge, that inspired reason, which will enable him to comprehend not only the processes of nature in its fivefold divine expression but also the underlying causes of these processes, proving them effects and not initiatory events; through the intuition man arrives at the experience of the kingdom of God, and discovers the nature, the type of lives and of phenomena, and the characteristics of the Sons of God as They come into manifestation. Through the intuition, some of the plans and purposes

Điểm chính Tôi muốn nêu ở đây là trực giác chính là nguồn hoặc tác nhân ban phát sự mặc khải. Qua trực giác, sự thấu hiểu ngày càng sâu về những cách thức Thượng đế hoạt động trong thế giới và vì nhân loại [136] được mặc khải; qua trực giác, con người lần lượt nắm bắt tính siêu việt và tính nội tại của Thượng đế, và có thể đi vào tri thức thuần khiết, lý trí được cảm hứng ấy, nhờ đó thấu hiểu không chỉ các tiến trình của tự nhiên trong sự biểu hiện thiêng liêng ngũ phân, mà còn cả những nguyên nhân nền tảng của các tiến trình này, chứng tỏ chúng là những kết quả chứ không phải những sự kiện khởi phát; qua trực giác, con người đạt tới trải nghiệm về Thiên Giới, khám phá bản chất, các loại sự sống và hiện tượng, cùng những đặc điểm của các Con của Thượng đế khi Các Ngài đi vào biểu hiện. Qua trực giác, y nhận biết một số Thiên Cơ và mục đích đang triển khai qua các thế giới

working out through the manifested created worlds are brought to his attention, and he is shown in what way he and the rest of humanity can cooperate and hasten the divine purpose; through the intuition, the laws of the spiritual life, which are the laws governing God Himself, conditioning Shamballa, and guiding the Hierarchy, are brought to his notice progressively and as he proves capable of appreciating them and working them.

thụ tạo đã biểu hiện, và thấy cách mình cùng phần còn lại của nhân loại có thể hợp tác, đẩy nhanh sự thực hiện Thiên Ý; qua trực giác, các định luật của đời sống tinh thần—những định luật chi phối chính Thượng đế, định hình Shamballa và hướng dẫn Thánh đoàn—dần dần được đưa vào tầm nhận biết của y, khi y chứng tỏ khả năng lĩnh hội và vận dụng chúng.

Four types of people are subject to revelation through the awakening of the intuition:

Bốn loại người đón nhận sự mặc khải thông qua sự thức tỉnh trực giác:

1. Those on the line of the world saviours. These touch and sense the divine plan and are pledged to service, and to work for the salvation of humanity. They are found expressing different and varying degrees of realisation, stretching all the way from the man who seeks to reveal divinity in his own life and to his immediate small circle (through the medium of the changes and effects wrought in his personal life) to those great Intuitives and world Saviours, such as the Christ. The former is motivated in all probability by some one intuitive crisis which entirely remade him and gave him a new sense of values; the latter can, at will, rise into the world of intuitive perception and [137] values and there ascertain the will of God and a wide vision of the Plan. Such great Representatives of Deity have the freedom of the Holy City (Shamballa) and of the New Jerusalem (the Hierarchy). They are thus unique in their contacts and there have been relatively few of Them as yet.

1. Những người đi theo đường hướng của các đấng cứu thế. Những người này tiếp xúc và cảm nhận Thiên Cơ, cam kết phụng sự và làm việc để cứu độ nhân loại. Họ biểu hiện những mức độ chứng nghiệm khác nhau, trải suốt từ người tìm cách mặc khải thiên tính trong đời sống của mình và cho nhóm nhỏ gần gũi quanh mình (thông qua những thay đổi và tác động diễn ra trong đời sống cá nhân), đến những Đấng có Trực Giác vĩ đại và những Đấng Cứu Thế như Đức Christ. Người thuộc loại thứ nhất rất có thể được thúc đẩy bởi một cuộc khủng hoảng trực giác nào đó, đã hoàn toàn đổi mới y và đem lại cho y một ý thức mới về các giá trị; những Đấng thuộc loại thứ hai có thể tùy ý vươn lên thế giới của tri giác trực giác và [137] các giá trị, và tại đó xác định Ý Chí của Thượng Đế cùng một tầm nhìn rộng lớn về Thiên Cơ. Những Vị Đại Diện vĩ đại như thế của Thượng đế có quyền tự do ra vào Thánh Đô (Shamballa) và Jerusalem Mới (Thánh đoàn). Vì vậy, Các Ngài độc đáo trong những mối tiếp xúc của mình, và cho đến nay số lượng Các Ngài còn tương đối ít.

2. Those who are on the line of the prophets. These touch the Plan at high intuitive moments and know what the immediate future holds. I do not refer here to the Hebrew prophets, so familiar to the West, but to all who see clearly what should be done to lead humanity out of darkness into light, beginning with the situation as it is and looking forward into a future of divine consummation. They have a clear picture in their minds of what is possible to accomplish, and the power to point it out to the people of their time. They necessarily range all the way from those who have a relatively clear vision of the cosmic picture and objectives to those who simply see the next step ahead for the race or the nation. Isaiah and Ezekiel are the only two of the Hebrew prophets who had true prophetic and cosmic vision. The others were small, but intelligent men who, from analysis and deduction, assessed the immediate future and indicated immediate possibilities. They had no direct revealing intuition. In the *New Testament*, John, the beloved disciple, was privileged to gain a cosmic picture and a true prophetic vision which he embodied in the Apocalypse, but he is the only one who so achieved and he achieved because he loved so deeply, so wisely and so inclusively. His intuition was evoked through the depth and intensity of his love—as it was in his Master, the Christ.

2. Những người đi theo đường hướng của các nhà tiên tri. Những người này tiếp xúc với Thiên Cơ trong những thời khắc trực giác cao sâu và biết tương lai trước mắt chứa đựng điều gì. Ở đây, Tôi không nói đến các nhà tiên tri Do Thái vốn rất quen thuộc với phương Tây, mà nói đến tất cả những người thấy rõ cần làm gì để dẫn nhân loại ra khỏi bóng tối, bước vào ánh sáng, bắt đầu từ tình hình thực tế và hướng tới một tương lai thành tựu thiêng liêng trọn vẹn. Trong thể trí, họ có một hình ảnh rõ ràng về những gì có thể thực hiện, cùng quyền năng chỉ ra điều đó cho người đương thời. Họ tất yếu trải suốt từ những người có tầm nhìn tương đối rõ về bức tranh và các mục tiêu vũ trụ, đến những người chỉ đơn giản thấy bước tiếp theo trước mắt của nhân loại hoặc quốc gia. Isaiah và Ezekiel là hai nhà tiên tri Do Thái duy nhất có tầm nhìn tiên tri và vũ trụ chân thực. Những người khác là những người có tầm vóc nhỏ bé nhưng thông minh; qua phân tích và suy luận, họ đánh giá tương lai trước mắt và chỉ ra những khả năng trước mắt. Họ không có trực giác mặc khải trực tiếp. Trong *Tân Ước*, Gioan, người đệ tử được yêu thương, có đặc ân đạt được một bức tranh vũ trụ và một tầm nhìn tiên tri chân thực, mà y thể hiện trong sách Khải Huyền; nhưng y là người duy nhất đạt được như vậy, và y đạt được vì đã yêu thương sâu sắc, minh triết và bao gồm đến thế. Trực giác của y được khơi dậy qua chiều sâu và cường độ tình thương—cũng như nơi Chân sư của y, Đức Christ.

3. Those who are the true priests. They are priests by spiritual calling and not by choice. It is the misunderstanding of the province and duties of a priest which has led all the Churches (in the East and in the West) to their disastrous [138] authoritarian

3. Những người là các tư tế chân chính. Họ là tư tế do tiếng gọi tinh thần, chứ không do lựa chọn. Chính sự hiểu sai về phạm vi và bổn phận của một tư tế đã dẫn mọi Giáo hội (ở phương Đông và phương Tây) đến lập trường [138] độc đoán tai hại. Phần lớn hàng

position. The love of God, and the true spiritual incentive which recognises God immanent in all nature and peculiarly expressing that divinity in man, is lacking in the bulk of the priesthood in all the world religions. Love is not the guide, the indicator and the interpreter. Hence the dogmatism of the theologian, his ridiculous and profound assurances of correct interpretation, and his oft-times cruelty, cloaked by his claim of right principles and good intentions. But the true priest exists and is found in all religions. He is the friend and the brother of all and, because he loves deeply, wisdom is his and (if he is of a mental type and training) his intuition is awakened and revelation is his reward. Ponder on this. The true priest is rare and is not found only in the so-called "holy orders".

tư tế trong mọi tôn giáo trên thế giới thiếu tình thương đối với Thượng đế và thiếu động lực tinh thần chân thực vốn nhận biết Thượng đế nội tại trong toàn bộ tự nhiên, biểu hiện thiên tính ấy một cách đặc biệt nơi con người. Tình thương không phải là yếu tố hướng dẫn, chỉ đường và diễn giải. Từ đó nảy sinh tính giáo điều của nhà thần học, những lời quả quyết vừa nực cười vừa hết sức chắc chắn của y về cách diễn giải đúng đắn, cùng sự tàn nhẫn thường thấy, được che đậy bằng lời khẳng định rằng y có những nguyên khí đúng đắn và ý định tốt đẹp. Nhưng tư tế chân chính vẫn tồn tại và có mặt trong mọi tôn giáo. Y là bạn và huynh đệ của tất cả mọi người; vì yêu thương sâu sắc, y có minh triết, và (nếu thuộc loại trí tuệ và được đào luyện về trí tuệ) trực giác của y thức tỉnh, còn sự mặc khải là phần thưởng dành cho y. Hãy suy ngẫm điều này. Tư tế chân chính rất hiếm và không chỉ có trong cái gọi là "hàng giáo phẩm".

4. Those who are the practical mystics or occultists. These, by virtue of a disciplined life, an ardent aspiration, and a trained intellect, have succeeded in evoking the intuition and are, therefore, personally in touch with the true source of divine wisdom. This, it is their function to interpret and to formulate into temporary systems of knowledge. There are many such, working patiently today in the world, unrecognised and unsought by the unthinking. Their need today is to "assemble themselves" in this hour of the world need and so let their voice be clearly heard. These people are resolving the sense of duality into a known unity, and their preoccupation with reality and their deep love of humanity have released the intuition. When this release has taken place, no barriers are felt and true knowledge as a result of revealed

4. Những người là các nhà thần bí hoặc nhà huyền bí học thực hành. Nhờ một đời sống có kỷ luật, khát vọng nhiệt thành và trí năng được rèn luyện, những người này đã thành công trong việc khơi dậy trực giác, và do đó trực tiếp tiếp xúc với nguồn minh triết thiêng liêng chân thực. Chức năng của họ là diễn giải minh triết ấy và trình bày nó thành những hệ thống tri thức tạm thời. Ngày nay, có nhiều người như vậy đang kiên nhẫn làm việc trên thế giới, không được những người thiếu suy nghĩ nhận biết hoặc tìm đến. Điều họ cần làm hiện nay là "tập hợp lại" trong giờ phút thế giới đang cần này, để tiếng nói của họ được nghe rõ. Những người này đang giải quyết cảm nhận về nhị nguyên thành một sự hợp nhất đã được nhận biết; sự chuyên tâm vào thực tại và tình thương sâu sắc đối với nhân loại của họ đã giải phóng trực giác. Khi sự giải phóng này diễn ra, họ không còn cảm thấy rào chắn nào, và tri thức chân thực, kết quả của minh triết được mặc khải,

wisdom is the gift which such people have, to give to their race and time.

These are the four groups who are exchanging illusion for the intuition. This is the initial resolution of the pairs of opposites, for there is no such resolution without the aid of the intellect, because the intellect—through analysis, discrimination [139] and right reasoning—indicates what should be done.

b. The Contrast between Glamour and Illumination

One of the aptest symbols by which one can gather some picture of the nature of glamour is to picture the astral plane on three of its levels (the second, third and fourth, counting from the top downwards) as a land shrouded in a thick fog of varying densities. The ordinary light of the ordinary man, which is similar to the headlights of a car and their self-sufficient blaze, serves only to intensify the problem and fails to penetrate into the mists and the fog. It simply throws it into relief so that its density and its deterring effects become the more apparent. The condition of fog is revealed—but that is all. So it is on the astral plane in relation to glamour; the light which is in man, self-induced and self-generated, fails ever to penetrate into or to dissipate the gloom and the foggy miasmic conditions. The only light which can dissipate the fogs of glamour and rid the life of its ill effects is that of the soul, which—like a pure dispelling beam—possesses the curious and unique quality of revelation, of immediate dissipation, and of illumination. The revelation vouchsafed is different to that of the intuition for it is the revelation of that which the glamour veils and hides, which is a revelation unique to the astral plane and

là món quà họ có để trao cho nhân loại và thời đại của mình.

Đây là bốn nhóm đang thay thế ảo tưởng bằng trực giác. Đây là sự giải quyết ban đầu các cặp đối cực, vì không thể có sự giải quyết như thế nếu thiếu sự trợ giúp của trí năng, bởi trí năng—thông qua phân tích, phân biện [139] và lập luận đúng đắn—chỉ ra những gì cần làm.

b. Sự Tương Phản giữa Ảo Cảm và Soi Sáng

Một trong những biểu tượng thích hợp nhất để hình dung phần nào bản chất của ảo cảm là hình dung cõi cảm dục, trên ba cấp độ của nó (thứ hai, thứ ba và thứ tư, tính từ trên xuống), như một vùng đất phủ trong màn sương mù dày đặc với những mật độ khác nhau. Ánh sáng thông thường của người bình thường, tương tự đèn pha của một chiếc xe cùng luồng sáng tự đủ của chúng, chỉ làm vấn đề trầm trọng hơn và không xuyên thấu được màn sương và sương mù. Nó chỉ làm màn sương nổi bật lên, khiến độ dày và tác động cản trở của màn sương càng rõ rệt. Tình trạng sương mù được phơi bày—nhưng chỉ có thế. Trên cõi cảm dục, đối với ảo cảm cũng vậy; ánh sáng trong con người, do chính y khơi dậy và tạo ra, không bao giờ xuyên thấu hoặc làm tiêu tan bóng tối và những tình trạng mù sương đầy khí độc. Ánh sáng duy nhất có thể làm tiêu tan sương mù của ảo cảm và loại bỏ những tác động xấu của nó khỏi đời sống là ánh sáng của linh hồn; ánh sáng ấy—như một tia sáng thuần khiết có sức xua tan—mang phẩm tính kỳ lạ và độc đáo của sự mặc khải, sự làm tiêu tan tức thời và sự soi sáng. Sự mặc khải được ban cho khác với sự mặc khải của trực giác, vì đó là sự mặc khải những gì ảo cảm che phủ và giấu kín; đây là sự mặc khải riêng

conditioned by its laws. This particular utilisation of soul light takes the form of a focussed concentration of the light (emanating from the soul, via the mind) upon the state of glamour—particular or specific, or general and world-wide—so that the nature of the glamour is revealed, its quality and basis is discovered, and its power is brought to an end by a steady, prolonged period of concentration which is given to the dispelling of the condition.

biệt của cõi cảm dục và chịu tác động của các định luật cõi ấy. Cách sử dụng đặc biệt này đối với ánh sáng linh hồn mang hình thức tập trung ánh sáng (phát xạ từ linh hồn, qua thể trí) vào tình trạng ảo cảm—riêng biệt hoặc cụ thể, hay tổng quát và toàn thế giới—để bản chất của ảo cảm hiển lộ, phẩm tính và nền tảng của nó được khám phá, và quyền lực của nó chấm dứt nhờ một thời gian tập trung kiên định, kéo dài, dành cho việc xua tan tình trạng ấy.

[140] In our next section we will deal in detail with the technique of this scientific use of light and, therefore, I will not elaborate the theme at this point. I will only deal with that much of it as will enable you, as a group, to begin your long awaited work upon the problem of dispelling the present world glamour—at least in some of its aspects. I am not defining glamour in this place or giving you instances of its activity as I did in the case of illusion and its contrasting correspondence, the intuition, because I covered the ground very thoroughly in the section immediately preceding, and you have only to refer to that section to read all that I am prepared to give you at this time.

[140] Trong phần tiếp theo, chúng ta sẽ bàn chi tiết về kỹ thuật sử dụng ánh sáng một cách khoa học này, nên ở đây Tôi sẽ không triển khai thêm chủ đề ấy. Tôi sẽ chỉ bàn đến phần đủ để các bạn, với tư cách một nhóm, bắt đầu công việc đã mong đợi từ lâu là xua tan ảo cảm thế giới hiện nay—ít nhất trong một số phương diện của nó. Ở đây, Tôi không định nghĩa ảo cảm hay đưa ra những ví dụ về hoạt động của nó như đã làm với ảo tưởng và đối phần tương phản của nó, trực giác, vì Tôi đã trình bày vấn đề rất kỹ trong phần ngay trước đó; các bạn chỉ cần tham khảo phần ấy để đọc tất cả những gì Tôi sẵn sàng cung cấp cho các bạn vào lúc này.

I will, however, briefly define *illumination*, asking you to bear in mind that we are not here dealing with the illumination which reveals Reality, or the nature of the soul or which makes clear to your vision the kingdom of the soul, but with that form of illumination which is thrown down by the soul into the world of the astral plane. This involves the conscious use of light and its employment, first of all, as a searchlight, scanning the astral horizon and localising the glamour which is causing the trouble, and secondly, as a focussed distribution of light, turned with intention upon that area

Tuy nhiên, Tôi sẽ định nghĩa ngắn gọn *sự soi sáng*, và đề nghị các bạn nhớ rằng ở đây chúng ta không bàn về sự soi sáng mặc khải Thực Tại hay bản chất của linh hồn, hoặc làm cho giới linh hồn trở nên rõ ràng trước tầm nhìn của các bạn, mà bàn về hình thức soi sáng do linh hồn chiếu xuống thế giới của cõi cảm dục. Điều này bao hàm việc sử dụng ánh sáng một cách hữu thức: trước hết, dùng nó như một đèn rọi, quét qua chân trời cảm dục và xác định vị trí của ảo cảm đang gây khó khăn; thứ hai, dùng nó như một sự phân bố ánh sáng có tiêu điểm, có chủ đích hướng vào khu vực trên cõi cảm dục nơi dự

of the astral plane wherein it is proposed that some effort be made to dissipate the fog and mist which are there concentrated.

định thực hiện một nỗ lực để làm tiêu tan sương mù và màn sương đang tập trung ở đó.

Certain basic premises are, therefore, in order and these might be stated as follows:

Vì vậy, cần nêu một số tiền đề căn bản, có thể trình bày như sau:

1. The quality and the major characteristic of the soul is light. Therefore, if that light is to be used and that quality expressed by the disciple and the worker, he must first of all achieve a recognised contact with the soul through meditation.

1. Phẩm tính và đặc điểm chủ yếu của linh hồn là ánh sáng. Do đó, nếu người đệ tử và người hoạt động muốn sử dụng ánh sáng ấy và biểu hiện phẩm tính ấy, trước hết y phải đạt được sự tiếp xúc với linh hồn mà y nhận biết rõ, thông qua tham thiền.

2. The quality of the astral plane—its major characteristic—[141] is glamour. It is the field whereon the great battle of the pairs of opposites must be fought as they are the expression of ancient desire, in the one case —glamorous, deceptive and false—and in the other, high spiritual longing for that which is real and true. It should be here remembered that astral desire, wrong and selfish emotion and astral reactions to the facts of daily life, are not natural to the soul and constitute eventually a condition which serves to veil successfully the true nature of the spiritual man.

2. Phẩm tính của cõi cảm dục—đặc điểm chủ yếu của nó—[141] là ảo cảm. Đây là chiến trường nơi phải diễn ra cuộc chiến lớn giữa các cặp đối cực, vì một phía là sự biểu hiện của dục vọng cổ xưa—đầy ảo cảm, lừa dối và sai lạc—còn phía kia là niềm khao khát tinh thần cao cả đối với cái thực và cái chân. Ở đây, cần nhớ rằng dục vọng cảm dục, cảm xúc sai lầm và ích kỷ, cùng các phản ứng cảm dục trước những sự kiện của đời sống hằng ngày không thuộc bản chất tự nhiên của linh hồn, và cuối cùng tạo thành một tình trạng che phủ hữu hiệu bản chất chân thực của con người tinh thần.

3. A relation must then be established between the soul and the astral plane, via the astral body of the disciple. This astral body must be regarded by him as his response apparatus to the world of sensation and as the only instrument whereby his soul can contact that level of expression—temporary and non-lasting as it may be. The disciple must, therefore, establish contact with the soul and do this consciously and with the needed emphasis and so carry soul light to his own astral body, learn to focus it there in the solar plexus centre, and from that point of achievement proceed to work

3. Sau đó, phải thiết lập một mối quan hệ giữa linh hồn và cõi cảm dục, qua thể cảm dục của người đệ tử. Y phải xem thể cảm dục này là bộ máy đáp ứng của mình đối với thế giới cảm giác, và là công cụ duy nhất nhờ đó linh hồn của y có thể tiếp xúc với cấp độ biểu hiện ấy—dù cấp độ ấy có thể tạm thời và không bền vững. Vì vậy, người đệ tử phải thiết lập sự tiếp xúc với linh hồn, thực hiện điều này một cách hữu thức với sự chú trọng cần thiết, nhờ đó đưa ánh sáng linh hồn vào chính thể cảm dục của mình, học cách tập trung ánh sáng ấy tại trung tâm tùng thái dương, và từ thành tựu đó tiến tới làm việc

upon the astral plane at the arduous task of dispelling glamour.

trên cõi cảm dục với nhiệm vụ gian nan là xua tan ảo cảm.

4. When this line of contact has been made and the soul, the astral body and the astral plane have thus been intimately related, the disciple must carry the focussed light from the solar plexus (where it has been temporarily localised) to the heart centre. There he must steadily hold it and work consistently and perseveringly from that higher centre. I might here paraphrase an ancient instruction for disciples, which can be found in the Archives of the Hierarchy and which refers to this particular process. I am giving you a brief and somewhat inadequate paraphrase of this ancient symbolic wording: [142]

4. Khi đường tiếp xúc này đã được thiết lập và linh hồn, thể cảm dục cùng cõi cảm dục nhờ đó đã liên hệ mật thiết với nhau, đệ tử phải đưa ánh sáng đã tập trung từ tùng thái dương (nơi ánh sáng tạm thời khu trú) đến trung tâm tim. Tại đó, y phải giữ ánh sáng ổn định và làm việc nhất quán, kiên trì từ trung tâm cao hơn ấy. Ở đây, Tôi có thể diễn ý một huấn thị cổ dành cho các đệ tử, lưu trong Văn Khố của Thánh đoàn và đề cập đến tiến trình đặc biệt này. Tôi đưa ra cho các bạn một bản diễn ý ngắn gọn và phần nào chưa đầy đủ của lời văn biểu tượng cổ xưa ấy: [142]

"The disciple stands and, with his back to the glamorous fog, looks towards the East from whence the light must stream. Within his heart he gathers all the light available and from that point of power between the shoulder blades the light streams forth."

"Đệ tử đứng vững và, quay lưng về phía màn sương ảo cảm, nhìn về phương Đông, nơi ánh sáng phải tuôn đến. Trong tim mình, y tập hợp mọi ánh sáng sẵn có, và từ điểm quyền năng ấy giữa hai xương bả vai, ánh sáng tuôn ra."

5. The disciple must relinquish all sense of tension or of strain and must learn to work with pure faith and love. The less he feels and the less he is preoccupied with his own feelings or sense of achievement or of non-achievement, the more probable it will be that the work will proceed with effectiveness and the glamour be slowly dispelled. In this work there is no haste. That which is very ancient cannot be immediately dispelled no matter how good the intention or how accurate may be the grasp of the needed technique.

5. Đệ tử phải buông bỏ mọi cảm giác căng thẳng hay gắng sức và phải học cách làm việc với đức tin và tình thương thuần khiết. Y càng ít cảm nhận và càng ít bận tâm đến những cảm xúc của mình hay cảm giác thành tựu hoặc không thành tựu, thì công việc càng có khả năng tiến hành hiệu quả và ảo cảm càng có khả năng dần dần được xua tan. Trong công việc này, không có sự vội vã. Những gì đã tồn tại từ rất xa xưa không thể lập tức bị xua tan, dù ý định tốt đẹp đến đâu hay sự nắm bắt kỹ thuật cần thiết chính xác đến mức nào.

It will be apparent to you that there are elements of danger in this work. Unless the members of the group are exceedingly watchful and unless they cultivate the habit

Các bạn sẽ thấy rõ rằng công việc này có những yếu tố nguy hiểm. Trừ khi các thành viên của nhóm hết sức cảnh giác và vun bồi thói quen quan sát cẩn thận, họ có thể chịu

of careful observation, they may suffer from over-stimulation of the solar plexus until such time as they have mastered the process of rapidly transferring the light of the soul, focussed in the solar plexus, and the innate light of the astral body, also found localised in that centre, into the heart centre between the shoulder blades. I would, therefore, warn each and all of you to proceed with the utmost care and I would caution you that if you suffer any solar plexus disturbance or encounter in yourselves any increased emotional instability, to be not unduly disturbed. I would ask you to regard the phenomenon of disturbance as simply a temporary difficulty, incident upon the service which you are seeking to render. If you pay this intelligent attention to the matter and no more, refusing to be distressed or to be disturbed, no bad results will be felt.

sự kích thích quá mức ở tùng thái dương, cho đến khi làm chủ được tiến trình nhanh chóng chuyển ánh sáng của linh hồn, vốn tập trung ở tùng thái dương, cùng ánh sáng vốn có của thể cảm dục, cũng khu trú tại trung tâm ấy, vào trung tâm tim giữa hai xương bả vai. Vì vậy, Tôi muốn cảnh báo từng người và tất cả các bạn hãy tiến hành hết sức thận trọng, đồng thời nhắc các bạn rằng nếu gặp bất kỳ sự rối loạn nào ở tùng thái dương hoặc nhận thấy sự bất ổn cảm xúc gia tăng trong bản thân, thì đừng quá lo lắng. Tôi yêu cầu các bạn xem hiện tượng rối loạn ấy chỉ là một khó khăn tạm thời, phát sinh trong quá trình phụng sự mà các bạn đang tìm cách thực hiện. Nếu các bạn chú tâm một cách sáng suốt đến vấn đề này và không hơn thế, không để mình phiền muộn hay lo lắng, thì sẽ không có hậu quả xấu nào.

[143] In connection with your anticipated group work along these lines, you will proceed with your group meditation as indicated elsewhere (*Discipleship in the New Age, Volume I*, page 61), and then—when you have arrived at Stage III in the group meditation—you will work together as follows:

[143] Về công việc nhóm mà các bạn dự định thực hiện theo những đường hướng này, các bạn sẽ tiến hành bài tham thiền nhóm như đã chỉ dẫn ở nơi khác (*Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, Tập I*, trang 61), rồi—khi đã đến Giai đoạn III trong bài tham thiền nhóm—các bạn sẽ cùng làm việc như sau:

1. Having linked up with all your group brothers, then consciously carry out the hints given symbolically in the ancient writing which I paraphrased for you above.

1. Sau khi đã kết nối với tất cả các huynh đệ trong nhóm, hãy thực hiện một cách có ý thức những gợi ý được trình bày bằng biểu tượng trong văn bản cổ mà Tôi đã diễn ý cho các bạn ở trên.

a. Link up consciously with your soul and realise this linking as a fact.

a. Hãy kết nối một cách có ý thức với linh hồn của các bạn và nhận biết sự kết nối này là một sự thật.

b. Then carry the light of the soul, through the power of the creative imagination, direct to your astral body and from thence to the

b. Sau đó, nhờ quyền năng của sự tưởng tượng sáng tạo, hãy đưa ánh sáng của linh hồn trực tiếp đến thể cảm dục, rồi từ đó đến

solar plexus centre—which is the line of least resistance.

c. Then transfer the light of the soul and the innate light of the astral body from the solar plexus centre to the heart centre, by a definite act of the will.

2. Then, imaginatively, stand with your back to the world of glamour and with the eye of your mind focussed on the soul, whose nature is LOVE.

3. Let a few minutes' interlude then take place wherein you stabilise yourself for the work, and definitely and consciously focus the light available, from all sources, within the heart centre. Imagine that centre between the shoulder blades as a radiant sun. I might here point out that this is, in the individual, the microcosmic correspondence to the "heart of the Sun" which is always directed by the "central spiritual Sun," localised in the head. Get this picture clearly into your consciousness, for it involves the dual, yet synthetic, activity of the head and the heart. [144]

4. Then see a shaft of pure white light, broad and brilliant, pouring out of the heart centre between the shoulder blades, on to that localised glamour with which you, as a group, are dealing. What this localised area is, I will presently disclose.

5. When this is clearly defined in your mind and inspired by your desire and force, and when you have the entire symbolic picture clearly visualised, then see your particular shaft of light blended with the shafts of light which your group brothers are projecting. Thus a great flood of directed light coming from several trained aspirants (and are you

trung tâm tùng thái dương—đó là con đường ít trở ngại nhất.

c. Tiếp đó, bằng một hành động ý chí dứt khoát, hãy chuyển ánh sáng của linh hồn cùng ánh sáng vốn có của thể cảm dục từ trung tâm tùng thái dương đến trung tâm tim.

2. Sau đó, trong sự tưởng tượng, hãy đứng quay lưng về phía thế giới ảo cảm, với con mắt của thể trí tập trung vào linh hồn, mà bản chất là TÌNH THƯƠNG.

3. Tiếp đó, hãy dành một khoảng dừng vài phút để ổn định bản thân cho công việc, đồng thời tập trung một cách dứt khoát và có ý thức mọi ánh sáng sẵn có, từ tất cả các nguồn, vào trung tâm tim. Hãy tưởng tượng trung tâm ấy giữa hai xương bả vai như một mặt trời tỏa sáng. Ở đây, Tôi có thể chỉ ra rằng, trong mỗi cá nhân, đây là sự tương ứng ở tiểu thiên địa với "trái tim của Mặt Trời", vốn luôn chịu sự chỉ đạo của "Mặt trời Tinh thần Trung Ương", khu trú trong đầu. Hãy đưa hình ảnh này vào tâm thức các bạn thật rõ ràng, vì nó bao hàm hoạt động kép, nhưng mang tính tổng hợp, của đầu và tim. [144]

4. Sau đó, hãy thấy một luồng ánh sáng trắng thuần khiết, rộng và rực rỡ, tuôn ra từ trung tâm tim giữa hai xương bả vai, chiếu lên ảo cảm khu trú mà các bạn, với tư cách một nhóm, đang xử lý. Vùng khu trú ấy là gì, Tôi sẽ sớm tiết lộ.

5. Khi điều này đã được xác định rõ trong thể trí các bạn và được dục vọng cùng mãnh lực của các bạn khơi nguồn cảm hứng, và khi các bạn đã hình dung rõ toàn bộ hình ảnh biểu tượng, hãy thấy luồng ánh sáng riêng của mình hòa vào những luồng ánh sáng mà các huynh đệ trong nhóm đang phóng chiếu. Như vậy, một dòng ánh sáng lớn có định

trained, my brothers?) will pour on to that area of glamour with which you are supposed to deal.

hướng, đến từ nhiều người chí nguyện đã được huấn luyện (và Các huynh đệ của Tôi, các bạn đã được huấn luyện chưa?), sẽ tuôn lên vùng ảo cảm mà các bạn có nhiệm vụ xử lý.

6. Do this work for five carefully sustained minutes and then proceed as indicated in Stage IV of your meditation outline.

6. Hãy thực hiện công việc này trong năm phút, duy trì cẩn thận, rồi tiếp tục như chỉ dẫn ở Giai đoạn IV trong đề cương bài tham thiền của các bạn.

In defining *illumination* as the antithesis of glamour it is obvious that my remarks must necessarily be limited to certain aspects of illumination and will only concern those directed forms of work and those presentations of the problem which will concern the use of light upon the astral plane and particularly in connection with the work that you have pledged yourselves to do. There are many other definitions possible, for the light of the soul is like an immense searchlight, the beams of which can be turned in many directions and focussed on many levels. We are however only concerned here with its specialised use.

Khi định nghĩa *sự soi sáng* là điều đối nghịch với ảo cảm, rõ ràng những nhận xét của Tôi nhất thiết phải giới hạn ở một số phương diện của sự soi sáng và chỉ đề cập đến những hình thức công việc có định hướng cùng những cách trình bày vấn đề liên quan đến việc sử dụng ánh sáng trên cõi cảm dục, đặc biệt là trong mối liên hệ với công việc mà các bạn đã cam kết thực hiện. Có thể có nhiều định nghĩa khác, vì ánh sáng của linh hồn giống như một đèn pha khổng lồ, có thể hướng các tia sáng theo nhiều phía và tập trung chúng trên nhiều cấp độ. Tuy nhiên, ở đây chúng ta chỉ quan tâm đến cách sử dụng chuyên biệt của ánh sáng ấy.

Illumination and the light of knowledge can be regarded as synonymous terms and many glamours can be dissipated and dispersed when subjected to the potency of the informative mind, for the mind is essentially the subduer of emotion through the presentation of fact. The problem is to [145] induce the individual or the race or nation which is acting under the influence of glamour to call in the mental power of assessing the situation and subject it to a calm, cold scrutiny. Glamour and emotion play into each other's hands and feeling runs so strong usually in relation to glamour that it is impossible to bring in the light of knowledge with ease and effectiveness.

Có thể xem sự soi sáng và ánh sáng của tri thức là những thuật ngữ đồng nghĩa, và nhiều ảo cảm có thể được làm tiêu tan và phân tán khi chịu tác động của sức mạnh của thể trí cung cấp tri thức, vì về cơ bản, thể trí chế ngự cảm xúc bằng cách trình bày sự thật. Vấn đề là [145] khiến cá nhân, nhân loại hay quốc gia đang hành động dưới ảnh hưởng của ảo cảm huy động quyền năng trí tuệ để đánh giá tình hình và xem xét tình hình ấy một cách bình tĩnh, lạnh lùng. Ảo cảm và cảm xúc tiếp tay cho nhau, và cảm xúc thường mạnh mẽ đến mức, khi liên quan đến ảo cảm, không thể dễ dàng và hiệu quả đưa ánh sáng của tri thức vào.

Illumination and perception of truth are also synonymous terms, but it should be remembered that the truth in this case is not truth on the abstract planes but concrete and knowable truth—truth which can be formulated and expressed in concrete form and terms. Where the light of truth is called in, glamour automatically disappears, even if only for a temporary period. But, again, difficulty arises because few people care to face the actual truth, for it involves eventually the abandonment of the beloved glamour and the ability to recognise error and to admit mistakes, and this the false pride of the mind will not permit. Again, I would assure you that humility is one of the most potent factors in releasing the illuminating power of the mind, as it reflects and transmits the light of the soul. The determined facing of the factual life and the stern recognition of truth—coldly, calmly and dispassionately—will greatly facilitate the calling in of the flood of illumination which will suffice to dispel glamour.

Sự soi sáng và sự nhận thức chân lý cũng là những thuật ngữ đồng nghĩa, nhưng cần nhớ rằng chân lý trong trường hợp này không phải là chân lý trên các cõi trừu tượng, mà là chân lý cụ thể và khả tri—chân lý có thể được định hình và diễn đạt bằng hình thức cùng ngôn từ cụ thể. Khi ánh sáng của chân lý được huy động, ảo cảm tự động biến mất, dù chỉ trong một khoảng thời gian tạm thời. Nhưng một lần nữa, khó khăn nảy sinh vì ít người muốn đối diện với chân lý thực tế, bởi cuối cùng điều đó đòi hỏi từ bỏ ảo cảm mình yêu quý, có khả năng nhận ra sai lầm và thừa nhận những lỗi lầm, mà lòng kiêu hãnh giả tạo của thể trí không cho phép điều này. Một lần nữa, Tôi muốn bảo đảm với các bạn rằng lòng khiêm nhường là một trong những yếu tố mạnh mẽ nhất giúp giải phóng quyền năng soi sáng của thể trí, khi thể trí phản chiếu và truyền dẫn ánh sáng của linh hồn. Việc kiên quyết đối diện với đời sống thực tế và nghiêm khắc nhìn nhận chân lý—một cách lạnh lùng, bình tĩnh và không thiên lệch vì cảm xúc—sẽ tạo thuận lợi rất lớn cho việc huy động dòng soi sáng đủ sức xua tan ảo cảm.

As we are dealing with the problem of glamour and illumination, it might be of value here if I dealt with the particular glamour which I would ask your group to aid in dispelling. I refer here to *the glamour of separateness*. Work along this line will have most practical and salutary implications, for none of you (as you will discover) will be able to work effectively on this matter if you feel any sense of separativeness; this separative reaction may express itself as hatred, as an active dislike or as a voiced criticism—[146] perhaps, in some cases, all three. There are forces which you may personally regard as separativeness or as the cause of separation. I would remind you that the favourite views and cherished

Vì chúng ta đang bàn đến vấn đề ảo cảm và sự soi sáng, có lẽ ở đây sẽ hữu ích nếu Tôi đề cập đến ảo cảm cụ thể mà Tôi muốn yêu cầu nhóm các bạn góp sức xua tan. Ở đây, Tôi nói đến *ảo cảm của sự chia rẽ*. Công việc theo đường hướng này sẽ có những tác động hết sức thiết thực và tốt lành, vì không ai trong các bạn (như các bạn sẽ khám phá) có thể làm việc hiệu quả về vấn đề này nếu còn mang bất kỳ cảm thức chia rẽ nào; phản ứng chia rẽ ấy có thể biểu hiện thành lòng thù hận, sự ác cảm rõ rệt hoặc lời chỉ trích thốt ra—[146] có lẽ, trong một số trường hợp, là cả ba. Có những mãnh lực mà cá nhân các bạn có thể xem là tính chia rẽ hoặc nguyên nhân gây chia rẽ. Tôi muốn nhắc các bạn rằng những quan điểm ưa thích và niềm tin

beliefs of those to whom you are mentally opposed (often under the guise of a strenuous adherence to what you regard as right principles) are to those who hold them equally right; they feel that your views are erroneous and they regard them as separative in their effect and as the basis of trouble. They are, in their place, as sincere as you are and as eager for the achievement of the right attitude as you feel yourself to be. This is something often forgotten and I would remind you of it. I might also illustrate this point by pointing out to you that the hatred or the dislike (if hatred is too strong a word) that any of you may feel for the activities of the German Government, and for the line that they have taken against the Jewish people, might be turned with almost equal justification against the Jews themselves. The latter have always been separative and have regarded themselves as "the chosen of the Lord" and have never proved assimilable in any nation. The same can be said of the Germans, and from many they evoke the same reaction as they mete out to the Jew, though not the physical persecution. Neither attitude, as you well know, is justifiable from the angle of the soul; they are both *equally* wrong, and this is a point of view which the Jew and the anti-Jew must eventually understand and, through understanding, bring to an end.

được trân trọng của những người mà các bạn chống đối về mặt tư tưởng (thường dưới vỏ bọc của sự kiên quyết tuân theo những gì các bạn xem là nguyên khí đúng đắn) cũng đúng đắn như thế đối với những người giữ các quan điểm và niềm tin ấy; họ cảm thấy quan điểm của các bạn là sai lầm, và xem chúng có tác dụng gây chia rẽ cũng như là nguồn gốc của rắc rối. Trong hoàn cảnh của mình, họ cũng chân thành như các bạn và cũng tha thiết đạt được thái độ đúng đắn như các bạn cảm thấy ở bản thân. Đây là điều thường bị lãng quên, và Tôi muốn nhắc các bạn nhớ đến nó. Tôi cũng có thể minh họa điểm này bằng cách chỉ ra cho các bạn rằng lòng thù hận hay ác cảm (nếu thù hận là một từ quá mạnh) mà bất kỳ ai trong các bạn có thể cảm thấy đối với các hoạt động của Chính phủ Đức và đường lối họ đã áp dụng chống lại người Do Thái, cũng có thể hướng vào chính người Do Thái với lý lẽ biện minh gần như tương đương. Người Do Thái luôn có tính chia rẽ, tự xem mình là "những người được Chúa tuyển chọn" và chưa bao giờ tỏ ra có thể hòa nhập vào bất kỳ quốc gia nào. Cũng có thể nói điều tương tự về người Đức, và ở nhiều người, họ gợi lên cùng một phản ứng như phản ứng mà họ dành cho người Do Thái, tuy không có sự bức hại về thân thể. Như các bạn biết rõ, không thái độ nào có thể biện minh từ góc nhìn của linh hồn; cả hai đều sai *như nhau*, và đây là một quan điểm mà người Do Thái cùng người chống Do Thái cuối cùng phải thấu hiểu, rồi qua sự thấu hiểu ấy, chấm dứt những thái độ này.

I mention this because I am going to ask you to deal with that ancient and world-wide glamour—the glamour of the hatred of the Jew. In this group there are those who are, in their thought at least, violently anti-German; there are others who are definitely, though intelligently, anti-Jew. I would ask those in both these groups to recognise the problem with which they are faced. It is a

Tôi đề cập đến điều này vì Tôi sẽ yêu cầu các bạn xử lý ảo cảm cổ xưa và lan rộng khắp thế giới ấy—ảo cảm của lòng thù hận người Do Thái. Trong nhóm này, có những người, ít nhất trong tư tưởng, chống Đức một cách dữ dội; cũng có những người rõ ràng chống Do Thái, tuy theo cách có suy xét. Tôi yêu cầu những người thuộc cả hai nhóm này nhận ra vấn đề mà họ đang đối diện. Đó là một vấn

problem which [147] is so very ancient and deeply rooted in the consciousness of the race that it is far bigger than the individual can possibly vision; the individual point of view is consequently so limited that constructive usefulness is noticeably impaired. After all, my brothers, the point of view of the "under dog" is not necessarily the only one or necessarily always the correct one. Both the Germans and the Jews merit our impersonal love, particularly as they are both guilty (if I may use such a term) of the same basic errors and faults. The German is powerfully race conscious; so is the Jew. The German is separative in his attitude to the world; so is the Jew. The German insists today on racial purity, a thing upon which the Jew has insisted for centuries. A small group of Germans are anti-Christian; so are an equally small number of Jews. I could continue piling up these resemblances but the above will suffice. Therefore, your dislike of one group is not more warranted than your refusal to recognise any justification for the activities and attitudes of the other. Like frequently repudiates and swings away from like, and the Germans and the Jews are curiously alike. Just as many British people and the preponderance of the British race are reincarnated Romans, so many Germans are reincarnated Jews. Hence the similarity of their points of view. It is a family quarrel and there is nothing more terrible than this.

đề [147] quá cổ xưa và ăn sâu vào tâm thức nhân loại đến mức nó lớn lao hơn rất nhiều so với những gì cá nhân có thể hình dung; do đó, góc nhìn cá nhân hạn hẹp đến mức khả năng đóng góp hữu ích mang tính xây dựng bị suy giảm rõ rệt. Xét cho cùng, Các huynh đệ của Tôi, góc nhìn của "người yếu thế" không nhất thiết là góc nhìn duy nhất, cũng không nhất thiết luôn là góc nhìn đúng. Cả người Đức lẫn người Do Thái đều xứng đáng nhận tình thương vô ngã của chúng ta, đặc biệt vì cả hai đều phạm phải (nếu Tôi có thể dùng từ như thế) những sai lầm và khuyết điểm cơ bản giống nhau. Người Đức có ý thức chủng tộc mạnh mẽ; người Do Thái cũng vậy. Người Đức có thái độ chia rẽ đối với thế giới; người Do Thái cũng vậy. Ngày nay, người Đức khăng khăng đòi sự thuần khiết chủng tộc, điều mà người Do Thái đã khăng khăng đòi hỏi suốt nhiều thế kỷ. Một nhóm nhỏ người Đức chống Kitô giáo; một số người Do Thái ít ỏi tương đương cũng vậy. Tôi có thể tiếp tục kể thêm những điểm tương đồng này, nhưng những điều trên đã đủ. Vì vậy, sự ác cảm của các bạn đối với một nhóm không có cơ sở chính đáng hơn việc các bạn từ chối thừa nhận bất kỳ lý lẽ biện minh nào cho các hoạt động và thái độ của nhóm kia. Những gì giống nhau thường chối bỏ và quay lưng với nhau, mà người Đức và người Do Thái lại giống nhau một cách kỳ lạ. Cũng như nhiều người Anh và phần lớn dân tộc Anh là những người La Mã tái sinh, nhiều người Đức là những người Do Thái tái sinh. Vì thế có sự tương đồng trong góc nhìn của họ. Đây là một cuộc tranh chấp trong gia đình, và không có gì khủng khiếp hơn điều này.

I am going to ask you to take the Germans and the Jews into your group meditation and pour out your group love upon both these divisions of your brothers in the human family. See to it that before you begin your meditation you have freed yourselves—

Tôi sẽ yêu cầu các bạn đưa người Đức và người Do Thái vào bài tham thiền nhóm, và tuôn đổ tình thương của nhóm lên cả hai bộ phận huynh đệ này trong gia đình nhân loại. Hãy bảo đảm rằng trước khi bắt đầu tham thiền, các bạn đã giải phóng bản thân—cả

emotions and mind—from any latent antagonisms, from any hatreds, from any preconceived ideas of right or wrong but that you simply fall back upon the love of your souls, remembering that both [148] Jews and Germans are souls as you are and identical in their origin, their goal and their life experience with yours.

cảm xúc lẫn thể trí—khỏi mọi sự đối kháng tiềm ẩn, mọi lòng thù hận, mọi ý tưởng định sẵn về đúng hay sai, và chỉ đơn thuần nương vào tình thương của linh hồn mình, ghi nhớ rằng cả [148] người Do Thái lẫn người Đức đều là linh hồn như các bạn, và giống các bạn về nguồn gốc, mục tiêu cùng kinh nghiệm sống.

As you pour out the stream of pure white light (as Stage III instructs you), see to it that it pours through you with purity and clarity as one stream. Then see it bisect into equal quantities or proportions—one stream of living light and love going to the Jews and the other to the German peoples. The quality of your love will count and not so much the accuracy of your analysis or the perfection of your technique.

Khi các bạn tuôn đổ dòng ánh sáng trắng thuần khiết (như Giai đoạn III chỉ dẫn), hãy bảo đảm rằng ánh sáng ấy tuôn qua các bạn một cách thuần khiết và trong sáng thành một dòng duy nhất. Sau đó, hãy thấy nó chia đôi thành hai phần hay hai tỷ lệ bằng nhau—một dòng ánh sáng và tình thương sống động đến với người Do Thái, dòng kia đến với các cộng đồng người Đức. Phẩm tính tình thương của các bạn mới là điều quan trọng, chứ không phải quá nhiều ở sự chính xác trong phân tích hay sự hoàn hảo của kỹ thuật.

c. The Contrast between Maya and Inspiration

c. Sự Tương Phản giữa Ảo Lực và Cảm Hứng

Here we come definitely into the realm of material substance. This is essentially and in a peculiar manner the realm of force. Maya is predominantly (for the individual) the aggregate of the forces which control his septenary force centres to the exclusion, I would emphasise, of the controlling energy of the soul. Therefore, you will see that the bulk of humanity, until a man stands upon the Probationary Path, are under the control of maya, for a man succumbs to maya when he is controlled by any other force or forces than those energies which come direct from the soul, conditioning and controlling the lesser forces of the personality as they eventually and inevitably must and will.

Ở đây, chúng ta rõ ràng bước vào lĩnh vực chất liệu vật chất. Về bản chất và theo một cách đặc biệt, đây là lĩnh vực của mãnh lực. Đối với cá nhân, ảo lực chủ yếu là tổng hợp những mãnh lực kiểm soát bảy trung tâm mãnh lực của y, loại trừ—Tôi muốn nhấn mạnh—năng lượng kiểm soát của linh hồn. Vì vậy, các bạn sẽ thấy rằng phần đông nhân loại, cho đến khi một người đứng trên Con Đường Dự Bị, đều chịu sự kiểm soát của ảo lực, vì con người khuất phục trước ảo lực khi chịu sự kiểm soát của bất kỳ mãnh lực nào khác ngoài những năng lượng đến trực tiếp từ linh hồn, vốn tác động và kiểm soát những mãnh lực thấp hơn của phàm ngã, như cuối cùng những năng lượng ấy tất yếu phải làm và sẽ làm.

When a man is under the control of physical, astral and mental forces, he is convinced at the time that they are, for him, right forces. Herein lies the problem of maya. Such forces, however, when they control a man, determine him in a separative attitude and produce an effect which feeds and stimulates the personality and does not bring in the energy of the soul, the true Individuality. This analysis should prove illuminating to you. If men and [149] women would bring their lives under a closer scrutiny by the true inner or spiritual man and could thus determine what combination of energies conditions their life activity, they would not continue to function—as they do now—so blindly, so inadequately and so ineffectually.

Khi một người chịu sự kiểm soát của các mãnh lực hồng trần, cảm dục và trí tuệ, lúc ấy y tin chắc rằng đối với mình, đó là những mãnh lực đúng đắn. Chính trong đó có vấn đề của ảo lực. Tuy nhiên, khi kiểm soát con người, những mãnh lực ấy khiến y mang thái độ chia rẽ và tạo ra một tác động nuôi dưỡng, kích thích phàm ngã, chứ không đưa vào năng lượng của linh hồn, Cá Thể đích thực. Sự phân tích này hẳn sẽ giúp soi sáng cho các bạn. Nếu những người nam và [149] nữ để con người bên trong hay con người tinh thần đích thực xem xét đời sống của mình kỹ lưỡng hơn, và nhờ đó có thể xác định tổ hợp năng lượng nào đang tác động lên hoạt động đời sống của họ, thì họ sẽ không tiếp tục hoạt động—như hiện nay—một cách mù quáng, thiếu sót và vô hiệu quả đến thế.

It is for this reason that the study and understanding of *motives* is of such value and importance, for such a study determines intellectually (if properly investigated) what factor or factors inspires the daily life. This is a statement worth careful consideration. I would ask you: What is your major actuating motive? For, whatever it may be, it conditions and determines your predominant life tendency.

Chính vì lý do này mà việc nghiên cứu và thấu hiểu *động cơ* có giá trị và tầm quan trọng lớn lao như vậy, vì sự nghiên cứu ấy xác định bằng trí tuệ (nếu khảo sát đúng cách) yếu tố hay những yếu tố nào khơi nguồn cảm hứng cho đời sống hằng ngày. Đây là một phát biểu đáng cân nhắc cẩn thận. Tôi muốn hỏi các bạn: Động cơ thúc đẩy chủ yếu của các bạn là gì? Bởi dù đó là gì, nó cũng tác động và quyết định xu hướng chủ đạo trong đời sống của các bạn.

Many people, particularly the unintelligent masses, are solely inspired by desire—material, physical and temporary. Animal desire for the satisfaction of the animal appetites, material desire for possession and for the luxuries of existence, the longing for "things," for comforts and for security—economic, social and religious—control the majority. The man is under the influence of the densest form of maya, and the forces of his nature are concentrated in the sacral centre. Others are motivated by some form

Nhiều người, đặc biệt là quần chúng kém thông minh, chỉ nhận cảm hứng từ dục vọng—mang tính vật chất, hồng trần và tạm thời. Dục vọng thú tính muốn thỏa mãn những ham muốn thú tính, dục vọng vật chất muốn sở hữu và hưởng những xa hoa của cuộc sống, sự khao khát "đồ vật", tiện nghi và sự an toàn—về kinh tế, xã hội và tôn giáo—kiểm soát đa số. Con người chịu ảnh hưởng của hình thức ảo lực đậm đặc nhất, và các mãnh lực trong bản chất của y tập trung ở trung tâm xương cùng. Những người khác

of aspiration or ambition—aspiration towards some material heaven (and most religions portray heaven in this manner), ambitions for power, desire for the satisfaction of the emotional or aesthetic appetites and for the possession of the more subtle realities, and the longing for emotional comfort, for mental stability and assurance that the higher desires will meet with gratification. All this is maya in its emotional form, and it is not the same thing as glamour. In the case of glamour, the forces of a man's nature are seated in the solar plexus. In the case of maya, they are seated in the sacral centre. Glamour is subtle and emotional. Maya is tangible and etheric.

được thúc đẩy bởi một hình thức khát vọng hay tham vọng nào đó—khát vọng hướng đến một thiên đường vật chất nào đó (và hầu hết các tôn giáo đều mô tả thiên đường theo cách này), tham vọng quyền lực, dục vọng muốn thỏa mãn những ham muốn cảm xúc hay thẩm mỹ và muốn sở hữu những thực tại tinh tế hơn, cùng sự khao khát tiện nghi cảm xúc, sự ổn định trí tuệ và sự bảo đảm rằng những dục vọng cao hơn sẽ được thỏa mãn. Tất cả những điều này là ảo lực dưới hình thức cảm xúc, và không đồng nhất với ảo cảm. Trong trường hợp ảo cảm, các mãnh lực trong bản chất của con người trú tại tùng thái dương. Trong trường hợp ảo lực, chúng trú tại trung tâm xương cùng. Ảo cảm tinh tế và mang tính cảm xúc. Ảo lực hữu hình và mang tính dĩ thái.

[150] Such are the forces of maya which actuate, motivate and energise the life of the ordinary man. Under their influence he is helpless for they inspire all his thinking, all his aspiration and his desire, and all his activity on the physical plane. His problem is twofold:

[150] Đó là những mãnh lực của ảo lực thúc đẩy, tạo động cơ và tiếp năng lượng cho đời sống của người bình thường. Dưới ảnh hưởng của chúng, y bất lực, vì chúng khơi nguồn cảm hứng cho toàn bộ tư duy, mọi khát vọng và dục vọng, cùng mọi hoạt động của y trên cõi hồng trần. Vấn đề của y có hai mặt:

1. To bring all his centres under the inspiration of the soul.

1. Đưa tất cả các trung tâm của y vào dưới cảm hứng của linh hồn.

2. To transfer or transmute the forces of the lower centres, which control the personality, into the energies of the centres above the diaphragm, which respond automatically to the inspiration of the soul.

2. Chuyển dịch hoặc chuyển hoá những mãnh lực của các trung tâm thấp hơn, vốn kiểm soát phàm ngã, thành những năng lượng của các trung tâm phía trên cơ hoành, vốn tự động đáp ứng với cảm hứng của linh hồn.

It is in this thought that the potency and the symbolic value of breathing exercises consists. The motive is soul control, and though the methods employed are (in many cases) definitely undesirable yet the developing tendency of the life thought will

Chính trong tư tưởng này có sức mạnh và giá trị biểu tượng của những bài tập thở. Động cơ là sự kiểm soát của linh hồn, và dù những phương pháp được sử dụng (trong nhiều trường hợp) rõ ràng không đáng mong muốn, xu hướng đang phát triển của tư

prove inevitably determining and conditioning. The methods used may not save the unprepared physical body from certain evil and disastrous results yet, in the long run and in the last analysis, they may condition the future experience (probably in another life) in such a manner that the aspirant will find himself more able to function as a soul than might otherwise have been the case.

tưởng chi phối đời sống vẫn tất yếu có tác dụng quyết định và định hình. Những phương pháp được sử dụng có thể không cứu được thể xác chưa được chuẩn bị khỏi một số hậu quả tai hại và thảm khốc, nhưng về lâu dài và xét cho cùng, chúng có thể định hình kinh nghiệm tương lai (có lẽ trong một kiếp sống khác) theo cách khiến người chí nguyện có khả năng hoạt động như một linh hồn tốt hơn so với trường hợp không có chúng.

Before I close this particular instruction upon glamour, I would like to call the attention of the group to the occult sentences which I gave to D.L.R. prior to his leaving the group. They have a definite relation to the group work and I would like you to give them careful consideration and study. The *Old Commentary*, in speaking of the work of those whose dharma it is to dissipate world glamour, uses the following illuminating sentences:

Trước khi kết thúc huấn thị cụ thể này về ảo cảm, Tôi muốn lưu ý nhóm đến những câu huyền bí mà Tôi đã trao cho D.L.R. trước khi người đệ tử ấy rời nhóm. Chúng có mối liên hệ rõ rệt với công việc nhóm, và Tôi muốn các bạn cân nhắc, nghiên cứu chúng cẩn thận. *Cổ Luận*, khi nói về công việc của những người có bổn phận làm tiêu tan ảo cảm thế giới, dùng những câu mang tính soi sáng sau đây:

"They come and stand. Within the midst of whirling forms—some of beauty rare and some of [151] horror and despair—they stand. They look not here or there but, with their faces turned towards the light, they stand. Thus through their minds the pure light streams to dissipate the fogs.

"Họ đến và đứng vững. Giữa những hình tướng xoáy cuộn—có những hình tướng đẹp hiếm có, cũng có những hình tướng [151] kinh hoàng và tuyệt vọng—họ đứng vững. Họ không nhìn đây hay đó, mà đứng vững, mặt hướng về ánh sáng. Như vậy, qua thể trí họ, ánh sáng thuần khiết tuôn đến để làm tiêu tan những màn sương.

"They come and rest. They cease their outer labours, pausing to do a different work. Within their hearts is rest. They run not here and there, but constitute a point of peace and rest. That which upon the surface veils and hides the real begins to disappear and from the heart at rest a beam of dissipating force projects, blends with the shining light and then the mists of man's creation disappear.

"Họ đến và an nghỉ. Họ ngừng những công việc bên ngoài, tạm dừng để làm một công việc khác. Trong tim họ có sự an nghỉ. Họ không chạy đây chạy đó, mà tạo thành một điểm bình an và an nghỉ. Những gì trên bề mặt che phủ và giấu kín cái thực bắt đầu biến mất, và từ trái tim an nghỉ, một tia mãnh lực làm tiêu tan phóng chiếu ra, hòa vào ánh sáng rạng ngời, rồi những màn sương do con người tạo ra biến mất.

"They come and they observe. They own the eye of vision; likewise they own the right direction of the needed force. They see the glamour of the world, and seeing, they note behind it all the true, the beautiful, the real. Thus through the eye of Buddhi comes the power to drive away the veiling, swirling glamours of that glamorous world.

"Họ đến và quan sát. Họ có con mắt linh thị; họ cũng có khả năng định hướng đúng mãnh lực cần thiết. Họ thấy ảo cảm của thế giới, và khi thấy, họ nhận ra đằng sau tất cả những điều ấy cái chân, cái mỹ, cái thực. Như vậy, qua con mắt Bồ đề, quyền năng đến để xua đi những ảo cảm che phủ, xoáy cuộn của thế giới đầy ảo cảm ấy.

"They stand, they rest, and they observe. Such are their lives and such the service that they render to the souls of men."

"Họ đứng vững, họ an nghỉ và họ quan sát. Đời sống của họ là như thế, và sự phụng sự mà họ dành cho linh hồn con người cũng là như thế."

I would commend these lines to your careful thought. They convey to you not only the field of your group service but also the desired attitude of the personal life of every member of the group.

Tôi muốn gửi gắm những dòng này để các bạn suy ngẫm cẩn thận. Chúng truyền đạt cho các bạn không chỉ lĩnh vực phụng sự của nhóm, mà còn cả thái độ mong muốn trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên.

I would also like, at this point, to touch upon a factor of real importance in this work and to repeat my earlier warning: Will you remember that the effort to free yourselves from *irritation* or from what is called in Agni Yoga "imperil" (a peculiar yet satisfying word, my brothers) is particularly essential for this group? Irritation is exceedingly prevalent these days of nervous tension and it most [152] definitely imperils progress and retards the steps of the disciple upon the Way. It can produce dangerous group tension if present in any of you, and this induced group tension can interfere with the free play of the power and light which you are supposed to use, even when the other group members remain unconscious of the emanating source. Irritation definitely generates a poison which locates itself in the region of the stomach and of the solar plexus. Irritation is a disease, if I might use that word, of the solar plexus centre and it is definitely contagious to an almost alarming extent. So, my brothers, watch

Ở điểm này, Tôi cũng muốn đề cập đến một yếu tố thực sự quan trọng trong công việc này và nhắc lại lời cảnh báo trước đây của Tôi: Các bạn có ghi nhớ rằng nỗ lực giải phóng bản thân khỏi *sự bực bội*, hay khỏi điều mà Du Già Lửa gọi là "hiểm độc" (một từ lạ nhưng thỏa đáng, Các huynh đệ của Tôi), là đặc biệt thiết yếu đối với nhóm này không? Sự bực bội hết sức phổ biến trong những ngày căng thẳng thần kinh này, và nó [152] rõ ràng gây nguy hại cho sự tiến bộ và làm chậm bước chân của đệ tử trên Đường Đạo. Nếu hiện diện trong bất kỳ ai trong các bạn, nó có thể tạo ra sự căng thẳng nguy hiểm trong nhóm; và sự căng thẳng nhóm phát sinh ấy có thể cản trở sự vận hành tự do của quyền năng và ánh sáng mà các bạn có nhiệm vụ sử dụng, ngay cả khi những thành viên khác trong nhóm vẫn không nhận biết nguồn phát xạ. Sự bực bội chắc chắn tạo ra một chất độc khu trú ở vùng dạ dày và tùng thái dương. Sự bực bội là một căn bệnh, nếu Tôi có thể dùng từ ấy, của trung tâm tùng thái dương, và rõ ràng nó có tính lây lan đến

yourselves with care and remember that just in so far as you can live in the head and in the heart, you will end the disease of imperil and aid in the transference of the forces of the solar plexus into the heart centre.

mức gần như đáng báo động. Vì vậy, Các huynh đệ của Tôi, hãy cẩn thận tự quan sát và ghi nhớ rằng trong chừng mực có thể sống trong đầu và tim, các bạn sẽ chấm dứt căn bệnh hiểm độc và góp phần chuyển dịch những mãnh lực của tùng thái dương vào trung tâm tim.

d. The Contrast between the Dweller and its opposite, the Angel of the Presence

The entire subject of the Dweller and its relation to the Angel (a symbolic way of dealing with a great relationship and possibility, and a great *fact* in manifestation) is only now possible of consideration. Only when man is an integrated personality does the problem of the Dweller truly arise, and only when the mind is alert and the intelligence organised (as is becoming the case today on a fairly large scale) is it possible for man to sense—intelligently and not just mystically—the Angel and so intuit the PRESENCE. Only then does the entire question of hindrances which the Dweller embodies, and the limitations which it provides to spiritual contact and realisation assume potent proportions. Only then can they be usefully considered and steps taken to induce right action. Only when there is adequate fusion within humanity as a whole does [153] the great human Dweller on the Threshold appear as an integrated entity, or the Dweller in a national or racial sense makes its appearance, spreading and vitalising national, racial and planetary glamour, fostering and feeding individual glamours and making the entire problem unmistakably apparent. Only then can the relation between the soul of humanity and the generated forces of its ancient and potent personality assume proportions which call for drastic activity and intelligent cooperation.

d. Sự Tương Phản giữa Kẻ Chận Ngõ và đối cực của nó, Thiên Thần của Hiện Diện

Toàn bộ chủ đề về Kẻ Chận Ngõ và mối liên hệ của nó với Thiên Thần (một cách biểu tượng để bàn đến một mối liên hệ và một khả năng lớn lao, cùng một *sự thật* lớn lao trong biểu hiện) chỉ đến nay mới có thể được xem xét. Chỉ khi con người là một phàm ngã tích hợp thì vấn đề Kẻ Chận Ngõ mới thực sự nảy sinh, và chỉ khi thể trí tỉnh táo cùng trí thông minh được tổ chức (như ngày nay đang diễn ra trên quy mô khá rộng), con người mới có thể cảm nhận—một cách sáng suốt chứ không chỉ theo lối thần bí—Thiên Thần, và nhờ đó trực nhận HIỆN DIỆN. Chỉ khi ấy, toàn bộ vấn đề về những chướng ngại mà Kẻ Chận Ngõ hiện thân, cùng những giới hạn mà nó đặt ra đối với sự tiếp xúc và chứng nghiệm tinh thần, mới trở nên có sức tác động lớn. Chỉ khi ấy mới có thể xem xét chúng một cách hữu ích và thực hiện những bước đi nhằm tạo ra hành động đúng đắn. Chỉ khi toàn thể nhân loại có sự dung hợp đầy đủ thì [153] Kẻ Chận Ngõ vĩ đại của nhân loại mới xuất hiện như một thực thể tích hợp, hoặc Kẻ Chận Ngõ theo nghĩa quốc gia hay chủng tộc mới xuất hiện, lan truyền và tiếp sinh lực cho ảo cảm quốc gia, chủng tộc và hành tinh, thúc đẩy và nuôi dưỡng những ảo cảm cá nhân, khiến toàn bộ vấn đề hiện ra rõ ràng không thể nhầm lẫn. Chỉ khi ấy, mối liên hệ giữa linh hồn nhân loại và những mãnh lực do phàm ngã cổ xưa, mạnh mẽ của nhân loại tạo ra mới có thể đạt đến quy mô

đòi hỏi hoạt động quyết liệt và sự hợp tác sáng suốt.

Such a time has now come, and in the two books, *Problems of Humanity* and *The Reappearance of the Christ*, and also in the Wesak and June Full Moon messages, I have dealt with this most practical and urgent situation, which is in itself the guarantee of human progress toward its destined goal as well as the assertion of its major hindrances to spiritual realisation. The sections on which we shall now be engaged are of prime importance to all who are in training for initiation. I said "in training," my brothers; I did not say that you would take initiation in this life. I know not myself whether you will or no; the issue lies in your hands and in your planned destiny—planned by your souls. Your problem is essentially that of learning to handle the Dweller on the Threshold and of ascertaining the procedures and the processes whereby the momentous *activity of fusion* can take place. Through the medium of this fusion the Dweller "disappears and is no more seen, though still he functions on the outer plane, the agent of the Angel; the light absorbs the Dweller, and into obscuration—radiant yet magnetic—this ancient form of life dissolves though keeping still its form; it rests and works but is not now itself." Such are the paradoxical statements of the *Old Commentary*.

Một thời điểm như thế nay đã đến, và trong hai cuốn sách, *Những Vấn Đề của Nhân Loại* và *Sự Tái Lâm của Đức Christ*, cũng như trong các thông điệp dịp Trăng Tròn Wesak và tháng Sáu, Tôi đã bàn đến tình thế hết sức thiết thực và cấp bách này; chính tình thế ấy bảo đảm sự tiến bộ của nhân loại hướng đến mục tiêu định sẵn, đồng thời khẳng định những chướng ngại chủ yếu đối với sự chứng nghiệm tinh thần của nhân loại. Những phần mà giờ đây chúng ta sẽ nghiên cứu có tầm quan trọng hàng đầu đối với tất cả những ai đang được huấn luyện để điểm đạo. Các huynh đệ của Tôi, Tôi nói "đang được huấn luyện"; Tôi không nói rằng các bạn sẽ được điểm đạo trong kiếp này. Chính Tôi cũng không biết các bạn có được điểm đạo hay không; vấn đề nằm trong tay các bạn và trong vận mệnh đã hoạch định của các bạn —do linh hồn các bạn hoạch định. Về cơ bản, vấn đề của các bạn là học cách xử lý Kẻ Chận Ngõ và xác định những thủ tục cùng tiến trình mà qua đó hoạt động *dung hợp* có ý nghĩa trọng đại có thể diễn ra. Qua sự dung hợp này, Kẻ Chận Ngõ "biến mất và không còn được thấy nữa, dù vẫn hoạt động trên cõi bên ngoài, là tác nhân của Thiên Thần; ánh sáng hấp thụ Kẻ Chận Ngõ, và trong sự che khuất—rạng rỡ nhưng mang tính từ tính —hình thức sự sống cổ xưa này tan biến dù vẫn giữ hình tướng của mình; nó an nghỉ và làm việc, nhưng giờ đây không còn là chính nó." Đó là những phát biểu nghịch lý của *Cổ Luận*.

I have earlier defined for you in as simple terms as possible the nature of the Dweller. I would like, however, [154] to enlarge upon one or two points and give one or two new suggestions which—for the sake of clarity

Trước đây, Tôi đã định nghĩa cho các bạn bản chất của Kẻ Chận Ngõ bằng những lời đơn giản nhất có thể. Tuy nhiên, Tôi muốn [154] mở rộng một hai điểm và đưa ra một hai gợi ý mới mà—để rõ ràng và giúp các bạn lĩnh hội nhanh hơn—chúng ta sẽ liệt kê như sau:

and for your more rapid comprehension—we will tabulate as follows:

1. The Dweller on the Threshold is essentially the personality; it is an integrated unity composed of physical forces, vital energy, astral forces and mental energies, constituting the sum total of the lower nature.

1. Kẻ Chận Ngõ về cơ bản là phàm ngã; nó là một khối thống nhất đã tích hợp, gồm những mãnh lực hồng trần, năng lượng sinh lực, những mãnh lực cảm dục và những năng lượng trí tuệ, tạo thành toàn bộ bản chất thấp.

2. The Dweller takes form when a re-orientation of man's life has taken place consciously and under soul impression; the whole personality is then theoretically directed towards *liberation into service*. The problem is to make the theory and the aspiration facts in experience.

2. Kẻ Chận Ngõ thành hình khi đời sống con người đã được tái định hướng một cách có ý thức và dưới ấn tượng của linh hồn; khi ấy, về lý thuyết, toàn bộ phàm ngã hướng đến *sự giải thoát để phụng sự*. Vấn đề là biến lý thuyết và khát vọng thành những sự thật trong kinh nghiệm.

3. For a great length of time the forces of the personality do not constitute a Dweller. The man is not on the threshold of divinity; he is not consciously aware of the Angel. His forces are inchoate; he works unconsciously in his environment, the victim of circumstance and of his own nature apparently and under the lure and the urge of desire for physical plane activity and existence. When, however, the life of the man is ruled from the mental plane, plus desire or ambition, and he is controlled at least to some large extent by mental influence, then the Dweller begins to take shape as a unified force.

3. Trong một thời gian rất dài, những mãnh lực của phàm ngã không tạo thành một Kẻ Chận Ngõ. Con người chưa ở trên ngưỡng cửa của thiên tính; y chưa nhận biết một cách có ý thức về Thiên Thần. Những mãnh lực của y chưa thành hình; y làm việc một cách vô thức trong môi trường của mình, dường như là nạn nhân của hoàn cảnh và của bản chất riêng, dưới sức lôi cuốn và thôi thúc của dục vọng muốn hoạt động và tồn tại trên cõi hồng trần. Tuy nhiên, khi đời sống con người chịu sự cai quản từ cõi trí, cùng với dục vọng hay tham vọng, và ít nhất ở mức độ đáng kể y chịu sự kiểm soát của ảnh hưởng trí tuệ, thì Kẻ Chận Ngõ bắt đầu thành hình như một mãnh lực thống nhất.

4. The stages wherein the Dweller on the Threshold is recognised, subjected to a discriminating discipline and finally controlled and mastered, are mainly three:

4. Những giai đoạn trong đó Kẻ Chận Ngõ được nhận diện, được đặt dưới một kỷ luật dựa trên sự phân biện, rồi cuối cùng được kiểm soát và làm chủ, chủ yếu gồm ba giai đoạn:

a. The stage wherein the personality dominates and rules the life and ambitions

a. Giai đoạn trong đó phàm ngã thống trị và cai quản đời sống, tham vọng cùng những

and the goals of man's life-endeavour. The Dweller then controls.

mục tiêu phấn đấu của con người. Khi ấy, Kẻ Chận Ngõ nắm quyền kiểm soát.

b. The stage of a growing cleavage in the consciousness [155] of the disciple. The Dweller or the personality is then urged in two directions: one, towards the pursuit of personal ambitions and desires in the three worlds; the other, in which the effort is made by the Dweller (note this statement) to take a stand upon the threshold of divinity and before the Portal of Initiation.

b. Giai đoạn có sự phân rẽ ngày càng sâu trong tâm thức [155] của đệ tử. Khi ấy, Kẻ Chận Ngõ hay phàm ngã bị thôi thúc theo hai hướng: một hướng là theo đuổi những tham vọng và dục vọng cá nhân trong ba cõi giới; hướng kia là nỗ lực của Kẻ Chận Ngõ (hãy lưu ý phát biểu này) để đứng vững trên ngưỡng cửa của thiên tính và trước Cổng Điểm Đạo.

c. The stage wherein the Dweller consciously seeks the cooperation of the soul and, though still in itself essentially constituting a barrier to spiritual progress, is more and more influenced by the soul than by its lower nature.

c. Giai đoạn trong đó Kẻ Chận Ngõ tìm kiếm sự hợp tác của linh hồn một cách có ý thức và, dù về bản chất vẫn là một chướng ngại đối với sự tiến bộ tinh thần, ngày càng chịu ảnh hưởng của linh hồn nhiều hơn là của bản chất thấp của nó.

5. When the final stage is reached (and many are now reaching it today) the disciple strives with more or less success to steady the Dweller (by learning to "hold the mind steady in the light" and thus controlling the lower nature). In this way the constant fluid changefulness of the Dweller is gradually overcome; its orientation towards reality and away from the Great Illusion is made effective, and the Angel and the Dweller are slowly brought into a close rapport.

5. Khi đạt đến giai đoạn cuối cùng (và ngày nay nhiều người đang đạt đến giai đoạn ấy), đệ tử nỗ lực, với mức độ thành công ít nhiều khác nhau, làm cho Kẻ Chận Ngõ ổn định (bằng cách học "giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng" và nhờ đó kiểm soát bản chất thấp). Theo cách này, tính biến đổi linh động không ngừng của Kẻ Chận Ngõ dần dần được khắc phục; sự định hướng của nó về thực tại và rời xa Ảo Tưởng Vĩ Đại trở nên hữu hiệu, và Thiên Thần cùng Kẻ Chận Ngõ dần dần đi vào một mối tương giao mật thiết.

6. In the earlier stages of effort and of attempted control, the Dweller is positive and the Soul is negative in their effects in the three worlds of human endeavour. Then there is a period of oscillation, leading to a life of equilibrium wherein neither aspect appears to dominate; after that the balance changes and the personality steadily becomes negative and the soul or psyche becomes dominant and positive.

6. Trong những giai đoạn đầu của nỗ lực và cố gắng kiểm soát, Kẻ Chận Ngõ có tính dương, còn Linh Hồn có tính âm trong tác động của chúng nơi ba cõi giới hoạt động của con người. Sau đó là một thời kỳ dao động, dẫn đến một đời sống quân bình, trong đó dường như không phương diện nào chiếm ưu thế; tiếp đó, thế quân bình thay đổi, phàm ngã dần trở nên âm tính, còn linh hồn hay tâm hồn trở nên chiếm ưu thế và có tính dương.

7. The astrological influences can potently affect these situations and—speaking generally and within certain esoteric limits—it might be noted that: [156]

7. Các ảnh hưởng chiêm tinh có thể tác động mạnh mẽ đến những tình thế này và—nói chung, trong những giới hạn huyền bí nhất định—có thể lưu ý rằng: [156]

a.

Leo

controls the positive Dweller.

a.

Sư Tử

kiểm soát Kẻ Chận Ngõ có tính dương.

b.

Gemini

controls the processes of oscillation.

b.

Song Tử

kiểm soát các tiến trình dao động.

c.

Sagittarius

controls the negative Dweller.

c.

Nhân Mã

kiểm soát Kẻ Chận Ngõ có tính âm.

It might be added that the three signs—Scorpio, Sagittarius, Capricorn—lead finally to the fusion of the Dweller and the Angel.

Có thể nói thêm rằng ba dấu hiệu—Hổ Cáp, Nhân Mã, Ma Kết—cuối cùng dẫn đến sự dung hợp của Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần.

8. The soul ray controls and conditions the activity of the Angel and its type of

8. Cung linh hồn kiểm soát và định hình hoạt động của Thiên Thần cùng kiểu ảnh

influence upon the Dweller. It affects karma, times and seasons.

hưởng của Thiên Thần lên Kẻ Chận Ngõ. Nó tác động đến nghiệp quả, thời điểm và thời kỳ.

9. The personality ray controls the Dweller in all the earlier states and up to the time when the soul ray begins steadily to produce a growing effect. This personality ray is, as you know, a combination of three energies which produce the fourth or personality ray, through the medium of their inter-relation over a vast period of time.

9. Cung phàm ngã kiểm soát Kẻ Chận Ngõ trong tất cả những trạng thái ban đầu, cho đến khi cung linh hồn bắt đầu đều đặn tạo ra một tác động ngày càng lớn. Cung phàm ngã này, như các bạn đã biết, là sự kết hợp của ba năng lượng; thông qua mối tương quan của chúng trong một khoảng thời gian rất dài, ba năng lượng ấy tạo ra cung thứ tư, tức cung phàm ngã.

10. Therefore, the five types of energy which I indicated to you as of importance in your own lives when I gave you indications as to the nature of your five controlling rays, govern also the relation between the Dweller and the Angel, both in the individual and in humanity as a whole. These five are the rays of the physical body, the astral ray, the mind ray, the personality ray and the soul ray.

10. Vì vậy, năm loại năng lượng mà Tôi đã chỉ ra là quan trọng trong đời sống của các bạn, khi Tôi cho các bạn những chỉ dẫn về bản chất của năm cung đang chi phối các bạn, cũng chi phối mối quan hệ giữa Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần, cả trong cá nhân lẫn toàn thể nhân loại. Năm cung này là cung thể xác, cung thể cảm dục, cung thể trí, cung phàm ngã và cung linh hồn.

11. The rays which govern humanity and which condition humanity and the present world problem are as follows:

11. Các cung chi phối nhân loại, tác động lên nhân loại và vấn đề thế giới hiện nay như sau:

a.

a.

The Soul ray

Cung linh hồn

2nd

Cung hai

humanity must express love.

nhân loại phải biểu lộ tình thương.

b.

b.

The personality ray

Cung phàm ngã

3rd

Cung ba

developing intelligence for transmutation into love-wisdom.

phát triển trí thông minh để chuyển hoá thành Bác Ái – Minh Triết.

c.

c.

Mind ray

Cung thể trí

5th

Cung năm

scientific achievement.

thành tựu khoa học.

d.

d.

Astral ray

Cung thể cảm dục

6th

Cung sáu

idealistic development.

phát triển lý tưởng.

e.

e.

Physical ray

Cung thể xác

7th

Cung bảy

organisation. Business.

tổ chức. Kinh doanh.

[157] The soul ray controls for an entire life period. The personality rays given above are for the Piscean Age which is now beginning to pass out; but these have definitely and irrevocably conditioned humanity.

[157] Cung linh hồn kiểm soát trong suốt một chu kỳ đời sống. Các cung phàm ngã nêu trên thuộc Kỷ Nguyên Song Ngư, hiện đang bắt đầu qua đi; nhưng chúng đã định hình nhân loại một cách rõ rệt và không thể đảo ngược.

You will note also that the first Ray of Will or Power is missing as is the fourth Ray of Harmony through Conflict. This fourth ray is always active as it controls in a peculiar manner the fourth creative Hierarchy and might be regarded as forming the *basic*

Các bạn cũng sẽ nhận thấy rằng cung một của Ý Chí hay Quyền Năng không có mặt, cũng như cung bốn của Hài Hoà qua Xung Đột. Cung bốn này luôn hoạt động vì nó kiểm soát Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư theo một cách đặc biệt, và có thể xem nó là cung

personality ray of the fourth creative Hierarchy. The one given above is a transient and fleeting personality ray of a minor incarnation.

phàm ngã *cơ bản* của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Cung đã nêu ở trên là một cung phàm ngã nhất thời và ngắn ngủi của một lần lâm phàm nhỏ.

12. In the Aquarian Age which is rapidly coming, the Dweller will present slightly different personality forces:

12. Trong Kỷ Nguyên Bảo Bình đang nhanh chóng đến gần, Kẻ Chận Ngõ sẽ biểu lộ các mãnh lực phàm ngã hơi khác:

a.

Personality ray

5th

basic and determining.

a.

Cung phàm ngã

Cung năm

cơ bản và mang tính quyết định.

b.

Mind ray

4th

the creative effect.

b.

Cung thể trí

Cung bốn

tác động sáng tạo.

c.

Astral ray

6th

conditioning incentives.

c.

Cung thể cảm dục

Cung sáu

định hình các động lực.

d.

Physical ray

7th

incoming ray.

d.

Cung thể xác

Cung bảy

cung đang đi vào.

13. Each great cycle in the zodiac is in the nature of an incarnation of the human family, and each great race is a somewhat similar happening; the latter is, however, of more importance where the human understanding and consciousness is concerned. The analogy is to the few important incarnations in the life of the soul in contra-distinction to the many unimportant and rapidly succeeding incarnations. Of the important incarnations there are three which are of major import: the Lemurian, the Atlantean, and the Aryan races.

13. Mỗi chu kỳ lớn trong hoàng đạo mang bản chất của một lần lâm phàm của gia đình nhân loại, và mỗi giống dân lớn cũng là một sự kiện có phần tương tự; tuy nhiên, sự kiện sau quan trọng hơn đối với sự thấu hiểu và tâm thức của con người. Điều này tương tự với một số ít lần lâm phàm quan trọng trong đời sống của linh hồn, đối lập với nhiều lần lâm phàm không quan trọng nối tiếp nhau nhanh chóng. Trong những lần lâm phàm quan trọng, có ba lần mang ý nghĩa trọng đại: các giống dân Lemuria, Atlantis và Arya.

14. Each race produced its own type of Dweller on the Threshold who was faced at the close of the spiritual cycle (not the physical which goes on to crystallisation) [158] when maturity was achieved and a certain initiation became possible for its advanced humanity.

14. Mỗi giống dân tạo ra một kiểu Kẻ Chận Ngõ riêng, mà giống dân ấy phải đối diện vào cuối chu kỳ tinh thần (không phải chu kỳ hồng trần, vốn tiếp tục đi đến sự kết tinh) [158] khi đã đạt đến sự trưởng thành và một cuộc điểm đạo nhất định trở nên khả thi đối với bộ phận nhân loại tiến bộ của giống dân ấy.

15. When a racial incarnation and a zodiacal cycle synchronise (which is not always the case) then there comes a significant and important focussing of the attention of the Dweller on the Angel and vice versa. This is taking place at this time at the close of the Piscean era and when the Aryan race has reached maturity and a relatively high water mark of development. Discipleship is significant of maturity, and it is with mature development that the Dweller is met. The Aryan race is ready for discipleship.

15. Khi một lần lâm phàm của giống dân và một chu kỳ hoàng đạo diễn ra đồng thời (điều không phải lúc nào cũng xảy ra), sự chú ý của Kẻ Chận Ngõ tập trung vào Thiên Thần, và ngược lại, theo một cách có thâm nghĩa và quan trọng. Hiện nay điều này đang diễn ra vào cuối thời đại Song Ngư, khi giống dân Arya đã đạt đến sự trưởng thành và một đỉnh cao phát triển tương đối. Địa vị đệ tử biểu thị sự trưởng thành, và chính khi phát triển đến độ trưởng thành, người ta mới gặp Kẻ Chận Ngõ. Giống dân Arya đã sẵn sàng cho địa vị đệ tử.

16. The development of sensitivity in the individual and in the race indicates the imminence of the recognition of the Angel from both angles of vision and the immediacy of the opportunity. This

16. Sự phát triển tính nhạy cảm nơi cá nhân và nhân loại cho thấy việc nhận biết Thiên Thần từ cả hai góc nhìn đã gần kề, và cơ hội đang ở ngay trước mắt. Cơ hội chủ động

opportunity for active fusion has never been so true as now.

dung hợp này chưa bao giờ hiện thực như lúc này.

17. The lines of demarcation as existing between the recognised areas of influence between the Dweller and the Angel are clearer than ever before in the history of the race. Man knows the difference between right and wrong and must now choose the way that he shall go. In the Atlantean racial crisis (which was also a complete human crisis), the history of which is perpetuated for us in the *Bhagavad Gita,* Arjuna—symbol of the then disciple and the world disciple—was frankly bewildered. This is not so true now. The disciples of the world and the world disciple do see the issues today relatively quite clearly. Will expediency win or will the Dweller be sacrificed with love and understanding to the Angel? This is the major problem.

17. Những đường phân định giữa các phạm vi ảnh hưởng đã được nhận biết của Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần rõ ràng hơn bất cứ lúc nào trước đây trong lịch sử nhân loại. Con người biết sự khác biệt giữa đúng và sai, và giờ đây phải chọn con đường mình sẽ đi. Trong cuộc khủng hoảng của giống dân Atlantis (cũng là một cuộc khủng hoảng của toàn thể nhân loại), mà lịch sử được lưu truyền cho chúng ta trong *Chí Tôn Ca,* Arjuna—biểu tượng của đệ tử thời ấy và của đệ tử thế giới—quả thực đã hoang mang. Giờ đây điều ấy không còn đúng như trước. Ngày nay, các đệ tử trên thế giới và đệ tử thế giới thực sự nhìn thấy các vấn đề tương đối rõ ràng. Liệu sự vụ lợi sẽ thắng thế, hay Kẻ Chận Ngõ sẽ được hi sinh cho Thiên Thần với tình thương và sự thấu hiểu? Đây là vấn đề chính.

[159] I will ask you, my brother, to do two things: study the above ideas in the light of the present world crisis, and in the light of your own soul-personality problem.

[159] Hỡi huynh đệ của tôi, Tôi sẽ yêu cầu huynh đệ làm hai việc: nghiên cứu những ý tưởng trên dưới ánh sáng của cuộc khủng hoảng thế giới hiện nay, và dưới ánh sáng của vấn đề linh hồn–phàm ngã của chính huynh đệ.

Advanced humanity stands, as the Dweller, on the very threshold of divinity. The Angel stands expectant—absorbed in the PRESENCE yet ready to absorb the Dweller. Humanity has advanced in consciousness to the very boundaries of the world of spiritual values and the kingdom of Light and of God. The Angel has "come to Earth" in expectation of recognition—an event of which the advent of Christ two thousand years ago was the symbol and the precursor. This is the situation where all advanced aspirants are concerned. It can be yours. It is the situation also where humanity as a

Bộ phận nhân loại tiến bộ, với tư cách Kẻ Chận Ngõ, đang đứng ngay trên ngưỡng cửa của thiên tính. Thiên Thần đứng chờ đợi—đắm mình trong HIỆN DIỆN nhưng vẫn sẵn sàng thu nhận Kẻ Chận Ngõ vào mình. Tâm thức nhân loại đã tiến đến tận ranh giới của thế giới các giá trị tinh thần và giới của Ánh Sáng và Thượng đế. Thiên Thần đã "đến Trái Đất" trong sự chờ đợi được nhận biết—một sự kiện mà sự giáng lâm của Đức Christ hai nghìn năm trước là biểu tượng và dấu hiệu báo trước. Đây là tình thế của tất cả những người chí nguyện tiến bộ. Đó có thể là tình thế của huynh đệ. Đây cũng là tình thế của

whole is concerned and the approaching Hierarchy. The consciousness of humanity from the higher and spiritual standpoint functions today through the steadily growing band of world servers, world aspirants and world disciples, and their name is Legion.

toàn thể nhân loại và Thánh đoàn đang đến gần. Ngày nay, xét từ quan điểm cao hơn và tinh thần, tâm thức nhân loại hoạt động thông qua đội ngũ ngày càng đông đảo những người phụng sự thế gian, những người chí nguyện thế giới và những đệ tử thế giới; họ đông vô số.

Humanity today is the Dweller whilst the Hierarchy of Souls is the Angel and behind stands the PRESENCE of Divinity Itself, intuited by the Hierarchy and dimly sensed by humanity but providing in this manner that threefold synthesis which is divine manifestation in form.

Ngày nay nhân loại là Kẻ Chận Ngõ, còn Thánh đoàn các Linh Hồn là Thiên Thần, và phía sau là HIỆN DIỆN của chính Thiên Tính; Thánh đoàn trực nhận HIỆN DIỆN ấy, còn nhân loại cảm nhận một cách mơ hồ, nhưng bằng cách này, HIỆN DIỆN tạo nên sự tổng hợp tam phân vốn là sự biểu hiện thiêng liêng trong hình tướng.

All these three have powerful emanations (though the emanation of the PRESENCE via Shamballa has been wisely held in leash since the human race came into being). They all have auras, if you care so to call them, and in the three worlds at present that of the Dweller is still the most powerful, just as in the life of the aspirant, his personality is as yet the dominant predisposing factor. It is this powerful human emanation which constitutes the major glamour in the life of humanity and of the individual disciple. *It is a synthesis of glamour, fused and blended by the personality ray but precipitated by the effect of the steadily influencing soul ray.* It [160] is the shadow or distortion of reality, now sensed for the first time on a large scale by the race of men and thrown into high relief by the light which shines from the Angel, the transmitter of energy from the PRESENCE.

Cả ba đều có những phát xạ mạnh mẽ (mặc dù phát xạ của HIỆN DIỆN thông qua Shamballa đã được kiềm giữ một cách minh triết kể từ khi nhân loại xuất hiện). Cả ba đều có hào quang, nếu các bạn muốn gọi như vậy, và hiện nay trong ba cõi giới, hào quang của Kẻ Chận Ngõ vẫn mạnh nhất, cũng như trong đời sống của người chí nguyện, phàm ngã của y vẫn là yếu tố chi phối và tạo khuynh hướng chủ đạo. Chính phát xạ mạnh mẽ này của con người tạo thành ảo cảm chủ yếu trong đời sống nhân loại và của từng đệ tử. *Đó là một sự tổng hợp của ảo cảm, do cung phàm ngã dung hợp và hoà trộn, nhưng ngưng tụ do tác động của cung linh hồn đang ảnh hưởng ngày càng đều đặn.* Nó [160] là cái bóng hay sự biến dạng của thực tại, mà nay lần đầu tiên nhân loại cảm nhận trên quy mô lớn, và ánh sáng toả ra từ Thiên Thần, Đấng truyền năng lượng từ HIỆN DIỆN, làm cho nó hiện rõ nổi bật.

And so they stand—Humanity and the Hierarchy. And so you stand, my brother, personality and soul, with freedom to go forward into the light if you so determine or to remain static and unprogressive, learning

Và như thế, Nhân Loại và Thánh đoàn đứng đó. Và huynh đệ cũng đứng như thế, hỡi huynh đệ của tôi, với phàm ngã và linh hồn, tự do tiến vào ánh sáng nếu huynh đệ quyết tâm như vậy, hoặc vẫn đứng yên và không

nothing and getting nowhere; you are equally free to return to identification with the Dweller, negating thus the influence of the Angel, refusing imminent opportunity and postponing—until a much later cycle—your determining choice. This is true of you and of Humanity as a whole. Will humanity's third ray materialistic personality dominate the present situation or will its soul of love prove the most powerful factor, taking hold of the personality and its little issues, leading it to discriminate rightly and to recognise the true values and thus bring in the age of soul or hierarchical control? Time alone will show.

tiến bộ, không học được gì và chẳng đi đến đâu; huynh đệ cũng tự do trở lại đồng hoá với Kẻ Chận Ngõ, qua đó phủ nhận ảnh hưởng của Thiên Thần, từ chối cơ hội đang đến gần và trì hoãn sự lựa chọn mang tính quyết định của mình đến một chu kỳ muộn hơn nhiều. Điều này đúng với huynh đệ và với toàn thể Nhân Loại. Liệu phàm ngã duy vật cung ba của nhân loại sẽ chi phối tình thế hiện nay, hay linh hồn bác ái của nhân loại sẽ chứng tỏ là yếu tố mạnh nhất, nắm lấy phàm ngã cùng những vấn đề nhỏ nhặt của nó, dẫn nó đến sự phân biện đúng đắn và nhận biết các giá trị chân thực, từ đó mở ra thời đại dưới sự kiểm soát của linh hồn hay Thánh đoàn? Chỉ thời gian mới cho thấy.

I will give you no more today. I am anxious for these few essential statements to be mastered by all of you, prior to our taking up Section III. I am anxious too for the general group instructions, which you have lately received, to take much of your time, interest and attention. Inner group adjustments and more firmly established group relations are urgently needed and upon these I ask you to work. I would remind you here also that—as in all else in manifestation—there is a group personality and a group soul; you must learn clearly to distinguish between the two and to throw the entire weight of your influence, desire and pressure on the side of the Group Angel. In this way there might occur that stupendous recognition for which all initiation prepares the applicant—the revelation of the PRESENCE.

Hôm nay Tôi sẽ không truyền đạt thêm. Tôi tha thiết mong tất cả các bạn nắm vững vài điều cốt yếu này trước khi chúng ta đi vào Phần III. Tôi cũng tha thiết mong các huấn thị chung dành cho nhóm mà các bạn vừa nhận được chiếm phần lớn thời gian, sự quan tâm và chú ý của các bạn. Những điều chỉnh nội bộ nhóm và các mối quan hệ nhóm vững chắc hơn là điều hết sức cấp thiết, và Tôi yêu cầu các bạn nỗ lực thực hiện những điều này. Ở đây, Tôi cũng muốn nhắc các bạn rằng—cũng như mọi điều khác trong sự biểu hiện—có một phàm ngã nhóm và một linh hồn nhóm; các bạn phải học cách phân biệt rõ hai điều ấy và dồn toàn bộ sức ảnh hưởng, dục vọng và sức thúc đẩy của mình về phía Thiên Thần của Nhóm. Theo cách này, sự nhận biết kỳ diệu mà mọi cuộc điểm đạo đều chuẩn bị cho người xin điểm đạo có thể xảy ra—sự mặc khải HIỆN DIỆN.

SECTION THREE: THE ENDING OF GLAMOUR – PHẦN BA: CHẤM DỨT ẢO CẢM

[161] We come now to the consideration of the third section relating to world glamour. It is difficult to write clearly about this matter because we are in the midst of its most concentrated expression—the worst the world has ever seen because glamour, incident to centuries of greed and selfishness, of aggression and materialism, has been focussed in a triplicity of nations. It is, therefore, easily to be seen and most effective in manifestation. Three nations express the three aspects of world glamour (illusion, glamour and maya) in an amazing manner, and their powerful assault upon the consciousness of humanity is dependent not only upon the response of Germany, Japan and Italy to this ancient miasma but also upon the fact that every nation—United Nations as well as Totalitarian Nations—are tainted with this universal condition. The freedom of the world is consequently largely dependent upon those people in every nation who (within themselves) have moved forward out of one or other of these "glamorous illusions and mayavic impressions" of the human soul into a state of awareness wherein they can see the conflict in its wider terms, i.e., as that existing for them between the Dweller on the Threshold and the Angel of the PRESENCE.

[161] Giờ đây chúng ta đi vào xem xét phần thứ ba liên quan đến ảo cảm thế giới. Khó viết một cách rõ ràng về vấn đề này vì chúng ta đang ở giữa biểu hiện tập trung nhất của nó—biểu hiện tồi tệ nhất mà thế giới từng chứng kiến, bởi ảo cảm nảy sinh từ nhiều thế kỷ tham lam và ích kỷ, xâm lược và chủ nghĩa duy vật đã tập trung vào một bộ ba quốc gia. Vì vậy, có thể dễ dàng nhìn thấy nó, và nó có hiệu lực rất mạnh trong sự biểu hiện. Ba quốc gia biểu lộ ba phương diện của ảo cảm thế giới (ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực) một cách đáng kinh ngạc; cuộc tấn công mạnh mẽ của họ vào tâm thức nhân loại không chỉ phụ thuộc vào sự đáp ứng của Đức, Nhật Bản và Ý đối với chướng khí cổ xưa này, mà còn vào thực tế rằng mọi quốc gia—các quốc gia Đồng Minh cũng như các quốc gia Toàn Trị—đều nhiễm tình trạng phổ biến ấy. Do đó, tự do của thế giới phần lớn phụ thuộc vào những người trong mỗi quốc gia đã tiến lên (trong chính mình), thoát khỏi một trong những "ảo tưởng mang tính ảo cảm và những ấn tượng mang tính ảo lực" này của linh hồn nhân loại để đi vào một trạng thái nhận biết, trong đó họ có thể nhìn cuộc xung đột trên bình diện rộng hơn, tức là cuộc xung đột hiện hữu đối với họ giữa Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần của HIỆN DIỆN.

These people are the aspirants, disciples and initiates of the world. They are aware of the dualism, the essential dualism, of the conflict and are not so pre-eminently conscious of the threefold nature and the differentiated condition of the situation which underlies the realised dualism. [162] Their approach to the problem is therefore

Những người này là các người chí nguyện, đệ tử và điểm đạo đồ của thế giới. Họ nhận biết tính nhị nguyên, tính nhị nguyên cốt yếu của cuộc xung đột, nhưng không nhận biết nổi bật đến thế về bản chất tam phân và trạng thái biến phân của tình thế nằm bên dưới tính nhị nguyên đã được nhận ra. [162] Vì vậy, cách họ tiếp cận vấn đề đơn giản hơn,

simpler and, because of this, world direction lies largely in their hands at this time.

và chính vì điều này, hiện nay việc định hướng thế giới phần lớn nằm trong tay họ.

It is right here that religion has, as a whole, gone astray. I refer to orthodox religion. It has been preoccupied with the Dweller on the Threshold and the eyes of the theologian have been held upon the material, phenomenal aspect of life through fear and its immediacy, and the fact of the Angel has been a theory and a point of wishful thinking. The balance is being adjusted by the humanitarian attitudes which are so largely coming into control, irrespective of any theological trend. These attitudes take their stand upon the belief of the innate rightness of the human spirit, in the divinity of man, and upon the indestructible nature of the soul of mankind. This inevitably brings in the concept of the PRESENCE, or of God Immanent and is the result of the needed revolt against the belief in God Transcendent. This spiritual revolution was entirely a balancing process and need cause no basic concern, for God Transcendent eternally exists but can only be seen and known and correctly approached by God Immanent—immanent in individual man, in groups and nations, in organised forms and in religion, in humanity as a whole and in the planetary Life Itself. Humanity is today (and has been for ages) battling illusion, glamour and maya. Advanced thinkers, those upon the Probationary Path, upon the Path of Discipleship, and the Path of Initiation have reached a point where materialism and spirituality, the Dweller on the Threshold and the Angel of the PRESENCE, and the basic dualism of manifestation can be seen clearly defined. Because of this clarity of demarcation, the issues underlying the present world events, the objectives of the present world-wide struggle, the modes and methods of re-establishing the spiritual contact so

Chính ở điểm này, tôn giáo nói chung đã đi chệch hướng. Tôi muốn nói đến tôn giáo chính thống. Tôn giáo ấy đã quá chú tâm đến Kẻ Chận Ngõ, và nỗi sợ hãi cùng tính cấp bách của nó đã giữ ánh mắt của nhà thần học nơi phương diện vật chất, hiện tượng của đời sống, còn sự hiện hữu của Thiên Thần chỉ là một lý thuyết và một điều mong ước. Những thái độ nhân đạo đang ngày càng chiếm ưu thế, bất kể khuynh hướng thần học nào, đang điều chỉnh lại thế quân bình. Những thái độ này đặt nền tảng trên niềm tin vào tính đúng đắn vốn có của tinh thần con người, vào thiên tính nơi con người và vào bản chất bất hoại của linh hồn nhân loại. Điều này tất yếu đưa đến khái niệm HIỆN DIỆN, hay Thượng đế Nội Tại, và là kết quả của sự phản kháng cần thiết chống lại niềm tin vào Thượng đế Siêu Việt. Cuộc cách mạng tinh thần này hoàn toàn là một tiến trình tạo lập quân bình, và không nhất thiết gây ra bất cứ mối lo ngại căn bản nào, bởi Thượng đế Siêu Việt tồn tại vĩnh cửu, nhưng chỉ Thượng đế Nội Tại mới có thể nhìn thấy, biết và tiếp cận Ngài một cách đúng đắn—Thượng đế nội tại trong từng con người, trong các nhóm và quốc gia, trong những hình tướng có tổ chức và trong tôn giáo, trong toàn thể nhân loại và trong chính Sự Sống hành tinh. Ngày nay nhân loại đang (và từ bao thời đại đã luôn) đấu tranh với ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực. Những nhà tư tưởng tiến bộ, những người trên Con Đường Dự Bị, trên Con Đường Đệ Tử và Con Đường Điểm Đạo đã đạt đến một điểm mà ở đó có thể thấy rõ ranh giới giữa chủ nghĩa duy vật và tinh thần, giữa Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần của HIỆN DIỆN, cũng như tính nhị nguyên căn bản của sự biểu hiện. Nhờ sự phân định rõ ràng này, có thể nhận biết và thẩm định rõ các vấn đề nằm bên dưới những biến cố thế giới hiện nay, các mục

prevalent in Atlantean [163] days and so long lost, and the recognition of the techniques which can bring in the new world era and its cultural order can be clearly noted and appraised.

tiêu của cuộc đấu tranh đang diễn ra trên toàn thế giới, những cách thức và phương pháp tái lập sự tiếp xúc tinh thần vốn rất phổ biến vào thời Atlantis [163] nhưng đã mất từ lâu, cùng việc nhận biết các kỹ thuật có thể mở ra thời đại thế giới mới và trật tự văn hoá của nó.

All generalisations admit of error. It might, however, be said that Germany has focussed in herself world glamour—the most potent and expressive of the three aspects of glamour. Japan is manifesting the force of maya—the crudest form of material force. Italy, individualistic and mentally polarised, is the expression of world illusion. The United Nations, with all their faults, limitations, weaknesses and nationalisms, are focussing the conflict between the Dweller and the Angel, and thus the three forms of glamour and the final form of the conflict between the spiritual ideal and its material opponent are appearing simultaneously. The United Nations are, however, gradually and most decisively throwing the weight of their effort and aspiration on to the side of the Angel, thus restoring the lost balance and slowly producing on a planetary scale those attributes and conditions which will eventually dispel illusion, dissipate glamour and devitalise the prevalent maya. This they are doing by the increased clear thinking of the general public of all the nations, bound together to conquer the three Axis Powers, by their growing ability to conceive ideas in terms of the whole, in terms of a desirable world order or federation, and their capacity to discriminate between the Forces of Light and the potency of evil or materialism.

Mọi sự khái quát hoá đều có thể sai lầm. Tuy nhiên, có thể nói rằng nước Đức đã tập trung trong mình ảo cảm thế giới—phương diện mạnh mẽ và biểu lộ rõ nhất trong ba phương diện của ảo cảm. Nhật Bản đang biểu hiện mãnh lực của ảo lực—hình thức thô sơ nhất của mãnh lực vật chất. Nước Ý, mang tính cá nhân chủ nghĩa và phân cực trí tuệ, là biểu hiện của ảo tưởng thế giới. Các quốc gia Đồng Minh, với mọi lỗi lầm, giới hạn, nhược điểm và chủ nghĩa dân tộc của họ, đang tập trung cuộc xung đột giữa Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần; vì vậy, ba hình thức của ảo cảm và hình thức cuối cùng của cuộc xung đột giữa lý tưởng tinh thần và đối thủ vật chất của nó đang xuất hiện đồng thời. Tuy nhiên, các quốc gia Đồng Minh đang dần dần và hết sức dứt khoát dồn sức nặng của nỗ lực và khát vọng về phía Thiên Thần, qua đó khôi phục thế quân bình đã mất và chậm rãi tạo ra trên quy mô hành tinh những thuộc tính và điều kiện mà cuối cùng sẽ xua tan ảo tưởng, làm tiêu tan ảo cảm và làm suy kiệt sinh lực của ảo lực đang phổ biến. Họ đang thực hiện điều này nhờ tư duy ngày càng sáng rõ của công chúng thuộc tất cả các quốc gia đang liên kết với nhau để đánh bại ba cường quốc phe Trục, nhờ khả năng ngày càng tăng của họ trong việc hình thành ý tưởng xét theo toàn thể, xét theo một trật tự thế giới hay một liên bang đáng mong muốn, và nhờ khả năng phân biện giữa các Mãnh Lực Ánh Sáng và sức mạnh của cái ác hay chủ nghĩa duy vật.

The work being done by those who see the world stage as the arena for the conflict between the Dweller on the Threshold and the Angel of the PRESENCE might be itemised as:

Công việc mà những người nhìn sân khấu thế giới như đấu trường của cuộc xung đột giữa Kẻ Chận Ngõ và Thiên Thần của HIỆN DIỆN đang thực hiện có thể liệt kê như sau:

1. The producing of those world conditions in which the Forces of Light can overcome the Forces of Evil. This they do by the weight of their armed forces, plus their clear insight. [164]

1. Tạo ra những điều kiện thế giới trong đó các Mãnh Lực Ánh Sáng có thể chiến thắng các Mãnh Lực của Cái Ác. Họ thực hiện điều này bằng sức mạnh của các lực lượng vũ trang, cùng với sự thấy biết sáng rõ của mình. [164]

2. The educating of humanity in the distinction between:

2. Giáo dục nhân loại về sự khác biệt giữa:

a. Spirituality and materialism, pointing to the differing goals of the combatant forces.

a. Tinh thần và chủ nghĩa duy vật, chỉ ra các mục tiêu khác nhau của những lực lượng đang giao chiến.

b. Sharing and greed, outlining a future world wherein the Four Freedoms will be dominant and all will have that which is needed for right living-processes.

b. Chia sẻ và tham lam, phác hoạ một thế giới tương lai trong đó Bốn Quyền Tự Do sẽ chiếm ưu thế và mọi người đều có những gì cần thiết cho các tiến trình sống đúng đắn.

c. Light and dark, demonstrating the difference between an illumined future of liberty and opportunity, and the dark future of slavery.

c. Ánh sáng và bóng tối, cho thấy sự khác biệt giữa một tương lai được soi sáng của tự do và cơ hội, với một tương lai đen tối của cảnh nô lệ.

d. Fellowship and separation, indicating a world order where racial hatreds, caste distinctions and religious differences will form no barrier to international understanding, and the Axis order of master races, determined religious attitudes, and enslaved peoples.

d. Tình huynh đệ và sự chia rẽ, chỉ ra một trật tự thế giới trong đó thù hận chủng tộc, phân biệt đẳng cấp và khác biệt tôn giáo sẽ không tạo thành rào cản đối với sự thấu hiểu quốc tế, đối lập với trật tự của phe Trục gồm các giống dân thống trị, những thái độ tôn giáo cứng nhắc và các dân tộc bị nô dịch.

e. The whole and the part, pointing to the time which is approaching (under the evolutionary urge of spirit) wherein the part or the point of life assumes its responsibility

e. Toàn thể và bộ phận, hướng đến thời kỳ đang đến gần (dưới sự thôi thúc tiến hoá của tinh thần), trong đó bộ phận hay điểm sự sống đảm nhận trách nhiệm của mình đối

for the whole, and the whole exists for the good of the part.

với toàn thể, và toàn thể tồn tại vì lợi ích của bộ phận.

The dark aspect has been brought about by ages of glamour. The light is being emphasised and made clear by the world aspirants and disciples who by their attitudes, their actions, their writings and their utterances are bringing the light into dark places.

Bao thời đại của ảo cảm đã tạo ra phương diện tối tăm. Những người chí nguyện và đệ tử thế giới đang nhấn mạnh và làm rõ ánh sáng; bằng thái độ, hành động, các tác phẩm và lời nói của mình, họ đang đưa ánh sáng vào những nơi tối tăm.

3. Preparing the way for the three spiritual energies which will sweep humanity into an era of comprehension, leading to a focussed mental clarification of men's minds throughout the world. These three imminent energies are: [165]

3. Chuẩn bị con đường cho ba năng lượng tinh thần sẽ cuốn nhân loại vào một kỷ nguyên thấu hiểu, dẫn đến sự khai sáng trí tuệ tập trung nơi thể trí của con người trên khắp thế giới. Ba năng lượng sắp đến này là: [165]

a. *The energy of the intuition* which will gradually dispel world illusion, and produce automatically a great augmentation of the ranks of the initiates.

a. *Năng lượng trực giác* sẽ dần dần xua tan ảo tưởng thế giới và tự động làm gia tăng mạnh mẽ hàng ngũ các điểm đạo đồ.

b. The activity of light which will dissipate, by the *energy of illumination*, the world glamour and bring many thousands on to the Path of Discipleship.

b. Hoạt động của ánh sáng, thông qua *năng lượng soi sáng*, sẽ làm tiêu tan ảo cảm thế giới và đưa nhiều nghìn người bước vào Con Đường Đệ Tử.

c. *The energy of inspiration* which will bring about, through the medium of its sweeping potency, the devitalisation or the removal, as by a wind, of the attractive power of maya or substance. This will release untold thousands on to the Path of Probation.

c. *Năng lượng cảm hứng*, thông qua sức mạnh cuốn quét của nó, sẽ làm suy kiệt sinh lực hoặc cuốn đi như một ngọn gió sức hút của ảo lực hay chất liệu. Điều này sẽ giải phóng vô số nghìn người để bước vào Con Đường Dự Bị.

4. Releasing new life into the planet through the medium of every possible agency. The first step towards this release is the proving that the power of materialism is broken by the complete defeat of the Axis Powers and, secondly, by the ability of the United Nations to demonstrate (when this has been done) the potency of the spiritual values by

4. Giải phóng sự sống mới vào hành tinh thông qua mọi phương tiện có thể. Bước đầu tiên hướng đến sự giải phóng này là chứng minh rằng quyền lực của chủ nghĩa duy vật đã bị phá vỡ bằng sự thất bại hoàn toàn của các cường quốc phe Trục; và bước thứ hai là khả năng của các quốc gia Đồng Minh chứng tỏ (sau khi điều này hoàn tất) sức mạnh của

their constructive undertakings to restore world order and to lay those foundations which will guarantee a better and more spiritual way of life. These constructive attitudes and undertakings must be assumed individually by every person, and by nations as collective wholes. The first is being undertaken at this time. The second remains as yet to be done.

các giá trị tinh thần qua những công cuộc xây dựng nhằm khôi phục trật tự thế giới và đặt những nền móng bảo đảm một lối sống tốt đẹp hơn và có tính tinh thần hơn. Mỗi người với tư cách cá nhân, và các quốc gia với tư cách những toàn thể tập hợp, đều phải thể hiện những thái độ này và đảm nhận những công cuộc xây dựng ấy. Hiện nay điều thứ nhất đang được thực hiện. Điều thứ hai vẫn còn phải làm.

5. Bringing home to the nations of the world the truths taught by the Buddha, the Lord of Light, and the Christ, the Lord of Love. In this connection it might be pointed out that basically:

5. Làm cho các quốc gia trên thế giới thấu hiểu sâu sắc những chân lý mà Đức Phật, Chúa Tể của Ánh Sáng, và Đức Christ, Chúa Tể của Tình Thương, đã giảng dạy. Về phương diện này, có thể chỉ ra rằng về căn bản:

a. The Axis nations need to grasp the teaching of the Buddha as He enunciated it in the Four Noble [166] Truths; they need to realise that the cause of all sorrow and woe is desire—desire for that which is material.

a. Các quốc gia phe Trục cần nắm bắt giáo lý của Đức Phật như Ngài đã trình bày trong Tứ Diệu [166] Đế; họ cần nhận ra rằng nguyên nhân của mọi đau khổ và bất hạnh là dục vọng—dục vọng đối với những gì thuộc về vật chất.

b. The United Nations need to learn to apply the Law of Love as enunciated in the life of Christ and to express the truth that “no man liveth unto himself” and no nation either, and that the goal of all human effort is *loving understanding*, prompted by a programme of love for the whole.

b. Các quốc gia Đồng Minh cần học cách áp dụng Định luật Bác Ái như đã được thể hiện trong cuộc đời Đức Christ, và biểu lộ chân lý rằng “không ai sống chỉ cho riêng mình”, cũng không quốc gia nào như vậy, và rằng mục tiêu của mọi nỗ lực của con người là *sự thấu hiểu đầy tình thương*, được thúc đẩy bởi một chương trình bác ái dành cho toàn thể.

If the lives and teachings of these two great Avatars can be comprehended and wrought out anew in the lives of men today, in the world of human affairs, in the realm of human thinking and in the arena of daily living, the present world order (which is today largely disorder) can be so modified and changed that a new world and a new race of men can gradually come into being. Renunciation and the use of the sacrificial

Nếu cuộc đời và giáo lý của hai Đấng Hoá Thân vĩ đại này có thể được thấu hiểu và thực hiện lại trong đời sống của con người ngày nay, trong thế giới các hoạt động nhân loại, trong lĩnh vực tư tưởng con người và trên trường đời sống hằng ngày, thì trật tự thế giới hiện nay (ngày nay phần lớn là hỗn loạn) có thể được điều chỉnh và thay đổi đến mức một thế giới mới và một nhân loại mới có thể dần dần hình thành. Sự từ bỏ và việc

will should be the keynote for the interim period after the war, prior to the inauguration of the New Age.

vận dụng ý chí hi sinh nên là chủ âm cho thời kỳ chuyển tiếp sau chiến tranh, trước khi Kỷ Nguyên Mới bắt đầu.

Students need to remember that all manifestations and every point of crisis are symbolised by the ancient symbol of a point within the circle, the focus of power within a sphere of influence or aura. So it is today with the entire problem of ending the world glamour and illusion which fundamentally lie behind the present acute situation and world catastrophe. The possibility of such a dispelling and dissipation is definitely centred in the two Avatars, the Buddha and the Christ.

Các đạo sinh cần nhớ rằng mọi biểu hiện và mọi điểm khủng hoảng đều được tượng trưng bằng biểu tượng cổ xưa của một điểm nằm trong vòng tròn, tiêu điểm quyền năng nằm trong một khối cầu ảnh hưởng hay hào quang. Ngày nay cũng vậy đối với toàn bộ vấn đề chấm dứt ảo cảm và ảo tưởng thế giới, vốn là những yếu tố căn bản nằm sau tình thế gay gắt và thảm hoạ thế giới hiện nay. Khả năng xua tan và làm tiêu tan như vậy rõ ràng tập trung nơi hai Đấng Hoá Thân, Đức Phật và Đức Christ.

Within the world of glamour—the world of the astral plane and of the emotions—appeared a point of light. The Lord of Light, the Buddha, undertook to focus in Himself the illumination which would eventually make possible the dissipation of glamour. Within the world of illusion—the world of the mental plane—appeared the Christ, the Lord [167] of Love Himself, Who embodied in Himself the power of the *attractive* will of God. He undertook to dispel illusion by drawing to Himself (by the potency of love) the hearts of all men, and stated this determination in the words, "I, if I be lifted up, will draw all men unto Me." (John 12:32) From the point they then will have reached, the world of spiritual perception, of truth and of divine ideas will stand revealed. The result will be the disappearing of illusion.

Trong thế giới ảo cảm—thế giới của cõi cảm dục và của cảm xúc—đã xuất hiện một điểm ánh sáng. Chúa Tể Ánh sáng, Đức Phật, đảm nhận việc tập trung trong chính Ngài sự soi sáng mà cuối cùng sẽ khiến việc làm tiêu tan ảo cảm trở nên khả thi. Trong thế giới ảo tưởng—thế giới của cõi trí—đã xuất hiện Đức Christ, chính Chúa Tể [167] của Tình thương, Đấng thể hiện trong chính Ngài quyền năng của ý chí *thu hút* của Thượng đế. Ngài đảm nhận việc xua tan ảo tưởng bằng cách thu hút trái tim của mọi người về với Ngài (nhờ sức mạnh của tình thương), và tuyên bố quyết tâm này qua lời: "Ta, nếu được nâng lên, sẽ kéo mọi người đến với Ta." (Giăng 12:32) Từ điểm mà khi ấy họ đã đạt tới, thế giới của tri giác tinh thần, của chân lý và của các ý tưởng thiêng liêng sẽ hiển lộ. Kết quả sẽ là sự biến mất của ảo tưởng.

The combined work of these two great Sons of God, concentrated through the world disciples and through Their initiates must and will inevitably shatter illusion and dispel glamour—the one by the intuitive recognition of reality by minds attuned to it, and the other by the pouring in of the light

Công việc phối hợp của hai Con của Thượng đế vĩ đại này, tập trung qua các đệ tử trên thế giới và qua các điểm đạo đồ của Các Ngài, phải và chắc chắn sẽ phá tan ảo tưởng và xua tan ảo cảm—ảo tưởng nhờ sự nhận biết thực tại bằng trực giác của những thể trí đã hòa điệu với thực tại, còn ảo cảm nhờ ánh sáng

of reason. The Buddha made the first planetary effort to dissipate world glamour; the Christ made the first planetary effort towards the dispelling of illusion. Their work must now be intelligently carried forward by a humanity wise enough to recognise its dharma. Men are being rapidly disillusioned and will consequently see more clearly. The world glamour is being steadily removed from the ways of men. These two developments have been brought about by the incoming new ideas, focussed through the world intuitives and released to the general public by the world thinkers. It has been also largely aided by the well-nigh unconscious, but none the less real, recognition of the true meaning of these Four Noble Truths by the masses. Disillusioned and de-glamoured (if I may use such a term), humanity awaits the coming revelation. This revelation will be brought about by the combined efforts of the Buddha and the Christ. All that we can foresee or foretell anent that revelation is that some potent and far-reaching results will be achieved by the merging of light and love, and by the reaction of "lighted substance to the attractive power of love." In this sentence I have given those who can understand [168] a profound and useful hint as to the method and purpose of the undertaking which was staged for the June Full Moon, 1942. I have also given a clue to the true understanding of the work of these Avatars—a thing hitherto quite unrealised. It might be added that when an appreciation of the meaning of the words "transfiguration of a human being" is gained, the realisation will come that when "the body is full of light" then "in that light shall we see LIGHT." This means that when the personality has reached a point of purification, of dedication and of illumination, then the attractive power of the soul (whose nature is love and

của lý trí tuôn vào. Đức Phật đã thực hiện nỗ lực đầu tiên trên quy mô hành tinh để làm tiêu tan ảo cảm thế giới; Đức Christ đã thực hiện nỗ lực đầu tiên trên quy mô hành tinh nhằm xua tan ảo tưởng. Giờ đây, nhân loại phải tiếp tục công việc của Các Ngài một cách sáng suốt, với đủ minh triết để nhận biết bổn phận của mình. Con người đang nhanh chóng thoát khỏi ảo tưởng và do đó sẽ thấy rõ hơn. Ảo cảm thế giới đang dần được loại bỏ khỏi những con đường của con người. Hai bước phát triển này xuất phát từ các ý tưởng mới đang đi vào, tập trung qua những người có trực giác trên thế giới và được các nhà tư tưởng trên thế giới truyền đến công chúng. Tiến trình ấy cũng nhận được sự hỗ trợ đáng kể từ việc quần chúng nhận biết ý nghĩa chân thực của Tứ Diệu Đế, một sự nhận biết gần như vô thức nhưng vẫn có thực. Thoát khỏi ảo tưởng và được giải trừ ảo cảm (nếu Tôi có thể dùng một thuật ngữ như thế), nhân loại đang chờ đợi sự mặc khải sắp tới. Sự mặc khải này sẽ đến nhờ những nỗ lực phối hợp của Đức Phật và Đức Christ. Tất cả những gì chúng ta có thể thấy trước hoặc tiên đoán về sự mặc khải ấy là sự hòa nhập của ánh sáng và tình thương, cùng với đáp ứng của "chất liệu được soi sáng đối với quyền năng thu hút của tình thương", sẽ đem lại một số kết quả mạnh mẽ và sâu rộng. Trong câu này, Tôi đã trao cho những ai có thể thấu hiểu [168] một gợi ý sâu sắc và hữu ích về phương pháp và mục đích của công việc đã được triển khai vào kỳ Trăng Tròn tháng Sáu năm 1942. Tôi cũng đã trao một manh mối để thấu hiểu đúng công việc của các Đấng Hoá Thân này—một điều cho đến nay hoàn toàn chưa được nhận biết. Có thể nói thêm rằng khi hiểu được ý nghĩa của những lời "sự Biến hình của một con người", người ta sẽ nhận ra rằng khi "thân thể tràn đầy ánh sáng" thì "trong ánh sáng ấy, chúng ta sẽ thấy ÁNH SÁNG". Điều này có nghĩa là khi phàm ngã đã đạt đến một mức độ thanh luyện, tận hiến và soi sáng, thì quyền năng

understanding) can function, and fusion of these two will take place. This is what the Christ proved and demonstrated.

thu hút của linh hồn (vốn có bản chất là tình thương và sự thấu hiểu) có thể hoạt động, và sự dung hợp giữa linh hồn và phàm ngã sẽ diễn ra. Đây là điều Đức Christ đã chứng minh và thể hiện.

When the work of the Buddha (or the embodied buddhic principle) is consummated in the aspiring disciple and in his integrated personality, then the full expression of the work of the Christ (the embodied principle of love) can also be consummated and both these potencies—light and love—will find radiant expression in the transfigured disciple. What is true, therefore, of the individual is true also of humanity as a whole, and today humanity (having reached maturity) can "enter into realisation" and consciously take part in the work of enlightenment and of spiritual, loving activity. The practical effects of this process will be the dissipation of glamour and the release of the human spirit from the thraldom of matter; it will produce, also, the dispelling of illusion and the recognition of truth as it exists in the consciousness of those who are polarised in the "awareness of the Christ."

Khi công việc của Đức Phật (hay nguyên khí Bồ đề được thể hiện) hoàn tất trong người đệ tử có khát vọng và trong phàm ngã tích hợp của y, thì sự biểu hiện trọn vẹn của công việc của Đức Christ (nguyên khí tình thương được thể hiện) cũng có thể hoàn tất, và cả hai sức mạnh này—ánh sáng và tình thương—sẽ biểu hiện rực rỡ trong người đệ tử đã Biến hình. Do đó, điều đúng với cá nhân cũng đúng với toàn thể nhân loại, và ngày nay nhân loại (đã đạt đến sự trưởng thành) có thể "bước vào chứng nghiệm" và tham gia một cách hữu thức vào công việc giác ngộ và hoạt động tinh thần đầy tình thương. Những hiệu quả thực tiễn của tiến trình này sẽ là việc làm tiêu tan ảo cảm và giải phóng tinh thần con người khỏi sự nô dịch của vật chất; tiến trình ấy cũng sẽ xua tan ảo tưởng và đem lại sự nhận biết chân lý như chân lý hiện hữu trong tâm thức của những ai phân cực trong "sự nhận biết về Đức Christ".

This is necessarily no rapid process but is an ordered and regulated procedure, sure in its eventual success but relatively slow also in its establishment and sequential process. This process was initiated upon the astral plane [169] by the Buddha, and on the mental plane when Christ manifested on Earth. It indicated the approaching maturity of humanity. The process has been slowly gathering momentum as these two great Beings have gathered around Them Their disciples and initiates during the past two thousand years. It has reached a point of intensive usefulness as the channel of communication between Shamballa and the

Tất nhiên, đây không phải là một tiến trình nhanh chóng, mà là một phương thức có trật tự và được điều chỉnh, chắc chắn sẽ thành công cuối cùng nhưng cũng tương đối chậm trong việc thiết lập và diễn tiến tuần tự. Đức Phật đã khởi đầu tiến trình này trên cõi cảm dục [169], và tiến trình ấy bắt đầu trên cõi trí khi Đức Christ biểu hiện trên Trái Đất. Nó báo hiệu nhân loại đang tiến gần đến sự trưởng thành. Tiến trình này đã chậm rãi gia tăng đà phát triển khi hai Đấng vĩ đại này quy tụ quanh Các Ngài những đệ tử và điểm đạo đồ của Các Ngài trong hai nghìn năm qua. Nó đã đạt đến mức độ hữu ích cao khi kênh giao tiếp giữa Shamballa và Thánh

Hierarchy has been opened and enlarged, and as the contact between these two great Centres and Humanity has been more firmly established.

đoàn được mở ra và mở rộng, và khi sự tiếp xúc giữa hai Trung Tâm vĩ đại này với Nhân loại được thiết lập vững chắc hơn.

At the June Full Moon, 1942, the first test as to the directness of the communication between the Centre where the Will of God holds sway, the Centre where the Love of God rules, and the Centre where there is intelligent expectancy was made. The medium of the test was the united effort of the Christ, of the Buddha, and of those who responded to Their blended influence. This test had to be carried out in the midst of the terrific onslaught of the powers of evil and was extended over the two weeks beginning on the day of the Full Moon (May 30th 1942) and ending on June 15th 1942. There was a great concentration of the Spiritual Forces at that time, and the use of a special Invocation (one which humanity itself may not use), but the success or failure of the test was, in the last analysis, determined by mankind itself.

Vào kỳ Trăng Tròn tháng Sáu năm 1942, cuộc thử nghiệm đầu tiên về tính trực tiếp của sự giao tiếp giữa Trung Tâm nơi Ý Chí của Thượng Đế chi phối, Trung Tâm nơi Tình thương của Thượng đế cai quản, và Trung Tâm nơi có sự mong đợi sáng suốt đã diễn ra. Phương tiện của cuộc thử nghiệm là nỗ lực hợp nhất của Đức Christ, Đức Phật và những người đáp ứng ảnh hưởng hòa quyện của Các Ngài. Cuộc thử nghiệm này phải tiến hành giữa cuộc tấn công dữ dội của các quyền lực tà ác, và kéo dài trong hai tuần, bắt đầu vào ngày Trăng Tròn (30 tháng Năm năm 1942) và kết thúc vào ngày 15 tháng Sáu năm 1942. Khi ấy có một sự tập trung lớn của các Mãnh Lực Tinh Thần, cùng với việc sử dụng một lời Khẩn Cầu đặc biệt (một lời mà chính nhân loại không được sử dụng), nhưng xét cho cùng, chính nhân loại quyết định sự thành công hay thất bại của cuộc thử nghiệm.

You may feel, though wrongly, that not enough people know about or understand the nature of the opportunity or what is transpiring. But the success of such a test is not dependent upon the esoteric knowledge of the few, the relatively few, to whom the facts and the information have been partially imparted. It is dependent also upon the tendency of the many who unconsciously aspire towards the spiritual realities, who seek for a new and better way of life for all, who desire the good of the whole and whose [170] longing and desire is for a true experience of goodness, of right human relations and of spiritual enterprise among men. Their name is Legion and they are to be found in every nation.

Các bạn có thể cảm thấy, dù cảm nhận ấy là sai, rằng chưa đủ người biết hoặc thấu hiểu bản chất của cơ hội hay những gì đang diễn ra. Nhưng thành công của một cuộc thử nghiệm như thế không phụ thuộc vào kiến thức nội môn của số ít người, tương đối ít người, đã được truyền đạt một phần các sự kiện và thông tin. Nó còn phụ thuộc vào khuynh hướng của đông đảo những người vô thức hướng khát vọng về các thực tại tinh thần, tìm kiếm một lối sống mới và tốt đẹp hơn cho mọi người, mong muốn điều tốt lành cho toàn thể, và có [170] niềm khao khát cùng ước muốn thực sự trải nghiệm lòng thiện, những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người và hoạt động tinh thần

trong nhân loại. Tên họ là Quân Đoàn, và họ hiện diện trong mọi quốc gia.

When the Will of God, expressed in Shamballa and focussed in the Buddha, the Love of God, expressed in the Hierarchy and focussed through the Christ, and the intelligent desire of humanity, focussed through the world disciples, the world aspirants and the men of goodwill are all brought into line—either consciously or unconsciously—then a great re-orientation can and will take place. This event is something that *can* happen.

Khi Ý Chí của Thượng Đế, biểu hiện tại Shamballa và tập trung trong Đức Phật, Tình thương của Thượng đế, biểu hiện trong Thánh đoàn và tập trung qua Đức Christ, cùng với dục vọng sáng suốt của nhân loại, tập trung qua các đệ tử trên thế giới, những người chí nguyện trên thế giới và những người thiện chí, tất cả đều được đưa vào sự chỉnh hợp—một cách hữu thức hoặc vô thức—thì một sự tái định hướng lớn có thể và sẽ diễn ra. Đây là một sự kiện *có thể* xảy ra.

The first result will be the illumination of the astral plane and the beginning of the process which will dissipate glamour; the second result will be the irradiation of the mental plane and the dispelling of all past illusions and the gradual revelation of the new truths of which all past ideals and so-called formulations of truth have only been the signposts. Ponder on that statement. The signpost indicates the way to go; it does not reveal the goal. It is indicative but not conclusive. So with all truth up to the present time.

Kết quả đầu tiên sẽ là sự soi sáng cõi cảm dục và khởi đầu tiến trình làm tiêu tan ảo cảm; kết quả thứ hai sẽ là sự tỏa chiếu ánh sáng trên cõi trí, việc xua tan mọi ảo tưởng trong quá khứ và sự mặc khải dần dần những chân lý mới, mà mọi lý tưởng trong quá khứ cùng những cái gọi là cách diễn đạt chân lý chỉ là những biển chỉ đường. Hãy suy ngẫm về lời này. Biển chỉ đường chỉ hướng đi; nó không mặc khải đích đến. Nó mang tính chỉ dẫn, chứ không mang tính kết luận. Mọi chân lý cho đến hiện tại cũng như vậy.

The demand is, therefore, for knowers and for those whose minds and hearts are open; who are free from preconceived ideas fanatically held, and from ancient idealisms which must be recognised as only partial indications of great unrealised truths—truths which can be realised in great measure and for the first time IF the lessons of the present world situation and the catastrophe of the war are duly learned and the sacrificial will is called into play.

Do đó, điều cần thiết là những thức giả và những người có thể trí cùng trái tim rộng mở; những người thoát khỏi các ý tưởng định kiến được bám giữ một cách cuồng tín, và khỏi những chủ nghĩa lý tưởng xưa cũ mà cần nhận biết rằng chúng chỉ là những chỉ dẫn từng phần về các chân lý vĩ đại chưa được chứng nghiệm—những chân lý có thể được chứng nghiệm ở mức độ lớn và lần đầu tiên NẾU những bài học của tình hình thế giới hiện nay và thảm họa chiến tranh được học hỏi đầy đủ, và ý chí hi sinh được đưa vào hoạt động.

I have made this practical application and the immediate illustration of the teaching anent glamour, illusion and maya because the whole world problem has reached a crisis today and because its clarification will be the outstanding theme [171] of all progress —educational, religious and economic— until 2025 A.D.

Tôi đã đưa ra sự áp dụng thực tiễn và minh họa trực tiếp này cho giáo huấn về ảo cảm, ảo tưởng và ảo lực, vì ngày nay toàn bộ vấn đề thế giới đã đi đến một cuộc khủng hoảng, và vì việc làm sáng tỏ vấn đề ấy sẽ là chủ đề nổi bật [171] của mọi tiến bộ—giáo dục, tôn giáo và kinh tế—cho đến năm 2025 sau Công nguyên.

In the section with which we are now concerned we shall consider the practical ways in which illusion, glamour and the power of maya can be brought to an end in the life of the individual, and eventually in the life of nations and finally in the world. Always we must begin with the unity of life, the Microcosm; then, having grasped process and progress in connection with the individual, the idea can then be extended to the group, the organisation, the nation, and to humanity as a whole. Thus gradually we shall approach the great Idea to which we give the name of God, the Macrocosm.

Trong phần mà hiện nay chúng ta đang xem xét, chúng ta sẽ khảo sát những phương cách thực tiễn để chấm dứt ảo tưởng, ảo cảm và quyền năng của ảo lực trong đời sống cá nhân, rồi cuối cùng trong đời sống các quốc gia và sau hết là trên thế giới. Chúng ta luôn phải bắt đầu với chỉnh thể sự sống, tức Tiểu thiên địa; rồi, sau khi đã nắm bắt tiến trình và sự tiến bộ liên quan đến cá nhân, ý tưởng ấy có thể mở rộng đến nhóm, tổ chức, quốc gia và toàn thể nhân loại. Như thế, chúng ta sẽ dần tiếp cận Ý Tưởng vĩ đại mà chúng ta gọi bằng danh xưng Thượng đế, tức Đại thiên địa.

We shall in this section deal with techniques, and these might be summarised as follows:

Trong phần này, chúng ta sẽ bàn đến các kỹ thuật, và có thể tóm tắt chúng như sau:

1. The Technique of the Presence. By means of this technique, the soul assumes control of the integrated personality and of its relations, horizontal and vertical. This technique involves the unfolding of the flower of the intuition, dispelling illusion, revealing the Angel, indicating the Presence, and opening up to the disciple the world of ideas and the door of the higher initiations. Through the disciple's grasp and application of these divine ideas or seed thoughts, he becomes initiate and the third initiation becomes possible as an immediate goal. The intuition is the applied *power of transfiguration*. This technique is related to

1. Kỹ Thuật của Hiện Diện. Nhờ kỹ thuật này, linh hồn nắm quyền kiểm soát phàm ngã tích hợp và các mối quan hệ của nó, theo chiều ngang lẫn chiều dọc. Kỹ thuật này bao gồm việc khai mở đóa hoa trực giác, xua tan ảo tưởng, mặc khải Thiên Thần, chỉ ra Hiện Diện, và mở ra cho người đệ tử thế giới ý tưởng cùng cánh cửa của những cuộc điểm đạo cao hơn. Qua việc nắm bắt và áp dụng những ý tưởng thiêng liêng hay tư tưởng hạt giống này, người đệ tử trở thành điểm đạo đồ, và lần điểm đạo thứ ba trở thành một mục tiêu trước mắt có thể đạt được. Trực giác là *quyền năng Biến hình* được áp dụng.

the little known yoga called Agni Yoga or the yoga of fire.

Kỹ thuật này liên quan đến môn yoga ít được biết đến gọi là Agni Yoga, hay yoga của lửa.

2. The Technique of Light. By means of this technique, the illumined mind assumes control over the astral or emotional body and dissipates glamour. When light pours in, glamour fades out. Illumination dominates and the vision [172] of reality can be seen. This technique is related to Raja Yoga and its goal is the second initiation; it produces ability to tread the Path of Discipleship, and enables the man to "live a life, enlightened by divinity." Illumination is the applied *power of transformation.*

2. Kỹ Thuật Ánh sáng. Nhờ kỹ thuật này, thể trí được soi sáng nắm quyền kiểm soát thể cảm dục hay thể cảm xúc và làm tiêu tan ảo cảm. Khi ánh sáng tuôn vào, ảo cảm phai đi. Sự soi sáng chiếm ưu thế và linh thị [172] về thực tại trở nên hiển hiện. Kỹ thuật này liên quan đến Raja Yoga và mục tiêu của nó là lần điểm đạo thứ hai; nó đem lại khả năng bước trên Con Đường Đệ Tử, và giúp con người "sống một đời sống được thiên tính soi sáng". Sự soi sáng là *quyền năng chuyển đổi được áp dụng.*

3. The Technique of Indifference. By means of this technique, maya is ended; for the control of the purified astral vehicle is consciously and technically brought into activity, producing the freeing of the energies of the etheric body from the control of matter or force-substance, and bringing men in large numbers on to the Probationary Path. Where there is "divine indifference" to the call or pull of matter, then *inspiration* becomes possible. This technique is related to Karma Yoga in its most practical form and the use of matter with complete impersonality. The goal of this technique is the first initiation, which enables man to "live a life, inspired by God." Inspiration is the applied *power of transmission.*

3. Kỹ Thuật Điềm Nhiên. Nhờ kỹ thuật này, ảo lực chấm dứt; bởi quyền kiểm soát của hiện thể cảm dục đã được thanh luyện được đưa vào hoạt động một cách hữu thức và theo đúng kỹ thuật, giải phóng các năng lượng của thể dĩ thái khỏi sự kiểm soát của vật chất hay mãnh lực-chất liệu, và đưa đông đảo con người bước vào Con Đường Dự Bị. Nơi nào có "Điềm nhiên thiêng liêng" đối với tiếng gọi hay sức lôi kéo của vật chất, thì *cảm hứng* trở nên khả thi. Kỹ thuật này liên quan đến Karma Yoga dưới hình thức thực tiễn nhất của nó và việc sử dụng vật chất với tính phi cá nhân hoàn toàn. Mục tiêu của kỹ thuật này là lần điểm đạo thứ nhất, giúp con người "sống một đời sống được Thượng đế truyền cảm hứng". Cảm hứng là *quyền năng truyền dẫn* được áp dụng.

1. The Technique of the Presence – 1. Kỹ Thuật của Hiện Diện

As we enter upon our consideration of this subject, the student has three things to bear in mind: the existence of the Intuition, the fact of Illusion, and the overshadowing Presence. This Presence is revealed by the intuition through the medium of the Angel

Khi bắt đầu xem xét chủ đề này, đạo sinh cần ghi nhớ ba điều : sự tồn tại của Trực Giác, thực tế về Ảo Tưởng, và Hiện Diện đang phủ bóng. Trực giác mặc khải Hiện Diện này qua trung gian Thiên Thần, và khi được mặc khải cùng nhận biết, Hiện Diện chấm dứt ảo tưởng.

and, when revealed and recognised, brings illusion to an end.

The story of illusion is one which must not be confounded with glamour; illusion is related to the whole process of revelation. Glamour can be and often is related to the distortion of that which has been revealed, but it must be borne in mind that illusion is primarily concerned with the reaction of the mind to the unfolding revelation, [173] as the soul registers it and seeks to impress it on the highest aspect of the personal lower self. Illusion is, therefore, the failure of the mind correctly to register, to interpret or translate that which has been transmitted and it is consequently a sin (if you care for that word) of the intelligent and highly developed people, of those who stand on the Path and who are in process of becoming rightly oriented; it is also a sin of accepted disciples as they seek to expand their consciousness in response to soul contact. When they have "seen through illusion" (and I use this phrase in its esoteric sense) then they are ready for the third initiation.

Câu chuyện về ảo tưởng không được nhầm lẫn với ảo cảm; ảo tưởng liên quan đến toàn bộ tiến trình mặc khải. Ảo cảm có thể và thường liên quan đến sự xuyên tạc những gì đã được mặc khải, nhưng cần ghi nhớ rằng ảo tưởng chủ yếu liên quan đến đáp ứng của thể trí đối với sự mặc khải đang khai mở, [173] khi linh hồn ghi nhận sự mặc khải ấy và tìm cách ghi khắc nó lên phương diện cao nhất của phàm ngã cá nhân. Do đó, ảo tưởng là sự thất bại của thể trí trong việc ghi nhận, diễn giải hoặc chuyển nghĩa đúng những gì đã được truyền đến, và vì thế là một tội lỗi (nếu các bạn muốn dùng từ ấy) của những người thông minh và phát triển cao, của những người đứng trên Đường Đạo và đang trong tiến trình định hướng đúng; đó cũng là một tội lỗi của các đệ tử được chấp nhận khi họ tìm cách mở rộng tâm thức để đáp ứng sự tiếp xúc với linh hồn. Khi họ đã "nhìn thấu ảo tưởng" (và Tôi dùng cụm từ này theo nghĩa nội môn), họ sẵn sàng cho lần điểm đạo thứ ba.

Our theme is, therefore, the theme of *revelation* and I would like to make some general remarks upon the subject, because thereby the problem of world illusion can be clarified and incidentally individual illusion also.

Do đó, chủ đề của chúng ta là chủ đề về *sự mặc khải*, và Tôi muốn đưa ra một số nhận xét tổng quát về chủ đề này, vì qua đó vấn đề ảo tưởng thế giới có thể được làm sáng tỏ, đồng thời cả ảo tưởng cá nhân cũng vậy.

The unfoldment of human awareness has been progressive down the ages, and has been dependent upon two major and related factors:

Sự khai mở nhận biết của con người đã tiến triển qua các thời đại, và phụ thuộc vào hai yếu tố chính có liên hệ với nhau:

1. The factor of the gradual development of the human mind through the processes of evolution itself. This might be regarded as the innate capacity of that which we call the mind, the chitta, or mind stuff, to become

1. Yếu tố phát triển dần dần của trí tuệ con người qua chính các tiến trình tiến hoá. Có thể xem đây là khả năng bẩm sinh của cái mà chúng ta gọi là thể trí, tâm chất, hay chất liệu trí tuệ, trong việc ngày càng trở nên

more and more sensitive to the impact of the phenomenal world, and to the impression from the higher worlds of being. The mind is the instrument which registers the process of "becoming" but it is also—during the later stages of human unfoldment—capable of registering the nature or function of *being*. Becoming is revealed through the medium of the intellect; Being, through the medium of the intuition. In all study of illusion, the instrumental nature of the mind must be remembered and its power to register accurately, to interpret [174] and transmit knowledge coming from the world of phenomena and wisdom from the realm of the soul.

nhạy cảm với tác động của thế giới hiện tượng, và với ấn tượng từ các thế giới Bản Thể cao hơn. Thể trí là công cụ ghi nhận tiến trình "trở thành", nhưng nó cũng—trong những giai đoạn về sau của sự khai mở con người—có khả năng ghi nhận bản chất hay chức năng của *Bản Thể*. Sự Trở Thành được mặc khải qua trung gian trí năng; Bản Thể, qua trung gian trực giác. Trong mọi nghiên cứu về ảo tưởng, cần ghi nhớ bản chất công cụ của thể trí và khả năng của nó trong việc ghi nhận chính xác, diễn giải [174] và truyền đạt tri thức đến từ thế giới hiện tượng cùng minh triết đến từ lĩnh vực linh hồn.

2. The factor of the method whereby humanity is made aware of that which is not immediately apparent. This is the method or process of what has been called "imposed revelation" or the impression conveyed to minds capable of reception of those ideas, beings, plans and purposes which exist behind the scenes, so to speak, and which are (in the last analysis) the factors which determine and condition the world process. These revelations or subjective, vital impressions are revealed by the intuition and have nothing to do with the knowledges, impressions and impacts which are related to the three worlds of human evolution, except in so far that (when grasped and apprehended) they have steadily transformed man's way of living, revealed to him his goals, and indicated his true nature. The revelations given throughout the ages and impressed on the minds of those trained to receive them deal with the great universals, are concerned with the whole, and lead to a developed appreciation of the oneness of life and with hylozoistic expression.

2. Yếu tố phương pháp giúp nhân loại nhận biết những gì không hiển nhiên ngay lập tức. Đây là phương pháp hay tiến trình của cái được gọi là "sự mặc khải được áp đặt", hay ấn tượng truyền đến những thể trí có khả năng tiếp nhận các ý tưởng, sinh linh, kế hoạch và mục đích tồn tại, có thể nói, ở hậu trường, và xét cho cùng là những yếu tố quyết định và định hình tiến trình thế giới. Trực giác mặc khải những sự mặc khải hay những ấn tượng chủ quan, sống động này, và chúng không liên quan đến các tri thức, ấn tượng và tác động gắn với ba cõi giới tiến hoá của con người, ngoại trừ ở chỗ (khi được nắm bắt và lĩnh hội) chúng đã không ngừng chuyển đổi lối sống của con người, mặc khải cho y những mục tiêu của y và chỉ ra bản chất chân thực của y. Những sự mặc khải được trao truyền qua các thời đại và ghi khắc lên thể trí của những người đã được huấn luyện để tiếp nhận chúng đều đề cập đến những điều phổ quát vĩ đại, liên quan đến toàn thể, và dẫn đến sự hiểu biết sâu sắc hơn về tính nhất thể của sự sống và về sự biểu hiện theo quan niệm vạn vật hữu sinh.

Two paralleling processes have produced humanity and its civilisation: One is the evolutionary process itself whereby the mind of the individual has been gradually unfolded until it becomes the dominant aspect in the personality; and at the same time a graded, wisely imparted series of revelations which have led humanity as a whole nearer to the inevitable apprehension of being; they have led him steadily away from identification with form and into those states of consciousness which are super-normal from the ordinary human angle but entirely normal from the spiritual.

Hai tiến trình song song đã tạo nên nhân loại và nền văn minh của nhân loại: Một là chính tiến trình tiến hoá, qua đó thể trí của cá nhân dần khai mở cho đến khi trở thành phương diện chi phối trong phàm ngã; đồng thời là một chuỗi mặc khải theo từng cấp độ, được truyền đạt một cách minh triết, đã dẫn toàn thể nhân loại đến gần hơn với sự lĩnh hội Bản Thể tất yếu; chúng không ngừng dẫn con người rời khỏi sự đồng hoá với hình tướng và đi vào những trạng thái tâm thức vốn siêu thường từ góc nhìn thông thường của con người, nhưng hoàn toàn bình thường từ góc nhìn tinh thần.

[175] Putting this concept specifically into occult terminology: *Individuality* has led to the steady perfecting of the mind with its perception, apprehension, analysis and interpretation whilst *initiation*, through the growth of the intuition, brings about (when the mental perfecting process has reached a relatively high degree of development) the apprehension of the world of spiritual values, of unified being and of intuitive understanding. This involves a consequent moving of the point of individual focus out of the world of phenomena into the world of reality. The lower use of the mind and its processes of unfoldment have produced illusion whilst the unfoldment of the higher mind and, later, its use as the transmitter of the intuition and of the higher revelation, will produce the transfiguration of the three worlds of phenomena in terms of the world of being.

[175] Diễn đạt quan niệm này một cách cụ thể bằng thuật ngữ huyền bí học: *Tính cá thể* đã dẫn đến sự hoàn thiện không ngừng của thể trí, với khả năng tri giác, lĩnh hội, phân tích và diễn giải của nó, trong khi *điểm đạo*, thông qua sự phát triển của trực giác, đem lại (khi tiến trình hoàn thiện trí tuệ đã đạt đến một mức phát triển tương đối cao) sự lĩnh hội thế giới của các giá trị tinh thần, của Bản Thể hợp nhất và của sự thấu hiểu bằng trực giác. Hệ quả của điều này là điểm tập trung của cá nhân dịch chuyển khỏi thế giới hiện tượng vào thế giới thực tại. Việc sử dụng thể trí ở cấp thấp và các tiến trình khai mở của nó đã tạo ra ảo tưởng, trong khi sự khai mở thượng trí và, về sau, việc sử dụng thượng trí làm phương tiện truyền dẫn trực giác cùng sự mặc khải cao hơn, sẽ đem lại sự Biến hình của ba cõi giới hiện tượng theo Thế Giới Bản Thể.

Illusion is frequently misinterpreted and misapplied mental perception of truth. It has naught to do with the mental phase of glamour, though illusion can be carried down into the world of feeling and become glamour. When this happens, its potency is exceedingly great because a thoughtform

Ảo tưởng thường là tri giác trí tuệ về chân lý bị diễn giải sai và áp dụng sai. Nó không liên quan gì đến giai đoạn trí tuệ của ảo cảm, dù ảo tưởng có thể được đưa xuống thế giới cảm xúc và trở thành ảo cảm. Khi điều này xảy ra, sức mạnh của nó hết sức lớn lao, vì một hình tư tưởng đã trở thành một thực thể, có

has become an entity, with vital power, and the magnetic power of feeling is added to the cold form of thought. Ponder on this. But at the stage with which we are now dealing, which is that of pure illusion, a revelation has precipitated upon the mental plane and —owing to failure rightly to apprehend and interpret it or to apply it usefully—it has developed into an illusion and enters upon a career of deception, of crystallisation and of misinformation.

quyền năng thiết yếu, và quyền năng từ tính của cảm xúc được thêm vào hình tướng lạnh lẽo của tư tưởng. Hãy suy ngẫm về điều này. Nhưng ở giai đoạn mà hiện nay chúng ta đang bàn đến, tức giai đoạn ảo tưởng thuần túy, một sự mặc khải đã ngưng tụ trên cõi trí và—do không được lĩnh hội, diễn giải đúng hoặc áp dụng một cách hữu ích—nó đã phát triển thành một ảo tưởng và bắt đầu một quá trình lừa dối, kết tinh và truyền bá thông tin sai lệch.

The theme of this technique is, therefore, concerned primarily with:

Do đó, chủ đề của kỹ thuật này chủ yếu liên quan đến:

1. The process of revelation. This process has been and today is the main testimony and guarantee of the existence, [176] behind the scenes of the phenomenal life, of a revealing Group or Agency whose task is of a triple nature:

1. Tiến trình mặc khải. Tiến trình này đã và hiện nay vẫn là bằng chứng cùng sự bảo đảm chính yếu cho sự tồn tại, [176] đằng sau đời sống hiện tượng, của một Nhóm hay Cơ Quan thực hiện sự mặc khải, có nhiệm vụ mang bản chất tam phân:

a. To gauge the unfoldment of the human consciousness and to meet its constant appeal and demand for further light and knowledge.

a. Đánh giá sự khai mở của tâm thức nhân loại và đáp ứng lời kêu gọi cùng nhu cầu không ngừng của nhân loại về thêm ánh sáng và tri thức.

b. To judge what is the next needed revelation and what form it should take, through what medium it should emerge, and where and when it should appear.

b. Xác định sự mặc khải tiếp theo cần có là gì, nó nên mang hình thức nào, nên xuất hiện qua phương tiện nào, và nên xuất hiện ở đâu, vào lúc nào.

c. To ascertain with what obstructions, hindrances, and preconceived ideas the new incoming revelation will have to contend.

c. Xác định những trở ngại, cản trở và ý tưởng định kiến mà sự mặc khải mới đang đi vào sẽ phải đối mặt.

2. The fact of the Presence. This Presence is the impelling force behind all revelation and is in reality God Immanent, striving ever for recognition and Itself impelled thereto by the fact of God Transcendent.

2. Thực tế về Hiện Diện. Hiện Diện này là mãnh lực thúc đẩy đằng sau mọi sự mặc khải, và thực ra là Thượng đế Nội Tại, luôn nỗ lực để được nhận biết, và chính Ngài được thúc đẩy hướng đến điều đó bởi thực tế về Thượng đế Siêu Việt.

3. *The influence of the Angel*, who is the individualised seed of consciousness through whom, after due growth and response of the personal lower self, will come the revelation of the Presence. All true revelation is concerned with the unfolding glory of divinity in some field of expression, thereby testifying to the latent hidden Presence.

3. Ảnh hưởng của Thiên Thần, là hạt giống tâm thức đã biệt ngã hóa, mà qua đó, sau khi phàm ngã cá nhân tăng trưởng và đáp ứng đúng mức, sự mặc khải về Hiện Diện sẽ đến. Mọi sự mặc khải chân thực đều liên quan đến vinh quang đang khai mở của thiên tính trong một lĩnh vực biểu hiện nào đó, qua đó làm chứng cho Hiện Diện tiềm ẩn.

4. *The reaction of the intuitives* throughout the world to that revelation and the form in which they present it to the world thinkers. These latter are ever the first to appreciate and appropriate the new truth. The intuitives present the next phase of truth in a relatively pure form even though at the time of presentation it may be symbolically veiled. [177]

4. Phản ứng của những người có trực giác trên khắp thế giới đối với sự mặc khải ấy và hình thức mà họ dùng để trình bày nó cho các nhà tư tưởng trên thế giới. Những nhà tư tưởng này luôn là những người đầu tiên nhận biết giá trị và tiếp nhận chân lý mới. Những người có trực giác trình bày giai đoạn tiếp theo của chân lý dưới một hình thức tương đối thuần khiết, dù vào lúc trình bày, nó có thể được che phủ bằng biểu tượng. [177]

5. *The response of the thinking world* to the presented truth. It is at this point that illusion appears and misinterpretation and misrepresentation take place. These untrue interpretations of revealed truth, when they have lasted long enough and have acquired momentum, add to the general illusion and become part of it and thus feed and are fed by the world illusion. This is the built-up illusory form of thought, developed down the ages, which controls so much of the mass belief. When the revelation reaches this stage, the mass of men become involved; they recognise the illusion as the truth; they regard this illusion as reality; they fail to grasp the significance of the veiled, symbolically presented revelation but confuse it with the illusory presentation, and thus the intuitively perceived revelation becomes a distorted, twisted doctrine.

5. *Đáp ứng của giới tư tưởng* đối với chân lý được trình bày. Chính tại điểm này, ảo tưởng xuất hiện và sự diễn giải sai cùng trình bày sai diễn ra. Những cách diễn giải không đúng này về chân lý được mặc khải, khi đã tồn tại đủ lâu và có được đà phát triển, sẽ góp thêm vào ảo tưởng chung và trở thành một phần của nó, do đó vừa nuôi dưỡng vừa được ảo tưởng thế giới nuôi dưỡng. Đây là hình tướng tư tưởng mang tính ảo tưởng được tích lũy, phát triển qua các thời đại, chi phối rất nhiều niềm tin của quần chúng. Khi sự mặc khải đạt đến giai đoạn này, đông đảo con người bị cuốn vào; họ nhận ảo tưởng là chân lý; họ xem ảo tưởng này là thực tại; họ không nắm bắt được thâm nghĩa của sự mặc khải được che phủ và trình bày bằng biểu tượng, mà nhầm lẫn nó với cách trình bày mang tính ảo tưởng, và như thế sự mặc khải được tri giác bằng trực giác trở thành một giáo thuyết méo mó, xuyên tạc.

Theological interpretations and dogmas fall into this category and there ensues a re-enactment of the ancient drama of the blind leading the blind, to which Christ referred as He faced the theologians of His time.

The above statements are true of all revelation as it comes forth from the emanating centre of light, whether they concern so-called religious truth or scientific discoveries or the great standard of spiritual values whereby advanced humanity of both hemispheres seek to live and which, from time to time, move on a step in significance and in importance.

a. Intuition dispels Individual Illusion

Today we have reached a crisis in the field of human apprehension and can now enter into a new era wherein illusion can be dispelled and thinkers can begin to register accurately and without misapprehension that which the intuitives convey to them. This statement does not as yet apply to the [178] general public. It will be a long time before they will respond without illusion, because illusion is based upon the thoughtform-building activity of the lower mind. The masses are just beginning to use that lower mind and illusion is, therefore, for them a necessary stage of testing and training and one through which they must pass or they will lose much valuable experience, leaving undeveloped their powers of discrimination. This is a point which all teachers of occultism should have in mind. It is essential consequently that the masses are taught the significance of illusion and be trained to see and choose the kernel of pure truth in any presentation of truth with which they may be confronted. It is essential likewise that the world intuitives learn to use and control and understand the

Những cách diễn giải thần học và các giáo điều thuộc loại này, và rồi diễn ra sự tái hiện vở kịch xưa về người mù dẫn dắt người mù, điều mà Đức Christ đã nói đến khi Ngài đối diện với các nhà thần học thời Ngài.

Những phát biểu trên đúng với mọi sự mặc khải khi nó phát ra từ trung tâm phát xạ ánh sáng, dù chúng liên quan đến cái gọi là chân lý tôn giáo, hay các khám phá khoa học, hay chuẩn mực vĩ đại của các giá trị tinh thần mà nhân loại tiến bộ ở cả hai bán cầu tìm cách sống theo và thỉnh thoảng lại tiến thêm một bước về thâm nghĩa và tầm quan trọng.

a. Trực giác xua tan Ảo tưởng Cá nhân

Ngày nay, chúng ta đã đi đến một cuộc khủng hoảng trong lĩnh vực lĩnh hội của con người, và giờ đây có thể bước vào một kỷ nguyên mới, trong đó ảo tưởng có thể được xua tan và các nhà tư tưởng có thể bắt đầu ghi nhận chính xác, không hiểu sai những gì những người có trực giác truyền đạt cho họ. Phát biểu này chưa áp dụng cho [178] công chúng nói chung. Sẽ còn lâu nữa họ mới đáp ứng mà không có ảo tưởng, vì ảo tưởng dựa trên hoạt động kiến tạo hình tư tưởng của hạ trí. Quần chúng chỉ mới bắt đầu sử dụng hạ trí ấy, và do đó, đối với họ, ảo tưởng là một giai đoạn thử thách và huấn luyện cần thiết, một giai đoạn họ phải trải qua, nếu không họ sẽ mất nhiều kinh nghiệm quý giá, khiến các năng lực phân biện của họ không được phát triển. Đây là một điểm mà mọi huấn sư huyền bí học cần ghi nhớ. Vì vậy, điều thiết yếu là quần chúng được dạy về thâm nghĩa của ảo tưởng và được huấn luyện để nhìn thấy và chọn lấy cốt lõi chân lý thuần khiết trong bất kỳ cách trình bày chân lý nào mà họ có thể gặp. Tương tự, điều thiết yếu là những người có trực giác trên thế giới học cách sử dụng, kiểm soát và thấu hiểu năng

faculty of spiritual perception, of divine isolation and appropriate response which characterises the intuition. This they can do through the practice of the Technique of the Presence, but not as it is usually taught and presented.

lực tri giác tinh thần, sự cô lập thiêng liêng và đáp ứng thích hợp vốn là đặc trưng của trực giác. Họ có thể làm được điều này qua việc thực hành Kỹ Thuật của Hiện Diện, nhưng không phải theo cách kỹ thuật ấy thường được giảng dạy và trình bày.

Perhaps I shall make my meaning clearer if I state that this technique falls into certain scientific lines or modes of work, for which much of the training given in schools of true meditation and in the Raja Yoga systems have prepared the aspirant. These stages begin where the usual formulas leave off, and pre-suppose facility in approach to the Angel or the soul, and an ability to raise the consciousness to a point of soul fusion. I will list the processes or stages as follows:

Có lẽ Tôi sẽ làm rõ ý mình hơn nếu nói rằng kỹ thuật này tuân theo một số đường hướng hay phương thức hoạt động khoa học, mà phần lớn sự huấn luyện trong các trường tham thiền chân chính và trong các hệ thống Raja Yoga đã chuẩn bị cho người chí nguyện. Những giai đoạn này bắt đầu ở nơi các công thức thông thường kết thúc, và đòi hỏi sẵn có sự thuần thục trong việc tiếp cận Thiên Thần hay linh hồn, cùng khả năng nâng tâm thức đến một điểm dung hợp với linh hồn. Tôi sẽ liệt kê các tiến trình hay giai đoạn như sau:

1. The evocation of the stage of tension. This is basic and essential. It is a tension brought about by complete control of the personal self so that it is “fitted for contact with the real.”

1. Gợi lên giai đoạn tập trung nhất tâm. Đây là điều cơ bản và thiết yếu. Đó là sự tập trung nhất tâm do việc kiểm soát hoàn toàn bản ngã cá nhân tạo nên, để bản ngã ấy “thích hợp cho sự tiếp xúc với thực tại”.

2. The achieving of a state of fusion with the soul or with the Angel which guards the approach to the Path of the Higher Evolution. [179]

2. Đạt đến trạng thái dung hợp với linh hồn hay với Thiên Thần canh giữ lối vào Con đường Tiến Hóa Cao Siêu. [179]

3. The holding of the mind steady in the light of the soul, which remains the attitude of the lower self for the entire remaining period of work, held at the point of tension by the soul and not by an effort of the personality. The soul undertakes this holding when the personal self has done its utmost to achieve the desired tension.

3. Giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng của linh hồn, một thái độ mà phàm ngã duy trì trong toàn bộ thời gian làm việc còn lại, được linh hồn giữ tại điểm tập trung nhất tâm chứ không phải nhờ nỗ lực của phàm ngã. Linh hồn đảm nhận việc duy trì này khi bản ngã cá nhân đã làm hết sức để đạt được sự tập trung nhất tâm mong muốn.

These are the three preliminary steps for which the practice of alignment should have prepared the student of the higher

Đây là ba bước sơ bộ mà việc thực hành chỉnh hợp hẳn đã chuẩn bị cho đạo sinh nghiên cứu những huyền nhiệm cao hơn.

mysteries. These steps must precede all effort to develop the intuition, and this may take several months (or even years) of careful preparation. Fire is the symbol of the mind and these are the first three stages of the Agni Yoga discipline or of the yoga of fire for which Raja Yoga has prepared the student.

Những bước này phải đi trước mọi nỗ lực phát triển trực giác, và điều này có thể cần vài tháng (hay thậm chí vài năm) chuẩn bị cẩn thận. Lửa là biểu tượng của thể trí, và đây là ba giai đoạn đầu tiên của phép tu luyện Agni Yoga, hay yoga của lửa, mà Raja Yoga đã chuẩn bị cho đạo sinh.

Next come six more stages in the Technique, and these must be thoroughly understood and form the basis of prolonged brooding and intelligent reflection, carried on whilst the daily avocations and duties are being performed and not carried out at certain set times. The trained intuitive or disciple lives ever the dual life of mundane activity and of intense and simultaneous spiritual reflection. This will be the outstanding characteristic of the Western disciple in contradistinction to the Eastern disciple who escapes from life into the silent places and away from the pressures of daily living and constant contact with others. The task of the Western disciple is much harder, but that which he will prove to himself and to the world as a whole will be still higher. This is to be expected if the evolutionary process means anything. The Western races must move forward into spiritual supremacy, without obliterating the Eastern contribution, and the functioning of the Law of Rebirth holds the clue to this and demonstrates this necessity. The [180] tide of life moves from East to West as moves the sun, and those who in past centuries struck the note of Eastern mysticism must strike and are now striking the note of Western occultism. Therefore, the following stages must follow upon the three earlier. We will continue with the numbering as given, for what I here suggest is a formula for a more advanced meditation attitude. I said not form.

Tiếp theo là sáu giai đoạn nữa trong Kỹ Thuật, và cần thấu hiểu chúng một cách thấu đáo, lấy chúng làm nền tảng cho sự suy ngẫm lâu dài và tư duy sáng suốt, tiến hành trong khi thực hiện các công việc và bổn phận hằng ngày chứ không phải vào những thời điểm cố định nào đó. Người có trực giác đã được huấn luyện hay người đệ tử luôn sống đời sống kép, vừa hoạt động trần thế vừa suy tư tinh thần mãnh liệt và đồng thời. Đây sẽ là đặc điểm nổi bật của người đệ tử phương Tây, tương phản với người đệ tử phương Đông, vốn rời bỏ đời sống để đến những nơi tĩnh lặng, tránh xa các áp lực của đời sống hằng ngày và sự tiếp xúc không ngừng với người khác. Nhiệm vụ của người đệ tử phương Tây khó khăn hơn nhiều, nhưng điều y sẽ chứng minh cho chính mình và cho toàn thể thế giới sẽ còn cao hơn nữa. Đây là điều có thể kỳ vọng nếu tiến trình tiến hoá thực sự có ý nghĩa. Các dân tộc phương Tây phải tiến lên vị thế ưu việt về tinh thần mà không xóa bỏ sự đóng góp của phương Đông , và sự vận hành của Định luật Tái Sinh nắm giữ manh mối cho điều này, đồng thời chứng minh tính tất yếu của nó. [180] Dòng sự sống chuyển từ Đông sang Tây như mặt trời chuyển động, và những ai trong các thế kỷ trước đã xướng âm điệu của Thần bí học phương Đông phải xướng, và hiện đang xướng, âm điệu của huyền bí học phương Tây. Do đó, những giai đoạn sau đây phải tiếp nối ba giai đoạn trước. Chúng ta sẽ tiếp tục cách đánh số đã dùng, vì điều Tôi đề nghị ở đây là một công thức cho thái độ

tham thiền tiến bộ hơn. Tôi không nói là hình thức.

4. Definite and sustained effort to sense the Presence throughout the Universe in all forms and in all presentations of truth. This could be expressed in the words: "the effort to isolate the germ or seed of divinity which has brought all forms into being." I would point out that this is not the attainment of a loving attitude and a sentimental approach to all people and circumstances. That is the mystical way and though not intended to be negated in the disciple's life, is not used at this time in the process of effective approach. It is the effort primarily to see *in the light which the Angel radiates* the point of light behind all phenomenal appearances. This is, therefore, the transference of the mystical vision to the higher levels of awareness. It is not the vision of the soul but the vision or the spiritual sensing of that which the light of the soul can aid in revealing. The flickering soul light in the personal self has enabled the disciple to see the vision of the soul and in that light to reach union with the soul, even if only temporarily. Now the greater light of the soul becomes focussed like a radiant sun and it reveals in its turn a still more stupendous vision—that of the Presence, of which the Angel is the guarantee and promise. As the light of the Moon is the guarantee that the light of the Sun exists, so the light of the Sun is the guarantee, did you but know it, of a still greater light. [181]

4. Nỗ lực rõ ràng và bền bỉ để cảm nhận Hiện Diện khắp Vũ Trụ, trong mọi hình tướng và trong mọi cách trình bày chân lý. Có thể diễn đạt điều này bằng những lời sau: "nỗ lực tách riêng mầm hay hạt giống thiên tính đã đưa mọi hình tướng vào hiện tồn." Tôi muốn chỉ ra rằng đây không phải là việc đạt được một thái độ yêu thương và một cách tiếp cận đầy tình cảm đối với mọi người và mọi hoàn cảnh. Đó là con đường thần bí; tuy không có ý loại bỏ con đường ấy khỏi đời sống của đệ tử, nhưng vào lúc này, người ta không dùng nó trong tiến trình tiếp cận hữu hiệu. Trước hết, đây là nỗ lực nhìn thấy *trong ánh sáng mà Thiên Thần tỏa ra* điểm ánh sáng phía sau mọi biểu hiện của hiện tượng. Vì vậy, đây là sự chuyển dịch linh ảnh thần bí lên những cấp độ nhận biết cao hơn. Đó không phải là linh ảnh về linh hồn, mà là linh thị hay sự cảm nhận tinh thần về điều mà ánh sáng của linh hồn có thể giúp hé lộ. Ánh sáng linh hồn chập chờn trong phàm ngã đã giúp đệ tử thấy được linh ảnh về linh hồn và, trong ánh sáng ấy, đạt đến sự hợp nhất với linh hồn, dù chỉ tạm thời. Giờ đây, ánh sáng lớn hơn của linh hồn tập trung như một mặt trời rực rỡ và đến lượt nó hé lộ một linh ảnh còn kỳ vĩ hơn nữa—linh ảnh về Hiện Diện, mà Thiên Thần là sự bảo chứng và lời hứa hẹn. Cũng như ánh sáng của Mặt Trăng bảo chứng rằng ánh sáng của Mặt Trời hiện hữu, ánh sáng của Mặt Trời cũng bảo chứng—giả như các bạn biết được điều ấy—cho một ánh sáng còn lớn hơn nữa. [181]

5. Then, having sensed the Presence—not theoretically but in vibrating response to its Existence—there next comes the stage of the ascertaining of the Purpose. Hope of identification with the purpose lies too far ahead even for the average initiate, under

5. Sau đó, khi đã cảm nhận Hiện Diện—không phải trên lý thuyết mà bằng sự đáp ứng rung động trước sự Hiện Hữu của Hiện Diện—giai đoạn tiếp theo là xác định Mục Đích. Hy vọng đồng hoá với mục đích còn ở quá xa phía trước, ngay cả đối với điểm đạo

the status of Master. With that unattainable stage (for us) we are not concerned. But we are concerned with the effort to achieve an understanding of that which through the medium of form is seeking to embody the high purpose at any particular point in the evolutionary cycle. This is possible and has been achieved down the ages by those who have rightly approached and duly reflected upon the Way of the Higher Evolution. This Way is revealed to the disciple, e'en though it may not concern the intuitive message which he may bring back from his high adventure.

đồ thông thường chưa đạt cấp bậc Chân sư. Chúng ta không bàn đến giai đoạn ấy, vốn chưa thể đạt tới đối với chúng ta. Nhưng chúng ta quan tâm đến nỗ lực đạt được sự thấu hiểu về điều đang tìm cách thể hiện mục đích cao cả qua trung gian hình tướng, tại bất kỳ thời điểm cụ thể nào trong chu kỳ tiến hoá. Điều này là khả thi, và qua các thời đại, những người đã tiếp cận đúng đắn và suy ngẫm thích đáng về Con đường Tiến Hóa Cao Siêu đã đạt được điều đó. Con Đường này hiển lộ với đệ tử, dù có thể nó không liên quan đến thông điệp trực giác mà y mang về từ cuộc phiêu lưu cao siêu của mình.

6. He then carries some world problem, some design which his mind has evolved or his heart desired for the helping of humanity into what is esoterically called "the triple light of the intuition." This light is formed by the blending of the light of the personal self, focussed in the mind, the light of the soul, focussed in the Angel, and the universal light which the Presence emits; this, when done with facility through concentration and long practice, will produce two results:

6. Khi ấy, y đưa một vấn đề nào đó của thế giới, một dự định nào đó mà thể trí y đã hình thành hoặc trái tim y mong muốn nhằm giúp đỡ nhân loại, vào điều mà theo cách gọi huyền bí là "ánh sáng tam phân của trực giác." Ánh sáng này hình thành từ sự hòa trộn ánh sáng của phàm ngã, tập trung trong thể trí, ánh sáng của linh hồn, tập trung trong Thiên Thần, và ánh sáng vũ trụ do Hiện Diện phát ra; khi sự hòa trộn này được thực hiện thuần thục nhờ tập trung và thực hành lâu dài, nó sẽ tạo ra hai kết quả:

a. There will suddenly dawn upon the disciple's waiting mind (which still remains the agent of reception) the answer to his problem, the clue to what is needed to bring relief to humanity, the information desired which, when applied, will unlock some door in the realm of science, psychology or religion. This door, when opened, will bring relief or release to many. As before I have told you, the intuition is never concerned [182] with individual problems or enquiries, as so many self-centred aspirants think. It is purely impersonal and only applicable to humanity in a synthetic sense.

a. Trong thể trí đang chờ đợi của đệ tử—vẫn giữ vai trò tác nhân tiếp nhận—sẽ đột nhiên lóe sáng câu trả lời cho vấn đề của y, manh mối về điều cần thiết để làm vơi nỗi khổ của nhân loại, thông tin mong muốn mà khi áp dụng sẽ mở một cánh cửa nào đó trong lĩnh vực khoa học, tâm lý học hay tôn giáo. Khi mở ra, cánh cửa này sẽ mang lại sự nhẹ nhõm hoặc giải thoát cho nhiều người. Như Tôi đã nói với các bạn trước đây, trực giác không bao giờ liên quan [182] đến các vấn đề hay câu hỏi của cá nhân, như rất nhiều người chí nguyện tập trung vào bản thân vẫn nghĩ. Trực giác hoàn toàn phi cá nhân và chỉ áp dụng cho nhân loại theo nghĩa tổng hợp.

b. The "intruding agent of light" (as the *Old Commentary* calls these adventuring intuitives) is recognised as one to whom can be entrusted some revelation, some new impartation of truth, some significant expansion from a seed of truth already given to the race. He then sees a vision, hears a voice, registers a message, or—highest form of all—he becomes a channel of power and light to the world, a conscious Embodiment of divinity, or a Custodian of a divine principle. These forms constitute true revelation, imparted or embodied; they are still rare but will increasingly be developed in humanity.

b. "Tác nhân ánh sáng thâm nhập" (như *Cổ Luận* gọi những người có trực giác dấn thân vào cuộc phiêu lưu này) được nhìn nhận là người có thể được giao phó một sự mặc khải nào đó, một sự truyền đạt chân lý mới nào đó, một sự mở rộng quan trọng từ một hạt giống chân lý đã trao cho nhân loại. Khi ấy, y thấy một linh ảnh, nghe một tiếng nói, ghi nhận một thông điệp, hoặc—hình thức cao nhất trong tất cả—trở thành một kênh truyền quyền năng và ánh sáng đến thế giới, một Hiện Thân hữu thức của thiên tính, hoặc một Người Gìn Giữ một nguyên khí thiêng liêng. Những hình thức này cấu thành sự mặc khải chân chính, được truyền đạt hoặc được thể hiện; chúng vẫn còn hiếm, nhưng sẽ ngày càng phát triển trong nhân loại.

7. The next few stages are called, in preparation for the revelation:

7. Một vài giai đoạn tiếp theo, nhằm chuẩn bị cho sự mặc khải, được gọi là:

a. The relinquishing of the Higher Way.

a. Rời bỏ Con Đường Cao Siêu.

b. The return to the Angel, or a refocussing in the soul.

b. Trở về với Thiên Thần, hay tái tập trung trong linh hồn.

c. A pause or interlude for constructive thinking, under the influence of the Angel.

c. Một khoảng dừng hay khoảng chuyển tiếp để tư duy mang tính xây dựng, dưới ảnh hưởng của Thiên Thần.

d. The turning of the mind to the formulation of those forms of thought which must embody the revelation.

d. Hướng thể trí vào việc tạo lập những hình tư tưởng phải thể hiện sự mặc khải.

e. Then again a pause which is called "the pause preceding presentation."

e. Rồi lại một khoảng dừng, gọi là "khoảng dừng trước khi trình bày."

8. The presentation of the revelation or of the imparted truth and its precipitation into the world of illusion comes next. In that world of illusion, it undergoes the "fiery

8. Tiếp theo là việc trình bày sự mặc khải hay chân lý đã được truyền đạt, cùng sự ngưng tụ của nó vào thế giới ảo tưởng. Trong thế giới ảo tưởng ấy, nó trải qua "thử thách

ordeal" wherein "some of the fire within that which is revealed wings its way back to the source from whence it came; some of it serves to destroy the revealer, [183] and some to burn those who recognise the revelation." This is a phase of Agni Yoga which, as you can see, is only for those who can penetrate beyond the Angel into the place "where fire dwelleth," and where God, the Presence, functions as a consuming fire and waits for the hour of total revelation. This is a symbolic rendering of a great truth. In the case of the individual initiate, the third initiation, the Transfiguration, marks the consummation of the process. Only glory then is seen: only the voice of the Presence is heard and union with the past, the present and the future is reached.

bằng lửa", trong đó "một phần lửa bên trong điều được mặc khải cất cánh trở về nguồn mà nó đã xuất phát; một phần dùng để hủy diệt người mặc khải, [183] và một phần để thiêu đốt những người nhận ra sự mặc khải." Đây là một giai đoạn của pháp tu hợp nhất bằng Lửa mà, như các bạn có thể thấy, chỉ dành cho những người có thể xuyên qua bên kia Thiên Thần để vào nơi "lửa ngự", và nơi Thượng đế, Hiện Diện, hoạt động như một ngọn lửa thiêu rụi và chờ đợi giờ phút mặc khải toàn vẹn. Đây là cách diễn đạt bằng biểu tượng một chân lý vĩ đại. Trong trường hợp của từng điểm đạo đồ, lần điểm đạo thứ ba, cuộc Biến hình, đánh dấu sự hoàn tất của tiến trình. Khi ấy, chỉ vinh quang hiện ra: chỉ tiếng nói của Hiện Diện vang lên, và sự hợp nhất với quá khứ, hiện tại và tương lai được đạt tới.

9. The succumbing of the revelation to the prevailing illusion, its descent into the world of glamour, and its subsequent disappearance as a revelation and its emergence as a doctrine. But, in the meantime, humanity has been helped and led forward; the intuitives continue to work and the inflow of that which is to be revealed never ceases.

9. Sự mặc khải khuất phục trước ảo tưởng đang thịnh hành, đi xuống thế giới ảo cảm, rồi sau đó biến mất với tư cách một sự mặc khải và xuất hiện như một giáo lý. Nhưng trong thời gian ấy, nhân loại đã nhận được sự trợ giúp và dẫn dắt tiến lên; những người có trực giác tiếp tục hoạt động, và dòng tuôn vào của điều sẽ được mặc khải không bao giờ ngừng.

This basic technique underlies both primary and secondary revelations. In the case of the first, the time cycle is long; in the second, the time cycle is short. A very good instance of this process is demonstrated by one of the secondary points of revelation in connection with the teaching which emanated from the Hierarchy (the Custodian of secondary revelations, as Shamballa is of primary) fifty years ago and which took the form of *The Secret Doctrine*. H.P.B. was the "penetrating, sensing, appropriating intuitive." The revelation she conveyed followed the accustomed routine of all secondary

Kỹ thuật căn bản này là nền tảng của cả những sự mặc khải sơ cấp lẫn thứ cấp. Trong trường hợp thứ nhất, chu kỳ thời gian dài; trong trường hợp thứ hai, chu kỳ thời gian ngắn. Một minh họa rất rõ cho tiến trình này là một trong những điểm mặc khải thứ cấp liên quan đến giáo huấn phát ra từ Thánh đoàn (Đấng Gìn Giữ những sự mặc khải thứ cấp, cũng như Shamballa gìn giữ những sự mặc khải sơ cấp) cách đây năm mươi năm và mang hình thức *Giáo Lý Bí Nhiệm*. H.P.B. là "người có trực giác xuyên thấu, cảm nhận và tiếp nhận." Sự mặc khải mà Bà truyền đạt đi theo trình tự quen thuộc của mọi sự mặc

revelation from the Source to the outer plane. There the minds of men, veiled by illusion and clouded by glamour, formulated it into an inelastic doctrine, recognising no further revelation and holding steadily—many of the theosophical groups—that *The Secret Doctrine* was a final [184] revelation and that naught must be recognised but that book and naught deemed correct but their interpretations of that book. If they are correct, then evolutionary revelation is ended and the plight of humanity is hard indeed.

khải thứ cấp, từ Nguồn đến cõi bên ngoài. Tại đó, thể trí của con người, bị ảo tưởng che phủ và ảo cảm làm mờ, đã định hình nó thành một giáo lý cứng nhắc, không thừa nhận sự mặc khải nào thêm nữa; nhiều nhóm Thông Thiên Học vẫn kiên trì khẳng định rằng *Giáo Lý Bí Nhiệm* là một sự mặc khải cuối cùng [184] và không được thừa nhận điều gì ngoài cuốn sách ấy, cũng không được xem điều gì là đúng ngoài những cách diễn giải của họ về cuốn sách ấy. Nếu họ đúng, thì sự mặc khải trong tiến hoá đã chấm dứt, và tình cảnh của nhân loại quả thật khốn khó.

Even the neophyte upon the way of the intuition can begin to develop in himself the power to recognise that which the lower mind cannot give him. Some thought of revealing potency, to be used for the helping of the many, may drop into his mind; some new light upon an old, old truth may penetrate, releasing the truth from the trammels of orthodoxy, thus illumining his consciousness. This he must use for all and not for himself alone. Little by little, he learns the way into the world of the intuition; day by day, and year by year, he becomes more sensitive to divine Ideas and more apt in appropriating them wisely for the use of his fellowmen.

Ngay cả người sơ cơ trên con đường trực giác cũng có thể bắt đầu phát triển trong mình khả năng nhận ra điều mà hạ trí không thể mang lại cho y. Một tư tưởng nào đó có sức mạnh mặc khải, để dùng vào việc giúp đỡ nhiều người, có thể đi vào thể trí y; một ánh sáng mới nào đó soi lên một chân lý rất lâu đời có thể xuyên vào, giải phóng chân lý khỏi những ràng buộc của giáo điều chính thống, nhờ đó soi sáng tâm thức y. Y phải dùng điều này cho tất cả mọi người, chứ không chỉ riêng mình. Từng chút một, y học con đường đi vào thế giới trực giác; ngày qua ngày, năm qua năm, y trở nên nhạy cảm hơn với các Ý Tưởng thiêng liêng và khéo léo hơn trong việc tiếp nhận chúng một cách minh triết để phục vụ đồng loại.

The hope of the world and the dispelling of illusion lies in the development of intuitives and their conscious training. There are many natural intuitives whose work is a blend of the higher psychism with flashes of true intuition. There must be the training of the exact intuitive. Paralleling their intuitive response and their effort to precipitate their intuition into the world of human thought, there must also be the steady development of the human mind so that it can grasp and

Hy vọng của thế giới và việc xua tan ảo tưởng nằm ở sự phát triển những người có trực giác và việc huấn luyện họ một cách hữu thức. Có nhiều người có trực giác tự nhiên mà công việc là sự hòa trộn giữa năng lực thông linh cao cấp và những tia lóe của trực giác chân chính. Cần huấn luyện người có trực giác chính xác. Song song với sự đáp ứng trực giác của họ và nỗ lực ngưng tụ trực giác ấy vào thế giới tư tưởng của nhân loại, cũng phải có sự phát triển bền bỉ của trí tuệ con người để nó có thể nắm bắt và lĩnh hội

apprehend what is projected, and in this too lies the hope of the race.

b. Group Intuition dispels World Illusion

Today the world is full of illusions, many of them veiled under the form of idealisms; it is full of wishful thinking and planning, and even though much of this is rightly oriented and expresses the fixed determination of the intelligentsia to create better living conditions for the entire population [185] of the world, the question arises: Is there in the sum total of this wishful thinking enough of the essential dynamic livingness which will carry it down into physical demonstration and factual expression and thus truly meet human need? I would point out that the two greatest revealing Agents Who have ever come to Earth within the range of modern history made the following simple revelations to humanity:

1. The cause of all human suffering is desire and personal selfishness. Give up desire and you will be free.

2. There is a way of liberation and it leads to illumination.

3. It profits a man nothing to gain the whole world and lose his soul.

4. Every human being is a Son of God.

5. There is a way of liberation and it is the way of love and sacrifice.

The lives of these Revealers were symbolic representations of that which They taught, and the rest of Their teaching but an

điều được phóng chiếu; chính trong điều này cũng có hy vọng của nhân loại.

b. Trực giác nhóm xua tan Ảo tưởng Thế giới

Ngày nay, thế giới đầy những ảo tưởng, nhiều ảo tưởng ẩn dưới hình thức các chủ nghĩa lý tưởng; thế giới đầy những tư tưởng và kế hoạch theo ước muốn, và dù phần lớn trong số đó có định hướng đúng đắn và biểu lộ quyết tâm kiên định của giới trí thức nhằm tạo ra những điều kiện sống tốt hơn cho toàn thể dân cư [185] thế giới, câu hỏi vẫn đặt ra: Trong tổng thể những tư tưởng theo ước muốn này, có đủ sức sống năng động thiết yếu để đưa chúng xuống thành sự thể hiện trên cõi hồng trần và biểu hiện thực tế, nhờ đó thật sự đáp ứng nhu cầu của con người hay không? Tôi muốn chỉ ra rằng hai Đấng Mặc Khải vĩ đại nhất từng đến Trái Đất trong phạm vi lịch sử hiện đại đã ban cho nhân loại những sự mặc khải đơn giản sau đây:

1. Nguyên nhân của mọi đau khổ nơi con người là dục vọng và sự ích kỷ cá nhân. Hãy từ bỏ dục vọng, các bạn sẽ được tự do.

2. Có một con đường giải thoát, và con đường ấy dẫn đến sự soi sáng.

3. Một người được cả thế giới mà mất linh hồn mình thì chẳng ích gì.

4. Mỗi con người đều là một Con của Thượng đế.

5. Có một con đường giải thoát, và đó là con đường tình thương và hi sinh.

Cuộc đời của các Đấng Mặc Khải này là những biểu hiện mang tính biểu tượng của điều Các Ngài giảng dạy, và phần giáo huấn

extension of Their central themes. Their contribution was an integral part of the general revelation of the ages which has led men from the primitive state of human existence to the complex state of modern civilisation. This general revelation can be called the Revelation of the Path which leads out of form to the Centre of all life; the purity of this revelation has been preserved down the ages by a small handful of disciples, initiates and true esotericists who have always been present upon the Earth—defending the simplicity of that teaching, seeking for those who could respond to and recognise the germ or seed of truth, and training men to take Their place and to tread the way of intuitive perception. One of the major tasks of the Hierarchy is to seek for and find those who are sensitive to revelation [186] and whose minds are trained so that they can formulate the emerging truths in such a way that they reach the ears of the world thinkers, relatively unchanged. All revelation, however, when put into words and word forms, loses something of its divine clarity.

còn lại của Các Ngài chỉ là sự mở rộng những chủ đề trung tâm ấy. Đóng góp của Các Ngài là một phần không thể tách rời của sự mặc khải chung qua các thời đại, vốn đã dẫn con người từ trạng thái hiện tồn nguyên thủy của nhân loại đến trạng thái phức tạp của nền văn minh hiện đại. Có thể gọi sự mặc khải chung này là Sự Mặc Khải về Đường Đạo dẫn ra khỏi hình tướng đến Trung Tâm của mọi sự sống; sự thuần khiết của sự mặc khải này đã được gìn giữ qua các thời đại nhờ một nhóm nhỏ đệ tử, điểm đạo đồ và các nhà bí truyền học chân chính luôn hiện diện trên Trái Đất—bảo vệ tính đơn giản của giáo huấn ấy, tìm kiếm những người có thể đáp ứng và nhận ra mầm hay hạt giống chân lý, và huấn luyện con người để thay thế Các Ngài và bước trên con đường tri giác trực giác. Một trong những nhiệm vụ lớn của Thánh đoàn là tìm kiếm và tìm ra những người nhạy cảm với sự mặc khải [186] và có thể trí đã được huấn luyện, để họ có thể diễn đạt những chân lý đang xuất hiện sao cho chúng đến được tai những nhà tư tưởng của thế giới mà tương đối không bị biến đổi. Tuy nhiên, mọi sự mặc khải, khi đưa vào ngôn từ và các hình thức ngôn từ, đều mất đi phần nào sự sáng rõ thiêng liêng.

Much of the revelation of the past has come along the lines of the religious impulse and, as the illusion has deepened and grown in time, the original simplicity (as it was conveyed by its Revealers) has been lost. All basic revelations are presented in the simplest forms. Accretion after accretion crept in; the minds of men made the teaching complex through their mental dissertations until the great theological systems were built up which we call, for instance, the Christian Church and the Buddhist system. Their Founders would have much difficulty in recognising the two or three fundamental and divine facts or truths which They sought to reveal and

Phần lớn sự mặc khải trong quá khứ đã đến theo con đường của xung lực tôn giáo; khi ảo tưởng ngày càng sâu đậm và lớn mạnh theo thời gian, tính đơn giản ban đầu—như các Đấng Mặc Khải đã truyền đạt—đã mất đi. Mọi sự mặc khải căn bản đều được trình bày dưới những hình thức đơn giản nhất. Lớp bồi đắp này tiếp nối lớp bồi đắp khác đã len vào; thể trí con người làm giáo huấn trở nên phức tạp qua những luận giải trí tuệ, cho đến khi hình thành các hệ thống thần học lớn mà chúng ta gọi, chẳng hạn, là Giáo hội Kitô giáo và hệ thống Phật giáo. Các Đấng Sáng Lập sẽ rất khó nhận ra hai hoặc ba sự kiện hay chân lý căn bản và thiêng liêng mà Các Ngài tìm cách mặc khải và nhấn mạnh, vì

emphasise, so great is the mantle of illusion which has been thrown over the simple pronouncements of the Christ and of the Buddha. The vast cathedrals and the pompous ceremonies of the orthodox are far removed from the humble way of the life of the Christ, the Master of all the Masters and the Teacher alike of angels and of men, and from the simplicity of His present way of life as He watches and waits for the return of His people to the simple way of spiritual realisation.

lớp áo ảo tưởng phủ lên những lời tuyên bố đơn giản của Đức Christ và Đức Phật quá dày. Những thánh đường đồ sộ và các nghi lễ phô trương của giới chính thống cách xa lối sống khiêm nhường của Đức Christ, Chân sư của mọi Chân sư và Huấn sư của cả thiên thần lẫn con người, cũng như cách xa sự đơn giản trong lối sống hiện nay của Ngài, khi Ngài dõi theo và chờ đợi những người thuộc về Ngài trở lại con đường đơn giản của sự chứng nghiệm tinh thần.

So great has been the illusion that in the West today men talk of the "temporal power of the Catholic Church"; the Protestant Churches are split up into warring factions; the Christian Science Church is known for its ability to amass money and to teach its adherents to do so and to achieve temporary good health; the Greek Orthodox Church was corrupt throughout, and only the simple faith of the uncultured and the poor has preserved any semblance of the truth in its original simple form. They have no ability for [187] high sounding theological discussions, but they do believe that God is love—just simply that—that there is a way which leads to peace and light, and that if they deny their own material desires they are pleasing God. I am, I know, widely generalising, brother of mine, for I do know also that there are wise and good Christians and churchmen within the theological systems; these, however, spend not their time in theological discussions but in loving their fellowmen, and this they do because they love Christ and all for which He stands. They are not interested in building great churches of stone and marble and in gathering together the money needed for their support; they are interested to gather out those who form the true Church upon

Ảo tưởng đã lớn đến mức ngày nay ở phương Tây, người ta nói về "quyền lực thế tục của Giáo hội Công giáo"; các Giáo hội Tin Lành chia rẽ thành những phe phái xung đột; Giáo hội Khoa học Kitô giáo nổi tiếng về khả năng tích lũy tiền bạc và dạy tín đồ làm như vậy, cũng như đạt được sức khỏe tốt trong một thời gian; Giáo hội Chính thống Hy Lạp đã từng hoàn toàn suy đồi, và chỉ đức tin đơn giản của những người thiếu học và nghèo khổ mới gìn giữ được chút dáng dấp của chân lý trong hình thức đơn giản ban đầu. Họ không có khả năng tham gia [187] những cuộc thảo luận thần học với lời lẽ cao siêu, nhưng họ tin rằng Thượng đế là tình thương—chỉ đơn giản như vậy—rằng có một con đường dẫn đến bình an và ánh sáng, và rằng nếu từ bỏ những dục vọng vật chất của mình thì họ làm đẹp lòng Thượng đế. Huynh đệ của tôi, Tôi biết rằng Tôi đang khái quát rất rộng, vì Tôi cũng biết rằng trong các hệ thống thần học có những tín đồ Kitô giáo và giáo sĩ minh triết, tốt lành; tuy nhiên, những người này không dành thời gian cho các cuộc thảo luận thần học mà dành cho việc yêu thương đồng loại, và họ làm điều đó vì họ yêu Đức Christ cùng tất cả những gì Ngài đại diện. Họ không quan tâm đến việc xây dựng những nhà thờ lớn bằng đá và cẩm thạch, hay gom góp tiền bạc cần thiết để duy trì chúng; họ quan tâm đến việc quy tụ những người hợp thành Giáo Hội chân chính

the inner spiritual plane and in helping them to walk in the light.

trên cõi tinh thần bên trong và giúp họ bước đi trong ánh sáng.

The illusion of power, the illusion of superiority, taints them not. After the world crisis is over, Churchmen everywhere will not rest until they can discover how to penetrate through the illusion of doctrine and dogma which engulfs them, and find their way back to Christ and His simple message which has in it the power to save the world, if recognised and practised.

Ảo tưởng về quyền lực, ảo tưởng về sự ưu việt không làm họ hoen ố. Sau khi cuộc khủng hoảng thế giới kết thúc, các giáo sĩ khắp nơi sẽ không ngừng nỗ lực cho đến khi khám phá được cách xuyên qua ảo tưởng về giáo lý và giáo điều đang nhấn chìm họ, rồi tìm đường trở về với Đức Christ và thông điệp đơn giản của Ngài, vốn có quyền năng cứu thế giới nếu được nhận ra và thực hành.

Much of the true revelation since the time of Christ has come to the world along the line of science. The presentation, for instance, of material substance (scientifically proven) as essentially only a form of energy was as great a revelation as any given by the Christ or the Buddha. It completely revolutionised men's thinking and was—little as you may think it—a major blow struck at the Great Illusion. It related energy to force, form to life, and man to God and held the secret of transformation, transmutation and transfiguration. The revelations of science when basic and fundamental are as divine as those of religion, but both have been prostituted to meet human demand. The era is [188] close at hand when science will bend every effort to heal humanity's sores and build a better and happier world.

Phần lớn sự mặc khải chân chính kể từ thời Đức Christ đã đến với thế giới theo con đường khoa học. Chẳng hạn, việc trình bày chất liệu vật chất—đã được khoa học chứng minh—rằng về bản chất nó chỉ là một hình thức năng lượng, là một sự mặc khải vĩ đại không kém bất kỳ sự mặc khải nào do Đức Christ hay Đức Phật ban ra. Nó đã hoàn toàn cách mạng hóa tư duy con người và—dù các bạn có thể ít nghĩ như vậy—là một đòn mạnh giáng vào Ảo Tưởng Lớn. Nó liên kết năng lượng với mãnh lực, hình tướng với sự sống, con người với Thượng đế, và chứa đựng bí mật của sự chuyển đổi, chuyển hoá và biến hình. Những sự mặc khải của khoa học, khi mang tính căn bản và nền tảng, cũng thiêng liêng như những sự mặc khải của tôn giáo, nhưng cả hai đều đã bị sử dụng sai lệch để đáp ứng đòi hỏi của con người. Thời đại ấy đang [188] đến gần, khi khoa học sẽ dốc mọi nỗ lực để chữa lành những vết thương của nhân loại và xây dựng một thế giới tốt đẹp, hạnh phúc hơn.

The revelations of science, though focussed often through one man or woman, are more specifically the result of group endeavour and of trained group activity than are the revelations of religion, so called. Revelation, therefore, comes in two ways:

Những sự mặc khải của khoa học, dù thường tập trung qua một người nam hay nữ, là kết quả của nỗ lực nhóm và hoạt động nhóm đã được huấn luyện rõ rệt hơn so với những sự mặc khải của cái gọi là tôn giáo. Vì vậy, sự mặc khải đến theo hai cách:

1. Through the effort, aspiration and achievement of one man who is so close to the Hierarchy and so imbued with conscious divinity that he can receive the message direct from the central divine Source. He has joined the ranks of the Great Intuitives and works freely in the world of divine Ideas. He knows His mission clearly; He chooses His sphere of activity with deliberation and isolates the truth or truths which He deems appropriate to the need of the time. He comes forth as a Messenger of the Most High, leads a dramatic and arresting life of service and symbolises in His life-events certain basic truths which have already been revealed but which He pictorially re-enacts. He epitomises in Himself the revelations of the past, and to them adds His Own contribution of the new revelation which it is His specific function to present to the world.

1. Qua nỗ lực, khát vọng và thành tựu của một người gần gũi với Thánh đoàn đến mức, và thấm nhuần thiên tính hữu thức đến mức, có thể nhận thông điệp trực tiếp từ Nguồn thiêng liêng trung tâm. Ngài đã gia nhập hàng ngũ những Đấng Trực Giác Vĩ Đại và hoạt động tự do trong thế giới các Ý Tưởng thiêng liêng. Ngài biết rõ sứ mệnh của mình; Ngài cân nhắc lựa chọn phạm vi hoạt động và tách riêng chân lý hay những chân lý mà Ngài xem là phù hợp với nhu cầu của thời đại. Ngài xuất hiện như một Sứ Giả của Đấng Tối Cao, sống một cuộc đời phụng sự đầy kịch tính và thu hút sự chú ý, và qua những sự kiện trong đời mình, Ngài biểu tượng hóa một số chân lý căn bản đã được mặc khải nhưng được Ngài tái hiện một cách sinh động. Ngài kết tinh trong chính mình những sự mặc khải của quá khứ, rồi bổ sung vào đó đóng góp riêng của Ngài về sự mặc khải mới mà chức năng đặc thù của Ngài là trình bày với thế giới.

2. Through the effort of a group of seekers, such as the scientific investigators in every country, who *together* are searching for light on the problems of manifestation or for some means to alleviate human suffering, a revelation comes. The effort of such a group often lifts upon the wings of its unrealised aspiration some one man who can then penetrate into the world of divine Ideas and there find the longed for cure or key and thus he intuitively discovers a long sought secret. The discovery, [189] when of the first rank, is as much a revelation as the truths presented by the World Teachers. Who shall say that the statement that God is Love is of more value than the statement that All is Energy?

2. Qua nỗ lực của một nhóm người tìm kiếm, chẳng hạn các nhà nghiên cứu khoa học ở mọi quốc gia, những người *cùng nhau* tìm ánh sáng soi rõ các vấn đề của sự biểu hiện hay một phương tiện nào đó để làm vơi đau khổ của con người, một sự mặc khải xuất hiện. Nỗ lực của một nhóm như vậy thường nâng một người nào đó lên trên đôi cánh khát vọng mà chính nhóm chưa nhận biết; khi ấy, người này có thể thâm nhập thế giới các Ý Tưởng thiêng liêng và tìm thấy ở đó phương thuốc hay chìa khóa hằng mong mỏi, nhờ đó khám phá bằng trực giác một bí mật đã tìm kiếm từ lâu. Khám phá ấy, [189] khi thuộc hàng cao nhất, cũng là một sự mặc khải như những chân lý do các Đức Chưởng Giáo trình bày. Ai có thể nói rằng lời khẳng định Thượng đế là Tình Thương có giá trị hơn lời khẳng định Tất Cả đều là Năng Lượng?

The route which the revelation then follows is the same in both cases, and illusion overtakes both forms of revelation but—and here is a point upon which I would ask you to reflect—there is a little less illusion gathered around the revelations of science than has gathered around the revelations of what humanity calls the more definitely spiritual truths. One reason lies in the fact that the last great spiritual revelation, given by the Christ, was given two thousand years ago, and the development of man's mind and his responsiveness to truth has grown greatly since that time. Again, the revelations of science are largely the result of group tension, eventually focussed in one intuitive recipient, and the revelation is thereby protected.

Lộ trình mà sự mặc khải đi theo sau đó giống nhau trong cả hai trường hợp, và ảo tưởng đều bắt kịp cả hai hình thức mặc khải; nhưng—đây là điểm Tôi muốn các bạn suy ngẫm—ảo tưởng tích tụ quanh những sự mặc khải của khoa học ít hơn đôi chút so với quanh những sự mặc khải về điều mà nhân loại gọi là những chân lý mang tính tinh thần rõ rệt hơn. Một lý do nằm ở chỗ sự mặc khải tinh thần vĩ đại gần đây nhất, do Đức Christ ban ra, đã được ban cách đây hai nghìn năm, và kể từ đó, trí tuệ con người cùng khả năng đáp ứng chân lý đã phát triển rất nhiều. Hơn nữa, những sự mặc khải của khoa học phần lớn là kết quả của sự tập trung nhất tâm của nhóm, cuối cùng quy tụ nơi một người tiếp nhận có trực giác, và nhờ đó sự mặc khải được bảo vệ.

Today, as humanity awaits the revelation which will embody the thoughts and dreams and constructive goal of the New Age, the demand comes for the first time from a large group of intuitively inclined people. I said not intuitives, brother of old. This group is now so large and its focus is now so real and its demand so loud that it is succeeding in focussing the massed intent of the people. Therefore, whatever revelation may emerge in the immediate future will be better "protected by the spirit of understanding" than any previous one. This is the significance of the words of the *New Testament*, "every eye shall see Him"; humanity as a whole will recognise the revealing One. In past ages the Messenger from on High was only recognised by and known to a mere handful of men, and it took decades and sometimes centuries for His message to penetrate into the hearts of humanity.

Ngày nay, khi nhân loại chờ đợi sự mặc khải sẽ thể hiện những tư tưởng, ước mơ và mục tiêu xây dựng của Kỷ Nguyên Mới, lần đầu tiên lời yêu cầu đến từ một nhóm đông đảo những người có khuynh hướng trực giác. Huynh Đệ của Ngày Xưa, Tôi không nói là những người có trực giác. Hiện nay, nhóm này đông đảo đến mức, sự tập trung của nhóm chân thực đến mức và lời yêu cầu của nhóm mạnh mẽ đến mức, nhóm đang thành công trong việc tập trung ý hướng chung của quần chúng. Vì vậy, bất kỳ sự mặc khải nào xuất hiện trong tương lai gần cũng sẽ được "tinh thần thấu hiểu bảo vệ" tốt hơn mọi sự mặc khải trước đó. Đây là thâm nghĩa của những lời trong *Tân Ước*: "mọi mắt sẽ thấy Ngài"; toàn thể nhân loại sẽ nhận ra Đấng mặc khải. Trong các thời đại trước, chỉ một số rất ít người nhận ra và biết đến Sứ Giả từ Trên Cao, và phải mất nhiều thập niên, đôi khi nhiều thế kỷ, thông điệp của Ngài mới thấm vào trái tim nhân loại.

[190] The stress of the times also and the development of the sense of proportion, plus

[190] Áp lực của thời đại, cùng sự phát triển của Ý thức về tỉ lệ, cộng với việc buộc phải

an enforced return to simplicity of living and requirements may save the coming revelation from too swift and quick submergence in the fire of the *Great Illusion*.

trở lại sự đơn giản trong lối sống và nhu cầu, cũng có thể cứu sự mặc khải sắp đến khỏi bị nhấn chìm quá nhanh trong ngọn lửa của *Ảo Tưởng Lớn*.

It will be apparent to you from the above that the mode of handling world affairs, states of consciousness and conditions in the three worlds is one in which the disciple and initiate work from above downwards. The method is in reality a repetition of the involutionary arc in which—like the Creator, from a vantage point of exterior direction—energy, force and forces are directed into the world of phenomena and produce definite effects upon the substance of the three planes. This is a point which should be most carefully remembered; and it is for this reason that the Technique of the Presence must always be employed, prior to all other techniques. It establishes contact with the directing spiritual Agent and enables the disciple to assume the attitude of the detached Observer and an agent of the Plan. When this technique is correctly followed, it brings the intuition into play and the world of meaning (lying behind the world of phenomena) stands revealed, thereby dispelling illusion. Truth, as it is, is seen and known. Forms in the outer world of phenomena (outer from the angle of the soul and therefore encompassing the three worlds of our familiar daily living) are seen to be but symbols of an inward and spiritual Reality.

Từ những điều trên, các bạn sẽ thấy rõ rằng cách xử lý các vấn đề thế giới, các trạng thái tâm thức và các điều kiện trong ba cõi giới là cách mà đệ tử và điểm đạo đồ làm việc từ trên xuống dưới. Thực ra, phương pháp này lặp lại vòng cung giáng hạ tiến hoá, trong đó —giống như Đấng Sáng Tạo, từ một vị thế chỉ đạo ở bên ngoài—năng lượng, mãnh lực và các mãnh lực được hướng vào thế giới hiện tượng và tạo ra những tác động xác định lên chất liệu của ba cõi. Đây là điểm cần ghi nhớ hết sức cẩn thận; chính vì lý do này, Kỹ Thuật của Hiện Diện phải luôn được vận dụng trước mọi kỹ thuật khác. Nó thiết lập sự tiếp xúc với Tác Nhân tinh thần chỉ đạo và giúp đệ tử đảm nhận thái độ của Người Quan Sát tách rời và một tác nhân của Thiên Cơ. Khi được thực hiện đúng đắn, kỹ thuật này đưa trực giác vào hoạt động và Thế giới của thâm nghĩa—nằm phía sau thế giới hiện tượng—hiển lộ, nhờ đó xua tan ảo tưởng. Chân lý được nhìn thấy và nhận biết đúng như nó vốn có. Các hình tướng trong thế giới hiện tượng bên ngoài—bên ngoài theo góc nhìn của linh hồn, và do đó bao gồm ba cõi giới của đời sống hằng ngày quen thuộc với chúng ta—được thấy chỉ là những biểu tượng của một Thực Tại tinh thần bên trong.

2. The Technique of Light – 2. Kỹ Thuật Ánh sáng

We come now to the consideration of the next development and service to be rendered through the medium of another technique.

Giờ đây, chúng ta xét đến bước phát triển tiếp theo và công việc phụng sự cần thực hiện qua trung gian một kỹ thuật khác.

This theme is so vast and there is so much literature to be found in all the world Scriptures, commentaries and theological [191] dissertations on the subject of Light that the simple truth and a few basic principles are lost to sight in a welter of words.

Chủ đề này rộng lớn đến mức, và có quá nhiều tài liệu trong mọi Kinh Điển, các bài bình giảng và những luận giải thần học [191] trên thế giới về chủ đề Ánh Sáng, đến mức chân lý đơn giản cùng một vài nguyên khí căn bản bị khuất lấp trong một biển ngôn từ hỗn độn.

In my various books I have given much anent this subject and in the book, *The Light of the Soul,* which I wrote in collaboration with A.A.B., an effort was made to indicate the nature of the light of the soul. The key to this technique is to be found in the words: In that Light shall we see LIGHT. A simple paraphrase of these apparently abstract and symbolic words could be given as follows: When the disciple has found that lighted centre within himself and can walk in its radiating light, he is then in a position (or in a state of consciousness, if you prefer) wherein he becomes aware of the light within all forms and atoms. The inner world of reality stands visible to him as light-substance (a different thing to the Reality, revealed by the intuition). He can then become an efficient cooperator with the Plan because the world of psychic meaning becomes real to him and he knows what should be done to dispel glamour. It might be stated that this process of bringing light into dark places falls naturally into three stages:

Trong các cuốn sách khác nhau của mình, Tôi đã trình bày nhiều điều về chủ đề này; trong cuốn *Ánh Sáng của Linh Hồn,* mà Tôi viết với sự cộng tác của A.A.B., đã có một nỗ lực nhằm chỉ ra bản chất của ánh sáng linh hồn. Chìa khóa của kỹ thuật này nằm trong những lời: Trong Ánh Sáng ấy, chúng ta sẽ thấy ÁNH SÁNG. Có thể diễn giải đơn giản những lời có vẻ trừu tượng và mang tính biểu tượng này như sau: Khi đệ tử đã tìm thấy trung tâm được soi sáng ấy bên trong mình và có thể bước đi trong ánh sáng tỏa ra từ đó, y ở vào một vị thế—hay một trạng thái tâm thức, nếu các bạn thích cách nói ấy—trong đó y nhận biết ánh sáng bên trong mọi hình tướng và nguyên tử. Thế giới thực tại bên trong hiện ra trước y như chất liệu ánh sáng—khác với Thực Tại do trực giác hé lộ. Khi ấy, y có thể trở thành một người cộng tác hữu hiệu với Thiên Cơ, vì thế giới thâm nghĩa thông linh trở nên thực đối với y, và y biết cần làm gì để xua tan ảo cảm. Có thể nói rằng tiến trình đưa ánh sáng vào những nơi tối tăm này tự nhiên chia thành ba giai đoạn:

1. The stage wherein the beginner and the aspirant endeavour to eradicate glamour out of their own life by the use of the light of the mind. *The light of knowledge* is a major dispelling agent in the earlier phases of the task and effectively eliminates the various glamours which veil the truth from the aspirant.

1. Giai đoạn trong đó người mới bắt đầu và người chí nguyện cố gắng loại bỏ ảo cảm khỏi đời sống của chính mình bằng cách sử dụng ánh sáng của thể trí. *Ánh sáng của tri thức* là một tác nhân xua tan chủ yếu trong những giai đoạn đầu của công việc, và hữu hiệu loại bỏ những ảo cảm khác nhau đang che khuất chân lý trước người chí nguyện.

2. The stage wherein the aspirant and disciple work with the light of the soul. This is *the light of wisdom* which is the interpreted result of long experience, and this streams forth, blending with the light of knowledge.

2. Giai đoạn trong đó người chí nguyện và đệ tử làm việc với ánh sáng của linh hồn. Đây là *ánh sáng của minh triết*, tức kết quả đã được diễn giải từ kinh nghiệm lâu dài; ánh sáng này tuôn ra, hòa trộn với ánh sáng của tri thức.

3. The stage wherein the disciple and the initiate work with *the light of the intuition*. It is through the blended [192] medium of the light of knowledge (personality light) and the light of wisdom (soul light) that the Light is seen, known and appropriated. This light puts out the lesser lights through the pure radiance of its power.

3. Giai đoạn trong đó đệ tử và điểm đạo đồ làm việc với *ánh sáng của trực giác*. Chính qua trung gian hòa trộn [192] của ánh sáng tri thức—ánh sáng phàm ngã—và ánh sáng minh triết—ánh sáng linh hồn—mà Ánh Sáng được nhìn thấy, nhận biết và tiếp nhận. Ánh sáng này dập tắt những ánh sáng nhỏ hơn bằng sự tỏa chiếu thuần khiết của quyền năng nó.

You have therefore the light of knowledge, the light of wisdom and the light of the intuition, and these are three definite stages or aspects of the One Light. They correspond to the physical Sun, the heart of the Sun, and the Central Spiritual Sun. In this last sentence you have the clue and the key to the relation of man to the Logos.

Vì vậy, các bạn có ánh sáng của tri thức, ánh sáng của minh triết và ánh sáng của trực giác; đây là ba giai đoạn hay phương diện xác định của Ánh Sáng Duy Nhất. Chúng tương ứng với Mặt trời hồng trần, trái tim của Mặt trời và Mặt trời Tinh thần Trung Ương. Trong câu cuối này, các bạn có manh mối và chìa khóa cho mối quan hệ giữa con người và Thượng đế.

These stages and their corresponding techniques are apt to be misunderstood if the student fails to remember that between them lie no real lines of demarcation but only a constant overlapping, a cyclic development and a process of fusion which is most confusing to beginners. Just as the result of innate reaction to environment produces the apparatus needed to contact that environment, so the unfoldment of the powers which these techniques serve produces modes of contact with soul and spiritual environments. Each of these techniques is related to a new environment; each of them eventually develops power in the initiate or disciple which can be used in the service of humanity and in higher

Những giai đoạn này và các kỹ thuật tương ứng dễ bị hiểu lầm nếu đạo sinh không nhớ rằng giữa chúng không có những đường phân định thực sự, mà chỉ có sự chồng lấn liên tục, sự phát triển theo chu kỳ và một tiến trình dung hợp gây rất nhiều bối rối cho người mới bắt đầu. Cũng như phản ứng bẩm sinh với môi trường tạo ra bộ máy cần thiết để tiếp xúc với môi trường ấy, sự khai mở các quyền năng mà những kỹ thuật này phục vụ cũng tạo ra những phương thức tiếp xúc với các môi trường linh hồn và tinh thần. Mỗi kỹ thuật này đều liên quan đến một môi trường mới; cuối cùng, mỗi kỹ thuật đều phát triển nơi điểm đạo đồ hay đệ tử một quyền năng có thể dùng để phụng sự nhân loại và trong những lĩnh vực cao hơn của hoạt động

spheres of divine activity; each is related to the other techniques, and each releases the disciple into a conscious relationship with a new environment, new states of awareness and new fields of service. For instance:

thiêng liêng; mỗi kỹ thuật đều liên quan đến các kỹ thuật khác, và mỗi kỹ thuật đều đưa đệ tử vào một mối quan hệ hữu thức với một môi trường mới, những trạng thái nhận biết mới và những lĩnh vực phụng sự mới. Chẳng hạn:

1. The Technique of the Presence, when successfully followed, enables the intuition to flow in and to supersede the activity of the rationalising mind and to dispel illusion, substituting for that illusion divine ideas, formulated into concepts which we call ideals. The Masters, it should be remembered, only use the mind for two activities: [193]

1. Kỹ Thuật của Hiện Diện, khi được thực hiện thành công, cho phép trực giác tuôn vào và thay thế hoạt động của thể trí lý luận, đồng thời xua tan ảo tưởng, thay vào đó bằng những ý tưởng thiêng liêng được diễn đạt thành các quan niệm mà chúng ta gọi là lý tưởng. Cần nhớ rằng các Chân sư chỉ dùng thể trí cho hai hoạt động: [193]

a. To reach the minds of Their disciples and attract aspirants through the medium of an instrument similar to the disciple's mind.

a. Tiếp cận thể trí của các đệ tử của Các Ngài và thu hút người chí nguyện qua trung gian một công cụ tương tự thể trí của đệ tử.

b. To create thoughtforms on concrete levels which can embody these divine ideas. The directing Agent, the Angel of the Presence, produces the power to create in this manner, and this we call the result of the intuition—idea or truth, its perception and its reproduction.

b. Tạo ra các hình tư tưởng trên những cấp độ cụ thể có thể thể hiện các ý tưởng thiêng liêng này. Tác Nhân chỉ đạo, Thiên Thần của Hiện Diện, tạo ra quyền năng sáng tạo theo cách này; chúng ta gọi đây là kết quả của trực giác—ý tưởng hay chân lý, sự tri giác và sự tái hiện nó.

2. The Technique of Light is more closely related to the mind and signifies the method whereby the illumination which flows from the soul (whose nature is light) can irradiate not only ideals but life, circumstances and events, revealing the cause and the meaning of the experience. When the power of the disciple to illumine is grasped, he has taken the first step towards dispelling glamour; and just as the technique of the Presence becomes effective upon the mental plane, so this technique produces powers which can become effective on the astral plane and eventually bring about the dissipation and the disappearance of that plane.

2. Kỹ Thuật Ánh sáng liên quan chặt chẽ hơn với thể trí và chỉ phương pháp nhờ đó sự soi sáng tuôn ra từ linh hồn—có bản chất là ánh sáng—có thể tỏa chiếu không chỉ lên các lý tưởng mà cả đời sống, hoàn cảnh và sự kiện, hé lộ nguyên nhân và ý nghĩa của kinh nghiệm. Khi đệ tử nắm được quyền năng soi sáng của mình, y đã bước bước đầu tiên hướng đến việc xua tan ảo cảm; cũng như Kỹ Thuật của Hiện Diện trở nên hữu hiệu trên cõi trí, kỹ thuật này tạo ra những quyền năng có thể trở nên hữu hiệu trên cõi cảm dục và cuối cùng làm cho cõi ấy tiêu tan rồi biến mất.

3. The Technique of Indifference renders ineffective or neutralises the hold of substance over the life or spirit, functioning in the three worlds, for soul is the evidence of life.

3. Kỹ Thuật Điềm Nhiên làm mất hiệu lực hay trung hòa sự khống chế của chất liệu đối với sự sống hay tinh thần đang hoạt động trong ba cõi giới, vì linh hồn là bằng chứng của sự sống.

In connection, therefore, with this second technique, I would like to take some words out of the Bible, substituting the word "light" for the word "faith." I give you this definition: *Light is the substance of things hoped for, the evidence of things not seen.* This is perhaps one of the most occult definitions of the light of the world that has yet been given and its true meaning is intended to be revealed in the next two generations. The word "faith" is a good [194] instance of the method of rendering "blind" some of the ancient truths so that their significance may not be prematurely revealed. Light and substance are synonymous terms. Soul and light are equally so, and in this equality of idea—light, substance, soul—you have the key to fusion and to the at-one-ment which Christ expressed so fully for us in His life on Earth.

Do đó, liên quan đến kỹ thuật thứ hai này, Tôi muốn lấy một vài lời trong Kinh Thánh, thay từ "đức tin" bằng từ "ánh sáng". Tôi đưa ra cho các bạn định nghĩa này: *Ánh sáng là chất liệu của những điều được hy vọng, là bằng chứng của những điều không nhìn thấy.* Có lẽ đây là một trong những định nghĩa huyền bí nhất về ánh sáng của thế gian từng được đưa ra, và ý nghĩa đích thực của nó sẽ được mặc khải trong hai thế hệ tiếp theo. Từ "đức tin" là một [194] ví dụ điển hình về phương pháp "che kín" một số chân lý cổ xưa để thâm nghĩa của chúng không bị tiết lộ quá sớm. Ánh sáng và chất liệu là những thuật ngữ đồng nghĩa. Linh hồn và ánh sáng cũng vậy, và chính trong sự đồng nhất về ý tưởng này —ánh sáng, chất liệu, linh hồn—các bạn có chìa khóa dẫn đến sự dung hợp và sự nhất thể mà Đức Christ đã biểu lộ hết sức trọn vẹn cho chúng ta trong cuộc đời của Ngài trên Trái Đất.

When, therefore, students and aspirants have made progress in soul contact, they have taken one of the first important steps towards the comprehension of light and its uses. They must however be careful not to confuse the light which they can bring to bear on life, circumstance, events, and on environment with the intuition. The light with which we are concerned expresses itself in the three worlds and reveals form and forms, their reaction and effects, their glamour and attractive appeal, and their power to delude and imprison consciousness. The light concerned is soul light, illuminating the mind and bringing about revelation of the world of forms in which that life is immersed.

Do đó, khi các đạo sinh và người chí nguyện đã tiến bộ trong việc tiếp xúc với linh hồn, họ đã thực hiện một trong những bước quan trọng đầu tiên hướng đến việc thấu hiểu ánh sáng và cách sử dụng nó. Tuy nhiên, họ phải thận trọng để không nhầm lẫn ánh sáng mà họ có thể vận dụng để soi chiếu đời sống, hoàn cảnh, sự kiện và môi trường với trực giác. Ánh sáng mà chúng ta đang đề cập biểu lộ trong ba cõi giới và làm hiển lộ hình tướng cùng các hình tướng, những phản ứng và tác động của chúng, ảo cảm và sức hấp dẫn của chúng, cũng như khả năng của chúng trong việc đánh lừa và giam hãm tâm thức. Ánh sáng đang được đề cập là ánh sáng linh hồn, soi sáng thể trí và đem lại sự mặc khải về thế giới các hình tướng mà sự sống ấy đang đắm chìm trong đó.

The intuition is concerned with nothing whatsoever in the three worlds of human experience but only with the perceptions of the Spiritual Triad and with the world of ideas. *The intuition is to the world of meaning what the mind is to the three worlds of experience.* It produces understanding just as the light of soul produces knowledge, through the medium of that experience. Knowledge is not a purely mental reaction but is something which is found on all levels and is instinctual in some form in all kingdoms. This is axiomatic. The five senses bring physical plane knowledge; psychic sensitivity brings a knowledge of the astral plane; the mind brings intellectual perception, but all three are aspects of the light of knowledge (coming from the soul) as it informs its vehicles of expression in the vast threefold [195] environment in which it chooses to imprison itself for purposes of development.

Trực giác không liên quan đến bất cứ điều gì trong ba cõi giới trải nghiệm của con người, mà chỉ liên quan đến những tri giác của Tam Nguyên Tinh Thần và thế giới ý tưởng. *Trực giác đối với Thế giới của thâm nghĩa cũng như thể trí đối với ba cõi giới trải nghiệm.* Trực giác đem lại sự thấu hiểu, cũng như ánh sáng linh hồn đem lại tri thức thông qua trải nghiệm ấy. Tri thức không phải là một phản ứng thuần túy trí tuệ, mà hiện diện ở mọi cấp độ và mang tính bản năng dưới một hình thức nào đó trong mọi giới. Đây là điều hiển nhiên. Năm giác quan đem lại tri thức về cõi hồng trần; tính nhạy cảm thông linh đem lại tri thức về cõi cảm dục; thể trí đem lại tri giác trí tuệ, nhưng cả ba đều là những phương diện của ánh sáng tri thức (đến từ linh hồn) khi ánh sáng ấy thấm nhuần các hiện thể biểu lộ của linh hồn trong môi trường tam phân rộng lớn [195] mà linh hồn chọn để tự giam mình nhằm mục đích phát triển.

On a higher turn of the spiral, the intuition is the expression of the threefold Spiritual

Ở một vòng xoắn cao hơn, trực giác là biểu hiện của Tam Nguyên Tinh Thần tam phân,

Triad, placing it in relation to the higher levels of divine expression; it is a result of the life of the Monad—an energy which carries revelation of divine purpose. It is in the world of this divine revelation that the disciple learns eventually to work and in which the initiate consciously functions. Of this higher experience, the active life of the three worlds is a distorted expression but constitutes also the training ground in which capacity to live *the initiate life of intuitional perception* and to serve the Plan is slowly developed. These distinctions (in time and space, because all distinctions are part of the great illusion, though necessary and inevitable when the mind controls) must be carefully considered. Disciples will reach a point in their development where they will know whether they are reacting to the light of the soul or to the intuitional perception of the Triad. They will then come to the point where they will realise that intuitive perception—as they call it—is only the reaction of the illumined personality to the identification tendency of the Triad. But these concepts are beyond the grasp of the average man because fusion and identification are by no means the same.

đặt Tam Nguyên này trong mối liên hệ với những cấp độ cao hơn của sự biểu lộ thiêng liêng; trực giác là kết quả của sự sống Chân Thần—một năng lượng mang đến sự mặc khải về Thiên Ý. Cuối cùng, đệ tử học cách hoạt động trong thế giới của sự mặc khải thiêng liêng này, và điểm đạo đồ hoạt động hữu thức trong đó. Đời sống hoạt động của ba cõi giới là một biểu hiện méo mó của trải nghiệm cao hơn này, nhưng cũng là nơi rèn luyện để khả năng sống *đời sống điểm đạo đồ với tri giác trực giác* và phụng sự Thiên Cơ dần dần phát triển. Những phân biệt này (trong thời gian và không gian, vì mọi phân biệt đều là một phần của ảo tưởng lớn, dù chúng cần thiết và không thể tránh khỏi khi thể trí kiểm soát) phải được xem xét cẩn thận. Các đệ tử sẽ đạt đến một điểm trong sự phát triển của mình, tại đó họ biết mình đang đáp ứng với ánh sáng linh hồn hay với tri giác trực giác của Tam Nguyên. Sau đó, họ sẽ đạt đến điểm nhận ra rằng tri giác trực giác—như họ gọi—chỉ là phản ứng của phàm ngã đã được soi sáng trước khuynh hướng đồng hoá của Tam Nguyên. Nhưng những khái niệm này vượt ngoài khả năng nắm bắt của người bình thường, vì sự dung hợp và sự đồng hoá hoàn toàn không phải là một.

The rules for the Technique of Light have been adequately laid down in the Raja Yoga system of Patanjali, of which the five stages of Concentration, Meditation, Contemplation, Illumination, and Inspiration are illustrative; these, in their turn, must be parallelled by a following of the Five Rules and the Five Commandments. I would ask you to study these. They, in their turn, produce the many results in psychic sensitivity, of which hierarchical contact, illumination, service and discipline are descriptive and, finally, the [196] stage of "isolated unity," which is the paradoxical

Các quy luật dành cho Kỹ Thuật Ánh sáng đã được trình bày đầy đủ trong hệ thống Du Già Vương Giả của Patanjali, với năm giai đoạn Tập trung, Tham thiền, Chiêm ngưỡng, Soi sáng và Cảm hứng là những minh họa; đến lượt mình, các giai đoạn này phải đi đôi với việc tuân theo Năm Quy luật và Năm Giới răn. Tôi đề nghị các bạn nghiên cứu những điều này. Đến lượt mình, chúng đem lại nhiều kết quả về tính nhạy cảm thông linh, được thể hiện qua sự tiếp xúc với Thánh đoàn, sự soi sáng, phụng sự và kỷ luật, và cuối cùng là [196] giai đoạn "Hợp Nhất Cô Lập", thuật ngữ nghịch lý mà Patanjali dùng để mô tả đời sống nội tâm của điểm đạo đồ.

term used by Patanjali to describe the inner life of the initiate.

Most of what I have said above is well known to all aspirants whether they study the Raja Yoga teaching of India or the life of practical mysticism as laid down by such mystics as Meister Eckhart and the more mentally polarised modern esotericist. These latter went beyond the mystical vision by arriving at fusion. I need not enlarge on this. It is the higher stage of at-one-ment to which all true mystics bear witness.

Phần lớn những điều Tôi đã nói ở trên đều quen thuộc với mọi người chí nguyện, dù họ nghiên cứu giáo lý Du Già Vương Giả của Ấn Độ hay đời sống thần bí thực hành như các nhà thần bí, chẳng hạn Meister Eckhart và những nhà bí truyền học hiện đại phân cực trí tuệ hơn, đã trình bày. Những người sau này đã vượt ra ngoài linh ảnh thần bí bằng cách đạt đến sự dung hợp. Tôi không cần bàn rộng thêm về điều này. Đó là giai đoạn nhất thể cao hơn mà mọi nhà thần bí chân chính đều làm chứng.

What does concern us here is how this light is recognised, appropriated and used in order to dispel glamour and render a deeply esoteric service to the world. It might be said that the inner light is like a searchlight, swinging out into the world of glamour and of human struggle from what one Master has called "the pedestal of the soul and the spiritual tower or beacon." These terms convey the idea of altitude and of distance which are so characteristic of the mystical approach. Power to use this light as a dissipating agent only comes when these symbols are dropped and the server begins to regard *himself* as the light and as the irradiating centre. Herein lies the reason for some of the technicalities of the occult science. The esotericist knows that in every atom of his body is to be found a point of light. He knows that the nature of the soul is light. For aeons, he walks by means of the light engendered within his vehicles, by the light within the atomic substance of his body and is, therefore, guided by the light of matter. Later, he discovers the light of the soul. Later still, he learns to fuse and blend soul light and material light. Then he shines forth as a Light bearer, the purified light of

Điều chúng ta quan tâm ở đây là cách nhận biết, tiếp nhận và sử dụng ánh sáng này để xua tan ảo cảm và thực hiện một sự phụng sự mang tính nội môn sâu sắc cho thế gian. Có thể nói rằng ánh sáng bên trong giống như một ngọn đèn pha, từ nơi mà một Chân sư đã gọi là "bệ cao của linh hồn và ngọn tháp hay đèn hiệu tinh thần", quét ra thế giới ảo cảm và những cuộc đấu tranh của con người. Những thuật ngữ này truyền đạt ý tưởng về độ cao và khoảng cách, vốn rất đặc trưng cho cách tiếp cận thần bí. Khả năng sử dụng ánh sáng này như một tác nhân làm tiêu tan chỉ xuất hiện khi người phụng sự từ bỏ những biểu tượng ấy và bắt đầu xem *chính mình* là ánh sáng và là trung tâm tỏa sáng. Chính trong đó có lý do cho một số cách diễn đạt chuyên môn của khoa học huyền bí. Nhà bí truyền học biết rằng trong mỗi nguyên tử của thân thể y đều có một điểm ánh sáng. Y biết rằng bản chất của linh hồn là ánh sáng. Suốt nhiều đại kỳ, y bước đi nhờ ánh sáng phát sinh trong các hiện thể của mình, nhờ ánh sáng trong chất liệu nguyên tử của thân thể mình, và do đó, y được ánh sáng vật chất dẫn dắt. Về sau, y khám phá ánh sáng linh hồn. Muộn hơn nữa, y học cách dung hợp và hòa quyện ánh sáng

matter and the light of the soul being blended and focussed. The use of this focussed light as it dispels individual glamour teaches the disciples the early stages of the technique which will dispel [197] group glamour and eventually world glamour, and this is the next point with which we will deal.

linh hồn với ánh sáng vật chất. Bấy giờ, y tỏa sáng như một Người mang Ánh sáng, khi ánh sáng vật chất đã được thanh lọc và ánh sáng linh hồn hòa quyện và hội tụ. Việc sử dụng ánh sáng hội tụ này để xua tan ảo cảm cá nhân dạy cho các đệ tử những giai đoạn đầu của kỹ thuật sẽ xua tan [197] ảo cảm nhóm và cuối cùng là ảo cảm thế giới; đây là điểm tiếp theo mà chúng ta sẽ bàn đến.

The theme with which we are dealing—the light of the soul as it dissipates glamour in the three worlds—is the most practical and useful and needed subject for study to be found today: it concerns the astral plane, and the service to be rendered is vital and timely. The ridding of the world of the individual and the world of humanity as a whole of the all-enveloping glamour which holds humanity in thrall is an essential requirement for the race. The new era which will open up before mankind at the close of the war will be distinguished by its mental polarisation and consequent freedom from glamour; then illusion will for a time control until the intuition is more fully developed. This illusion will produce vastly different results to those which follow when men live and work in the midst of glamour. The second characteristic of the new era will be the scientific approach to the entire problem of glamour which will then be recognised for what it is and will be scientifically dissipated by the use of the illumined minds of groups, working in unison for just that purpose.

Chủ đề mà chúng ta đang bàn đến—ánh sáng linh hồn làm tiêu tan ảo cảm trong ba cõi giới—là chủ đề nghiên cứu thiết thực nhất, hữu ích nhất và cần thiết nhất hiện nay: nó liên quan đến cõi cảm dục, và sự phụng sự cần thực hiện có tầm quan trọng sống còn và đúng lúc. Giải thoát thế giới của cá nhân và thế giới của toàn thể nhân loại khỏi ảo cảm bao trùm đang giam giữ nhân loại là một yêu cầu thiết yếu đối với nhân loại. Kỷ nguyên mới sẽ mở ra trước nhân loại khi chiến tranh kết thúc sẽ nổi bật bởi sự phân cực trí tuệ và sự giải thoát khỏi ảo cảm do đó mà có; bấy giờ, ảo tưởng sẽ kiểm soát trong một thời gian cho đến khi trực giác phát triển đầy đủ hơn. Ảo tưởng này sẽ đem lại những kết quả khác biệt rất lớn so với những kết quả xuất hiện khi con người sống và làm việc giữa ảo cảm. Đặc điểm thứ hai của kỷ nguyên mới sẽ là cách tiếp cận khoa học đối với toàn bộ vấn đề ảo cảm; khi ấy, người ta sẽ nhận biết ảo cảm đúng như bản chất của nó, và nó sẽ được làm tiêu tan một cách khoa học nhờ sử dụng các thể trí đã được soi sáng của những nhóm cùng hoạt động đồng lòng vì chính mục đích ấy.

The proposition, therefore, which I am laying before you (who are the aspirants and the disciples of the world) is the possibility of a definite world service. Groups will eventually be formed of those who are working at the dissipation of glamour in their individual lives and who are doing so

Do đó, điều Tôi đặt ra trước các bạn (những người chí nguyện và đệ tử trên thế giới) là khả năng thực hiện một sự phụng sự thế giới cụ thể. Cuối cùng, các nhóm sẽ được thành lập từ những người đang làm tiêu tan ảo cảm trong đời sống cá nhân, và họ làm như vậy không hẳn để đạt được sự giải thoát cho

not so much in order to achieve their own liberation but with the special objective of ridding the astral plane of its significant glamours. They will work unitedly on some major phase of world glamour by the power of their individual illumined minds; unitedly they will turn "the searchlight of the mind, reflecting the light of the sun but at the same time radiating its own inner light upon the mists and fogs of Earth, for in these mists and fogs all men stumble. [198] Within the lighted sphere of the focussed radiant light, reality will issue forth triumphant."

riêng mình, mà với mục tiêu đặc biệt là loại bỏ những ảo cảm đáng kể khỏi cõi cảm dục. Họ sẽ cùng nhau làm việc trên một khía cạnh lớn nào đó của ảo cảm thế giới bằng sức mạnh của những thể trí cá nhân đã được soi sáng; cùng nhau, họ sẽ hướng "ngọn đèn pha của thể trí, phản chiếu ánh sáng mặt trời nhưng đồng thời tỏa ánh sáng nội tâm của chính nó lên những màn sương mù của Trái Đất, vì trong những màn sương mù này, mọi người đều vấp ngã. [198] Trong khối cầu được soi sáng bởi ánh sáng rực rỡ đã hội tụ, thực tại sẽ hiện ra trong chiến thắng."

It is interesting to note that the most ancient prayer in the world refers to the three aspects of glamour, and it is for these that the three techniques must be used to make release and progress possible. As you know, this prayer runs as follows (Brihadaranyaki Upanishad I, 3, 28):

Điều đáng chú ý là lời cầu nguyện cổ xưa nhất trên thế giới đề cập đến ba phương diện của ảo cảm, và chính đối với những phương diện này, cần sử dụng ba kỹ thuật để sự giải thoát và tiến bộ có thể xảy ra. Như các bạn biết, lời cầu nguyện này như sau (Áo Nghĩa Thư Brihadaranyaki I, 3, 28):

"Lead us, O Lord, from darkness to light; from the unreal to the real; from death to immortality."

"Lạy Chúa, xin dẫn dắt chúng con từ bóng tối đến ánh sáng; từ cái không thực đến thực tại; từ cái chết đến sự bất tử."

"Lead us from darkness to light" refers to the mind as it becomes eventually illumined by the light of the intuition; this illumination is brought about by the means of the Technique of the Presence from Whom the light shines. This is the mediating factor producing the Transfiguration of the personality, and a centre of radiant light upon the mental plane. This statement is true whether one is speaking of an individual or of that focal point of light which is formed by the mental unity and the clear thinking of advanced humanity. These, through the power of their unified minds, will succeed in ridding the world of some aspects of the Great Illusion.

"Xin dẫn dắt chúng con từ bóng tối đến ánh sáng" nói đến thể trí khi cuối cùng nó được ánh sáng trực giác soi sáng; sự soi sáng này diễn ra nhờ Kỹ Thuật của Hiện Diện, Đấng mà ánh sáng tỏa ra từ Ngài. Đây là yếu tố trung gian đem lại sự Biến hình của phàm ngã và một trung tâm ánh sáng rực rỡ trên cõi trí. Phát biểu này đúng dù người ta đang nói về một cá nhân hay về tiêu điểm ánh sáng hình thành từ sự hợp nhất về trí tuệ và tư duy sáng rõ của nhân loại tiến bộ. Nhờ sức mạnh của những thể trí hợp nhất, những người này sẽ thành công trong việc giải thoát thế giới khỏi một số phương diện của Ảo Tưởng Lớn.

"Lead us from the unreal to the Real" has specific relation to the astral plane and its all-encompassing glamours. These glamours embody the unreal and present them to the prisoners of the astral plane, leading them to mistake them for the Reality. This imprisonment by glamour can be ended by the activity of the Technique of Light, utilised by those who work—in group formation—for the dissipation of glamour and for the emergence in the consciousness of men of a clear conception and recognition of the nature of Reality.

"Xin dẫn dắt chúng con từ cái không thực đến Thực Tại" có mối liên hệ đặc biệt với cõi cảm dục và những ảo cảm bao trùm của nó. Những ảo cảm này là hiện thân của cái không thực và trình bày chúng trước những người bị giam hãm trong cõi cảm dục, khiến họ nhầm chúng với Thực Tại. Sự giam hãm do ảo cảm này có thể chấm dứt nhờ hoạt động của Kỹ Thuật Ánh sáng, do những người làm việc—trong tổ chức nhóm—vận dụng để làm tiêu tan ảo cảm và để một quan niệm rõ ràng cùng sự nhận biết về bản chất của Thực Tại xuất hiện trong tâm thức con người.

This particular work of dissipation is our immediate theme. It is of vital importance that those who recognise [199] the open door to the future through which all men must pass should begin to carry forward this work. Only thus can humanity be helped to leave behind the errors, the glamours and the failures of the past. It is this technique which brings freedom from glamour and which can transform human living, and so bring in the new civilisation and culture. This dissipation can be carried forward by disciples in all parts of the planet, aided by the world aspirants; it will, however, be primarily the work of those whose ray focus makes astral living the line of least resistance and who have learnt or are learning to dominate it by the power of thought and mental light. These are the sixth ray people in the first instance, aided by aspirants and disciples upon the second and fourth rays.

Công việc làm tiêu tan cụ thể này là chủ đề trước mắt của chúng ta. Điều có tầm quan trọng sống còn là những người nhận ra [199] cánh cửa mở đến tương lai mà mọi người phải đi qua cần bắt đầu thực hiện công việc này. Chỉ như vậy mới có thể giúp nhân loại bỏ lại phía sau những sai lầm, ảo cảm và thất bại của quá khứ. Chính kỹ thuật này đem lại sự giải thoát khỏi ảo cảm và có thể chuyển đổi đời sống con người, qua đó mở ra nền văn minh và văn hóa mới. Các đệ tử ở mọi nơi trên hành tinh có thể thực hiện công việc làm tiêu tan này, với sự trợ giúp của những người chí nguyện trên thế giới; tuy nhiên, đây chủ yếu sẽ là công việc của những người mà trọng tâm năng lượng cung khiến đời sống cảm dục trở thành con đường ít trở ngại nhất, và những người đã học hoặc đang học cách chế ngự đời sống ấy bằng sức mạnh tư tưởng và ánh sáng trí tuệ. Trước hết, đó là những người thuộc cung sáu, với sự trợ giúp của những người chí nguyện và đệ tử thuộc cung hai và cung bốn.

In time and space, this task will be first of all instituted and controlled in group formation only by aspirants whose soul or personality rays are the sixth or by those whose astral bodies are conditioned by the sixth ray.

Trong thời gian và không gian, trước hết nhiệm vụ này sẽ được khởi xướng và điều hành theo tổ chức nhóm, chỉ bởi những người chí nguyện có cung linh hồn hoặc cung phàm ngã là cung sáu, hoặc bởi những

When they have grasped the nature of the work to be done and "fanatically adopted the technique of light in the service of the race," their work will be completed by second ray disciples, working from the Ashrams of those Masters Who take disciples. The work done by these two groups will be finally revealed (and at a much later date) by those aspirants and disciples who will swing into astral activity when the fourth ray again begins to manifest. Therefore, the work of dissipating glamour is carried forward by those who come out into manifestation along the lines of energy which embody the second, fourth and sixth rays. I emphasise this as disciples frequently undertake tasks for which they are not particularly fitted and whose rays do not aid them in accomplishment and sometimes prevent that accomplishment.

người có thể cảm dục chịu ảnh hưởng của cung sáu. Khi họ đã nắm bắt bản chất của công việc cần thực hiện và "cuồng nhiệt áp dụng kỹ thuật ánh sáng để phụng sự nhân loại", các đệ tử cung hai, hoạt động từ các ashram của những Chân sư có thu nhận đệ tử, sẽ hoàn tất công việc của họ. Công việc do hai nhóm này thực hiện cuối cùng sẽ được làm hiển lộ (vào một thời điểm muộn hơn nhiều) nhờ những người chí nguyện và đệ tử sẽ chuyển sang hoạt động cảm dục khi cung bốn bắt đầu biểu hiện trở lại. Do đó, công việc làm tiêu tan ảo cảm do những người xuất hiện trong biểu hiện theo các đường năng lượng thể hiện cung hai, cung bốn và cung sáu thực hiện. Tôi nhấn mạnh điều này vì các đệ tử thường đảm nhận những nhiệm vụ mà họ không đặc biệt phù hợp, và các cung của họ không giúp họ hoàn thành, đôi khi còn ngăn cản việc hoàn thành ấy.

[200] The whole subject is related to consciousness, to the second aspect, and concerns the forms through which mankind becomes progressively aware. Glamour is caused by the recognition of that which man has himself created and, as has occultly been said, "Man only becomes aware of reality when he has destroyed that which he has himself created." These forms fall into two major groups:

[200] Toàn bộ chủ đề liên quan đến tâm thức, đến phương diện thứ hai, và đề cập đến những hình tướng mà qua đó nhân loại dần dần nhận biết. Ảo cảm nảy sinh từ việc nhận biết những gì chính con người đã tạo ra, và như lời dạy huyền bí đã nói, "Con người chỉ nhận biết thực tại khi đã phá hủy những gì chính mình tạo ra." Những hình tướng này chia thành hai nhóm chính:

1. Those forms which are of very ancient origin and which are the result of human activity, human thinking and of human error. They embrace all the forms which *the desire nature* of man has created down the ages and are the nebulous substance of glamour—nebulous from the physical angle but dense from the angle of the astral plane. They are that which provides the incentive behind all striving and activity upon the outer plane as man attempts to satisfy desire. From these forms the individual

1. Những hình tướng có nguồn gốc rất cổ xưa và là kết quả của hoạt động, tư duy và sai lầm của con người. Chúng bao gồm mọi hình tướng mà *bản chất dục vọng* của con người đã tạo ra qua các thời đại và là chất liệu mờ đục của ảo cảm—mờ đục xét từ góc độ hồng trần nhưng đậm đặc xét từ góc độ cõi cảm dục. Chúng tạo nên động lực đằng sau mọi nỗ lực và hoạt động trên cõi bên ngoài khi con người cố gắng thỏa mãn dục vọng. Người chí nguyện cá nhân luôn phải tự giải thoát khỏi những hình tướng này, và sau khi làm được

aspirant has ever to rid himself, emerging after so doing through that gate which we call the second initiation into a wider consciousness.

như vậy, y bước qua cánh cổng mà chúng ta gọi là lần điểm đạo thứ hai để đi vào một tâm thức rộng lớn hơn.

2. Those forms which are being constantly created and ceaselessly produced in response to *the aspirational nature* of humanity and which provide the enticements which lead the man along towards high personal achievement in the first instance and spiritual achievement later. They have in them the indications of the new and the possible. These likewise (strange as it may seem) constitute a glamour, for they are temporary and illusory and must not be permitted to hide the Real. That Reality will precipitate itself at the right moment once the higher light pours in. They are indicative of the Real and are often mistaken for the Real; they are in conflict with the old thoughts and desires of the past and must eventually give place to the factual presence of the [201] Real. They provide (in times of crisis) the great testing for all aspirants and disciples, evoking the subtlest kind of discrimination; but once that testing has been triumphantly passed, then can the task of dissipating both these types of glamour be given to the disciple and aspirant, with the emphasis upon the immediate need or any particular and current world glamour.

2. Những hình tướng liên tục được tạo ra và không ngừng sản sinh để đáp ứng với *bản chất khát vọng* của nhân loại, tạo nên những sức lôi cuốn dẫn dắt con người trước hết đến thành tựu cá nhân cao và về sau đến thành tựu tinh thần. Trong chúng có những dấu hiệu của cái mới và cái có thể xảy ra. Những hình tướng này cũng vậy (dù điều đó có vẻ lạ), tạo thành một ảo cảm, vì chúng chỉ tạm thời và hư ảo, và không được phép che khuất Thực Tại. Thực Tại ấy sẽ ngưng tụ vào đúng thời điểm khi ánh sáng cao hơn tuôn vào. Chúng là những dấu hiệu của Thực Tại và thường bị nhầm là Thực Tại; chúng xung đột với những tư tưởng và dục vọng cũ của quá khứ, và cuối cùng phải nhường chỗ cho sự hiện diện thực sự của [201] Thực Tại. Trong những thời kỳ khủng hoảng, chúng tạo nên sự thử thách lớn đối với mọi người chí nguyện và đệ tử, khơi dậy loại phân biện tinh tế nhất; nhưng một khi đã vượt qua thử thách ấy một cách vẻ vang, đệ tử và người chí nguyện có thể được giao nhiệm vụ làm tiêu tan cả hai loại ảo cảm này, với sự nhấn mạnh vào nhu cầu trước mắt hoặc bất kỳ ảo cảm thế giới cụ thể nào đang hiện hành.

It will be apparent to you, therefore, that groups working consciously at the service of dissipating glamour will have the following characteristics:

Do đó, các bạn sẽ thấy rõ rằng những nhóm đang phụng sự một cách hữu thức để làm tiêu tan ảo cảm sẽ có những đặc điểm sau:

1. They will be composed of sixth ray aspirants and disciples, aided by second ray spiritual workers.

1. Họ sẽ gồm những người chí nguyện và đệ tử cung sáu, với sự trợ giúp của những người hoạt động tinh thần thuộc cung hai.

2. They will be formed of those who:

a. Are learning or have learnt to dissipate their own individual glamours and can bring understanding to the task.

b. Are focussed upon the mental plane and have, therefore, some measure of mental illumination. They are mastering the Technique of Light.

c. Are aware of the nature of the glamours which they are attempting to dissipate and can use the illumined mind as a searchlight.

3. They will count among their numbers those who (occultly speaking) have the following powers in process of rapid development:

a. The power not only to recognise glamour for what it is, but to discriminate between the various and many types of glamour.

b. The power to appropriate the light, absorbing it into themselves and then consciously and scientifically project it into the world of glamour. The [202] Masters, the higher initiates and the world disciples do this alone, if need be, and require not the protection of the group or the aid of the light of the group members.

c. The power to use the light not only through absorption and projection but also by a conscious use of the will, carrying energy upon the beam of projected light. To this they add a persistent and steady focus. This beam, thus projected, has a twofold use: It works expulsively and dynamically, much as a strong wind blows away or dissipates a

2. Họ sẽ được hình thành từ những người:

a. Đang học hoặc đã học cách làm tiêu tan những ảo cảm cá nhân của mình và có thể đem sự thấu hiểu vào nhiệm vụ.

b. Tập trung trên cõi trí và do đó có một mức độ soi sáng trí tuệ nào đó. Họ đang làm chủ Kỹ Thuật Ánh sáng.

c. Nhận biết bản chất của những ảo cảm mà họ đang cố gắng làm tiêu tan và có thể sử dụng thể trí đã được soi sáng như một ngọn đèn pha.

3. Trong số họ sẽ có những người mà, nói theo nghĩa huyền bí, các năng lực sau đang phát triển nhanh chóng:

a. Năng lực không chỉ nhận biết ảo cảm đúng như bản chất của nó, mà còn phân biện giữa nhiều loại ảo cảm khác nhau.

b. Năng lực tiếp nhận ánh sáng, hấp thụ nó vào bản thân rồi phóng chiếu nó một cách hữu thức và khoa học vào thế giới ảo cảm. Các [202] Chân sư, những điểm đạo đồ cao cấp và các đệ tử thế giới thực hiện điều này một mình nếu cần, và không cần sự bảo vệ của nhóm hay sự trợ giúp từ ánh sáng của các thành viên nhóm.

c. Năng lực sử dụng ánh sáng không chỉ qua sự hấp thụ và phóng chiếu, mà còn bằng việc vận dụng ý chí một cách hữu thức, đưa năng lượng theo chùm ánh sáng được phóng chiếu. Họ bổ sung vào đó một sự tập trung bền bỉ và ổn định. Chùm sáng được phóng chiếu như vậy có công dụng nhị phân: Nó tác động bằng sức xua đuổi mạnh mẽ, giống

dense fog or as the rays of the sun dry up and absorb the mist. It acts also as a beam along which that which is new and a part of the divine intention can enter. The new ideas and the desired ideals can come in "on the beam," just as the beam directs and brings in the airplanes to a desired landing place.

a. The Dissipation of Individual Glamour

Let us first of all consider the mode by which the individual aspirant can succeed in dissipating the glamours which have for ages conditioned his life in the three worlds. He has been dominated by desire for four-fifths of his incarnated experience. He has begun to transmute his desire into aspiration and to seek—with all the devotion, emotion and longing of which he is capable—for realisation. It is then that he becomes aware of the appalling nature of the glamours in which he automatically and normally walks. Glamour arose when man recognised and registered desire as an incentive, thus demonstrating his humanity and his distinction from the animal, because it is the mind which reveals the existence of desire. The instinctual effort to satisfy desire —innate and inherent in the lower nature— gave [203] place to *planned* efforts to meet desire, involving the directive use of the mind. Thus the line of demarcation between the animal and the human has become increasingly apparent and the first and basic expression of pure selfishness appeared aeons ago. Later, as evolution proceeded and desire shifted from one planned satisfaction to another, it began to take on a less physical aspect and men sought pleasure in emotional experience and in its dramatisation: this led to the establishment

như một cơn gió mạnh thổi tan hay làm tiêu tan một màn sương mù dày đặc, hoặc như những tia nắng mặt trời làm khô và hấp thụ sương. Nó cũng hoạt động như một chùm tia mà theo đó những gì mới mẻ và là một phần của ý định thiêng liêng có thể đi vào. Những ý tưởng mới và những lý tưởng mong muốn có thể đến "theo chùm tia", cũng như chùm tia hướng dẫn và đưa máy bay đến nơi hạ cánh mong muốn.

a. Làm tiêu tan Ảo cảm Cá nhân

Trước hết, chúng ta hãy xem xét phương thức mà người chí nguyện cá nhân có thể dùng để thành công trong việc làm tiêu tan những ảo cảm đã tác động lên đời sống của y trong ba cõi giới suốt nhiều thời đại. Dục vọng đã chi phối y trong bốn phần năm trải nghiệm nhập thể của y. Y đã bắt đầu chuyển hoá dục vọng thành khát vọng và tìm kiếm sự chứng nghiệm bằng tất cả lòng sùng tín, cảm xúc và niềm khao khát mà y có thể có. Chính lúc ấy, y nhận biết bản chất đáng kinh sợ của những ảo cảm mà y vẫn bước đi trong đó một cách tự động và như thường lệ. Ảo cảm nảy sinh khi con người nhận biết và ghi nhận dục vọng như một động lực, qua đó thể hiện tính người và sự khác biệt của mình với loài vật, vì chính thể trí làm hiển lộ sự tồn tại của dục vọng. Nỗ lực bản năng nhằm thỏa mãn dục vọng—vốn có sẵn và cố hữu trong bản chất thấp—đã [203] nhường chỗ cho những nỗ lực *có hoạch định* nhằm đáp ứng dục vọng, có sự vận dụng thể trí để chỉ đạo. Do đó, ranh giới giữa loài vật và con người ngày càng trở nên rõ rệt, và biểu hiện đầu tiên, căn bản của tính ích kỷ thuần túy đã xuất hiện từ nhiều đại kỳ trước. Về sau, khi tiến hoá tiếp diễn và dục vọng chuyển từ sự thỏa mãn có hoạch định này sang sự thỏa mãn có hoạch định khác, nó bắt đầu mang một sắc thái ít hồng trần hơn, và con người tìm kiếm khoái lạc trong trải nghiệm cảm

of the drama as its first artistic expression; by means of this, down the ages, man has supplemented individual emotional and dramatic living with a vicarious submergence in it, thus exteriorising himself and supplementing his personal dramas, desires, and objectives with those which were developed by means of the creative imagination, thus laying the foundation for the recognition—intelligent and real—of the part in relation to the whole. Thus from earliest Atlantean times the foundation was laid for the unfoldment of the sense of mystical duality through the various stages of an anthropomorphic recognition of deity to the recognition of the real in man himself, until finally we arrive at the proposition which faces the disciple. Then the Dweller on the Threshold confronts the Angel of the Presence and the last and major conflict is fought out.

xúc cùng việc kịch hóa trải nghiệm ấy: điều này dẫn đến sự hình thành kịch nghệ như biểu hiện nghệ thuật đầu tiên của nó; nhờ đó, qua các thời đại, con người đã bổ sung cho đời sống cảm xúc và kịch tính của cá nhân bằng việc đắm mình gián tiếp vào những trải nghiệm ấy, qua đó biểu hiện bản thân ra bên ngoài và bổ sung cho những vở kịch, dục vọng và mục tiêu riêng bằng những điều phát triển nhờ Sự tưởng tượng sáng tạo, từ đó đặt nền móng cho sự nhận biết—thông minh và thực sự—về bộ phận trong mối liên hệ với toàn thể. Như vậy, từ những thời kỳ Atlantis sớm nhất, nền móng đã được đặt cho sự khai mở ý thức về nhị nguyên thần bí, qua các giai đoạn khác nhau, từ việc nhận biết Thượng đế theo hình tượng con người đến việc nhận biết thực tại trong chính con người, cho đến khi cuối cùng chúng ta đi đến vấn đề mà đệ tử phải đối mặt. Bấy giờ, Kẻ Chận Ngõ đối diện với Thiên Thần của Hiện Diện, và cuộc xung đột lớn cuối cùng diễn ra cho đến hồi kết.

This dualistic consciousness culminates at the time of the third initiation in the final fight between the pairs of opposites and the triumphant victory of the Angel—the embodiment of the Forces of Good in the individual, in the group and in humanity. Then dualism and the desire for that which is material and not oneself (as identified with the Whole) dies out. Unity and the "life more abundantly" is achieved.

Tâm thức nhị nguyên này đạt đến đỉnh điểm vào thời điểm lần điểm đạo thứ ba, trong cuộc chiến cuối cùng giữa các cặp đối cực và chiến thắng vẻ vang của Thiên Thần—hiện thân của các Mãnh Lực Thiện trong cá nhân, trong nhóm và trong nhân loại. Bấy giờ, tính nhị nguyên và dục vọng đối với những gì thuộc vật chất và không phải là chính mình (khi đã đồng hoá với Toàn Thể) tiêu tan. Sự hợp nhất và "sự sống dồi dào hơn" được thành tựu.

The process followed by the disciple who is consciously working at the dissipation of glamour in his life can be [204] divided into four stages to which the following definitions can be given:

Tiến trình mà đệ tử đang làm tiêu tan ảo cảm trong đời sống của mình một cách hữu thức tuân theo có thể [204] chia thành bốn giai đoạn, với những định nghĩa sau:

1. The stage of recognition of the glamour or glamours which hide the Real. These

1. Giai đoạn nhận biết ảo cảm hoặc những ảo cảm che khuất Thực Tại. Trong bất kỳ cuộc

glamours are dependent in any particular life crisis upon the ray of the personality.

2. The stage of focussing the disciple's consciousness upon the mental plane and the gathering of the light to that point of focus so that the illumination is clear, the work to be done is plainly seen, and the searchlight of the mind is directed upon the glamour which it is intended should be dissipated.

3. The stage of direction. This involves the steady pouring of the light (under intelligent direction) into the dark places of the astral plane, remembering that the light will enable the disciple to do two things:

a. Dissipate the glamour—a satisfying experience.

b. See the Real—a terrifying experience, brother of mine.

4. The stage of identification with the Real as it is contacted after the dissipation of the glamour. In the added light which is now available, there will be a further recognition of still subtler glamours which in their turn must be dissipated.

This process of recognition, focussing, dissipation and consequent revelation goes on continually from the time a disciple treads the Path of Accepted Discipleship until the third initiation.

The clue to all success in this process is, therefore, connected with meditation and the holding of the mind steady in the light. Only through steadiness can the beam of light be formed, intensified, focussed and projected and then—[205] at the right

khủng hoảng cụ thể nào của đời sống, những ảo cảm này phụ thuộc vào cung phàm ngã.

2. Giai đoạn tập trung tâm thức của đệ tử trên cõi trí và quy tụ ánh sáng về tiêu điểm ấy, để sự soi sáng được rõ ràng, công việc cần thực hiện được thấy rõ, và ngọn đèn pha của thể trí hướng vào ảo cảm mà y có ý định làm tiêu tan.

3. Giai đoạn định hướng. Giai đoạn này bao gồm việc tuôn ánh sáng đều đặn (dưới sự chỉ đạo thông minh) vào những nơi tối tăm của cõi cảm dục, với sự ghi nhớ rằng ánh sáng sẽ giúp đệ tử làm được hai điều:

a. Làm tiêu tan ảo cảm—một trải nghiệm đem lại sự thỏa mãn.

b. Nhìn thấy Thực Tại—một trải nghiệm kinh hoàng, hỡi huynh đệ của tôi.

4. Giai đoạn đồng hoá với Thực Tại khi tiếp xúc với Thực Tại sau khi ảo cảm đã tiêu tan. Trong ánh sáng gia tăng hiện có, y sẽ tiếp tục nhận biết những ảo cảm còn tinh tế hơn, và đến lượt chúng cũng phải được làm tiêu tan.

Tiến trình nhận biết, tập trung, làm tiêu tan và sự mặc khải theo sau diễn ra liên tục từ lúc một đệ tử bước trên Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận cho đến lần điểm đạo thứ ba.

Do đó, chìa khóa của mọi thành công trong tiến trình này liên quan đến việc tham thiền và giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng. Chỉ nhờ sự vững vàng, chùm ánh sáng mới có thể hình thành, được tăng cường, hội tụ, phóng chiếu rồi—[205] vào đúng thời điểm

moment—withdrawn. I cannot here enter upon an elucidation of the process of meditation, based on the right understanding of the nature of concentration. I have written much upon the subject and the Raja Yoga discipline is well known. Mental concentration and control is now the ordinary theme of all instructions given by educators and enlightened parents. It is difficult for the average person today to realise that there was a time when such phrases as "Use your mind" or "If you will only think" or "A little mental control on your part would be useful" were totally unknown because the mind was so little developed. It was then only recognised as a functioning factor by those with initiate consciousness. The Path of Evolution is in fact the path of recognitions, leading to revelation. The whole process of evolution is initiatory in character, leading from one expansion of consciousness to another until the worlds of the formless and of form stand revealed in the light which the initiate generates and in which he walks. These lights are varied and variously revealing; there is:

—thu hồi. Ở đây, Tôi không thể đi vào việc làm sáng tỏ tiến trình tham thiền dựa trên sự thấu hiểu đúng đắn về bản chất của sự tập trung. Tôi đã viết nhiều về chủ đề này, và phương pháp rèn luyện Du Già Vương Giả vốn đã được biết đến rộng rãi. Hiện nay, sự tập trung và kiểm soát thể trí là chủ đề thông thường trong mọi lời hướng dẫn của các nhà giáo dục và những bậc cha mẹ sáng suốt. Ngày nay, người bình thường khó nhận ra rằng từng có một thời những câu như "Hãy sử dụng thể trí của mình", "Chỉ cần bạn chịu suy nghĩ" hoặc "Bạn kiểm soát thể trí một chút sẽ có ích" hoàn toàn chưa được biết đến, vì thể trí còn quá ít phát triển. Khi ấy, chỉ những người có tâm thức điểm đạo đồ mới nhận biết thể trí như một yếu tố hoạt động. Con Đường Tiến Hoá thực ra là con đường của những sự nhận biết dẫn đến sự mặc khải. Toàn bộ tiến trình tiến hoá mang tính điểm đạo, dẫn từ sự mở rộng tâm thức này đến sự mở rộng tâm thức khác, cho đến khi các thế giới vô hình tướng và hình tướng hiển lộ trong ánh sáng mà điểm đạo đồ tạo ra và bước đi trong đó. Những ánh sáng này đa dạng và mặc khải theo những cách khác nhau; có:

1. The light of matter itself, found in every atom of substance.

1. Ánh sáng của chính vật chất, hiện diện trong mỗi nguyên tử chất liệu.

2. The light of the vital or etheric vehicle—a light which is the reflection of the One Light because it unifies the three types of light within the three worlds.

2. Ánh sáng của hiện thể sinh lực hay hiện thể dĩ thái—một ánh sáng phản chiếu Ánh Sáng Duy Nhất, vì nó hợp nhất ba loại ánh sáng trong ba cõi giới.

3. The light of the instinct.

3. Ánh sáng của bản năng.

4. The light of the intellect or the light of knowledge.

4. Ánh sáng của trí năng hay ánh sáng của tri thức.

5. The light of the soul.

5. Ánh sáng của linh hồn.

6. The light of the intuition.

From light to light we pass, from revelation to revelation until we pass out of the realm of light into the realm of life which is, as yet to us, pure darkness.

It will be obvious to you that this increasing light brings with it a constantly developing series of revelations which, [206] like all else in the world of human experience, unfolds before the eyes first of all the world of forms, then the world of ideals, then the nature of the soul, of ideas and of divinity. I am choosing but a few of the words which embody the revelation and are symbolic of its character. But all these revelations constitute one great unified revelation which is slowly unfolding before the eyes of humanity. The light of the personal lower self reveals to man the world of form, of matter, of instinct, of desire and of mind; the light of the soul reveals the nature of the relation of these forms of life to the world of the formless and of the conflict between the real and the unreal. The light of the intuition unfolds before the vision of the *soul within the personality*, the nature of God and the unity of the Whole. The restlessness of material desire, seeking its satisfaction in the three worlds, eventually gives place to aspiration towards soul contact and soul life. This in its turn is recognised as a step towards those great fundamental experiences to which we give the names of the five major initiations. These reveal to man the hitherto unrealised fact of his non-separateness and of the relation of his individual will to the divine will.

6. Ánh sáng của trực giác.

Chúng ta đi từ ánh sáng này đến ánh sáng khác, từ sự mặc khải này đến sự mặc khải khác, cho đến khi ra khỏi lĩnh vực ánh sáng để đi vào lĩnh vực sự sống, mà đối với chúng ta hiện nay vẫn là bóng tối thuần túy.

Các bạn sẽ thấy rõ rằng ánh sáng gia tăng này mang theo một chuỗi mặc khải không ngừng phát triển, và [206] cũng như mọi điều khác trong thế giới trải nghiệm của con người, chuỗi mặc khải ấy mở ra trước mắt, trước hết là thế giới hình tướng, rồi đến thế giới lý tưởng, sau đó là bản chất của linh hồn, của ý tưởng và của thiên tính. Tôi chỉ chọn một vài từ thể hiện sự mặc khải và tượng trưng cho đặc tính của nó. Nhưng tất cả những sự mặc khải này tạo thành một sự mặc khải lớn, hợp nhất, đang dần mở ra trước mắt nhân loại. Ánh sáng của phàm ngã cá nhân làm hiển lộ cho con người thế giới hình tướng, vật chất, bản năng, dục vọng và thể trí; ánh sáng linh hồn làm hiển lộ bản chất mối liên hệ của những hình thức sự sống này với thế giới vô hình tướng và bản chất cuộc xung đột giữa cái thực và cái không thực. Ánh sáng trực giác mở ra trước tầm nhìn của *linh hồn bên trong phàm nhân* bản chất của Thượng đế và sự hợp nhất của Toàn Thể. Sự bất an của dục vọng vật chất, tìm kiếm sự thỏa mãn trong ba cõi giới, cuối cùng nhường chỗ cho khát vọng hướng đến sự tiếp xúc với linh hồn và đời sống linh hồn. Đến lượt mình, điều này được nhận biết như một bước tiến đến những trải nghiệm nền tảng lớn mà chúng ta gọi là năm cuộc điểm đạo chủ yếu. Những cuộc điểm đạo này mặc khải cho con người sự thật mà trước đó y chưa nhận ra: y không tách biệt, và ý chí cá nhân của y có mối liên hệ với Ý Chí thiêng liêng.

We are now going to study the mode whereby these phases of work upon the astral plane are carried forward: first, the individual learns to use the light of the mind, generated by the soul as it becomes closely related to the personality and impulsed by the intuition. By means of this light the disciple learns to dissipate his personal and private glamours. I mention this because I would have you appreciate the extent of the task a man undertakes when he consciously sets about ridding himself of glamour preparatory to extended service. He is in conflict then with the whole glamour of the entire plane and is apt to be overwhelmed by a realisation of what he is facing. This is one of the [207] causes of the deep depression and those profound inferiority complexes which render some people completely futile or lead eventually to suicide. Their own personal glamours tie them in to national or planetary glamour and thus condition their life expression and their thinking. I would ask you to remember this as you deal with people and find them set in their ideas and unable to see the truth as you see it. They are as they are because their individual glamour is fed by the greater glamours, and this is as yet too much for them.

Giờ đây, chúng ta sẽ nghiên cứu phương thức triển khai các giai đoạn công việc này trên cõi cảm dục: trước hết, cá nhân học cách sử dụng ánh sáng của thể trí, do linh hồn tạo ra khi linh hồn gắn bó mật thiết với phàm ngã và nhận sự thúc đẩy của trực giác. Nhờ ánh sáng này, đệ tử học cách làm tiêu tan những ảo cảm cá nhân và riêng tư của mình. Tôi đề cập điều này vì Tôi muốn các bạn hiểu được quy mô của nhiệm vụ mà một người đảm nhận khi y bắt đầu có ý thức giải thoát mình khỏi ảo cảm để chuẩn bị cho việc phụng sự rộng lớn hơn. Khi ấy, y phải đối đầu với toàn bộ ảo cảm của cả cõi này và dễ bị choáng ngợp khi nhận ra những gì mình đang đối diện. Đây là một trong những [207] nguyên nhân gây nên tình trạng trầm uất sâu sắc và những phức cảm tự ti nặng nề khiến một số người hoàn toàn bất lực hoặc cuối cùng dẫn đến tự sát. Những ảo cảm cá nhân của họ ràng buộc họ với ảo cảm quốc gia hoặc hành tinh và do đó định hình cách họ biểu hiện trong đời sống cũng như tư duy của họ. Tôi mong các bạn nhớ điều này khi tiếp xúc với những người cố chấp trong các ý tưởng của mình và không thể thấy chân lý như các bạn thấy. Họ như vậy là vì ảo cảm cá nhân của họ được nuôi dưỡng bằng những ảo cảm lớn hơn, và hiện nay điều này vẫn vượt quá khả năng ứng phó của họ.

It is not my intention to deal specifically with particular glamours but to give you a formula which—with slight changes and additions—can serve the individual and the group in the task of eradicating glamour. I would begin by saying that the first need is for the man to realise that his reactions, ideas, desires and life experience, as far as his emotional nature is concerned, are conditioned by some one glamour or glamours, that he is the victim of several glamours, engendered over many lives, deeply rooted in his past history, and to

Tôi không có ý định bàn riêng về từng ảo cảm cụ thể, mà muốn trao cho các bạn một công thức, với những thay đổi và bổ sung nhỏ, có thể giúp cá nhân và nhóm trong nhiệm vụ loại trừ ảo cảm. Trước hết, Tôi muốn nói rằng điều cần thiết đầu tiên là mỗi người phải nhận ra rằng, xét về bản chất cảm xúc của mình, những phản ứng, ý tưởng, dục vọng và kinh nghiệm sống của y chịu ảnh hưởng của một hay nhiều ảo cảm; rằng y là nạn nhân của nhiều ảo cảm hình thành qua nhiều kiếp sống, bắt rễ sâu trong lịch sử quá khứ của y, và y phản ứng với chúng theo

which he instinctually reacts. The time, however, comes when the probationary disciple becomes aware of these instinctual glamours and recognises them on appearance, even when reacting to them; he seeks to free himself, working at first spasmodically, trying to use the mind to rationalise himself out of them and alternating between temporary success, when he can with deliberation act as if free from glamour, and long periods of defeat when he is overwhelmed, can see no light anywhere and acts like a blind, bewildered person. This indicates that he is drawn as by a magnet (the force of accumulated ancient glamour with its karmic effects) into the midst of the very glamour he would seek to avoid. Later comes the stage (a result of this alternating process) when the pull of the soul begins to offset the pull of these glamours: he [208] aspires to free expression and to liberation from astral plane control. The balancing process then takes place.

bản năng. Tuy nhiên, đến một lúc, đệ tử dự bị nhận biết những ảo cảm mang tính bản năng này và nhận ra chúng khi chúng xuất hiện, ngay cả trong lúc y đang phản ứng với chúng; y tìm cách giải thoát mình, lúc đầu chỉ nỗ lực từng đợt, cố dùng thể trí để suy luận nhằm thoát khỏi chúng, và luân phiên giữa những thành công tạm thời, khi y có thể chủ tâm hành động như thể đã thoát khỏi ảo cảm, với những thời kỳ thất bại kéo dài, khi y bị choáng ngợp, không thấy ánh sáng ở đâu và hành động như một người mù lòa, hoang mang. Điều này cho thấy y bị hút như bởi một nam châm — mãnh lực của ảo cảm cổ xưa đã tích tụ cùng các tác động nghiệp quả của nó — vào ngay giữa chính ảo cảm mà y tìm cách tránh. Sau đó đến giai đoạn, là kết quả của tiến trình luân phiên này, khi sức hút của linh hồn bắt đầu hóa giải sức hút của những ảo cảm ấy: y [208] khát vọng được biểu hiện tự do và được giải thoát khỏi sự kiểm soát của cõi cảm dục. Khi ấy, tiến trình cân bằng diễn ra.

It is during this stage that meditation is instituted so that the man becomes aware of soul light as it blends with the inherent light of the mental body, and this blended light steadily intensifies as he persists in the meditation work. A point then comes where the aspirant discovers that this inner light can be used, and he begins tentatively and with uneven success to turn that light upon the problems of his particular glamour. It is also at this point that we now carry forward the Technique of Light, employing it so that the vague unscientific technique of the past comes to an end. The indicated technique is of use only to the man who knows something of the light of the mind, of the light in the head, and of the light of the soul. The light in the head is produced by the definitely planned bringing together of soul light and personality light, focussed in the mental body and producing an effect in the

Chính trong giai đoạn này, việc tham thiền được thiết lập để con người nhận biết ánh sáng linh hồn khi nó hòa quyện với ánh sáng vốn có của thể trí, và ánh sáng hòa quyện này ngày càng tăng cường khi y kiên trì tham thiền. Rồi đến một thời điểm, người chí nguyện khám phá rằng ánh sáng bên trong này có thể được sử dụng, và y bắt đầu thử hướng ánh sáng ấy vào những vấn đề của ảo cảm riêng của mình, với mức độ thành công không đồng đều. Cũng chính tại thời điểm này, chúng ta bắt đầu triển khai Kỹ Thuật Ánh sáng, sử dụng nó để chấm dứt kỹ thuật mơ hồ, thiếu tính khoa học của quá khứ. Kỹ thuật được trình bày chỉ hữu ích cho người đã biết phần nào về ánh sáng của thể trí, ánh sáng trong đầu và ánh sáng của linh hồn. Ánh sáng trong đầu phát sinh từ việc kết hợp ánh sáng linh hồn với ánh sáng phàm ngã theo một kế hoạch xác định, tập trung trong thể trí và tạo ra tác động nơi bộ

brain. This focussing process falls into three stages:

1. The attempt to focus the light of the mind and of matter in the mental vehicle.

This signifies a bringing together of the light of matter and substance (dense material and etheric light) and the light of the mind itself. There is no peculiar or specific light in or of the astral body itself, for it is only an aggregate of forms, created by individual man, by nations and by races, and these in their entirety constitute the astral plane and possess no inherent light as do other forms. They are not created as a form of expression for some dynamic life by the planetary Logos, and this is the real meaning of what I have earlier told you that the astral plane in reality does not exist. It is the phantasmoric creation of human desire down the [209] ages and its false light is a reflection of either the light of matter or of the mind. This process of focussing is undertaken through alignment and by the effort to bring to a point of illumination the positive light of the mind and the negative light of the brain and is carried forward through mental control, developed in meditation. When these two opposite poles are in relation then (by an act of the personality will) these two aspects of the lesser light can form a pin point of light —like a small torch light—revealing some phase of the glamour to which the aspirant most easily responds. This first focussed light is not of such a nature that it can do more than reveal. It has no dissipating power, nor can it render existing glamour ineffective. It can only make a man aware in his waking or brain consciousness that glamour holds him. This is related to the stage of concentration in the meditation process.

não. Tiến trình tập trung này gồm ba giai đoạn:

1. Nỗ lực tập trung ánh sáng của thể trí và của vật chất trong thể trí.

Điều này có nghĩa là kết hợp ánh sáng của vật chất và chất liệu — ánh sáng vật chất đậm đặc và ánh sáng dĩ thái — với ánh sáng của chính thể trí. Không có ánh sáng riêng biệt hay đặc thù nào trong chính thể cảm dục hoặc thuộc về nó, vì nó chỉ là một tập hợp các hình tướng do từng cá nhân, các quốc gia và các nhóm nhân loại tạo ra; toàn bộ những hình tướng này hợp thành cõi cảm dục và không có ánh sáng vốn có như những hình tướng khác. Hành Tinh Thượng đế không tạo ra chúng như một hình tướng biểu hiện cho một sự sống năng động nào đó, và đây là ý nghĩa đích thực của điều Tôi đã nói trước đây với các bạn rằng cõi cảm dục thực sự không tồn tại. Nó là sản phẩm huyễn hoặc do dục vọng con người tạo ra qua [209] các thời đại, và ánh sáng giả tạo của nó là sự phản chiếu ánh sáng của vật chất hoặc của thể trí. Tiến trình tập trung này diễn ra thông qua sự chỉnh hợp và nỗ lực đưa ánh sáng dương tính của thể trí cùng ánh sáng âm tính của bộ não đến một điểm soi sáng; tiến trình ấy tiếp diễn nhờ sự kiểm soát của thể trí, được phát triển trong tham thiền. Khi hai cực đối lập này liên hệ với nhau, thì bằng một hành động của ý chí phàm ngã, hai phương diện của ánh sáng nhỏ hơn này có thể tạo thành một điểm sáng cực nhỏ — giống như ánh sáng của một ngọn đèn pin nhỏ — làm hiển lộ một khía cạnh nào đó của ảo cảm mà người chí nguyện dễ đáp ứng nhất. Ánh sáng tập trung ban đầu này chỉ có thể làm hiển lộ, không thể làm gì hơn. Nó không có quyền năng làm tiêu tan, cũng không thể khiến ảo cảm đang tồn tại mất hiệu lực. Nó chỉ có thể khiến con người nhận biết trong tâm thức tỉnh thức

hay tâm thức bộ não rằng ảo cảm đang kìm giữ mình. Điều này liên quan đến giai đoạn định trí trong tiến trình tham thiền.

2. The second stage of the focussing process is produced through the effort to meditate. In the previous stage, the blending of the two material lights was entirely a form process and the aspirant is actuated entirely by his personality forces and expediency. An illustration of this and of its effectiveness can be seen in the man who, from purely selfish motives and through an intense concentration, focusses his mind and brings about the gratification of his desires and the achievement of his goals. He kills out all emotional reactions and goes a long way towards dissipating glamour. He develops the ability to draw on the light of matter itself (physical matter and mental substance) and thus he generates a false light from which soul light is rigorously excluded. It is this power which eventually produces a black magician. He has developed the capacity to draw [210] upon the light energy of matter itself and to focus it so powerfully and effectively that it becomes a great destructive force. It is this which has given Hitler and the six evil men associated with him their power to destroy upon the material plane. But, in the case of the aspirant, the power to meditate upon spiritual reality and to contact the soul offsets the dangers inherent in focussing on and using solely the light of matter; to the lesser light of matter is added the light of the soul and then these two blended lights, or aspects of the One Light, are focussed upon the mental plane through the power of the creative imagination. This enables man eventually to dissipate glamour and liberates him from the astral plane.

2. Giai đoạn thứ hai của tiến trình tập trung phát sinh nhờ nỗ lực tham thiền. Trong giai đoạn trước, sự hòa quyện của hai ánh sáng vật chất hoàn toàn là một tiến trình thuộc hình tướng, và người chí nguyện hoàn toàn chịu sự thúc đẩy của các mãnh lực phàm ngã cùng những tính toán lợi ích trước mắt. Có thể thấy một minh họa cho điều này và hiệu quả của nó ở người, từ những động cơ thuần túy ích kỷ và nhờ định trí mãnh liệt, tập trung thể trí để thỏa mãn dục vọng và đạt được các mục tiêu của mình. Y dập tắt mọi phản ứng cảm xúc và tiến rất xa trong việc làm tiêu tan ảo cảm. Y phát triển khả năng vận dụng ánh sáng của chính vật chất — vật chất hồng trần và chất liệu trí tuệ — và do đó tạo ra một ánh sáng giả tạo mà ánh sáng linh hồn bị loại trừ triệt để. Chính quyền năng này cuối cùng tạo nên một nhà hắc thuật. Y đã phát triển khả năng vận dụng [210] năng lượng ánh sáng của chính vật chất và tập trung nó mạnh mẽ, hiệu quả đến mức nó trở thành một mãnh lực hủy diệt lớn lao. Chính điều này đã đem lại cho Hitler và sáu kẻ ác liên kết với y quyền năng hủy diệt trên cõi vật chất. Nhưng đối với người chí nguyện, quyền năng tham thiền về thực tại tinh thần và tiếp xúc với linh hồn hóa giải những nguy hiểm vốn có trong việc tập trung vào và chỉ sử dụng ánh sáng của vật chất; ánh sáng linh hồn được bổ sung vào ánh sáng nhỏ hơn của vật chất, rồi hai ánh sáng hòa quyện này, hay hai phương diện của Ánh Sáng Duy Nhất, tập trung trên cõi trí nhờ quyền năng của sự tưởng tượng sáng tạo. Điều này cuối cùng giúp con người làm tiêu tan ảo cảm và giải thoát y khỏi cõi cảm dục.

3. The third stage is that in which the light of matter, the light of the mind and the light of the soul (as a channel for the intuition) are consciously blended, fused and focussed. The man then turns this blended light, under soul direction, upon the world of glamour and upon the particular glamour with which he is at any one time pre-occupied. The false light of the astral plane disappears in this triple blended light just like a fire can be nearly put out if subjected to the full rays of the sun; or a burning glass, focussing the rays of the sun, can start a destructive blaze. It is the use of a powerful light which can obliterate a lesser light and dissipate a fog.

3. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn trong đó ánh sáng của vật chất, ánh sáng của thể trí và ánh sáng của linh hồn — như một kênh dẫn cho trực giác — được hòa quyện, dung hợp và tập trung một cách có ý thức. Khi ấy, con người dưới sự chỉ dẫn của linh hồn, hướng ánh sáng hòa quyện này vào thế giới ảo cảm và vào ảo cảm cụ thể mà y đang chú tâm xử lý tại một thời điểm nào đó. Ánh sáng giả tạo của cõi cảm dục biến mất trong ánh sáng hòa quyện tam phân này, giống như một ngọn lửa có thể gần như tắt đi khi chịu toàn bộ các tia sáng mặt trời chiếu vào; hoặc một thấu kính hội tụ các tia sáng mặt trời có thể gây ra một đám cháy hủy diệt. Chính việc sử dụng một ánh sáng mạnh có thể xóa bỏ một ánh sáng yếu hơn và làm tiêu tan sương mù.

All this has to be understandingly and consciously carried forward as a preliminary to the technique proper. His work will be experimental at first, and scientifically applied eventually. It will be based upon a recognition of truth—a truth which is faced and accepted. This work is not a form of rationalisation, though that precedes the definitely [211] scientific work I am outlining; it is not the cultivation of fresh interests of a mental and spiritual kind which gradually supersede desire and drive out glamour. That is all preparatory in character and leads to an unfoldment which prepares the aspirant to work scientifically; it is not a process of "killing out desire" as some schools of thought teach, but is a process of gradually eradicating desire by stern discipline and hard trained work and this, incidentally, involves the dissipation of glamour. Such have been the slow techniques of the past. Today the process is to be changed because enough people are now the product of understanding and can work wisely and also scientifically.

Tất cả điều này phải được tiến hành với sự thấu hiểu và có ý thức, như bước sơ bộ trước khi thực hiện kỹ thuật đúng nghĩa. Lúc đầu, công việc của y sẽ mang tính thử nghiệm, rồi cuối cùng sẽ được áp dụng một cách khoa học. Công việc ấy sẽ dựa trên sự nhận biết chân lý — một chân lý mà y đối diện và chấp nhận. Công việc này không phải là một hình thức suy luận, mặc dù suy luận đi trước công việc thực sự [211] mang tính khoa học mà Tôi đang phác thảo; nó không phải là việc vun bồi những mối quan tâm mới về trí tuệ và tinh thần để chúng dần thay thế dục vọng và đẩy lùi ảo cảm. Tất cả những điều đó đều mang tính chuẩn bị và dẫn đến một sự khai mở giúp người chí nguyện sẵn sàng làm việc một cách khoa học; đây không phải là một tiến trình "dập tắt dục vọng" như một số trường phái tư tưởng giảng dạy, mà là một tiến trình dần loại trừ dục vọng bằng kỷ luật nghiêm khắc và sự làm việc miệt mài, có rèn luyện; đồng thời, điều này cũng bao hàm việc làm tiêu tan ảo cảm. Đó là những kỹ thuật chậm chạp của quá khứ. Ngày nay, tiến trình này cần thay đổi vì hiện đã có đủ những người trưởng thành từ sự thấu hiểu,

có thể làm việc một cách minh triết và cũng mang tính khoa học.

The process I am developing for you is one of rapid and effective dissipation and is based upon the acceptance of the hypothesis of light, upon the recognition of the fact that the astral plane has no true existence, upon a trained use of the creative imagination and upon the unquestioning following of instructions, individually and as a group.

Tiến trình Tôi đang trình bày cho các bạn nhằm làm tiêu tan ảo cảm nhanh chóng và hiệu quả, dựa trên việc chấp nhận giả thuyết về ánh sáng, nhận biết sự thật rằng cõi cảm dục không thực sự tồn tại, sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo đã qua rèn luyện, và tuân theo các chỉ dẫn không chút nghi vấn, cả với tư cách cá nhân lẫn nhóm.

It is my intention to give you two formulas—one for the use of the individual and the other which groups can use as they contribute their united effort to the dissipation of glamour, either of group glamour or in relation to some aspect of the prevalent world glamour. Two things will be apparent to you:

Tôi dự định trao cho các bạn hai công thức — một công thức dành cho cá nhân sử dụng, và công thức kia dành cho các nhóm sử dụng khi họ đóng góp nỗ lực hợp nhất của mình vào việc làm tiêu tan ảo cảm, dù là ảo cảm nhóm hay một phương diện nào đó của ảo cảm đang phổ biến trên thế giới. Hai điều sẽ trở nên rõ ràng với các bạn:

First: that those participating in the eradication of glamour must be able to distinguish between glamour and the reality. These often closely resemble each other on a superficial examination. They must be in a position to recognise that an emotional or astral condition constitutes a veil over the truth and is a distortion of the presentation or the appearance of the individual's or the group's expression of divinity. They must, therefore, be capable of vision, clear thinking, and prompt recognition as to what is preventing [212] the materialising of that vision and the accurate reception of the truth. They must also be able to distinguish between a major and a minor glamour. A minor glamour, a passing evanescent thoughtform of an easily recognisable nature does not warrant the use of either of the formulas. Such a minor glamour would be a sense of self-pity in an individual or the glorification of some notable individual by an individual, a group

Thứ nhất: những người tham gia loại trừ ảo cảm phải có khả năng phân biệt giữa ảo cảm và thực tại. Khi xem xét hời hợt, hai điều này thường rất giống nhau. Họ phải có khả năng nhận ra rằng một trạng thái cảm xúc hay cảm dục tạo thành bức màn che phủ chân lý và làm méo mó cách trình bày hay vẻ ngoài của sự biểu hiện thiên tính nơi cá nhân hoặc nhóm. Vì vậy, họ phải có tầm nhìn, tư duy sáng suốt và khả năng nhanh chóng nhận ra điều gì đang ngăn cản [212] tầm nhìn ấy hiện hình cũng như việc tiếp nhận chân lý một cách chính xác. Họ cũng phải có khả năng phân biệt giữa một ảo cảm lớn và một ảo cảm nhỏ. Một ảo cảm nhỏ, một hình tư tưởng thoáng qua, chóng tan và có bản chất dễ nhận biết, không đòi hỏi phải sử dụng bất kỳ công thức nào trong hai công thức. Một ảo cảm nhỏ như vậy có thể là cảm giác tự thương hại ở một cá nhân, hoặc việc một cá nhân, một nhóm hay một quốc gia tôn vinh một nhân vật nổi bật nào đó. Thời gian và lẽ thường đủ để giải quyết tình trạng ấy. Một ảo

or a nation. Time and commonsense suffice to take care of such a situation. A major glamour in the world (prior to the war) was the emphasis put upon possessions and the belief that happiness was dependent upon things and upon material good and comfort.

cảm lớn trên thế giới trước chiến tranh là việc quá coi trọng tài sản và tin rằng hạnh phúc phụ thuộc vào đồ vật, của cải vật chất và sự tiện nghi.

Second: that the three stages of focussing, referred to above, constitute a preparatory process. These three stages must be somewhat developed before effective use of the formulas can be possible, and those intending to work at the task of ridding the world of glamour must subject themselves constantly to these phases in the art of polarisation, if I might so call it. They must have an understanding of the apparatus of thought, of the creation of thoughtforms, and of the nature of the thinker. They must be emotionally polarised, yet, in group work relatively free from astral control. This astral liberation must to a certain extent control the choice of those who are to work at major dissipations. In the case of the individual who is seeking to break up glamour in his individual life, he should be mentally polarised by decision and effort even if the emotional nature is for him in any one life the line of least resistance. Those working in group formation will have achieved a measure of mental focus but for the purposes of the work to be done they will focus themselves consciously and deliberately upon the emotional plane through [213] their control of their natures. Workers must therefore have practised meditation, have reflected much upon the nature of thought and its uses, and must be aware of the light within.

Thứ hai: ba giai đoạn tập trung được nhắc đến ở trên hợp thành một tiến trình chuẩn bị. Ba giai đoạn này phải được phát triển đến một mức độ nào đó trước khi có thể sử dụng hiệu quả các công thức, và những người dự định đảm nhận nhiệm vụ giải thoát thế giới khỏi ảo cảm phải không ngừng rèn luyện qua các giai đoạn này trong nghệ thuật phân cực, nếu Tôi có thể gọi như vậy. Họ phải thấu hiểu bộ máy tư duy, sự tạo lập các hình tư tưởng và bản chất của người tư duy. Họ phải phân cực cảm xúc, nhưng trong công việc nhóm phải tương đối thoát khỏi sự kiểm soát của cõi cảm dục. Sự giải thoát khỏi cõi cảm dục này phải, đến một mức độ nhất định, chi phối việc lựa chọn những người sẽ tham gia các công việc làm tiêu tan ảo cảm quy mô lớn. Đối với cá nhân đang tìm cách phá vỡ ảo cảm trong đời sống riêng của mình, y nên phân cực trí tuệ bằng quyết tâm và nỗ lực, ngay cả khi trong một kiếp sống nào đó, bản chất cảm xúc là con đường ít trở ngại nhất đối với y. Những người làm việc trong đội hình nhóm sẽ đạt được một mức độ tập trung trí tuệ, nhưng vì mục đích của công việc cần thực hiện, họ sẽ chủ tâm và có ý thức tập trung trên cõi cảm xúc thông qua [213] việc kiểm soát bản chất của mình. Vì vậy, những người hoạt động phải từng thực hành tham thiền, suy ngẫm nhiều về bản chất của tư tưởng và các công dụng của nó, đồng thời phải nhận biết ánh sáng bên trong.

When these three stages are established as related activities, habits and automatic reactions, and when the intention is fixed

Khi ba giai đoạn này đã được thiết lập thành những hoạt động liên hệ với nhau, những thói quen và phản ứng tự động, và khi ý định

and the ability to focus has become an almost instinctual reaction, then sound and effective work can be done; to this work must be added persistence and patience. It is not necessary, I might add, to have achieved perfection in the process before starting this work and service. Disciples and aspirants must cultivate the consciousness of cooperation and realisation that in service such as is proposed, they are definitely participating in a hierarchical activity and are, therefore, in a position to render help even if they could not—alone and unaided—achieve the desired results. They can hasten the process by their combined help. The power of united effort upon the physical plane is being realised today on a large scale, and the war effort in all countries has greatly hastened this realisation. The power of unified emotion (often expressing itself in what is called mob psychology) is everywhere recognised and feared as well as exploited. The power of unified thought is little grasped as yet, and the power inherent in the light of many minds, rendering them effective instruments in world affairs, penetrating and dissipating glamour and proving creative upon the physical plane, will prove to be a part of the new modes of work which will be employed in the new age. For this, the Hierarchy has planned and worked and it is now prepared to test the effectiveness of that work by organising a group or groups which will work upon the problem of glamour.

đã vững chắc cùng khả năng tập trung đã trở thành một phản ứng gần như bản năng, thì có thể thực hiện công việc một cách vững vàng và hiệu quả; công việc này cần thêm lòng kiên trì và sự nhẫn nại. Tôi xin nói thêm rằng không cần phải đạt đến sự hoàn hảo trong tiến trình này trước khi bắt đầu công việc và sự phụng sự ấy. Các đệ tử và người chí nguyện phải vun bồi tâm thức hợp tác và nhận biết rằng trong sự phụng sự như đã đề xuất, họ đang thực sự tham gia một hoạt động của Thánh đoàn; vì vậy, họ có thể trợ giúp ngay cả khi một mình và không có sự hỗ trợ, họ không thể đạt được những kết quả mong muốn. Bằng sự trợ giúp kết hợp, họ có thể đẩy nhanh tiến trình. Ngày nay, người ta đang nhận ra trên quy mô rộng lớn quyền năng của nỗ lực hợp nhất trên cõi hồng trần, và nỗ lực phục vụ chiến tranh ở mọi quốc gia đã thúc đẩy mạnh mẽ sự nhận biết này. Quyền năng của cảm xúc hợp nhất, thường biểu hiện thành điều gọi là tâm lý đám đông, được mọi nơi thừa nhận, sợ hãi và cả khai thác. Quyền năng của tư tưởng hợp nhất hiện vẫn chưa được nắm bắt nhiều; và quyền năng vốn có trong ánh sáng của nhiều thể trí, khiến chúng trở thành những công cụ hiệu quả trong các vấn đề thế giới, xuyên thấu và làm tiêu tan ảo cảm, đồng thời thể hiện tính sáng tạo trên cõi hồng trần, sẽ trở thành một phần của những phương thức làm việc mới được sử dụng trong kỷ nguyên mới. Thánh đoàn đã hoạch định và làm việc cho điều này, và giờ đây sẵn sàng kiểm nghiệm hiệu quả của công việc ấy bằng cách tổ chức một nhóm hoặc nhiều nhóm sẽ đảm nhận vấn đề ảo cảm.

You can see, consequently, that what I am outlining is relatively new. The faint impression of the coming technique [214] as far as the individual is concerned has been registered. Men and women everywhere are attempting to rid themselves of glamour by the power of clear thinking, stern discipline

Do đó, các bạn có thể thấy rằng những gì Tôi đang phác thảo là tương đối mới. Một ấn tượng mờ nhạt về kỹ thuật sắp tới [214] đã được ghi nhận ở phạm vi cá nhân. Những người nam và nữ khắp nơi đang cố giải thoát mình khỏi ảo cảm bằng quyền năng của tư duy sáng suốt, kỷ luật nghiêm khắc và lẽ

and commonsense, and by a recording consciously of their relation to the whole—which prompts them to eliminate out of their lives all that could hinder others or increase world deception through glamour. To this will be added (perhaps as an aspect of the new world religion now on its way towards externalising) the realisation that groups can successfully clear away the glamours which darken humanity's way to its goal, through the power of combined and projected thought.

thường, cũng như bằng việc ghi nhận một cách có ý thức mối quan hệ của mình với toàn thể — điều thúc đẩy họ loại bỏ khỏi đời sống mọi thứ có thể cản trở người khác hoặc làm gia tăng sự lừa dối trên thế giới thông qua ảo cảm. Thêm vào đó sẽ là sự nhận biết rằng các nhóm có thể thành công trong việc quét sạch những ảo cảm làm tối tăm con đường nhân loại tiến tới mục tiêu, nhờ quyền năng của tư tưởng kết hợp và phóng chiếu; có lẽ điều này sẽ là một phương diện của tôn giáo thế giới mới, hiện đang trên đường ngoại hiện.

In order to make the first step towards united group activity along this line of service, I present a formula or group ritual which—if employed by those whose lives are relatively free from glamour, who are realists and who are recognised by the group as thus relatively free, and who are animated by good intent—will do much to bring to an end certain aspects of the world glamour. Their effort, combined with that of similar groups, will so weaken the power of these ancient glamours that the "Day of Clarification" will eventually come.

Để thực hiện bước đầu tiên hướng tới hoạt động nhóm hợp nhất theo đường hướng phụng sự này, Tôi trình bày một công thức hay nghi thức nhóm; nếu những người có đời sống tương đối thoát khỏi ảo cảm, có cái nhìn thực tế, được nhóm nhìn nhận là tương đối thoát khỏi ảo cảm như vậy, và được thúc đẩy bằng thiện ý sử dụng công thức này, thì nó sẽ góp phần đáng kể vào việc chấm dứt một số phương diện của ảo cảm thế giới. Nỗ lực của họ, kết hợp với nỗ lực của những nhóm tương tự, sẽ làm suy yếu quyền năng của các ảo cảm cổ xưa này đến mức cuối cùng "Ngày Sáng Tỏ" sẽ đến.

First, however, let me briefly offer for the use of the individual aspirant a formula whereby he may aid in freeing himself from his particular glamour or glamours. I will tabulate the process, and the aspirant would do well to follow it as given, having in his mind no sense of time, and being willing to do this work regularly for months, and if necessary for years, until he has freed himself and the light breaks in on the astral plane through the medium of his astral body. I would suggest that no aspirant attempt to tackle the problem of glamour as a whole or seek to dissipate all the glamours to which he is susceptible. He is dealing with

Tuy nhiên, trước hết, Tôi xin trình bày ngắn gọn một công thức dành cho người chí nguyện cá nhân sử dụng, qua đó y có thể góp phần giải thoát mình khỏi một hay nhiều ảo cảm riêng. Tôi sẽ liệt kê tiến trình thành các bước, và người chí nguyện nên tuân theo đúng những gì được trình bày, không đặt nặng thời gian trong thể trí, và sẵn lòng thực hiện công việc này đều đặn trong nhiều tháng, nếu cần thì trong nhiều năm, cho đến khi y tự giải thoát và ánh sáng xuyên vào cõi cảm dục qua trung gian thể cảm dục của y. Tôi đề nghị không người chí nguyện nào cố xử lý toàn bộ vấn đề ảo cảm hoặc tìm cách làm tiêu tan mọi ảo cảm mà mình dễ mắc

very ancient evil and with firmly established [215] habits of glamour. They are closely connected with aspects of his daily living, with his sex life or with his ambitions, with his relations to other people, with his pet ideals and ideas, his dreams and visions. He should choose the glamour that is the most apparent and the most hindering at any given time (and there is always one) and for its dissipation he should work conscientiously, if he would lay the foundations for effective service in the dissipation of world glamour.

phải. Y đang đối phó với cái ác rất cổ xưa và những [215] thói quen ảo cảm đã ăn sâu vững chắc. Chúng gắn bó chặt chẽ với các phương diện trong đời sống hằng ngày của y, với đời sống tính dục hay những tham vọng của y, với các mối quan hệ của y với người khác, với những lý tưởng và ý tưởng mà y đặc biệt yêu thích, những giấc mơ và tầm nhìn của y. Y nên chọn ảo cảm rõ rệt nhất và gây cản trở nhiều nhất tại một thời điểm nhất định — và luôn có một ảo cảm như vậy — rồi tận tâm làm việc để làm tiêu tan nó, nếu y muốn đặt nền móng cho sự phụng sự hiệu quả trong việc làm tiêu tan ảo cảm thế giới.

FORMULA FOR THE DISSIPATION OF GLAMOUR

CÔNG THỨC LÀM TIÊU TAN ẢO CẢM

(For the Individual)

(Dành cho Cá nhân)

I. Preparatory Stages.

I. Các Giai đoạn Chuẩn bị.

1. Recognition of the glamour to be dissipated. This involves:

1. Nhận biết ảo cảm cần làm tiêu tan. Điều này bao gồm:

a. A willingness to cooperate with the soul in physical, astral and mental ways in order to aid in the more technical work. Ponder on the implications in this sentence.

a. Sẵn lòng hợp tác với linh hồn trên các phương diện hồng trần, cảm dục và trí tuệ để hỗ trợ công việc mang tính kỹ thuật chuyên sâu hơn. Hãy suy ngẫm về những hàm ý trong câu này.

b. A recognition of the ways in which this glamour affects the daily life and all relationships.

b. Nhận biết những cách thức mà ảo cảm này tác động đến đời sống hằng ngày và mọi mối quan hệ.

2. The three stages of focussing outlined (pp. 208-210) must be undertaken.

2. Phải thực hiện ba giai đoạn tập trung đã phác thảo (tr. 208-210).

a. *The stage of focussing the light of the mind and the light of matter in the mental vehicle.* This is done by a process of lifting up and of blending and fusion, and to do this the

a. *Giai đoạn tập trung ánh sáng của thể trí và ánh sáng của vật chất trong thể trí.* Điều này được thực hiện bằng một tiến trình nâng lên, hòa quyện và dung hợp; để làm điều đó,

activity of the creative imagination is employed.

cần vận dụng hoạt động của sự tưởng tượng sáng tạo.

b. *The stage of meditation* which in time brings about the fusion of the light of matter, the light of the mind and the light of the soul upon the mental plane. [216]

b. *Giai đoạn tham thiền* theo thời gian sẽ đem lại sự dung hợp ánh sáng của vật chất, ánh sáng của thể trí và ánh sáng của linh hồn trên cõi trí. [216]

c. The stage in which these three lights are realised to be one unified light—a searchlight, ready to be turned in the needed direction.

c. Giai đoạn nhận biết ba ánh sáng này là một ánh sáng hợp nhất—một đèn pha, sẵn sàng hướng về phía cần thiết.

3. The recognition of two aspects of preparedness:

3. Nhận biết hai phương diện của sự sẵn sàng:

a. Alignment of the personality, so that the three aspects of the lower nature are seen as constituting one functioning personality.

a. Chỉnh hợp phàm ngã, để thấy ba phương diện của bản chất thấp hợp thành một phàm ngã đang hoạt động.

b. An act of integration in which the personality and the soul are seen also as a unit. This is done through the dedication of the personality to the soul and its acceptance by the soul.

b. Một hành động tích hợp, trong đó phàm ngã và linh hồn cũng được nhìn nhận là một đơn vị. Điều này được thực hiện thông qua sự hiến dâng của phàm ngã cho linh hồn và sự chấp nhận phàm ngã của linh hồn.

These two lines of thinking produce a field of magnetic thought and realisation in which all the work is done.

Hai đường hướng tư duy này tạo ra một trường tư tưởng và nhận biết mang tính từ tính, trong đó toàn bộ công việc diễn ra.

4. A pause in which the whole man braces himself for the work to be done. From a profound pre-occupation with the stage of soul contact and initial preparation he now focusses his attentive mind upon the glamour to be eradicated. This does not involve a consciousness of the glamour and its why and wherefore. It means a *turning of the attention of the integrated soul-personality to the astral plane and the particular glamour; the attention is not turned to the astral body of the aspirant,* seeking to do the work. This is a statement of major importance because in destroying the

4. Một khoảng dừng để toàn bộ con người tự củng cố, sẵn sàng cho công việc cần làm. Từ trạng thái chuyên chú sâu sắc vào giai đoạn tiếp xúc linh hồn và chuẩn bị ban đầu, giờ đây y tập trung thể trí đang chú tâm của mình vào ảo cảm cần loại trừ. Điều này không có nghĩa là đặt tâm thức vào ảo cảm và các nguyên do của nó. Nó có nghĩa là *hướng sự chú ý của linh hồn–phàm ngã đã tích hợp vào cõi cảm dục và ảo cảm cụ thể; sự chú ý không hướng vào thể cảm dục của người chí nguyện* đang tìm cách thực hiện công việc. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng, vì khi hủy diệt loại ảo cảm riêng biệt mà mình

peculiar type of glamour with which he is concerned, the aspirant or disciple begins to destroy his share in it—that in him which gives him contact with the glamour—and at the same time he is preparing himself for group service along the same line. This will not prove an easy task. [217]

đang xử lý, người chí nguyện hay đệ tử bắt đầu hủy diệt phần tham dự của mình trong đó — tức phần trong y khiến y tiếp xúc với ảo cảm — đồng thời chuẩn bị cho sự phụng sự nhóm theo cùng đường hướng. Đây sẽ không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. [217]

II. The Technique or Formula.

II. Kỹ thuật hay Công thức.

5. By an act of the creative imagination the worker endeavours to see and hear the soul —the source of light and power in the three worlds—breathing out the OM into the mind of the attentive waiting personality. There the light and power of the soul is retained and held by the positive personality, for a negative attitude is not desirable.

5. Bằng một hành động của sự tưởng tượng sáng tạo, người hoạt động cố gắng thấy và nghe linh hồn — nguồn ánh sáng và quyền năng trong ba cõi giới — thở ra linh từ OM vào thể trí của phàm ngã đang chú tâm chờ đợi. Tại đó, phàm ngã dương tính giữ lại và duy trì ánh sáng cùng quyền năng của linh hồn, vì thái độ thụ động là điều không nên có.

6. The retained light and power, combined with the dual light of the personality (focussed as we know on the mental plane) is seen generating an intense light which can be visualised as a searchlight of great brilliance and strength. It must be seen as a sphere of vivid brilliant light but not yet radiating out or projecting outwards.

6. Ánh sáng và quyền năng được giữ lại, kết hợp với ánh sáng kép của phàm ngã — như chúng ta biết, tập trung trên cõi trí — được thấy là đang tạo ra một ánh sáng mãnh liệt, có thể hình dung như một đèn pha rực rỡ và mạnh mẽ. Phải thấy nó như một khối cầu ánh sáng sống động, rực rỡ, nhưng chưa tỏa ra hay phóng chiếu ra bên ngoài.

7. When this act of visualisation is deemed to be satisfactorily accomplished, a pause then ensues wherein the aspirant focusses all the will he has behind the light thus created by the fusion of the three lights. This refers to the stage spoken of by Patanjali as that of the “mind held steady in the light.” This use of the will—soul-personality will—is dynamic but at this stage quiescent and not magnetic or radiatory.

7. Khi việc hình dung này được xem là đã hoàn thành thỏa đáng, tiếp theo là một khoảng dừng, trong đó người chí nguyện tập trung toàn bộ ý chí mình có phía sau ánh sáng được tạo ra như vậy từ sự dung hợp của ba ánh sáng. Điều này nói đến giai đoạn mà Patanjali gọi là “thể trí được giữ vững trong ánh sáng”. Việc sử dụng ý chí này — ý chí linh hồn–phàm ngã — mang tính năng động, nhưng ở giai đoạn này vẫn ở trạng thái tĩnh, không mang tính từ tính hay phát xạ.

8. Next follows a process wherein the glamour to be dissipated and the searchlight of the mind are brought into relationship by

8. Tiếp theo là một tiến trình trong đó quyền năng tư tưởng đưa ảo cảm cần làm tiêu tan và đèn pha của thể trí vào mối liên hệ với

the power of thought. The glamour and its quality and the searchlight and its power are recognised to be as they are, and the effect or effects to be brought about by that relationship are carefully thought out. This must not be done in such a way that the mind process, light [218] and power will strengthen the already powerful glamour. It must be done in such a way that at the close of the process the glamour will be appreciably weakened and eventually dissipated. This is an important realisation.

nhau. Cần nhận biết đúng ảo cảm cùng phẩm tính của nó, đèn pha cùng quyền năng của nó, và suy nghĩ kỹ về tác động hay những tác động mà mối liên hệ ấy sẽ tạo ra. Không được thực hiện điều này theo cách khiến tiến trình của thể trí, ánh sáng [218] và quyền năng củng cố thêm ảo cảm vốn đã mạnh. Phải thực hiện sao cho khi tiến trình kết thúc, ảo cảm suy yếu rõ rệt và cuối cùng tiêu tan. Đây là một điều quan trọng cần nhận biết.

9. Having, as far as possible, achieved the needed concentration, realisation and relationship, the aspirant then (by an act of the will and of the creative imagination) turns on the searchlight and sees a vivid beam of light stream forth and pierce the glamour. He must visualise a broad brilliant beam, pouring forth from the illumined mind on to the astral plane. He must believe that this is so.

9. Sau khi đã đạt được, trong khả năng có thể, sự định trí, nhận biết và mối liên hệ cần thiết, người chí nguyện khi ấy, bằng một hành động của ý chí và sự tưởng tượng sáng tạo, bật đèn pha lên và thấy một tia sáng sống động tuôn ra, xuyên thấu ảo cảm. Y phải hình dung một chùm sáng rộng, rực rỡ, tuôn ra từ thể trí được soi sáng vào cõi cảm dục. Y phải tin rằng điều này là như vậy.

10. Then comes an important and difficult phase of the work in which the worker *names the glamour* and sees it in process of dissipation. He aids the process by saying with tension and inaudibly:

10. Tiếp đến là một giai đoạn quan trọng và khó khăn của công việc, trong đó người hoạt động *gọi tên ảo cảm* và thấy nó đang trong tiến trình tiêu tan. Y hỗ trợ tiến trình bằng cách nói thầm trong trạng thái tập trung nhất tâm:

The power of the light prevents the appearance of the glamour (Naming it).

Quyền năng của ánh sáng ngăn ảo cảm xuất hiện (Gọi tên nó).

The power of the light negates the quality of the glamour from affecting me.

Quyền năng của ánh sáng ngăn phẩm tính của ảo cảm tác động đến tôi.

The power of the light destroys the life behind the glamour.

Quyền năng của ánh sáng hủy diệt sự sống đằng sau ảo cảm.

The saying of these three sentences constitutes an affirmation of power and of purpose and must be enunciated at a point

Việc nói ba câu này tạo thành một lời khẳng định về quyền năng và mục đích; các câu ấy phải được phát ra tại một điểm tập trung

of tension, with the mind held in steadiness and with a positive orientation.

nhất tâm, với thể trí được giữ vững và một định hướng tích cực.

11. Again the Sacred Word is sounded with intent to produce what in occult parlance is called an "Act of Penetration"; the light is then seen accomplishing three things: [219]

11. Linh từ Thiêng liêng lại được xướng lên với ý định tạo ra điều mà thuật ngữ huyền bí học gọi là một "Hành động Xuyên thấu"; khi ấy, ánh sáng được thấy là đang thực hiện ba điều: [219]

a. Making a definite impact upon the glamour.

a. Tạo một tác động rõ rệt lên ảo cảm.

b. Penetrating the glamour and being absorbed by it.

b. Xuyên thấu ảo cảm và được nó hấp thụ.

c. Dissipating it slowly; as time elapses the glamour will never again be so powerful and will eventually disappear altogether.

c. Làm nó tiêu tan từ từ; theo thời gian, ảo cảm sẽ không bao giờ còn mạnh như trước và cuối cùng sẽ biến mất hoàn toàn.

12. This is followed by a process of withdrawing wherein the aspirant consciously and deliberately withdraws the beam of light and re-orients himself upon the mental plane.

12. Tiếp theo là một tiến trình thu hồi, trong đó người chí nguyện chủ tâm và có ý thức thu hồi chùm sáng, rồi tái định hướng mình trên cõi trí.

I would point out that glamour is never immediately dissipated. It is of too ancient an origin. But a persistent use of this formula will weaken the glamour and slowly and inevitably it will vanish and the man will walk free from that particular hindrance. This may seem like a very long formula but I have purposely detailed it in as full a manner as possible so that the aspirant may clearly apprehend what he is intended to do. After due practice and a faithful following of the required conditions, the aspirant will follow it well-nigh automatically and all that he will then need will be the formula reduced to the following brief outline:

Tôi muốn chỉ rõ rằng ảo cảm không bao giờ tiêu tan ngay lập tức. Nguồn gốc của nó quá cổ xưa. Nhưng việc kiên trì sử dụng công thức này sẽ làm suy yếu ảo cảm; chậm rãi nhưng chắc chắn, nó sẽ biến mất và con người sẽ bước đi tự do, không còn bị trở ngại riêng biệt ấy ràng buộc. Công thức này có vẻ rất dài, nhưng Tôi đã chủ ý trình bày chi tiết đầy đủ nhất có thể để người chí nguyện hiểu rõ những gì mình cần làm. Sau khi thực hành đúng mức và trung thành tuân theo các điều kiện cần thiết, người chí nguyện sẽ thực hiện công thức gần như tự động, và khi ấy tất cả những gì y cần sẽ là công thức rút gọn thành dàn ý ngắn sau đây:

Brief Outline of the Formula

1. The four Preparatory Stages:

a. Recognition of the glamour to be dissipated.

b. The stage of focussing the light of the personality, a dual light.

c. The stage of meditation and the recognition of the greater light.

d. The unification of the dual light of matter and the light of the soul, creating thus the searchlight of the mind. [220]

2. A process of alignment and of recognised integration.

3. A deliberate turning of the searchlight of the mind to the astral plane.

The Formula

4. Soul activity and the retention of the light.

5. The generating and visualising of the searchlight.

6. The evocation of the will behind the searchlight of the mind.

7. The generated unified light is turned upon the glamour by the power of thought.

8. The naming of the glamour and the triple affirmation.

Dàn ý Ngắn gọn của Công thức

1. Bốn Giai đoạn Chuẩn bị:

a. Nhận biết ảo cảm cần làm tiêu tan.

b. Giai đoạn tập trung ánh sáng của phàm ngã, một ánh sáng kép.

c. Giai đoạn tham thiền và nhận biết ánh sáng lớn hơn.

d. Hợp nhất ánh sáng kép của vật chất với ánh sáng của linh hồn, qua đó tạo ra đèn pha của thể trí. [220]

2. Một tiến trình chỉnh hợp và tích hợp có nhận biết.

3. Chủ tâm hướng đèn pha của thể trí vào cõi cảm dục.

Công thức

4. Hoạt động của linh hồn và việc giữ lại ánh sáng.

5. Tạo ra và hình dung đèn pha.

6. Gợi lên ý chí phía sau đèn pha của thể trí.

7. Quyền năng tư tưởng hướng ánh sáng hợp nhất đã tạo ra vào ảo cảm.

8. Định danh ảo cảm và lời khẳng định tam phân.

9. The Act of Penetration.

10. The Process of Withdrawing.

You will see, brother of mine, that what I am in fact doing is teaching the coming generation how to destroy those forms of thought which hold the race in bondage and which in the case of glamour are the forms which desire, emotion, sensitivity to environment, developing aspiration and old ideals have taken and which prevent the light of the soul from illuminating the waking consciousness. The energies taking form upon the astral plane are not pure emotion and feeling, clothed in pure astral matter, for there is no such thing. They are the instinctual desires, evoked by the evolving substance of the physical plane and this, in its entirety and through the activity of the human family, is being redeemed and drawn upwards until some day we shall see the transfiguration of that substance and the "Glorification of the Virgin Mary"—the Mother Aspect in relation to divinity. They are also the descending thoughtforms which the developing human being is always creating and [221] drawing downwards into manifestation, clothing them with the substance of desire. When the descending forms of thought (a reflection in the three worlds of that vast "cloud of knowable things" in process of perception, as Patanjali calls it, and which hovers upon the buddhic plane, awaiting precipitation) and the ascending mass of instinctual demands from the lower aspect of the human unit and from humanity as a whole, meet at a point of tension then you have the appearance of what is known as the astral plane—a man-created sphere of activity. The subhuman kingdoms of nature know no astral plane; the superhuman kingdoms have surmounted it and discovered the

9. Hành Động Xuyên Thấu.

10. Tiến Trình Thu Hồi.

Huynh đệ của Tôi, bạn sẽ thấy rằng điều Tôi thực sự đang làm là dạy cho thế hệ sắp tới cách phá hủy những hình tư tưởng đang giam hãm nhân loại; trong trường hợp ảo cảm, đó là những hình tướng mà dục vọng, cảm xúc, sự nhạy cảm với môi trường, khát vọng đang phát triển và những lý tưởng cũ đã khoác lấy, và chúng ngăn ánh sáng của linh hồn soi sáng tâm thức lúc tỉnh thức. Những năng lượng đang thành hình trên cõi cảm dục không phải là cảm xúc và cảm giác thuần túy khoác lấy vật chất cảm dục thuần túy, vì không có thứ như vậy. Chúng là những dục vọng bản năng do chất liệu đang tiến hoá của cõi hồng trần gợi lên; toàn bộ chất liệu này, thông qua hoạt động của gia đình nhân loại, đang được cứu chuộc và nâng lên, cho đến một ngày chúng ta sẽ thấy sự biến hình của chất liệu ấy và sự "Tôn Vinh Đức Trinh Nữ Maria"—Phương diện Mẹ trong mối liên hệ với thiên tính. Chúng cũng là những hình tư tưởng giáng xuống mà con người đang phát triển luôn tạo ra và [221] kéo xuống để biểu hiện, khoác cho chúng chất liệu dục vọng. Khi những hình tư tưởng giáng xuống (một phản chiếu trong ba cõi giới của "đám mây những điều khả tri" bao la đang trong tiến trình được nhận thức, như Patanjali gọi nó, và đang lơ lửng trên cõi Bồ đề, chờ ngưng tụ) gặp khối đòi hỏi bản năng đang dâng lên từ phương diện thấp của đơn vị nhân loại và từ toàn thể nhân loại tại một điểm tập trung nhất tâm, thì cái gọi là cõi cảm dục xuất hiện—một khối cầu hoạt động do con người tạo ra. Các giới dưới nhân loại trong tự nhiên không biết đến cõi cảm dục; các giới siêu nhân loại đã vượt qua nó, khám phá bí mật về sự mê lầm của nó, và không còn nhìn nhận nó ngoại trừ như một lĩnh vực trải nghiệm tạm thời nơi con người

secret of its delusion and no longer recognise it except as a temporary field of experience wherein man lives. In that sphere he learns the fact that reality is "none of these but only the One and the Other in relation with each other." This is one of the occult phrases which the disciple has to learn to understand and which is descriptive of manifestation.

sống. Trong khối cầu ấy, y học được sự thật rằng thực tại "không phải bất cứ điều nào trong số này, mà chỉ là Đấng Duy Nhất và Đấng Khác trong mối liên hệ với nhau." Đây là một trong những câu huyền bí mà đệ tử phải học cách thấu hiểu, và câu ấy mô tả sự biểu hiện.

b. The Dissipation of Group Glamour and of World Glamour

b. Làm Tiêu Tan Ảo Cảm Nhóm và Ảo Cảm Thế Giới

Group work in dissipating world glamour must be handled (as will be obvious to you) by those who are working at the dissipation of glamour in their own lives and have learnt to use the formula just given. The majority of those so working are sixth ray aspirants—those who have sixth ray personalities or whose soul ray is the sixth, plus those on all rays who have powerful sixth ray astral vehicles. These make the most effective workers in the group but are subject to one major difficulty. In spite of aspiration and good intention, they are seldom aware of the glamours which control them. It is exceedingly hard to induce the sixth ray aspirant to admit that he is held [222] by a glamour, particularly when it is glamour of spiritual connotation and of a very high order. In their case, the glamour is enhanced by the energy of devotion which stiffens it and brings in a quality which makes it most difficult to penetrate. Their complete assurance proves a serious obstacle to clear-sighted work because that has all to go before the work of dissipation can be carried forward successfully. First ray people can overcome glamour with relative ease once they become aware of it as a personality limitation. Third ray people are as susceptible to it as are those of the sixth ray and their devious, twisting, planning

Công việc nhóm nhằm làm tiêu tan ảo cảm thế giới phải do những người đang làm tiêu tan ảo cảm trong chính đời sống mình và đã học cách sử dụng công thức vừa được đưa ra đảm nhiệm (như các bạn hẳn thấy rõ). Đa số những người hoạt động như vậy là những người chí nguyện cung sáu—những người có phàm ngã cung sáu hoặc cung linh hồn là cung sáu, cùng với những người thuộc mọi cung có hiện thể cảm dục cung sáu mạnh mẽ. Họ là những người hoạt động hiệu quả nhất trong nhóm, nhưng lại gặp một khó khăn lớn. Dù có khát vọng và thiện ý, họ hiếm khi nhận biết những ảo cảm đang kiểm soát mình. Cực kỳ khó khiến người chí nguyện cung sáu thừa nhận rằng y đang chịu sự kìm giữ [222] của một ảo cảm, đặc biệt khi đó là ảo cảm mang hàm nghĩa tinh thần và thuộc cấp độ rất cao. Trong trường hợp của họ, năng lượng sùng tín làm tăng cường ảo cảm, khiến nó cứng chắc hơn và đưa vào một phẩm tính làm cho việc xuyên thấu nó trở nên hết sức khó khăn. Sự tin chắc hoàn toàn của họ là một trở ngại nghiêm trọng đối với công việc sáng suốt, vì toàn bộ sự tin chắc ấy phải biến mất trước khi công việc làm tiêu tan có thể tiến hành thành công. Người cung một có thể vượt qua ảo cảm tương đối dễ dàng một khi nhận biết nó là một giới hạn của phàm ngã. Người cung ba cũng dễ chịu ảnh hưởng của nó như

minds and the rapidity with which they can deceive themselves (and seek often to deceive others) greatly hinders their work of clearing away glamour. Their pronounced tendency to be the victims of glamour is evidenced by the inability of the third ray aspirant and disciple to convey his meaning clearly by speech. He has guarded himself for many lives by devious formulations of thought and of ideas and can seldom convey his meaning clearly. This is why sixth ray people and third ray people almost inevitably prove themselves unable to teach. Both these groups must, therefore, learn to use this formula and they would greatly hasten the process of dissipation if they would force themselves to speak or write their thoughts clearly, if they would never be ambiguous or deal in half thoughts, innuendo or suggestion. They should clearly enunciate the ideas with which they may be dealing.

người cung sáu; thể trí quanh co, uốn lượn, tính toán của họ, cùng với khả năng nhanh chóng tự lừa dối mình (và thường tìm cách lừa dối người khác), cản trở rất nhiều công việc loại bỏ ảo cảm của họ. Khuynh hướng rõ rệt trở thành nạn nhân của ảo cảm nơi họ thể hiện qua việc người chí nguyện và đệ tử cung ba không thể truyền đạt rõ ràng điều mình muốn nói bằng lời. Suốt nhiều kiếp sống, y đã tự bảo vệ bằng những cách trình bày tư tưởng và ý tưởng quanh co, và hiếm khi có thể truyền đạt rõ ràng ý mình. Đây là lý do người cung sáu và người cung ba gần như không tránh khỏi việc bộc lộ sự bất lực trong giảng dạy. Vì vậy, cả hai nhóm này phải học cách sử dụng công thức này; họ sẽ đẩy nhanh đáng kể tiến trình làm tiêu tan nếu buộc mình phải nói hoặc viết rõ ràng những tư tưởng của mình, nếu không bao giờ mập mờ hoặc dùng những tư tưởng nửa vời, lời ám chỉ hay gợi ý. Họ cần trình bày rõ ràng những ý tưởng mà mình đang bàn đến.

The seventh ray person is faced with the difficulty of being able to create exceedingly clear-cut thoughtforms and the glamours, therefore, which control him are precise and definite and, to him, all compelling. They rapidly crystallise, however, and die their own death. Second ray aspirants are usually fully aware of any glamour which may be seeking to hold them because they have an innate faculty [223] of clear perception. Their problem is to kill out in themselves their rapid response to the magnetic pull of the astral plane and its many and widespread glamours. They are not so frequently responsive to *a* glamour as to all glamours in a relatively temporary manner but one which is nevertheless exceedingly delaying to their progress. Because of their clearsightedness, they add to this sensitivity to glamour an ability to suffer about it and to register their responsiveness as a sin and failure and thus delay their liberation from

Người cung bảy gặp khó khăn do có khả năng tạo ra những hình tư tưởng cực kỳ rõ nét; vì vậy, những ảo cảm kiểm soát y đều chính xác, xác định và, đối với y, có sức chi phối tuyệt đối. Tuy nhiên, chúng nhanh chóng kết tinh rồi tự diệt vong. Người chí nguyện cung hai thường nhận biết đầy đủ bất kỳ ảo cảm nào đang tìm cách kìm giữ mình, vì họ có năng lực bẩm sinh [223] nhận thức rõ ràng. Vấn đề của họ là loại bỏ trong chính mình sự đáp ứng nhanh chóng trước sức hút từ tính của cõi cảm dục và vô số ảo cảm lan rộng của nó. Họ không thường xuyên đáp ứng với *một* ảo cảm riêng lẻ bằng với tất cả các ảo cảm theo cách tương đối tạm thời, nhưng cách đáp ứng ấy vẫn làm chậm sự tiến bộ của họ rất nhiều. Do sáng suốt, bên cạnh sự nhạy cảm với ảo cảm này, họ còn có khả năng đau khổ vì nó và ghi nhận sự đáp ứng của mình như một tội lỗi và thất bại; bởi vậy, thái độ tiêu cực tự ti và khổ tâm khiến họ chậm thoát khỏi nó. Họ sẽ

it by a negative attitude of inferiority and distress. They will profit enormously from a constant use of the formula until the time comes when they are aware of the glamour or glamours but are not touched by them. Fifth ray people suffer the least from glamour but are primarily the victims of illusion, and for them the Technique of the Presence is all-important because it brings in a factor which the true fifth ray person is apt to negate and refuse to admit, the fact of the Higher Self. He feels self-sufficient. They respond so easily and with such satisfaction to the power of thought; pride in their mental competence is their besetting sin and they are, therefore, set in their purposes and preoccupied with the world of the concrete and the intellectual. The moment that the Angel of the Presence is a reality to them, their response to illusion weakens and disappears. Their major problem is not so much the negation of the astral body, for they are apt to despise its hold, but they have a major difficulty in recognising that which the mind is intended to reveal—the divine spiritual Self. Their lower concrete mind interposes itself between them and the vision.

hưởng lợi rất lớn từ việc thường xuyên sử dụng công thức, cho đến lúc nhận biết ảo cảm hoặc các ảo cảm mà không chịu tác động của chúng. Người cung năm chịu ảnh hưởng của ảo cảm ít nhất, nhưng chủ yếu là nạn nhân của ảo tưởng; đối với họ, Kỹ Thuật của Hiện Diện có tầm quan trọng tối cao, vì nó đưa vào một yếu tố mà người cung năm đích thực thường phủ nhận và không chịu thừa nhận: sự thật về chân ngã. Y cảm thấy mình tự đầy đủ. Họ đáp ứng quá dễ dàng và quá mãn nguyện trước quyền năng của tư tưởng; niềm kiêu hãnh về năng lực trí tuệ là lỗi lầm thường trực của họ, nên họ cố chấp với các mục đích của mình và mải mê với thế giới cụ thể và trí thức. Ngay khi Thiên Thần của Hiện Diện trở thành một thực tại đối với họ, sự đáp ứng của họ với ảo tưởng suy yếu rồi biến mất. Vấn đề chính của họ không hẳn là phủ nhận thể cảm dục, vì họ thường coi thường sức kìm giữ của nó; khó khăn lớn của họ nằm ở việc nhận biết điều mà thể trí có nhiệm vụ mặc khải—Bản Ngã tinh thần thiêng liêng. Hạ trí cụ thể của họ chen vào giữa họ và tầm nhìn.

Fourth ray people are peculiarly prone to fall into glamour and thus to produce a condition which is one of extreme difficulty. I might define their problem by saying that they tend to bring their illusions down to the astral plane and there clothe them with glamour and have consequently [224] a double problem upon their hands; they are faced with a unification of glamour and illusion. They are, however, the group of souls which will eventually reveal the true nature of the intuition and this will be the result of their illusory glamorous fight in the world of appearances.

Người cung bốn đặc biệt dễ rơi vào ảo cảm, và do đó tạo ra một tình trạng cực kỳ khó khăn. Tôi có thể xác định vấn đề của họ bằng cách nói rằng họ có khuynh hướng đưa những ảo tưởng của mình xuống cõi cảm dục, khoác cho chúng ảo cảm ở đó, và vì thế [224] phải xử lý một vấn đề kép; họ đối diện với sự hợp nhất của ảo cảm và ảo tưởng. Tuy nhiên, họ là nhóm linh hồn cuối cùng sẽ mặc khải bản chất đích thực của trực giác, và điều này sẽ là kết quả của cuộc chiến mang tính ảo tưởng và ảo cảm của họ trong thế giới vẻ ngoài.

We come now to the consideration of the formula to be used by those who seek to serve humanity by deliberately breaking up and dispersing the glamours which hold the race in thrall and who know the need to do this in group formation. Certain individual characteristics are essential for the personnel of such groups. First of all there must be an ability to work "without attachment" to results and to use the formula for a given length of time (for instance, once a week for two years or more) without looking for results; they need to realise that they can never know whether they are successful or not, because the glamours they are attempting to dissipate are so widespread and general that effects cannot be grasped by their individual minds. They are too close to the picture; their perspective has necessarily to be that of the immediate foreground. Secondly, they must have an intelligent appreciation of what constitutes a world glamour so that they can occultly "name it" and, by so doing, contact it. They must, thirdly, be accustomed to the work of dispersing glamour in their own lives; the necessity to do this and their success in so doing are factors which indicate their suitability for the task.

Giờ đây, chúng ta xem xét công thức dành cho những người tìm cách phụng sự nhân loại bằng việc chủ ý phá vỡ và phân tán những ảo cảm đang giam hãm nhân loại, đồng thời biết rằng cần thực hiện điều này theo đội hình nhóm. Một số đặc điểm cá nhân là thiết yếu đối với các thành viên của những nhóm như vậy. Trước hết, họ phải có khả năng hoạt động "không chấp trước" vào kết quả và sử dụng công thức trong một khoảng thời gian nhất định (chẳng hạn, mỗi tuần một lần trong hai năm hoặc lâu hơn) mà không trông chờ kết quả; họ cần nhận ra rằng mình không bao giờ có thể biết liệu có thành công hay không, vì những ảo cảm họ đang cố làm tiêu tan quá phổ biến và lan rộng, đến mức thể trí cá nhân của họ không thể nắm bắt được các hiệu quả. Họ đứng quá gần bức tranh; góc nhìn của họ tất yếu chỉ bao quát phần tiền cảnh ngay trước mắt. Thứ hai, họ phải có sự nhận thức sáng suốt về những gì cấu thành một ảo cảm thế giới, để có thể "định danh nó" theo nghĩa huyền bí, và nhờ vậy tiếp xúc với nó. Thứ ba, họ phải quen với công việc phân tán ảo cảm trong chính đời sống mình; nhu cầu thực hiện điều này và thành công của họ trong việc đó là những yếu tố cho thấy họ thích hợp với nhiệm vụ.

They must, finally, love their fellowmen. This they must not do as the sixth ray person loves them, with an isolating devotion, but as the second ray person loves —with an all round appreciation of humanity, an understanding heart, plus a critical mind, which loves steadily in spite of error seen, with a clear sighted perception of the assets and the debits of an individual or a race. The ability to [225] do this is one of the factors which enables the sixth ray aspirant to transfer off the minor sixth ray and find his place upon the major second ray, as must all sixth and fourth ray initiates.

Cuối cùng, họ phải yêu thương đồng loại. Họ không được yêu thương như người cung sáu, với lòng sùng tín mang tính cô lập, mà phải yêu thương như người cung hai—với sự trân trọng toàn diện đối với nhân loại, một trái tim thấu hiểu cùng một thể trí biết phê phán, vẫn yêu thương bền bỉ dù thấy rõ sai lầm, đồng thời nhận thức sáng suốt những ưu điểm và khuyết điểm của một cá nhân hoặc của nhân loại. Khả năng [225] làm được điều này là một trong những yếu tố giúp người chí nguyện cung sáu chuyển khỏi cung phụ sáu và tìm được vị trí của mình

trên cung chính hai, như mọi điểm đạo đồ cung sáu và cung bốn đều phải làm.

One of the requirements in this group work is a most careful choice of those who are to participate in the work. They must be chosen because they *can* work together. They must either know each other exceedingly well and be free from personality frictions or they must be relatively unknown to each other as personalities but are drawn to each other as soul-collaborators in this particular work. They must, as far as in them lies, endeavour to work with regularity so that a rhythm can be set up which will lead to a steady rhythmic impact of the light upon the glamour. They must also adhere faithfully to the formula given. This is one of the initial formulas and is most powerful because it is one of the very first to be used in group dissipation of glamour. This whole procedure is entirely new as far as man is concerned, and the work to be done will necessarily prove hard as it involves an interesting situation. The groups who will do this work of piercing the glamours which dim the vision of humanity and of dissipating them will be the first non-initiate groups to work this way upon the physical plane and to work consciously and with fixed intent. Hitherto the work has been carried forward by members of the Hierarchy, and then only with the idea of holding back the glamours until such time as humanity was ready to destroy that which it had created. Glamours have also been pierced before now by massed effort carried forward for a long time and usually without any very real conscious understanding. An illustration of this would be the work done by the Church in a diffused and vague way in piercing the glamour of material desire and material good by substituting the idea of a heavenly

Một yêu cầu trong công việc nhóm này là lựa chọn hết sức cẩn thận những người sẽ tham gia. Phải chọn họ vì họ *có thể* làm việc cùng nhau. Hoặc họ phải biết nhau rất rõ và không có những va chạm phàm ngã, hoặc họ tương đối chưa biết nhau về mặt phàm ngã nhưng thu hút lẫn nhau như những cộng sự linh hồn trong công việc đặc thù này. Trong khả năng của mình, họ phải cố gắng hoạt động đều đặn để thiết lập một nhịp điệu dẫn đến sự tác động nhịp nhàng, bền bỉ của ánh sáng lên ảo cảm. Họ cũng phải trung thành tuân theo công thức đã cho. Đây là một trong những công thức ban đầu và có sức mạnh rất lớn, vì là một trong những công thức đầu tiên dùng để làm tiêu tan ảo cảm theo nhóm. Toàn bộ quy trình này hoàn toàn mới đối với con người, và công việc cần thực hiện tất yếu sẽ khó khăn vì liên quan đến một tình huống đáng chú ý. Những nhóm thực hiện công việc xuyên thấu và làm tiêu tan các ảo cảm che mờ tầm nhìn của nhân loại sẽ là những nhóm chưa được điểm đạo đầu tiên hoạt động theo cách này trên cõi hồng trần, một cách có ý thức và với ý định kiên định. Cho đến nay, các thành viên của Thánh đoàn đã đảm nhiệm công việc này, nhưng chỉ nhằm kiềm chế các ảo cảm cho đến khi nhân loại sẵn sàng phá hủy những gì mình đã tạo ra. Trước đây, những nỗ lực tập thể kéo dài, thường không có sự thấu hiểu hữu thức thực sự, cũng đã xuyên thấu các ảo cảm. Một minh họa cho điều này là công việc Giáo hội thực hiện một cách phân tán và mơ hồ để xuyên thấu ảo cảm về dục vọng vật chất và lợi ích vật chất, bằng cách thay vào đó ý tưởng về một sự thay thế trên thiên đàng. Công việc [226] đang được hoạch định hiện nay mang tính năng động và rõ ràng, được tiến hành có ý thức và có tác động cụ thể. Đó là một phương pháp xác định để xử lý và phóng chiếu năng lượng ánh sáng, nhằm

substitute. The work that is [226] now planned is dynamic and clear cut, consciously carried forward and specific in its impact. It is a definite method of handling and projecting the energy of light with the objective of destroying the impediments of an emotional-mental nature upon the Path of Return to God.

phá hủy những trở ngại mang bản chất cảm xúc–trí tuệ trên Con Đường Trở Về với Thượng đế.

It is desirable and aids an easier and more concentrated form of work if the group can meet together for the use of the formula. If, however, this proves not possible, then the personnel of the group can arrange to work apart but with the idea of the work being group work firmly realised and with a steady recognition of the members who form the group body. This is necessary both for the "pooling of the light" and also for protection from the glamour to be attacked. This "pooling of the light" is a major requirement and must ever be borne in mind. Whenever possible, the rule should be that the work is done at some definite planned group meeting, even if this entails quite drastic sacrifice on the part of some of the members.

Nếu nhóm có thể tụ họp để sử dụng công thức thì điều đó đáng mong muốn và giúp công việc dễ dàng, tập trung hơn. Tuy nhiên, nếu không thể làm vậy, các thành viên có thể sắp xếp hoạt động riêng, nhưng phải nhận biết vững chắc rằng đây là công việc nhóm và luôn ý thức về những thành viên hợp thành tập thể ấy. Điều này cần thiết cả cho việc "hợp nhất ánh sáng" lẫn việc bảo vệ khỏi ảo cảm sắp bị tấn công. Sự "hợp nhất ánh sáng" này là một yêu cầu chính yếu và phải luôn ghi nhớ. Bất cứ khi nào có thể, quy luật cần tuân theo là thực hiện công việc tại một buổi họp nhóm đã được lên kế hoạch cụ thể, dù điều này đòi hỏi một số thành viên phải hy sinh rất nhiều.

I advise that some glamour which all the group members recognise as a major hindrance to the progress of humanity be one of the first handled by the group. I would also advise that in the early stages of their work, they deal with a glamour affecting aspirants and that they do not attempt to tackle the more widely spread and deeply centred glamours of the race as a whole. Let them develop facility in handling some of the lesser and more easily visualised glamours. Then as time goes on and facility in the work is gained, the group can pass to the more difficult tasks and handle the glamours further removed from their own orbit of difficulties. It is surely needless for

Tôi khuyên rằng một ảo cảm mà mọi thành viên đều nhận biết là trở ngại lớn đối với sự tiến bộ của nhân loại nên nằm trong số những ảo cảm đầu tiên mà nhóm xử lý. Tôi cũng khuyên rằng trong các giai đoạn đầu của công việc, họ nên xử lý một ảo cảm ảnh hưởng đến những người chí nguyện, và không cố giải quyết những ảo cảm lan rộng hơn và bám rễ sâu trong toàn thể nhân loại. Hãy để họ phát triển sự thành thạo trong việc xử lý một số ảo cảm nhỏ hơn và dễ hình dung hơn. Rồi theo thời gian, khi đã thành thạo công việc, nhóm có thể chuyển sang những nhiệm vụ khó khăn hơn và xử lý những ảo cảm nằm xa hơn phạm vi khó khăn của chính mình. Hẳn Tôi không cần chỉ

me to point out that the group members be but those who are endeavouring to keep their own lives free from glamour. I would also add that if a group member is in the thick of glamour himself and is occupied with wrestling with it, he should abstain [227] from the group work until he has freed himself with the aid of the individual formula.

ra rằng thành viên của nhóm chỉ nên là những người đang cố gắng giữ cho đời sống mình không vướng ảo cảm. Tôi cũng muốn nói thêm rằng nếu một thành viên đang chìm sâu trong ảo cảm và bận vật lộn với nó, y nên tạm ngừng [227] công việc nhóm cho đến khi tự giải thoát nhờ công thức cá nhân.

Those who can face themselves with an open eye and who see the truth as it is, who can face the same facts in connection with humanity, and can stand serene and unafraid in the face of the worst kind of discoveries about themselves and the world of men, are those who will employ this technique with the most success. I would also remind you that the group will need to protect itself from the glamour or glamours which it is attempting to dissipate. Their individual tendency to glamour is the factor which gives them the right to serve in this way but it also lays them open to danger, and for this a protective formula will be necessary.

Những người có thể nhìn thẳng vào chính mình với đôi mắt rộng mở và thấy chân lý đúng như nó vốn có, có thể đối diện với những sự thật tương tự về nhân loại, và có thể giữ sự tĩnh lặng, không sợ hãi khi đối diện với những khám phá tồi tệ nhất về chính mình và thế giới con người, sẽ sử dụng kỹ thuật này thành công nhất. Tôi cũng muốn nhắc các bạn rằng nhóm cần tự bảo vệ khỏi ảo cảm hoặc các ảo cảm mà mình đang cố làm tiêu tan. Khuynh hướng cá nhân dễ vướng ảo cảm là yếu tố cho họ quyền phụng sự theo cách này, nhưng cũng khiến họ dễ gặp nguy hiểm; vì vậy, cần có một công thức bảo vệ.

The formula will, therefore, be divided into three parts:

Do đó, công thức sẽ chia thành ba phần:

1. The Preparatory Stages.

1. Các Giai Đoạn Chuẩn Bị.

2. The Use of the Protective Formula.

2. Sử Dụng Công Thức Bảo Vệ.

3. Group Formula for the Dissipation of Glamour.

3. Công Thức Nhóm để Làm Tiêu Tan Ảo Cảm.

The work done by the individual in dealing with his personal problems of glamour will greatly facilitate the preparatory work of the group.

Công việc cá nhân thực hiện để xử lý những vấn đề ảo cảm riêng của mình sẽ tạo thuận lợi rất lớn cho công việc chuẩn bị của nhóm.

You will note that in outlining to you this work, I make no reference to the type of room, to the position of the group members, to posture assumed, to the use of incense, or to any of the paraphernalia which so many occult groups deem of importance. The set physical rituals are today (from the angle of the Hierarchy) entirely obsolete and of no importance where disciples and advanced aspirants are concerned. They are of value to the little evolved in whom the sense of drama has to be developed and who need external aids, and they do provide a setting which serves to help beginners to keep the theme of their work and their objective in view. The only ritual which is [228] still regarded as of value to the human family as a whole—particularly to the advanced person—is the Masonic Ritual. The reason for this is that it is a pictorial representation of the process of Creation, of the relation between God and man, of the Path of Return and also of those great Initiations through the means of which the liberated initiate passes into the Council Chamber of the Most High. But with the exception of this, the small petty rituals of position and of physical relations in respect to attitude and seating arrangements are regarded as unnecessary and as usurping frequently the attention which should be given to the work in hand.

Các bạn sẽ nhận thấy rằng khi phác thảo công việc này cho các bạn, Tôi không đề cập đến loại phòng, vị trí của các thành viên trong nhóm, tư thế, việc dùng hương, hay bất kỳ vật dụng nghi lễ nào mà rất nhiều nhóm huyền bí xem là quan trọng. Ngày nay, theo góc nhìn của Thánh đoàn, những nghi thức hồng trần cố định đã hoàn toàn lỗi thời và không quan trọng đối với các đệ tử và người chí nguyện tiến bộ. Chúng có giá trị đối với những người ít tiến hoá, nơi họ cần phát triển cảm nhận về tính kịch và cần sự trợ giúp bên ngoài; chúng quả thực tạo ra một khung cảnh giúp người mới bắt đầu ghi nhớ chủ đề công việc và mục tiêu của mình. Nghi thức duy nhất [228] vẫn được xem là có giá trị đối với toàn thể gia đình nhân loại—đặc biệt đối với người tiến bộ—là Nghi Thức Tam Điểm. Lý do là nghi thức ấy thể hiện bằng hình ảnh tiến trình Sáng Tạo, mối liên hệ giữa Thượng đế và con người, Con Đường Trở Về, cùng những cuộc Điểm Đạo vĩ đại mà nhờ đó điểm đạo đồ đã giải thoát bước vào Phòng Hội Đồng của Đấng Tối Cao. Nhưng ngoài ngoại lệ này, những nghi thức nhỏ nhặt về vị trí và các tương quan hồng trần liên quan đến tư thế và cách sắp xếp chỗ ngồi đều được xem là không cần thiết, và thường chiếm mất sự chú ý đáng lẽ phải dành cho công việc đang thực hiện.

Those using these formulas are presumed to have acquired some measure of inner polarisation and to be able to withdraw themselves to their spiritual centre in any place and at any time. This is the centre of quiet thought from whence the work is carried on.

Những người sử dụng các công thức này được xem là đã đạt một mức độ phân cực bên trong và có khả năng thu mình về trung tâm tinh thần ở bất kỳ nơi nào, vào bất kỳ lúc nào. Đây là trung tâm của tư tưởng tĩnh lặng, nơi công việc được tiến hành.

All that is needed as a preface to this group work is ten minutes of complete silence in which the group members attempt to set up

Tất cả những gì cần để mở đầu công việc nhóm này là mười phút hoàn toàn im lặng, trong đó các thành viên cố gắng thiết lập

that magnetic field of positive receptive activity (note here the paradoxes of the occult sciences) which will make the rest of the work possible.

trường từ tính của hoạt động tiếp nhận tích cực (hãy lưu ý ở đây những nghịch lý của các khoa học huyền bí), để phần công việc còn lại có thể thực hiện.

The leader of the group (chosen in rotation so that all the members of the group occupy that position) starts the work by calling the names of the group members and as each name is called, the other group members look directly into the eyes of the one named, who rises and for a minute faces them. Thus a rapport and a relationship is established because the directive magnetic force of each soul is always reached from "eye to eye." This is the occult significance of the words "Can you look me in the eye?" or "They eyed each other" and similar phrases. Then, having established this interlocking relationship, the group sits in silence for ten minutes. This is done in order to withdraw the consciousness [229] from all world and personal affairs and centre it upon the work to be done. At the end of that time, the leader names the glamour with which the group is to be occupied. There will be no dissension anent the glamour at the time of the group meeting because the group members—outside the meetings and for a month prior to undertaking the task of dissipating the glamour will have made a study of it, its implications, its historicity and effects—psychological, individual, group and national, and also its widespread influence over humanity as a whole. The experience of the group in this type of work will determine the nature of the glamour to be dealt with. As I earlier pointed out, the inexperienced group of workers will begin by dealing with one of the glamours which hinder aspirants and will pass on from these to handle the more powerful and more widely dispersed glamours which trouble humanity as a whole. This preface to the work is frequently called the *Act of Naming*,

Người lãnh đạo nhóm (được chọn luân phiên để mọi thành viên đều đảm nhiệm vị trí ấy) bắt đầu công việc bằng cách gọi tên các thành viên; khi mỗi tên được gọi, những thành viên khác nhìn thẳng vào mắt người ấy, người được gọi tên đứng lên và đối diện với họ trong một phút. Nhờ vậy, sự hòa hợp và mối liên hệ được thiết lập, vì luôn có thể tiếp cận mãnh lực từ tính định hướng của mỗi linh hồn qua sự giao tiếp "mắt với mắt." Đây là thâm nghĩa huyền bí của những lời "Bạn có thể nhìn thẳng vào mắt tôi không?" hay "Họ nhìn vào mắt nhau" và những câu tương tự. Sau khi thiết lập mối liên hệ gắn kết này, nhóm ngồi im lặng trong mười phút. Điều này nhằm thu hồi tâm thức [229] khỏi mọi việc thế giới và cá nhân, rồi tập trung nó vào công việc cần thực hiện. Khi hết thời gian ấy, người lãnh đạo định danh ảo cảm mà nhóm sẽ xử lý. Sẽ không có bất đồng về ảo cảm ấy trong buổi họp nhóm, vì các thành viên—ngoài những buổi họp và trong một tháng trước khi đảm nhận nhiệm vụ làm tiêu tan ảo cảm—đã nghiên cứu nó, các hàm ý, lịch sử và những tác động của nó về tâm lý, cá nhân, nhóm và quốc gia, cũng như ảnh hưởng rộng khắp của nó lên toàn thể nhân loại. Kinh nghiệm của nhóm trong loại công việc này sẽ quyết định bản chất của ảo cảm cần xử lý. Như Tôi đã chỉ ra trước đây, nhóm hoạt động chưa có kinh nghiệm sẽ bắt đầu bằng việc xử lý một trong những ảo cảm cản trở người chí nguyện, rồi từ đó chuyển sang những ảo cảm mạnh mẽ hơn, lan rộng hơn, đang gây khó khăn cho toàn thể nhân loại. Phần mở đầu công việc này thường được gọi là *Hành Động Định Danh*, vì cả các thành viên trong nhóm lẫn ảo cảm đều được định danh.

because both the group members and also the glamour are named.

The next stage is similar to the preparatory stages in the formula for the dissipation of glamour for the individual. You have therefore the following:

THE PREPARATORY STAGES

1. The Act of Naming.

2. The Protective Formula.

The Protective Formula is very simple. The members of the group will say in unison:

"As a soul I work in light and darkness cannot touch me.

I take my stand within the light.

I work and from that point I never move."

[230] As they say this, each person in the group makes the sign of the Cross by touching the centre of the forehead, the centre of the chest, and each of the two eyes, thus forming the long limbed Cross of the Christ or of divine humanity. The Cross is not, as you well know, simply a Christian symbol. It is the great symbol of light and of consciousness and signifies the vertical light and the horizontal light, the power of attraction and the power of radiation, soul life and service. The Cross as now made in the Catholic Churches, touching the forehead, the heart and the two shoulders is the sign of matter. It signifies in reality the third Aspect. The Cross which the group will make is the Cross of Christ and of the Christ

Giai đoạn tiếp theo tương tự các giai đoạn chuẩn bị trong công thức làm tiêu tan ảo cảm dành cho cá nhân. Vì vậy, các bạn có trình tự sau:

CÁC GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ

1. Hành Động Định Danh.

2. Công Thức Bảo Vệ.

Công Thức Bảo Vệ rất đơn giản. Các thành viên của nhóm sẽ đồng thanh nói:

"Là một linh hồn, tôi hoạt động trong ánh sáng và bóng tối không thể chạm đến tôi.

Tôi trụ vững trong ánh sáng.

Tôi hoạt động và không bao giờ rời khỏi điểm ấy."

[230] Khi nói những lời này, mỗi người trong nhóm làm dấu Thập Giá bằng cách chạm vào giữa trán, giữa ngực và từng mắt, qua đó tạo thành Thập Giá có các nhánh dài của Đức Christ hay của nhân loại thiêng liêng. Như các bạn biết rõ, Thập Giá không chỉ đơn thuần là một biểu tượng Kitô giáo. Đó là biểu tượng vĩ đại của ánh sáng và tâm thức, biểu thị ánh sáng theo chiều dọc và ánh sáng theo chiều ngang, quyền năng thu hút và quyền năng phát xạ, đời sống linh hồn và sự phụng sự. Dấu Thập Giá hiện nay trong các Giáo hội Công giáo, chạm vào trán, tim và hai vai, là dấu hiệu của vật chất. Thực ra, nó biểu thị Phương diện thứ ba. Thập Giá mà nhóm sẽ làm là Thập Giá của Đức Christ và của tâm thức Christ. Dần dần, Thập Giá của Đức

consciousness. Gradually the Cross of Christ (the Cross of the Risen Christ) will supersede the Cross of matter and of the Mother aspect. Its likeness to the swastika is obvious and will be one of the reasons for its disappearance.

Christ (Thập Giá của Đức Christ Phục Sinh) sẽ thay thế Thập Giá của vật chất và của phương diện Mẹ. Sự tương đồng của thập giá ấy với chữ vạn là rõ ràng và sẽ là một trong những lý do khiến nó biến mất.

3. The Preparatory Stages:

3. Các Giai Đoạn Chuẩn Bị:

a. Focussing the dual personality light of matter and of mind.

a. Tập trung ánh sáng kép của phàm ngã: ánh sáng của vật chất và ánh sáng của thể trí.

b. Meditation on soul contact and the recognition of soul light.

b. Tham thiền về sự tiếp xúc với linh hồn và nhận biết ánh sáng linh hồn.

c. The blending and fusion of the two lesser lights and of soul light. This is carried forward as a group, each member making his contribution and consciously attempting to visualise the process of blending the triple light which each contributes, into one sphere of light.

c. Hòa trộn và dung hợp hai ánh sáng nhỏ hơn với ánh sáng linh hồn. Công việc này được tiến hành theo nhóm, mỗi thành viên đóng góp phần mình và có ý thức cố gắng hình dung tiến trình hòa trộn ánh sáng tam phân mà mỗi người đóng góp thành một khối cầu ánh sáng.

4. Then the group says in unison, at a signal from the leader: [231]

4. Sau đó, theo hiệu lệnh của người lãnh đạo, nhóm đồng thanh nói: [231]

“The light is one and in that light shall we see light.

“Ánh sáng là một, và trong ánh sáng ấy chúng ta sẽ thấy ánh sáng.

This is the light that turns the darkness into day.”

Đây là ánh sáng biến bóng tối thành ban ngày.”

OM.

OM.

OM.

OM.

OM.

OM.

The processes of individual and group alignment and integration can now be regarded as completed and when it is really

Giờ đây, có thể xem các tiến trình chỉnh hợp và tích hợp cá nhân và nhóm là đã hoàn tất; khi điều này thực sự được thực hiện đúng

correctly accomplished, each meeting thereafter should see a more rapid integration and fusion and a greater brilliance of the sphere of light thus created. The sounding of OM indicates both the fusion and the sphere of action because OM is first of all sounded forth by the group soul (the realised unity of the souls of all the group members) and then as the soul upon the mental plane, and finally as the soul ready to function as lightbearer and distributor of light upon the astral plane. These are all symbolic ways of registering the inner reality and are an attempt to externalise force, for that is what all symbols and symbolic ways of acting are capable of doing; they thus serve to keep the workers at a point of tension. This is an important recognition and should keep the workers from attributing undue power to the form aspect of the simple ritual and aid them in focussing their attention in the world of meaning and of subjective spiritual activity. These three stages are called:

đắn, mỗi buổi họp sau đó sẽ chứng kiến sự tích hợp và dung hợp nhanh hơn, cùng độ rực sáng lớn hơn của khối cầu ánh sáng được tạo ra như vậy. Việc xướng OM biểu thị cả sự dung hợp lẫn khối cầu hoạt động, vì trước hết hồn nhóm (sự hợp nhất đã được chứng nghiệm của linh hồn mọi thành viên trong nhóm) xướng OM, rồi xướng với tư cách linh hồn trên cõi trí, và cuối cùng với tư cách linh hồn sẵn sàng hoạt động như người mang ánh sáng và phân phối ánh sáng trên cõi cảm dục. Tất cả đều là những cách mang tính biểu tượng để ghi nhận thực tại bên trong và là một nỗ lực ngoại hiện mãnh lực, vì đó là điều mà mọi biểu tượng và cách hành động mang tính biểu tượng đều có khả năng thực hiện; nhờ vậy, chúng giúp giữ những người hoạt động tại một điểm tập trung nhất tâm. Đây là một nhận biết quan trọng, cần giúp những người hoạt động tránh gán quyền năng quá mức cho phương diện hình tướng của nghi thức đơn giản này, và giúp họ tập trung sự chú ý vào thế giới ý nghĩa và hoạt động tinh thần chủ quan. Ba giai đoạn này được gọi là:

1. The Act of Naming.

1. Hành Động Định Danh.

2. The Act of Protection.

2. Hành Động Bảo Vệ.

3. The Act of Focussing the Light.

3. Hành Động Tập Trung Ánh Sáng.

It will be apparent to you that much depends upon the ability of the group members to visualise clearly as well as to think clearly. Practice naturally tends to perfect both processes. At the close of these three stages, the group members are united as souls insulated against the attractive power of the glamour, and united as souls with mind and brain held steady and positive in the light. Their blended [232] light is looked upon by them as a great searchlight whose beams are to be directed

Các bạn sẽ thấy rõ rằng rất nhiều điều phụ thuộc vào khả năng hình dung rõ ràng cũng như tư duy rõ ràng của các thành viên trong nhóm. Việc thực hành tự nhiên sẽ hoàn thiện cả hai tiến trình. Khi kết thúc ba giai đoạn này, các thành viên hợp nhất như những linh hồn được bảo vệ khỏi sức hút của ảo cảm, và hợp nhất như những linh hồn với thể trí và bộ não được giữ vững, tích cực trong ánh sáng. Ánh sáng hòa trộn [232] của họ được họ xem như một đèn pha lớn; bằng một hành động của ý chí, các tia sáng của nó

through an act of the will downward from the mental plane on to the glamour existing on the astral plane and which has been brought into relation with the group by the very act of naming it. I am going into detail on this matter because the work is a new venture and I am anxious for you to start it with a clear understanding as to how the task is to be carried out. At the close of this instruction you will find the two long and two short formulas so that they can be seen and grasped apart from their explanatory context. This initial work should take fifteen minutes at first and later not more than five (excluding the ten minutes of silent preparation which precedes the formal work) for the group members will get used to working together and will eventually attain the objectives of the preparatory work with great rapidity.

sẽ hướng xuống từ cõi trí đến ảo cảm hiện hữu trên cõi cảm dục, vốn đã được đưa vào mối liên hệ với nhóm qua chính hành động định danh nó. Tôi đi sâu vào chi tiết vấn đề này vì công việc là một bước đi mới, và Tôi mong các bạn bắt đầu với sự thấu hiểu rõ ràng về cách thực hiện nhiệm vụ. Ở cuối phần huấn thị này, các bạn sẽ thấy hai công thức dài và hai công thức ngắn, để có thể xem và nắm bắt chúng tách khỏi phần giải thích. Ban đầu, công việc mở đầu này nên kéo dài mười lăm phút, và về sau không quá năm phút (không tính mười phút chuẩn bị trong im lặng trước công việc chính thức), vì các thành viên sẽ quen làm việc cùng nhau và cuối cùng đạt được các mục tiêu của công việc chuẩn bị rất nhanh chóng.

THE TECHNIQUE OR FORMULA

KỸ THUẬT HAY CÔNG THỨC

5. Then together and in vocal unison the group says:

5. Sau đó, cả nhóm cùng đồng thanh nói:

“Radiance we are and power. We stand forever with our hands stretched out, linking the heavens and the earth, the inner world of meaning and the subtle world of glamour.

“Chúng ta là sự rạng rỡ và quyền năng. Chúng ta đứng mãi mãi với đôi tay dang rộng, kết nối trời và đất, thế giới bên trong của ý nghĩa và thế giới vi tế của ảo cảm.

“We reach into the Light and bring it down to meet the need. We reach into the silent Place and bring from thence the gift of understanding. Thus with the light we work and turn the darkness into day.”

“Chúng ta vươn vào Ánh sáng và đưa nó xuống để đáp ứng nhu cầu. Chúng ta vươn vào Chốn Im Lặng và từ đó mang về ân huệ của sự thấu hiểu. Như vậy, chúng ta làm việc với ánh sáng và biến bóng tối thành ban ngày.”

As they say this, the group visualises the turning of the great searchlight which they have jointly created by their unified light on to the glamour to be dissipated, holding the light steady [233] and realising mentally the

Khi nói những lời này, nhóm hình dung việc hướng đèn pha lớn mà họ đã cùng tạo ra bằng ánh sáng hợp nhất của mình vào ảo cảm cần làm tiêu tan, giữ ánh sáng ổn định [233] và nhận biết bằng trí tuệ công việc làm

work of dissipation it is intended to do. This is called the *Act of Direction.*

tiêu tan mà ánh sáng ấy có nhiệm vụ thực hiện. Điều này được gọi là *Hành Động Định Hướng.*

6. Then follows a pause for a few minutes in which the group attempts to throw behind the searchlight their united directed and dynamic will or intent; this carries along the projected beam of light the destructive quality of the spiritual will—destructive to all that hinders the manifestation of divinity. This is done by attaining a united point of tension, and the dedication of the individual and group will to the will of God. This is called the *Act of Will* and is carried on by each member of the group silently and with a deep realisation that all are thus accepted and that it is the group will which is being silently focussed. Then together they say:

6. Tiếp theo là một khoảng dừng vài phút, trong đó nhóm cố gắng đặt sau đèn pha ý chí hay ý định hợp nhất, có định hướng và năng động của mình; điều này truyền theo tia sáng phóng chiếu phẩm tính phá hủy của ý chí tinh thần—phá hủy tất cả những gì cản trở sự biểu hiện của thiên tính. Điều này được thực hiện bằng cách đạt đến một điểm tập trung nhất tâm hợp nhất và hiến dâng ý chí cá nhân cùng ý chí nhóm cho Ý Chí của Thượng Đế. Đây được gọi là *Hành Động Ý Chí*, và mỗi thành viên thực hiện trong im lặng, với sự nhận biết sâu sắc rằng tất cả đều được chấp nhận như vậy, và chính ý chí nhóm đang được tập trung trong im lặng. Sau đó, họ cùng nói:

"With power upon its beam, the light is focussed on the goal."

"Mang quyền năng trên tia chiếu của mình, ánh sáng tập trung vào mục tiêu."

7. Then comes the *Act of Projection* and the saying of the words of power which—again naming the particular glamour which is the subject of attention and thus bringing it consciously into relation with the focussed light—begins the task of dissipation.

7. Tiếp đến là *Hành Động Phóng Chiếu* và việc xướng các quyền năng từ; những lời này—một lần nữa định danh ảo cảm cụ thể đang là đối tượng chú ý, qua đó đưa nó vào mối liên hệ có ý thức với ánh sáng đã tập trung—khởi đầu nhiệm vụ làm tiêu tan.

"The power of our united light prevents the appearance of the glamour of... (naming it). The power of our united light negates the quality of the glamour from affecting men. The power of our united light destroys the life behind the glamour."

"Quyền năng của ánh sáng hợp nhất của chúng ta ngăn sự xuất hiện của ảo cảm về... (định danh nó). Quyền năng của ánh sáng hợp nhất của chúng ta ngăn phẩm tính của ảo cảm ảnh hưởng đến con người. Quyền năng của ánh sáng hợp nhất của chúng ta phá hủy sự sống đằng sau ảo cảm."

These words are very nearly the same as those in the individual formula and gain strength from the experience of the aspirant and from his familiarity with their use. This

Những lời này gần như giống hệt những lời trong công thức dành cho cá nhân và có thêm sức mạnh nhờ kinh nghiệm của người chí nguyện cũng như sự quen thuộc của y với việc sử dụng chúng. Điều này tạo thành

constitutes an *Act of Affirmation* [234] which is the second part of the Act of Projection.

một *Hành động Khẳng Định* [234], là phần thứ hai của Hành động Phóng Chiếu.

8. Then comes an important aspect of the work in which the group members visualise the gradual dissipation and dispersal of the glamour by the penetration of the light into its darkness. They endeavour to see it disintegrating and the reality emerging, doing this by an effort of the creative imagination. Each will do this in his own way and according to his understanding and capacity. *This is the Act of Penetration.*

8. Tiếp đến là một phương diện quan trọng của công việc, trong đó các thành viên nhóm hình dung ảo cảm dần tiêu tan và phân tán khi ánh sáng xuyên vào bóng tối của nó. Họ nỗ lực thấy ảo cảm tan rã và thực tại xuất hiện, thực hiện điều này bằng nỗ lực của sự tưởng tượng sáng tạo. Mỗi người sẽ làm điều này theo cách riêng, tùy theo sự thấu hiểu và khả năng của mình. *Đây là Hành động Xuyên Thấu.*

9. Now follows five minutes of silence and intensity of purpose while the group waits for the work instituted to go forward. Then follows the group withdrawal of its consciousness from the astral plane and the world of glamour. The group members refocus their attention first of all on the mental plane and then on the soul, relinquishing all thought of the glamour, knowing that the work has been successfully carried forward. They re-organise themselves as a group in relation to the kingdom of souls and to each other. Occultly speaking, the "searchlight of the soul is shut off." *This is the Act of Withdrawal.*

9. Tiếp theo là năm phút im lặng và tập trung mãnh liệt vào mục đích, trong khi nhóm chờ đợi công việc đã khởi sự tiếp tục tiến triển. Sau đó, nhóm thu hồi tâm thức khỏi cõi cảm dục và thế giới ảo cảm. Các thành viên nhóm trước hết tập trung lại sự chú ý vào cõi trí, rồi vào linh hồn, buông bỏ mọi ý nghĩ về ảo cảm, biết rằng công việc đã được tiến hành thành công. Họ tái tổ chức mình thành một nhóm trong mối liên hệ với giới linh hồn và với nhau. Nói theo nghĩa huyền bí, "đèn pha của linh hồn được tắt đi." *Đây là Hành động Thu Hồi.*

10. The OM is then sounded in group formation; and then, in order to emphasise that the group work is ended, each member of the group sounds the OM alone, saying:

10. Sau đó, nhóm cùng xướng linh từ OM; rồi, để nhấn mạnh rằng công việc nhóm đã kết thúc, mỗi thành viên riêng rẽ xướng linh từ OM và nói:

"So let it be, and help me in my own life to end all glamour and untruth."

"Nguyện được như vậy, và xin giúp tôi chấm dứt mọi ảo cảm và điều không chân thật trong chính cuộc sống của mình."

It will take aspirants some time to gain facility in this work, but it is surely obvious that in learning what is an [235] entirely new technique of service each step must be

Người chí nguyện sẽ cần một thời gian để trở nên thành thạo trong công việc này, nhưng chắc chắn có thể thấy rõ rằng, khi học một [235] kỹ thuật phụng sự hoàn toàn mới, mỗi

mastered and practised for quite a long time. Every new branch of learning takes some time to become familiar and this one is no exception. But the effort is well worth while both from the individual angle and as an act of service to humanity.

bước đều phải được nắm vững và thực hành trong một thời gian khá dài. Mỗi lĩnh vực học tập mới đều cần một thời gian để trở nên quen thuộc, và lĩnh vực này cũng không ngoại lệ. Nhưng nỗ lực ấy rất đáng giá, cả trên phương diện cá nhân lẫn như một hành động phụng sự nhân loại.

That all the groups may learn to function in the light and that glamour may disappear from all your lives so that you may walk freely in that light and use that light for others is the wish of my heart for you.

Mong rằng mọi nhóm đều học được cách hoạt động trong ánh sáng, và ảo cảm biến mất khỏi cuộc sống của tất cả các bạn, để các bạn có thể tự do bước đi trong ánh sáng ấy và dùng ánh sáng ấy cho người khác—đó là điều trái tim Tôi mong ước cho các bạn.

FORMULA FOR THE DISSIPATION OF GLAMOUR

CÔNG THỨC LÀM TIÊU TAN ẢO CẢM

(For the Individual)

(Dành cho Cá Nhân)

Preparatory Stages

Các Giai Đoạn Chuẩn Bị

1. Recognition of the glamour to be dissipated. This involves:

1. Nhận biết ảo cảm cần làm tiêu tan. Điều này bao gồm:

a. A willingness to cooperate with the soul.

a. Sẵn lòng hợp tác với linh hồn.

b. Understanding the nature of the particular glamour.

b. Thấu hiểu bản chất của ảo cảm cụ thể ấy.

2. The three stages of focussing:

2. Ba giai đoạn tập trung:

a. Focussing the dual light of matter and mind in the mental body.

a. Tập trung ánh sáng kép của vật chất và trí tuệ trong thể trí.

b. Focussing, through meditation, this dual light and the light of the soul.

b. Qua tham thiền, tập trung ánh sáng kép này cùng với ánh sáng của linh hồn.

c. Focussing these three lights and so creating the searchlight for the dissipation of glamour.

c. Tập trung ba ánh sáng này, qua đó tạo ra đèn pha để làm tiêu tan ảo cảm.

3. Preparedness through alignment and integration. This is the production of a field of magnetic thought substance.

3. Chuẩn bị sẵn sàng qua chỉnh hợp và sự tích hợp. Đây là việc tạo ra một trường chất liệu tư tưởng có từ tính.

4. The turning of the attention and of the searchlight of the mind on to the astral plane. [236]

4. Hướng sự chú ý và đèn pha của thể trí vào cõi cảm dục. [236]

The Formula

Công Thức

5. The soul breathes out the OM into the waiting personality and the light and power thus generated are retained for use.

5. Linh hồn thở ra linh từ OM vào phàm ngã đang chờ đợi, và ánh sáng cùng quyền năng được tạo ra như vậy được giữ lại để sử dụng.

6. An intense light is slowly and consciously generated.

6. Từ từ và một cách có ý thức, tạo ra một ánh sáng mãnh liệt.

7. The spiritual will is invoked whilst the mind is held steady in the light.

7. Khẩn cầu ý chí tinh thần trong khi giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng.

8. The glamour to be dissipated and the searchlight of the mind are brought into relationship.

8. Đưa ảo cảm cần làm tiêu tan và đèn pha của thể trí vào mối liên hệ với nhau.

9. The searchlight is then turned on by an act of the will and a strong beam of light is projected into the glamour.

9. Sau đó, bật đèn pha bằng một hành động của ý chí và phóng chiếu một chùm ánh sáng mạnh vào ảo cảm.

10. The glamour is named and the aspirant says with tension inaudibly:

10. Gọi tên ảo cảm, và người chí nguyện nói thầm với sự tập trung căng thẳng:

“The power of the light prevents the appearance of the glamour (naming it). The power of the light negates the quality of the glamour from affecting me. The power of the light destroys the life behind the glamour.”

“Quyền năng của ánh sáng ngăn chặn sự xuất hiện của ảo cảm (gọi tên nó). Quyền năng của ánh sáng ngăn không cho phẩm tính của ảo cảm tác động đến tôi. Quyền năng của ánh sáng hủy diệt sự sống đằng sau ảo cảm.”

11. The OM is sounded by the aspirant, producing an Act of Penetration. This

11. Người chí nguyện xướng linh từ OM, tạo ra một Hành động Xuyên Thấu. Điều này tạo ra sự tác động, xuyên thấu và làm tiêu tan.

produces impact, penetration and dissipation.

12. The aspirant, having done his work, withdraws himself consciously on to the mental plane and the beam of light fades out.

Brief Form of the Individual Formula.

1. The four preparatory stages:

a. Recognition of the glamour to be dissipated. [237]

b. Focussing the dual light of the personality.

c. Meditation and recognition of soul light.

d. Unification of the three lights.

2. The process of alignment and of recognised integration.

3. The turning of the searchlight of the mind to the astral plane.

The Formula.

4. Soul activity and the retention of the triple light.

5. The generating and visualising of the searchlight.

6. The evocation of the WILL behind the searchlight of the mind.

12. Sau khi hoàn thành công việc, người chí nguyện chủ động rút về cõi trí, và chùm ánh sáng dần tắt.

Dạng Rút Gọn của Công Thức Cá Nhân.

1. Bốn giai đoạn chuẩn bị:

a. Nhận biết ảo cảm cần làm tiêu tan. [237]

b. Tập trung ánh sáng kép của phàm ngã.

c. Tham thiền và nhận biết ánh sáng linh hồn.

d. Hợp nhất ba ánh sáng.

2. Tiến trình chỉnh hợp và sự tích hợp được nhận biết.

3. Hướng đèn pha của thể trí vào cõi cảm dục.

Công Thức.

4. Hoạt động của linh hồn và việc giữ lại ánh sáng tam phân.

5. Tạo ra và hình dung đèn pha.

6. Gợi lên Ý CHÍ đằng sau đèn pha của thể trí.

7. The searchlight of the mind is turned upon the glamour, directed by thought.

8. The naming of the glamour and the triple affirmation.

9. The Act of Penetration.

10. The process of Withdrawing.

FORMULA FOR THE DISSIPATION OF WORLD GLAMOUR

(Technique for a Group)

The Preparatory Stages

1. The naming of the group members, followed by ten minutes silence.

2. The Protective Formula: The group members say in unison: [238]

"As a soul I work in light and darkness cannot touch me.

I take my stand within the light.

I work and from that point I never move."

As these words are uttered, each group member makes the sign of the Cross of Divinity.

3. The three preparatory stages:

a. Focussing the dual light of matter and mind.

7. Hướng đèn pha của thể trí vào ảo cảm, dưới sự chỉ đạo của tư tưởng.

8. Gọi tên ảo cảm và khẳng định tam phân.

9. Hành động Xuyên Thấu.

10. Tiến trình Thu Hồi.

CÔNG THỨC LÀM TIÊU TAN ẢO CẢM THẾ GIỚI

(Kỹ Thuật dành cho một Nhóm)

Các Giai Đoạn Chuẩn Bị

1. Gọi tên các thành viên nhóm, tiếp theo là mười phút im lặng.

2. Công Thức Bảo Vệ: Các thành viên nhóm đồng thanh nói: [238]

"Là một linh hồn, tôi làm việc trong ánh sáng và bóng tối không thể chạm đến tôi.

Tôi đứng vững trong ánh sáng.

Tôi làm việc và không bao giờ rời khỏi vị trí ấy."

Khi nói những lời này, mỗi thành viên nhóm làm dấu Thập Giá của Thiên Tính.

3. Ba giai đoạn chuẩn bị:

a. Tập trung ánh sáng kép của vật chất và trí tuệ.

b. Meditation on soul contact and recognition of soul light.

b. Tham thiền về sự tiếp xúc với linh hồn và nhận biết ánh sáng linh hồn.

c. The fusion of the two lesser lights with soul light.

c. Dung hợp hai ánh sáng thấp hơn với ánh sáng linh hồn.

4. On a signal from the leader, the group says together:

4. Theo hiệu lệnh của người hướng dẫn, nhóm cùng nói:

“The light is one and in that light shall we see light. This is the light that turns the darkness nto day.”

“Ánh sáng là một, và trong ánh sáng ấy chúng ta sẽ thấy ánh sáng. Đây là ánh sáng biến bóng tối thành ban ngày.”

5. Then together the group says:

5. Sau đó, nhóm cùng nói:

“Radiance are we and power. We stand forever with our hands stretched out, linking the heavens and the earth, the inner world of meaning and the subtle world of glamour.

“Chúng ta là ánh sáng rạng ngời và quyền năng. Chúng ta đứng mãi mãi với đôi tay dang rộng, kết nối trời và đất, thế giới bên trong của ý nghĩa và thế giới vi tế của ảo cảm.

We reach into the light and bring it down to meet the need. We reach into the silent Place and bring from thence the gift of understanding. Thus with the light we work and turn the darkness into day.”

Chúng ta vươn vào Ánh sáng và đưa nó xuống để đáp ứng nhu cầu. Chúng ta vươn vào Chốn Im Lặng và từ đó mang về ân huệ của sự thấu hiểu. Như vậy, chúng ta làm việc với ánh sáng và biến bóng tối thành ban ngày.”

[239] As these words are said, the group members visualise the great searchlight they have created turning its light upon the astral plane.

[239] Khi nói những lời này, các thành viên nhóm hình dung đèn pha lớn mà họ đã tạo ra đang hướng ánh sáng vào cõi cảm dục.

6. A pause follows and then comes the invocation of the spiritual will. When this has been done the group says:

Tiếp theo là một khoảng dừng, rồi khẩn cầu ý chí tinh thần. Sau khi hoàn thành việc này, nhóm nói:

“With power upon its beam, the light is focussed on the goal.”

“Mang quyền năng trên chùm tia của mình, ánh sáng tập trung vào mục tiêu.”

7. The glamour to be dissipated is named and the light is thrown upon it. The Words of Power are uttered:

"The power of our united light prevents the appearance of the glamour of... (naming it).

The power of our united light negates the quality of the glamour from affecting man.

The power of our united light destroys the life behind the glamour."

8. Visualisation of the light, penetrating into the glamour and producing its weakening and dissipation.

9. Five minutes of silence and intensity of purpose whilst the work is seen proceeding. Then the group members refocus themselves upon the mental plane, turning their attention away from the astral plane. The searchlight of the soul is shut off.

10. The sounding of the OM individually and aloud by each member.

Brief Form of the Group Formula.

1. The Act of Naming.

2. The Act of Protection.

3. The Act of Focussing the Lights.

4. The Act of Direction. [240]

5. The Act of Invoking the Will.

7. Gọi tên ảo cảm cần làm tiêu tan và chiếu ánh sáng vào nó. Xướng các Quyền năng từ:

"Quyền năng của ánh sáng hợp nhất của chúng ta ngăn chặn sự xuất hiện của ảo cảm về... (gọi tên nó).

Quyền năng của ánh sáng hợp nhất của chúng ta ngăn không cho phẩm tính của ảo cảm tác động đến con người.

Quyền năng của ánh sáng hợp nhất của chúng ta hủy diệt sự sống đằng sau ảo cảm."

8. Hình dung ánh sáng xuyên vào ảo cảm, khiến nó suy yếu và tiêu tan.

9. Năm phút im lặng và tập trung mãnh liệt vào mục đích trong khi thấy công việc đang tiến triển. Sau đó, các thành viên nhóm tập trung trở lại vào cõi trí, chuyển sự chú ý khỏi cõi cảm dục. Đèn pha của linh hồn được tắt đi.

10. Mỗi thành viên riêng rẽ xướng lớn linh từ OM.

Dạng Rút Gọn của Công Thức Nhóm.

1. Hành động Gọi Tên.

2. Hành động Bảo Vệ.

3. Hành động Tập Trung các Ánh Sáng.

4. Hành động Định Hướng. [240]

5. Hành động Khẩn Cầu Ý Chí.

6. The Act of Projection and Affirmation.

7. The Act of Penetration.

8. The Act of Withdrawal.

Our consideration of glamour is nearing its close. We have carried a consecutive theme steadily and have traced the threefold aspect of the world illusion as it appears upon the mental plane, and there conditions the intelligentsia of the world; as it appears upon the astral plane where it constitutes the glamour to which the masses of men succumb; we shall now consider the world of maya in which we, physically, live and move and have our being.

I wonder if those who read my words appreciate the importance of this entire subject or if they are aware of the wide field of service which it opens up, making practical—as it does—all human living, and indicating likewise the steps whereby Reality can be known and all veiling forms disappear. Behind these words of illusion, glamour and maya, lies TRUTH. This truth is the clear consciousness of Being, of Existence and of essential, initial Reality. That is the reason that Christ stood mute before Pilate who symbolised the human intellect; He knew that no reply could convey meaning to that veiled, inhibited mind.

Illusion is the mode whereby limited understanding and material knowledge interpret truth, veiling and hiding it behind a cloud of thoughtforms. Those thoughtforms become then more real than the truth they veil, and consequently control man's approach to Reality. Through illusion, he becomes aware of the apparatus of

6. Hành động Phóng Chiếu và Khẳng Định.

7. Hành động Xuyên Thấu.

8. Hành động Thu Hồi.

Việc xem xét ảo cảm của chúng ta đang gần đến hồi kết. Chúng ta đã kiên trì theo đuổi một chủ đề xuyên suốt và khảo sát phương diện tam phân của ảo tưởng thế giới: khi nó xuất hiện trên cõi trí và tại đó tác động lên giới trí thức thế giới; khi nó xuất hiện trên cõi cảm dục, nơi nó tạo thành ảo cảm mà quần chúng nhân loại khuất phục trước đó; giờ đây chúng ta sẽ xem xét thế giới ảo lực, trong đó chúng ta sống, hoạt động và hiện tồn về mặt hồng trần.

Tôi tự hỏi liệu những người đọc lời Tôi có nhận thức được tầm quan trọng của toàn bộ chủ đề này hay không, hoặc liệu họ có biết đến lĩnh vực phụng sự rộng lớn mà nó mở ra hay không; lĩnh vực ấy khiến toàn bộ đời sống con người trở nên thiết thực, đồng thời chỉ ra các bước để có thể nhận biết Thực Tại và mọi hình tướng che phủ đều biến mất. Đằng sau những từ ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực là CHÂN LÝ. Chân lý này là tâm thức sáng rõ về Bản Thể, về Hiện Hữu và về Thực Tại cốt yếu, nguyên sơ. Đó là lý do Đức Christ đứng im lặng trước Pilate, người tượng trưng cho trí năng con người; Ngài biết rằng không câu trả lời nào có thể truyền đạt ý nghĩa đến thể trí bị che phủ và kìm hãm ấy.

Ảo tưởng là phương thức mà sự thấu hiểu hạn hẹp và tri thức vật chất dùng để diễn giải chân lý, che phủ và giấu kín chân lý sau một đám mây hình tư tưởng. Khi ấy, những hình tư tưởng này trở nên thực hơn cả chân lý mà chúng che phủ, và do đó kiểm soát cách con người tiếp cận Thực Tại. Qua ảo tưởng, y nhận biết bộ máy tư tưởng, hoạt

thought, of its activity, expressed in thoughtform building, and of that which he succeeds in constructing and which he views as the creation of his intellect. He has, however, created a barrier between himself and that which is and, until he has exhausted [241] the resources of his intellect or has deliberately refused to utilise it, his divine intuition cannot function. It is the *intuition* which reveals true Being and which induces a state of spiritual perception. Then the technique of the PRESENCE becomes an established habit.

động của nó biểu hiện qua việc xây dựng hình tư tưởng, cùng những gì y xây dựng thành công và xem là sản phẩm của trí năng mình. Tuy nhiên, y đã tạo ra một rào cản giữa mình và cái đang hiện hữu; cho đến khi y đã dùng hết [241] những nguồn lực của trí năng hoặc chủ tâm từ chối sử dụng nó, trực giác thiêng liêng của y không thể hoạt động. Chính *trực giác* mặc khải Bản Thể chân thực và đưa đến một trạng thái tri giác tinh thần. Khi ấy, Kỹ Thuật của Hiện Diện trở thành một thói quen vững chắc.

Glamour, in its turn, veils and hides the truth behind the fogs and mists of feeling and emotional reaction; it is of unique and terrible potency, owing to the strength of human nature to identify itself with the astral nature and to the vital nature of conscious and sentient response itself. As you know and have been taught, glamour can only be dissipated by the inflow of clear, directed light; this is true of the life of the individual or of humanity as a whole. *Illumination* reveals first of all the existence of glamour; it provides the distressing contrasts with which all true aspirants wrestle and then gradually it floods the life to such an extent that eventually glamour completely vanishes. Men see things then as they are—a facade hiding the good, the beautiful and true. The opposites are then resolved and consciousness is superseded by a condition of realisation—a realisation of Being for which we have no adequate term. The technique of LIGHT becomes a permanent condition.

Ảo cảm, đến lượt nó, che phủ và giấu kín chân lý sau những màn sương mù của cảm giác và phản ứng cảm xúc; nó có sức mạnh đặc biệt và khủng khiếp, do sức mạnh của bản chất con người trong việc đồng hoá với bản chất cảm dục và do bản chất sống động của sự đáp ứng hữu thức và có cảm giác ấy. Như các bạn biết và đã được dạy, chỉ dòng ánh sáng sáng rõ, được định hướng, tuôn vào mới có thể làm tiêu tan ảo cảm; điều này đúng với đời sống cá nhân cũng như với toàn thể nhân loại. *Sự soi sáng* trước hết cho thấy sự tồn tại của ảo cảm; nó phơi bày những tương phản gây khổ não mà mọi người chí nguyện chân chính phải vật lộn, rồi dần dần tràn ngập đời sống đến mức cuối cùng ảo cảm hoàn toàn biến mất. Khi ấy, con người thấy sự vật đúng như chúng vốn là—một lớp vỏ che giấu cái thiện, cái mỹ và cái chân. Khi ấy, các mặt đối lập được dung giải và tâm thức nhường chỗ cho một trạng thái chứng nghiệm—một sự chứng nghiệm Bản Thể mà chúng ta không có thuật ngữ thích đáng để diễn tả. Kỹ Thuật Ánh sáng trở thành một trạng thái thường trực.

3. The Technique of Indifference – 3. Kỹ Thuật Điềm Nhiên

We come now to a brief study of the third aspect of illusion, to which we give the name

Giờ đây, chúng ta bước vào một nghiên cứu ngắn về phương diện thứ ba của ảo tưởng,

Maya, and to the technique which can overcome it. We will deal next with the Technique of Indifference which is concerned with the distribution of soul force upon the physical plane, via the etheric plane, leading to inspiration. This is related to the Science of the Breath.

mà chúng ta gọi là *Ảo lực*, và về kỹ thuật có thể khắc phục nó. Tiếp theo, chúng ta sẽ bàn đến Kỹ Thuật Điềm Nhiên, liên quan đến việc phân phối mãnh lực linh hồn trên cõi hồng trần qua cõi dĩ thái, đưa đến cảm hứng. Điều này có liên hệ với Khoa Học về Hơi Thở.

What then is maya? This, my brother, is not easy to define because it is related to the form-building activity of [242] the planetary Logos Himself. However, a consideration of the analogy existing between the microcosm and the Macrocosm may help somewhat. The soul creates a threefold expression in the three worlds of human living. This is an occult truism. The outer form, the dual physical body (dense and vital or etheric) is produced, created, motivated, energised and conditioned by certain energies and forces, emanating from those levels whereon the soul has—rightly or wrongly—*engineered a reaction of identification*. Note this phrase, my brother. These make the man what he is; they give him his temperament, profession and quality upon the physical plane; they make him negative or positive to various types of impacting energy; they give him his character and make him what he appears to be to others; they produce his colouring, his capacities and his personality. With all of these the average man identifies himself; he believes himself to be the form, the medium through which he attempts to express his desires and his ideas. This complete identification with the transient creation and with the outer appearance is maya. It must be remembered that individual maya is a fractional part of the world of energies and forces which constitute the life expression of the planetary Logos, which condition our outer planetary life, and make our planet what it appears to be to the other planets.

Vậy ảo lực là gì? Huynh đệ của tôi, điều này không dễ định nghĩa, vì nó liên quan đến hoạt động xây dựng hình tướng của [242] chính Hành Tinh Thượng đế. Tuy nhiên, việc xem xét sự tương đồng giữa Tiểu thiên địa và Đại thiên địa có thể giúp ích phần nào. Linh hồn tạo ra một biểu hiện tam phân trong ba cõi giới của đời sống con người. Đây là một chân lý hiển nhiên trong huyền bí học. Hình tướng bên ngoài, thể xác kép (đậm đặc và sinh lực hay dĩ thái), do một số năng lượng và mãnh lực sản sinh, tạo dựng, thúc đẩy, tiếp năng lượng và định hình; chúng phát ra từ những cấp độ mà tại đó linh hồn đã—đúng hay sai—*tạo nên một phản ứng đồng hoá*. Hãy lưu ý cụm từ này, huynh đệ của tôi. Những năng lượng và mãnh lực ấy làm nên con người như y hiện là; chúng đem lại cho y khí chất, nghề nghiệp và phẩm tính trên cõi hồng trần; chúng khiến y trở nên âm tính hoặc dương tính đối với các loại năng lượng tác động khác nhau; chúng đem lại cho y tính cách và làm nên con người mà y biểu lộ trước người khác; chúng tạo ra sắc thái, khả năng và phàm ngã của y. Người bình thường đồng hoá mình với tất cả những điều này; y tin mình là hình tướng, là trung gian mà qua đó y cố gắng biểu lộ dục vọng và ý tưởng của mình. Sự đồng hoá hoàn toàn với tạo vật phù du và vẻ ngoài ấy là ảo lực. Cần nhớ rằng ảo lực cá nhân là một phần nhỏ của thế giới năng lượng và mãnh lực tạo thành biểu hiện sự sống của Hành Tinh Thượng đế, tác động lên đời sống hành tinh bên ngoài của chúng ta và làm nên

hành tinh chúng ta như nó biểu lộ trước các hành tinh khác.

The difference between man, the microcosm, and the planetary Logos, the Lord of the World, the Macrocosm, lies in the fact that the Lord of the World is not identified with the maya which He has created, and which has its purpose in eventually bringing about the release of the "prisoners of the planet." To that Maya, HE is supremely indifferent and it is this divine indifference which has led to the great theological illusion of an anthropomorphic Deity and to the belief (in the East) that our planet is but the background [243] or the plaything of the Gods. It is this cosmic indifference which has led to the human glamour concerning the "inscrutable will of God" and to the affirmation that God is far away and not immanent in every creature and in every atom of which creatures are made. These are some aspects of the glamours and illusions which must be dispelled and dissipated and, in the process, discovery will be made that the form is only maya and can be disregarded, that forces can be organised and directed by energy and that the world of thought, the field of sentient consciousness and the playground of the energies are something apart from the Thinker, from the One who feels and from the Actor and Player of the many parts which the Soul undertakes to play.

Sự khác biệt giữa con người, Tiểu thiên địa, và Hành Tinh Thượng đế, Đức Chúa Tể Thế Giới, Đại thiên địa, nằm ở chỗ Đức Chúa Tể Thế Giới không đồng hoá với ảo lực mà Ngài đã tạo ra, và mục đích của ảo lực ấy là cuối cùng đem lại sự giải thoát cho "những tù nhân của hành tinh." Đối với Ảo lực ấy, NGÀI hoàn toàn điềm nhiên, và chính sự điềm nhiên thiêng liêng này đã dẫn đến ảo tưởng thần học lớn lao về một Thượng đế mang hình người và đến niềm tin (ở phương Đông) rằng hành tinh chúng ta chỉ là bối cảnh [243] hoặc đồ chơi của các Thượng đế. Chính sự điềm nhiên vũ trụ này đã dẫn đến ảo cảm của con người về "ý chí khôn dò của Thượng đế" và đến lời khẳng định rằng Thượng đế ở xa, chứ không nội tại trong mọi sinh vật và trong mọi nguyên tử cấu thành các sinh vật. Đây là một số phương diện của những ảo cảm và ảo tưởng cần được xua tan và làm tiêu tan; trong tiến trình ấy, người ta sẽ khám phá rằng hình tướng chỉ là ảo lực và có thể không cần chú ý đến, rằng năng lượng có thể tổ chức và chỉ đạo các mãnh lực, và rằng thế giới tư tưởng, lĩnh vực tâm thức hữu cảm cùng sân chơi của các năng lượng là những gì tách biệt với Chủ Thể Tư Duy, với Đấng cảm nhận và với Chủ Thể Hành Động và Diễn Xuất nhiều vai mà Linh Hồn đảm nhận.

The disciple learns eventually to know himself to be, above everything else (whilst in incarnation), the director of forces: these he directs from the altitude of the divine Observer and through the attainment of detachment. These are things which I have oft told you before. These truths are, for you, only the platitudes of occultism and yet, if you could but grasp the full significance of

Cuối cùng, người đệ tử học cách nhận biết rằng, trên hết mọi điều (trong khi đang lâm phàm), mình là người chỉ đạo các mãnh lực: y chỉ đạo chúng từ tầm cao của Chủ Thể Quan Sát thiêng liêng và qua việc đạt đến sự tách rời. Đây là những điều Tôi đã thường nói với các bạn trước đây. Đối với các bạn, những chân lý này chỉ là những điều quen thuộc của huyền bí học; tuy nhiên, nếu các

detachment and stand serene as the observing Director, there would be no more waste motion, no more mistaken moves and no more false interpretations, no wandering down the bypaths of daily living, no seeing others through distorted and prejudiced vision and—above all—no more misuse of force.

bạn có thể nắm bắt trọn vẹn thâm nghĩa của sự tách rời và đứng tĩnh lặng như Chủ Thể Chỉ Đạo đang quan sát, thì sẽ không còn chuyển động phí phạm, không còn hành động sai lầm, không còn diễn giải sai, không còn lạc vào những đường rẽ của đời sống hằng ngày, không còn nhìn người khác qua tầm nhìn méo mó và đầy định kiến, và—trên hết—không còn lạm dụng mãnh lực.

Again and again, down the ages, the Masters have told Their disciples (as I have told you) that the occultist works in the world of forces. All human beings live and move and express themselves in and through that same world of ever-moving, ever-impacting, outgoing and incoming energies. *The occultist, however, works there;* he becomes a conscious directing agent; he creates upon the physical plane that which he desires, and that which he desires is the pattern of [244] things and the design laid down upon the trestle board of the spiritual consciousness by the great divine Architect. Yet he identifies himself not with the pattern or with the forces which he employs. He moves in the world of maya, free from all illusion, unhindered by glamour and uncontrolled by the mayavic forces. He is rapidly arriving, as far as his own little world is concerned, at the same "divine indifference" which characterises Sanat Kumara, the Lord of the World; therefore increasingly he becomes aware of the Plan as it exists in the Universal Mind and the Purpose which motivates the Will of God.

Hết lần này đến lần khác, qua các thời đại, các Chân sư đã nói với các đệ tử của Các Ngài (như Tôi đã nói với các bạn) rằng nhà huyền bí học làm việc trong thế giới mãnh lực. Mọi con người đều sống, hoạt động và biểu lộ mình trong và qua cùng thế giới ấy, thế giới của những năng lượng luôn chuyển động, luôn tác động, đi ra và đi vào. *Tuy nhiên, nhà huyền bí học làm việc ở đó;* y trở thành một tác nhân chỉ đạo có ý thức; y tạo ra trên cõi hồng trần điều mình mong muốn, và điều y mong muốn là mô hình của [244] vạn vật cùng bản thiết kế mà Đấng Kiến Trúc Sư thiêng liêng vĩ đại đã đặt lên bảng vẽ của tâm thức tinh thần. Tuy nhiên, y không đồng hoá mình với mô hình hay với các mãnh lực mà y sử dụng. Y hoạt động trong thế giới ảo lực, tự do khỏi mọi ảo tưởng, không bị ảo cảm cản trở và không chịu sự kiểm soát của các mãnh lực ảo lực. Trong phạm vi thế giới nhỏ bé của mình, y đang nhanh chóng đạt đến cùng một "sự điềm nhiên thiêng liêng" vốn là đặc trưng của Sanat Kumara, Đức Chúa Tể Thế Giới; do đó, y ngày càng nhận biết Thiên Cơ như nó hiện hữu trong Vũ Trụ Trí và Thiên Ý thúc đẩy Ý Chí của Thượng Đế.

It is this divine indifference which is responsible for the fact that in attempting to describe "Pure Being" or God, and in the effort to arrive at some understanding of the nature of divinity, the formula of negation has been evolved. God is not this; God is not

Chính sự điềm nhiên thiêng liêng này là nguyên nhân khiến công thức phủ định hình thành trong nỗ lực mô tả "Bản Thể Thuần Khiết" hay Thượng đế và trong nỗ lực đạt đến một mức độ thấu hiểu nào đó về bản chất của thiên tính. Thượng đế không phải

that; God is no-thing; God is neither time nor space; God is not feeling or thought; God is not form or substance. God simply *IS.* God *IS*—apart from all expression and manifestation as the Manipulator of energy, the Creator of the tangible and the intangible worlds, the Pervader of life, or the Indweller in all forms. God is the ONE WHO can withdraw and, in withdrawing, *dispel, dissipate* and *devitalise* all that has been created—using those words in their fullest significance.

cái này; Thượng đế không phải cái kia; Thượng đế không phải bất cứ sự vật nào; Thượng đế không phải thời gian cũng không phải không gian; Thượng đế không phải cảm giác hay tư tưởng; Thượng đế không phải hình tướng hay chất liệu. Thượng đế đơn giản là *HIỆN HỮU.* Thượng đế *HIỆN HỮU*—tách biệt với mọi biểu lộ và biểu hiện trong vai trò Đấng Điều Khiển năng lượng, Đấng Sáng Tạo các thế giới hữu hình và vô hình, Đấng Thấm Nhuần sự sống, hay Đấng Ngự Trong mọi hình tướng. Thượng đế là ĐẤNG có thể thu hồi và, trong khi thu hồi, *xua tan, làm tiêu tan* và *rút hết sinh lực* của mọi điều đã được tạo ra—dùng những từ ấy theo thâm nghĩa đầy đủ nhất của chúng.

It will be obvious to you, therefore, that in these three activities of that Reality which is not identified with appearance, the will of God, the Destroyer aspect of Deity, is beneficently present. The act of abstraction produces the dispelling of the illusory world of thought; the withdrawal of the divine attention dissipates the sentient universe and brings glamour to an end; the cessation of divine direction brings death to the physical world. All these activities are evidences of the will or of the first aspect—the will-to-good which can and will function in perfection only when goodwill [245] is finally and fully developed on Earth, through the agency of humanity.

Do đó, các bạn hẳn thấy rõ rằng, trong ba hoạt động này của Thực Tại không đồng hoá với vẻ ngoài ấy, ý chí của Thượng đế, phương diện Hủy Diệt của Thượng đế, hiện diện một cách thiện lành. Hành động rút về tạo ra sự xua tan thế giới tư tưởng đầy ảo tưởng; việc thu hồi sự chú ý thiêng liêng làm tiêu tan vũ trụ hữu cảm và chấm dứt ảo cảm; việc ngừng chỉ đạo thiêng liêng đem cái chết đến thế giới hồng trần. Tất cả những hoạt động này đều là bằng chứng của ý chí hay phương diện thứ nhất—Ý Chí-hướng Thiện, vốn chỉ có thể và sẽ hoạt động hoàn hảo khi thiện chí [245] cuối cùng được phát triển đầy đủ trên Trái Đất, thông qua nhân loại.

The will and the breath, my brother, are occultly synonymous terms. In this statement you have the clue to the ending of maya.—

Huynh đệ của tôi, xét theo nghĩa huyền bí, ý chí và hơi thở là những thuật ngữ đồng nghĩa. Trong lời khẳng định này, huynh đệ có manh mối để chấm dứt ảo lực.—

The above remarks are preliminary to our study of the Technique of Indifference. It is necessary to point out analogies and to link together the various aspects of related teaching if true perception is to be

Những nhận xét trên là phần mở đầu cho việc nghiên cứu Kỹ Thuật Điềm Nhiên của chúng ta. Nếu muốn phát triển tri giác chân thực, cần chỉ ra những sự tương đồng và liên kết các phương diện khác nhau của giáo

developed. Let us divide our consideration of this subject as follows:

huấn có liên quan. Chúng ta hãy chia việc xem xét chủ đề này như sau:

1. Activity upon the etheric plane, i.e., the world of forces.

1. Hoạt động trên cõi dĩ thái, tức thế giới mãnh lực.

a. Their distribution.

a. Sự phân phối các mãnh lực.

b. Their manipulation.

b. Sự điều khiển các mãnh lực.

2. The Science of the Breath.

2. Khoa Học về Hơi Thở.

a. The relation of the will and the breath.

a. Mối liên hệ giữa ý chí và hơi thở.

b. Inspiration.

b. Cảm hứng.

3. The Technique of Indifference.

3. Kỹ Thuật Điềm Nhiên.

a. Through concentration.

a. Qua sự tập trung.

b. Through detachment.

b. Qua sự tách rời.

We enter now the field of practical occultism. This is not the field of aspiration or the sphere of a planned moving forward towards that which is higher and desirable. It is, in some ways, a reverse activity. From the point reached upon the ladder of evolution, the disciple "stands in spiritual Being" (as far as in him lies), and consciously, deliberately works with the energies in the three worlds. He directs them into the etheric body from whatever level he chooses to work—mental, emotional, or from the vital plane itself. He does this in conformity with some visioned idea, some cherished ideal, some sensed divine pattern, some spiritual hope, some consecrated ambition or some dedicated desire.

Giờ đây, chúng ta bước vào lĩnh vực huyền bí học thực hành. Đây không phải là lĩnh vực khát vọng hay phạm vi của sự tiến bước có kế hoạch hướng đến những gì cao cả hơn và đáng mong muốn. Theo một vài phương diện, đây là một hoạt động theo chiều ngược lại. Từ điểm đã đạt tới trên thang tiến hoá, đệ tử "đứng trong Bản Thể tinh thần" (trong khả năng của y), và làm việc một cách có ý thức, có chủ đích với các năng lượng trong ba cõi giới. Y dẫn chúng vào thể dĩ thái từ bất cứ cấp độ nào y chọn để làm việc—trí tuệ, cảm xúc, hoặc từ chính cõi sinh lực. Y làm điều này phù hợp với một ý tưởng đã hình dung, một lý tưởng ấp ủ, một mô hình thiêng liêng đã cảm nhận, một niềm hy vọng tinh thần, một hoài bão đã thánh hiến hoặc một ước muốn tận hiến.

[246] The etheric body of the individual is, as you know, a part of the etheric body of humanity and this, in its turn, is an aspect of the etheric body of the planet, which is likewise an intrinsic part of the etheric body of the solar system. Incidentally, in this far-reaching factual relationship, you have the basis of all astrological influences. Man moves, therefore, in a whirlpool of forces of all types and qualities. He is composed of energies in every part of his manifested and unmanifested expression; he is, therefore, related to all other energies. His task is one of supreme difficulty and needs the great length of the evolutionary cycle. With the mass of world energies and systemic forces we cannot here deal, but we will confine ourselves to the consideration of the individual problem, advising the student to endeavour to extend his understanding of the microcosmic situation to the macrocosmic.

[246] Như các bạn biết, thể dĩ thái của cá nhân là một phần của thể dĩ thái của nhân loại, và đến lượt mình, thể dĩ thái này là một phương diện của thể dĩ thái hành tinh, vốn cũng là một phần nội tại của thể dĩ thái của hệ mặt trời. Nhân đây, trong mối quan hệ thực tế có tầm bao quát sâu rộng này, các bạn có cơ sở của mọi ảnh hưởng chiêm tinh. Vì vậy, con người vận động trong một xoáy lốc mãnh lực thuộc mọi loại và phẩm tính. Y được cấu thành từ các năng lượng trong mọi phần biểu hiện và không biểu hiện của mình; do đó, y có liên hệ với mọi năng lượng khác. Nhiệm vụ của y vô cùng khó khăn và đòi hỏi khoảng thời gian dài của chu kỳ tiến hoá. Ở đây, chúng ta không thể bàn đến toàn bộ các năng lượng thế giới và các mãnh lực của hệ mặt trời, mà sẽ giới hạn trong việc xem xét vấn đề cá nhân, đồng thời khuyên đạo sinh cố gắng mở rộng sự thấu hiểu của mình từ tình trạng tiểu thiên địa sang tình trạng đại thiên địa.

a. Force distribution and manipulation upon the etheric plane

a. Phân phối và vận dụng mãnh lực trên cõi dĩ thái

We will now assume that the aspirant is aware of the need for him to establish a new and higher rhythm in his physical plane life, to organise his time in obedience to the injunction of his higher self, and to produce, consciously and scientifically, those effects which—in his highest moments—are presented to him as desirable. He has now a certain amount of knowledge as to the equipment available for his task and has mastered some facts anent the etheric vehicle. The pairs of opposites are clearly seen by him, even if he is as yet influenced by one or other of them; he is aware of a basic disagreement between his vision of goodness and his expression of that goodness. He has learnt that he is a triple reflection of a higher Trinity and that this

Giờ đây, chúng ta sẽ giả định rằng người chí nguyện nhận biết nhu cầu phải thiết lập một nhịp điệu mới và cao hơn trong đời sống trên cõi hồng trần của mình, phải tổ chức thời gian tuân theo huấn lệnh của chân ngã, và phải tạo ra một cách có ý thức và khoa học những hiệu quả mà—trong những thời khắc cao cả nhất—y thấy là đáng mong muốn. Giờ đây, y có một lượng kiến thức nhất định về những phương tiện sẵn có để thực hiện nhiệm vụ của mình và đã nắm vững một số sự kiện liên quan đến hiện thể dĩ thái. Y thấy rõ các cặp đối cực, dù vẫn còn chịu ảnh hưởng của bên này hoặc bên kia; y nhận biết một sự bất tương hợp căn bản giữa tầm nhìn của mình về điều thiện và sự biểu hiện điều thiện ấy. Y đã học được rằng mình là sự phản chiếu tam phân của một Tam Vị cao hơn, và

Trinity is—for him—the Reality. He understands that [247] mind, emotions and physical being are intended eventually to manifest that Reality. In the last analysis, he knows that if that intermediate aspect of himself, the etheric body, can be controlled and rightly directed, then vision and expression will and must finally coincide. He is also aware that the dense physical body (the outer tangible appearance) is only an automaton, obedient to whatever forces and energies are the controlling factors in the subjective, conditioning the man. Is that physical body to be controlled by emotional force, pouring through the sacral centre and producing desire for the satisfaction of the physical appetites, or through the solar plexus leading to emotional satisfaction of some kind? Is it to be responsive to the mind and work largely under the impulse of projected thought? Is it perhaps to be directed by an energy greater than any of these but hitherto apparently impotent, the energy of the soul as an expression of pure Being? Is it to be swept into action under the impulse of sentient reactions, ideas and thoughts, emanating from other human beings or is it to be motivated and spurred into activity under the direction of the spiritual Hierarchy? Such are some of the questions to which answers must be found. The stage of aspiring, dreaming and of wishful thinking must now be superseded by direct action and by the carefully planned use of the available forces, swept into activity by the breath, under the direction of the inner eye and controlled by the spiritual man. Which energies can and must be thus used? What forces must be brought under direction? In what manner can they be controlled? Should they be ignored and so rendered futile by that ignoring, or are they forces which are needed in the great creative work?

đối với y, Tam Vị này là Thực Tại. Y thấu hiểu rằng [247] thể trí, cảm xúc và sự hiện tồn hồng trần cuối cùng phải biểu hiện Thực Tại ấy. Xét cho cùng, y biết rằng nếu có thể kiểm soát và hướng dẫn đúng đắn phương diện trung gian của mình, tức thể dĩ thái, thì tầm nhìn và sự biểu hiện cuối cùng sẽ và phải trùng khớp. Y cũng nhận biết rằng thể xác đậm đặc (vẻ ngoài hữu hình) chỉ là một bộ máy tự động, tuân theo bất cứ mãnh lực và năng lượng nào đang giữ vai trò kiểm soát trong lĩnh vực chủ quan, định hình con người. Thể xác ấy sẽ chịu sự kiểm soát của mãnh lực cảm xúc tuôn qua trung tâm xương cùng và tạo ra ham muốn thoả mãn các dục vọng thể xác, hay qua tùng thái dương dẫn đến một dạng thoả mãn cảm xúc nào đó? Nó sẽ đáp ứng với thể trí và hoạt động phần lớn dưới xung lực của tư tưởng được phóng chiếu chăng? Có lẽ nó sẽ do một năng lượng lớn hơn bất cứ năng lượng nào trong số này hướng dẫn, nhưng cho đến nay dường như vẫn bất lực—năng lượng của linh hồn như một biểu hiện của Bản Thể thuần khiết? Nó sẽ bị cuốn vào hành động dưới xung lực của những phản ứng cảm nhận, những ý tưởng và tư tưởng phát ra từ những người khác, hay sẽ được thúc đẩy và khơi dậy hoạt động dưới sự hướng dẫn của Thánh đoàn? Đó là một số câu hỏi cần tìm lời giải đáp. Giờ đây, giai đoạn khát vọng, mơ mộng và suy nghĩ theo điều mình mong muốn phải nhường chỗ cho hành động trực tiếp và việc sử dụng có kế hoạch cẩn thận các mãnh lực sẵn có, được hơi thở khơi dậy hoạt động, dưới sự hướng dẫn của con mắt bên trong và sự kiểm soát của con người tinh thần. Những năng lượng nào có thể và phải được sử dụng như vậy? Những mãnh lực nào phải được đặt dưới sự hướng dẫn? Có thể kiểm soát chúng bằng cách nào? Có nên bỏ qua chúng, và bằng sự bỏ qua ấy khiến chúng trở nên vô hiệu, hay đó là những mãnh lực cần thiết trong công việc sáng tạo vĩ đại?

It will be apparent to you that the first step the spiritual investigator has to take is to ascertain—truly and in the light of his soul—where exactly is his focus of identification. [248] By that I mean: Is his major use of energy to be found upon the mental plane? Is he predominantly emotional and utilising force from the astral plane the greater part of the time? Can he contact the soul and bring in soul energy in such a manner that it negates or offsets his personality force? Can he thus live like a soul upon the physical plane, via the etheric body? If he earnestly studies this problem, he will in time discover which forces are dominant in the etheric body and will become aware *consciously* of the times and experience which call for the expenditure of soul energy. This, my brother, will take time and will be the result of prolonged observation and a close analysis of acts and sentient reactions, of words and thoughts. We are here concerned, as you can see, with an intensely practical problem which is at the same time an intrinsic part of our study and which will be evocative of basic changes in the life of the disciple.

Các bạn sẽ thấy rõ rằng bước đầu tiên người khảo cứu tinh thần phải thực hiện là xác định—một cách chân thực và trong ánh sáng của linh hồn mình—chính xác trọng tâm đồng hoá của y ở đâu. [248] Qua đó, Tôi muốn nói: Việc sử dụng năng lượng chủ yếu của y có diễn ra trên cõi trí không? Y có thiên về cảm xúc và phần lớn thời gian sử dụng mãnh lực từ cõi cảm dục không? Y có thể tiếp xúc với linh hồn và đưa năng lượng linh hồn vào theo cách phủ định hoặc hoá giải mãnh lực phàm ngã của mình không? Như vậy, y có thể sống như một linh hồn trên cõi hồng trần, thông qua thể dĩ thái không? Nếu nghiêm túc nghiên cứu vấn đề này, theo thời gian, y sẽ khám phá những mãnh lực nào đang chiếm ưu thế trong thể dĩ thái và sẽ nhận biết *một cách có ý thức* những thời điểm và trải nghiệm đòi hỏi phải sử dụng năng lượng linh hồn. Huynh đệ của tôi, điều này sẽ cần thời gian và sẽ là kết quả của sự quan sát lâu dài cùng việc phân tích kỹ lưỡng các hành động và phản ứng cảm nhận, lời nói và tư tưởng. Như các bạn thấy, ở đây chúng ta đang bàn đến một vấn đề hết sức thực tiễn, đồng thời là một phần nội tại trong việc nghiên cứu của chúng ta và sẽ gợi lên những thay đổi căn bản trong đời sống của đệ tử.

He will add to this observation and analysis of the strength of the force or the forces engaged, the conditions which will swing them into action, the frequency of their appearance, indicating to him novelty or habit, and likewise the nature of their expression. In this way, he will arrive at a new understanding of the conditioning factors which work through his vital body and make him—upon the physical plane—what he essentially is. This will prove to him of deep spiritual and significant help.

Y sẽ bổ sung vào sự quan sát và phân tích này việc xem xét sức mạnh của mãnh lực hoặc các mãnh lực đang tham gia, những điều kiện sẽ khơi dậy chúng hoạt động, tần suất xuất hiện của chúng, cho y biết đó là điều mới mẻ hay thói quen, và cả bản chất biểu hiện của chúng. Bằng cách này, y sẽ đạt đến một sự thấu hiểu mới về những yếu tố định hình đang hoạt động qua thể sinh lực của mình và khiến y—trên cõi hồng trần—trở thành đúng con người mà về căn bản y là. Điều này sẽ mang lại cho y sự trợ giúp sâu sắc về mặt tinh thần và đầy thâm nghĩa.

This period of observation is, however, confined to mental and intelligent observation. It forms the background of the work to be done, giving assurance and knowledge but leaving the situation as it was. His next step is to become aware of the quality of the forces applied; in ascertaining this, he will find it necessary to discover not only his soul ray and his personality ray but to know also the rays of his mental apparatus, and his emotional nature. This will lead [249] necessarily to another period of investigation and careful observation, if he is not already aware of them. When I tell you that to this information he must add a close consideration of the potencies of the forces and energies reaching him astrologically, you will see what a stern task he has set himself. Not only has he to isolate his five ray energies, but he has to allow for the energy of his sun sign as it conditions his personality, and of his rising sign as it seeks to stimulate that personality into soul responsiveness, thus working out soul purpose through personality cooperation.

Tuy nhiên, giai đoạn quan sát này chỉ giới hạn ở sự quan sát bằng trí tuệ và sự thông minh. Nó tạo nền tảng cho công việc cần thực hiện, đem lại sự chắc chắn và kiến thức, nhưng vẫn để tình trạng như cũ. Bước tiếp theo của y là nhận biết phẩm tính của các mãnh lực đang được sử dụng; khi xác định điều này, y sẽ thấy cần phải khám phá không chỉ cung linh hồn và cung phàm ngã, mà còn phải biết các cung của bộ máy trí tuệ và bản chất cảm xúc của mình. Điều này tất yếu sẽ dẫn [249] đến một giai đoạn khảo cứu và quan sát cẩn thận khác, nếu y chưa nhận biết chúng. Khi Tôi nói với các bạn rằng ngoài thông tin này, y còn phải xem xét kỹ lưỡng sức mạnh của các mãnh lực và năng lượng đến với y qua chiêm tinh, các bạn sẽ thấy y đã đặt ra cho mình một nhiệm vụ nghiêm ngặt đến mức nào. Y không chỉ phải phân biệt riêng năm năng lượng cung của mình, mà còn phải tính đến năng lượng của dấu hiệu Mặt Trời khi nó định hình phàm ngã của y, và năng lượng của Dấu hiệu mọc khi nó tìm cách kích thích phàm ngã ấy đáp ứng với linh hồn, qua đó thực hiện mục đích của linh hồn thông qua sự hợp tác của phàm ngã.

There are, therefore, seven factors which condition the quality of the forces which seek expression through the etheric body:

Vì vậy, có bảy yếu tố định hình phẩm tính của các mãnh lực đang tìm cách biểu hiện qua thể dĩ thái:

1. The ray of the soul.

1. Cung của linh hồn.

2. The ray of the personality.

2. Cung của phàm ngã.

3. The ray of the mind.

3. Cung của thể trí.

4. The ray of the emotional nature.

4. Cung của bản chất cảm xúc.

5. The ray of the physical vehicle.

5. Cung của hiện thể hồng trần.

6. The energy of the sun sign.

7. The influence of the rising sign.

Once, however, these are ascertained and there is some assurance as to their factual truth, the entire problem begins to clarify and the disciple can work with knowledge and understanding. He becomes a scientific worker in the field of hidden forces. He knows then what he is doing, with what energies he must work, and he begins to *feel* these energies as they find their way into the etheric vehicle.

Now comes the stage wherein he is in a position to find out the reality and the work of the seven centres which provide inlet and outlet for the moving forces and energies with which he is immediately concerned in this particular incarnation. He enters upon a prolonged period of observation, of experiment and experience and institutes a trial and error, [250] a success and failure, campaign which will call for all the strength, courage and endurance of which he is capable.

Broadly speaking, the energy of the soul works through the highest head centre and is brought into activity through meditation and applied aptitude in contact. The energy of the integrated personality is focussed through the ajna centre, between the eyes; and when the disciple can identify himself with that, and is also aware of the nature and the vibration of his soul energy, then he can begin to work with the power of direction, using the eyes as directing agencies. There are, as you have gathered in your studies, three eyes of vision and direction at the disposal of the disciple.

6. Năng lượng của dấu hiệu Mặt Trời.

7. Ảnh hưởng của Dấu hiệu mọc.

Tuy nhiên, một khi đã xác định được những yếu tố này và có một mức độ chắc chắn nào đó về tính xác thực của chúng, toàn bộ vấn đề bắt đầu sáng tỏ, và đệ tử có thể làm việc với kiến thức và sự thấu hiểu. Y trở thành một người hoạt động khoa học trong lĩnh vực các mãnh lực ẩn tàng. Khi ấy, y biết mình đang làm gì, phải làm việc với những năng lượng nào, và y bắt đầu *cảm nhận* những năng lượng này khi chúng tìm đường vào hiện thể dĩ thái.

Giờ đây đến giai đoạn y có khả năng tìm hiểu thực tại và hoạt động của bảy trung tâm, vốn cung cấp lối vào và lối ra cho các mãnh lực và năng lượng đang vận động mà y trực tiếp quan tâm trong lần lâm phàm cụ thể này. Y bước vào một giai đoạn quan sát, thử nghiệm và trải nghiệm lâu dài, đồng thời bắt đầu một quá trình thử và sai, [250] thành công và thất bại, đòi hỏi tất cả sức mạnh, lòng can đảm và sự bền bỉ mà y có thể có.

Nói khái quát, năng lượng của linh hồn hoạt động qua trung tâm cao nhất ở đầu, và được khơi dậy hoạt động qua tham thiền cùng việc vận dụng năng lực tiếp xúc. Năng lượng của phàm ngã tích hợp tập trung qua trung tâm ajna, giữa hai mắt; khi đệ tử có thể đồng hoá mình với năng lượng ấy, đồng thời nhận biết bản chất và rung động của năng lượng linh hồn mình, y có thể bắt đầu làm việc với quyền năng hướng dẫn, sử dụng đôi mắt làm các cơ quan hướng dẫn. Như các bạn đã biết qua việc nghiên cứu, đệ tử có thể sử dụng ba con mắt để nhìn và hướng dẫn.

1. *The inner eye*, the single eye of the spiritual man. This is the true eye of vision and involves the idea of duality (of the see-er and that which is seen). It is the divine eye. It is that through which the soul looks forth into the world of men and through which direction of the personality takes place.

1. *Con mắt bên trong*, con mắt duy nhất của con người tinh thần. Đây là con mắt đích thực của tầm nhìn và bao hàm ý tưởng về nhị nguyên (người thấy và điều được thấy). Đó là con mắt thiêng liêng. Qua con mắt ấy, linh hồn nhìn ra thế giới nhân loại, và cũng qua đó diễn ra sự hướng dẫn phàm ngã.

2. *The right eye*, the eye of buddhi, the eye which is in direct responsive relation to the inner eye. Through this eye the highest activity of the personality can be directed upon the *physical plane*. You have therefore in this connection a triangle of spiritual forces which can be swept into unique activity by the advanced disciple and initiate.

2. *Con mắt phải*, con mắt của Bồ đề, con mắt có mối quan hệ đáp ứng trực tiếp với con mắt bên trong. Qua con mắt này, hoạt động cao nhất của phàm ngã có thể được hướng dẫn trên *cõi hồng trần*. Vì vậy, trong mối liên hệ này, các bạn có một tam giác mãnh lực tinh thần mà đệ tử tiến bộ và điểm đạo đồ có thể khơi dậy thành một hoạt động độc đáo.

[251] It is through this triplicity, for instance, that the trained initiate works when dealing with a group of people or with an individual.

[251] Chẳng hạn, chính qua bộ ba này mà điểm đạo đồ đã qua huấn luyện làm việc khi tiếp xúc với một nhóm người hoặc một cá nhân.

3. *The left eye*, the eye of manas, the distributor of mental energy under correct control—correct as far as personality purposes are concerned. This eye is also a part of a triangle of forces, available for the use of the aspirant and the probationary disciple.

3. *Con mắt trái*, con mắt của manas, cơ quan phân phối năng lượng trí tuệ dưới sự kiểm soát đúng đắn—đúng đắn xét theo các mục đích của phàm ngã. Con mắt này cũng là một phần của một tam giác mãnh lực mà người chí nguyện và đệ tử dự bị có thể sử dụng.

The inner or divine eye is quiescent and relatively inactive, being only the organ of observation where the soul is concerned and it is not yet—in the majority of cases—a distributor of directing soul energy. The disciplined reoriented aspirant, however, integrated and focussed in his purified personality, is using both buddhic and manasic force; he is beginning to be intuitional and predominantly mental. It is when these two triangles are under control and are beginning to function properly that

Con mắt bên trong, hay con mắt thiêng liêng, ở trạng thái tĩnh và tương đối bất hoạt, chỉ là cơ quan quan sát đối với linh hồn, và trong đa số trường hợp chưa phải là cơ quan phân phối năng lượng hướng dẫn của linh hồn. Tuy nhiên, người chí nguyện có kỷ luật và đã tái định hướng, đã tích hợp và tập trung trong phàm ngã được thanh luyện của mình, đang sử dụng cả mãnh lực Bồ đề lẫn mãnh lực manas; y đang bắt đầu có trực giác và thiên về trí tuệ. Khi hai tam giác này nằm dưới sự kiểm soát và bắt đầu hoạt động đúng

the seven centres in the etheric body are brought under clear direction, become the recipients of the established rhythm of the developed human being, and present consequently an instrument to the soul through which appropriate energies can flow and the full organisation and purpose of a functioning son of God can be manifested on Earth.

đắn, bảy trung tâm trong thể dĩ thái mới được đặt dưới sự hướng dẫn rõ ràng, trở thành những nơi tiếp nhận nhịp điệu đã thiết lập của con người phát triển, và do đó cung cấp cho linh hồn một công cụ mà qua đó các năng lượng thích hợp có thể tuôn chảy, và toàn bộ sự tổ chức cùng mục đích của một Con của Thượng đế đang hoạt động có thể biểu hiện trên Trái Đất.

Next comes what we have called the stage of direction. The soul or the integrated personality is in command or—on a higher turn of the spiral—the Monad is in command [252] and the personality is simply then the agent of spirit. Through the two triangles or through both of them working synchronously, the centres up the spine (five in all) are brought under rhythmic control. Energy is directed into them or through them; they are steadily brought into a beauty of organisation which has been described as a "life aflame with God"; it is a life of spiritual application and service wherein the higher triangle is the most potent.

Tiếp theo là điều chúng ta đã gọi là giai đoạn hướng dẫn. Linh hồn hoặc phàm ngã tích hợp nắm quyền chỉ huy, hoặc—trên một vòng xoắn ốc cao hơn—Chân thần nắm quyền chỉ huy [252] và khi ấy phàm ngã chỉ đơn thuần là tác nhân của tinh thần. Qua hai tam giác, hoặc qua cả hai cùng hoạt động đồng bộ, các trung tâm dọc cột sống (tổng cộng là năm) được đặt dưới sự kiểm soát nhịp nhàng. Năng lượng được dẫn vào chúng hoặc qua chúng; chúng dần đạt tới vẻ đẹp của sự tổ chức đã được mô tả là một "đời sống rực cháy với Thượng đế"; đó là một đời sống vận dụng tinh thần và phụng sự, trong đó tam giác cao hơn có sức mạnh lớn nhất.

The following three statements sum up the story of the eventual release of the disciple from the Great Illusion:

Ba phát biểu sau đây tóm lược quá trình đệ tử cuối cùng thoát khỏi Đại Ảo Tưởng:

First: As the soul, working through the higher triangle, becomes the directing agent, illusion is dispelled. The mind becomes illumined.

Thứ nhất: Khi linh hồn, hoạt động qua tam giác cao hơn, trở thành tác nhân hướng dẫn, ảo tưởng được xua tan. Thể trí trở nên sáng tỏ.

Second: As the personality (under the growing influence of the soul) works through the second triangle, glamour is dissipated. The control of the astral nature is broken.

Thứ hai: Khi phàm ngã (dưới ảnh hưởng ngày càng tăng của linh hồn) hoạt động qua tam giác thứ hai, ảo cảm tiêu tan. Sự kiểm soát của bản chất cảm dục bị phá vỡ.

Third: As the disciple, working as the soul and as an integrated personality, assumes

Thứ ba: Khi đệ tử, hoạt động như linh hồn và như một phàm ngã tích hợp, đảm nhận việc

direction of his life expression, maya or the world of etheric energies becomes devitalised, and only those forces and energies are employed which serve the need of the disciple or the initiate as he fulfils divine intent.

hướng dẫn sự biểu hiện đời sống của mình, ảo lực hay thế giới năng lượng dĩ thái mất đi sinh lực, và chỉ những mãnh lực cùng năng lượng đáp ứng nhu cầu của đệ tử hoặc điểm đạo đồ mới được sử dụng khi y thực hiện ý định thiêng liêng.

You will note that this is all embodied and brought about in the sevenfold work described above. This can be summarised as follows:

Các bạn sẽ nhận thấy rằng tất cả điều này đều được thể hiện và thực hiện trong công việc thất phân đã mô tả ở trên. Có thể tóm lược như sau:

1. The disciple discovers the focus of his identification.

1. Đệ tử khám phá trọng tâm đồng hoá của mình.

2. He ascertains the nature of the forces he is in the habit of using and which perpetually seem to swing him into action. [253]

2. Y xác định bản chất của các mãnh lực mà mình có thói quen sử dụng và dường như không ngừng thúc đẩy y hành động. [253]

3. He becomes aware of the strength and frequency of this force expression.

3. Y nhận biết sức mạnh và tần suất của sự biểu hiện mãnh lực này.

All this is carried forward as the mental observer.

Y thực hiện tất cả điều này trong vai trò người quan sát bằng trí tuệ.

4. He becomes conscious of the quality of the forces employed, their ray relation or their astrological significance.

4. Y nhận biết phẩm tính của các mãnh lực được sử dụng, mối liên hệ cung hoặc thâm nghĩa chiêm tinh của chúng.

This is a sentient, feeling activity and is not so basically mental as the previous three stages.

Đây là một hoạt động cảm nhận, cảm xúc, và về căn bản không mang tính trí tuệ như ba giai đoạn trước.

5. He identifies the centres in the etheric body and becomes aware of their individual existence as force agents.

5. Y xác định các trung tâm trong thể dĩ thái và nhận biết sự tồn tại riêng biệt của chúng như những tác nhân mãnh lực.

6. The two “triangles of vision and direction” in the head reach a stage of organisation and become

6. Hai “tam giác của tầm nhìn và hướng dẫn” trong đầu đạt đến một giai đoạn tổ chức và trở thành

a. Active and functioning mechanisms.

a. Những bộ máy tích cực và đang hoạt động.

b. Related and functioning, as one expressive instrument. This is an objective and subjective activity.

b. Có liên hệ và hoạt động như một công cụ biểu hiện duy nhất. Đây là một hoạt động khách quan và chủ quan.

7. The galvanising of the physical body into activity through the medium of the directing agencies in the head and through the centres up the spine.

7. Khơi dậy thể xác hoạt động thông qua các cơ quan hướng dẫn trong đầu và qua các trung tâm dọc cột sống.

The question now arises as to how this is to be brought about. This brings us to our second point.

Giờ đây nảy sinh câu hỏi: Làm thế nào để thực hiện điều này? Điều đó đưa chúng ta đến điểm thứ hai.

b. The use of the Science of the Breath.

b. Sử dụng Khoa Học về Hơi Thở.

There has been a great deal of nonsense talked and taught about the science of the breath. Many groups give a great deal of dangerous instruction anent breathing—dangerous because it is based on book knowledge and its exponents have never practised it extensively themselves, and dangerous because many groups simply exploit the unready, [254] usually for commercial gain. Fortunately for the mass of aspirants, the information and the instruction given are both feeble, inaccurate and frequently innocuous, though there are many cases of significantly bad reaction; fortunately, also, the purpose of the average aspirant is so weak that he is incapable of persistent, daily, unchanging compliance with the requirements and fails to render that application which would be the guarantee of a dubious success; hence, in these cases, no danger exists. Many occult groups exploit the subject in order to build up mystery and to hold out inducements to the unwary, or give their adherents something to do and thus gain kudos for themselves as learned and well trained occultists. Anyone can teach breathing exercises. It is largely a matter of periodic in-

Đã có rất nhiều điều vô nghĩa được nói và giảng dạy về khoa học hơi thở. Nhiều nhóm đưa ra rất nhiều chỉ dẫn nguy hiểm về việc thở—nguy hiểm vì chúng dựa trên kiến thức sách vở, còn những người truyền dạy chưa bao giờ tự thực hành sâu rộng, và nguy hiểm vì nhiều nhóm chỉ đơn thuần lợi dụng những người chưa sẵn sàng, [254] thường vì lợi nhuận thương mại. May mắn cho đông đảo người chí nguyện, cả thông tin lẫn chỉ dẫn được đưa ra đều yếu kém, thiếu chính xác và thường không gây hại, dù có nhiều trường hợp xuất hiện phản ứng xấu đáng kể; cũng may mắn là quyết tâm của người chí nguyện thông thường yếu đến mức y không có khả năng tuân thủ các yêu cầu một cách bền bỉ, hằng ngày và không thay đổi, và không thể thực hành chuyên cần đến mức bảo đảm cho một thành công đáng ngờ; do đó, trong những trường hợp này, không có nguy hiểm. Nhiều nhóm huyền bí khai thác chủ đề này nhằm tạo ra sự bí ẩn và đưa ra những lời dụ dỗ cho người thiếu cảnh giác, hoặc cho những người theo họ một việc gì đó để làm, qua đó đạt được danh tiếng cho mình như những nhà huyền bí học uyên bác và được đào tạo bài bản. Bất cứ ai cũng có thể dạy các bài tập thở. Phần lớn chỉ là việc hít

breathing and exhalation, timed and spaced according to the wish of the teacher. Where there is persistence in effort, results will be achieved and these will usually be undesirable because the average teacher emphasises the technique of the breath and not the ideas which—upon the energy which that breath engenders—should take form in the life of the disciple.

vào và thở ra theo chu kỳ, với thời lượng và khoảng cách theo ý muốn của người dạy. Khi nỗ lực được duy trì bền bỉ, sẽ đạt được kết quả, và những kết quả ấy thường không đáng mong muốn, vì người dạy thông thường nhấn mạnh kỹ thuật thở chứ không nhấn mạnh những ý tưởng vốn phải thành hình trong đời sống của đệ tử nhờ năng lượng mà hơi thở ấy tạo ra.

The entire science of the breath is built around the use of the Sacred Word, the OM. The use of the Word is intended to be confined to those aspirants who are earnestly pledged to tread the Way, but it has been passed on and its use enjoined by many unscrupulous teachers, particularly those swamis who come from India, pose as Holy Men and get the silly women of the occident into their clutches. The Word is then used with no spiritual intent but simply as a sound which, carried on the breath, produces psychic results which indicate to the gullible their deep spirituality. The trouble is that breathing is inevitably related to the OM, but the effects are dependent upon motive and inner fixed intention. The oriental, unless he has attained the fourth or fifth initiation, has no true understanding of the [255] occidental or of his mechanism and equipment which, as the result of a civilisation and a mode of living, differs widely from that of the oriental. In the East, the problem of the teacher or Guru is to take negatively polarised people and make them positive. In the West, the races are as a whole positive in attitude and need no such training as is rightly given to the oriental. What exactly do I mean when I make this statement? I mean that in the East, the will factor (the quality of the first aspect) is absent. The oriental, particularly the inhabitant of India, lacks will, dynamic incentive and the ability to exert that inner pressure upon himself

Toàn bộ khoa học hơi thở được xây dựng quanh việc sử dụng Linh từ Thiêng Liêng, OM. Việc sử dụng Linh từ vốn chỉ dành cho những người chí nguyện đã nghiêm túc cam kết bước trên Đường Đạo, nhưng nhiều người dạy vô lương tâm đã truyền lại và thúc giục người ta sử dụng nó, đặc biệt là những tu sĩ đến từ Ấn Độ, tự xưng là những Bậc Thánh và khiến những phụ nữ phương Tây khờ dại rơi vào tay họ. Khi ấy, Linh từ được sử dụng không với ý định tinh thần nào, mà chỉ như một âm thanh nương theo hơi thở, tạo ra những kết quả thông linh khiến người cả tin xem đó là dấu hiệu cho đời sống tinh thần sâu sắc của mình. Vấn đề là việc thở tất yếu có liên hệ với OM, nhưng các tác động lại phụ thuộc vào động cơ và ý định kiên định bên trong. Trừ khi đã đạt lần điểm đạo thứ tư hoặc thứ năm, người phương Đông không thực sự thấu hiểu [255] người phương Tây, cũng như bộ máy và những phương tiện của họ, vốn khác biệt rất lớn với người phương Đông do nền văn minh và lối sống. Ở phương Đông, vấn đề của huấn sư hay đạo sư là tiếp nhận những người phân cực âm và khiến họ trở nên dương tính. Ở phương Tây, nhìn chung các dân tộc có thái độ dương tính và không cần sự huấn luyện như loại thích hợp dành cho người phương Đông. Chính xác Tôi muốn nói gì khi đưa ra phát biểu này? Tôi muốn nói rằng ở phương Đông, yếu tố ý chí (phẩm tính của phương diện thứ nhất) vắng mặt. Người phương Đông, đặc biệt là người sống ở Ấn Độ, thiếu ý chí, động lực mạnh mẽ và khả năng tạo áp lực nội tâm

which will produce definite results. That is why that particular civilisation is so unadaptable to modern civilisation, and that is why the people of India make so little progress along the lines of regulated municipal and national life, and why they are so behind the times as far as modern civilised living is concerned. Generalising, the occidental is positive and needs the directive force of the soul and can produce it with very little teaching. In the Aryan race, a fusion is today taking place between the will aspect, the mind and the brain. This is not so in the Orient. It will be so later.

lên chính mình để đạt những kết quả rõ rệt. Đó là lý do nền văn minh ấy khó thích nghi đến vậy với nền văn minh hiện đại, và là lý do người dân Ấn Độ tiến bộ rất ít trong đời sống đô thị và quốc gia được tổ chức có trật tự, cũng như quá lạc hậu xét về lối sống văn minh hiện đại. Nói khái quát, người phương Tây có tính dương và cần mãnh lực hướng dẫn của linh hồn, và có thể tạo ra mãnh lực ấy chỉ với rất ít sự chỉ dạy. Ngày nay, trong nhân loại Arya đang diễn ra một sự dung hợp giữa phương diện ý chí, thể trí và bộ não. Ở phương Đông thì chưa như vậy. Sau này sẽ như vậy.

The only factor which makes the breath effective is the thought, the intent and the purpose which lie behind it. In this statement, you have the clue to dynamic useful breathing exercises. Unless there is a clear appreciation of purpose, unless the disciple knows just what he is doing as he practises esoteric breathing, and unless the significance of the words "energy follows thought" is understood, breathing exercises are sheer waste of time and can be dangerous. From this it can be gathered that only when there is an alliance between breathing and thinking will results be possible.

Yếu tố duy nhất khiến hơi thở có hiệu quả là tư tưởng, ý định và mục đích nằm sau nó. Trong phát biểu này, các bạn có chìa khoá cho những bài tập thở mạnh mẽ và hữu ích. Nếu không có sự nhận thức rõ ràng về mục đích, nếu đệ tử không biết chính xác mình đang làm gì khi thực hành thở theo huyền bí học, và nếu không thấu hiểu thâm nghĩa của câu "năng lượng đi theo tư tưởng", thì các bài tập thở hoàn toàn là sự lãng phí thời gian và có thể nguy hiểm. Từ đây, có thể thấy rằng chỉ khi có sự kết hợp giữa việc thở và suy nghĩ thì mới có thể đạt kết quả.

Behind this lies a third and even more important factor—the WILL. Therefore, the only person who can safely [256] and usefully practise breathing exercises is the man whose will is active—his spiritual will and, therefore, the will of the Spiritual Triad. Any disciple who is in process of building the antahkarana can begin to use, with care, directed breathing exercises. But, in the last analysis, it is only the initiates of the third degree and who are coming under monadic influence who can properly and successfully employ this form of life direction and reach

Đằng sau điều này có một yếu tố thứ ba còn quan trọng hơn—Ý CHÍ. Vì vậy, người duy nhất có thể thực hành các bài tập thở một cách an toàn [256] và hữu ích là người có ý chí đang hoạt động—ý chí tinh thần của y, và do đó là ý chí của Tam Nguyên Tinh Thần. Bất cứ đệ tử nào đang trong quá trình xây dựng antahkarana đều có thể bắt đầu sử dụng một cách thận trọng các bài tập thở có định hướng. Nhưng xét cho cùng, chỉ những điểm đạo đồ bậc ba đang chịu ảnh hưởng của chân thần mới có thể sử dụng đúng đắn và thành công hình thức hướng dẫn đời sống

effective results. This is fundamentally true. However, a beginning has to be made and to this effort all true disciples are invited.

này và đạt những kết quả hữu hiệu. Về căn bản, điều này là đúng. Tuy nhiên, phải có một sự khởi đầu, và mọi đệ tử chân chính đều được mời tham gia nỗ lực này.

If all the implications in the above paragraph are considered, it will be apparent that the disciple has to establish—as a preliminary step—a direct relation between his brain, his mind and the will aspect of the Spiritual Triad; in other words, the negative receptor of thought (the brain), the agent of the will (the mind), and the Triad itself, have to be brought into contact with each other, via the antahkarana. When such a relation exists or is beginning to be established, then breathing exercises can safely and profitably be attempted. You see, my brother, only the directed will, using the organised rhythmic breath as its agent, can control the centres and produce an ordered purpose in life. Therefore, it is the dominating idea or line of mental activity with which the disciple must be concerned as he performs a breathing exercise. This idea must embody some purpose, some planned activity and some recognised goal before the breath which will engineer or implement it is generated, assembled, sent forth and thus becomes the carrier of power. This has to be done upon the wings of conscious intention, if I may here speak symbolically. I would urge you to read these last sentences with frequency because they concern the Science of the Breath and hold the clue to needed work. This science is primarily and fundamentally concerned with ideas as formulated into clear thoughtforms [257] and thus condition the life of the disciple upon etheric levels. From there, they eventually condition his physical plane life.

Nếu xem xét mọi hàm ý trong đoạn trên, sẽ thấy rõ rằng đệ tử phải thiết lập—như một bước sơ bộ—mối quan hệ trực tiếp giữa bộ não, thể trí và phương diện ý chí của Tam Nguyên Tinh Thần; nói cách khác, cơ quan tiếp nhận tư tưởng mang tính âm (bộ não), tác nhân của ý chí (thể trí), và chính Tam Nguyên Tinh Thần phải tiếp xúc với nhau qua antahkarana. Khi một mối quan hệ như thế tồn tại hoặc bắt đầu được thiết lập, có thể thử thực hành các bài tập thở một cách an toàn và có lợi. Huynh đệ của tôi, các bạn thấy rằng chỉ ý chí có định hướng, sử dụng hơi thở nhịp nhàng đã được tổ chức làm tác nhân, mới có thể kiểm soát các trung tâm và tạo ra một mục đích có trật tự trong đời sống. Vì vậy, chính ý tưởng chủ đạo hoặc dòng hoạt động trí tuệ mới là điều đệ tử phải quan tâm khi thực hiện một bài tập thở. Ý tưởng này phải thể hiện một mục đích, một hoạt động đã hoạch định và một mục tiêu đã nhận biết, trước khi hơi thở sẽ tổ chức hoặc thực hiện nó được tạo ra, tập hợp, phát ra và nhờ đó trở thành phương tiện chuyên chở quyền năng. Điều này phải được thực hiện trên đôi cánh của ý định có ý thức, nếu ở đây Tôi có thể nói theo nghĩa biểu tượng. Tôi muốn thúc giục các bạn thường xuyên đọc lại những câu cuối này, vì chúng liên quan đến Khoa Học về Hơi Thở và chứa chìa khoá cho công việc cần thiết. Trước hết và về căn bản, khoa học này liên quan đến những ý tưởng được định hình thành các hình tư tưởng rõ ràng [257] và qua đó định hình đời sống của đệ tử trên các cấp độ dĩ thái. Từ đó, cuối cùng chúng định hình đời sống của y trên cõi hồng trần.

I have no intention here of giving any breathing exercises which disciples or aspirants could use—or, more probably, misuse. Their first responsibility is to become aware of the impulses within themselves which could galvanise the centres into activity and so produce conditions and events upon the physical plane. When these are clear and firmly established in the mind consciousness of the disciple, nothing can then stop their emergence in due time into the light of day. But they must follow an ordered process of gestation and of timed appearance.

Ở đây, Tôi không có ý định đưa ra bất cứ bài tập thở nào mà các đệ tử hoặc người chí nguyện có thể sử dụng—hoặc, nhiều khả năng hơn, sử dụng sai. Trách nhiệm đầu tiên của họ là nhận biết những xung lực bên trong mình có thể khơi dậy các trung tâm hoạt động và nhờ đó tạo ra những điều kiện cùng sự kiện trên cõi hồng trần. Khi những xung lực này trở nên rõ ràng và được thiết lập vững chắc trong tâm thức trí tuệ của đệ tử, không gì có thể ngăn chúng xuất hiện dưới ánh sáng ban ngày vào đúng thời điểm. Nhưng chúng phải tuân theo một tiến trình thai nghén có trật tự và xuất hiện đúng thời điểm.

When there is true idealism, right thought, plus an understanding of the vehicle of expression and the world of forces into which the idea has to be launched, then the student can safely follow certain scheduled breathing exercises and the second phase or the result of sound rhythmic breathing will appear. *This is Inspiration.*

Khi có lý tưởng chân chính, tư tưởng đúng đắn, cùng sự thấu hiểu hiện thể biểu hiện và thế giới mãnh lực mà ý tưởng phải được phóng vào, đạo sinh có thể an toàn thực hiện một số bài tập thở theo lịch trình, và giai đoạn thứ hai, hay kết quả của việc thở nhịp nhàng đúng đắn, sẽ xuất hiện. *Đó là Cảm Hứng.*

Breathing exercises, my brother, have a purely physiological effect when not impelled or motivated by directed thought and when they are not the result of the aspirant attaining and adhering to a point of tension. Steadily, whilst the process of inhalation and exhalation is being carried forward, a clear line of active thinking must be preserved so that the breath (as it is sent out) is qualified and conditioned by some idea. It is here that the average aspirant fails so often. He is usually so intensely preoccupied with the process of directing breathing and so expectant of some phenomenal results, that the living purpose of the breath is forgotten; this is to energise and add quality to the life of the centres through the medium of some projected and presented thought, expressing some sensed

Huynh đệ của tôi, các bài tập thở chỉ có tác động thuần tuý sinh lý khi không được tư tưởng có định hướng thúc đẩy hoặc tạo động lực, và khi chúng không phải là kết quả của việc người chí nguyện đạt tới và duy trì một điểm tập trung nhất tâm. Trong suốt quá trình hít vào và thở ra, phải liên tục duy trì một dòng suy nghĩ chủ động rõ ràng để hơi thở (khi được phát ra) mang phẩm tính và chịu sự định hình của một ý tưởng nào đó. Chính ở đây người chí nguyện thông thường rất hay thất bại. Y thường quá mải mê với quá trình hướng dẫn hơi thở và quá mong đợi những kết quả hiện tượng nào đó, đến mức quên mất mục đích sống động của hơi thở; mục đích ấy là tiếp năng lượng và bổ sung phẩm tính cho sự sống của các trung tâm thông qua một tư tưởng được phóng chiếu và đưa ra, biểu hiện một ý tưởng đã

and determined idea. Where this background of idealistic thought is lacking, then the results of the breath will be practically nil or—[258] where there are results of any kind under these circumstances—they will be in no way concerned with thought but will be psychic in nature. They can then produce lasting psychic trouble, for the emanating source of the activity is astral and the projected energy goes to centres below the diaphragm, thus feeding the lower nature, enriching and strengthening its astral content and thereby enhancing and deepening glamour. The results can also be physiological, producing the stimulation of the etheric body leading to the strengthening of the physical nature; this often leads to serious results, for the breath is carried to centres which should be in "process of elevation" as it is esoterically called; this increases their physical potency, feeds the physical appetites and makes the task of the aspirant much harder as he seeks to sublimate the lower nature and anchor or focus the life of the centres above the diaphragm or in the head.

cảm nhận và xác định. Khi thiếu nền tảng tư tưởng lý tưởng này, kết quả của hơi thở thực tế sẽ bằng không, hoặc—[258] nếu có bất cứ kết quả nào trong những hoàn cảnh ấy—chúng sẽ không liên quan đến tư tưởng mà mang bản chất thông linh. Khi ấy, chúng có thể gây ra những rối loạn thông linh kéo dài, vì nguồn phát ra hoạt động thuộc về cảm dục, và năng lượng được phóng chiếu đi đến các trung tâm dưới cơ hoành, qua đó nuôi dưỡng bản chất thấp, làm phong phú và tăng cường nội dung cảm dục của nó, và do đó làm gia tăng và sâu đậm thêm ảo cảm. Kết quả cũng có thể mang tính sinh lý, tạo ra sự kích thích thể dĩ thái dẫn đến việc tăng cường bản chất hồng trần; điều này thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, vì hơi thở được dẫn đến các trung tâm lẽ ra phải ở trong "tiến trình nâng cao", như cách gọi trong huyền bí học; điều này làm tăng sức mạnh hồng trần của chúng, nuôi dưỡng các dục vọng thể xác và khiến nhiệm vụ của người chí nguyện khó khăn hơn nhiều khi y tìm cách thăng hoa bản chất thấp và neo giữ hoặc tập trung sự sống của các trung tâm ở phía trên cơ hoành hoặc trong đầu.

Glamour and maya are then increased and for the life in which these exercises are misapplied, the aspirant remains in a static and unprofitable condition. As he breathes in or inhales, he draws the breath from within his own aura, his auric ring-pass-not; he feeds the lower nature and sets up a vicious circle within himself which strengthens day by day until he is completely enmeshed by the glamour and maya which he is constantly establishing and re-establishing. The lower centres are steadily vitalised and become extremely active and the point of tension from which the aspirant then works is found in the personality and is not focussed in relation to the soul; the consciousness of the uniqueness of special breathing and the

Khi ấy, ảo cảm và ảo lực gia tăng, và trong kiếp sống mà những bài tập này bị áp dụng sai, người chí nguyện vẫn ở trong một tình trạng trì trệ và không mang lại lợi ích. Khi hít vào, y hút hơi thở từ bên trong hào quang của chính mình, vòng-giới-hạn hào quang của y; y nuôi dưỡng bản chất thấp và tạo ra bên trong mình một vòng luẩn quẩn ngày càng mạnh lên, cho đến khi hoàn toàn mắc vào lưới ảo cảm và ảo lực mà y không ngừng thiết lập rồi tái thiết lập. Các trung tâm thấp liên tục được tiếp sinh lực và trở nên cực kỳ hoạt động, còn điểm tập trung nhất tâm mà từ đó người chí nguyện làm việc lúc này nằm trong phàm ngã, không tập trung trong mối liên hệ với linh hồn; tâm thức về tính độc đáo của cách thở đặc biệt và sự mong đợi các kết quả hiện tượng ngăn chặn mọi tư tưởng,

expectancy of phenomenal results bar out all thought, except lower reactions of a kama-manasic nature; emotion is fostered and the power of the astral body is tremendously increased; very frequently also the physiological results are potent and [259] noticeable, such as a great chest development and the muscular strengthening of the diaphragm. Something of this can be seen in the case of operatic singers. Singing, as now taught, is an expression of some of the lower aspects of the breath, and the breathing in the case of the above vocalists produces much breast development, intensifying emotionalism, producing instability in the life expression (which is often referred to as temperament) and keeps the singing aspect entirely astral in nature.

ngoại trừ những phản ứng thấp mang bản chất trí-cảm; cảm xúc được nuôi dưỡng và quyền năng của thể cảm dục gia tăng vô cùng mạnh mẽ; rất thường xuyên, các kết quả sinh lý cũng mạnh mẽ và [259] rõ rệt, chẳng hạn như lồng ngực phát triển lớn và các cơ của cơ hoành được tăng cường. Có thể thấy phần nào điều này ở các ca sĩ nhạc kịch. Cách dạy hát hiện nay là một biểu hiện của một số phương diện thấp của hơi thở, và cách thở của những ca sĩ nói trên làm vùng ngực phát triển nhiều, tăng cường tính thiên về cảm xúc, tạo ra sự bất ổn trong biểu hiện đời sống (thường được gọi là tính khí), và khiến phương diện ca hát vẫn hoàn toàn mang bản chất cảm dục.

There is a higher and better mode of song, actuated by a difference in the point of tension and involving a breathing process which draws the needed energy upon the breath from sources higher and far more extensive than those normally used; this will produce the inspiration which will involve the whole man and not simply his emotional reaction to the theme of his song and his audience. This will bring into being a new mode and type of singing and of breathing, based on a form of mental breathing which will carry energy and consequent inspiration from sources without the personality aura. The time for this is not yet. My words will be little understood today, but the singing in the next century will be by those who will know how to tap the reservoirs of inspiration by means of a new method and technique in breathing. These techniques and exercises will be taught, to start with, in the new and coming schools of esotericism.

Có một cách ca hát cao hơn và tốt hơn, được thúc đẩy do sự khác biệt ở điểm tập trung nhất tâm và bao hàm một tiến trình hô hấp thu hút năng lượng cần thiết theo hơi thở từ những nguồn cao hơn và rộng lớn hơn nhiều so với những nguồn thường dùng; điều này sẽ tạo ra cảm hứng bao trùm toàn bộ con người, chứ không chỉ phản ứng cảm xúc của y đối với chủ đề bài hát và thính giả. Điều này sẽ khai sinh một cách thức và loại hình ca hát và hô hấp mới, dựa trên một hình thức hô hấp trí tuệ mang năng lượng cùng cảm hứng phát sinh từ đó đến từ những nguồn bên ngoài hào quang phàm ngã. Thời điểm cho điều này vẫn chưa đến. Lời Tôi sẽ ít được thấu hiểu ngày nay, nhưng trong thế kỷ tới, những người ca hát sẽ biết cách khai thác các kho cảm hứng bằng một phương pháp và kỹ thuật hô hấp mới. Ban đầu, những kỹ thuật và bài tập này sẽ được giảng dạy trong các trường huyền bí học mới sắp xuất hiện.

Inspiration is a process of qualifying, vitalising and stimulating the reaction of the personality—via the centres—to that point of tension where soul control becomes present and apparent. It is the mode whereby energy from the soul can flood the personality life, can sweep through the centres, expelling that which hinders, ridding the aspirant of all remaining glamours and maya, and perfecting an instrument whereby the music of the soul and, later, the musical quality of the Hierarchy can be heard. Forget not [260] that sound permeates all forms; the planet itself has its own note or sound; each minute atom also has its sound; each form can be evoked into music and each human being has his peculiar chord and all chords contribute to the great symphony which the Hierarchy and Humanity are playing, and playing now. Every spiritual group has its own tune (if I may employ so inappropriate a word) and the groups which are in process of collaborating with the Hierarchy make music ceaselessly. This rhythm of sound and this myriad of chords and notes blend with the music of the Hierarchy itself and this is a steadily enriching symphony; as the centuries slip away, all these sounds slowly unite and are resolved into each other until some day the planetary symphony which Sanat Kumara is composing will be completed and our Earth will then make a notable contribution to the great chords of the solar system—and this is a part, intrinsic and real, of the music of the spheres. Then, as the Bible says, the Sons of God, the planetary Logoi, will sing together. This, my brother, will be the result of right breathing, of controlled and organised rhythm, of true pure thought and of the correct relation between all parts of the chorus.

Cảm hứng là một tiến trình phú phẩm tính, tiếp sinh lực và kích thích sự đáp ứng của phàm ngã—qua các trung tâm—đối với điểm tập trung nhất tâm nơi sự kiểm soát của linh hồn hiện diện và trở nên rõ rệt. Đó là cách thức để năng lượng từ linh hồn tràn ngập đời sống phàm ngã, quét qua các trung tâm, trục xuất những gì gây cản trở, giải thoát người chí nguyện khỏi mọi ảo cảm và ảo lực còn sót lại, và hoàn thiện một khí cụ để qua đó có thể nghe được âm nhạc của linh hồn và, về sau, phẩm tính âm nhạc của Thánh đoàn. Đừng quên [260] rằng âm thanh thấm nhuần mọi hình tướng; chính hành tinh có âm điệu hay âm thanh riêng; mỗi nguyên tử nhỏ bé cũng có âm thanh riêng; mỗi hình tướng đều có thể được gợi lên thành âm nhạc, và mỗi con người có hợp âm đặc thù của mình; mọi hợp âm đều góp phần vào bản giao hưởng vĩ đại mà Thánh đoàn và Nhân loại đang cùng trình tấu, ngay lúc này. Mỗi nhóm tinh thần có giai điệu riêng (nếu Tôi có thể dùng một từ không thích hợp đến thế), và các nhóm đang trong tiến trình cộng tác với Thánh đoàn không ngừng tạo nên âm nhạc. Nhịp điệu âm thanh này cùng vô vàn hợp âm và âm điệu hòa vào âm nhạc của chính Thánh đoàn, tạo thành một bản giao hưởng ngày càng phong phú; qua bao thế kỷ, tất cả những âm thanh này từ từ hợp nhất và hòa quyện vào nhau, cho đến một ngày bản giao hưởng hành tinh mà Sanat Kumara đang sáng tác sẽ hoàn tất; khi ấy Trái Đất của chúng ta sẽ đóng góp đáng kể vào những hợp âm vĩ đại của hệ mặt trời—và đây là một phần nội tại, có thực, của âm nhạc các khối cầu. Khi ấy, như Kinh Thánh nói, các Con của Thượng đế, các Hành Tinh Thượng đế, sẽ cùng ca hát. Huynh đệ của tôi, đây sẽ là kết quả của việc hô hấp đúng đắn, của nhịp điệu được kiểm soát và tổ chức, của tư tưởng chân thực, thanh khiết, và của mối quan hệ đúng đắn giữa mọi thành phần trong dàn hợp xướng.

Think out this theme as a meditation exercise and gain inspiration thereby.

Hãy suy xét thấu đáo chủ đề này như một bài tập tham thiền và qua đó đón nhận cảm hứng.

c. The Technique of Indifference

c. Kỹ Thuật Điềm Nhiên

I have, in my other books, given much information anent the etheric body and the centres—major and minor—which are to be found within its radius. There is a tendency among students to identify the centres with the physical body in their thinking and not so clearly with the etheric body. This concerns location in the majority of cases and is a mistake. Aspirants would do well to avoid any concentration at all [261] upon the physical body and learn gradually to shift their focus of attention into the etheric body. Necessarily the physical body is active and potent but increasingly it should be regarded as an automaton, influenced and directed by:

Trong những cuốn sách khác của Tôi, Tôi đã cung cấp nhiều thông tin về thể dĩ thái và các trung tâm—chính và phụ—nằm trong phạm vi của thể này. Trong suy nghĩ, các đạo sinh có khuynh hướng đồng nhất các trung tâm với thể xác hơn là nhận rõ mối liên hệ của chúng với thể dĩ thái. Trong đa số trường hợp, điều này liên quan đến vị trí và là một sai lầm. Người chí nguyện nên tránh mọi sự tập trung [261] vào thể xác và dần học cách chuyển trọng tâm chú ý sang thể dĩ thái. Tất nhiên, thể xác hoạt động và có sức mạnh, nhưng ngày càng nên xem nó như một bộ máy tự động, chịu ảnh hưởng và sự điều khiển của:

1. The vital body and the forces of maya; or by inspiration, emanating from points of spiritual tension.

1. Thể sinh lực và các mãnh lực ảo lực; hoặc cảm hứng phát xạ từ những điểm tập trung nhất tâm tinh thần.

2. The astral vehicle and the forces of glamour; or sentient, conscious love, emanating from the soul.

2. Hiện thể cảm dục và các mãnh lực ảo cảm; hoặc tình thương có cảm nhận và có ý thức, phát xạ từ linh hồn.

3. The mind and the forces of illusion; or by illumination, coming from higher sources than the life in the three worlds.

3. Thể trí và các mãnh lực ảo tưởng; hoặc sự soi sáng đến từ những nguồn cao hơn đời sống trong ba cõi giới.

4. The soul, as the vehicle of monadic impression, until such time as the antahkarana is built—that bridge in mental matter which will eventually link the Monad and the personality.

4. Linh hồn, với tư cách là hiện thể tiếp nhận ấn tượng chân thần, cho đến khi antahkarana được xây dựng—cây cầu bằng vật chất trí tuệ ấy cuối cùng sẽ nối liền Chân thần và phàm ngã.

One of the problems which disciples have to solve is the source of the incentive, impulses, impressions or inspiration which—via the etheric body—sweep the physical vehicle into activity upon the physical plane, thus giving a demonstration of the quality, purpose and point of tension of the incarnating man, and manifesting the nature of the man as he is at any particular point upon the ladder of evolution. According to the tensions and impulses indicated, will be the activity of the centres. You can see, therefore, how much that I teach reverses the usual occult procedures. I teach no mode of awakening the centres because right impulse, steady reaction to higher impulsions and the practical recognition of the sources of inspiration will automatically and safely swing the centres into needed and appropriate activity. This is the sound method of development. It is slower, but leads to no premature development and produces a rounded out unfoldment; it enables the aspirant to [262] become truly the Observer and to know with surety what he is doing; it brings the centres, one by one, to a point of spiritual responsiveness and then establishes the ordered and cyclic rhythm of a controlled lower nature. That breathing exercises may eventually find a place in the training of the disciple is true and possible, but they will be self-initiated as a result of rhythmic living and a constant right use of the Sacred Word, the OM. When, for instance, a disciple in meditation sounds the OM seven times, it is the equivalent of a breathing exercise; when he can send the energy thus generated on the wings of conscious planned thought to one or other of the centres, he is bringing about changes and readjustments within the mechanism which handles force, and when this can be carried out with ease and with the mind held at a point of “thought-full

Một trong những vấn đề đệ tử phải giải quyết là xác định nguồn của động lực, xung lực, ấn tượng hoặc cảm hứng vốn—qua thể dĩ thái—thúc đẩy hiện thể hồng trần hoạt động trên cõi hồng trần, qua đó biểu lộ phẩm tính, mục đích và điểm tập trung nhất tâm của con người đang nhập thể, đồng thời biểu hiện bản chất của y tại bất kỳ bậc cụ thể nào trên thang tiến hoá. Hoạt động của các trung tâm sẽ tùy thuộc vào những mức độ tập trung nhất tâm và xung lực đã nêu. Vì vậy, các bạn có thể thấy những điều Tôi giảng dạy đảo ngược các cách thực hành huyền bí thông thường đến mức nào. Tôi không dạy phương thức đánh thức các trung tâm, vì xung lực đúng đắn, sự đáp ứng bền bỉ với những thúc đẩy cao hơn và việc nhận biết các nguồn cảm hứng trong thực hành sẽ tự động và an toàn đưa các trung tâm vào hoạt động cần thiết và thích hợp. Đây là phương pháp phát triển vững chắc. Nó chậm hơn, nhưng không dẫn đến sự phát triển sớm trước thời điểm và tạo nên sự khai mở toàn diện; nó giúp người chí nguyện [262] thực sự trở thành Người Quan Sát và biết chắc mình đang làm gì; nó lần lượt đưa từng trung tâm đến một điểm đáp ứng tinh thần, rồi thiết lập nhịp điệu có trật tự và theo chu kỳ của bản chất thấp đã được kiểm soát. Việc các bài tập hô hấp cuối cùng có thể có chỗ đứng trong sự huấn luyện đệ tử là điều đúng đắn và khả thi, nhưng y sẽ tự khởi xướng chúng như kết quả của lối sống có nhịp điệu và việc thường xuyên sử dụng đúng Linh từ Thiêng Liêng, OM. Chẳng hạn, khi một đệ tử xướng OM bảy lần trong lúc tham thiền, điều đó tương đương với một bài tập hô hấp; khi y có thể gửi năng lượng được tạo ra như vậy, trên đôi cánh của tư tưởng có ý thức và được hoạch định, đến trung tâm này hay trung tâm khác, y đang tạo nên những biến đổi và điều chỉnh bên trong bộ máy xử lý mãnh lực; và khi y có thể thực hiện điều này dễ dàng, với thể trí được giữ tại một điểm “tập trung

tension," then the disciple is well on the way to shifting his entire focus of attention away from the world of illusion, glamour and maya and into the realm of the soul, in the world of the "clear cold light" and into the kingdom of God.

nhất tâm đầy tư tưởng", thì đệ tử đã tiến xa trên con đường chuyển toàn bộ trọng tâm chú ý của mình ra khỏi thế giới ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực, để đi vào cảnh giới linh hồn, vào thế giới của "ánh sáng trong trẻo, lạnh" và vào Thiên Giới.

When he also adds to this an understanding and the practice of the Technique of Indifference, he stands free and liberated and is essentially at all times the Observer and User of the apparatus of manifestation.

Khi y bổ sung vào đó sự thấu hiểu và thực hành Kỹ Thuật Điềm Nhiên, y đứng trong tự do và giải thoát, và về bản chất, lúc nào cũng là Người Quan Sát và Người Sử Dụng bộ máy biểu hiện.

What is this technique? What is indifference? I wonder, brother of mine, if you understand the significance of this word "indifference"? It means in reality the achieving of a neutral attitude towards that which is regarded as the Not-self; it involves a repudiation of similarity; it marks the recognition of a basic distinction; it signifies refusal to be identified with anything save the spiritual reality as far as that is sensed and known at any given point in time and space. It is, therefore, a much stronger and vital thing than what is usually meant when the word is used. It is active repudiation without any concentration upon that which is [263] repudiated. That is a statement of moment and warrants your careful consideration. It is concerned with the point of tension from which the observing disciple or aspirant is working. The point of tension becomes the emanating source of some type of energy, and this pours down into and through the etheric body without being in any way affected by maya or by the concentration of diverse forces of which the etheric body is ever composed. Indifference, technically understood, signifies direct descent from there to here, without deviation or distortion. The manifesting entity, the disciple, stands steady and firm at this point of tension and his first step is,

Kỹ thuật này là gì? Điềm nhiên là gì? Huynh đệ của tôi, Tôi tự hỏi liệu các bạn có thấu hiểu thâm nghĩa của từ "điềm nhiên" này không? Thực ra, nó có nghĩa là đạt được một thái độ trung lập đối với những gì được xem là Phi ngã; nó bao hàm sự phủ nhận tính tương đồng; nó đánh dấu việc nhận biết một sự khác biệt căn bản; nó có nghĩa là từ chối đồng hoá với bất cứ điều gì ngoài thực tại tinh thần, trong phạm vi thực tại ấy được cảm nhận và nhận biết tại bất kỳ điểm nào trong thời gian và không gian. Vì vậy, nó mạnh mẽ và đầy sức sống hơn nhiều so với ý nghĩa thông thường người ta gán cho từ này. Đó là sự khước từ tích cực mà không hề tập trung vào những gì [263] bị khước từ. Đây là một phát biểu quan trọng, đáng để các bạn suy xét cẩn thận. Nó liên quan đến điểm tập trung nhất tâm mà từ đó người đệ tử hay người chí nguyện đang quan sát tiến hành công việc. Điểm tập trung nhất tâm trở thành nguồn phát xạ một loại năng lượng nào đó; năng lượng này tuôn xuống, đi vào và xuyên qua thể dĩ thái mà không chịu bất kỳ ảnh hưởng nào của ảo lực hay của sự tập trung nhiều mãnh lực khác nhau vốn luôn cấu thành thể dĩ thái. Hiểu theo nghĩa kỹ thuật, điềm nhiên có nghĩa là đi xuống trực tiếp từ đó đến đây, không chệch hướng hay biến dạng. Thực Thể đang biểu hiện, tức người đệ tử, đứng vững vàng và kiên định tại

therefore, to ascertain where that is, on what plane it is found, and what is the strength of the tension upon which he has to depend. The next step is to discover if that which he seeks to convey to the physical body, and thus produce effects upon the outer world of experiment and experience, is distorted by illusion of any kind, arrested in its expression by glamour, or liable to be sidetracked by uncontrolled forces and by the maya which these produce. This he ascertains not by identifying himself, stage by stage of descent, with the hindrances and possible obstructions but by intensifying his point of tension, by the constant recollection of the truth that he is the Self and not the not-self and by a process of projection; this projection is defined as sending of energy, qualified and recognised, from the point of tension direct and undeviatingly to the vital body from whence it can find its way to the seven centres of control.

điểm tập trung nhất tâm này; vì vậy, bước đầu tiên của y là xác định điểm ấy ở đâu, nằm trên cõi nào, và mức độ tập trung nhất tâm mà y phải dựa vào mạnh đến đâu. Bước tiếp theo là khám phá xem điều y tìm cách truyền đến thể xác, và qua đó tạo tác động lên thế giới thử nghiệm và trải nghiệm bên ngoài, có bị bất kỳ loại ảo tưởng nào làm biến dạng, bị ảo cảm ngăn chặn sự biểu lộ, hay có nguy cơ bị làm chệch hướng do những mãnh lực không được kiểm soát và do ảo lực mà chúng tạo ra hay không. Y xác định điều này không phải bằng cách đồng hoá mình, qua từng giai đoạn đi xuống, với những trở ngại và chướng ngại có thể có, mà bằng cách tăng cường điểm tập trung nhất tâm, bằng việc luôn ghi nhớ chân lý rằng y là Bản Ngã chứ không phải Phi ngã, và bằng một tiến trình phóng chiếu; sự phóng chiếu này được định nghĩa là gửi năng lượng đã được phú phẩm tính và nhận biết, từ điểm tập trung nhất tâm trực tiếp và không chệch hướng đến thể sinh lực, để từ đó năng lượng có thể tìm đường đến bảy trung tâm kiểm soát.

It is at this point that he applies the technique of indifference for, if he does not, that which he is seeking to express may be held up and arrested by etheric force or by the veils of maya. He works consequently from a point of intense concentration; he refuses any "attachment" to any form or plane as he projects the energy into and [264] through the three worlds. When he discovers any arresting or sidetracking of progress through active illusion, or glamour, he "detaches" himself consciously from such contacts and braces himself for the final stage of indifference or repudiation of all forces except those which he—consciously and with purpose—is seeking to use upon the physical plane.

Chính tại điểm này, y áp dụng kỹ thuật điềm nhiên, vì nếu không, điều y tìm cách biểu lộ có thể bị mãnh lực dĩ thái hoặc những màn che ảo lực giữ lại và ngăn chặn. Y do đó làm việc từ một điểm tập trung cao độ; y từ chối mọi sự "gắn bó" với bất kỳ hình tướng hay cõi nào khi phóng chiếu năng lượng vào và [264] xuyên qua ba cõi giới. Khi phát hiện bất kỳ sự ngăn chặn hay làm chệch hướng tiến trình nào do ảo tưởng hoặc ảo cảm đang hoạt động, y có ý thức "tách rời" mình khỏi những tiếp xúc ấy và chuẩn bị vững vàng cho giai đoạn cuối cùng của sự điềm nhiên, hay sự khước từ mọi mãnh lực ngoại trừ những mãnh lực mà y—một cách có ý thức và có mục đích—đang tìm cách sử dụng trên cõi hồng trần.

In the last analysis, my brother, the point of tension for the average disciple will be found on mental levels, involving the illumined mind and a growing soul contact:

Xét đến cùng, huynh đệ của tôi, điểm tập trung nhất tâm của người đệ tử trung bình sẽ nằm trên các cấp độ trí tuệ, bao hàm thể trí được soi sáng và sự tiếp xúc ngày càng sâu sắc với linh hồn:

a. He will be able then to "see" clearly in the light of the soul, and with a developed sense of values; he can consequently dispel illusion.

a. Khi ấy, y sẽ có thể "thấy" rõ trong ánh sáng linh hồn, với một ý thức về giá trị đã phát triển; do đó, y có thể xua tan ảo tưởng.

b. He will be able to project light, consciously, on to the astral plane and can thus dissipate glamour.

b. Y sẽ có thể phóng chiếu ánh sáng một cách có ý thức lên cõi cảm dục và nhờ đó làm tiêu tan ảo cảm.

c. He will be able to pour light energy through the etheric body and anchor the light or energy in the appropriate centres because there will be complete indifference or non-identification with maya.

c. Y sẽ có thể tuôn năng lượng ánh sáng qua thể dĩ thái và neo giữ ánh sáng hay năng lượng ấy trong các trung tâm thích hợp, vì sẽ có sự điềm nhiên hoàn toàn, hay sự không đồng hoá với ảo lực.

Where the initiate is concerned, the process is carried on at first from a point of tension within the soul and later from a point of tension in the Spiritual Triad. In all cases, however, once within the ring-pass-not of the three worlds, the directing energy produces results as outlined in this book and brings about:

Đối với điểm đạo đồ, ban đầu tiến trình này được thực hiện từ một điểm tập trung nhất tâm trong linh hồn, và về sau từ một điểm tập trung nhất tâm trong Tam Nguyên Tinh Thần. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, một khi đã đi vào vòng-giới-hạn của ba cõi giới, năng lượng chỉ đạo tạo ra những kết quả như đã trình bày trong cuốn sách này và đem lại:

1. The dispelling of illusion.

1. Sự xua tan ảo tưởng.

2. The dissipation of glamour.

2. Sự làm tiêu tan ảo cảm.

3. The overcoming of maya.

3. Sự khắc phục ảo lực.

It sounds fairly simple and easy of accomplishment as the aspirant reads these fairly simple elucidations of a difficult [265] process but that in itself is delusion. Age-long identification with the form side of life is not easily overcome and the task ahead of

Khi người chí nguyện đọc những giải thích khá đơn giản này về một tiến trình khó khăn [265] , mọi việc nghe có vẻ khá đơn giản và dễ thực hiện, nhưng chính điều đó lại là một nhận định sai lầm. Sự đồng hoá qua bao thời đại với phương diện hình tướng của sự sống

the disciple is a long and arduous one but one which promises eventual success, provided there is clear thinking, earnest purpose and planned scientific work.

không dễ khắc phục; nhiệm vụ trước mắt đệ tử là một nhiệm vụ lâu dài và gian nan, nhưng hứa hẹn thành công cuối cùng, miễn là có tư duy rõ ràng, mục đích nghiêm túc và công việc khoa học được hoạch định.

SECTION FOUR: THE TECHNIQUE OF FUSION – PHẦN BỐN: KỸ THUẬT DUNG HỢP

[266] In this, our final point, we are concerned with the control—constant and unremitting—of the soul over the personality. We are therefore concerned with the stage of initiation which brings to an end the path of development for humanity and inaugurates a cycle of existence of which we know, and can know, nothing except that the liberated Master then begins to function in a dual manner: as a member of the Hierarchy, cooperating with the Plan and occupied with the salvaging of humanity and, secondly, as a disciple of Sanat Kumara. The task of Sanat Kumara in relation to the Masters is to prepare Them to tread the Way of the Higher Evolution. When this becomes possible, the shift of the spiritual "attention" (I use this inadequate word for lack of a better one) is away from the soul and the Angel of the Presence to the mysterious Presence itself; this has hitherto only been sensed and dimly visioned. The Master—freed from the three and five worlds of human and so-called superhuman evolution—has now the full gifts of omnipresence and omniscience. He is aware of the underlying unity, brought about by the factual nature of the One Life and Being Who pervades all manifestation; He has also mastered all possible techniques and modes and methods of activity, of control and of fusion. But having developed those capacities, He now becomes faintly aware of that which conditions the One Being, and senses energies and contacts which are extra-planetary and of which He has hitherto been totally unaware. Knowledge comes to Him after the fifth initiation.

[266] Trong điểm cuối cùng này, chúng ta xem xét sự kiểm soát—thường xuyên và không ngừng—của linh hồn đối với phàm ngã. Vì vậy, chúng ta xem xét giai đoạn điểm đạo kết thúc con đường phát triển của nhân loại và mở đầu một chu kỳ hiện tồn mà chúng ta không biết, và cũng không thể biết, điều gì ngoài việc Chân sư đã giải thoát khi ấy bắt đầu hoạt động theo hai cách: với tư cách một thành viên của Thánh đoàn, cộng tác với Thiên Cơ và chuyên tâm cứu độ nhân loại; và thứ hai, với tư cách một đệ tử của Sanat Kumara. Nhiệm vụ của Sanat Kumara đối với các Chân sư là chuẩn bị cho Các Ngài bước trên Con đường Tiến Hóa Cao Siêu. Khi điều này trở nên khả thi, "sự chú ý" tinh thần (Tôi dùng từ không đầy đủ này vì không có từ nào tốt hơn) chuyển khỏi linh hồn và Thiên Thần của Hiện Diện để hướng đến chính Hiện Diện huyền nhiệm; cho đến lúc này, Hiện Diện ấy mới chỉ được cảm nhận và nhìn thấy mờ nhạt trong linh thị. Chân sư—đã thoát khỏi ba cõi và năm cõi của tiến hoá nhân loại và của điều được gọi là tiến hoá siêu nhân loại—giờ đây có đầy đủ những quyền năng toàn tại và toàn tri. Ngài nhận biết sự hợp nhất nền tảng do bản chất thực hữu của Sự Sống và Đấng Duy Nhất thấm nhuần mọi biểu hiện tạo nên; Ngài cũng đã làm chủ mọi kỹ thuật, cách thức và phương pháp khả hữu của hoạt động, kiểm soát và dung hợp. Nhưng sau khi phát triển những năng lực ấy, giờ đây Ngài bắt đầu nhận biết mờ nhạt điều tác động lên Đấng Duy Nhất, và cảm nhận những năng lượng cùng những tiếp xúc ngoài hành tinh mà cho đến lúc này Ngài hoàn toàn chưa nhận biết. Tri thức đến với Ngài sau lần điểm đạo thứ năm.

[267] Before Him lies the attainment of a still higher range of perceptions and, in order to garner the reward of those possible contacts, He has to master techniques and methods of development which will make Him omnipotent and, therefore, expressive of the highest of the three divine aspects. This development will put into His grasp potencies and experiences which can only be manipulated and understood through the scientific activity of the WILL and this must be implemented from a point of tension, focussed in whatever is meant by the word "Monad." Do you know what that means, my brother? I am sure that you do not. Only the Masters of the Wisdom have any appreciation of these final unfoldments and then only in the sense of the Will-full aspiration—a phase of aspiration which is characterised by the conscious will, just as the aspiration of the disciple is characterised by sublimated desire. These things are, however, beyond the comprehension of the average disciple; their sole value is to depict the unending opportunity which presents itself at every stage and point of crisis upon the everlasting Way.

[267] Trước mắt Ngài là việc đạt đến một phạm vi nhận thức còn cao hơn nữa; để thu nhận thành quả từ những tiếp xúc khả hữu ấy, Ngài phải làm chủ những kỹ thuật và phương pháp phát triển sẽ khiến Ngài trở nên toàn năng và, do đó, biểu lộ phương diện cao nhất trong ba phương diện thiêng liêng. Sự phát triển này sẽ đặt trong tầm nắm bắt của Ngài những quyền năng và trải nghiệm chỉ có thể vận dụng và thấu hiểu thông qua hoạt động khoa học của Ý CHÍ; hoạt động này phải được thực hiện từ một điểm tập trung nhất tâm, quy tụ trong điều mà từ "Chân thần" hàm ý. Huynh đệ của tôi, các bạn có biết điều đó có nghĩa là gì không? Tôi chắc rằng các bạn không biết. Chỉ các Chân sư Minh Triết mới có chút nhận thức về những sự khai mở cuối cùng này, và ngay cả Các Ngài cũng chỉ nhận thức theo nghĩa khát vọng đầy Ý Chí—một giai đoạn khát vọng có đặc trưng là ý chí có ý thức, cũng như khát vọng của đệ tử có đặc trưng là dục vọng đã được thăng hoa. Tuy nhiên, những điều này vượt ngoài sự thấu hiểu của người đệ tử trung bình; giá trị duy nhất của chúng là phác họa cơ hội bất tận xuất hiện ở mỗi giai đoạn và mỗi điểm khủng hoảng trên Đường Đạo vĩnh cửu.

We are concerned at this time with the great point of crisis which faces the disciple when he attempts to resolve the final pair of opposites, prior to certain major initiations; this is the confronting the personality by the Angel of the PRESENCE. There is no need for me to define the two aspects of the disciple's nature, for that is what they essentially are. You have been told and have known that the Dweller upon the Threshold is the fully developed personality—the sum total of all the past and the composite presentation upon the physical plane of all unresolved problems, all undeclared desires, all latent characteristics and qualities, all phases of

Lúc này, chúng ta xem xét điểm khủng hoảng lớn mà đệ tử đối diện khi y cố gắng giải quyết cặp đối cực cuối cùng trước một số cuộc điểm đạo trọng đại; đó là việc Thiên Thần của HIỆN DIỆN đối diện với phàm ngã. Tôi không cần định nghĩa hai phương diện trong bản chất của đệ tử, vì về thực chất chúng chính là như vậy. Các bạn đã được cho biết và đã biết rằng Kẻ Chận Ngõ là phàm ngã đã phát triển đầy đủ—tổng thể của toàn bộ quá khứ và sự biểu lộ tổng hợp trên cõi hồng trần của mọi vấn đề chưa được giải quyết, mọi dục vọng chưa được bộc lộ, mọi đặc điểm và phẩm tính tiềm ẩn, mọi giai đoạn tư tưởng và ý chí riêng, mọi tiềm lực

thought and of self-will, all lower potencies and ancient habits of any of the three bodies (both bad and good). These, in their totality, are brought to the surface [268] of consciousness, there to be dealt with in such a way that their control is broken. The disciple is then free to take the final initiations. This process is not consummated in one particular facing of the two antagonistic forces. It is a threefold process, covering each of the three periods before the first three initiations or (from the angle of the Hierarchy) before the two initiations of the threshold and the first major initiation, the Transfiguration.

thấp và thói quen lâu đời của bất kỳ thể nào trong ba thể phàm ngã (cả xấu lẫn tốt). Toàn bộ những điều này được đưa lên bề mặt [268] tâm thức, để tại đó được xử lý sao cho sự kiểm soát của chúng bị phá vỡ. Khi ấy, đệ tử tự do tiếp nhận những cuộc điểm đạo cuối cùng. Tiến trình này không hoàn tất trong một lần đối diện riêng lẻ giữa hai mãnh lực đối kháng. Đó là một tiến trình tam phân, bao trùm từng thời kỳ trong ba thời kỳ trước ba cuộc điểm đạo đầu tiên, hoặc (theo góc nhìn của Thánh đoàn) trước hai cuộc điểm đạo nơi ngưỡng cửa và cuộc điểm đạo trọng đại đầu tiên, Biến hình.

For many lives, the disciple has been dwelling upon the threshold. He himself is the Dweller. Behind the slowly opening door he senses life, energy, spiritual embodiment, and the *fact* of the Angel. Between him and that door is a burning-ground; this he faces, and this he knows he has to cross if he seeks to pass through the door. The question for him to answer is whether his will to achieve is strong enough for him to submit his personal lower self to the fires of the final purification. The personal self is now very highly developed; it is a useful instrument which the soul can use; it is a highly trained agent for service; it is essentially a piece of adequate and useful equipment. It has, however, its points of weakness which are liable at any time to present points of crisis; it has likewise its points of strength which can be transmuted with relative ease into points of tension; on the whole, it is a dependable instrument and one which can render good service. Can it and should it be sacrificed so that (esoterically speaking) its life is lost and in its place consecration and devotion are substituted? This is a hard problem for all disciples to solve, to understand and to make effectively practical. Only by crossing the burning

Qua nhiều kiếp sống, đệ tử đã lưu lại nơi ngưỡng cửa. Chính y là Kẻ Chận Ngõ. Phía sau cánh cửa đang từ từ mở ra, y cảm nhận sự sống, năng lượng, hiện thân tinh thần và *sự thực* về Thiên Thần. Giữa y và cánh cửa ấy là một vùng đất cháy; y đối diện với nó và biết rằng mình phải vượt qua nếu muốn đi qua cánh cửa. Câu hỏi y phải trả lời là liệu ý chí thành tựu của mình có đủ mạnh để y đưa phàm ngã cá nhân vào những ngọn lửa của sự thanh luyện cuối cùng hay không. Bản ngã cá nhân giờ đây đã phát triển rất cao; nó là một khí cụ hữu ích mà linh hồn có thể sử dụng; nó là một tác nhân được huấn luyện kỹ lưỡng để phụng sự; về thực chất, nó là một phương tiện đầy đủ và hữu dụng. Tuy nhiên, nó có những điểm yếu có thể bất cứ lúc nào tạo thành các điểm khủng hoảng; nó cũng có những điểm mạnh có thể tương đối dễ dàng chuyển hoá thành các điểm tập trung nhất tâm; nhìn chung, nó là một khí cụ đáng tin cậy và có thể phụng sự tốt. Có thể và có nên hy sinh nó để (nói theo nghĩa huyền bí) sự sống của nó mất đi, và thay vào đó là sự thánh hiến cùng lòng sùng tín hay không? Đây là một vấn đề khó để mọi đệ tử giải quyết, thấu hiểu và thực sự đưa vào thực hành. Chỉ khi vượt qua vùng đất cháy ba lần liên tiếp, mọi chướng ngại đối với việc tự do

ground three successive times are all impediments to the free use of the will destroyed. The relation between the Angel and the Dweller must be released, by means of the will, to full expression. I here refer to the spiritual will and to its three aspects which [269] must be brought into play before the divine will can begin to control. The disciple brings the two aspects of his nature together in full consciousness and with clear intention through a planned act of the will, and this *act* produces a point of tension in the "centre of the burning-ground wherein the two can meet," as the ancient Archives put it.

sử dụng ý chí mới bị tiêu diệt. Nhờ ý chí, mối quan hệ giữa Thiên Thần và Kẻ Chận Ngõ phải được giải phóng để biểu lộ trọn vẹn. Ở đây, Tôi nói đến ý chí tinh thần và ba phương diện của nó, vốn [269] phải được đưa vào hoạt động trước khi Ý Chí thiêng liêng có thể bắt đầu kiểm soát. Đệ tử kết hợp hai phương diện trong bản chất của mình với tâm thức đầy đủ và ý định rõ ràng, thông qua một hành động ý chí được hoạch định; và *hành động* này tạo ra một điểm tập trung nhất tâm tại "trung tâm của vùng đất cháy, nơi cả hai có thể gặp nhau", như các Văn Khố cổ diễn đạt.

I would call your attention to the fact that it is at a "midway point" that the great submission of the lower to the higher takes place. It does not happen when the disciple hovers uncertainly upon the periphery of the burning-ground or when he stands before the door with the burning ground experience behind him. The essential point of crisis, producing the needed point of tension, is the result of the "invocative decision" of the personality which, in time, produces an "evocative response" from the Angel. The two factors involved (and forget not, my brother, that all this takes place within the field of consciousness of the disciple) move together and towards each other. In the centre of the burning ground they meet, and then the lesser light (a true light in its own right) of the personality is absorbed into the greater light of the Angel or soul. The Angel, therefore, "occultly obliterates" the Dweller who becomes lost to sight in the radiant aura of the Angel. This has been symbolically portrayed for us in the picture book of the heavens when, according to Catholic Festivals, the Assumption of the Virgin takes place and the constellation Virgo is lost to sight in the

Tôi muốn các bạn lưu ý rằng chính tại một "điểm ở giữa", sự quy phục lớn lao của cái thấp trước cái cao diễn ra. Điều này không xảy ra khi đệ tử lưỡng lự quanh rìa vùng đất cháy, hoặc khi y đứng trước cánh cửa với trải nghiệm vùng đất cháy đã ở phía sau. Điểm khủng hoảng cốt yếu tạo ra điểm tập trung nhất tâm cần thiết là kết quả của "quyết định khẩn cầu" từ phàm ngã, theo thời gian sẽ tạo nên một "đáp ứng được gợi lên" từ Thiên Thần. Hai yếu tố liên quan (và đừng quên, huynh đệ của tôi, rằng tất cả điều này diễn ra trong trường tâm thức của đệ tử) cùng chuyển động và tiến về phía nhau. Chúng gặp nhau tại trung tâm vùng đất cháy, và khi ấy ánh sáng nhỏ hơn của phàm ngã (vốn thực sự là ánh sáng theo đúng nghĩa của nó) được thu hút vào ánh sáng lớn hơn của Thiên Thần hay linh hồn. Vì vậy, Thiên Thần "xóa mờ theo nghĩa huyền bí" Kẻ Chận Ngõ, khiến Kẻ Chận Ngõ khuất khỏi tầm nhìn trong hào quang rực rỡ của Thiên Thần. Điều này đã được mô tả bằng biểu tượng trong cuốn sách tranh của bầu trời: theo các ngày lễ Công giáo, khi lễ Đức Trinh Nữ Lên Trời diễn ra, chòm sao Xử Nữ khuất khỏi tầm nhìn trong ánh rực rỡ của Mặt Trời. Ở đó, các bạn có ba yếu tố:

radiance of the sun. There you have the three factors:

1.

The Virgin

material form

personality

Dweller.

2.

The Sun

spiritual nature

soul

Angel.

3.

The Earth

aspiring man

the disciple

The personality remains; it still exists but it is seen no more as of old. The light of the Angel envelops it; the burning ground has done its work and the personality is now nothing [270] more or less than the purified shell or form through which the light, the radiance, the quality and the characteristics of the Angel can shine. It is a fusion of lights,

1.

Đức Trinh Nữ

hình tướng vật chất

phàm ngã

Kẻ Chận Ngõ.

2.

Mặt Trời

bản chất tinh thần

linh hồn

Thiên Thần.

3.

Trái Đất

con người có khát vọng

người đệ tử

Phàm ngã vẫn còn; nó vẫn tồn tại nhưng không còn được nhìn thấy như trước. Ánh sáng của Thiên Thần bao bọc nó; vùng đất cháy đã hoàn thành công việc, và phàm ngã giờ đây không gì [270] khác hơn là lớp vỏ hay hình tướng đã được thanh luyện, qua đó ánh sáng, sự rực rỡ, phẩm tính và những đặc điểm của Thiên Thần có thể tỏa chiếu. Đó là sự dung hợp các ánh sáng, trong đó ánh sáng

with the stronger and the more powerful obliterating the lesser.

mạnh hơn và đầy quyền năng hơn xóa mờ ánh sáng nhỏ hơn.

How has this been brought about? I refer not here to the preparation of the Dweller on the Threshold for this great event or to the aeon of disciplining, of preparation, of experiment and of experience from life to life which has made this consummating event possible and successful. The two aspects in man can only meet in full power and with intention and finality when illusion can no longer control the mind, when glamour has lost all power to veil and when the forces of maya can no longer hinder. Discrimination, dispassion and indifference have produced the dispelling through focussed light, the dissipating potency of distributed light and the directing power of light energy. Only five recognitions now control the disciple:

Điều này đã diễn ra như thế nào? Ở đây, Tôi không nói đến việc chuẩn bị Kẻ Chận Ngõ cho biến cố lớn lao này, hay đến thời đại dài lâu của kỷ luật, chuẩn bị, thử nghiệm và trải nghiệm từ kiếp này sang kiếp khác, vốn đã khiến biến cố hoàn tất này trở nên khả thi và thành công. Hai phương diện trong con người chỉ có thể gặp nhau với đầy đủ sức mạnh, có chủ đích và dứt khoát khi ảo tưởng không còn có thể kiểm soát thể trí, khi ảo cảm đã mất mọi quyền năng che phủ, và khi các mãnh lực ảo lực không còn có thể cản trở. Sự phân biện, sự không đam mê và sự điềm nhiên đã tạo nên khả năng xua tan nhờ ánh sáng tập trung, tiềm lực làm tiêu tan của ánh sáng phân bố và quyền năng chỉ đạo của năng lượng ánh sáng. Giờ đây, chỉ có năm sự nhận biết chi phối đệ tử:

1. The fact of his discipleship.

1. Sự thực về địa vị đệ tử của y.

2. The perception of the Angel, waiting and dynamic.

2. Sự nhận thức về Thiên Thần đang chờ đợi và đầy năng lực hoạt động.

3. The invocative appeal of the Dweller on the Threshold.

3. Lời khẩn cầu của Kẻ Chận Ngõ.

4. The necessity to use the will in a new and different manner.

4. Sự cần thiết phải sử dụng ý chí theo một cách mới và khác biệt.

5. The need to cross the burning ground.

5. Nhu cầu vượt qua vùng đất cháy.

The issues are now entirely clear. It is a question of timing and of decision. I would remind you that in all these processes, it is the disciple who, in full consciousness, acts. He initiates all the processes himself. It is not the Angel or the Dweller but the spiritual man himself who has to employ the will and take definite forward moving

Giờ đây, mọi vấn đề đã hoàn toàn rõ ràng. Đây là vấn đề về thời điểm và quyết định. Tôi muốn nhắc các bạn rằng trong tất cả những tiến trình này, chính đệ tử hành động với tâm thức đầy đủ. Y tự khởi xướng mọi tiến trình. Không phải Thiên Thần hay Kẻ Chận Ngõ, mà chính con người tinh thần phải vận dụng ý chí và thực hiện hành động tiến tới

action. Once the disciple has taken the necessary steps and moved irrevocably forward, the response of the Angel is sure, automatic and all-enveloping. Complete obliteration of [271] the personal self in three successive stages is the immediate and normal result. It was to this that John the Baptist referred when he said "He shall increase but I must decrease." When he spoke these words, he spoke as a disciple, prior to the second initiation of the threshold. This occult waxing and waning is portrayed for us in the phases of the moon and, for the planet as a whole, in the sign Gemini, where the light of one of the twins is slowly dimming and the light of the other is gaining in intensity.

một cách dứt khoát. Một khi đệ tử đã thực hiện những bước cần thiết và tiến tới không thể đảo ngược, sự đáp ứng của Thiên Thần là chắc chắn, tự động và bao trùm tất cả. Sự xóa mờ hoàn toàn [271] bản ngã cá nhân qua ba giai đoạn liên tiếp là kết quả tức thời và bình thường. Gioan Tẩy Giả đã nói đến điều này khi ông nói: "Ngài sẽ lớn lên, còn tôi phải nhỏ lại." Khi nói những lời ấy, ông nói với tư cách một đệ tử, trước lần điểm đạo thứ hai nơi ngưỡng cửa. Sự tăng trưởng và suy giảm huyền bí này được mô tả cho chúng ta qua các pha của Mặt Trăng và, đối với toàn thể hành tinh, qua dấu hiệu Song Tử, nơi ánh sáng của một trong hai người song sinh đang từ từ mờ đi, còn ánh sáng của người kia đang tăng cường độ.

When this "occult obliteration" has taken place, what then is the destiny of the disciple? It is complete control by the soul and this, in practice, connotes group realisation, group work, group service and eventually group initiation. With these developments, it is not my intent to deal, for I have covered much of these matters in my other books. Here I have been dealing in this short elucidation with the effects that substances and the substantial forces, found in the three worlds, produce in the disciple and as they affect the aspirant. I have not considered the problem of glamour, illusion and maya from the angle of average man. The latter is necessarily immersed in them, and under their constant impact he passes his life. By their means he learns. He is not at the point where he seeks deliverance from them as does the man upon the Path. I have, therefore, considered the problem from the angle of the disciples and aspirants.

Khi sự "xóa mờ huyền bí" này đã diễn ra, vận mệnh của đệ tử sẽ là gì? Đó là sự kiểm soát hoàn toàn của linh hồn; trong thực hành, điều này hàm ý sự chứng nghiệm nhóm, công việc nhóm, phụng sự nhóm và cuối cùng là điểm đạo nhóm. Tôi không có ý định bàn đến những sự phát triển này, vì Tôi đã đề cập nhiều về các vấn đề ấy trong những cuốn sách khác. Ở đây, trong phần giải thích ngắn này, Tôi đã bàn đến những tác động mà các chất liệu và các mãnh lực chất liệu trong ba cõi giới tạo ra nơi đệ tử, cũng như ảnh hưởng của chúng đối với người chí nguyện. Tôi không xem xét vấn đề ảo cảm, ảo tưởng và ảo lực theo góc nhìn của con người trung bình. Người ấy tất nhiên chìm đắm trong chúng và sống dưới tác động thường xuyên của chúng. Nhờ chúng, y học hỏi. Y chưa đến điểm tìm cách giải thoát khỏi chúng như con người trên Đường Đạo. Vì vậy, Tôi đã xem xét vấn đề theo góc nhìn của các đệ tử và người chí nguyện.

From them the WAY opens up, and for them comes the conscious recognition of the light. The need for the service of men and women,

Từ nơi họ, ĐƯỜNG ĐẠO mở ra, và sự nhận biết có ý thức về ánh sáng đến với họ. Nhu cầu phụng sự của những người nam và nữ đã

free from illusion and glamour, has never been so dramatically present as it is today and it is for these potential servers of a desperate necessity that I have written.

That the Angel of the PRESENCE may make His nearness felt and inspire you to pass courageously through [272] the fires of the burning ground is my earnest prayer; that the *fact* of the PRESENCE may be sensed by you and lead you to greater activity—once the burning ground is passed—is my deepest wish for you; and that the light may shine upon your way and bring a certain and assured consummation of all the travail and struggle which has characterised your way of life is my heart's desire for you. To more active and steady enterprise I call you.

THE TIBETAN.

Publisher's Note: See also the Techniques of Fusion and Integration in *A Treatise on the Seven Rays, Vol. II, Esoteric Psychology*, pp. 345-401.

thoát khỏi ảo tưởng và ảo cảm chưa bao giờ hiện diện gay gắt như ngày nay; và chính vì những người phụng sự tiềm năng cho nhu cầu vô cùng cấp thiết này mà Tôi đã viết.

Lời cầu nguyện tha thiết của Tôi là mong Thiên Thần của HIỆN DIỆN khiến các bạn cảm nhận sự gần gũi của Ngài và truyền cảm hứng để các bạn can đảm đi qua [272] những ngọn lửa của vùng đất cháy; ước nguyện sâu xa nhất của Tôi dành cho các bạn là mong *sự thực* về HIỆN DIỆN được các bạn cảm nhận và dẫn các bạn đến hoạt động lớn lao hơn—một khi đã vượt qua vùng đất cháy; và điều lòng Tôi mong mỏi cho các bạn là ánh sáng tỏa chiếu trên đường các bạn đi, đem lại sự hoàn tất chắc chắn và vững vàng cho mọi gian lao và đấu tranh vốn đã làm nên lối sống của các bạn. Tôi kêu gọi các bạn dấn thân tích cực và bền bỉ hơn.

CHÂN SƯ TÂY TẠNG.

Ghi chú của nhà xuất bản: Xem thêm các Kỹ Thuật Dung Hợp và Tích Hợp trong *Luận về Bảy Cung, Tập II, Tâm Lý Học Nội Môn*, tr. 345-401.